

BÔRIS PÔLÊVÔI

một người chân chính

PHẠM DÂN dịch



Tác phẩm: Một Người Chân Chính

Tác giả: Boris Polevoi (Борис Николаевич Полевой, 1908 - 1981)

Dịch giả: Phạm Dân

Scan sách: [4DHN](#)

Sửa lỗi: [lemontree123](#), [Lynk_xu](#), 4DHN

Nhà xuất bản Thanh Niên – 2006

Sách là sản phẩm của nhóm: [Tây Phong Lĩnh](#).

MỤC LỤC

LỜI DỊCH GIẢ

LỜI TÁC GIẢ

LỜI TỰ THUẬT CỦA TÁC GIẢ

PHẦN THỨ NHẤT

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

PHẦN THỨ HAI

1

2

3

4

5

- [6](#)
- [7](#)
- [8](#)
- [9](#)
- [10](#)
- [11](#)
- [12](#)
- [13](#)
- [14](#)
- [15](#)

[PHẦN THỨ BA](#)

- [1](#)
- [2](#)
- [3](#)
- [4](#)
- [5](#)
- [6](#)
- [7](#)
- [8](#)
- [9](#)
- [10](#)
- [11](#)

[PHẦN THỨ TƯ](#)

- [1](#)
- [2](#)
- [3](#)
- [4](#)
- [5](#)
- [6](#)
- [7](#)
- [8](#)

KẾT CỤC

VĨNH BIỆT “MỘT NGƯỜI CHÂN CHÍNH” ALÉCHXÂY
MARESÉP

LỜI DỊCH GIẢ

Năm 1954, khi từ bưng biền về hoạt động bí mật ở Sài Gòn, tôi đến cửa hàng Albert Portail ở đường Catinat mua sách báo ngoại văn. Tình cờ tôi thấy một số sách Liên Xô dịch ra tiếng Pháp của nhà xuất bản Xã hội Pháp (Editions Sociales) bày bán tự do. Tôi lựa được một cuốn tiểu thuyết rất hay: “Một người chân chính” (Un homme veritable) của nhà văn Xô viết Bôris Pôlêvôi. Tôi bắt đầu dịch ngay trong những thời gian rảnh rỗi, nhất là vào ban đêm.

Lúc đầu tôi định chuyển thể để có thể đăng trên các báo Sài Gòn hoặc ra sách, như kiểu anh Năm Châu chuyển thể vở “Người mặt cháy”. Nhưng dưới sự kiểm duyệt rất khắc nghiệt của địch nên không thể qua mặt được. Tôi liền gửi đăng trên báo Sông Chung (sau này là báo Trung Lập) của Việt kiều ở Phnôm Pênh.

Sau đó tôi sửa chữa lại lần nữa bản dịch gửi ra Hà Nội. Vợ tôi (chị Lê Đoan) lúc đó là thư ký tòa soạn báo Phụ Nữ Việt Nam đã đưa bản dịch cho Nhà xuất bản Thanh Niên.

Cuốn sách được in 2 lần, mỗi lần với số lượng lớn 15.000 bản. Nhà xuất bản còn đề nghị tác giả Bôris Pôlêvôi gửi ảnh và lời tựa cho cuốn sách kèm với bản tự thuật của ông.

Vì tôi dịch cuốn sách từ tiếng Pháp, chứ không phải tiếng Nga, nên phải nhờ Giáo sư Phạm Huy Thông hiệu đính theo nguyên bản tiếng Nga. Anh Phạm Huy Thông lại có dịp gặp cả tác giả Bôris Pôlêvôi và anh hùng Xô viết Alếchxây Mêrétxép nên việc xuất bản cuốn “Một người chân chính” càng có giá trị thắt chặt quan hệ anh em giữa Liên Xô và Việt Nam. Đây là bản dịch rất sớm các tác phẩm văn học của Liên Xô. Vì cuộc kháng chiến chống Mỹ kéo dài, tôi rất tiếc không gặp được Bôris Pôlêvôi và anh hùng Alếchxây Mêrétxép, chỉ có liên hệ thư từ với Bôris Pôlêvôi. Chính tác giả đã gởi cho tôi nhiều tác phẩm văn học của Liên Xô và cả sách học tiếng Nga để tôi tự học khi còn ở chiến khu. Bôris Pôlêvôi còn khuyên tôi nên

dịch cuốn “Tấm kiếng Parabôn” của Alếchxây Tônstôi, tôi cũng đã dịch và in thành truyện nhiều kỳ (feuilleton) trong tuần san “Hòa bình trung lập” của Việt kiều ở Phnôm Pênh.

Cuốn “Một người chân chính” có tính giáo dục, rèn luyện thanh niên rất cao, gần như cuốn “Thép đã tôi thế đấy”. Bởi vì phi công Alếchxây Mêrétxép sau khi bị bắn hạ trên bầu trời Đức chiếm đóng, gãy hai chân, đã bằng hai tay bò suốt 18 ngày đêm vừa đói vừa rét, để về căn cứ Hồng Quân. Sau khi lắp chân giả, anh lại bay nhiều ngày tấn công địch đến thắng lợi cuối cùng trong chiến tranh chống Phát xít. Anh được phong Anh hùng lực lượng vũ trang Liên Xô và được bầu vào Ban Chấp hành “Hội đồng Hòa bình thế giới” chính anh đã lên tiếng nhiều lần ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam trên các diễn đàn Quốc tế.

Tôi có ý định tái bản cuốn “Một người chân chính” vì cuốn sách là một tác phẩm có giá trị văn học, có giá trị giáo dục thanh thiếu niên, ngay cả trong thời kỳ đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Người dịch Minh Đô (Phạm Dân).

LỜI TÁC GIẢ

Tôi chưa sang thăm nước Việt Nam. Nhưng tôi có cảm tưởng là mình đã từng sống ở đây, đã quen biết cảnh thiên nhiên giàu đẹp của đất nước này, với những khu rừng nhiệt đới, những con sông hùng tráng và những thung lũng phì nhiêu, những người Việt Nam tuy tầm vóc không cao lắm, nhưng gần cảnh vật và những con người ấy, không ai có thể coi là bé nhỏ.

Những năm trước đây, khi nhân dân Việt Nam đang tiến hành cuộc đấu tranh thần thánh và anh dũng chống bọn thực dân được trang bị đầy đủ thì những người Xô viết chúng tôi đã theo dõi quá trình các trận chiến đấu anh dũng của các bạn với tấm lòng kính phục và thông cảm sâu sắc. Nhân dân chúng tôi biết rõ giá trị của lòng dũng cảm, tinh thần can đảm và lòng yêu mến tự do. Người anh hùng họ biết kính phục tinh thần anh dũng của những người anh hùng khác. Vì vậy người Việt Nam ở xa chúng tôi, đã trở thành người bạn gần gũi và thân thiết. Chúng tôi rất vui mừng trước mỗi thắng lợi chống thực dân của các bạn và đã gửi đến đất nước các bạn lời chào hòa bình. Ngày nay với tấm lòng kính phục anh em, chúng tôi rất yêu mến những người Việt Nam quang vinh đang nắm trong tay vận mệnh của mình để xây dựng một cuộc sống hạnh phúc.

Tôi hy vọng Alếchxây Mêrétxép, nhân vật có thực trong cuốn sách của tôi, một người Xô viết bình thường sẽ được gặp những người bạn tốt trong hàng ngàn vạn người lao động của nước Việt Nam mới. Chính vì ở nước các bạn cũng biết rõ giá trị tinh thần anh dũng chân chính, nên Alếchxây Mêrétxép đã đến với các bạn như tình anh em.

Mạc tư khoa (Mascova)

2-1960

Bôris Pôlêvôi

LỜI TỰ THUẬT CỦA TÁC GIẢ

Tôi sinh ngày 17 tháng 3 năm 1908 tại Mátxcơva, nhưng tôi lớn lên ở Tsurve (bây giờ gọi là Calinin); cho nên tôi có thể có lý do để tự coi mình là một công dân Calinin.

Cha tôi xưa là luật gia. Ông chết vì bệnh lao năm 1916. Tôi gần như không còn nhớ gì hết về ông, nhưng cứ phán đoán theo tử sách rất tốt ông để lại, trong đó có đầy đủ các nhà văn cổ điển Nga và nước ngoài, và theo lời mẹ tôi nói lại, thì đối với thời ông, ông là một người có đầu óc tiên bộ và có học vấn cao rộng. Sau khi cha tôi mất, mẹ tôi vào làm việc ở một nhà thương xưởng máy, làm thầy thuốc, và mẹ con chúng tôi dọn đến ở trong một xưởng dệt lớn của bọn buôn bán Marôdốp.

Tôi ở đấy suốt thời thơ ấu và thời niên thiếu của tôi.

Chúng tôi ở trong chỗ gọi là “nhà nhân viên”, nhưng bạn học và bạn chơi của tôi là các con cái thợ thuyền, và vì mẹ tôi làm việc ở nhà thương nên công việc bận rộn bù đầu và chả mấy khi gần gũi con được, có những khi tôi cứ cả ngày ở trong các nhà ngủ công cộng của công nhân hay ở vùng ngoại ô quanh đấy. Tôi học hành không đến nỗi quá kém ở trường, nhưng cũng không hào hứng quá độ, và vào ngày giờ rảnh, tôi hoặc ra giữa dòng sông Tsurmaca - một dòng nước hôi thối chảy ngang qua xưởng - và hoặc đắm chìm trong sách vở trong thư viện của cha. Tuy bận bịu, mẹ tôi cũng cố gắng hướng dẫn tôi đọc sách và khuyên nhủ tôi đọc sách của những tác giả mà mẹ tôi ưa thích nhất.

Những cuốn sách đầu tiên tôi đọc là Gôgôn, Sêkhốp, Nêcưaxốp, Pimialốpski. Nhà văn tôi thích nhất là Goócki. Khi còn là sinh viên, cha mẹ tôi đều rất tôn sùng ông, và tử sách của gia đình gồm hầu tất cả những sách của ông xuất bản trước cách mạng. Thời còn bé, tôi lại còn có một chiều hướng thích thú khác nữa, là yêu thiên nhiên. Học lớp tư, tôi đã là một “người lãnh đạo” nhóm các nhà sinh vật học trẻ tuổi và đã tham dự những cuộc gặp gỡ của thanh thiếu niên thành phố và của thanh thiếu niên Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Liên bang Xô viết Nga. Ở nhà tôi lúc nào cũng có

chứa những khách lạ: một lần, có con ửng không biết tại sao lạc đến bay lới phới trong sân xưởng và đụng phải dây điện tín gây cánh; một lần khác, có con quạ con bị ngã từ trên ỗ xuống được tôi cứu thoát khỏi móng mèo, có con nhím và có cả con rắn nước mà tôi dọn dẹp chỗ cho ở giữa hai khung cửa sổ, trong một đường rãnh nhỏ đã đào riêng cho nó.

Trong thành phố bấy giờ có xuất bản một tờ báo địa phương: tờ Sự thật Túrve. Trong những năm hai mươi^[1] có thành lập nên trong xưởng một mạng lưới quan trọng các thông tín viên công nhân. Tòa báo đặt trong căn nhà sắp xếp dụng cụ cứu hỏa. Và lũ bé con chúng tôi vô cùng kính phục nhìn những kẻ ra vào căn nhà gạch nhỏ ấy. Những thông tín viên công nhân mà! Những người viết bài trong báo mà! Chủ tịch của tổ chức đó, bác thợ nguội Gurianốp, là một trong những người được trọng vọng nhất nhà máy. Chắc hẳn là từ thuở xa xăm ấy đã chớm nở trong tôi cái chiều hướng thích thú đối với nghề viết báo, bấy giờ tôi đã coi như nghề hay nhất, quan trọng vô cùng, lại có cái khía cạnh đôi chút huyền bí.

Tôi đang học lớp sáu khi báo Sự thật Túrve đăng bài báo nhỏ đầu tiên của tôi. Bài, theo như tôi còn nhớ được, có bảy dòng; nó kể chuyện một nhà thơ nông dân có tiếng tên là Đurốtgin, đến thăm trường. Báo đăng bài đó cuối trang tư và tôi nhớ là đâu không có ký tên. Nhưng tôi thì tôi biết là ai viết bài đó, nên tôi không bao giờ rời số báo có đăng bài đó cho đến lúc nó rách tan từng mảnh trong túi tôi. Từ đó, tôi viết đều đặn trong báo Sự thật Túrve: bắt đầu là phản ánh mọi việc gì lôi thôi ở thành phố, rồi vào những đề nghiêm chỉnh hơn; cuối cùng, khi tòa soạn chú ý đến tôi, tôi được giao cho làm những phóng sự nho nhỏ về thời sự ở thành phố trong các xưởng, các nhà máy. Tôi tiếp tục học phổ thông, rồi tôi vào trường kỹ thuật công nghiệp; tôi chuyển ngành hóa học và cắm đầu vào phân tích chất lượng và số lượng. Nhưng tôi đã mơ màng tới những phòng tòa soạn phảng phất mùi mực in; trong những giờ nghe giảng, tôi viết trộm những bài báo hay những thiên phóng sự về những đề khá là xa với những đề mà giáo sư đang diễn đạt. Cứ như thế dần dần tôi đi đến làm cái nghề làm báo Xô viết, cái nghề

mà tôi luôn vẫn coi như ngành văn chương nhiều hứng thú hơn tất cả các ngành khác.

Báo Sự thật Tsurve bấy giờ là một tờ báo rất là sinh động: Nhờ báo biết nắm lấy đúng lúc và “cho ra” cái gì có vẻ mới, hay và có giá trị trong công tác lao động xã hội chủ nghĩa ở xí nghiệp và ở thôn xóm. Làm việc báo chí, tôi quen quan sát cẩn thận, suy nghĩ về các sự việc, và chỉ viết về những vấn đề mà tôi biết thật đầy đủ. Tôi bỏ những tháng nghỉ ngơi của tôi để làm việc cho nhà báo, cố gắng lợi dụng thì giờ ấy để mà quan sát.

Tấm gương huy hoàng của Goócki, mà tôi đọc tác phẩm từ bé, soi sáng đường đi cho tôi chẳng khác ngọn hải đăng. Tôi học được tinh thần quan sát là chính ở nơi ông. Một mùa hè nọ, tôi định sẽ cho tòa soạn một thiên phóng sự về những xí nghiệp làm nghề rừng và những xí nghiệp làm nghề thả bè trên sông trong vùng Tsurve. Tôi đi tuốt đến quận Xêligiarôpski. Ở đó, tôi tới những xí nghiệp làm nghề rừng, tôi lên bè trôi sông và tôi làm việc ở đó, cầm tay lái, giữ tay chèo ở phía sau bè. Cứ thế là từ nguồn sông Vonga tôi xuống đến tận Calinin, rồi lại còn xuống thấp hơn thế nữa, đến tận Rưbinscơ, nơi đó kết thúc thật là mỹ mãn, lịch trình của tôi vừa lúc những bè cây cập đúng bến. Trong khi rong ruổi như vậy, báo đăng loạt bài của tôi tựa là Trên những bè trôi sông. Tôi viết những bài đó ban đêm, gần ngọn lửa nhỏ đốt ở giữa nhà lều trên bè.

Một mùa hè khác, tòa soạn báo Thôn xóm Tsurve giao cho tôi làm một thiên phóng sự về tình hình chủ nghĩa xã hội thâm nhập đời sống các thôn xóm chưa tổ chức thành nông trang. Tôi đến làng Míchcina một nơi cùng tận trong tỉnh Tsurve, làm nghề sắp xếp sách trong thư viện và viết một loạt bài báo về đời sống trong làng về những bước đầu tiên của lao động tập thể.

Năm 1927, tập bài báo đầu tiên của tôi ra đời. Các bạn tôi trong tòa báo của thanh niên cộng sản Thế hệ trẻ không bảo gì tôi cả mà cứ gửi nó đến cho Mácxim Goócki ở Xorente. Khi hay biết được, tôi cuống cuống cả lên. Bắt nhà đại văn hào phải mất công đọc các sáng tác chẳng ra gì mấy đó, mà tôi lại nhận thức được vô cùng rõ ràng là thật là còn non nớt, thì theo tôi thật là một việc xúc phạm. Cho nên tôi ngạc nhiên lạ lùng khi nhận được

một cái gói to lùm lùm đề tên tôi, có dán tem nước ngoài, chữ viết to và cứng cáp lắm.

Tự tay viết đến sáu trang giấy, Goócki nghiên cứu tỉ mỉ và rất đổi khoan dung các tác phẩm tuổi trẻ đó của tôi. Ông khuyên tôi nên làm việc không ngừng, học tập các nhà văn cổ điển mà mài giũa văn như “anh thợ tiện mài giũa kim khí”. Bức thư ấy của nhà đại văn hào đối với tôi thật là bằng không biết bao nhiêu năm học tập. Tôi đã từng phen suy nghĩ về mỗi chữ ông viết, ra sức rút ra những kết luận đúng đắn và hữu ích.

Goócki đã giúp tôi hiểu được rằng nghề làm báo và nghề viết văn là những nghề khó khăn, đòi hỏi phải học tập và lao động nhiều hơn bất cứ nghề nào khác. Tôi hiểu rằng không thể nào làm được những nghề ấy theo lối tài tử được, phải bỏ hết tâm lực vào, và chỉ có thế mới mong trở nên được một người lao động thực sự trong ngành báo chí bôn-sê-vích.

Thời ấy, tôi học xong trường kỹ thuật, vừa vào làm việc ở xưởng nhuộm, nơi in những thứ vải gọi là “vải Ấn độ”. Xưởng này là một bộ phận của nhà máy liên hợp Vô sản.

Chẳng bao lâu, tôi đứng đầu một nhóm thông tin viên công nhân ở đó. Công việc của tôi ở xưởng và công tác xã hội của tôi ở nhà máy chẳng để cho tôi mấy thì giờ để làm cái việc tôi thích thú hơn cả, là làm báo. Mà sự ưa thích của tôi thì lại cứ ngày càng rõ. Cuối cùng, suy nghĩ chín chắn rồi, tôi thôi việc ở xưởng để vào làm biên tập viên tờ báo của thanh niên trong tỉnh, là tờ Thế hệ trẻ.

Ở đó có một tập thể biên tập viên tốt, sau đó nhiều người đã trở nên những người làm báo có giá trị. Hoạt động thật là sôi nổi. Quỹ tờ báo nhỏ bé, rõ là không đủ cho sáu hay tám trang báo mà chúng tôi cứ hàng tuần cho ra hai kỳ. Cho nên phần chính công việc là phải do những nhà thông tin viên trẻ tuổi làm công không giúp cho. Tinh thần phát huy sáng kiến của báo đó đã khiến cho báo được từng phen khen ngợi trên những cột báo của Sự thật. Tôi đã làm việc ở tòa báo Thế hệ trẻ rồi, khi báo thôi, làm việc cho báo địa phương của Calinin là tờ Sự thật Vô sản, cứ thế không lúc nào ngừng mãi cho tới chiến tranh. Tôi viết những thiên phóng sự cùng những

bài báo, và tôi phụ trách các mục kinh tế và văn hóa. Tôi được kết nạp Thanh niên năm 1930; năm 1940 tôi gia nhập Đảng Cộng sản, Nhờ trường học lớn của Đảng bôn-sê-vích mà tôi trở nên được một nhà văn.

Vừa tiếp tục cộng tác biên tập, tôi vừa viết truyện, nhưng, nghe đúng theo lời khuyên nhủ của Goócki, tôi chỉ cho đăng một phần nhỏ thôi trên báo hay trong tập niên lịch của vùng, là tập Ngày nay. Năm 1939, tập san Tháng Mười đăng cuốn tiểu thuyết đầu tiên của tôi: Xưởng nóng hổi. Tôi định cố tóm thâu trong cuốn sách đó toàn bộ kết quả của những điều tôi đã quan sát được về tình hình phát triển của phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong những xí nghiệp ở Calinin và về hoàn cảnh trong đó phát sinh ra được những sáng kiến của những kẻ phát minh. Tôi đã tự mắt mình quan sát tất cả những cái đó và tôi đã viết phóng sự nhiều về việc này. Sách, sở dĩ thời ấy được đôi chút hoan nghênh, đó là nhờ trước hết ở sự vĩ đại của những sự việc mà sách viết ra, kể đến và của những con người đã là những vai chính của truyện. Tôi muốn được nhấn mạnh nhất là vào một điểm, là đề truyện và nhân vật trong truyện đều là từ trong đời sống mà lấy ra; những ai công tác từ lâu trong các xưởng chế tạo dụng cụ vận chuyển ở Calinin đều đã nhận ra ngay bạn mình trong đám nhân vật trong truyện, và, rốt cuộc, anh là vai nam chính trong truyện đã mời tôi dự lễ cưới chị là vai nữ chính. Hôm lễ, đã đùa khá nhiều về cái điều đó: chính là nhân vật trong tiểu thuyết bắt buộc phải làm cho xong hẳn công việc của tác giả, để cho tác phẩm được kết thúc có hậu, dầu không ly kỳ chi mấy.

Công tác lâu năm trong báo chí đã khiến tôi viết được những cuốn tiểu thuyết đầu tiên của tôi, nhưng chính công tác của tôi trong tờ Sự thật, mà tôi là thông tin viên chiến tranh khi cuộc chiến tranh dân tộc vĩ đại bùng nổ, đã là bổ ích nhất cho sự nghiệp nhà văn của tôi.

Có người đôi khi hỏi tôi:

- Cố nhiên là anh làm báo thành ra bị trở ngại nhiều trong công tác viết văn của anh; cái đời nhà làm báo vốn rồn rập, cứ bắt là phải viết về những đề tài nhất định phải gửi bài đến những ngày giờ hẹn trước, chẳng kể tâm

tình mình mỗi lúc thế nào, rồi lại kèm vào đấy nữa là phải viết đúng là bao nhiêu hàng chữ.

Những câu hỏi loạt ấy không khiến tôi khó chịu, chỉ khiến tôi buồn cười, vì chính là công tác trong báo chí bôn-sê-vích đã đưa tôi tới con đường văn chương. Làm báo giúp tôi biết rút ra cái chủ yếu, ghi cái gì là mới, là đã cộng sản rồi trong tâm tình của những người đương thời. Là thông tin viên chiến tranh của báo Sự thật, tôi lúc nào cũng ở những điểm quyết định của mặt trận mệnh mông, nơi quyết định số mạng của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Tôi đã thu thập được ở đó một khối lượng tài liệu vô giá. Mọi người đã biết rằng những vai chính trong những cuốn sách của tôi: Một Người chân chính và Người Xô viết chúng ta, đều là những nhân vật có thật. Phần lớn tên thật ngoài đời thế nào, tên trong sách của tôi cũng là thế, đôi khi có thay đổi rất ít mà thôi. Ý đầu tiên của hai cuốn sách này là do ở tòa báo Sự thật mà ra.

Sự việc xảy ra như thế này đây.

Tháng 2 năm 1942, có đăng một bài tựa là: Thành tích của Mátvây Cuzơmin. Bài ấy, tôi đã viết vội vã, sau khi đưa ma vị anh hùng ấy. Đó là chuyện một nông dân tập thể, đã bát tuần, thuộc nông trang tập thể Bình minh, trồng gai, cụ nông dân này đã lập lại cử chỉ anh hùng của Ivan Xuxanin.

Bài viết vội và không có giá trị chi mấy. Lần đầu tôi ở mặt trận về, anh chủ bút báo Sự thật gọi tôi đến và trách tôi viết về một thành tích đáng kính phục như vậy một cách quá ư vội vã, y như một phóng viên nhà báo.

- Thật tiếc là lẽ ra có thể kể câu chuyện này một cách khác hẳn, - anh trách tôi như vậy. Rồi, với thói quen của anh là hay tổng quát, anh nói thêm: - Tôi đã bảo tất cả các anh thông tin viên chiến tranh, và tôi xin hết điều cần dặn anh: Cứ ghi cho đầy đủ chi tiết những công trạng của những người Xô viết mà các anh có cái may mắn được chứng kiến. Đó là bốn phạm công dân của các anh, và, hơn thế nữa, đó là bốn phạm đảng viên Đảng Cộng sản của các anh. Nghĩ coi: trong cuộc chiến tranh này, nhân dân Liên Xô đã vượt qua về dũng cảm tất cả các vị anh hùng của tất cả các thời

đại xưa cũ. Và để cho không quên chi hết về những thành tích hiển hách ấy, để cho mọi người Xô viết biết rõ đồng bào mình đã đánh phát xít như thế nào, đã thắng nó như thế nào, thì phải ghi tất cả, tất cả.

Tôi liền mang theo một tập vở to, đóng bìa cứng, và tôi bắt đầu ghi vào đó thật là rành mạch địa chỉ các vị anh hùng hay những người đã chứng kiến những sự việc quan trọng, nhất là những tấm gương anh dũng mà tôi biết được.

Là thông tin viên chiến tranh, tôi bay nhảy từ góc mặt trận này đến một góc mặt trận khác, khi thì tôi tới cùng quân du kích, khi thì tôi vào rừng, nơi các biệt đội nhảy dù chuẩn bị đánh chớp nhoáng phía sau lưng địch, rồi tôi lại trở về chiến tuyến ở Stalingorát, về tuyến lùi Cuốcscơ ở Goócxun Sêpchengorát, tới sông Visla, tới sông Naixơ, tới sông Spútê, và đâu đâu tôi cũng đã được chứng kiến cái bản lĩnh anh hùng của người Xô viết, đã làm phai mờ cả những thành tích hiển hách của các bậc anh hùng xưa: Ivan Xuxanin, Mácpha, Côgina, Côsơca người thủy thủ Xêbastôpôn, và biết bao nhiêu người nữa mà lịch sử ta, văn chương ta còn nhớ tên, nhớ tuổi.

Suốt thời chiến tranh như thế là tôi đã ghi chép được sự việc về sáu mươi năm câu chuyện thuộc loại ấy. Một trong những câu chuyện ấy kể lại buổi gặp gỡ kỳ lạ với trung úy Vệ quốc Marétxép, phi công ở một phi trường lâm chiến, gần Oren, thời tấn công đánh lấy thành phố ấy. Đó là đề tài cuốn Một Người chân chính. Tôi đã rút ra từ những điều tôi đã ghi chép được hai mươi bốn câu chuyện tôi cho là quan trọng hơn cả, điển hình hơn cả, bộc lộ rõ hơn cả tinh thần của con người Xô viết. Và tôi đã viết thành những bài truyện ngắn, tập hợp lại trong một cuốn sách lấy tựa là Người Xô viết chúng ta.

Giờ đây, xong chiến tranh rồi, tôi cứ tiếp tục làm việc theo đúng phương châm ấy, là kể những cái mà tôi đã chứng kiến. Trong truyện lấy tên là Trở về, tôi đã cố gắng trình bày bằng một hình thức nghệ thuật một mẫu đời của một anh thợ đúc nổi tiếng ở Mátxcơva. Đề tài của cuốn tiểu thuyết Vàng cũng là lấy ra từ trong đời sống thực sự: nó kết liễu vào lúc tấn công trên mặt trận Calinin, đầu năm 1942. Cái quan tâm đến sự xác thực đó, không

phải là một cái gì riêng cho một mình tôi chút nào. Đời sống của chúng ta, trong chế độ xã hội chủ nghĩa, cứ ngày một đổi thay hoài; nó tiến lên, nó cung cấp cứ mỗi ngày, mỗi giờ, cho nhà văn những đề vừa giản dị vừa say mê, lấy ở kinh nghiệm hàng ngày thấy có. Người Xô viết, được lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản dìu dắt, đạt đến đỉnh cao của sự vĩ đại trong lao động cũng như trong chiến đấu. Những công lao cao cả làm nên vì Tổ quốc, ta cố suy diễn đặt để nó ra thì thật là rất khó, ngay đối với một nghệ sĩ có trí tưởng tượng mãnh liệt nhất. Nhưng đời sống Xô viết chúng ta thì cung cấp cho nhà văn biết bao nhiêu tâm tình thật vô cùng là phong phú.

Công tác làm báo luôn luôn đưa chúng tôi tiếp xúc với những người đáng lưu ý nhất của thời buổi này, và cho phép chúng tôi được thấy những người ấy trong lao động và trong đấu tranh. Nghề làm báo khiến cho mắt chúng tôi sắc hơn, tai chúng tôi thính hơn. Riêng về bản thân tôi, thì những sự việc mà đời sống hiến dâng cho, thay thế vào chỗ trí tưởng tượng văn chương của tôi bị thiếu sót. Những nhân vật mà tôi phác họa ra, mà đời sống vượt tràn ra khỏi những trang sách của tôi, hoàn thành cái gì còn chưa hoàn chỉnh trong sách tôi: chúng tôi đã cùng nhau gặp gỡ nhau lại với anh Marétxép ở Vácxava, không phải với danh nghĩa nhân vật và tác giả tiểu thuyết, mà lần này với danh nghĩa cùng là đại biểu Liên Xô tại Đại hội thể giới lần thứ hai của các Chiến sĩ Hòa bình. Malích Gápđulin, nhân vật truyện Một anh hùng ca ra đời hiện lãnh đạo Viện Văn học trong Viện Hàn lâm khoa học nước Cadắc và chị nông dân ở Pôntava, chị Uliana Bialôgơrút, người đã cứu được lá cờ của một trung đoàn chiến xa, trong truyện Lá cờ của trung đoàn của tôi, thì sau chiến tranh đã được tặng thưởng huân chương về kết quả chị đã thu được trong vụ mùa củ cải. Được chứng kiến hạnh phúc của những con người ấy, hoạt động say mê của những con người ấy, lao động sáng tác của những con người ấy, lòng ta thật là vui sướng không cùng không tận. Làm nhà văn ở xứ sở của chủ nghĩa xã hội, là được hưởng một hạnh phúc lớn lao không bờ bến.

Bôris Pôlêvôi

Mátxcôva

Tháng 11 năm 1950

PHẦN THỨ NHẤT

1

Những ngôi sao lạnh ngắt còn le lói, nhưng từ phương đông trời đã bàng bạc sáng. Cây cối hiện rõ dần... Bỗng nhiên một ngọn gió mát thổi mạnh lay động ngọn cây. Rồi cảnh rừng bừng thức dậy với những tiếng ồn ào của cây rừng. Những cây thông cổ thụ bắt đầu reo, tiếng reo u buồn và réo rắt, và từ trên cành cây bị lay động tuyết đọng rơi xuống xào xạc.

Đột nhiên, gió lại êm và cây lá lại im phăng phắc. Khi đó, tai nghe rõ mồn một muôn ngàn thứ tiếng động trong rừng báo tin trời đã bắt đầu sáng: tiếng sói sủa cáu kinh ở bìa rừng thưa gần đó, tiếng kêu sợ hãi của mấy con cáo và tiếng chim gõ kiến vừa thức giấc đập còn chưa đều, nghe du dương trong cánh rừng tĩnh mịch, giống như tiếng gõ lên mặt đàn, chớ không phải tiếng mổ trên thân cây.

Một trận gió khác lay động mấy ngọn thông cao nghệu. Những ngôi sao còn lại sau chót cũng mờ dần trên nền trời đang mỗi lúc một sáng! Trời như thu hẹp và gọn lại. Rừng cây xua đuổi hết bóng đen còn sót lại vươn mình với màu xanh tươi rộng mênh mông. Đầu những cây thông và đỉnh những cây dương nhon hoắt bắt đầu nhuộm màu đỏ tía: mặt trời đang lên, hứa hẹn một ngày chói lòa ánh sáng và băng tuyết.

Trời đã sáng rõ. Bầy sói đang núp trong hang, đang ăn ngon lành con mồi kiếm được hồi khuya. Cáo đã bỏ rừng thưa, còn để lại vết chân khôn ngoan trên tuyết. Rừng già xào xạc mãi không thôi. Chỉ có tiếng chim đập cánh, tiếng chim gõ kiến mổ vào cây, tiếng sáo líu lo và tiếng chào mào lảnh lót là thay đổi âm điệu đều đều, buồn tẻ của rừng cây.

Một con chích chòe đang quẹt mỏ trên cành bỗng nhiên nghiêng đầu, thu mình lại, sửa soạn bay lên. Tiếng cành khô rảng rắc báo hiệu một điều không lành. Một con vật to lớn đang lang thang trong rừng. Từ những cành cây tuyết đọng lúc ban mai, mồm nhọn của một con thú, sừng có nhánh

nặng, vừa xuất hiện. Mắt nó lo sợ nhìn quanh rừng thưa rộng mênh mông. Hai lỗ mũi đỏ hồng, mịn như nhung, đang thở phì phì hơi nóng bốc khói.

Con nai già đứng sừng như một pho tượng, giữa rừng thông. Tai lắng nghe từng tiếng sâu bò dưới lớp vỏ cây thông. Những cặp tai lo âu ấy chỉ nghe thấy tiếng chim kêu, tiếng chim mổ lớp cộp, hay tiếng gió rít trên ngọn cây cao. Tai đã làm nó yên lòng nhưng mũi nó hình như đã đánh hơi thấy tai nạn sắp tới. Một mùi hôi nồng nặc, nặng nề, khác hẳn với hương rừng trong mùi tuyết mát rượi, đang tan theo ánh sáng. Qua ánh tuyết long lanh, con thú lo lắng nhìn những bóng lô nhô đen ngòm phía trước.

Con thú dợm nhảy vô bụi, nhưng những bóng đen đó vẫn im phăng phắc. Họ nằm trong tuyết, chồng chất lên nhau. Rõ ràng là nhiều lắm, nhưng không ai cử động cả, không ai phá tan bầu trời yên lặng buổi sáng. Bên cạnh họ, có những con quái vật gì to lớn cắm mình xuống tuyết. Và chính từ chỗ đó, mùi hôi nồng nặc đang xông lên.

Mắt ngó trân, con nai lo sợ đứng ở bìa rừng nhìn đám người không cử động đó, không hiểu họ đang làm gì. Một tiếng động xé toạc không khí trên đầu làm nó giật mình. Da nó run lên, chân sau nhún mạnh thêm, chuẩn bị nhảy. Nhưng tiếng động đó có gì đáng lo sợ đâu. Đó là bầy bọ hung bay cao tít, xè xè trong cành lá bulô. Cùng với tiếng bầy bọ hung bay, còn có tiếng lạch tạch ngắt giống như tiếng chim le le trên ao lúc trời chiều. Rồi bầy bọ hung lại hiện ra. Cánh sáng bóng lấp lánh, bọ hung bay lượn giỡn đùa trên nền trời xanh lạnh ngắt. Trên cao tiếng lách tách chim le le vẫn tiếp tục. Con nai thoải mái hơn, bước vô rừng sâu, lưỡi liếm tuyết rần, mắt vẫn liếc lên trời. Bỗng kìa! Một con bọ hung khổng lồ tách ra khỏi bầy đám bồ xuống rừng thưa, kéo sau một đám khói huy hoàng. Con bọ hung lớn ra một cách mau chóng và con nai chỉ kịp đủ thời giờ tót vô trong bụi. Đoạn, một vật khổng lồ, ghê gớm hơn cả một cơn bão đột ngột mùa thu, rơi đùng ngọn thông và bị vỡ nát ở trên mặt đất, làm rung chuyển hồi lâu cả khu rừng. Tiếng vang của nó dội trong rừng cây, đuổi vượt con nai chạy bán sống bán chết vô rừng sâu.

Tiếng vang ngừng lại trong rừng thông xanh rì. Rừng lại yên lặng như trước. Rõ ràng là có tiếng rên rĩ của một người. Một con gấu bị tiếng động lạ thường đó xua ra khỏi rừng, nặng nề nghiền nát băng tuyết dưới chân nó. Đó là một con gấu già to lớn và lông lá chòm bồm. Lớp lông chòm bồm ấy ở hai bên mình gầy và lưng lẳng từng chùm sau cái mông xương xẩu của nó. Chiến tranh đã lộng lộn quanh rừng này từ mùa thu. Chiến tranh đã phá tan cảnh yên tĩnh của rừng cây mà xưa kia ngay thợ săn và người gác rừng cũng ít lui tới. Mùa thu này, chiến tranh đã buộc gấu rời khỏi tổ, và làm mất giấc ngủ mùa đông của nó. Bây giờ gấu lạc loài trong rừng, không chỗ nương thân, bụng đói và lòng bức tức.

Gấu dừng chân ở cửa rừng, nơi mà con nai vừa đứng hồi nãy. Nó thích thú đánh hơi thấy mùi tươi ngon còn phảng phất, đôi sườn gầy còm của nó phập phồng, và nó lắng tai. Con nai đã bỏ chạy mất rồi, nhưng có tiếng động của một động vật còn sống mà có lẽ không còn sức tự vệ. Lông cổ con vật dựng lên. Nó hếch mõm... Tiếng rên rĩ yếu ớt ban nãy lại vang lên

Bước nhẹ và khôn khéo - những bước chân làm tan vỡ lớp băng đông cứng trên mặt đất - con thú tiến tới chỗ bóng người không cử động đang nằm lún dưới tuyết.

Phi công Alếchxây Mêrétxép bị kẹt ở giữa. Chưa bao giờ lại có một tình trạng chiến đấu trên không nguy hiểm như thế này. Anh đã hết đạn khi anh bị bốn máy bay Đức bao vây và không cho phép máy bay anh bay theo ý muốn nữa. Bốn máy bay Đức buộc anh phải theo chúng hạ cánh ở phi trường của chúng. Trận đánh đã diễn ra như thế này: bốn phi cơ chiến đấu do trung úy Mêrétxép chỉ huy đã xuất trận để bảo vệ cho phi đội liệng bom xuống trận địa của giặc. Lần xuất trận táo bạo này đã thành công. Máy bay Xítômôvích khổng lồ, “những xe tăng bay” như bộ đội thường gọi, đã đến gần mục tiêu, đang bay sà sà trên ngọn thông, tiến sát lại các máy bay vận tải Giuncơ của giặc đậu ở sân bay.

Bay qua chòm lá xanh um của khoảng rừng, họ đã lượn trên đoàn “xe bò” nặng nề của địch, cho liệng bom, xả súng, khạc lửa xuống mục tiêu. Mêrétxép cùng bốn máy bay săn giặc bảo vệ cho máy bay oanh tạc, anh đã thấy từ trên cao, những bóng người đang chạy sồn sác dưới sân. Rồi mấy chiếc Giuncơ rung chuyển nặng nề trên sân tuyết, nhưng máy bay oanh tạc vẫn bay lượn trên đầu. Qua cơn hốt hoảng, đoàn phi công của các máy bay Giuncơ cố gắng mở máy cất cánh dưới làn mưa đạn của đối phương.

Đó là lúc Mêrétxép đã lằm. Đáng lẽ phải kiểm soát không phận ở trên, anh đã như lời các phi công thường nói, ham cái mồi ngon dưới đất. Bay đâm thẳng, anh bổ nhào như một tảng đá xuống một chiếc “xe bò” vừa chậm chạp lìa khỏi mặt đất, và xả chơi mấy loạt súng vào thân hình vuông bằng đuyra cứng, có nguy trang nham nhở của nó. Biết là ăn chắc rồi, anh cũng chẳng thèm ngó ngang lại xem chiếc máy bay đó bị rập xuống đất như thế nào. Ở đầu kia trường bay, một Giuncơ khác bay lên. Anh đuổi theo, bắn nhưng không trúng. Đạn lướt phía trên chiếc máy bay đang từ từ lên cao. Anh Alếchxây (tức Mêrétxép) lượn một vòng, quay trở lại đánh, lại hựt, nhưng rượt theo kịp một lần nữa. Cuối cùng anh hùng hổ xả vào thân máy bay từng tràng đạn của tất cả súng ống dưới tay anh, làm cho nó cắm đầu xuống rừng. Máy bay Giuncơ đã bị hạ. Anh hớn hờ lượn hai vòng

quanh làn khói đen của máy bay Giuncơ đương bốc lửa dưới đất, đoạn bay lên trên đám rừng cây mênh mông, rồi quay trở về sân bay của giặc Đức.

Anh chưa kịp tới nơi, đã thấy ba máy bay đồng đội bị chín máy bay Đức “Métxécmit” tấn công. Có lẽ sân bay Đức đã cầu cứu ở một phi trường khác tới tiếp viện. Một chống với ba, đồng đội ba máy bay sẵn giặc của anh cố bám lấy giặc để không cho chúng lại gần máy bay oanh tạc. Họ giữ thế thủ, cố dụ cho máy bay Đức rượt theo, không khác gì con gà rừng dụ thợ săn rượt nó để không cho thợ săn thấy ổ gà con.

Mêrétxép tự trách mình đã quá ham mỗi ngon và cảm thấy cặp má anh đang nóng bừng dưới nón. Anh liền kiểm đối phương, sấn vô, nghiêng răng chiến đấu. Mục tiêu anh nhắm là một chiếc “Métxe” (tức Métxécmit, máy bay chiến đấu Đức) vừa bay lọt ra ngoài vòng và hình như chính nó cũng vừa chọn mỗi. Anh nhấn hết ga và đâm vào sườn nó theo đúng những quy tắc chiến đấu. Máy bay địch màu xám hiện rõ ở vạch ngắm khi anh nổ cò, nhưng nó bình ổn lướt trước mắt anh. Anh bắn hụt chẳng? Không thể, vì mục tiêu gần và khoảng ngắm hết sức rõ. “Đạn! Đạn!”. Alếchxây chợt nghĩ đến đạn và thấy lưng chảy mồ hôi lạnh toát. Anh thử nổ cò lần nữa coi sao, nhưng không thấy mỗi thớ gân thớ thịt rung động, như phi công thường thấy khi sử dụng vũ khí của máy bay. Đạn đã hết. Vì ham đuổi bắn “xe bò”, anh đã bắn hết đạn rồi.

Quân địch không ngờ. Riêng anh, tuy hết đạn, song anh cũng nhảy vô cuộc chiến đấu mong cứ thế mà thay đổi tương quan lực lượng. Nhưng anh lại lầm lần nữa. Chiếc “Métxe” đối phương mà anh đánh không phải lúc lại do một phi công lành nghề và thiện chiến điều khiển. Hẳn nhận rõ rằng anh hết đạn. Hẳn ra hiệu cho đồng đội. Bốn máy bay khác lao đến bao vây anh cả hai bên và trên dưới. Đạn vun vút trên trời xanh trong vắt chỉ đường anh phải đi và báo cho anh biết đã ở trong tình thế gọng kìm bốn mặt.

Mấy hôm trước, anh đã được tin phi đội Đức Ríchhophen thiện chiến đã từ mặt trận miền tây về khu vực của anh. Những phi công lành nghề nhất của phát xít Đức này dưới quyền chỉ huy danh dự của chính Görinh. Anh hiểu rằng số phận của anh đã bị giao cho “bốn con chó sói của không

trung” này. Chúng đương muốn dẫn anh về sân bay của chúng, bắt sống anh. Anh đã thấy bạn anh là Đôchiarengô, anh hùng Liên Xô, chỉ huy một phi đội bắt sống một máy bay thám thính Đức giống như vậy. Anh chợt nhớ lại hình ảnh phi công tù binh, xuống sân mặt tái xám và xanh ngắt, chân đi ngã xiêu, ngã tới. Anh kiên quyết:

- Không thể nào để chúng lượm mình? Không thể để chúng tóm được!

Anh cố chạy trốn, nhưng vô ích. Máy bay Đức xả súng liên thanh bắn đón đường mỗi khi thoáng thấy anh có ý định bỏ chạy. Hình ảnh tù binh hồi nãy lại hiện ra trước mắt anh với bộ mặt khiếp nhược, răng run lập cập. Trông bộ mặt hải hùng như con thú, nhục nhã quá!

Mêréxép nghiêng rằng, nhấn “ga” bổ nhào xuống mong luôn được xuống dưới đoàn máy bay chặn anh. Quả nhiên, anh bay ngoài vòng bay. Nhưng bọn Đức cũng kịp thời nổ cò. Máy xộc xệch và rồ từng hồi lục cục. Cả chiếc máy bay rung lên như cảm sốt, sắp chết.

Trúng đạn, anh còn kịp bay chúi mũi vào đám mây trắng để khỏi bị truy kích. Nhưng như thế có ăn thua gì không? Máy bay bị thương rung lên, phi công cảm thấy nó rung lên tận cơ thể mình, chẳng khác nào như máy bay hấp hối đã chuyển cơn bệnh vào người anh.

Máy hư chỗ nào? Máy còn bay bao lâu? Bình xăng còn nổ không? Những câu hỏi dồn dập, không phải là suy nghĩ mà chỉ là cảm giác thoáng qua. Anh cảm thấy mình ngồi trên thùng thuốc súng có mồi lửa đương cháy, chỉ chờ nổ.

Anh lái quay về phía trận tuyến của mình để mong nhờ bàn tay đồng đội chôn cất.

Tai nạn tới mau. Máy sặc một cái rồi ngưng. Như từ đỉnh cao nhảy xuống, máy bay cắm xuống đất. Dưới anh, rừng cây mênh mông như biển biếc...

“Thà thế này còn hơn bị bắt sống”. Anh còn kịp nghĩ như thế khi cánh máy bay chấm sát vô rừng cây. Như con thú, rừng cây nhảy vồ lấy anh. Làm theo linh giác, anh tắt điện. Có tiếng động long trời. Thế là trong nháy mắt anh cảm thấy như rơi trong bể nước đen xì, sâu thẳm.

Khi rơi xuống, thân máy bay đung đỉnh cây thông và do đó bớt trơn. Máy bay làm gãy nát một số cây, rồi tan vụn ra, nhưng trước đó một lát, Alếchxây như bị rút ra khỏi ghế ngồi, tung lên trời. Anh rơi xuống một cây thông cổ thụ, như có đôi vai rộng mênh mông, rồi rơi xuống từng cành một, để rồi cuối cùng ngã vào một đám băng tuyết bị gió gom thành đồng ở dưới gốc cây. Vì thế mà anh đã thoát chết.

Anh nằm bất tỉnh như thế bao lâu? Anh không thể nhớ rõ được. Bóng người, bóng nhà bóng cửa, những máy móc kỳ hoặc quay cuồng mờ lẩn, ào vào đầu óc anh như một dòng nước chảy xiết, và để lại trong người anh một cảm giác đau đớn ê chề. Rồi từ cái đồng lờ mờ ấy nổi lên một cái chẳng ra hình thù gì cả, to lớn và nóng hổi, phả qua một anh một hơi thở nồng thối. Anh định tránh, nhưng mình anh đã lún xuống tuyết. Anh giật mình kinh hãi, và bỗng thấy không khí lạnh ngắt ào vô đáy phổi. Anh thấy má lạnh vì tuyết, và bao nhiêu đau đớn nhất dồn cả vào hai chân.

“Sống”. Anh cảm giác mau lẹ điều ấy. Anh định ngồi dậy, nhưng nghe thấy bên cạnh anh có tiếng băng vỡ và một thứ hơi thở ồ ồ. Anh đoán ngay: “Bọn Đức”, và anh nén xuống cái ý muốn mở bừng mắt và chồm lên để đối phó.

- Bị bắt. Cũng lại cứ bị bắt ư? Phải làm gì đây?

Hôm trước, người thợ máy khéo léo Iura, định sửa cho anh dây da ở vỏ cây súng lục của anh. Nhưng anh không có thì giờ, nên khi sắp bay anh đã bỏ nó trong túi bộ áo liền quần. Giờ xoay mình lại thì có thể rút súng ra. Nhưng nếu anh cử động như thế, giặc Đức sẽ biết. Alếchxây đang nằm úp mặt xuống đất. Cây súng còn cộm ở bên hông, anh thấy rõ cạnh súng áp vào da thịt. Anh nằm im, để giặc Đức tưởng anh đã chết và bỏ đi.

Tên giặc Đức loay hoay gần anh, thở phì phà nghe kỳ lạ quá; nó đến gần anh, anh ngửi thấy mùi hơi lạnh, rồi cúi xuống. Anh ngửi thấy mùi hơi quá chừng.

Anh biết chỉ có một tên Đức. Đó là điều may mắn để cứu anh. Vậy cố làm sao lừa lúc bất ngờ nhảy ôm nó, vạt nó xuống, tóm lấy cổ nó để nó

không kịp dùng võ khí đánh mình. Nhưng phải tính từng cử chỉ và hoạt động thật chắc chắn.

Không dám cử động và chậm rãi, chậm rãi vô cùng, anh mở hi hí con mắt, và qua hàng lông mi, anh thấy thoáng bóng con thú vật lông lá, chứ không phải là tên Đức. Anh mở mắt lớn hơn rồi nhắm lại. Trước mặt anh một con gấu lớn ngồi chồm hồm, ồm giơ xương và cái kình.

Lặng im theo bộ thú, con gấu ngồi gần cái thân hình người một nửa bị chôn dưới tuyết xanh lóng lánh trước mặt trời. Đôi lỗ mũi dơ hẳn của nó hơi phập phồng. Từ miệng gấu, nanh nhọn đã ngả màu vàng vì lâu năm, nhưng vẫn là thứ nanh nguy hiểm, nước dãi của gấu chảy lòng thòng, đánh qua đánh lại vì gió thổi.

Gấu có tật ngủ mùa đông, nhưng vì chiến tranh nên nó phải lang thang, bây giờ nó vừa đói, vừa cáu kỉnh. Nhưng gấu không ăn thịt chết. Sau khi nó đánh hơi cái thân hình bất động sắc mùi xăng, gấu ta chậm rãi tiến ra chỗ rừng thưa ngổn ngang những thân người, cũng bất động và cứng lạnh trong tuyết. Nhưng chỉ cần tiếng rên và tiếng động khẽ của Mêrétxép là đủ làm nó lộn lại.

Nó tiến lại gần anh. Cơn đói làm cho nó phải đấu tranh với cái ghê tởm không thích thịt chết. Cơn đói bắt đầu thắng. Con gấu vươn mình giơ vuốt lật người đang nằm trên tuyết, định cầm móng xóc áo da của anh, nhưng không được, nó không rách. Gấu lại gầm gừ.

Mêrétxép ráng hết sức bình sinh để không mở mắt, anh dẫn lại không nhảy chồm lên, không kêu la, không hất con vật thối hoắc đang đè lên ngực anh. Lúc đó, toàn thân anh nôn nóng muốn tự vệ một cách dữ dội. Nhưng anh tự trấn tĩnh được. Anh móc túi rút súng, chậm đến không nhìn thấy được. Anh nắn cái bóng súng kẻ ô vuông, lấy ngón tay cái lên đạn thực cẩn thận để không sao nghe tiếng tách, rồi rút tay cùng súng ra, cũng êm nhẹ như thế. Con gấu lại cào móng nhọn lên bộ áo anh; áo da vẫn không rách. Gấu gầm lên vì cáu, mồm và nanh gấu cắn phập vô áo. Da thịt anh đau nhói sau lớp bông nhồi. Ý chí căng thẳng, anh dẫn đầu đón, chờ khi gấu kéo người anh lên khỏi băng tuyết, anh giơ súng nhắm bắn.

Tiếng súng nổ vang trong khu rừng tĩnh mịch.

Một con chim kinh hải vục bay lên. Tuyết trên cành rơi tứ tung. Gấu buông mồi. Mắt không rời kẻ thù, anh ngã xuống và như muốn ngập chìm lại trong tuyết. Gấu ngã ngồi xuống, cặp mắt đen nháy có dư và lông trùm

cứng tỏ vẻ vô cùng kinh ngạc. Một dòng máu nhầy nhụa từ răng nanh của nó rỉ ra và rơi xuống tuyết. Nó gầm lên, giọng khàn khàn và ghê gớm, nặng nề cố đứng thẳng dậy, nhưng ngã bổ nhào xuống tuyết, vừa lúc đó anh kịp bóp cò bắn phát thứ hai. Tuyết trắng xanh nhuộm đỏ, tan ra thành chút ít hơi dưới đầu thú bị trúng đạn. Con gấu đã bị giết.

Anh tỉnh lại, đầu bớt căng thẳng. Nhưng anh thấy đau nhói ở giò. Anh gục xuống tuyết và mê đi.

Khi tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao. Tia chiếu chói qua cành lá và chiếu sáng chói lói từng mảng băng dưới đất. Trong bóng cây, tuyết đượm màu xanh thẫm.

Ta nằm chiêm bao thấy gấu ư? Đó là ý nghĩ đầu tiên khi anh bừng tỉnh. Nhưng đồng thịt nâu nâu ghê tởm của con thú còn nằm chình ịch bên cạnh anh trên tuyết trắng. Rừng cây xôn xao. Tiếng chim gõ kiến vang rân. Mấy con chim khuyển ngực vàng lẹ làng vừa nhảy vừa hót trong bụi.

- Sống, sống, ta còn sống. - Mêréxép nhắc lại một mình.

Toàn thân anh sung sướng hân hoan với cảm giác kỳ lạ của sức sống, cảm giác say sưa của một người vừa thoát chết. Cảm giác mạnh mẽ ấy đã làm anh đạp chân chồm dậy, nhưng anh hét lên và té ngay trên xác gấu. Chỗ anh đau ở chân đâm thấu suốt mình anh như một luồng lửa bỏng. Óc anh như lỏng ra, đầu nhức như bị kẹp. Mắt anh đau nhói như có những ngón tay ai giết mạnh vào mi. Rồi tất cả những hình ảnh trước mắt khi thì hiện rõ lạ lùng trong ánh nắng vàng lạnh lạnh khi thì bỗng nhiên mờ, khuất dưới tấm màn trời lốm đốm ánh lửa.

Anh lẩm bẩm:

- Nguy quá! Chắc rơi xuống bị gãy chân!

Anh gắng nhồm dậy và cố nhận xét cảnh vật quanh bìa rừng tí tắp mãi đến vòng cung xanh ngắt của một khu rừng xác xơ, nơi chân trời.

Chắc hẳn là mùa thu hay đúng hơn đầu mùa đông vừa rồi, những cánh đồng ở bìa rừng này đã được dùng làm giới tuyến phòng ngự. Nơi đây, một đơn vị của Hồng quân đã cầm cự một thời gian tuy ngắn song vô cùng quyết liệt... Bão tuyết như đã lấy bông băng bó cho những vết thương của

cuộc chiến đấu. Đường hầm bị tuyết lấp đi, còn nhô lên những mô đất đặt súng. Những lỗ trũng lớn nhỏ đạn đào lô nhô vô cùng tận, ngay cả dưới gốc những cây bị đạn đánh đổ, chặt đứt hay trốc rễ ngổn ngang. Đó đây trên mặt đất bời bời, những xe tăng bị tuyết bọc kín còn lộ hình xe ngựa trang lốm đốm như vẩy cá, trông như xác chết của những con quái vật. Một xe bị lật ngửa vì bị mìn hay lựu đạn nổ, ống súng đại bác cắm xuống đất như cái lưỡi khổng lồ liếm tuyết. Ngổn ngang trên mặt đất, bên những chiến hào, quanh những chiếc xe tăng và ở rìa rừng, những xác chiến sĩ Xô viết lẫn lộn cùng với thân lính Đức. Xác nhiều quá, nhiều đến nỗi chồng chất lên nhau, giữ nguyên cử chỉ lúc chột chết. Từ đầu mùa đông đến nay đã mấy tháng rồi, tuyết như ướp xác họ.

Tất cả nói cho anh biết chiến tranh ở đây tàn khốc lắm. Chiến hữu anh quên hết những cái khác trên đời, quyết liệt chiến đấu đến cùng. Cách đó ít bước, dưới gốc một cây thông lớn bị gãy ngọn, nhựa chảy ra vàng ánh, nhiều xác của giặc Đức bể óc, gãy tay, vỡ ngực. Trong đám xác giặc ấy, một thanh niên đầu trần, mắt trợn, to lớn; mình mặc áo lính bỏ ra ngoài, không dây lưng, cổ áo rách, nằm chết trên xác một kẻ thù. Khẩu súng còn ở bên ngoài, lưỡi lê bị gãy, bóng súng bể nát, dính máu loang lổ.

Xa hơn, trên con đường nhỏ vô rừng, dưới gốc một cây thông nhỏ gần như bị chôn vùi dưới đất bị đạn tung lên, một quân nhân người xứ Udorbéch, mắt xinh đẹp như chạm trên ngà voi, đã ngã màu vàng, nằm ngửa bên một hố sâu của đạn đại bác. Đằng sau anh, còn thấy từng đồng lựu đạn xếp cẩn thận dưới những cành cây. Người chết còn cầm một trái lựu đạn nơi tay đương khoanh về phía sau, tưởng đâu như khi sắp liệng lựu đạn anh đã ngửa mặt lên trời và anh đã giữ nguyên dáng điệu từ đó đến nay.

Xa hơn nữa, dọc theo con đường rừng, giữa những xe tăng lốm đốm dưới gốc những hố bom lớn, trong những hầm gần những gốc cây già, đâu đâu cũng thấy những xác người mặc áo, mặc quần bông, hay mặc những bộ nhung phục xanh đã phai màu, đội nón ấm áp của nhà binh, che kín cả hai tai.

Từ những đồng tuyết nhô lên những đầu gối bị treo, lộ ra những cái cằm; những bộ mặt trắng như sáp, lộ ra vì tuyết tan bớt, bị chồn cáo gặm thịt, bị chim quạ mổ mắt.

Mấy con quạ bay lượn chầm chậm trên cánh rừng thưa này. Mêrétxép nghĩ ngay tới một bức tranh, trong sách giáo khoa lịch sử, của một họa sĩ trứ danh, tả chiến trận hồi xưa nơi quân đội của sứ quân Igo (Igor)^[2] bị tiêu diệt

Kể ra mình cũng có thể chết ở đây. Anh vừa nói thế, song cảm giác muốn sống cũng vừa nảy ra mạnh mẽ trong óc anh. Anh cự mình. Nhưng đầu anh vẫn đau như búa bổ, chân anh đau hơn lúc này nhiều. Ngồi trên xác con gấu, anh tự hỏi: “Phải làm gì đây? Đi đâu? Làm sao tới trận tuyến của quân mình?”

Khi té xuống, anh đã mất bao đựng bản đồ, nhưng anh vẫn nhớ được rất rõ đường anh đã đi. Sân bay Đức mà anh vừa tấn công cách xa chiến tuyến chừng sáu mươi cây số về hướng tây. Khi đánh với bọn Đức, đồng đội anh đã nhử chúng bay chừng hai mươi cây số về phía đông phi trường, còn anh thì sau khi chạy thoát gọng kìm của giặc, anh còn bay thêm một quãng nữa về hướng đông. Như thế là anh cách chiến tuyến chừng khoảng ba mươi lăm cây số, ở cái quãng gọi là “rừng đen” rộng lớn mênh mông mà anh đã mấy lần bay qua cùng các phi cơ oanh tạc và chiến đấu chớp nhoáng tấn công giặc.

Từ trên cao nhìn xuống, rừng này giống như biển xanh um. Trời tốt, thấy biển ấy nhấp nhô những ngọn thông cao. Trời xấu nó lẩn trong sương mù xám ngắt, giống như biển đen màu chì gợn sóng.

Anh đã rơi xuống giữa khu rừng chằng chịt đó. Đó là vừa may và rủi. May là vì trong rừng rậm này chắc không phải đụng với giặc Đức vì chúng ham ở đường cái và phố xá. Nhưng rủi vì anh phải đi qua một khoảng đường tuy không xa lắm nhưng khó nhọc vì rừng sâu, nhiều cây, không người, không lương thực, không nhà cửa, không một hớp nước nóng cho ấm bụng. Lại còn cặp giò anh nữa, cặp giò anh nó có chịu khiêng anh đi không? Anh có thể đi được không?

Từ bên xác gấu, anh đứng lên. Đau đớn, nhức nhối dữ dội từ bàn chân xộc lên khắp mình. Anh la một tiếng thất thanh và phải ngồi xuống. Anh định tháo một chiếc ủng ra. Ủng bám cứng vô chân, hơi đụng tới đã muốn đứt ruột. Anh nghiêng răng, nhắm mắt, hai tay cầm chiếc ủng giật mạnh. Anh lại ngất đi.

Tỉnh lại, anh gỡ khéo dây băng cột quanh chân. Cả bàn chân anh sưng vù và tím ngắt; mỗi khớp xương cốt làm anh đau đớn. Anh đặt chân xuống tuyết, thấy bớt đau. Anh lại ra sức cởi chiếc ủng thứ hai; như người nhổ răng, anh giật mạnh.

Hai chân anh giờ trở nên vô dụng. Chắc chắn là lúc máy bay đụng đỉnh cây thông, khiến anh bắn ra ngoài, chân anh bị kẹp và ngón chân anh bị dập. Ngày thường chắc không khi nào anh tính tới chuyện đứng dậy với hai bàn chân gãy nát ấy. Nhưng bây giờ anh có một mình, ở phía sau phòng tuyến địch, và nơi ấy nếu có gặp ai thì đã chẳng được sự giúp đỡ, mà chỉ có nghĩa là chết mà thôi. Anh quyết định đi, đi về phía đông, đi qua rừng chứ không nghĩ tới đường dễ đi và có nhà ở. Đi, dù sao cũng phải đi.

Anh kiên quyết đứng dậy, rên rỉ, nghiêng răng và bước lên một bước. Anh đứng lại, kéo chân kia khỏi tuyết và cất bước thứ hai. Anh thấy đầu muốn bể, rừng cây như quay cuồng, đảo lộn.

Đau đớn và cố gắng. Anh lại cắn môi tiếp tục tiến bước nữa. Anh nhắm hướng con đường rừng đi qua nơi tăng đổ và người chiến hữu Udobéch liệng lựu đạn, rồi tiến vô rừng về hướng đông.

Đi trong tuyết mềm, còn dễ chịu, chớ mỗi khi bước lên trên đường có băng cứng và gió thổi thì đau quá, anh không chịu nổi. Anh phải ngưng lại, không bước thêm được bước nào nữa.

Anh đứng đó, hai chân chằng hăng một cách vụng về, thân hình lảo đảo như đứng trước một trận cuồng phong. Bỗng nhiên, mắt anh mờ đi; đường sá, cây thông và góc trời xanh mà anh nhìn thấy qua kẽ lá, tất cả đều biến mất... Bây giờ anh lại ở trên sân bay, lại gần máy bay của mình, người thợ máy của anh, nhà “kỹ thuật”, như vẫn thường kêu, anh chàng Iura mà bộ răng và cặp mắt trắng đã nổi sáng trên bộ mặt lúc nào cũng nhọ nhem, cùng

râu ria lởm chồm, đang mời anh bước lên máy bay; máy bay đã sẵn sàng, có thể bay liền. Mêrétxép bước tới máy bay, nhưng đất như lửa bốc cháy dưới hai chân anh, giống như anh đang đi trên tấm tôn nóng bỏng. Anh xông lên, nhảy chồm qua khoảng lửa cháy đỏ, vượt tới chỗ cánh phi cơ, nhưng anh đụng phải thân máy bay mát lạnh, và, - kinh ngạc chưa - thân máy bay không trơn nhẵn phẳng phiu nữa mà xù xì như vỏ cây thông... Có máy bay gì đâu! Anh đang đứng trên đường và tay anh đang sờ soạng thân cây. Anh tự hỏi:

- Mê chẳng? Máy bay rơi đã làm mình điên rồi sao? Đi trên đường không chịu được, hay ta trở lại trong rừng? Nhưng trở về thì thật là đi chậm ghé chậm góm...”

Anh ngồi xuống tuyết, mạnh dạn và lạnh lẽo như hồi nãy, anh lại giật đôi ủng ra. Anh dùng răng; dùng móng tay xé băng ở cổ chân ra để đôi chân đã hồng của anh được tự do cử động. Anh rút khăn Änggora^[3] quấn ở cổ và xé theo chiều dọc, dùng nó để cột hai bàn chân. Như thế anh đi dễ hơn. Nhưng thực ra gọi là đi thì không đúng lắm. Anh chuyển dịch thận trọng bằng gót, chân giơ cao như người bước trong bùn. Mỗi lần đi được vài bước, đầu anh lại choáng váng vì đau và ráng quá sức. Anh phải ngừng bước, mắt nhắm lại, lưng tựa vô thân cây hay ngồi xuống đất bằng để nghỉ. Mạch máu toàn thân anh đập dồn dập.

Anh đi như thế đã mấy tiếng đồng hồ. Nhưng khi anh nhìn qua kẽ những thân cây, anh vẫn còn thấy chỗ đường queo, nơi mà xác của người chiến sĩ Udobéch nổi rõ bóng đen trên nền trời sáng.

Mêrétxép bực mình, bực mình chứ không sợ hãi.

Mục đích duy nhất của anh là đi thật nhanh. Anh đứng dậy, nghiêng chặt răng và tiến bước. Anh đặt mục tiêu từng mức từ cây thông này đến cây thông kia, từ gốc cây này đến góc cây khác, từ đồng tuyết này đến đồng tuyết nọ. Trên tuyết trắng chưa ai đặt chân tới, bao phủ con đường rừng, anh để lại những vết chân khập khiễng và không đều, như vết chân thú bị thương.

4

Anh đi như thế cho tới chiều. Khi mặt trời lặn sau lưng anh, hoàng hôn còn tạt ánh nắng trên ngọn thông, và sương mù âm u ngự trị trong rừng thì, bên đường đi, trong một nơi đất trũng từng bách mọc đầy, một cảnh tượng hiện ra trước mắt anh khiến anh phải rùng mình. Tóc anh dựng đứng lên dưới mù.

Khi còn đương đánh nhau trong rừng này, chắc một trạm cứu thương đã thiết lập ở trũng đất này giữa những bụi cây. Ở đây, thương binh đã được đưa tới băng bó và đặt nằm trên giường bằng cành cây. Thương binh còn nằm đây, sắp hàng gần bên nhau trong bụi rậm, nửa mình chôn dưới tuyết. Mới thoáng nhìn anh cũng hiểu họ đã chết không phải vì thương tích.

Một bàn tay thiện nghệ đã dùng dao đâm cổ họ. Tất cả những người bị giết đều nằm theo một kiểu, đầu ngửa ra sau như muốn quay cổ nhìn lại. Và đây là chiếc chìa khóa cho ta hiểu cảnh tượng hãi hùng này. Một chị y tá ngồi xồm nửa mình ngập dưới tuyết, đầu gối chị đỡ đầu một chiến sĩ Hồng quân mà thân hoàn toàn bị tuyết vùi. Đó là một thiếu nữ mảnh dẻ, đầu đội mũ da cừu bịt kín hai tai, có dây cột xuống cằm. Một con dao, cán còn sáng ánh, cắm giữa hai vai chị. Bên cạnh chị là một tên phát xít mặc quân phục đen của bọn SS và một chiến sĩ Xô viết, đầu quấn băng đỏ lôm máu, hai người đã bóp cổ nhau, cho đến chết.

Mêréxép hiểu ngay rằng con quỷ đã dùng dao găm tàn sát các thương binh ở đây và cuối cùng đâm chết chị y tá. Sau đó bị một chiến sĩ Hồng quân sức sống không còn nữa, nhưng đã đem tất cả sức còn lại vào những ngón tay đã co quắp để bóp cổ hắn cho tới chết.

Trận giông tuyết đã bao phủ thành một nấm mồ chung; cả cô thiếu nữ mảnh dẻ đội nón da cừu và chiến sĩ mà chị đang săn sóc, lẫn tên sát nhân và người chiến sĩ phục thù.

Mêréxép nhìn cảnh ấy kinh ngạc hồi lâu. Rồi anh bước lại gần thiếu nữ, rút cây dao găm ở mình chị. Đó là con dao găm của bọn SS, bắt chước dao kiểu Đức cổ, trên cán dao bằng gỗ đào hoa tâm ghi dấu hiệu SS khảm bằng

bạc. Trên lưỡi dao đã gỉ còn đọc được khẩu hiệu: “Tất cả cho nước Đức”. Anh đang cần một con dao dùng làm vũ khí đường trường. Anh bèn lấy của tên Đức cả dao lẫn cái bao da đựng dao của nó. Anh lượm được trong tuyết một mảnh vải bố làm lều đã cứng ngắc trong băng, bao lấy thân thể chị y tá và đặt lên trên đó mấy cành thông...

Lúc anh lo công chuyện ấy, thì trời vừa tối. Phương đoàn, ánh nắng mặt trời le lói đã tắt sau lùm cây. Bóng đêm lạnh lẽo và dày đặc bao trùm hốc trũng. Cảnh vật yên tĩnh, nhưng gió đêm thơ thẩn đỉnh thông; rừng xào xạc, khi như ru ngủ, khi như lo lắng thở phì phào. Mắt không nhìn thấy tuyết rơi lún phún, nhưng tuyết hắt nhẹ trên mặt.

Mêréxép quê ở Kamisin, trên thảo nguyên sông Vônga; anh là người thành thị không biết đời sống ở trong rừng. Vì vậy anh không lo chỗ nghỉ và lửa đêm. Đêm đến bất ngờ, không còn đủ sức đi kiếm vài nhánh cây để sưởi. Anh cuộn mình nằm dưới gốc cây trong một cụm thông non, lá xum xuê che phủ. Hai tay ôm đầu gối và gục mặt cho bớt lạnh, anh sưởi ấm bằng hơi thở của mình. Anh dần thiếp đi.

Anh ngủ một giấc nặng nề, chẳng hề nghe tiếng cây reo đều, tiếng cú kêu sát bên đường, tiếng sói gào phía xa.

Anh giật mình thức dậy khi cây cối mờ mờ từ bóng tối lạnh buốt hiện ra. Vừa thức dậy, anh chợt nghĩ ngay tới chuyện đã qua, tới nơi mình đang ở, và chỉ bấy giờ anh mới giật mình thấy sao mình đã vô tâm đến thế trong đêm vừa qua. Trời lạnh thấu qua áo da và buốt tới xương. Anh không ngăn nổi rét run trong người, nhưng đau đớn hơn cả là ở chân. Dù anh đã nghỉ một đêm, nhưng chỗ đau lại còn đau hơn trước. Chỉ mới nghĩ đến việc đứng dậy, anh đã khiếp đảm. Nhưng anh đứng phắt dậy như anh đã cởi giày hôm trước. Mỗi giây phút đối anh quý báu vô cùng.

Thêm vào những đau đớn ấy, anh lại thấy đói. Hôm trước lúc lấy tấm vải bố bọc thân chị y tá, anh thấy gần chị có một túi vải có hình chữ thập đỏ ở gần đó. Một loài gặm nhấm nào đó đã chui vô đục túi vải ấy, có những mẩu bánh vụn vãi quanh trên tuyết. Anh không chú ý, nhưng bây giờ thì anh nhặt túi lên. Anh thấy trong túi có ít vải băng cá nhân, một hộp đồ ăn lớn,

một gói thư và một cái kính hình một người mẹ già. Trong túi chắc có bánh mì và bún, nhưng chim chuột đã ăn. Anh lượm hộp thịt và vài băng bó vào những túi áo quần mình, trong lòng thầm cảm ơn chị y tá. Rồi anh lấy tay vén miếng vải bố che lên chân chị cho kín, vì gió đêm qua đã thổi tung lên. Anh một người chân chính chậm chạp ra đi về hướng đông, nơi ánh sáng hồng đã chói lại sau bức rèm cành lá.

Thế là từ nay anh đã có một hộp đồ ăn chừng một kilô. Anh quyết định ăn mỗi ngày một lần, vào giữa trưa.

Muốn cho khi đi bớt đau, anh tìm cách khuây lãng bằng cách tính đường đi. Nếu một ngày đi được mười, hoặc mười hai cây số, thì chừng ba bốn ngày là cùng, anh có thể về tới trận doanh của mình.

Được! Nhưng, mười, mười hai cây số là thế nào? Một cây số là hai ngàn bước. Mười hai cây số là hai vạn bước. Như vậy là nhiều quá, vì cứ năm sáu trăm bước, anh lại phải ngừng lại để thở...

Hôm qua, để thu đường cho ngắn lại, anh đã đặt những mục tiêu gần: đến cây thông này, đến gốc cây kia, rãnh xẻ khác trên đường. Anh ra sức đi tới mau và tới được rồi thì nghỉ một lát. Sáng nay, anh chuyển tất cả những cái đó ra con số, thành số bước đi. Anh đặt chặng một ngàn bước một, tức là nửa cây số một, mà mỗi lúc chỉ nghỉ năm phút, không hơn, đồng hồ cầm tay để canh giờ cho đúng. Nếu vậy thì đi từ sớm tới khuya chắc anh có thể bước thấp bước cao đi được mười cây số đã định.

Nhưng ngàn bước đầu tiên biết bao đau đớn! Muốn lãng quên và bớt đau, anh chăm chú đếm bước, nhưng chừng năm trăm bước, anh lộn xộn. Đầu óc anh không rời khỏi cái đau ở chân. Anh vẫn đi được một ngàn bước. Đi xong, anh không còn đủ sức ngồi xuống; anh gục xuống, mặt rập xuống tuyết; anh liếm lấy liếm để mảng tuyết dưới miệng, và lấy trán, lấy thái dương, mà mạch máu đập mạnh bên trong, đè lên trên tuyết. Đụng tuyết lạnh, anh khoái trá không sao tả được.

Anh rùng mình và nhìn đồng hồ. Nhìn kim nhỏ, anh thấy chỉ còn mấy sao nữa là hết năm phút nghỉ. Anh nhìn thấy trùng trùng, lòng lo sợ, tưởng như khi nó chạy hết vòng thì một cái nhìn kinh khủng sẽ xảy ra. Khi đủ sáu mươi sao, anh đứng phắt dậy, rên rỉ và lại đi.

Đi tới trưa, lúc nắng xuyên qua cành lá dày đặc rót những tia sáng vào trong bóng tối của rừng rậm. Mùi nhựa cây và tuyết tan xông lên nồng nàn trong rừng. Anh mới đi được có bốn chặng. Anh ngồi phệt xuống giữa đường, ngay trên tuyết, không còn đủ sức đi tới thân cây bulô lớn gần gần

ngay bên cạnh mà hầu như chỉ giờ tay là với đến. Anh ngồi đó hồi lâu, không nghĩ, không nhìn, không nghe, và cũng không thấy đói.

Anh thở dài, liệng vài miếng tuyết vô miệng, rồi gượng cử động, rút từ trong túi lấy cái hộp thịt đã sét ra. Anh dùng dao găm mở hộp. Mỡ đông đặc, anh bỏ một miếng vào miệng anh định nuốt, nhưng chưa kịp nuốt mỡ đã tan ra. Cái đói bỗng trào ruột đến nỗi anh muốn ăn một lần cả hộp thịt, nhưng anh lấy vài nắm tuyết nuốt để có cảm giác đã được ăn tiếp.

Trước khi lại ra đi, anh vót mấy cành tùng làm gậy. Chống gậy đi, anh vẫn thấy mỗi lúc đi mỗi khó khăn.

6

Ngày thứ ba của cuộc du hành qua rừng rậm mà chưa hề gặp một bóng người. Một chuyện bất ngờ xảy ra:

Anh thức dậy, lúc mặt trời vừa hừng sáng, run lấy bầy vì vừa lạnh vừa sốt. Anh thọc tay trong túi, thấy có cái bật lửa mà người thợ máy Iura đã lấy một cái vỏ đạn làm tặng anh để lưu niệm. Trước đó, thì không bao giờ anh nghĩ ra rằng có thể đốt được lửa. Anh bứt mấy cành cây khô có rêu, trên cây thông mà anh ngủ dưới đó hồi hôm, xếp thêm quả thông khô lên và quẹt lửa. Từ ánh lửa bốc cháy vàng vút lên một luồng khói đen. Củi khô và có mủ cháy lẹ thành một ngọn lửa vui vui. Lửa bắt vào quả thông, nhờ gió thổi, lửa cháy lan ra kêu rít rít.

Lửa lắ rắc, hơi nóng bốc lên ấm áp và khỏe người. Anh khoan khoái vô cùng, tháo phéc-mơ-tuya cởi áo, móc túi áo trong lấy ra một tập thư, giấy đã ngả màu vàng, dòng chữ tròn và nắn nót; anh lấy một bức, rút ra hình một chị nữ thanh niên người thanh tú, mặc áo hoa sặc sỡ, ngồi trên cỏ, hai chân chéo nhau. Anh ngắm nghía hồi lâu, rồi cất cẩn thận vào cái kẹp bằng nhựa trong, anh giữ trong tay, trầm ngâm giây lát, rồi lại bỏ vào túi.

- “Được mà, được mà, thế nào rồi cũng sẽ qua được mà”. Anh nói không biết với thiếu nữ, hay nói với chính mình. Rồi anh lại nhắc lại.

- Thế nào rồi cũng được mà...

Với cử chỉ đã trở nên quen, anh tháo ủng ra, cởi băng và ngó hai bàn chân anh. Chân lại còn sưng hơn trước nữa, và ngón chĩa ra các phía như từ một cái bong bóng đâm ra; màu thì tím ngắt, tím hơn cả hôm qua.

Anh thở dài từ giã đám lửa tàn và lại bước ra đi, gậy của anh chống xuống băng kêu kèn kẹt. Anh cẩn môi, sắp ngất đi. Bỗng nhiên, ngoài tiếng rừng vì vu mà anh đã quen tai, anh nhận ra từ xa có tiếng máy nổ. Lúc đầu anh cho là anh mê sáng vì mệt. Nhưng tiếng máy nghe rõ dần, lúc vang lên khi máy rồ, lúc chạy êm. Có lẽ là bọn giặc Đức đang đi theo đường này. Anh lạnh người.

Nhưng vì sợ, anh càng cố sức hơn. Quên mệt, quên đau, anh rời con đường lớn, đi vào rừng thông rậm rạp. Khi đã vô sâu, anh nằm vật xuống tuyết. Ngoài đường không thấy được. Nhưng anh thì có thể nhìn rõ con đường lúc ấy có nắng trưa soi sáng, với vừng dương chót vót trên đỉnh thông mã vĩ chơm chớm.

Tiếng động gần hơn. Tuyết còn in vết chân anh rõ quá, nhưng trễ quá rồi, không trốn được. Tiếng máy của xe đi đầu đã đến gần. Anh nằm sát xuống tuyết. Qua kẽ lá, anh thấy lướt qua một xe thiết giáp ngụy trang bằng vôi. Nó vừa chạy vừa ngả ngả nghiêng nghiêng, ầm ỉ vì tiếng dây xích, tiến gần đến chỗ vết chân nơi anh queo vô rừng. Anh nín thở. Cỗ xe thiết giáp đi luôn. Theo sau là một cỗ xe có bánh bọc xích, mở mui. Bên cạnh tài xế là một sĩ quan đội cát kết, mặt mũi so ro trong cổ áo lông màu nâu. Phía sau y, trên một cái ghế dài cao hơn, là một số lính bận áo choàng màu xanh gi đồng và đội nón sắt, đeo súng tiểu liên, bị lắc lư vì xe chạy. Một cỗ xe sắt theo sau hơi xa. Anh nghe tiếng máy nổ, tiếng xích xe nghiêng, và thấy chừng mười lăm lính Đức ngồi sát nhau thành mấy hàng trên xe. Mêrétxép vẫn nằm sát xuống tuyết. Xe đi gần đến rồi, anh thấy phà vào mặt một luồng mùi xăng nhớt ấm và hôi xì. Anh thấy tóc gáy dựng đứng, và bắt thịt rung lên. Nhưng xe đã đi qua, mùi xăng cũng tan bay mất và tiếng máy cũng xa dần.

Đợi tiếng máy xa hẳn, anh mới lần ra ngoài đường, nhìn đường còn hằn vết xích xe như những nấc thang dài vô tận. Anh theo vết đó mà đi. Anh lại đi từng chặng đều và nghỉ từng chập. Trưa đến, anh lại ăn như hôm qua. Nhưng bây giờ anh phải cảnh giác như một con thú rừng. Tai lắng nghe từng tiếng động, mắt trông trên, dưới, trước, sau, như đang có một con thú dữ tợn vô hình đang rình bắt anh.

Là phi công thiện chiến ở trên trời, lần này là lần đầu tiên anh gặp kẻ thù còn sống, còn nguyên vẹn, ở dưới đất liền. Anh theo bước của chúng và vừa đi vừa lăm ba lăm bầm. Ở đây, đời không tươi với chúng đâu. Bọn chiếm đóng quả là không được chút tiện nghi, niềm nở nào. Giữa rừng sâu,

sau ba ngày đi anh chưa hề gặp một bóng người, thế mà một tên sĩ quan phải cần cả đoàn hộ vệ mới dám đi đường.

- “Được mà, được mà! Thế nào rồi cũng sẽ được mà” Anh cứ đi, đi nữa, đi nữa, cố hết sức để quên đói, quên cái đau đớn đang hoành hành đôi chân và quên sức đang đuối dần. Những mẩu vỏ thông non và đọt bulô đắng khè, mà anh nhai nuốt mãi mấy hôm nay, cũng như những vỏ bồ đề mà anh nghiền mềm và quánh dính vào răng, nay chẳng làm anh bớt đói lòng nữa.

Đến đêm rồi mà anh mới chỉ đi được năm chặng đường. Anh đốt một đồng lửa lớn. Đốt được nhờ lấy quả thông và cành củi nhỏ trùm lên một thân cây bulô khổng lồ đã bắt đầu thối mục, đổ xuống đất. Gốc cây cháy dần và tiết ra một sức nóng ấm dễ chịu. Anh ngủ trên tuyết; thỉnh thoảng trở mình là mỗi khi thức giấc, anh cho thêm cành khô cho lửa khỏi tàn.

Nửa đêm có cơn giông tuyết. Những thân cây thông cao lớn rít trên đầu anh. Từng đám tuyết buốt người lẫn sát mặt đất. Bóng đêm hỗn hển và quay cuồng trên đám lửa vừa than van vừa phụt ra những tia lửa nhỏ tứ tung. Nhưng giông tuyết không thắng nổi anh; anh vẫn ngủ ngon, ham mê khoái trá bên lửa nóng.

Lửa giúp anh chống được thú rừng.

Còn giặc Đức, anh đâu có sợ, vì trong một đêm giông to, gió lớn như thế này, đời nào chúng lại dám vô rừng sâu. Tuy nhiên, thân thể anh mệt lả, anh gục xuống nghỉ ngơi, giữa làn khói phủ và trong hơi ẩm, nhưng tai anh vẫn lắng nghe như tai thú rừng, từng tiếng động nhỏ.

Sáng sớm, khi cơn giông đã dịu và sương trắng còn ôm ấp mặt đất, Mêrétxép tưởng như nghe thấy xen lẫn tiếng thông reo và tiếng tuyết rơi lộp độp xuống đất, tiếng bom đạn nổ, tiếng súng liên thanh từng hồi, tiếng súng trường, những tiếng chát chúa của một trận đánh ở xa xa vọng lại.

Anh tự hỏi:

- Lẹ quá vậy! Đã tới trận tuyến rồi ư?

Khi gió sáng đã đánh đuổi sương mù, rừng tỉnh giấc hiện ra bạc xóa, sáng sủa và vui tươi, ánh sáng long lanh trên cành băng đọng, mừng cho cuộc đổi thay mau chóng đó. Cả loài chim bắt đầu véo von, báo tin xuân sẽ tới. Mêrétxép lắng nghe vô ích, lúc này không còn thấy tiếng đánh nhau nữa, liên thanh và đại bác cũng đều lặng thinh.

Từ cây cao, tuyết chảy, mặt trời chiếu óng ánh từng sợi trắng mơ hồ. Đó đây lộp bộp rơi xuống tuyết những giọt xuân nặng trĩu.

Cảnh xuân rồi! Lần đầu tiên anh thấy cảnh xuân biểu hiện rõ rệt như thế. Anh đã quyết định sáng nay thức giấc thì ăn nốt chỗ tí xiu thức ăn còn lại trong hộp: mấy mẫu thịt vụn có lẫn mỡ thơm phức che ở trên. Cần ăn, vì anh thấy rõ là không ăn, thì không đứng dậy nổi. Anh chui cẩn thận cái hộp, tay bị cửa đứt mấy lần vì miệng hộp bén. Cảm giác là mỡ còn dính ở đáy hộp, anh lấy tuyết bỏ vào hộp, đặt lên lửa và anh uống ngon lành từng hớp nhỏ một thứ nước nóng pha mùi thịt. Anh bỏ hộp trong túi định dùng để uống. Uống trà! Thú vị quá. Anh sung sướng với sáng kiến này và mạnh dạn lên đường.

Nhưng một thất vọng lớn tới với anh. Giông tố hồi hôm đã phủ tuyết kín đường. Đường bị chặn bởi từng mô tuyết ngả nghiêng, chồm nhón hoắt, ánh sáng chiếu rọi xanh chói, làm cho mắt nhìn khó chịu. Tuyết mềm như bông nên mỗi bước lại bị sụt xuống lún chân. Mỗi lần bước là một lần ra sức kéo giò lên. Gậy thọc vào đó cũng chẳng tác dụng mấy.

Buổi trưa, gốc cây thâm sì trở lại và mặt trời giương mắt nhìn xuống đường qua những đỉnh cây. Anh mới đi được chừng một ngàn rưỡi bước, anh đã kiệt sức, anh phải vận hết sức mới lê thêm một bước. Anh loạng choạng; đất như thụt đầu mất dưới chân anh. Cứ mỗi phút là anh té, té rồi nằm chết hồi lâu trên một mô tuyết, rập trán trên tuyết kêu lắc rắc, rồi lại đứng lên đi thêm ít bước. Một cơn buồn ngủ không sao cưỡng được, tràn tới. Anh định nằm luôn ở đó, nằm quên hết mọi việc, muốn ra sao thì ra.

Anh đứng lại tê bại cả người, anh lão đảo. Song anh cắn chặt môi, cố bước thêm mấy bước nữa trên đường tuyết.

Chân anh đã lún sâu xuống.

Sau cùng, anh tự thấy không còn sức để đi nữa; không một sức mạnh nào trên đời làm anh rời được chỗ anh đứng, và nếu ngồi xuống thì không đứng dậy được nữa. Anh nhìn quanh nhón nhác. Gần đường có cây thông nhỏ cành lá xum xuê. Anh ráng sức bước lại cây và ngã thụp xuống. Một ngáng cây trúng dưới cằm anh, đỡ người anh, anh thấy khỏe được một chút. Nhờ cành cây ấy, anh co từng chân lên cho đỡ mỏi, đỡ đau, rút được chân ra khỏi tuyết. Nhờ làm như vậy anh nảy ra một sáng kiến, ừ phải. Chứ sao, hay nhất là chặt cây thông nhỏ này ra, vót thành một cây gậy, có chằng ba ở đầu. Anh đưa cái gậy ra xa, kê cằm vô chỗ chằng ba, rồi ấn tất cả sức nặng của mình lên, như anh vừa làm, kéo đôi căng tiến lên phía trước. Như thế lâu lắm, lâu nhưng không phải chờ cho tuyết đóng cứng thành băng. Anh ngồi ngã quỵ xuống, lấy dao chặt cành thông, tỉa cành lá, lấy khăn tay băng cột chằng ba cho êm rồi thử lại lên đường. Anh đưa gậy lên trước, tì cằm lên chằng ba, tiến lên một bước, rồi một bước nữa, lại đưa gậy lên trước, tì vào, lại tiến lên một bước, rồi một bước nữa. Anh đi như vậy, đếm từng bước đi và đặt những mục tiêu mới cho bước tiến của mình. Thật là một cảnh tượng kỳ quặc nếu ai thấy được cái con người nọ tiến lên giữa rừng thẳm bằng một cách không thể tưởng tượng được như vậy. Anh tiến giữa tuyết chất thành từng đồng với tốc độ một con sâu, đi từ sáng tinh sương đến tối mịt để di chuyển được có năm cây số. Nhưng rừng vắng vẻ chỉ có mấy chú ác là là thấy cảnh đó. Và, suốt mấy ngày đó, chim càng thấy rõ con vật kỳ lạ có ba chân ấy thật vụng về và vô hại. Anh đến gần, chúng chỉ nhảy tránh một bên, mà còn như tiếc công, rồi ngoái đầu lại phía anh, nó quan sát anh với những cặp mắt nhỏ, đen và tò mò.

Anh đi như thế hai ngày nữa trên con đường tuyết phủ. Đưa cây gậy ra phía trước, kê cầm lên và kéo chân bước tới. Chân anh đã tê liệt không còn cảm giác gì nữa. Nhưng mỗi bước, đau đón lại cắn xé toàn thân anh. Đói hình như không hoành hành nữa. Bao tử không còn bị gân rút nữa, nhưng anh thấy đau âm ỉ liên miên, y như vì nó rỗng không nên đã co lại và đè nặng lên tất cả các bộ phận khác của thân hình anh.

Alếchxây sống bằng vỏ thông non, mà mỗi khi ngừng bước anh lấy dao găm đeo hoặc mầm bulô, mầm tươn, và rêu ong moi dưới tuyết, rồi nấu trong nước mà ăn. Ngon nhất là được uống nước “trà” nấu bằng cây tỏi dại, lá tỏi dại lấp lánh ở những nơi tuyết đã tan. Nước nóng làm tỉnh người và cho anh cái ảo tưởng là không đói nữa. Anh uống từng hớp nhỏ nước nóng, đầy mùi oi khói và mùi lá khô mà thấy lòng như êm dịu hẳn.

Đêm thứ sáu, anh lại ngủ lần nữa dưới mái lều xanh của cành lá một cây mã vĩ tùng. Anh đốt lửa quanh một gốc thông già nhiều mù và nghĩ nó sẽ cháy tới sáng và sưởi ấm cho anh. Trời chưa tối hẳn; một con sóc vô tình chạy nhảy trên cành cao. Nó cắn trái thông nhọn và lâu lâu làm rơi xuống đất trái thông đã lột vỏ và giập vỡ. Bị cái đói ám ảnh, anh tự hỏi con sóc ăn gì trong trái thông. Anh lượm một trái, bẻ ngược một cái vẩy, và ngạc nhiên thấy trong có một cái hạt, lớn chừng bằng hạt kê, có một cái cánh nhỏ, trông y như một hạt bá hương nhỏ vậy. Anh lấy răng nhai, và thấy trên lưỡi một vị béo ngon như dầu. Anh liền nhặt những trái thông rơi vãi trên mặt đất; nó chưa nứt, anh bỏ vô lửa, lấy một cành cây đào đi đào lại. Vẩy nứt thì anh lượm lấy hạt bỏ vào trong bàn tay mà sát. Anh thổi cho những cánh bé bay đi, rồi bỏ cả nắm hạt vô miệng

Tiếng rừng êm êm. Gốc cây sần có mù cháy, khói bốc lên làm cay mắt. Lửa cháy khi thì bốc ngọn, khi lại lụi dần.

Alếchxây cho thêm vài cành cây vào đồng lửa rồi lại lượm trái thông, lấy hạt. Mùi dầu bá hương nhắc anh những hình ảnh hồi thơ ấu xưa mà đã từ lâu anh quên rồi... Đây là gian phòng với bao đồ vật quen thuộc. Đây là cái

bàn, là cái đèn treo giữa nhà. Má anh mặc áo tết, đi lễ nhà thờ về. Trịnh trọng, từ trong một cái hộp mở lấy ra một gói giấy trong đó có những hột dài dài, rồi bày cả vào một cái đĩa. Cả nhà sum họp: má, bà nội, hai anh và Mêrétxép là con út. Mọi người ngồi quanh bàn và bắt đầu bóc vỏ; hội vui là có lệ được ăn món quà ngon đó. Không ai nói gì cả. Bà thì khêu hột nhân bằng trâm cài đầu, má thì khêu bằng cái kim tây; má bữa vỏ ra khéo vô cùng, trích hột ra, rồi sắp thành đồng. Thịnh thoảng má lại hốt một nắm bỏ vô miệng từng đứa con. Cậu nào được chọn thì sung sướng lắm vì không những được ăn mà còn được bàn tay má ấp lên môi, bàn tay chai cứng của người lao động cần cù không lúc nghỉ, và trong ngày hội vui đã thơm phức mùi xà bông thơm.

Kamisin... thời thơ ấu... Cuộc đời êm ả biết bao trong gian nhà nhỏ hết sức tầm thường đó trong cái phố ở ngoại ô... Rừng dào dạt, mặt anh nóng bừng tuy trời lạnh đã thấm nhói vào lưng anh. Một con cú kêu đêm, vài con cáo rít. Chồm hồm bên lửa, một người mệt rũ, ốm đói, mơ màng nhìn củi cháy. Anh cô độc trong rừng sâu, và trước anh, là một con đường anh chưa biết nó ra sao cả, đầy hiểm nghèo và thử thách bất ngờ.

- Được mà, được mà. Thế nào rồi cũng được mà... - Anh đột nhiên nói vậy, và lửa tàn đỏ ỏi hắt ánh sáng lên cặp môi nứt nẻ dường như nở một nụ cười với những mộng tưởng xa xôi.

Sau bảy ngày đi, Alếchxây đã hiểu tiếng vọng của cuộc chiến đấu trong cái đêm giông tố đã từ đâu đưa tới.

Kiệt sức, anh buộc phải mỗi lúc mỗi dừng lại để thở lấy sức, anh kéo lê trên con đường rừng đương khoảng tuyết tan. Mùa xuân không còn chỉ mỉm cười đằng xa. Mùa xuân đã tiến vô rừng sâu, mang vào đó hơi thở ấm áp, mạnh mẽ của mình. Ánh nắng xuân đã chĩa xuyên qua rừng, và làm tan tuyết nên đất. Mỗi chiều, quạ quàng quạc rất buồn. Những con quạ đen, nghiêm nghị, trên những móm gồ trên đường; tuyết ướt át, mỏng trong như mật ong, đã để lộ đất nâu ở dưới. Những mảng nước loáng loáng đó đây, hương thơm mạnh mẽ và ngậy ngất làm người và vật đều phải say sưa.

Từ thừa nhỏ, anh vẫn ưa mùa này. Cả trong lúc này, lúc anh đang lê đôi chân đau đón ê chề trong đôi ủng ướt sũng rách ra từng mảng, lúc anh đang ngất lên ngất xuống vì đói lả và cực nhọc, lúc anh bức bối tức tối với những vũng nước, với tuyết, với bùn dính bê bết, anh vẫn say sưa hít những hương thơm mát dịu của mùa xuân. Anh chẳng nhìn xem mình đặt chân vào đâu nữa, chẳng đi vòng tránh vũng nước nữa. Anh bì bõm, té xuống, đứng lên, tì nặng nề lên trên gậy, dừng lại, lão đảo, và lấy tất cả sức bình sinh, lại ném gậy về phía trước...

Bỗng đến lối quẹo, đột ngột ngoắt sang tả, anh dừng lại. Ở một chỗ, giữa hai bụi mã vĩ tùm, con đường đặc biệt hẹp lại, anh nhận thấy những chiếc xe hơi Đức đã vượt anh trước kia đương bị hai cây thông chặn lại. Gần hai cây đó, cỗ xe ô tô bọc sắt đứng im, cỗ xe giống như chiếc nồi ấy; nó húc mũi vào thân cây. Và, giờ thì xe không còn màu trắng lốm đốm mà nó đã ngả màu đỏ tía, mình xe chúi xuống trên vành bánh sắt, vì vành bánh cao su đã bị đốt cháy rụi. Không xa, dưới một gốc cây, tháp của pháo xe từ trong tuyết nhô lên như một cây nấm kỳ quặc. Ba xác của người ngồi trên xe nằm gần ngay đó, vẫn còn y nguyên áo khoác màu đen dính đầy dầu mỡ và y nguyên mũ da.

Hai cỗ xe có bánh bọc xích cũng bị đốt. Vỏ xe ngoài bây giờ đỏ, nhưng trong đen xì. Cả hai đã đâm vào xe đầu, và tuyết tan quanh xe, đen xì vì bồ hóng, tro bụi và tàn tích xe đã cháy rụi. Khắp nơi, hai bên đường, trong các bụi rậm, xác lính của Hítler chết nằm rải rác. Thấy rõ là chúng đã hoảng lên, tới tấp chạy chẳng hiểu đã xảy ra chuyện gì, chẳng nhận ra cái chết chờ chúng ở từng gốc cây, từng bụi rậm, lẫn trong tuyết xoáy mịt mù. Xác tên sĩ quan bị trói vào một thân cây, còn mặc nhưng phục nhưng quần thì bị tuột ra. Một miếng giấy còn ghim trên áo xanh, cổ màu thẫm có ghi: “Kiếm gì, đã tìm được nấy”; và ở dưới có thêm chữ người khác viết, bằng chì mực, chữ lớn nét đã phai màu: “Chó”.

Alếchxây tìm mò lên mãi trong chỗ phục kích ấy để tìm kiếm một thứ đồ ăn. Anh chỉ thấy trong tuyết một mẫu bánh bích quy đã mốc mà chim chóc đã mổ nát. Anh đưa vô miệng và hít lấy hít để mùi chua của bánh bột lúa mạch. Anh muốn nhét vội vô miệng tất cả, để nhai ngấu nhai nghiền chỗ bột có mùi bánh. Nhưng anh phải chia ba rồi lấy hai “phần cất vào túi. Còn miếng kia thì anh bốc từng vụn nhỏ, bỏ vô miệng nuốt như con nít ăn kẹo để hương vị còn lâu trong miệng cho thích.

Anh đi quanh trận địa một vòng nữa, và anh nghĩ: “Du kích phải gần đây, đâu đây không xa, vết chân còn in trên tuyết mềm quanh những bụi rậm và thân cây, chắc chắn là của họ. Biết đâu trong lúc anh đang đi trong đám xác chết, một người trinh sát, núp cao vót trên một cây thông, hay sau một bụi rậm hoặc một đồng tuyết, lại đã chẳng nom thấy anh rồi.” Anh đưa hai tay làm vòng trước miệng và ráng sức kêu lên:

- Ôi anh em du kích ơi!

Tiếng anh yếu quá làm cho anh lo. Tiếng vang lên trong rừng cây, từ cây này sang cây khác. Trong rừng thẳm tiếng đó vọng lại tai anh, anh thấy hình như cũng còn lớn hơn tiếng anh. Anh ngồi bệt xuống tuyết bên cạnh máy móc đã cháy đen, cạnh xác im lìm của kẻ thù, và lại kêu lên:

- Du kích! Anh em du-u-ki-i-ích ơi!

Sau khi kêu, anh lắng nghe, chẳng mấy lúc anh khàn cổ và mất tiếng. Anh hiểu ra rằng du kích phục kích được rồi, đã mang theo chiến lợi phẩm

rút đi từ lâu. Ở lại trong cảnh rừng vắng vẻ này làm gì nữa? Tuy thế anh vẫn hy vọng ở một phép màu nào đó, từ những bụi rậm, có thể nhô ra những người râu ria dài rậm mà anh thường nghe nói có ở trong rừng. Rồi anh được nhật lên, rồi anh được mang đi, rồi anh sẽ được nghỉ một ngày hay một giờ cũng được, được người thân săn sóc, không cần lo gì, làm gì cả nữa. Nhưng chỉ có rừng dội lại tiếng anh kêu. Bỗng nhiên, nhưng có lẽ đây chỉ là một ảo tưởng, do tâm trí anh căng thẳng quá mà phát sinh ra thôi, anh nghe thấy, qua tiếng cây cọ du dương và nghiêm nghị, có những tiếng như tiếng nền trầm và mau, khi rõ, khi mờ. Anh rùng mình, chẳng lẽ tiếng một người bạn nào vọng vào tai anh trong chốn rừng xa này chăng? Anh không tin tai anh nữa, và ngồi dỏng cổ lắng nghe...

Những không, anh không lầm. Một luồng gió mát thoảng qua, từ phương đông đưa tới và lần này thì rất là rành mạch, mang đến tai anh một lần nữa tiếng bắn của đại bác. Mà không phải là tiếng bắn cầm chừng cách quãng, như là trong những tháng vừa qua thường nghe thấy ở khắp chiến tuyến nơi bộ đội hai bên đóng vững chắc trong những chiến tuyến phòng thủ vững chắc, chỉ trao đổi những cơn bắn lẫn nhau mà thôi. Tiếng súng mau dồn dập, rầm rầm như ta đảo đi lộn lại cả một đồng gạch lát, hay như tiếng đâm thình thình vào đáy một cái thùng bằng gỗ sơn. Đó là một cuộc chiến đấu dữ dội của pháo binh. Cứ nghe tiếng nổ, chắc chiến tuyến chỉ xa chừng mười cây số. Rõ là một bên tấn công và đối phương chống trả lại kịch liệt. Sung sướng, nước mắt Alếchxây chảy dài trên má. Mắt anh nhìn về phương đông. Con đường chạy trước mặt anh chừng một quãng, lại queo ngoặt hẳn lối khác và trước mắt anh, mênh mông cả một vùng tuyết. Những tiếng gọi nọ vang lại chính từ phía đó. Chính phía đó là nơi những vết chân chưa tới, những vết dài dài in trên tuyết của chân du kích quân; chỗ ở đâu đây thôi, những vị anh hùng đó của rừng sâu.

Anh lại lầm nhầm tự nhủ:

- Được mà, được mà, các đồng chí! Thế nào cũng được mà...

Rồi anh mạnh dạn cắm gậy vào tuyết, kê cắm vào chẳng ba tì cả sức nặng của mình lên, rồi mệt mỏi nhưng kiên quyết, anh lê chân trên đồng

tuyết. Anh bỏ con đường lớn và tìm vào cánh đồng đầy tuyết phủ.

Anh chỉ đi một trăm rưỡi bước trong tuyết suốt ngày đó mà cũng chẳng được. Hoàng hôn buộc anh ngừng bước. Anh lại kiếm một gốc cây già, xếp củi khô xung quanh, móc túi lấy cái bật lửa quý báu ra, rồi quẹt ngón trên bánh xe, quẹt lần nữa, rồi lạnh người. Bật lửa đã hết xăng rồi. Anh lắc, lắc và thổi, hòng còn một chút hơi xăng đủ mồi. Nhưng vô ích. Bóng đêm đã tới. Những tia lửa nhỏ yếu của bánh xe quẹt chỉ làm tan giầy lát bóng tối quanh mặt anh. Đá lửa mòn đi, nhưng chịu không mồi được lửa.

Anh bò mãi mò tới gốc một bụi thông rậm rạp, nằm co mình tằm, hai tay ôm ghì và gối ấp lên cằm. Anh lẩn không cựa, chăm chú nghe tiếng núi rừng. Có thể là đêm đến làm anh tuyệt vọng, nhưng tiếng súng đại bác lại vọng vào rừng thẳm rõ đến khiến anh phân biệt được tiếng động gần khi pháo nổ và tiếng rền vang khi đạn rơi.

Sáng dậy, thấy lòng man mác, lo âu và đau đớn, Alếchxây tự hỏi: “Chi đây? Ta vừa mới nằm chiêm bao phải không?”. Anh nhớ tới cái bật lửa. Nhưng mặt trời mờ mờ đang sưởi ấm người anh và quanh anh. Tất cả sáng chói, tuyết loăng và mềm, thân cây cao và lá cây nhọn. Cái bật lửa không còn là một tai nạn lớn đối với anh nữa. Nhưng nguy nan còn hơn cả thế nữa. Tháo hai tay ê ẩm ra, anh thấy anh không sao đứng dậy nổi nữa. Anh cố gắng. Rút cuộc chỉ làm cho gậy chằng ba bị gãy và anh té xuống đất như một cái bị. Anh nằm ngửa lên cho tay chân thoải mái, nhìn mặt trời. Qua những cành cây lờm chờm lá nhọn, là nền trời xanh vô tận và mây trắng như bông viền vàng, bay nhanh nhẹn, bên cạnh ánh nắng hồng. Anh tỉnh dần, nhưng chân anh khác hẳn thường, không sao đứng được nữa. Anh bám cây thông và tính đứng dậy nữa. Nhưng khi anh định bước tới cây thì anh bị té liền. Anh không những thấy yếu lắm mà lại còn thấy đau đớn nhiều hơn, đau đớn ghê gớm ở hai bàn chân.

Phải chăng là tận số? Anh chỉ còn chờ chết thôi sao, dưới những cây thông này, mà không chừng không ai biết tới; không ai chôn cất, xương anh để thú rừng gặm nhấm? Kiệt sức, anh nằm ì dưới đất. Nhưng đại bác nổ xa

xa. Chiến trận nơi kia, nơi kia là người mình... Chẳng lẽ không kiếm thêm ra được trong mình chút sức để thẳng bầy, tám cây số này ư?

Tiếng đại bác lôi cuốn anh, nâng đỡ anh, kêu gọi anh mạnh mẽ, và anh hưởng ứng lời kêu gọi. Anh bèn bò bốn chân như con vật và lết về phương Đông.

Lúc đầu anh cảm cố bò càn theo tiếng súng xa xa, sau đó, anh hiểu rõ chống gậy đi không bằng cứ bò như thế, có lẽ dễ dàng hơn: anh sẽ bớt đau đớn vì chân anh không phải chịu đựng sức nặng của toàn thân. Bò như thú vật, anh sẽ tiến mau hơn nhiều.

Một lần nữa, anh cảm thấy niềm vui tràn ngập đầy ngực anh, lên tới cổ họng và anh nói lớn, không phải với riêng anh mà hình như với một kẻ thất chí, đang nghi ngờ kết quả của cách tiến lên khó tưởng ra được đó của mình:

- Được mà, cậu mình ơi! Lần này nhất định được mà...

Đến chạng vạng đầu, anh phải nhét hai tay cồng buốt vô nách hồi lâu cho ấm. Anh bò tới gần cây thông non, và bóc mấy miếng vỏ vuông, gầy cả móng tay, rút ra được mấy sợi trắng dài ở thân cây bulô ra. Anh lại rút từ trong ủng ra vài mảnh khăn quàng len để bọc lấy tay. Rồi anh đóng một vuông vỏ cây như đế giày vậy, lấy sợi gỗ và băng vải buộc lại. Thế là ở tay mặt, anh có như một cái đế rộng và tiện thiết bị cho tay trái, anh phải lấy răng mà cột, nên hai tay không đều nhau. Nhưng dù sao hai tay anh thế là có hai tay nịt như đi giày, và Alếchxây tiếp tục bò, có cảm tưởng rằng tiến lên như dễ hơn. Đến chạng sau, anh cột hai miếng vỏ nữa vào đầu gối.

Đến trưa nắng dữ hơn, anh đã đi được khá nhiều “bước” với đôi tay. Hoặc anh đã tới gần, hoặc do ảo tưởng khi nghe, anh nghe tiếng đại bác mỗi lúc một to thêm. Trời nực quá nên anh mở nút bộ áo liền quần, và mở móc gài cho mát.

Anh bò qua một bãi lầy nhỏ, có những mô đất xanh nhô lên dưới tuyết, và bỗng tìm thấy một cái hay: dưới rêu xám và xù xì, anh thấy những cành nhọn nho nhỏ có lá nhọn hoắt và ánh sáng; giữa những lá, trên mặt những

mô đất, có những trái nhỏ màu đỏ sẫm, hơi răn reo, nhưng phồng đầy nước chua.

Alếchxây cúi trên đồng rêu và hái bằng môi, trong nhung ẩm của rêu, những trái nham lê đầm ao, có mùi mát và ướt. Đó là món ăn đầu tiên qua mấy ngày nay. Vị vừa ngọt vừa chua, khiến trái vô bao tử lại cào ruột anh. Nhưng anh không có nghị lực để cho cái cảm giác đau nhói và nhức nhối đó nguôi đi. Anh bò từ mô đất này tới mô đất kia, dùng môi, dùng lưỡi hái trái cây đầy nước và thơm tho mà ăn, giống như một con gấu. Cứ như thế anh “dọn” nhẵn mấy mô đất; anh chẳng thấy cái lạnh của nước vừa từ tuyết tan ra, thấm vào da của anh, cũng chẳng thấy cái đau tấy lên ở chân, chẳng thấy cái mệt nữa; anh chẳng thấy chi cả, trừ cái cảm giác giòn ngọt mà chua đầy miệng anh và một ấn tượng no đầy vui thích trong bao tử. Anh ọ ọ mưa. Anh biết anh ăn nhiều quá, nhưng anh không nỡ bỏ trái cây ấy. Anh tháo bộ đồ đóng ở tay ra, và hái thêm nữa bỏ vô hộp và mũ phi công rồi anh buộc ở dây lưng và tiếp tục lại bò, khó lắm mới thẳng cơn buồn ngủ.

Tối đến, anh nghỉ ở một gốc thông già, ăn trái cây dại, nhai vỏ thông và hột mã vĩ từng xong, anh ngủ một giấc ngủ lo âu. Nhiều lần anh cảm thấy như có người lại gần anh trong bóng tối một cách lặng lẽ. Anh mở mắt nhìn ra, lắng nghe, lắng cho đến ù cả tai, rút súng và chờ, im lìm như một cục đá, chỉ nghe thấy tiếng trái thông rớt, tiếng tuyết nứt, và tiếng nước róc rách dưới băng, là đủ giật mình thon thót.

Mãi đến gần sáng, anh ngủ thiếp đi. Tỉnh dậy, trời đã sáng lâu. Bên cạnh cây nơi anh ngủ, anh thấy dấu chân xinh xinh của một con cáo, đuôi cáo lê thành một vết dài nhẹ.

Vậy ra tại con vật này mà hồi hôm anh ngủ không được. Dấu chân cáo chỉ rõ nó đi quanh quần nhiều vòng ở chỗ cây anh nằm. Một ý nghĩ ghê rợn thoáng qua trí anh. Những người thợ săn thường nói con vật tinh khôn này hay đánh hơi theo dõi, rình mò người sắp chết. Phải chăng có sự báo hiệu như thế mà con vật sợ người này lại quyến theo anh?

- “Nghĩ bậy mà! Rồi được mà!”. Anh nghĩ vậy để giữ tinh thần và lại bắt đầu bò tới, bò nữa, cho mau xa nơi đó.

May mắn khác lại đến với anh bữa nay nữa. Trong một cụm đỗ tùng thơm tho, anh lượm đầy miệng trái rừng xanh biếc, anh thấy một cuộn lá khô lăn tròn trông là lạ. Anh lấy tay sờ nó, cuộn lá nặng và không rẽ ra. Anh liền rút lá, và chọc tay vào trong. Một con nhím to! Thật không sai, đó là con nhím to, già, kiếm hốc cây này để nằm mùa đông, cuộn mình trong lá cây. Anh vui sướng như điên. Từ lúc đầu tiên trên đường đi khổ cực này anh đã thèm thịt chim hay thú rừng. Đã bao lần anh lấy súng nhắm bắn con chim khách, con cà cưỡng hay con thỏ rừng nhưng mỗi lần, tiếc thì tiếc, anh đã kìm lại ý muốn bắn. Anh còn ba viên đạn, hai viên. Bắn kẻ thù, còn một viên bắn mình nếu cần. Anh đành phải tra súng vào bao. Anh không có quyền làm liều.

Thế mà lần này một miếng thịt lại tự nhiên lọt vào tay anh. Anh không cần biết con nhím bị coi là thú vật hôi hám. Lanh lẹ anh hất lớp lá quanh mình nhím xong. Con vật vẫn ngủ và lăn tròn như một hạt đậu to trông buồn cười, gai lờm chờm. Anh đâm nó một nhát, giết chết và mổ ruột, vụng về lột lớp da vàng ở bụng và rút ra bộ giáp có lông nhọn cứng. Rồi anh cắt mồi ra từng và nhai lấy nhai để; thú vị biết bao, thịt nhím ấm ấm và dai dính với xương. Anh ăn một hơi hết không còn một mẩu. Xương nhỏ cũng nghiền ra và nuốt hết. Chỉ bấy giờ anh mới thấy trong miệng có mùi hôi thối. Nhưng mặc kệ mùi hôi, hôi, có nghĩa lý gì so với cái được, anh cảm thấy ấm lòng, toàn thân no nê, khoan khoái ấm áp, muốn thiu thiu ngủ.

Anh mút thêm một lần nữa mấy mẩu xương, rồi nằm dài trên tuyết để hưởng cái khoái trá được ấm áp, được nghỉ ngơi. Có lẽ anh ngủ quên nếu không nghe được tiếng cáo như lo âu chi đó trong bụi cây. Alếchxây rình chờ, và bỗng nhiên, vượt trên tiếng đại bác, luôn luôn anh vẫn nghe thấy rầm rì từ phương Đông vọng lại, anh còn nhận thấy tiếng súng liên thanh lách tách, lách tách. Lập tức anh thấy hết mệt. Anh không nghĩ đến con cáo trong bụi nữa, không nghĩ tới nghỉ ngơi nữa, và anh lại bắt đầu bò trong rừng sâu, tiến lên mãi...

Qua khỏi quãng đất bùn lầy, Mêrétxép đi tới một quãng rừng thưa có một hàng rào cũ, màu xám, làm bằng cành cây, dây choại cột chéo xuống và có cọc nhỏ đóng xuống đất.

Qua hai cái rào, thấy dưới tuyết có một con đường không có người đi nữa, vậy là có một căn nhà không xa! Tim Alếchxây bắt đầu đập dồn dập. Chắc không thể gặp bọn Đức ở một cõi hoang vu này. Mà nếu có nữa, thì hẳn cũng có người của mình, và đồng bào mình chắc hẳn là vui lòng che chở, nuôi nấng và giúp đỡ cho một thương binh.

Giờ cuối cùng của cuộc hành trình gian khổ đã đến chẳng? Anh bò tới không kịp thở nữa, té gục mặt xuống tuyết. Anh ngất đi, khi tỉnh lại bò nữa, bò mau cho tới chỗ cao cao chút ít kia, mà anh chắc là ở đó, thấy được làng, nơi anh sẽ thoát nạn. Anh ráng hết sức còn lại để tới nơi có người, và không để ý rằng ngoài hàng rào và con đường lồi lõm càng ngày càng thấy rõ dưới tuyết tan, không có gì biểu hiện ở đó có bóng người.

Đã tới đỉnh dốc, anh hỗn hển, đớp không khí từng hơi. Anh ngẩng mặt, rồi nhắm ngay mặt lại vì cảnh vật anh vừa thấy khủng khiếp quá:

Cách đây không lâu, chắc chắn đây là một thôn xóm nhỏ miền rừng. Còn đoán được địa điểm vì có hai hàng ống khói còn lại nhô lên bên các đồng gạch khói cháy rụi, phủ trắng tuyết. Từng quãng, còn thấy hàng rào, hàng giậu hoặc những bộ xương cây trồng trước cửa sổ mà hiện nay vẫn đứng dựng với hình bóng đã cháy đen. Giờ đây, là một bãi tuyết hoang vu, trên đó ống khói nhô lên như những gốc cây bật rễ. Ở giữa làng, còn sừng sừng một cách vô nghĩa cái cần cây kéo nước giếng mà cái gáo gỗ có đóng đai sắt đã mốc meo, lung lẳng ở đầu cái xích gùi, còn đưa đi đưa lại trước gió.

Ở cửa làng, cạnh một cái vườn nhỏ có rào sơn xanh, hãy còn vòng nguyệt xính xắn của cửa làng mở ra mở vào quanh bản lề gùi và rít. Không một người, không một tiếng động, không một mẩu khói. Đó là một bãi sa mạc. Giống như không có ai ở đây từ hồi nào tới giờ. Một con thỏ giật mình, vì thấy Alếchxây, từ một bụi rậm sỏ ra, cái dít ngoe nguẩy trông hay

hay, và chạy cố xác. Nó chạy thẳng vào làng, ngừng lại, đứng dựng lên như một cái bia, giơ hai chân về phía trước, vểnh tai, lặng yên một lát, rồi nhận thấy con vật kỳ lạ đang bò theo nó, nó nhảy mất, chạy theo lớp rào cháy đen và vắng ngắt.

Như cái máy, Alécxây tiến tới nữa. Những giọt lệ lớn chảy trên đôi má râu ria rồi lăn xuống tuyết. Anh cũng ngừng lại gần chỗ cửa làng nơi con thỏ vừa ngừng lại lúc trước. Một miếng bảng hãy còn hàng chữ: "...Trẻ!". Có thể nhận ra liền, là ngay sau hàng rào xanh, trước đây là một gian nhà xinh đẹp chắc dùng làm vườn trẻ. Còn lại đó những cái ghế dài tí hon bào láng bóng do bác thợ mộc trong làng đóng cho các em. Anh đẩy cửa và đến gần một cái ghế, định ngồi. Nhưng vì lưng anh quen bò rồi, nên khi ngồi thẳng anh thấy xương sống đau như. Muốn nghỉ, anh nằm trên tuyết, mình lăn tròn như một con thú kiệt sức.

Tuyệt vọng tràn tới.

Cạnh ghế, tuyết đã tan. Mắt nhìn rõ được hơi nóng mờ mờ bay lên khỏi chỗ đất trở nên đen. Anh cầm một nắm đất nóng ấm và dính dính; đất rã ra trong tay anh và một mùi phân ẩm ướt xông lên: mùi chuồng, mùi đời sống!

Mặt trời lặn xuống hàng răng cửa lồm chồm của rừng cây. Alécxây lại bò qua cái trước kia là đường làng mà nay không còn gì cả. Một mùi thối của xác chết xông lên từ những ngôi nhà bị cháy.

Làng này còn hiu quạnh hơn cả khu rừng hiu quạnh nhất. Bỗng nhiên một tiếng động làm anh giật mình. Ở trong đồng gạch ngói của gian nhà cuối, anh thấy một con chó. Một con chó rất thường, to, hay nuôi ở sân, lông dài, tai rủ lòng thòng. Một con chó kiểu chó Bôbích hay Giúcca rất thông thường. Nó gặm gừ gặm một miếng thịt nhời nhời, hai chân trước ôm lấy miếng thịt. Vừa thấy anh, con chó mà trước kia có lẽ rất ngoan, thường bị bà chủ nhà cầm chổi dọa hay được con nít vuốt vuốt ve ve, hiện nay, đổi khác hẳn, nó giơ nanh và sủa. Mắt nó hung dữ khác thường làm cho anh rợn tóc. Anh rút miếng vỏ độn tay để rút sẵn súng. Trong chốc lát, người và con chó đã trở thành thú dữ nhìn nhau chòng chọc, như thách thức nhau.

Nhưng rồi con chó như nhớ lại những chuyện cũ nào; mõm nó gục xuống, đuôi nó ve vẩy như nó thấy lời mình. Nó tha mồi và cụp đuôi xuống rút lui vào sau đồng cây, gạch ngói lộn xộn.

Bây giờ Alếchxây chỉ còn nghĩ tới một chuyện: trốn ngay khỏi chốn này! Anh cố gắng dùng quãng thời gian ngắn ngủi trời còn sáng để vượt qua cánh đồng này đi tới rừng, không cần chọn đường, chỉ theo linh tính. Anh lắng nghe tiếng đại bác giờ đây đã rất rõ, mà bò tới. Tiếng súng lôi cuốn anh như đá nam châm hút sắt, sức hút càng mạnh khi anh bò càng sát lại gần.

Anh còn lê lết thêm một ngày, hai ngày, ba ngày... Anh đã quên mất cả thời gian. Tất cả gom lại trong những cố gắng không ngừng để cử động... Có nhiều lúc, anh muốn thiếp đi, không biết là ngủ hay ngất đi nữa. Anh vừa đi vừa ngủ, lòng quyết tâm đi về phương Đông mạnh mẽ đến nỗi anh cứ thế mà tiến, bất tri bất giác, cho đến khi đụng phải bụi cây, trượt tay hay vấp mặt trong tuyết lạnh đã tan ướt át, anh mới tỉnh dậy. Ý thức và tư tưởng anh mơ mơ hồ hồ, đầu anh luôn luôn căng thẳng và chỉ có một mục tiêu là bò để tiến, tiến cho bằng tới.

Anh đi đường luôn luôn để ý đến các bụi cây, nhưng không thấy con nhím thứ hai. Anh ăn những trái cây dại dưới tuyết và mút râu mà sống. Có một lần, anh té đụng một ổ kiến lớn. Ổ kiến đứng sừng giữa rừng như một đồng rơm chất vững và được mưa vuốt nhẵn.

Kiến còn ngủ, ổ kiến bề ngoài như vắng hoe. Anh đụng tay vô cục đất cứng đó và khi rút ra thì kiến nhỏ bu đen tay anh, nó cắn chặt lấy da. Anh cho tay vào miệng và ăn. Mùi vị chua và rát làm cho anh khoan khoái vô cùng vì miệng anh khô nẻ cả. Anh thọc tay vô mấy lần nữa cho đến khi đánh thức cả ổ kiến. Bị đột kích bất ngờ, kiến chống đỡ dữ dội. Tay, môi, lưỡi anh bị cắn. Kiến còn chui vào làn áo da và cắn cùng mình anh, nhưng kiến đốt giờ đây anh lại thấy dễ chịu. Anh khát nước, anh thấy một vũng nước sinh giữa mô đất. Anh cúi xuống và bồng rùng mình một cái. Nước như một tấm gương đen xì phản ánh màu trời xanh ngắt; từ đáy tấm gương ấy, nhô ra một hình thù ghê tởm. Cái gì trông như một cái đầu lâu có làn da đen xì bọc lấy và lởm chởm những tóc xoắn cùng râu? Mắt anh sâu hoắm sáng lên như đôi mắt thú dữ, tóc rối bù bồm chồm trên trán dính lẫn những sợi tuyết băng lòng thông.

- Phải là ta không? - Anh tự hỏi.

Anh không dám cúi xuống lâu hơn. Anh nuốt một ít tuyết, rồi lại đi về phương Đông như có sức điện từ hấp dẫn.

Đêm đến, anh định ngủ ở một hố bom mà sức nổ đã làm cho đất cát dựng lên một ổ súng. Trong hố, không khí im lặng hơn. Gió không thổi thốc vô và chỉ nghe tiếng cát tuột từ trên miệng xuống. Từ dưới hố bom anh thấy sao trên trời thật sáng và tựa như treo kể trên đầu. Cành thông xum xuê, lá rung rinh dưới sao thật chẳng khác một bàn tay phúi mãi bụi và mài giũa cho những ngọn lửa lập lòe đó.

Sáng, trời lạnh hơn nhiều. Mù sương giá lạnh bao trùm khu rừng. Gió xoay chiều thổi từ phương Bắc lại.

Sau đêm đó, anh thấy yếu hơn bao giờ hết. Anh không buồn nhai vỏ cây thông mà anh còn để dành trong túi. Anh uể oải bò dậy không nổi, tưởng người anh như gấn xuống dưới đất trong ban đêm. Không buồn phúi tuyết đọng trên tóc, râu, anh bò lên khỏi hố bom. Nhưng tay anh yếu ớt tuột trên sườn hố đầy băng trong đêm. Anh cố đu mình nhưng không lên nổi. Anh lại ngã xuống đáy phễu. Và mỗi lần như thế, anh thấy sức đuối thêm. Cuối cùng anh kinh hoàng nhận ra rằng nếu không có người giúp sức, chắc anh không lên thoát khỏi hố. Ý nghĩ ấy đẩy anh phải cố, phải tự lực. Anh cử động thêm ít nữa nhưng lại bị tuột xuống, kiệt sức và bất lực.

- Thôi kệ, thế là xong.

Anh co mình nằm dưới hố. Anh rút thư trong túi, những bức thư nhàu nát, nhưng anh không còn đủ sức đọc nổi nữa. Anh cầm cái hình bọc trong giấy kính, rút hình ra, hình cô thiếu nữ trẻ, mặc áo xiêm sặc sỡ ngồi giữa đồng cỏ nở hoa. Anh mỉm cười cùng cô một cách nghiêm trang buồn bã, và hỏi cô:

- Phải chăng là vĩnh biệt? - Bỗng nhiên anh rùng mình; hình còn trong tay anh lạnh yên. Trên kia, cao hơn rừng cây, trời lạnh ngắt, hình như có tiếng động quen tai.

Một mối, buồn ngủ hình như tan mất. Thực ra tiếng động không có gì lạ đâu. Tiếng động ấy lại nhỏ lắm, có lẽ một con thú lảng rình cũng không nghe rõ giữa tiếng thì thầm đều đều của cây cao, nhưng anh thì anh nghe thấy rất rõ vì có nhiều tiếng rít riêng. Anh đoán chắc không thể lầm: đó là tiếng máy bay săn giặc - giống những kiểu máy bay anh vẫn cầm lái.

Tiếng máy gần dần, lớn dần và rú mạnh thành tiếng rít và tiếng rền trong khi lượn trên trời. Rồi Alếchxây thấy, rất cao, trên trời xám, một hình chữ thập bay chậm, có lúc bay lẫn trong mây, rồi có lúc lại lộ ra. Rồi anh thấy hình như những ngôi sao đỏ trên cánh ngay trên đầu anh.

Anh thấy mình ngồi trong máy bay. Nháy mắt, hút một điếu thuốc thôi cũng chưa xong, anh đã về tới trường bay giữa rừng. Ai vừa bay qua đó nhỉ? Phải Andơrây Đếchcharencô bay thám thính buổi sáng?

Nhân lúc lòng thầm mong kiếm ra được một chiếc máy bay địch. Máy bay?... Bọn hữu?...

Anh thấy tràn lên anh một luồng sức mạnh mới. Anh nhìn lên sườn hố đầy băng tuyết. Thế nào thế? Không ra nổi sao hả? Nằm sóng soài đó chờ chết mà coi được à? Rồi anh lấy dao găm ra và từng nhát chậm chạp và yếu ớt anh đào những bậc thang trong cát cứng lạnh. Anh gầy cả móng tay. Ngón tay chảy máu, nhưng anh cứ cầm cúi làm vừa bằng móng tay vừa bằng lưỡi dao. Sau, anh đặt chân và tay lên trên bậc thang và chầm chầm bò lên. Anh bò tới gần miệng hố. Cố thêm một chút nữa thì anh sắp nằm được lên trên đỉnh và lăn mình ra phía ngoài. Nhưng chân anh tuột xuống và anh ngã xuống, mặt đập vào tuyết. Anh đau nhưng tiếng động cơ còn văng vẳng bên tai. Anh cứ bò lên lần nữa, nhưng lại ngã lần nữa. Anh bèn nhìn công cuộc đào nấc thang với con mắt phê phán, anh hiểu rằng phải đào bậc sâu hơn, rằng những bậc cao thì chỗ vịn phải sắc hơn. Rồi, thân mình mệt mỏi, còn bao nhiêu sức lực, anh đem tất cả ra mà bò lên...

Anh đã lên khỏi miệng hố một cách rất vất vả và để cho mình lăn ngã sang bên kia. Lên rồi, anh tức tốc bò đi về phía máy bay, như ngày đó mặt trời cũng đang mọc phía trên rừng rậm, đánh tan sương mù đang gặm nhấm tuyết, và chói lại trên băng khác nào pha lê.

Nhưng lết đi mệt mỏi quá. Tay anh run run, và khuỷu xuống nhiều lần dưới sức nặng của thân anh. Mặt úp xuống tuyết băng tan, anh thấy như mặt đất hút anh xuống khỏe hơn gấp bội. Anh thấy như không sao vượt qua được nữa. Rồi anh thấy thèm nghĩ vô cùng, dù chỉ nửa giờ thôi cũng được. Song sức thúc đẩy anh tiến lên lại càng mạnh hơn. Anh dẹp tất cả mệt mỏi đang tràn ngập người anh để lại bỏ nữa. Anh té xuống, nhóm dậy, lại bò. Anh không thấy đau, không thấy đói, không nghe, không thấy gì cả, trừ tiếng đại bác và liên thanh nổ đều.

Khi hai tay anh đã đau nhừ, anh thử bò bằng khuỷu tay. Thực là khó; khó ghê khó gớm. Anh nằm sổng soài rồi tì hai khuỷu tay mà cố đi. Lăn như thế không mệt bằng nhưng đầu anh choáng váng. Mỗi lúc, anh như muốn ngất đi, đành ngừng lại, ngồi trên tuyết để chờ trời đất rừng cây thôi không quay lộn nữa.

Ở chỗ này, rừng thưa hơn, anh thấy một, hai quãng rừng bị đốn nhiều cây. Tuyết băng còn có vết hằn của đường đi mùa đông. Alếchxây không còn tự hỏi mình còn sức đến trận tuyết của mình không? Anh chỉ còn biết mình phải bò, phải lăn cho tới khi nào không còn cử động được nữa. Đôi lúc anh mê đi vài giây trong cái việc làm ghê gớm đó, nhưng bắt thụt anh tuy mệt mỏi vô cùng, anh vẫn cứ làm như cái máy, vẫn lăn trên tuyết theo tiếng súng về hướng đông.

Đêm nay ra sao? Sáng mai tới đâu? Alếchxây không biết nổi. Chỉ còn mường nhớ những chương ngại anh đã vấp hôm vừa qua: một gốc thông vàng đốn ngang, mủ chảy, một đồng củi, vỏ bào và mặt cửa đầy đất, một gốc cây đếm được những vòng tròn mỗi năm vẽ thêm một đường vào thớ gỗ.

Một tiếng động bất ngờ làm anh đang mê mê muội muội cũng phải chú ý. Anh thức tỉnh, ngồi dậy nhìn quanh, anh chợt hiểu mình đang ở ngay một xưởng đốn cây lớn trong rừng, tràn ngập ánh mặt trời, ngổn ngang những thân cây chưa gọt và những thanh củi chất thành từng thớt. Mặt

trời giữa trưa đang ngay trên đỉnh đầu anh. Mùi mủ thông, lá mã vĩ rụng, tuyết tan, xông lên không khí. Trên cao, rất cao trên mặt đất, con chim chích chòe đương say mê hát vang từng khúc, từng khúc...

Lo lắng về sự nguy hiểm mơ hồ nào đó có thể đến, anh nhìn cây bị đốt. Xưởng đốt cây này còn làm, rõ ràng là không phải bỏ hoang. Cành cây xanh chặt xuống còn xanh um, chưa kịp đổi màu vàng, chưa kịp héo. Mủ còn nhỏ giọt y như mật ong. Mùi vỏ bào cùng vỏ cây tươi ngổn ngang trên mặt đất còn thơm phức. Nhất định xưởng đốt cây này đương làm việc. Có lẽ bọn Đức đã đốt cây để làm xà làm cột, nếu quả thực như vậy thì phải đi ngay. Bọn người đốt củi lúc nào cũng có thể đến. Nhưng mình anh cứng như đá; đau đớn và mệt mỏi đã đến độ thấy mình nặng nề lạ thường, không còn sức nữa.

Anh phải lê đi xa hơn nữa không? Linh tính của thú vật đã nảy nở trong người anh, sau bao ngày sông kiểu thú rừng, giữ anh lại. Anh không cần nhìn mà nhận xét, phán đoán, với cái tính của con thú, anh cảm thấy như có người rình anh, theo dõi anh. Ai? Rừng vẫn êm, chim chích chòe vẫn hát từng khúc phía trên xưởng gỗ, chim mồi kiến vẫn mổ đều vô thân cây, chim sơn tước vẫn vụt đi vụt lại, xuyên như những mũi tên qua cành lá những cây đã bị đốt. Không có gì lạ, thế mà, với tất cả tâm thần anh, Alếchxây cảm thấy có người rình anh.

Một cành cây gãy, anh nhìn quanh; giữa những cây thông non, đầu bờm chồm trước gió, anh thấy mấy cành cây nhỏ sống một đời sống riêng, không cùng cử động như các cây khác. Anh nghe hình như có tiếng thì thầm, rõ là tiếng người ở phía đó. Và lần này cũng như lần anh thấy con chó, người và chó trừng trừng nhìn nhau, và anh thấy tóc anh dựng đứng lên.

Anh móc túi lấy cây súng gi. Anh phải dùng cả hai tay lên cò. Tiếng cò động khiến trong đám thông như có gì động dậy. Đỉnh mấy ngọn cây nhỏ như lung lay, như có ai cựa quậy phía sau, rồi anh lại yên như cũ. Anh thử hỏi:

- Cái gì thế? Có con vật sao? Hay có người? - Và anh có cảm tưởng như trong bụi rậm có người cũng đặt câu hỏi ấy: “Có người sao?”, phải chăng là giác quan lầm lẫn? Hay là đúng thế: có ai nói tiếng Nga ở trong bụi? Phải rồi tiếng thì thầm rõ là tiếng Nga! Nghe nói tiếng Nga, anh vui mừng một cách điên cuồng và không cần biết đó là bạn mình hay là kẻ thù, anh kêu lớn vui mừng, nhảy chồm lên, cả thân mình tung lên, rồi rơi xuống, rên la như bị gãy tan, tay buông khẩu súng rơi trên tuyết.

Anh mê đi. Nhưng vì sợ nguy hiểm xảy ra, anh tỉnh lại ngay. Không nghi ngờ chi nữa: có người núp trong rừng thông rình anh và bàn se sẽ với nhau.

Anh chống tay dậy, lượm khẩu súng, anh cầm súng sát xuống, anh nhận xét. Cảm giác nguy hiểm đã làm anh sáng suốt như trước. Những người ấy là ai? Có lẽ là những tiều phu bị bọn Đức cường ép đi làm chăng? Hay đó là những đồng bào của anh cũng như anh đương bị ghèn ở phía sau lưng giặc và cũng đương tìm cách về với người mình qua hàng chiến tuyến như anh? Hay đó là nông dân địa phương? Lúc này rõ ràng anh nghe có tiếng trong bụi nói: “Có người sao?”

Cây súng trong tay rung rung vì anh vừa bò vừa nắm súng, tay bị cứng. Tuy vậy anh sẵn sàng đổi sanh mạng anh lấy mấy mạng địch và nhất quyết không để phí ba viên đạn của anh. Ngay lúc đó, từ trong bụi, tiếng một em nhỏ lo lắng hỏi:

- Này ai đấy? Đức phải không?

Những tiếng lạ lòng ấy khiến Alếchxây nghi ngại. Nhưng rõ ràng là tiếng Nga và rõ ràng là tiếng một em nhỏ.

- Mi làm gì ở đây? - Em nhỏ khác hỏi.

Anh hỏi lại:

- Còn các em là ai?

Anh chỉ nói thế thôi rồi im, kinh hoảng nghe thấy tiếng mình nói nhỏ yếu đến thế, mà nhặt đến thế.

Câu hỏi của anh làm xôn xao trong bụi rậm; lời bàn bạc thì ào, tay vung lên chỉ trỏ, đựng những cành thông khiến rung cả lên.

- Mi đừng lừa tụi ta! Không được đâu. Ta thì bọn Đức cách chừng dặm đường, ta cũng đã thấy rồi. Mi là Đức có phải không?

- Thế các em là ai?

- Mi hỏi làm gì? Mi có hiểu lời ta nói không nào?

- Tôi là người Nga.

- Cầm cái miệng... Đích mười mười là mi nói láo. Đồ phát xít đều!

- Tôi là người Nga, người Nga nghe rõ chưa? Tôi là phi công. Tôi bị Đức nó bắn rơi máy bay.

Thôi anh không cần phải giữ gìn gì nữa. Sau bụi rậm chắc chắn rồi, anh biết là người mình, người Nga, người Liên Xô. Mà đồng bào không tin, ấy là chiến tranh đã dạy đồng bào cảnh giác. Lần này anh đuối sức hẳn đi; lần đầu tiên anh thấy kiệt sức, không cựa quậy chân tay nữa, không cử động nổi, không tự vệ chi nổi nữa, nước mắt anh chảy dài trên cặp má đen sạm.

Anh nghe tiếng nói sau bụi rậm:

- Coi kìa nó khóc! Tại sao mi khóc hả?

- Tôi thề tôi là người Nga, người Nga mà! Người mình mà, phi công đó.

- Thế ở phi trường nào?

- Nhưng các em là ai?

- Không cần biết! Trả lời đi?

- Môngchalôvô. Giúp anh đi! Ra cho coi mặt nào!

Tiếng bàn cãi trong bụi lại sôi nổi hơn. Giờ thì Alếchxây nghe rõ được nhiều câu hơn:

- Mà nghe không? Nó nói ở phi trường Môngchalôvô. Có lẽ không phải nó gạt đầu. Kìa, nó khóc, này phi công! (Các em kêu to) Liệng cái thùng của mi coi! Liệng đi bảo thiệt đó! Nếu mi không muốn tụi tao bỏ chạy liền...

Mêréxép bỏ rơi khẩu súng. Lập tức từ trong bụi rậm lách ra hai chú nhỏ, mắt dòm chừng, giống như những con chim lanh khôn lúc nào cũng sẵn sàng rống nếu có chuyện. Hai em thận trọng tiến đến phía anh, tay cầm tay. Em lớn là một chú bé ốm, mắt xanh, tóc vàng bông lên, tay cầm một cái búa bổ củi mà em lăm lăm bổ xuống nếu cần. Em bé núp sau lưng nhưng tò mò nhìn không sao chịu được. Tóc em hung hung đỏ có chấm lốm đốm trên mặt. Em lăm nhăm:

- Ra khóc thiệt. Và sao ốm quá... - Em lớn lại gần Alếchxây tay cầm búa lăm lăm. Em lấy chân đá xa khẩu súng, chân em đi đôi ủng “phốt” to gộc có lẽ là của ba em.

- Mi nói mi là phi công? Vậy giấy đâu? Đưa coi!

Anh không ngăn được nụ cười và lấp bắp:

- Thế nhưng ai ở đây vậy? Phải quân Đức hay của mình?

- Ai mà biết được. Có ai nói rõ cho tôi nghe đâu. Đây là rừng, giữa rừng mà!

Đó thật là một câu trả lời ngoại giao. Alếchxây phải giơ tay mò túi áo trong lấy giấy tờ. Thẻ đỏ của sĩ quan có in nổi hình ngôi sao, anh rút ra như có ma lực gì đối với hai em, các em như bỗng nhiên thu hồi lại được tâm hồn thơ ấu đã mất đi thời chiếm đóng. Chỉ vì các em nay đương đứng trước mặt một người mình, đứng trước mặt một phi công của quân đội Xô viết.

- Chúng mình ở đây đây, chúng mình đây, chúng mình ở đây từ ba hôm nay anh ạ!

- Tại sao anh ốm thế anh?

Sau khi nói huyền thuyên như vậy hai em xoay quanh săn sóc người thương binh. Còn năm cây số nữa, theo các em từ xưởng tới làng. Anh thì anh mệt quá rồi không còn đủ sức xoay mình nằm ngửa cho đỡ mệt. Chiếc xe trượt mà các em để đốn lấy cành trong “công trường Đức” này nhỏ quá không sao kéo được người lớn băng qua một vùng tuyết không có đường xá gì cả. Em lớn là Xêriônca ra lệnh cho em là Phétca chạy ngay về làng kêu bà con ra cứu. Còn mình thì ở lại bên Alếchxây để, theo như em nói, coi chừng bọn Đức trở lại và cũng có một ý ngầm dè chừng: “Ai biết được”, bọn phát xít nó quỷ quyết lắm. Tội nó có thể giả vờ đau gần chết và cũng có thể ăn cắp giấy tờ giả vờ là “người mình”. Nhưng dần dần, em bớt nghi.

Mắt lim dim, Alếchxây thiếp đi trên cái giường làm bằng cành cây. Anh còn văng nghe tiếng em bé chuyện trò, nhưng thật ra cũng chẳng nghe chi. Trong cơn mơ màng thêm thiếp, anh chỉ nghe thấy từng tiếng. Không cần biết nghĩa của những tiếng đó. Và âm điệu ấy đã làm anh sung sướng, nó là âm điệu, là tiếng nói quê hương. Mãi về sau đây anh mới biết chuyện làng Pơlavơni nhỏ bé này với tất cả những nỗi đau khổ của dân làng.

Từ tháng 10, bọn phát xít đến chiếm vùng rừng hồ này. Lúc ấy lá dương vàng chói lói trên cây bulô và lá những cây liễu hoàn diệp thì rực sáng một

màu lửa đỏ không lành. Quanh Pơlavơni không có chiến trận. Cách phía Tây chừng ba mươi cây số, một đơn vị bộ đội Liên Xô bị địch tiêu diệt; trận tuyến mới tổ chức gấp quá, và những đoàn quân Đức có xe tăng ủng hộ đã vượt qua Pơlavơni ở trận trong rừng sát bên hồ, xa đường qua lại; quân Đức đã tiến về phía Đông, không đóng trong làng này. Chúng ra sức chiếm đường giao thông chiến lược chỗ đường sắt Bôlôgôi. Nếu chiếm được thì chúng sẽ cắt bộ đội mình làm đôi: mặt trận Tây và mặt trận Tây Bắc. Gần thành phố, nhân dân vùng Calinin, đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, dân thị thành, nông dân đủ các giới, các lứa tuổi đã miệt mài, cả mùa hè và mùa thu, ngày và đêm, mưa hay nóng bức, kệ thầy muối, đầm ẩm ướt, nước độc, miệt mài cùng nhau xây dựng phòng tuyến. Thành lũy đã được xây dựng hàng trăm cây số từ nam chí bắc, qua rừng, qua truông, dọc hồ, dọc khe, dọc sông. Những người xây dựng đã phải chịu nhiều gian khổ không sao tả được, nhưng công họ không vô ích. Bọn Đức trên đà tiến đã đánh thủng nhiều phòng tuyến, nhưng chúng đã phải ngừng trước một trong những phòng tuyến cuối. Mặt trận trở thành vững chắc. Tụi Đức không thể đánh tới Bôlôgôi. Chúng phải dồn lực tấn công miền Nam trở về thế phòng ngự.

Nhân dân Pơlavơni đất cát thu hoạch quá kém, mỗi năm kiếm ăn thêm bằng nghề chài lưới ở hồ trong rừng, họ sung sướng thoát khỏi nạn chiến tranh. Quân chiếm đóng bắt phải đổi tên chủ tịch hợp tác xã thành “thư ký” nhưng dân vẫn sống theo lối hợp tác xã như trước, vì hy vọng rằng bọn Đức sẽ không ở mãi trên đất Liên Xô, và nhờ thế dân làng hy vọng không chừng không bị tai hại gì lắm. Nhưng bọn Đức áo xám xanh như nước ao vừa đi khỏi thì bọn áo đen trên đầu có mũ vẽ hình đầu lâu và hai ống xương xếp chéo, lại kéo xe hơi tới. Chúng đòi dân làng Pơlavơni phải cung cấp nội trong 24 tiếng đồng hồ mười lăm người đi sang Đức làm việc. Nếu không có sẽ bị nghiêm trị. Những người tình nguyện phải đến gian nhà ngay ở cửa làng ra, dùng làm nhà kho của hợp tác xã đánh cá và nhà của chính quyền địa phương. Họ buộc phải mang theo quần áo thay, muổng đĩa dao và lương thực mười ngày. Nhưng quá hạn, không một ai thềm tình

nguyện. Bọn Đức áo đen, hẳn là đã có kinh nghiệm, không ra vẻ trông đợi chi lắm. Chúng bắt ông chủ tịch hợp tác xã, bà giáo già coi vườn trẻ là bà Vêrônica Gorigôrépna hai người chỉ huy hợp tác xã và chừng mười nông dân bị chúng tóm được và đem ra bắn ở trước nhà giam. Chúng cấm chôn xác và cảnh cáo dân làng nếu hôm sau không đủ số người tình nguyện đến nơi đã định thì cả làng sẽ chịu hình phạt như thế nữa.

Vẫn không ai thêm tình nguyện cả. Nhưng sáng hôm sau, bọn SS trong đoàn Commandô thấy nhà nào cũng vắng tanh. Già trẻ đều đi hết. Hồi hôm, nhân dân đã bỏ nhà cửa. Họ bỏ đất cày cấy và tất cả những gì họ đã cực khổ làm bao nhiêu năm mới có. Họ bỏ cả hầu hết súc vật. Nhờ có đêm sương dày đặc bao phủ khắp vùng, họ đi không để lại dấu tích gì, trốn tránh vào sống trong rừng cách làng mười tám véc^[4] nơi họ làm xưởng gỗ trước kia. Khi đã đào hầm dưới đất, người lớn đều đi du kích, đàn bà cùng trẻ con ở lại sống lay lắt trong rừng cho đến mùa xuân. Làng kháng chiến đã bị đoàn Commăngđô tiêu hủy như hầu hết các làng khác trong vùng này, mà bọn Đức gọi là “khu chết”.

- Ông chủ tịch hợp tác xã là ba của em đấy. Chúng nó cứ gọi là thư ký. - Em Xêrônca kể tiếp và tiếng em nói dội vào ý thức của Alếchxây như qua một bức tường. - Chúng giết chết ba em. Chúng lại giết cả anh của em bị thương tật; anh đã bị mất một tay vì máy đập lúa. Tất cả mười sáu người. Em ở đó em đã coi thấy cả. Chúng nó bắt mọi người phải ra xem. Ba em trước khi chết cứ bô bô: “Tụi mày phải đền tội, đồ chó má! Tụi mày sẽ phải đền tội, sẽ phải khóc ra máu cho mà coi!”

Năm nghe câu chuyện của em nhỏ tóc vàng hoe, mắt đờm buồn và mệt mỏi, anh phi công thấy một cảm giác khác thường. Thật là anh đương bơi lội trong một đám sương mù đặc quánh, anh không cưỡng được với mệt mỏi nữa, toàn thân đã bất lực vì đã quá cố sức tưởng tượng. Anh không còn sức cử động ngón tay. Anh cũng không sao tưởng tượng nổi được nữa rằng cách đây hai giờ anh còn bò được.

- Vậy em cùng người nhà đương sống giữa rừng?

- Dạ! Gia đình em đang sống như thế đấy. Bây giờ thì cả thầy có ba người: em cùng Phétca và má. Trước em còn một em bé gái nữa, tên là Nhútca, nhưng đã chết mùa đông rồi; rồi lại một em trai út cũng đã chết. Thế nên bây giờ mới còn ba. Thế này anh này! Giặc Đức sẽ có còn trở lại nữa không, anh bảo em đi! Ông ngoại em hiện nay làm chủ tịch chỗ chúng em đó, có nói: “Người chết thì có bao giờ trở lại nữa!”. Nhưng má em thì vẫn cứ sợ chúng nó trở lại nên thường nói thà ra đi... Kia, anh ơi! Ông ngoại và em Phétca đã đến kia!

Quả nhiên vừa lộ ra ở mép rừng Phétca, chú bé tóc hung hung đỏ. Em chỉ Alếchxây cho ông già lưng còng mặc một chiếc áo rách tứ tung, may bằng vải xô dệt bằng khung dệt trong nhà và nhuộm bằng nước hành. Dây lưng của ông là một dây sợi và ông đội cái mũ cao của sĩ quan Đức.

Ông cụ mà mấy cậu em thường kêu là ông Mikhailô người cao, gầy trơ xương và khom khom. Mặt cụ hiền hậu như một ông thánh Nicôlai trong các nhà thờ vùng quê, tạc bởi những bàn tay của các nhà nghệ sĩ ngậy thơ, mắt như mắt trẻ em, trong và sáng, điểm thêm râu lơ thơ cong cong như sóng gợn và trông như bằng bạc. Cụ bọc Alếchxây trong một cái mền da cừu loang loang lỗ lỗ và rách vá nhiều chỗ. Cụ nâng anh, ôm dễ dàng cái thân hình không còn gì nữa của anh và vừa làm vừa nói, tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Trời ơi! Sao mà ốm đến thế này? Cháu thực chỉ còn có xương. Một bộ xương! Chiến tranh tàn ác đến nỗi này sao? Ôi chào ôi! Chào ôi!

Cụ kỹ lưỡng lắm, kỹ như ôm một đứa con nít mới sanh. Cụ đặt Alếchxây trên cái cộ kéo, lấy cái dây cột chặt anh, nghĩ ngợi một lát, rồi cởi áo choàng ra cuộn tròn lại, và đặt xuống dưới đầu Alếchxây. Rồi cụ lại đến phía trước cái cộ, luồn qua cổ cái vòng đai nhỏ làm bằng vải bao, đưa cho mỗi em nhỏ cầm một sợi dây cột vào cộ, rồi “Ra sao thì ra!”. Cả ba ông cháu ra sức kéo. Tuyết chảy, dính vào giày tuyết, kêu răng rắc và bét dưới chân như bột nghiền.

Đối với Alếchxây, hai ba ngày sau như bao bọc trong một đám sương mù, trong đó mọi sự việc tiếp diễn một cách mơ hồ, như những bóng ma. Thực hư, hư thực lẫn lộn trong đầu óc anh, và mãi mãi về sau, anh mới xếp đặt lại được thứ tự mọi việc xảy ra.

Làng lánh nạn ở ngay trong một khu rừng cây cổ thụ. Hầm đào dưới đất có tuyết phủ đặc lại được nguy trang bằng cành lá, nên mới nhìn, đâu ai có biết làng xóm này trong rừng. Khói bếp bốc lên như từ đất mà ra vậy. Hôm Alếchxây vô rừng, khí trời ẩm ướt và yên tĩnh, khói bò trên rêu và quyen lấy cây cối. Anh tưởng như rừng cháy mới tắt.

Tất cả dân làng trong đó đàn bà và trẻ con là đông nhất, lại cả một số các cụ già, đều chạy ra đón anh khi nghe tin rằng cụ Mikhailô vô rừng đón một người phi công Liên Xô gãy ốm, theo lời Phétca, như một bộ xương. Khi xuyên qua cây, thấy bộ ba kéo chiếc cộ vừa tới, mấy người phụ nữ chạy bu quanh. Các bà, củng vào đầu con nít kêu chúng tránh ra nhưng các em vẫn quần bên chân. Các bà đi theo cộ vừa than vãn vừa khóc sụt sùi. Ai nấy đều rách rưới và đều trông như già xạm. Một lớp bụi mù bóng đen phủ trên da mặt, vì họ ở nhà hầm. Có nhìn cặp mắt coi sáng thế nào và hàm răng coi trắng thế nào trên khuôn mặt hốc hác, thì mới phân biệt được ai trẻ ai già.

- Thôi tránh ra, các bà này! Các bà lũ lượt kéo đến đông thế này làm cái gì thế hở? Đâu có phải hát bội? Đâu có phải rạp hát? - Cụ Mikhailô vừa kéo mạnh vòng cổ vừa càu nhàu nói: Tránh ra chứ không làm sao tôi đi được! Ủi chao ôi! Các cái bà này thật tệ hơn một đàn cừu!

Alếchxây văng nghe từ đám đông các chị nông dân, có người lớn tiếng bình phẩm:

- Trông thân với hình kia! Thật là một bộ xương.
- Sao anh không động đậy? Không biết có còn sống không?
- Có lẽ anh ấy đương mê đấy. Coi kìa, tội nghiệp chưa, ốm quá! Ốm quá đi mất thôi!

Đột ngột nhiên lúc đầu bớt dần. Các chị nông dân không biết phi công đã trải qua những ngày như thế nào, nhưng cứ thế là các chị đã khùng khiếp. Trong khi cộ tiến qua rừng thưa, lại gần làng dưới hầm, mọi người bàn tán: nên để anh ấy ở nhà ai?

Một chị dân làng bé nhỏ, mặt tròn, lên tiếng:

- Nhà tôi khô ráo. Hầm đào trong cát, có nhiều khí trời. Tôi lại có một cái lò con.

- Có cái lò con! Nhưng nhà chị ấy mấy người ở? Muốn nghệt thở cả lũ sao? Đưa về nhà tôi đi, cụ Mikhailô ạ! Ba đứa con tôi đang ở tiền tuyến cả, nhưng tôi còn chút bột để tôi làm bánh đa cho anh ta ăn.

- Không! Ở nhà tôi hơn. Nhà tôi rộng hơn. Chúng tôi chỉ có hai người thì không thiếu chỗ. Còn bánh đa thì cứ đưa tới. Ăn ở đâu mà chẳng được, ở nhà tôi, tôi sẽ cùng với con bé Xênhla lo cho anh ta. Tôi còn ít cá ướp trong nước đá. Để tôi nấu canh cá dầm cho anh ăn.

- Cái bộ chị này nói chuyện canh với kiếc gì thế? Không thấy anh ấy đã để một chân dưới huyệt^[5] rồi sao? - Thôi đưa anh ấy đến nhà tôi đi, bác Mikhailô ạ! Nhà tôi còn có bò. Để tôi vắt sữa cho anh uống.

Nhưng cụ Mikhailô đã kéo chiếc cộ vào chính cửa hầm của cụ ngay giữa làng...

Alếchxây thấy nằm trong hầm chật và tối. Một mẫu cây cắm ở tường đốt leo lét làm đuốc; lửa phun khói, nổ lắc rắc, thỉnh thoảng lại tóe tia sáng. Ánh sáng lập lờ chiếu sáng cái bàn làm bằng một cái thùng đạn của quân Đức, có cái cốc cắm xuống đất giữ cho vững. Những khúc cây để la liệt chung quanh dùng làm ghế ngồi. Một phụ nữ mảnh dẻ đầu chít cái khăn vuông đen kiểu bà già, đương cúi xuống bàn. Đó là chị Vácvara, người dâu út của cụ Mikhailô. Ông cụ già, tóc xám hoa râu lơ thơ, đứng bên cạnh.

Alếchxây nằm trên một tấm đệm nhồi rơm, vải sọc. Miếng da cừu chắp vá nhiều mảnh vẫn dùng làm mền. Anh ngửi thấy mùi miếng da có gì chua chua nhắc nhở anh cái gì quen thuộc, ấm cúng. Toàn thân anh rã rời, ê ẩm như bi cối đá xay. Chân anh bông rạn như có hai cục gạch nung đỏ đặt vào. Nhưng được nằm ấm áp, anh thấy khoan khoái vô cùng, nằm ngay đừ như

thể yên ổn chắc chắn không sợ ai giơ tay lên đánh đập, không phải cử động, nghĩ ngợi, đề phòng gì cả...

Góc hầm, có một lò lửa đặt giữa hai bàn đá, ngay dưới đất. Khói bốc lên tỏa ra và cuộn thành những vòng màu xanh. Alếchxây có cảm tưởng cái bàn và mái tóc bạc phơ của cụ Mikhailô, lúc nào cũng có vẻ vội vàng và hình dáng nhỏ bé của chị Vácvara, tất cả đều dài ra, cuộn khúc và tan đi cùng một lúc với khói. Anh nhắm mắt lại. Rồi lại mở ra, giật mình thức giấc vì một luồng gió lạnh thổi ùa vào từ cửa giữa, chỗ treo một tấm màn bằng vải bạt. Một người đàn bà đứng gần, bàn tay bà còn mân mê gói đồ nhỏ vừa đặt lên, hình như trong đầu giữa hai ý cho và lấy lại. Bà thở dài nói với chị Vácvara:

- Đây là một gói bột trân châu. Trước chiến tranh đấy. Tôi định giữ cho cháu Cốtcha. Bây giờ thì cháu Cốtcha chẳng còn cần nữa. Chị đem quấy cho người bệnh đi. Thứ bột này nấu cho con nít tốt lắm. Người bệnh hiện đang cần chính cái đó.

Bà trở ra, và nhẹ nhàng đi, như để lại sau lưng bà cả cái luồng buồn bã của bà. Có người đem đến cá ướp nước đá, có người đem bánh đa nướng trên đá nung đỏ, mùi bánh nóng hổi thơm khắp hầm.

Rồi đến em Xêriônca và em Phétca nữa. Em Xêriônca vô cửa, lật mũ theo cử chỉ của nông dân.

- Xin chào tất cả. - Em chào rồi đặt lên bàn hai cục đường còn dính thuốc lá và cám.

- Mẹ tôi bảo đưa tới. Đường ăn tốt lắm, chắc anh ấy cần. (Rồi nó quay qua nghiêm trang nói với ông). Chúng cháu trở về làng bị phá, kiếm được một cái nồi con, hai cái xẻng chưa đến nổi cháy quá và một cái búa mất cán. Chúng cháu đã mang cả về, có lẽ xài được việc.

Phétca đứng sau anh, thèm thuồng nhìn hai cục đường và nuốt nước miếng ừng ực.

Lâu mãi về sau, Alếchxây nhớ lại tất cả những cái đó, mới thấy rõ tất cả giá trị những đồ vật mà đồng bào đã đem cho mình; một phần ba dân làng

này đã bị chết đói vào mùa đông vừa qua. Không gia đình nào không có một hay hai người chết đói.

- Cha cha! Phụ nữ, phụ nữ! Phụ nữ quý như vàng, nghe chưa, Alếchxây. Tôi nói thế đó: phụ nữ Nga ta quý như vàng. Khi nào họ đã xúc động thì đến giọt máu cuối cùng của họ, họ cũng cho. Đúng không nào?

Cụ Mikhailô vừa nói vừa nhận đồ biếu Alếchxây và vừa tiếp tục sửa sang công việc bề bộn hàng ngày: khâu lại cái dây da, chữa lại cái vòng cổ, sửa lại chiếc giày v.v...

- Còn nói về tinh thần làm việc ấy à? Cậu Alếchxây của tớ này! Ta không hơn gì họ đâu nhé. Có những anh đàn ông phải ngượng là khác nữa. Đàn bà, thì chỉ có vấn đề cái miệng lưỡi. Ui chao! Cái miệng lưỡi đó thì thật là... Bọn họ làm tôi phát điên lên, hoàn toàn điên. Khi nhà tôi chết, thật là khổ khổ cho tôi, tôi tự nhủ: “Lạy Chúa, thế là tôi yên!” Chúa liền phạt tôi. Tất cả trai tráng trong làng, ai chưa tòng ngũ khi bọn Đức đến, thì đều đi du kích hết, chỉ còn có đàn bà. Thế là để chuộc tội, tôi trở thành viên chỉ huy của cả đoàn phụ nữ trong xã chẳng khác một con dê đực giữ cả đàn dê cái. Khốn khổ ơ là khốn khổ!

Alếchxây ghi nhớ sâu sắc tất cả những hình ảnh của làng giữa rừng sâu. Dân làng Pơlavơni bị giặc Đức cướp bóc hết. Họ bị mất đủ thứ: nào nhà cửa, dụng cụ, súc vật, đồ dùng trong nhà, quần áo, tất cả những cái gì thu góp đời này qua đời khác mới có. Bây giờ họ sống trong rừng, suốt tháng năm lo sợ đủ mọi thứ tai họa, và lúc nào cùng hồi hộp e phát xít biết được. Họ đói khổ đủ điều. Họ chết chóc, nhưng hợp tác xã không tan rã. Khi con rể cụ Mikhailô chết, cụ lên thay làm chủ tịch, đã làm đủ mọi nhiệm vụ. Cụ đã làm cho dân làng sống đúng theo nề nếp và phong tục cũ ngay ở đáy rừng sâu như vậy, và giờ đây, trong làng hầm hố này do cụ chỉ huy, việc đồng áng mùa xuân tiến hành theo từng đội, từng kíp.

Lúc trong làng bị đói kém, các chị nông dân vẫn đem tất cả lúa gom lại trong kho chung đào dưới đất. Cái gì mang theo được ở đây tốt. Bê sinh ra sau khi bò được cứu khỏi tay bọn Đức, được săn sóc chu đáo. Bởi vậy trong lúc đói kém nhất, không ai chạm đến đàn bò chung cả. Con nít chẳng

quản nguy hiểm đến tính mạng trở về làng cũ kiếm đồ, những lưỡi cày đã bị lửa hun xanh; những lưỡi cày còn dùng được, dân làng sửa sang lại để cày vụ xuân với bò cái cũng được. Cái nào tốt tra cán để xài. Đàn bà tổ chức từng toán cắt phiên nhau đi câu, và chính nhờ câu được cá mà dân làng đã sống qua được cả mùa đông.

Cụ Mikhailô nói:

- Nay, Alếchxây thân mến ạ! Con hãy coi xem đàn bà họ thế nào! Đàn bà, đã từ hàng thế kỷ rồi, lúc nào cũng bám cả hai bàn tay vào miếng ăn. Tại sao? Không phải họ hà tiện, không! Nhưng chính họ hiểu rõ giá trị của miếng bánh kiếm được. Vì chính họ nuôi con họ sống. Nói gì thì nói, chính đàn bà là người làm cho công việc trong nhà chạy đều. Con cứ coi nhà này thì rõ. Tình thế là thế đấy: một miếng cũng phải lo phải tính. Đói mà! Vậy mà tháng giêng vừa rồi, có một số du kích về làng, không phải thanh niên làng chúng tôi đâu. Đám này nghe nói là đánh ở vùng Olêninôcơ! Họ là anh em công nhân xe lửa, chúng tôi không quen biết. Họ đến ở nhờ đây và bảo là đói lắm. Vậy mà con tin thì tin, không tin thì thôi, chứ hôm sau khi ra đi, họ đầy túi bánh. Đó là nhờ phụ nữ trong làng. Trong lúc đó con cháu mấy bà phù lên vì đói, đi không nổi nữa. Đó, sự việc là thế. Nếu bác là tướng thiết, thì khi nào giặc Đức cuốn gói rồi, bác sẽ tập trung lại những đạo quân tinh nhuệ nhất, bác cho điều trước một chị phụ nữ mình, một chị Nga, và ra lệnh phải bằng súng chào. Chào đàn bà. Đúng thế!

Alếchxây nằm nghe cụ già kể lẽ thiu thiu khoan khoái. Lắm lúc, nghe cụ nói, tay muốn rút thơ và hình cô bé trong túi cho cụ coi. Nhưng anh yếu quá, giơ tay lên không nổi. Tuy nhiên, mỗi khi bác ca tụng phụ nữ của mình, Alếchxây cảm thấy, qua lần vải áo, hơi nóng của tập thơ làm tim anh càng ấm áp.

Bận nhiều công việc trong nhà, con dâu cụ Mikhailô mỗi buổi tối cũng ngồi vào cùng bàn ấy làm việc. Lúc đầu, anh cho chị già lắm và tưởng lầm là vợ của cụ Mikhailô. Nhưng sau anh thấy rõ ra chị mới có hai mươi, hăm hai tuổi chi đó. Chị mảnh khảnh và xinh xắn. Chị thường nhìn anh với vẻ sợ hãi lo âu, hồi hộp như muốn nuốt không xong một cái gì.

Đêm tối, lúc ngọn lửa sắp tàn, tiếng dế kêu rên rĩ - con dế mà cụ Mikhailô tìm thấy trong gạch vụn làng cũ, bỏ vào chiếc bao tay, mang về “bày biện” cái hầm của cụ, cùng một lúc với vài ba dụng cụ trong bếp - khi đó Alếchxây như nghe tiếng chị khóc nhè nhẹ, trên tấm phản, răng cắn chặt gối nén tiếng thốn thức...

Sau ba ngày Alếchxây trú ở nhà này, cụ Mikhailô sáng đó, bảo anh:

- Này, chú Alếchxây ạ! Tội nghiệp con quá! Người đầy chấy rận. Thật con hôi như con bọ hung ấy! Mà con gái cũng chẳng được nữa. Để bác sẽ tắm cho con. Con nghĩ sao? Bác tắm cho, bác kỳ cọ cho. Cực khổ quá rồi, giờ phải tắm một trận cho sướng, con ạ!... Nhé!

Thế là bác sửa soạn tắm nước nóng cho anh. Bác đốt một bếp lửa lớn đến nỗi đá lò nung nóng nứt nẻ cả. Chị Vácvara lo khiêng nước đến trong một cái thùng cũ. Đất rải rác đầy rơm vàng ánh. Cụ Mikhailô cười trần ra, chỉ còn bận một quần cụt. Cụ hòa tro để tắm trong một xô nước, tước một miếng vỏ gai gửi như thấy mùi mùa hè. Gian nhà trở nên ấm, hơi nước đọng trên trần hầm, những giọt nước lạnh giở xuống.

Cụ già chạy vội ra ngoài, kéo tảng đá nung đỏ trên một tấm tôn và quăng nó vào thùng nước. Hơi nước nóng xông lên, bay lên trần và cuộn thành những vòng tròn trắng. Chẳng thấy gì cả nữa, và Alếchxây thấy ông già đưa tay cởi áo quần cho anh. Chị Vácvara giúp cụ. Chị đã cởi bỏ áo trên gòn và vuông khăn chít đầu. Tóc chị dày, thường che dưới vuông vải thùng lỗ chị vẫn bịt đầu, nay tỏa ra và xõa xuống vai. Thật là một sự biến dạng. Bà già thấp bé ấy đã trở thành một cô gái nhỏ nhắn, lẹ làng, với đôi mắt bồ câu. Sự hiển hiện bất ngờ ấy làm cho Alếchxây tới đó không để ý gì đến chị, bỗng giật mình mắc cỡ vì mình trần truồng.

- Yên con! Alếchxây con! Không sao cả, con quý ời! Yên. Ở Phần Lan nghe đâu đàn ông đàn bà họ tắm chung cả đấy. Có thật thế hay không, kệ họ! Em Vácvara, thì con cứ cho như là một y tá đương chăm sóc cho thương binh ấy mà! Đừng ngượng ngùng gì vì nó cả! Này giữ lấy anh, để tao cởi luôn cái áo lót cho anh. Áo mục cả, cởi là tả tơi ra từng miếng một thế này, chợt thấy trong cặp mắt lớn, đen nháy của người thiếu phụ có vẻ gì gớm ghiếc. Qua làn hơi nước, lần đầu tiên từ cái tai nạn hôm trước, anh lại thấy thân thể anh. Trên rơm vàng ánh lót dưới đất, một bộ xương người đặt

nằm, xương bọc một lần da đen sạm. Xương hông và xương gối chìa ra, nhọn hoắt, bụng hõm vô dưới lồng xương ngực lòi ra.

Cụ Mikhailô loay hoay bên xô nước. Cụ nhúng năm sợi vô nước xám và nhờn định cọ mình cho anh. Qua hơi nước, cụ chợt thấy rõ thân hình anh ốm quá, và tay cụ đương giơ lên, và cứ giữ nguyên như vậy:

- Khổ quá, sao mà đến nỗi này. Con đã thoát vượt bọn Đức nhưng không biết bây giờ liệu có thoát khỏi cái chết không đây?

Bỗng cụ lên tiếng quở chị Vácvara đương đỡ Alếchxây:

- Nhìn cái quái gì mà dữ vậy? Mà tại sao mày cắn môi chứ? Con bé đồn đời! Đàn ông người ta đương trần truồng, đàn bà chúng bay đũa nào cũng như đũa nào. Thật là cái giống khốn kiếp. Còn con, thì đừng lo gì, con ạ! Bọn bác ở đây xoay xở lòi con ra khỏi tay cái chết, thế nào cũng cứu được mà! Bọn bác sẽ cứu con, sẽ chữa con khỏi mà, đừng lo gì.

Khéo léo, cẩn thận, cụ tắm cho Alếchxây như tắm cho con nít. Cụ lật anh lại, cụ xối nước xong, cụ kỳ cọ anh đến nỗi làm cho những khớp xương dơ ra của anh kêu răng rắc.

Chị Vácvara lặng lẽ giúp cụ.

Lời rầy la của cụ thật là oan cho chị. Chị đâu có muốn nhìn bộ xương người gớm ghiếc đương ỳ trơ trên tay chị. Chị ráng nhìn thẳng trước mặt chị mà thôi, nhưng mỗi khi qua hơi nước mờ mờ, chị không muốn mà vẫn cứ thấy chân anh hay tay anh, thì một tia gớm ghiếc lóe trong mắt chị. Chị cảm thấy hình như nằm trước mặt chị không phải là thân thể người phi công lạ tình cờ lạc đến với gia đình chị, mà chính là thân hình Misa, chồng chị. Chị mới được gần gũi chồng vẹn vẹn có một mùa xuân. Chàng thanh niên nọ, mạnh khỏe, mặt lấm tẩm những vết tàn hương lớn trên nước da trắng trẻo, như không có lông mày, cánh tay gân guốc, bọn phát xít đã làm thân hình anh như thế này đây. Chị tưởng tượng cái thân hình chị đương nâng đỡ, cái thân ma này, không phải là ai xa lạ mà chính là thân hình kiệt lực của Misa. Chị thấy lòng đau xót ghê gớm, mắt hoa đi, môi phải cắn chặt để khỏi té xỉu.

Alếchxây thấy mình nằm trên tấm nệm, bằng một chiếc sơ mi dài rộng của cụ Mikhailô, khâu vá lung tung, nhưng sạch sẽ và êm êm. Anh thấy mát mẻ và toàn thân khoan khoái. Anh tắm xong, hơi khói bốc ra khỏi hầm qua một cái lỗ trên lò, chị Vácvara cho anh uống nước thuốc nấu bằng lá cây rừng ám mùi khói. Anh uống từng hớp nhỏ, nhắm nháp với hai cục đường do các em nhỏ đã đem đến được chị Vácvara nghiền nhỏ và đã để lên mảnh vỏ bulô cho anh dùng. Rồi anh ngủ thiếp đi, một giấc ngủ ngon lành, lần thứ nhất không mơ.

Anh thức tỉnh dậy khi nghe tiếng hai người bàn tán. Hầm tối lắm, ngọn đuốc chỉ le lói không đủ sáng. Trong bóng tối và khói mù, tiếng cụ Mikhailô lạnh lạnh:

- Đầu với óc! Đầu óc bà để đầu mới được chứ! Người ta nhịn đói mười một ngày trời rồi, không có một hột trong bụng, lại vác trứng luộc lại. Trứng luộc ăn sao được. Chị muốn người ta chết sao? Mà bây giờ đâu có cần trứng, bây giờ cần nước súp gà. Rồi bỗng giọng ông già dịu lại như cầu xin:

- Bây giờ không phải lúc anh ta ăn trứng, bà Vaxilixa ạ! Anh ta cần bây giờ là cần canh gà. Có cái đó, anh ta mới sống trở lại được. Vậy thì còn con “Du kích” của bà?...

Tiếng một bà già cứng cỏi và nghe khó chịu chặn lại như kinh khủng:

- Cho nó ấy à? Không đời nào đâu! Không, không là không. Ông muốn nói gì tôi cũng không chịu đâu. Cụ quý sứ già ơi! Đừng có nói nhiều nữa. Chuyện với trò! Con “Du kích” của tôi, tôi yêu nó thế mà đem nấu canh sao? Khuân được lắm thứ đến đây đây hân, mà ông cho nó ấy à? Không đời nào đâu! Không, không là tưởng đã đến lúc đình đám đấy hả? Ông nghĩ với ngợi gì thế?

- Bà Vaxilixa này! Bà không mắc cỡ sao? Làm như bà không có hai đứa con ra trận ấy? Người ta đã phải hy sinh cả da cả thịt, người ta đã phải đổ máu vì mình...

- Tôi không cần máu mủ anh ta? Tôi có hai con tôi đổ máu cho tôi rồi. Thôi đừng nài nỉ gì cả. Tôi nói không được đâu. Tôi đã nói không thì không

có đâu nhé.

Bóng một bà già lướt ra phía cửa hầm và cửa hé để lọt ánh sáng xuân tràn vô trong hầm. Alếchxây chói mắt, nhắm mắt lại, khẽ rên. Cụ Mikhailô lại gần anh:

- Con không ngủ sao? Con có nghe nói chuyện không?

- Nghe thấy hả? Xin con, Alếchxây ạ! Đừng tưởng mẹ ta tồi, đừng phê phán mẹ theo như lời mẹ ta nói nhé! Mẹ nói thế nhưng trong lòng tốt lắm. Đừng tưởng mẹ keo kiệt không cho mình con gà. Không phải thế đâu Alếchxây, con ạ! Con có biết bọn giặc Đức đã tàn sát gia đình mẹ không: gia đình đông lắm, mười người. Mười người bị bọn Đức giết mất cả! Con lớn của mẹ là đại tá. Bọn Đức biết vậy liền bắt cả gia đình, trừ mẹ. Rồi chúng chôn luôn tất cả trong một hố. Nhà mẹ bị đốt rụi. Tuổi mẹ lớn vậy rồi mà không có nhà, không bà con nữa, thực cực khổ quá. Mẹ chỉ còn cứu được một con gà mái, chỉ một con thôi. Nhưng con gà đó khôn ngoan sao, Aliêusa con ôi! Ngay tuần đầu đến làng, giặc Đức đã bắt tất cả gà vịt trong làng, không để lại một con nào. Bọn Đức ham gà vịt của mình lắm. Câu đầu tiên đưa nào cũng nói là: “Bà già này, có gà không?”. Có lẽ tất cả gà mái đều bị bắt hết, trừ con gà ấy. Thực không phải là con gà nữa, mà là một nhà nghệ sĩ vậy! Khi bọn Đức vô sân nhà, thì nó đã lên vừa lúa, và nó đứng im để mọi người quên nó đi. Không nghe tiếng nó nữa. Những người như ta nó đâu có sợ, nó cứ đi đi lại lại! Chịu không biết làm sao nó nhảy ra được khỏi bọn giặc Đức. Dầu sao cả làng này chỉ có mình con gà mái ấy là thoát tay Đức. Từ đó cái con gà tinh ranh đó, ở đây kêu nó là con “Du kích”.

Mở mắt, nhưng Alếchxây thêm thiếp. Đó là một thói quen từ khi anh vào rừng. Anh nằm yên làm cụ Mikhailô lo sợ. Sau khi quanh quẩn trong hầm, rồi đến gần cái bàn, loay hoay cái này cái khác, cụ lại nói tiếp:

- Đừng cho mẹ ta là tồi, Alếchxây nhé! Con, con là một anh chàng tốt, con phải hiểu mẹ ấy. Trước kia mẹ cũng như cây bulô già nằm trong rừng rộng, được chắn gió, giờ thì mẹ như một khúc gỗ, đương bị đẵn vậy. Con

gà là vật duy nhất an ủi mụ. Sao con không nói gì. Này con! Con ngủ à? À, thế thì tốt, phải ngủ. Thôi ngủ đi con!

Anh nằm mà không ngủ được. Da cừu anh dùng để đắp bay lên mùi bánh cũ, mùi nhà cửa cũ kỹ ở thôn quê. Anh nghe tiếng dế kêu êm ả, anh không muốn cử động tí ti nào. Mình anh như là không có xương vậy; thật như ai nhồi bông ấm vào anh, và trong bông ấm, anh thấy máu chảy dồn dập. Chân anh bị kẹp và sưng lên đau đớn, anh không muốn quay mình hay động đậy.

Trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh ấy, cảnh gian hầm hiện ra trước mắt anh chỉ từng lúc, như không phải anh đang sống thực, mà y như những hình ảnh lộn xộn và kỳ lạ chiếu trên tấm màn trước mặt anh.

Mùa xuân đã bắt đầu. Làng lẩn tránh này sống những ngày vất vả nhất. Lương thực giấu giếm được trước khi đi đã đào ngầm ban đêm, dưới những đồng gạch vụn nát đem lẫn tới rừng ăn hết. Đây là lúc băng tuyết tan. Nhà hầm đào vội, nhiều chỗ đã thấy nước ứa ra như khóc vậy; đất mềm cả ra. Đoàn ông đánh du kích ở miền Olêninô, gần đây thỉnh thoảng đã tìm được cách lẩn về làng hầm ban đêm thăm người nhà. Nay giữa họ và làng đã bị mặt trận cắt làm đôi. Trong làng không được tin của họ nữa. Đó lại thêm một mối lo âu cho các phụ nữ, đã kiệt bao khổ sở. Rồi xuân tới, tuyết tan họ bắt đầu phải nghĩ đến ngày cấy, đến vườn tược.

Các bà, các chị đi lang thang, lo buồn, cau có. Họ cãi lộn nhau chí chóe về đủ chuyện trong hầm cụ Mikhailô.

Có lần ông cụ về nhà có vẻ lo nhưng vui lòng. Cụ cầm một nhánh cỏ xanh và cẩn thận đặt trên bàn tay chai của cụ cho Alếchxây coi.

- Con thấy không con. Bác ở đồng về. Trên mặt đất, băng bắt đầu tan rồi. Cám ơn trời: lúa mùa đông có vẻ tốt lắm. Tuyết nhiều lắm. Bác có theo dõi kỹ. Nếu cùng lắm lúa mùa xuân có thất bát thì vẫn cứ còn thứ “lúa” này ăn tạm. Bác đi báo cho họ biết để họ mừng. Cũng phải cho họ thích thích một tí chứ nhì: tội nghiệp?

Thế là nhánh lúa xanh cụ Mikhailô ở đồng mới đem về đã gieo rắc bao hy vọng mới trong lòng phụ nữ, họ kéo đến trước hầm léo nhéo chuyện trò

chẳng khác một đàn chim khách khi mùa xuân đến. Trời tối, cụ Mikhailô xoa tay:

- Thế là các vị bộ trưởng tóc dài của bác đã cùng bác quyết định. Này nhé, Alếchxây này! Một đội sẽ lấy bò mà cày ruộng, cày ở một chỗ đất lồi, nên cày nặng lắm. Ấy vậy mà chỉ còn sáu con bò nhỏ để cày cho cả làng. Trên ruộng cao sẽ có một đội khác lấy mai và xà beng mà làm, đất ở đây khô hơn. Rồi một đội thứ ba sửa sang chỗ trồng khoai tây. Việc này thì dễ hơn: con nít với các cô nào, bà nào yếu nhất cũng làm được. Với lại này! Con nhĩ! Có lẽ đến lúc đó thì chánh phủ cùng giúp được một phần rồi. Mà nếu chánh phủ chưa giúp được thì lại tự lực cánh sinh, cùng xong. Loay hoay thế nào thì loay hoay, nhưng đất không bỏ hoang. Bây giờ bọn giặc Đức đã bị tổng cổ thế là nhất định cái gì rồi cũng xong. Dân làng thiệt là bần bĩ, thế nào họ cũng cứ chịu đựng được!

Ông cụ ngủ chẳng được. Cụ trở mình trên đồng rơm, cụ lẩm bẩm, cụ gãi cọ, cụ kêu than:

- Trời, thật là... Chúa ơi! Thật là...

Cụ thức dậy mấy lần, đến xô nước, lấy nước uống. Cụ lò mò đi, rồi uống ừng ực từng hơi, như con ngựa bú sữa. Cuối cùng, không chịu được nữa, cụ bật cái bật lửa, đốt một miếng vỏ bào và đến sờ Alếchxây. Anh vẫn nằm, mắt mở, nửa mê nửa tỉnh.

- Ngủ không đấy, Alếchxây con? Bác cứ nhớ mãi cái chuyện ấy. Con biết chuyện gì đấy nhĩ: chuyện cây sến nhỏ ở làng bác ấy mà, ở cái chỗ mọi người từ xưa thường qua lại. Ba mươi năm trước, thời ta đánh nhau với tên Nicôlai, cây bị sét đánh gãy ngọn. Nhưng sến ta có rễ khỏe lắm, mạnh lắm, nhựa nhiều. Mọc phía trên không được nữa thế là đâm chồi ngang, và bây giờ thì con ra mà coi, cành lá nó xum xuê. Làng Polavơni này cũng như cây sến đó: Chỉ cần là có nắng soi sáng, có đất màu mỡ, và có chính quyền của ta, con sẽ coi, Alếchxây con ạ! Chỉ năm năm nữa lại sẽ đủ cả như trước. Chẳng còn chuyện gì lôi thôi cả nữa! Ha ha... mong sao chiến tranh chấm dứt đi, mong sao ta đánh chúng nó thua liểng xiểng. Con nghĩ sao?

Đêm nay anh thấy khó chịu hơn các đêm trước.

Tắm rồi, mọi bộ phận trong người anh như được khuấy động; anh như được kéo ra khỏi tình trạng mòn mỏi tiêu hao dần dần. Anh bỗng nhiên cảm thấy sâu sắc hơn bao giờ hết sự mệt mỏi quá sức của toàn thân anh và cái đau đớn nơi đôi chân. Anh nói sảng trong một cơn nửa thức nửa mê. Anh quần quai trên ổ rơm, rên rĩ, nghiêng rặng, kêu la, đòi hỏi.

Chị Vácvara thức sáng đêm, ngồi coi anh, cầm tỳ nơi đầu gối. Chị mở to cặp mắt buồn, đau đớn nhìn bệnh nhân. Thỉnh thoảng chị thấm nước lạnh vào khăn bông đắp lên đầu anh, lên ngực anh; chị đắp lại cho anh tắm da cừu mà anh cứ choãi đẩy ra mãi. Vừa làm, chị vừa nghĩ tới chồng chị, giờ đây đang ở xa, xông pha nơi trận tuyến...

Cụ Mikhailô thức dậy sớm lắm. Cụ muốn nhìn thấy anh đã dịu và thiếp đi ngủ yên. Cụ thì thầm bên tai nàng dâu dặn dò ít lời, rồi sấm sửa ra đi. Cụ choàng lên đôi ủng da những miếng cao su mà cụ đã tự tay cắt ra từ một cái ruột xe hơi, cụ lấy một sợi dây gai buộc áo khoác, cầm cây gậy đã từng mài nhẵn, cụ thường dùng để đi xa.

Rồi cụ đi mà không nói gì với Alếchxây cả.

Mêrétxép mê mệt đến nỗi không để ý biết chủ nhà đã đi khỏi. Mê man luôn một ngày nữa, mãi sáng hôm sau nữa anh mới tỉnh. Lúc đó mặt trời đã lên cao, từ trên trần hầm lọt xuống chân anh một luồng ánh nắng đặc, nó xuyên qua khói biêng biếc của lò bếp và không làm tan bóng tối, lại khiến cho bóng tối như đầy thêm.

Hầm trống không. Tiếng chị Vácvara khẽ và khan khan từ ngoài cửa hầm trên cao vọng vô. Có lẽ chị đang làm chi đó, vừa làm chi vừa hát một bài dân ca thông thường của vùng rừng rú này. Đó là lời than của một cây dâu tơ trời tưởng nhớ tới cây sến cùng tơ trời một mình ở xa xa.

Alếchxây đã từng nghe bài này nhiều lần. Các cô thiếu nữ những thôn lân cận thường hát khi các cô từng đoàn vui vẻ kéo đến giúp san bằng hay dọn dẹp sân bay. Anh thích điệu ca lê thê và đượm buồn đó, nhưng cho tới nay anh chưa hề để ý tới lời ca.

Trong không khí căng thẳng hồi còn chiến đấu, những lời ca ấy không nhập vào ý thức anh. Nhưng hôm nay lời ca, từ miệng người chinh phụ trẻ tuổi có cặp mắt đẹp này, xúc động một cách sâu sắc. Lời ca biểu lộ không chút che giấu tấm lòng lo buồn của chị, và Alếchxây, qua bài ngâm, cảm thấy rõ tận trong đáy lòng mình, tất cả tấm lòng tha thiết của chị Vácvara đang nghĩ tới ai cũng như cành dâu mỏng mảnh nọ đang nghĩ tới sến xa xôi của mình.

Em dâu đành mãi một mình

Sống xa anh sến hữu tình, than ôi!

Số dâu muôn kiếp thế thôi

Run run như đứa trẻ cô đơn nào.

Chị hát như vậy, tiếng chị hát nghẹn ngào như đượm những giọt lệ chân thành. Khi chị không hát nữa Alếchxây tưởng tượng chị ngồi dưới gốc cây chan hòa nắng xuân, nét mặt buồn, lệ lưng tròn mắt. Anh thấy mình cũng nghẹn ngào y hệt chị, và anh muốn lấy gói thư của anh giữ trong túi áo ra đọc một lượt, tuy anh đã thuộc lâu. Anh muốn ngắm nghía tấm hình người

thiếu nữ mảnh dẻ ngồi trên đồng cỏ. Anh định giơ tay kéo cái áo, nhưng anh không cất nổi, tay rã rời trên ổ rơm. Rồi tắt cả lại mờ mờ xám xám; những vòng ánh sáng muôn màu lướt qua. Trong bóng tối, lâu lâu có những tiếng kệt, anh nghe thấy giọng hai người: tiếng chị Vácvara và tiếng một người đàn bà khác, có tuổi hơn mà anh cũng đã nghe thấy. Tiếng nói thì thầm:

- Không ăn à?

- Ăn gì! Hôm qua có nhai mấy mẩu bánh, nhưng mưa liền. Thế là ăn à? Có uống mấy hớp sữa. Ở đằng này có cho uống...

- Vì là, này, trông! Tôi mang ít súp đến cho anh ta. Có lẽ hợp vị anh ta hơn!

Chị Vácvara kêu lên:

- Thím Vaxilixa! Chẳng lẽ thím đã...

- Ủ đúng đấy. Nước súp gà đấy! Thế thì có gì là lạ? Việc thường thế thôi mà! Kêu anh ấy dậy coi. Nài thêm vào, may ra anh ta ăn được.

Alếchxây nghe câu chuyện như người trong mộng. Anh chưa kịp mở mắt thì chị Vácvara đã lay mạnh anh, chẳng dè dặt gì cả, vì chị mừng quá:

- Alếchxây! Alếchxây này! Dậy! Thím Vaxilixa cho súp gà đấy! Dậy mà ăn. Bảo mà!

Ngọn lửa cắm gần nhà vẫn le lói. Trong ánh sáng bập bùng và mò khói ấy, anh thấy một bà già, nhỏ bé, lưng còng, mặt dài, nhãn nheo và cau có. Bà già đang xum xoe mở cái gói lớn để ở bàn. Bà tháo nút một mảnh vải bao bố, rồi nút một vuông khăn chít đầu cũ; cuối cùng, bà bỏ lần giấy độn, ở trong lộ ra cái nồi gang. Mùi súp gà ngon thơm, béo ngậy xông lên trong gian hầm, dạ dày Alếchxây như muốn chuyển.

Nét mặt nhăn nheo của thím Vaxilixa chẳng tươi lên chút nào.

- Tôi làm cho anh ăn đó. Vui lòng mà ăn, anh nhé! Ăn rồi thì may ra, nhờ trời, khá ra.

Alếchxây nhớ lại câu chuyện thảm thương của cả một gia đình bà già này bị tàn sát, và cả câu chuyện con gà khôn ngoan này được tặng cái biệt

hiệu buồn cười là con “Du kích”. Tất cả những hình ảnh: nào bà già, nào Vácvara, nào cái nồi thơm ngon, đều hòa lẫn trong mắt anh, nước mắt trào ra. Bây giờ anh mới thấy bà già nhìn anh với cặp mắt nghiêm nghị, nhưng chan chứa ái ngại, yêu thương.

Lúc bà sắp đi ra phía cửa, anh cố nói không thành tiếng:

- Cám ơn, má!

Bà già ra đến cửa rồi, nói với lại:

- Thôi đừng cám ơn! Sao lại cám ơn! Các con của má cùng ở mặt trận. Có lúc cùng có người cho chúng nó ăn súp không chừa. Ăn cho ngon đi con! Ăn cho mau lành.

- Má, má!

Alếchxây vươn cả mình lên mà nói, nhưng chị Vácvara đỡ anh lại, dìu anh lại nằm xuống ổ rơm.

- Thôi mà! Nằm yên. Đừng cử động mạnh! Anh ăn chút súp này đi thì hơn.

Không có đĩa, chị Vácvara đưa cho anh một cái nắp “gà mèn^[6]” cũ của Đức để đựng nước súp, mùi thơm bốc lên ngon lành. Chìa cái nắp gà mèn cho anh, chị quay mặt đi, chắc để giấu lệ mà chị không ngăn được trào ra mắt.

- Ăn đi anh!

- Thế bác Mikhailô đâu? Chị!

- Ba tôi đi khỏi, có chuyện. Ba tôi đi kiểm chính quyền vùng. Có lẽ không về ngay đâu. Nhưng thôi anh ăn đi!

Và gần sát mặt anh, anh thấy một chiếc muỗng bằng gỗ lớn đã mòn cạnh, đầy nước súp vàng ánh. Những muỗng nước súp ngon lành làm anh thèm thuồng vô cùng, dạ dày anh vừa đòi hỏi, vừa quặn đau. Nhưng anh tự hạn chế mười muỗng và ăn vài miếng thịt nạc trắng và mịn. Dạ dày anh còn đòi hỏi thêm nữa, muốn ngẫu nhiên, nhưng anh cương quyết đẩy món ăn ra vì anh biết rằng trong trường hợp anh mà ăn nhiều là có thể chết ngay.

Nước súp của bà già hiệu quả như thần. Vừa ăn xong Alếchxây đã ngủ được liền. Anh không ngủ mê man như những hôm trước, mà ngủ ngon lành say sưa, khỏe mạnh. Anh thức dậy, ăn thêm rồi lại ngủ, ngủ không có gì làm anh thức dậy được, dù khói trong hầm tỏa ra, dù tiếng mấy bà rì rào nói chuyện, dù chị Vácvara sợ anh chết lúc nào không biết, nên lâu lâu lại cúi xuống đặt tay thăm dò người anh xem có còn thở không.

Anh quả là vẫn sống. Tim anh đập đều, hơi thở mạnh. Anh ngủ suốt ngày đó, rồi suốt đêm, hình như không có sức mạnh nào trên đời này có thể ngăn giấc ngủ của anh.

Nhưng sáng ra, sớm tinh sương, anh nghe thấy một tiếng động từ xa, tiếng động đều đều, xen lẫn với tiếng cây rừng rào rạt. Anh giật nảy mình, và toàn thân vận sức, anh nâng đầu xa mặt gối.

Anh sung sướng hân hoan quá đổi. Anh ngậy người ra, mắt sáng lên. Đá kê lò nguội đi kêu răng rắc, để thao thức suốt đêm trường mỗi mệt còn rên rĩ và từng hồi nghe thấy phía trên hầm, tiếng thông lớn bình tĩnh reo, tiếng tuyết tan rơi lách tách từng giọt lớn trước cửa hầm. Những tiếng động ấy vẫn không làm cho anh nghe rõ một tiếng vo vo đều đặn. Nghe tiếng, anh nhận được đó là tiếng động cơ chiếc máy bay kiểu U.2. Tiếng máy khi gần và lớn hơn lên, khi trầm hơn nhưng không lúc nào xa đi. Alếchxây nghệt thở. Máy bay không xa, rõ ràng là thế, nó đang lượn trên rừng này như kiểm chỗ hạ cánh xuống.

Anh cố chống tay lên, miệng kêu:

- Chị Varia, Varia!

Nhưng chị Vácvara đi khỏi. Từ ngoài cửa, tiếng đàn bà nói láo nháo, tiếng chân chạy gấp. Nhất định có chuyện gì xảy ra.

Một lát cánh cửa hé mở, gương mặt có vết căm của em Phêdia (tức Phétca) lộ ra. Em kêu lớn:

- Dì Varia! Dì Varia!

Và em cuống quýt:

- Nó lượn, nó quay ngay trên đầu chúng ta...

Anh chưa kịp hỏi gì thì em đã chạy mất.

Anh cố hết sức chống tay ngồi dậy. Tim anh đập mạnh, máu chạy mau khắp mình. Máu đập mạnh ở thái dương anh, ở chân anh, đau đớn. Anh đếm vòng máy bay lượn trên không: một hai, ba... rồi anh té xuống nệm, quá xúc động, anh thiếp đi ngủ một lần nữa say sưa, hồi lại sức.

Anh thức giấc vì nghe thấy một giọng nói trẻ trung, một giọng nói trầm mà to như sấm, một giọng nói mà dù giữa một nghìn giọng khác anh cũng nhận ra liền. Cả trung đoàn phi cơ sẵn giặc, chỉ có một người là có giọng nói đó: đó là viên chỉ huy phi đội Andơrây Đếchcharencô.

Anh mở mắt và vẫn tưởng là mình còn đang ngủ, tưởng đang mê thấy khuôn mặt của bạn anh.

Đếchcharencô âm âm hỏi:

- Bố ơi! Chiến lợi phẩm của bố đâu cho coi nào!

Thì ra đây không phải là một cái hình trong mộng, nó không tan đi. Quả đây là Đếchcharencô, bạn anh, dù rằng anh không thể ngờ bạn anh có thể kiếm anh ở xó làng hẻm này, thăm thăm tận đáy rừng. Bạn anh, to lớn, lênh khênh, vai rộng, áo phanh ngực ra theo thường lệ, đang đứng trước mặt anh. Anh mang trong tay cái mũ phi công, dây vô tuyến điện lòng thòng, cùng những gói đồ đủ thứ. Đuốc chiếu ngược ánh sáng. Tóc anh ngắn tũn quanh đầu như một vòng hào quang vàng nho nhỏ.

Sau lưng Đếchcharencô là cụ Mikhailô mặt xanh lợt, coi bộ mệt lả, mắt mở hâu hấu, vì cảm động quá. Bên cạnh là Lենốtkà, chị y tá, tay mang một túi vải Hồng thập tự và ôm ghì ngực một bó hoa là lạ.

Mọi người yên lặng hồi lâu. Andơrây Đếchcharencô bị quáng vì tối nên đương nhìn dò dẫm khắp nhà. Một đôi lần, mắt của Andơrây nhìn qua mặt của Alếchxây mà anh không nhận ra. Còn Alếchxây tuy đã thấy mặt của bạn anh, nhưng anh không ngờ, vẫn tưởng mê hoảng.

Chị Varia vạch tấm lông cừu, đắp trên người Mêrétxép nói khẽ:

- Ôi trời ơi! Chính là anh ta đó mà!

Đếchcharencô nhìn trở lại tận mặt Alếchxây một cách bàng hoàng.

Alếchxây gắng gượng chống khuỷu tay vươn dậy, nói:

- Andơây!

Phi công nhìn anh, không giấu nổi ngạc nhiên kinh hãi.

Mêrétxép toàn thân run rẩy, lẩm nhẩm:

- Andơây, không nhận ra tôi sao?

Andơây một lúc lâu nữa nhìn bạn chỉ còn là một bộ xương còn sống, ngoài bọc da đen xì như bị đốt xám. Anh cố tìm ra nét tươi vui cũ của bạn. Chỉ trong cặp mắt menh mông, gần như tròn của Alếchxây, anh mới thấy hình dáng quen thuộc của Mêrétxép, bạn anh, coi vừa bướng bỉnh vừa trung kiên. Anh giơ tay, mũ cùng mọi gói đồ to nhỏ đều rơi xuống đất nện chặt: táo, cam, bích quy lăn tứ tung.

- Alếchxây, Alếchxây đấy à? - Giọng anh đờm lẹ, mi anh dài và như không màu sắc, ươn ướt. Alếchxây ơi! Alếchxây!

Anh ôm người bạn ốm yếu nhẹ bằng bằng đứa con nít, lôi ra khỏi giường, ghì vào ngực và kêu hoài:

- Alếchxây của tớ ơi! Alếchxây!

Một lát, anh buông Mêrétxép xuống, lui lại và ngăm ngăm nghĩa nghĩa, như coi kỹ quả thực là bạn mình, rồi anh lại ghì chặt vào lòng:

- Đúng phải rồi, thực quả là mi rồi. Alếchxây ơi! Cái thằng quái thẳng quỷ này!

Chị Varia và chị y tá Lêốtca phải ra sức gỡ thân hình ma dại của Alếchxây ra khỏi sức ghì của Đếchcharencô, hai tay khô cứng như cẳng gấu vậy.

Chị Varia phát giận lên:

- Buông ra nào, chao ôi! Anh ấy muốn chết rồi.

Chị y tá thì nói:

- Ấy coi nào, xúc cảm thế không tốt đâu! Ấy coi nào...

Và chị cuống cuống lên, nhắc đi nhắc lại mãi câu: “Ấy coi mà, ấy coi mà”.

Khi Đếchcharencô đã nhận rõ cái người đen đui này, già đi, nhẹ như chẳng còn gì cả nữa, chính là Alếchxây Mêrétxép bạn anh, người bạn chiến đấu vào sinh ra tử, mà ở trung đoàn cũng tưởng là đã chết rồi, anh giơ cả hai tay ôm lấy đầu bạn và rú lên một tiếng mừng rỡ. Andơây lại ôm lấy ngang vai anh, nhìn thẳng vào đôi mắt đen láy của anh đang sáng lên nỗi mừng trong quầng mắt thâm. Và kêu âm lên:

- Sống! Nỡm ơi là nởm! Nhưng thẳng trời đánh thánh vật kia ơi! Mi ở đâu từ bữa đó tới nay! Hà ông quái?

Chị y tá mà cả trung đoàn cứ gọi trống không là Lêốtca, mặc dầu chị đeo lon trung úy, hay lại còn gọi trêu “nữ y tá y khoa” thấy Andơây làm quá, nên chị nghiêm khắc cản:

- Ấy coi nào, đồng chí đại úy, đồng chí để cho bệnh nhân nằm yên nào...

Chị đặt lên bàn bó hoa, hôm trước phải cho đi máy bay đến thị trấn mà kiểm mới có, nhưng lúc đó tỏ ra thực là vô dụng, và chị mở túi hồng thập tự lấy đồ nghe ra nghe thương binh. Ngón tay nhỏ bé của chị sờ chân Mêrétxép, chị đưa tay mau và hỏi hoài:

- Có đau không anh? Chỗ này? Chỗ này?

Đó là lần đầu Mêrétxép chú ý thực tới chân mình. Hai chân anh sưng lớn trông phù gôm ghiếc và tím ngắt. Hơi rờ tới đã đau đớn và chuyển nhói khắp mình. Điểm mà chị y tá lo nhất là đầu ngón chân anh đã đen xì mà lúc chị đụng vào chị không thấy anh kêu đau.

Cụ Mikhailô và Đếchcharencô ngồi ở bàn. Hai người tuyệt vài hơi trong bình rượu của phi công để ăn mừng, rồi chuyện trò vui vẻ. Cụ cất giọng lạnh lạnh và run run, kể câu chuyện của Mêrétxép mà rõ ràng là không phải cụ kể lần đầu tiên:

- Ấy đó, mấy cháu nó lùm kiếm ở chỗ xưởng gỗ. Chỗ đó bọn Đức trước hay đến chặt cây để kéo về làm trại. Má chúng nó, tức là con gái tôi, cho cháu đến bó củi nhỏ. Hai cháu gặp anh ở đó. Úi chao ôi! Mới lạ làm sao chứ! Thoạt tiên hai đứa tưởng anh là con gấu, một con gấu bị thương bò lăn dưới đất. Tụi nó bỏ chạy. Sau vì tò mò tụi nó trở lại, muốn coi xem con gấu

gì thế? Và tại sao gấu ta lại lăn dưới đất? Anh tưởng tượng coi. Tụi nó nhìn, và tụi nó thấy anh vừa lăn mình vừa rên rỉ.

Đếchcharencô có vẻ mặt hoài nghi:

- Lăn thế nào cơ?

Rồi anh đưa thuốc mời cụ Mikhailô:

- Cụ hút thuốc!

Cụ già cầm điều thuốc rồi móc túi lấy một mẫu giấy nhật trình, cẩn thận, xé lấy một miếng vuông, rồi đổ chỗ thuốc của điều thuốc vào, cuộn lại hút phì phèo, khoái chí lắm.

- Hút chứ. Sao lại không? Hồi Đức còn ở đây, thuốc lá làm gì có mà hút, hút rêu và lá khô thì có. Ấy thế đấy... À, anh vừa hỏi tôi không biết anh ấy lăn thế nào? Tôi, thì tôi không thấy. Mấy đứa nhỏ nói thấy anh lăn như thế này này: lăn bằng lưng, bằng bụng, bằng bụng lại bằng lưng... Hình như anh không còn sức bò trên tuyết nữa nên phải lăn. Anh ấy là một anh chàng như thế đấy.

Đếchcharencô cứ muốn vùng lên xem bạn đương được hai chị săn sóc; hai chị lấy mềm xám bộ đội do chị y tá đem đến, bọc toàn thân Alếchxây.

- Thôi, ngồi yên nào, cái anh này, ngồi yên. Bọc cu cậu vào đã, không phải việc của đàn ông chúng mình. Hãy nghe tôi nói tiếp nào, để rồi mà về báo cáo cho cấp trên. Anh chàng này thực đã làm một việc khác thường đấy nhé, cứ nghe tôi! Cả tuần nay, dân làng này lo cho anh, còn anh thì một ngón tay út cũng không động đậy được. Vậy mà anh đã lấy sức ở đâu không biết để bò qua rừng, qua truông. Không dễ gì mà kiếm được một người mà hạng như anh đâu nhé! Thần thánh trên trời cũng chẳng làm nổi như vậy. Ừ mà thần thánh thì chỉ cứ suốt đời ở trên bệ thôi nhì; làm thần thánh như thế chả khó gì. Không nào, nghe người ta với chứ, con! Nghe này...

Cụ già cúi xuống tận gần tai Andơrây, mấy sợi râu trong chòm râu nhỏ chạm vào da mặt anh.

- Tôi chỉ còn sợ anh ấy không qua nổi, Đức không bắt được anh, nhưng anh có thoát nổi... cái chết không... Anh chỉ còn xương thôi, chẳng biết anh

làm thế nào mà tiến lên được. Chắc phải có cái sức gì ghê gớm lắm nó hút anh đến với đồng bào, đồng đội. Ngay trong lúc mê sảng, anh cứ nói hoài: phi trường, phi trường... Và cũng nói những cái gì gì ấy nữa, trong đó có nhắc tới tên Onga nào đó. Có ai tên như thế ở phi trường các người không? Hay là vợ anh? Anh có nghe tôi không? Anh phi công! Có nghe nói đấy không, hả?

Đếchcharencô quả là không nghe. Anh đang hình dung người bạn anh kia, trông có khác chi bọn thanh niên khác ở trung đoàn đâu, mà ngày đêm bò, trườn, lăn mình được qua rừng, qua truông, trên tuyết tan, kéo lê thê cặp giò đã giá cứng hay đã gãy nát. Anh nghĩ tới bạn anh, muốn ra sao thì ra, cũng cố trốn thoát tay giặc về hàng ngũ của mình nên sức đã kiệt mà vẫn cứ bò, bò không được nữa thì trườn trên mặt đất. Nghề phi công sẵn giặc đã làm cho Andơây quen nguy hiểm; khi anh bay ra trận, không bao giờ anh nghĩ đến cái chết; những khi ấy, anh thấy trong mình rạo rực một thứ hân hoan riêng là khác nữa. Nhưng một mình trong rừng, trong trường hợp này...

- Bác gặp anh ấy hồi nào?

- Hồi nào?

Cụ già chép môi, lấy điều thuốc nữa tháo ra, rồi lại cuốn vào mẩu nhật trình nữa.

- Anh muốn biết hồi nào? Ờ! Đúng thứ bảy, trước ngày hôm chủ nhật đầu Lễ Chay. Thế tức là đúng một tuần rồi.

Đếchcharencô làm tính nhẩm và kết luận. Vậy anh Alếchxây bò trong mười tám ngày và mười tám đêm. Đối với một thương binh, không lương thực, bò được lâu đến thế đó là một việc khó tưởng tượng. Phi công ôm ghì cụ già nói: “Cám ơn bác! Cám ơn ông gà!”

- Có gì phải cám ơn! Có gì! Thật là không có gì để cám ơn. Anh hãy coi lại này. Nói thế mà nghe được sao? Tôi là người ngoại quốc đấy à?

Rồi cụ giận dữ quay lại, thấy con dâu đang đứng như thường lệ, có vẻ như buồn rầu và suy nghĩ, má tì trên tay, cụ quát lên:

- Lượm đồ dưới đất lên chứ. Để bữa bãi thế này không tiếc của sao?
“Cám ơn” à? Chuyện với trò!

Chị Lênốtca vừa cuộn anh Mêrétxép vào mền xong; chị nhắc đi nhắc lại, lời trúc trắc và hấp tấp như ỗ bi lăn:

- Rồi đồng chí trung úy sẽ thấy! Rồi được mà, được mà. Ở Mátcơva, cứ thoát một cái là có thể chữa lành được, ở Mátcơva có nhiều người bệnh nặng lắm mà vẫn cứ lành được!

Chỉ nghe chị y tá làm ra bộ vui đùa, và coi cái cách chị ấy nhắc đi nhắc lại mãi rằng Mêrétxép sẽ thoát một cái là lành, Đếchcharencô biết ngay là chị đã xem thấy tình hình bệnh nhân đáng lo ngại, bạn anh đang khó sống.

Bọc trong mấy lớp mền chỉ hở cái đầu, thân hình Alếchxây làm cho Andơrây nhớ tới mấy cái thân vua chúa Ai cập cổ tẩm thuốc, in trong sách giáo khoa cô sử hồi còn học trò. Andơrây xoa bàn tay to lớn của anh trên má bạn, má chẳng chịt râu ria hung hung và cứng rậm.

- Đừng lo, Alếchxây ạ! Rồi mày khỏi cho mà coi. Anh em sẽ lo chu đáo. Đã có lệnh ngay hôm nay, đưa mày về Mátxcơva tới một bệnh viện cừ lắm cơ, ở đó toàn là giáo sư y khoa có nhiều những cô nữ y tá (anh liếc nhìn phía Lênốtca và chếp lười đùa) làm cho người ta đã chết thì cũng phải hồi lại cơ. Rồi hai đứa chúng ta sẽ còn nô nghịch với nhau trên trời.

Anh được cụ già giúp lo đặt cẩn thận Alếchxây lên trên chiếc băng ca, chị Vácvara lo thu xếp đồ đạc, gói lại cho anh một gói. Lúc thấy con dao găm SS Đức mà cụ Mikhailô đã nhiều lần lau chùi mài bén và miết thử lên ngón tay, và đã nhiều lần ngắm nghía tỏ ra vẻ sành sỏi lắm, anh liền ngăn chị lại và nói:

- Bác giữ lấy con dao găm này bác ạ! Gọi là để làm chút kỷ niệm nhỏ.

- Cám ơn, Alếchxây con, cám ơn! Dao này thép tốt lắm. Nhưng mà nó có hàng chữ gì không phải chữ mình? - Cụ vừa nói vừa đưa dao cho Đếchcharencô xem.

Đếchcharencô dịch:

- “Tất cả cho nước Đức” bằng tiếng Đức.

- “Tất cả cho nước Đức”.

Mêrétxép vừa nhắc lại, dần từng tiếng vừa nhớ đến hoàn cảnh thu được con dao.

Đếchcharencô đã ra đứng phía trước băng ca, kêu lên:

- Nào, nhắc lên, nhắc lên, cụ già!

Chiếc băng ca rung rinh, và chạm sát vách đất, cả bọn ra khỏi cửa hầm chật hẹp.

Dân làng đến đây hầm để chào người đồng bào kiếm được trong rừng, cũng ra ngoài luôn. Chỉ có chị Vácvara ở lại trong nhà. Chị chậm rãi sửa lại cây đèn mủ thông ở khe vách, đến gần nệm rơm bọc vải, vẫn chỗ còn dấu nằm của chiến sĩ, tay chị vuốt ve tấm vải. Chị chợt nhìn xuống bó hoa mà khi vội đi không ai nhớ tới. Đó là những cánh hoa li la, trồng trong buồng ấm, nhợt nhạt, yếu ớt, giống như thân hình những người dân làng đang tránh giặc ở đây, đã trải qua cả một mùa đông trong những cái hang ẩm ướt, lạnh lùng này. Người chinh phụ trẻ tuổi ôm bó bông, ngửi mùi thơm tinh tế của hoa xuân lẫn trong mùi khói trong nhà hầm, rồi chị nằm lăn ra ván, nghẹn ngào lệ...

Tất cả dân làng Polavơni đều ra tiễn người khách bất ngờ của làng. Máy bay đậu ở sau rừng trên một ao đóng băng; băng đã tan ở mép, nhưng còn đủ vững và trơn. Không có đường đi tới. Lúc vô, một giờ trước đó, thì cụ Mikhailô, Đếchcharencô và Lếnốtca đã phải dọn một con đường nhỏ trong tuyết tan. Bây giờ cả một đám đông người đi đường này ra chỗ máy bay. Mấy đứa nhỏ đi trước mở đường, dẫn đầu là em Xêriônca và em Phétca rất phấn khởi. Lấy danh nghĩa là bạn cũ, vì chính mình đã thấy phi công trong rừng, nên nó nghiêm trang đi trước băng ca, chú ý để khỏi tụt mất hai chiếc ủng cũ của ba nó chết trận để lại. Nó lớn tiếng ra lệnh cho cả lũ trẻ quần áo rách rưới, răng trắng bóng trên những gương mặt lem luốc. Đếchcharencô và cụ Mikhailô khiêng băng ca đi dè dặt. Lếnốtca thì chạy theo bên, giữa tuyết, khi sửa mền, khi lấy khăn quàng của mình trùm đầu cho bệnh nhân. Rồi tới đàn bà, già, trẻ đủ cả. Tất cả đám ồn ào nhộn nhịp theo sau.

Mới ra, Mêrétxép chói mắt vì ánh sáng ngoài trời lại được tuyết phản chiếu lại.

Không khí mát mẻ buổi sớm mùa xuân làm anh rừng mình suýt chết ngất. Nhưng rồi anh hé mắt nhìn, mắt anh quen dần với ánh sáng, và anh quan sát xung quanh. Anh thấy quang cảnh bên ngoài của làng hằm.

Khắp bốn hướng, rừng già bao bọc như tường thành không một vết nứt. Cây um tùm che phủ từng gian nhà hằm. Ánh mặt trời ít lọt xuống dưới được nên gốc cây soi râm mát. Tuyết phủ ngập mọi nơi.

Sau chiếc băng ca, cả làng đương từ từ đi theo con đường phố của làng.

Ra chỗ thoáng, Alếchxây thoát tiên thấy sung sướng vô bờ bến, như con thú vật được khoái trá trong thể xác, nhưng sau anh lại hơi băng khuâng lo buồn. Chị Lếnốtca lấy tấm khăn tay nhỏ thấm những giọt nước mắt anh. Chị đã hiểu theo kiểu của chị và dặn người khiêng đi chậm chậm lại.

Mêrétxép vội nói:

- Không, không! Đi mau hơn lên, xin đi mau hơn lên cơ!

Anh đã cho là đi chậm quá. Anh bắt đầu lo không kịp chuyển máy bay từ Mátxcơva, vì riêng anh mà đến bỗng nhiên vì lý do gì đó phải đi ngay, không đưa anh tới được nhà thương đã bố trí sẵn chờ anh, nơi anh chờ mong sẽ được cứu khỏi. Anh rên rỉ khe khẽ vì đau do người khiêng bằng ca đương rảo bước, nhưng anh vẫn cứ van vãn đi mau thêm. Anh đòi đi lẹ đến nỗi cụ Mikhailô vừa khiêng vừa thở không kịp. Cụ vấp rồi đi không kịp nữa. Hai chị đàn bà khiêng thay cho ông già. Cụ Mikhailô lại chạy theo trên tuyết, cùng chị Lênốtca, mỗi người một bên bằng ca. Cụ lấy cái mũ sĩ quan cụ đang đội thắm mồ hôi trên đầu hói, trên bộ mặt đỏ hồng, trên cổ nhăn nheo, và không bực mình gì cả, cụ lẩm nhẩm:

- Ấy thế đấy! Nó gấp lắm. Cũng hay Alếchxây ạ! Con nói có lý! Mau lên là phải. Muốn đi mau ấy tức là bám chặt lấy đội. Tôi nói lẽ có sai đâu... Đến nhà thương nhớ viết thư cho bác nhé. Con nhớ: làng Pơlavơni; huyện Bulôgôie khu Calinin. Làng tương lai đấy! Ôi chao cái làng tương lai đấy! Nhưng chớ có sợ gì. Thư thế nào rồi cũng đến. Nhớ lấy: địa chỉ đúng thế đấy!

Lúc nâng cao bằng ca để cho anh lên máy bay và Alếchxây ngửi thấy mùi dầu xăng quen thuộc, anh lại tràn ngập sung sướng một lần nữa. Nấp máy bay bằng nhựa đóng kín, anh không còn thấy tay dân làng vẫy chào nữa. Anh không thấy bà già bé nhỏ chút khấn vuông xám trông y như con quạ, tay rụt rè và sợ cánh quạt máy bay nhưng vẫn cố lách mình đến tận gần Đếchcharencô trao gói thịt gà luộc. Anh không thấy cụ Mikhailô lảng xăng quanh máy bay, kêu gọi đàn bà, xua đuổi con nít sợ chúng phá. Rồi cánh quạt quay mạnh làm rơi mũ trên đầu cụ, lăn long lóc trên tuyết. Anh cũng không thấy cụ đứng, đầu trần, vãi nạm tóc trắng xóa phất phơ quanh đầu tung bay trong gió, chẳng khác hình ảnh ở thôn quê của thánh Nicôlai. Cụ già, chỉ có một mình là đàn ông giữa đám dân làng phụ nữ áo quần nhiều màu sắc, lấy tay vẫy chào máy bay chuyển mình trên tuyết và xa dần.

Đếchcharencô cho máy bay rồi anh bay qua đầu mọi người. Anh cẩn thận bay gần như chạm bằng với bộ phận trượt băng của máy bay, cho máy

bay đi từ từ dọc bờ hồ dựng đứng, rồi một lúc sau khuất dạng sau một hòn đảo rườm rà cây cối.

Andơrây là người bay ẩu nhất, đã bị cấp trên phê bình nhiều lần về tội thường bay quá sức gấp, nhưng lần này anh bay cẩn thận đặc biệt. Anh không bay mà chỉ lượn là là chỉ bay thấp theo những hốc núi đã do sông rạch ra, lẩn tránh dưới những bờ hồ cao. Nhưng Alếchxây đâu có hay biết gì! Mùi dầu xăng và nhớt quen thuộc, cảm giác sung sướng lại được bay lên không làm anh thiếp đi. Anh tỉnh dậy lúc tới sân bay, và được khiêng ra khỏi máy bay, để đưa qua máy bay y tế hạng bay nhanh, đã từ Mátxcơva tới chức sẵn.

Anh xuống sân bay mà anh quen thuộc, vào lúc sân bay đang lúc nhộn nhịp nhất. Đã từ đầu xuân, mỗi ngày nhân viên của trường bay đều bận tới tấp.

Tiếng máy không ngưng một phút. Một đội phi cơ hạ xuống để lấy xăng, thì một đội phi cơ khác đã bay lên, rồi đội thứ ba...

Từ phi công cho tới tài xế chở xăng và thợ máy phân phối xăng, ai nấy đều đã tới lúc kiệt sức. Tham mưu trưởng đã khản tiếng, bây giờ nói chỉ thành những tiếng ồ ồ.

Ai nấy đều bận rộn và làm việc nhộn nhịp, nhưng hôm nay ai nấy chỉ bận tâm niệm chờ đón Mêrétxép trở về.

Những phi công chưa kịp tắt máy, chưa kịp xuống sân đã vội hỏi như thợ máy:

- Thế nào, chưa về sao?

Các “vua xăng”, mỗi khi có xe cam nhông chở xăng tiến đến gần kho đào dưới đất, sẵn hỏi:

- Sao, không có tin tức gì à?

Mọi người đều lắng tai chờ tiếng máy bay y tế của trung đoàn, mà ai cũng đã quen nghe, chờ mãi cố nghe tiếng nó vo vo phía trên khu rừng.

Khi Alếchxây nằm trên băng ca đã ra khỏi máy bay, anh thấy quanh mình toàn mặt anh chị em thân thuộc. Anh mở lớn mắt. Trong đám đông, tiếng kêu hoan hô vang dậy.

Sát gần băng ca, anh nhận ra nét mặt trẻ trung lúc nào cũng nghiêm nghị của tham mưu trưởng, đương mồ hôi nhễ nhại, với cả bộ mặt mũm mĩm, trắng bệch của viên trưởng liên đoàn quản trị và tổ chức, mà anh không ưa mấy vì quan liêu và bủn xỉn. Toàn là bạn quen. Đi đến khiêng băng ca là anh thợ máy Iura, vừa khiêng vừa không ngớt quay đầu lại nhìn Alếchxây, nhưng nhìn chẳng được vì cứ quay đầu là chân vấp. Đi bên cạnh là một cô bé tóc hung hung đỏ, trung sĩ coi thiên văn, Alếchxây vẫn thường cho chị

này có ác cảm với mình và tránh không muốn gặp anh, đồng thời như soi bói gì anh, nên cứ liếc trộm một cách kỳ quặc. Anh vẫn phá chị và kêu chị là cô “Đội Thiên văn”. Rồi tới anh phi công Cúcúckin, một anh chàng khẳng khiu, nước da vàng é và là người khó tính trong phi đội chẳng mấy ai ưa. Nhưng anh cũng mỉm cười và cố gắng đi sao cho kịp những bước đi dài thật là dài của Iura, Mêrétxép còn nhớ rằng trước khi mình lên máy bay, anh có giấu Cúcúckin trước mặt mọi người vì anh này có món nợ mà cứ lần khẩn mãi không trả, và anh cho rằng anh này thù dai, chắc không bao giờ hết giận anh. Nhưng không, nay là anh ta đang bám sát chiếc băng ca, giúp đỡ một tay và lấy khuỷu tay thúc mấy người đi gần, để bảo vệ anh khỏi bị chạm phải.

Alếchxây không ngờ anh nhiều bạn quá. Chỉ lúc này mới biết ai là bạn. Anh nghĩ thương hại cho chị “Đội thiên văn” cứ lấm lét sợ anh, anh thấy mình có lỗi với viên phụ trách hành chính là người mà anh hay nói nhạo và kể chuyện nói giấu để cho cả sư đoàn bàn tán, anh muốn xin lỗi Cúcúckin, nói với tất cả bà con rằng, nghĩ cho cùng, anh này không đến nỗi khó chịu và khó tính đến thế đâu. Anh cảm giác như đã trở về với gia đình thật của mình và mọi người đều sung sướng đón chờ sau bao nhiêu ngày gian nguy.

Anh được khiêng thật chu đáo cẩn thận tới góc sân bên kia, chỗ chiếc máy bay y tế đang chờ; máy bay bóng nhoáng màu bạc, nắp ở rìa một đám rừng cây bulô nhỏ. Thợ máy đã bắt đầu dùng một thứ máy bơm sữa soạn cho chiếc máy bay y tế đang ngội máy ấy để lên đường.

Bỗng nhiên Alếchxây nói với chỉ huy trưởng trung đoàn, cố ý kêu lớn tiếng và làm cho tiếng có vẻ hết sức rần rỏi:

- Đồng chí Trung đoàn trưởng!

Trung đoàn trưởng như thói quen, cúi xuống và hơi mỉm cười trông như có vẻ bí mật.

- Đồng chí Trung đoàn trưởng ạ! Đồng chí cho phép tôi ở đây khỏi phải về Mátxcơva, ở đây với đồng chí...

Chỉ huy trưởng trung đoàn bỏ mũ phi công bịt kín hai tai ra để nghe cho rõ.

- Tôi không muốn đi Mátxcơva ạ! Tôi xin ở lại trạm y tế này.

Trung đoàn trưởng rút găng tay bọc lông ra và kiểm lấy tay Alếchxây dưới chân, nắm chặt lấy:

- Anh định nói chơi đấy chứ? Hiện nay anh đang cần săn sóc rất nhiều.

Alếchxây lắc đầu. Anh thấy mình đương dễ chịu lắm, đương rất bình tĩnh. Tất cả những gì anh đã trải qua, chân tay đau đớn, anh đều thấy chẳng có gì là ghê gớm cả.

Tham mưu trưởng hỏi:

- Cậu ấy muốn gì?

Chỉ huy trưởng cười trả lời:

- Cậu ấy muốn xin phép ở lại đây với chúng ta.

Nhưng trung đoàn trưởng cười lần này không có vẻ bí mật như lúc thường nữa, mà rõ là âu yếm và buồn rầu.

Tham mưu trưởng cầu nhàu:

- Ngu! Thực là chuyện lãng mạn, anh hùng cho báo con nít đọc! Theo lệnh riêng của chính Tổng chỉ huy quân đoàn, đã được danh dự có máy bay từ tận Mátxcơva đến đón riêng, ấy thế mà còn kỳ kèo.

Mêrétxép muốn trả lời là không có gì là lãng mạn cả. Anh chỉ muốn được chữa dưới mái lều trạm y tế của trung đoàn; trước anh đã nằm đấy mấy ngày để chữa chân, chân bị sái vì có lần máy bay bị bắn hư, anh hạ cánh không được bình thường. Anh tin tưởng rằng trong không khí thân mật này có lẽ còn khỏi bệnh mau hơn ở một nhà thương Mátxcơva có đầy đủ tiện nghi hơn. Anh đương tính sẽ nói thế nào đó để trả lời tham mưu trưởng cho thật là đanh thép, nhưng chưa kịp nói ra.

Tiếng ốc hụ đã rú lên thảm đạm. Nỗi lo buồn bỗng đượm nét mặt con người. Chỉ huy trưởng ra lệnh cho mọi người. Lời gọn và rõ. Thế là tất cả phân tán mau lẹ như đàn kiến. Kẻ thì chạy ra máy bay núp ở bìa rừng; người thì chạy tới hầm chỉ huy, nhìn lên phía kia sân bay; người khác nữa thì chạy tới những máy bay giấu trong rừng. Alếchxây thấy rõ mồn một luồng khói xám ở một chiếc hỏa tiễn bay lên trời rồi tan dần đi. Anh nghe

thấy còi hiệu báo động; tim anh đập mạnh, mũi nghe phập phồng và anh thấy trong thân thể còn yếu của anh, chuyển mạnh một luồng lạnh buốt như mỗi khi lâm vào cảnh hiểm nghèo.

Lênốtca, anh thợ máy Iura và cô “Đội thiên văn” vì không có nhiệm vụ đặc biệt gì và không tham dự cuộc hăng say chuẩn bị chiến đấu, nên cả ba xúm lại nâng băng ca lên, rồi cố gắng đi từng bước một, nhưng không được vì vội quá, thực ra là rảo cẳng chạy; mấy người khiêng anh đến đám rừng gần nhất.

Alếchxây khẽ rên rỉ. Mấy người khiêng đi chậm lại. Từ xa, tiếng ca xa chạy lạch tạch nổ đều. Trên đường bay, từng chiếc máy bay săn giặc tiếp nối nhau mà lặn, rồi vút lên, rồi biến mất trên trời. Alếchxây nghe tiếng máy bay đương nổ máy từng chập phía trên rừng. Bấp thịch anh cứng lại. Nằm dí trên băng ca, sức cùng lực kiệt, nhưng anh tưởng chừng như đương ở trong lòng một chiếc máy bay săn giặc, bay trên trời bám lấy máy bay giặc và xả súng chẳng khác một con chó săn giỏi đánh hơi thấy thú rừng.

Băng ca không kéo vô trong hầm chật hẹp được. Iura và hai thiếu nữ muốn ôm lấy chiến thương đưa anh xuống, nhưng anh không chịu và đề nghị để băng ca dưới bóng một cây bulô lùn thấp, ở mép rừng, ở đó, anh đã chứng kiến trận chiến đấu diễn ra những phút giây phút sau đó, mau chóng như một cơn ác mộng. Phi công mấy khi có dịp được ở dưới trên trời máy bay bắn nhau đâu. Anh là một phi công chiến đấu ngay từ hồi đầu chiến tranh, quen bay giữa trời chiến đấu với những tốc lực nhanh ghê gớm, anh lấy làm lạ sao thấy đánh nhau coi chậm rãi quá chẳng có gì ghê rợn cả. Máy bay như uốn lượn từ tốn, và cả đến tiếng súng liên thanh sao cũng hiền từ quá, chẳng khác nào tiếng công việc nội trợ nào đó, tiếng máy bay hay tiếng vải xé thật là từ từ.

Mười hai máy bay oanh tạc Đức đi thành hình tam giác, như ngỗng trời bay, lượn một vòng trên phi trường rồi biến mất trong ánh sáng mặt trời chói lóa. Tiếng súng cao xạ ở một khu rừng nhỏ gào lên dữ dội, và khói đạn nổ lừng trời trông y như phấn hoa bị gió cuốn đi, rồi cả chùm bom giội xuống như những giọt mực đen xì từ bút lông rơi xuống, thoáng cái đã lớn

hết sức; anh cũng chẳng thấy sợ hãi gì và ngẩng nhẹ đầu lên nhìn xem nó rơi đâu.

Thái độ chị “Đội thiên văn” khiến Alếchxây lạ lùng hết sức. Khi tiếng bom rít dữ dội tột bậc, thì cô thiếu nữ ấy, đương nửa mình ở trong hầm trú ẩn, và vẫn cứ nhìn trộm soi bói Alếchxây như mọi khi, bỗng nhảy từ một bước đến băng ca, đâm bổ vào anh, toàn thân run rẩy vì động và sợ hãi đè ép anh xuống sát đất để che chở anh.

Anh thoáng thấy sát gần mặt anh, gương mặt sạm nắng như còn con nít của chị; môi chị dày và mũi chị nhỏ, ngắn, rậm nắng. Tiếng nổ dữ ở rừng. Rồi kể gần hơn nữa hai ba bốn tiếng, tiếng thứ năm nổ vang nổ vang lên gần chỗ anh đến nổi rung lên, và ngọn cây bulô dưới gốc đó Alếchxây đương nằm bị gãy tan và tung lên nhào xuống đất.

Anh nhìn lại thấy trước mắt một lần nữa vẻ mặt xám xanh kinh khủng của chị, má chị lạnh buốt áp vô má anh, và trong thời gian ngắn giữa hai tràng bom nổ, anh nghe môi chị sợ hãi và cuống quít kêu lên:

- Anh thân yêu! Thân!

Một loạt bom nữa làm đất rung chuyển. Trên sân bay đất và khói khét lẹt bốc lên trời như những cột lửa, khác nào cả một dãy cây khổng lồ như từ đất bỗng vút mọc lên cành tan rã tức khắc rồi sụp xuống như cả một khối đất lạnh cứng âm âm rơi. Trên không chỉ còn lại một luồng khói nâu, mùi nồng nặc như mùi tỏi.

Khi khói tan rồi, tất cả lại trở nên yên tĩnh. Tận phía kia rừng, tiếng một cuộc chiến đấu giữa không trung còn nghe thấy vắng vắng.

Cô thiếu nữ chỉ một bước nhảy phắt dậy. Má xanh lợt của chị đỏ ửng. Chị đỏ mặt then đến ứa nước mắt ra, và không dám nhìn Alếchxây nữa, chị xin lỗi:

- Em có làm anh đau không? Sao tôi ngốc thế, sao tôi ngốc thế, trời ơi! Xin lỗi anh.

Iura cầu nhàu, bậc mình vì không kịp, như cô gái nhỏ đó, lấy thân che chở cho bạn:

- Thế mà hối hận à?

Anh vừa lăm bằm vừa phui bộ áo quần liền, gãi gáy, lắc đầu nhìn chỗ cây bulô bị chặt ngọn, vết bom nổ như dao cắt vệt hằn đi, và trên thân cây đã phả xuống một dòng mủ trong vắt. Mủ cây bị thương trên ánh vỏ cây có rêu, nhỏ giọt xuống đất thành từng giọt trong sáng như những giọt lệ.

Lênốtca lúc nguy hiểm không rời về mặt ngạc nhiên và đùa nghịch, nói:

- Coi, cây bulô cũng khóc nè!

Iura về mặt âm đạm đáp lại:

- Chứ sao! Thôi thế là xong, bây giờ lên đường. Mong sao cái máy bay y tế không sao.

Cả ba - Iura khiêng đằng trước, hai chị khiêng đằng sau - khiêng băng ca tới phía máy bay, giữa những lỗ bom còn tỏa khói, mà nước từ tuyết tan ra đã bắt đầu chảy vào. Alếchxây tò mò nhìn bàn tay nhỏ bé nhưng cứng cáp thò ra khỏi cánh tay áo nhà binh phồng phình, nắm chặt lấy băng ca. Đầu óc cô bé nghĩ gì? Hay anh mê sáng tưởng như nghe những câu ban nãy vì quá xúc động mà thôi?

Trong ngày đáng ghi nhớ đó Alếchxây Mêrétxép lại còn mục kích một cảnh nữa. Lúc băng ca gần đến máy bay óng ánh màu bạc có hình Hồng thập tự trên cánh và ở thân máy bay, và người thợ máy đang lắc lư đầu đi vòng một lượt xem máy có bị một mảnh bom nào hay hơi bom nổ làm hư hỏng gì không thì máy bay sẵn giắc cũng đã hạ cánh lần lần từng chiếc một. Máy từ phía sau rừng nhô ra, rồi đậu xuống không lượn gì cả, như mọi khi, khi trở lại nơi ẩn nấp ở mép rừng.

Trời đã trở lại yên tĩnh. Phi trường vắng dần. Tiếng động cơ dịu dần, nhưng gần trạm chỉ huy, một nhóm nhỏ người tìm kiếm trên trời, để tay che trên mắt cho đỡ chói ánh nắng. Iura báo tin:

- Máy bay số 9 không thấy về. Thiếu Cúcúckin.

Mêrétxép nhớ tới khuôn mặt bé nhỏ của Cúcúckin, lúc nào cũng có vẻ như chưa chết.

Chính Cúcúckin mặt mày như thế đấy, vừa lúc này còn xun xoe đỡ băng ca mình. Và bây giờ... Ý nghĩ ấy, các phi công đang trong lửa chiến đấu, thường có, nay Alếchxây không sống đời sống chung của phi trường nữa

làm cho anh rùng mình. Bỗng tiếng máy bay vo vo ở trên trời. Iura nhảy cẫng lên vì mừng:

- Hẳn rồi!...

Mọi người nhốn nháo quanh trạm chỉ huy. Có chuyện chi? Máy bay số 9 không đậu. Nó bay lượn một vòng lớn và lúc bay qua trên đầu mình, Alếchxây thấy máy bay đã mất một mẫu cánh, và, kinh hoàng hơn là dưới thân chỉ còn thấy có một bánh xe để hạ xuống mà thôi. Hai hỏa tiễn màu đỏ liên tiếp bắn lên trời. Cự cúckin lại lượn một vòng nữa và máy bay của anh giống như con chim bay về tổ cũ mà thấy tổ mình bị phá hư không biết đậu vào đâu nữa, anh định bay thêm một vòng thứ ba nữa.

Iura coi đồng hồ lăm băm:

- Bây giờ phải nhảy thôi. Xăng gần hết sạch rồi. Đương là những giọt cuối cùng.

Trong trường hợp như thế, khi máy bay đậu không được nữa, phi công có quyền bay lên cao, rồi dùng dù nhảy xuống để tự cứu. Máy số 9 chắc đã nhận được lệnh này từ dưới đánh lên, nhưng nó cứ gan lì, quay tròn mãi.

Iura coi máy bay, rồi lại nhìn đồng hồ. Khi anh như nghe thấy động cơ chậm lại, anh cúi đầu xuống và ngoảnh mặt đi. Phi công hy vọng cứu máy bay chăng? Mọi người đều nghĩ:

- Nhảy, nhảy xuống đi nào!

Một chiếc máy bay chiến đấu có số 1 sơn ở đằng đuôi nổ máy, bay vọt lên, sấn lên không ngay trong vòng lượn đầu, và kẹp ngay bên chiếc máy bay bị thương một cách rất kháu. Thấy lối bay cực kỳ tinh xảo ấy, Alếchxây biết ngay đó chính là chỉ huy trưởng trung đoàn. Chỉ huy trưởng cho rằng máy vô tuyến điện của Cự cúckin đã bị hư không nhận được lệnh, hoặc anh chàng cuống lên, nên chỉ huy trưởng tiến đến gần, nghiêng cánh để ra hiệu: “Bắt chước tôi” rồi bay lên cao tránh xa. Đó tức là đã ra lệnh cho Cự cúckin bay tránh xa phi trường và nhảy. Nhưng ngay lúc đó Cự cúckin tắt máy và sửa soạn hạ cánh.

Chiếc máy bay bị thương, cánh gãy bay phía trên đầu Alếchxây hạ xuống mau chóng. Rồi tới sát đất, nó bỗng nghiêng vội phía “cảng” còn lành, lăn

ít lên trên một bánh, tốc độ chậm dần, rồi ngã về phía hữu, phía đó cánh móc đáp; rồi máy bay xoay vòng tròn, tung tuyết lên trắng xóa.

Tuyết tung tóe che khuất một lúc, và khi tuyết rơi xuống hết, thì bên cạnh máy bay nằm nghiêng một bên, có một cái gì đen đen không xa máy bay mấy. Mọi người xô lại. Xe y tế cũng vùn vụt tiến đến, còi bóp inh ỏi.

Mêrétxép vẫn nằm ở băng ca với chút ít thêm thường, nghĩ:

- Hoan hô Cúcúckin! Thế là anh chàng đã cứu được máy. Thằng cha nó học đầu được cái lỗi này không biết?

Anh muốn chạy phóng tới chỗ anh chàng bé nhỏ đang nằm chết giắc trong tuyết, anh chàng chẳng được ai ưa, vừa tỏ ra tài giỏi và can đảm nhường ấy. Nhưng anh đang bị bó trong mền, sát vải bố băng ca, đau đớn vô cùng, cơ thần kinh được sự kích thích căng thẳng đã quen, thì đau không sao chịu được nữa.

Tất cả những sự việc này xảy ra trong không đầy một giờ đồng hồ, nhưng bao nhiêu sự việc dồn dập xảy ra, khiến Alếchxây không còn kịp nhận cái gì ra một người chân chính cái gì nữa. Chỉ lúc băng ca đã đặt lên máy bay y tế, được buộc kỹ càng, mắt anh mới lại gặp mắt cô “Đội thiên văn” và lúc đó anh mới hiểu được ý nghĩ cũng như lời đã lọt ra khỏi cặp môi xám nhợt của chị, giữa hai đợt bom nổ hồi nãy. Anh mắc cỡ vì không biết tới cả tên của cô con gái tốt, đầy lòng hy sinh ấy.

Anh khẽ nói, mắt nhìn tỏ vẻ biết ơn:

- Đồng chí đội trưởng.... - Động cơ bay át mất tiếng của anh. Chắc chị không nghe thấy tiếng anh. Nhưng chị tiến lại gần đưa một gói nhỏ:

- Đồng chí trung úy, có thư cho anh! Tôi đã giữ tất cả lại cho anh vì tôi vẫn yên trí là anh vẫn còn sống và sẽ trở về. Tôi tin như thế. Tôi cảm thấy như thế. Chị đặt chồng thư nhỏ trên ngực anh. Anh thấy những cái gấp hình tam giác, của mẹ anh, địa chỉ viết run run bởi một bàn tay bà già. Và có những phong bì khác có nét bút giống như tập thư anh đã ôm ấp trong túi áo anh. Mặt anh tươi sáng hẳn lên và anh định rút tay khỏi mền.

Cô “Đội thiên văn” buồn rầu hỏi:

- Đó là thư của một thiếu nữ hờ anh?

Vừa nói má anh đỏ hồng, đỏ đến nỗi mắt chị ướt lệ dưới cặp mi dài màu hồng.

Mêréxép hiểu rằng anh đoán không lầm ý nghĩa những lời anh đã nghe thấy khi bom nổ. Anh không dám nói sự thực:

- Đó là thư em tôi, nó đã có chồng nên họ tên nó khác họ tên tôi.- Anh nói thế, mặc dầu anh rất ghét nói dối kiểu ấy.

Trong tiếng động cơ đã nóng và rồ lên, có tiếng người nói. Cửa hông của máy bay vừa mở, một thầy thuốc mặc áo blouse trắng ngoài bình phục bước vô nhìn qua Mêréxép, rồi nói:

- Đã có một chiến thương rồi hả? Được rồi, xếp đặt cho anh kia, rồi ta đi. Thế còn các bà, các bà làm gì ạ?

Vừa nói người thầy thuốc vừa nhìn cô “Đội thiên văn”, qua cặp mắt kính mờ hơi, cô ta cố nấp sau Iura. “Mời các chị xuống cả cho, chúng tôi đi ngay đây. Thôi đưa băng ca lên”.

Mêréxép còn nghe tiếng vọng lại:

- Viết thư cho em, em mong lắm nhé, viết thư cho em... Em chờ đấy.

Nhờ Iura, thầy thuốc đã nâng băng ca lên máy bay; một người bị thương đương rên rỉ. Lúc băng ca đã đặt vô máy bay để lọt đúng cỡ, miếng vải đắp tuột rơi, và anh thấy mặt Cúcúkin nhăn nhó vì đau đớn. Thầy thuốc xoa tay, nhìn lại gian phòng chở bệnh nhân và đặt tay vỗ nhẹ một cái trên bụng Mêréxép, rồi nói:

- Được rồi, tốt vô cùng! Thế nào, cậu? Có bạn đi cùng để khỏi buồn đấy nhé! Thôi, ra cả đi thôi! Cái cô tiên đeo lon đội trưởng bảo mãi cũng đã ra rồi chứ? Thế thì được rồi. Thôi, đi!

Thầy thuốc đẩy Iura vì anh còn đứng nán lại. Cửa đóng, máy bay rung động, chuyển mình nhảy nhót chút ít, rồi nhẹ nhẹ tiếng trong môi trường của mình.

Máy bay đều đều. Thầy thuốc vịn sườn máy bay, tiến lại với Mêréxép và nói:

- Khá không? Cho tôi coi mạch nào! (Ông ta nhìn chăm chú người bệnh và lắc lư đầu), úi chà chà! Khỏe thật là khỏe! Bạn anh có kể lại cho tôi nghe qua câu chuyện kỳ dị của anh. Thật là một câu chuyện kiểu Giắc Lôngđôn.

Thầy thuốc ngồi xuống chiếc ghế bành, loay hoay ngồi sao cho thoải mái, rồi một lát ông ngủ ngay. Rõ ràng là ông già xanh xao, đã có tuổi ấy, thật là đã kiệt lực.

Anh nghiền ngẫm:

- Chuyện kiểu Giắc Lôngđôn.

Mấy tiếng ấy nhắc lại nhiều kỷ niệm hồi nhỏ: chuyện một người chân bị giá cóng lạnh, đi trong sa mạc, lại bị một con vật ốm và đói đuổi theo. Tiếng máy đều đều như ru anh ngủ. Tất cả mờ dần, biến dần và tan đi trong bóng tối mờ mờ. Trong lúc anh ngủ thiếp đi, thì ý nghĩ cuối cùng của Alếchxây là: không có chiến tranh, không có ném bom, không có cái đau day dứt ghê gớm ở chân, không có máy bay về Mátxcơva, tất cả những cái đó chẳng qua chỉ có trong cuốn sách hay lạ hay lùng mà anh coi hồi nhỏ ở Kamisin, thành phố xa xôi, quê hương anh.

PHẦN THỨ HAI

1

Trong khi ca tụng những cái rực rỡ của nhà thương Mátxcơva, mà theo yêu cầu của tư lệnh quân đoàn, Alếchxây và trung úy Cúcúckin được đưa tới điều dưỡng, Andơrây Đếchcharencô và Lêngốtca không hề nói sai sự thật. Trước chiến tranh, đó là bệnh viện trực thuộc một viện khảo cứu, ở đó, một nhà bác học trứ danh của Liên Xô nghiên cứu về những phương pháp mới hồi sinh mau chóng các bộ phận của cơ thể con người sau khi bị thương hay đau yếu. Bệnh viện này có truyền thống vững chắc và đã nổi danh trên thế giới. Khi chiến tranh bùng nổ, nhà bác học ấy đã dùng nơi này làm bệnh viện sĩ quan. Cũng như trước, bệnh nhân đều được chăm sóc và điều trị theo tất cả các phương pháp khoa học tối tân nhất. Chiến tranh đã diễn ra gần ngay thủ đô, bệnh viện đã nhận thêm rất nhiều thương binh, nhiều đến nỗi phải tăng số giường lên gấp bốn lần trước. Tất cả những phòng phụ xưa kia để tiếp khách, để làm phòng đọc sách và giải trí trong nhà, làm nơi ăn cho những bệnh nhân đã hết bệnh, hoặc làm nhà ở của nhân viên, đều được sắp xếp lại thành phòng ngủ bệnh nhân. Ngay nhà bác học cũng nhường phòng giấy của ông ở gần phòng thí nghiệm dọn tới một phòng nhỏ mà trước đây dành cho thầy thuốc gác.

Mặc dù thế, vẫn phải kê thêm nhiều giường ở các lối đi. Giữa các bức tường trắng toát, một màu trắng hình như lúc nào cũng lặng yên một cách trang nghiêm cho phù hợp với tính chất một tòa đền y học, thì ngày nay đâu cũng chỉ toàn những tiếng rên rỉ, tiếng thở dài của thương binh, tiếng ngáy của người ngủ hoặc tiếng mê sảng của những người bị trọng thương.

Mùi hôi nồng nặc, mùi của chiến tranh tỏa ra: mùi bông hấp hơi, mùi mủ ở các vết thương, mùi thịt bị hư thối. Không có cách gì làm tan thứ mùi ấy được. Từ lâu rồi, đã phải kê thêm những giường lính, bên cạnh những giường nhà thương đóng một cách thông thái theo kiểu của nhà bác học. Chén đĩa thiếu. Những bộ đồ sứ sang trọng xếp bên cạnh những “gà mên” nhôm méo mó. Hơi bom nổ gần nhà thương đã làm bể kính của những cửa

số lớn kiểu Ý, đã phải dùng ván ép thay vào. Nước thiếu và hơi đốt thường bị cắt, nên phải nấu đồ mỗ bằng đèn cồn vậy. Và bệnh nhân ngày càng đông thêm. Họ tới bằng máy bay, bằng xe cứu thương, bằng xe lửa. Số thương binh càng nhiều thêm lên, khi trên tiền tuyến quân ta tấn công ngày càng mãnh liệt. Tuy nhiên, tất cả nhân viên trong nhà thương, từ bác sĩ viện trưởng, một nhà bác học lỗi lạc và đại biểu Xô viết tối cao, cho tới những người hộ lý, gác cổng, giặt đồ, mặc dù bị đói, bị mệt, bị mất ngủ, nhưng vẫn thi hành nội quy của bệnh viện một cách chặt chẽ. Những người hộ lý phải gác hai ba buổi liền không nghỉ, vẫn dùng những thì giờ rỗi rãi để lau, để rửa, để chùi. Y tá ốm và già đi, mệt mỏi đến mức độ đi loạng choạng, nhưng khi tới phòng làm việc vẫn mặc áo bờ-lu là hồ và lo lắng thi hành thực nghiêm chỉnh lời dặn của thầy thuốc. Các bác sĩ nội trú không ngừng phê bình họ như xưa kia về từng vết nhơ nhỏ trên tấm đồa, kiểm soát sự sạch sẽ trên tường, trên cầu thang và cả trên những quả đấm chốt cửa bằng cách lấy mùi soa sạch ra lau thử. Bác sĩ chủ nhiệm là một ông già cao lớn, mặt hồng hào, tóc hoa râm trên đỉnh trán, có ria và râu đen chỉ điểm trắng ở đầu cuối mà thôi. Ông vẫn nổi giận mỗi ngày hai lần như hồi trước chiến tranh, khi ông đi cùng đoàn người phụ tá thăm bệnh nhân. Ông hỏi kết quả khám nghiệm những bệnh nhân mới vô và tự khám những người bị thương nặng.

Trong những ngày chiến tranh gay go nhất, ông bận rất nhiều công việc, cả ở ngoài bệnh viện, nhưng ông vẫn thu xếp đủ thì giờ làm việc trong bệnh viện mà ông rất thiết tha yêu như yêu đứa con yêu, có nhiều khi phải bớt giờ ngủ và giờ nghỉ để làm việc cũng cứ bớt. Ông sửa chữa từng chút những khuyết điểm của nhân viên, lớn tiếng mắng, mắng gay gắt ngay ở nơi làm việc, trước mặt bệnh nhân. Trong thủ đô Mátxcơva bị tối tăm vì giảm đèn và luôn bị bom đạn, bệnh viện vẫn làm việc tốt và đều, đấy là câu trả lời tốt nhất đối với tất cả bọn Hít-le và bọn Gơ-ri-nh, theo như ông nói. Ông không muốn nghe nói đến những khó khăn do chiến tranh gây ra. Bọn lười cút đi đâu thì cút; ông cho rằng càng khó khăn thì bệnh viện càng phải có trật tự nghiêm khắc, về phần ông, ông đi thăm bệnh nhân đúng giờ.

Cũng như hồi nào tới giờ, đúng đến nỗi họ lý cứ quen lệ, như trước kia, kiểm lại giờ đồng hồ treo trong phòng mỗi khi thấy ông đi thăm bệnh. Ngay những lúc báo động máy bay ném bom cũng không làm cho ông sai giờ. Chắc hẳn là nhờ thế nên nhân viên của ông đã đoạt được những thành tích kỳ diệu và giữ gìn quy chế của bệnh viện như hồi trước chiến tranh trong những điều kiện không thể nào ngờ được.

Trong giường bệnh một buổi sáng, bác sĩ chủ nhiệm mà từ nay ta hãy gọi là Vaxiliêvít đứng sững lại trước hai cái giường lính kê cạnh nhau, ngay trên thang gác tầng thứ hai.

- Triển lãm gì đây hả? - Ông vừa găm lên vừa nhìn người phụ tá của ông, bằng con mắt dữ tợn dưới cặp lông mày rậm, khiến cho người phụ tá tuy thân hình cao lớn và lưng đã còng, không phải còn trẻ trung gì nữa, cũng phải đứng thẳng người như một cậu học sinh, mà đáp:

- Họ mới vô đây hồi khuya thôi ạ; cả hai là phi công. Người này gãy xương háng và gãy tay mặt. Bệnh trạng bình thường. Người kia (người phụ tá vừa nói vừa chỉ một người gãy ốm tong teo, mắt nhắm, nằm yên không cử động, khó đoán được tuổi tác) là một người bị thương nặng lắm; xương bàn chân gãy nát cả, hai chân thối thịt, và nhất là kiệt sức đến mức cùng. Cố nhiên là tôi chưa tin được báo cáo của quân y sĩ hạng nhì, đã nói rằng thương binh bị nát cả hai chân như thế này mà lại đã bò mười tám ngày đêm đằng sau chiến tuyến của bọn Đức. Chắc chắn là báo cáo hơi phóng đại...

Không nghe thêm nữa, Vaxiliêvít giờ mền. Alếchxây nắm hai tay khoanh trước ngực; những cánh tay đen sạm đã hết cả thịt trên nệm trắng tường như có thể dùng làm đồ vật để trình bày khi nghiên cứu về xương người được. Giáo sư nhẹ nhẹ đắp mền lại cho phi công và cắt lời thầy thuốc với một giọng cầu nhàu:

- Sao để họ ở đây?
- Không còn chỗ ở hành lang nữa ạ... Chính bác sĩ đã nói rằng...
- Tôi đã nói, đã nói...? Thế còn phòng 42 thì sao?
- Đó là phòng các đại tá.

- Phòng các đại tá? - Giáo sư hét lên: - đồ ngu nào bày đặt ra chuyện đó vậy. Phòng các đại tá! Thực là cả một lũ ngốc!

- Nhưng chúng tôi có nghe nói phải dành chỗ cho những anh hùng Liên Xô ạ!

- Anh hùng! Anh hùng! Trong chiến tranh này, chỉ có toàn là anh hùng cả. Các anh nói những chuyện gì lôi thôi vậy? Ai chỉ huy ở đây? Nếu ai không chịu tôi chỉ huy thì xin mời lập tức tềch ngay đi nơi khác cho. Tôi ra lệnh đem ngay hai phi công này tới phòng 42. “Phòng các đại tá”. Lũ ngốc thế!

Ông ra đi được vài bước, rồi quay lại ngay, cúi xuống đặt tay lên vai người phi công và hỏi:

- Thực anh đã bò trên hai tuần lễ ở trận tuyến để khỏi vòng vây của giặc Đức à?

Mêréxép phều phào như sắp tắt hơi:

- Thực tôi bị thối thịt đấy à?

Giáo sư, mắt trừng trừng như tức giận, nhìn đoàn người giúp việc đi theo đứng ngây cả lại trước cửa, rồi nhìn thẳng vào cặp mắt to và đen láy của phi công, trong cặp mắt đó thấy rõ cả một niềm bồn chồn ghê gớm. Và đột ngột nói:

- Nói với những người can tràng như anh, nói dối là có tội. Anh bị thối thịt mất rồi. Nhưng chớ có buồn, chớ có nản đấy! Đời nay không còn bệnh gì là không chữa nổi nữa, chẳng còn tình thế nào mà có thể bảo là không có lối ra. Hiểu không? Tốt.

Nói xong ông xăm xăm bước ra; sau cửa kính hành lang, đã nghe thấy âm lên giọng khàn của ông cụ. Mêréxép gắng gượng nhìn theo ông cụ, nói:

- Ông lão kỳ quặc!

Cưcúkin nhích mép mỉm cười cắt nghĩa:

- Chắc ông khùng - Thấy không? Ông tán bọn mình. Những ông cụ dở hơi hạng này, tớ biết lắm. Thế ra ông cho chúng ta danh dự được đưa vô “phòng các đại tá”.

Mêrétxép nói khẽ:

- Thối thịt!

2

“Phòng các đại tá” ở lầu thứ nhất, tận phía trong cùng hành lang. Cửa sổ mở ra phía đông và phía nam, khiến mặt trời chiếu vô phòng suốt ngày, lần lượt khắp các giường. Đó là một gian phòng tương đối nhỏ. Cứ theo những vết hằn thâm trên ván, ta cũng đoán được rằng trước chiến tranh phòng này chỉ kê hai giường, hai bàn nhỏ đầu giường, và một bàn tròn kê giữa. Bây giờ thì kê bốn giường. Trên một giường, có một thương binh toàn thân bó băng, y như đứa trẻ mới sinh quần tã. Anh luôn nằm ngửa và từ trong băng bó, anh nhìn suốt ngày lên trần nhà với cặp mắt trống không. Một giường khác, bên cạnh giường Alếchxây có một thương binh nhỏ thó, lúc nào cũng cục quậy, mặt đỏ và răn reo, điểm một râu mép nhỏ. Người này hay nói chuyện và ưa giúp đỡ anh em.

Trong bệnh viện, quen biết nhau rất nhanh. Ngay chiều hôm đó, Mêrétxép đã biết anh chàng mặt đỏ này là một người Sibêri, chủ tịch một nông trường, sẵn bản giỏi nên trong chiến tranh đã tỏ ra là một chiến sĩ thiện xạ. Từ những trận đầu tiên đối với anh ở Iênnia mà anh đã tham chiến trong sư đoàn Sibêri, cùng với hai đứa con và chàng rể, anh chiến đấu ở tiền tuyến và anh đã “hạ”, như lời anh nói, được bảy mươi giặc Đức.

Anh trở thành anh hùng Liên Xô và khi anh cho Alếchxây biết tên anh, Alếchxây nhìn rất chăm chú cái anh chàng bé nhỏ trông chẳng ra mẽ này. Tên anh, thời ấy, đã vang lừng trong toàn quân. Báo lớn đã đăng bài xã luận về người thiện xạ kỳ tài này. Tất cả mọi người trong bệnh viện, những nữ y tá, bác sĩ nội trú và cả Vaxiliêvít đều kính cẩn kêu anh là Stêpan Ivanôvít.

Người thứ tư trong phòng, người toàn thân đều bó băng, suốt ngày không thổ lộ một câu nào. Nhưng tuy anh không kể chuyện đời mình mà Stêpan Ivanôvít chuyện gì cũng biết rõ đã khe khẽ kể lại cho Mêrétxép nghe. Trung úy xe tăng xung kích, cũng có huân chương Anh hùng. Anh vừa tốt nghiệp trường xe tăng, nhập ngũ và ra ngay tiền tuyến chiến đấu trong những trận đánh đầu tiên của chiến tranh, ở mặt trận Bơét Lítốp. Trong trận chiến đấu xe tăng nổi tiếng ở Bialystốc, xe tăng anh bị hư, anh chạy

qua một xe tăng còn lại của sư đoàn thiết giáp, anh đã bảo vệ đồng đội rút lui về Minxcơ. Trong trận Búc, anh lại bị hư một chiếc xe tăng nữa. Anh bị thương, bò qua xe tăng khác và, thay cho người chỉ huy bị hy sinh, anh chỉ huy đại đội xe tăng tiếp tục chiến đấu. Sau đó, bị cô lập sau phòng tuyến Đức, anh cùng hai xe tăng khác tổ chức một đội biệt lập ba xe tăng. Anh xông pha cả một tháng, tiến rất sâu vào sau trận địa giặc, tấn công những đoàn vận tải cũng như những đội chiến đấu. Anh tự cung cấp xăng, đạn dược và những đồ phụ tùng trên những nơi chiến trận mới toanh; trong những thung lũng xanh tươi, gần đường cái, trong rừng rậm hay đầm lầy, tàn mác không biết cơ man nào các xe cộ đủ mọi loại bị phá hỏng chẳng có ai canh giữ cả.

Anh vốn sinh đẻ ở vùng Đôrôgôbu. Khi nhận được tin bằng vô tuyến điện, trên chiếc xe tăng chỉ huy của anh, báo rằng mặt trận lúc này đã di chuyển về đúng quê hương anh, thì Gơvôđép không chịu được nữa. Anh cho phá hủy ba xe tăng và, cùng tám anh em đồng đội còn lại, anh đi chân băng rừng mà về.

Nhớ lại ngay trước ngày chiến tranh bùng nổ anh được nghỉ phép về thăm làng, làng bé nhỏ bên một con sông, chạy quanh giữa những khu rừng, ở đó, mẹ anh, một nữ giáo viên trường làng đang lâm bệnh nặng, và cha anh một kỹ thuật viên nông nghiệp già, đại biểu Xô viết địa phương, đã phải kêu con về thăm mẹ.

Gơvôđép như còn thấy gian nhà gỗ bé nhỏ, bên cạnh trường, thấy mẹ anh, bé nhỏ ốm yếu, nằm trên di văng cũ, chẳng còn hơi sức gì nữa, cha anh, bận chiếc áo tuýtxơ như kiểu mặc ngày xưa, ngồi kề bên giường người bệnh, và sù sụ ho vừa xoắn râu cằm trầm ngâm suy nghĩ. Anh như còn thấy ba người em gái của anh, đương lớn lên, cũng mảnh khảnh, tóc đen như mẹ anh. Anh nhớ tới Giênia cô nữ y tá trong làng, mắt xanh biếc, người thon thon, ngồi chung xe bò ra ga tiễn anh và được anh hứa sẽ viết thư về mỗi ngày.

Tiến lên như một con thú bị lũng sẵn, qua những cánh đồng bị chà đạp, những làng mạc bị đốt cháy và vắng, đến Biêlôruxi, vòng qua những thành

phố và tránh những đường lớn người thường đi lại, anh bồn chồn tự hỏi: đến gian nhà nhỏ bé ở quê hương anh thì anh sẽ thấy gì đây! Anh nghĩ không biết cha mẹ anh có chạy kịp không và nếu không, thì thế nào đây?

Gơvôđép về đến quê nhà thấy sự thật còn thê thảm hơn cả những nỗi lo âu ảm đạm nhất của anh. Anh không còn thấy gian nhà nhỏ, cũng không thấy cha mẹ, không thấy Giênia và cũng chẳng thấy cả đến vết tích làng mình nữa. Một bà già, nửa tỉnh nửa điên, vừa lắc lư vừa lẩm bẩm cái gì đó, đang nấu không biết đồ ăn gì trên một cái lò còn trơ lại giữa đồng gạch vụn cháy rụi, cho anh biết rằng khi phát xít tới thì bà giáo đau nặng quá, khiến cho ông cụ kỹ thuật viên nông nghiệp và các cô con gái không biết tính sao, không thể mang đi được, cũng không nỡ bỏ lại. Bọn Hítle hay tin có đại biểu Xô viết địa phương còn ở lại trong làng với gia đình. Chúng liền tới bắt cả gia đình, và ngay đêm đó đã treo cổ tất cả lên trên một cây bulô gần nhà và đốt cháy luôn gian nhà. Giênia vội chạy đến nhà tên chỉ huy Đức định kêu nài cho gia đình, thì hình như đã bị cả một trận đày đoạ khổ sở. Tên chỉ huy Đức để ý tới nhan sắc chị. Sau đó thế nào, bà già không biết, nhưng cái điều chắc chắn là hai ngày sau chúng mang thân chị ra khỏi nhà tên chỉ huy ở; xác bị bêu hai ngày ở bờ sông. Còn làng, thì giặc Đức vừa mới đốt hôm trước thôi, để trả thù kho xăng của chúng tại chuồng bò của nông trường bị đốt.

Bà già dẫn chiến sĩ xe tăng đến tro tàn nhà cũ và chỉ anh coi cây bulô già. Hồi còn bé anh đã treo dây đu chơi trên cành lớn nhất, và bây giờ cây bulô cháy rụi, và từ cành còn thông xuống năm sợi dây. Miệng vẫn cứ lẩm nhẩm như cầu kinh kệ gì đó, và mình mẩy run lập cập như gân cốt rung lên, bà già dẫn Gơvôđép ra bờ sông và chỉ nơi quăng xác người thiếu nữ, mà anh từng hứa viết thư hàng ngày, nhưng không giữ được lời hứa.

Anh đứng im hồi lâu giữa những lùm cây rào rạt, rồi trở lại khu rừng, nơi các chiến hữu đang đợi chờ, không nói một câu, không nhỏ một giọt nước mắt.

Cuối tháng sáu, khi tướng Kônép ra lệnh tấn công ở mặt trận phía tây, Gơrigôri Gơvôđép đã cùng với bộ đội của anh vượt được trận tuyến của

giặc Đức. Tháng tám, anh được nhận một xe tăng mới, hiệu T.34 nổi tiếng, và cùng với xe tăng, trước mùa đông năm đó, anh đã lừng danh trong tiểu đoàn là người quả cảm. Mọi người kể lại và viết báo kể nhiều chuyện về anh, những chiến công ngoài sức tưởng tượng của con người nhưng chính là sự thật. Được phái đi dò xét địch tình, anh đã cho xe tăng chạy hết tốc lực trong đêm tối vượt đôn lũy Đức. Anh vượt qua được cả một chiến tuyến gài mìn của giặc, rồi anh sử dụng tất cả vũ khí có trong xe, làm cho địch hoảng lên, xông vào trong một thành phố nhỏ do giặc Đức chiếm đóng đang bị hàng ngũ quân đội Liên Xô bao vây trong một gọng kìm, rồi sau khi đi ngang qua thành phố làm cho hàng ngũ giặc mất thần, anh lại trở về trận địa Liên Xô. Một lần khác, anh hoạt động trong một bộ phận cơ động ở hậu phương địch và từ một nơi phục kích, đột nhiên anh nhô ra trước một đoàn hộ tống Đức, và đã nghiền nát cả bọn người lẫn ngựa của giặc, dưới xích xe tăng của anh.

Mùa đông, anh dẫn đầu một đoàn nhỏ xe tăng tấn công một đồn địch ở một làng gần Rơgiép, ở đó có cơ quan tham mưu tác chiến của giặc.

Trước khi anh vô được làng này, vượt qua được chiến tuyến của địch, xe tăng của anh bị một chai thuốc đốt xe của giặc làm bốc cháy. Xe tăng anh bị khói lửa bao phủ mịt mù, nhưng toàn đội vẫn tiến vô làng. Như một ngọn đuốc khổng lồ, xe tăng của anh phóng vô làng, xả tất cả các súng mà bắn giặc. Anh đi đi lại lại tìm giặc để tiêu diệt và nghiền nát dưới xích sắt biết bao thầy giặc Đức không để cho chúng lùi trốn. Gơvôđép và các bạn đồng đội mà anh chọn trong số người đã như anh từ vòng vây của giặc thoát ra, biết rằng dầu làm gì rồi cũng chết khi thùng xăng và các hòm thuốc đạn bắt lửa sẽ nổ. Nghẹt thở trong khói, tôn bọc xe đã nóng bỏng, áo mặc cũng đã bắt cháy trên mình rồi, các chiến sĩ vẫn không rời xe, vẫn chiến đấu. Thành linh một trái đạn đại bác cỡ lớn nổ dưới xích xe tăng và lật nhào xe. Đạn nổ đã tung hơi và bốc cát cùng băng tuyết phủ lên chiếc xe và dập tắt ngọn lửa. Vừa kịp lòi Gơvôđép ra khỏi xe thì anh đã bị bỏng khắp mình. Khi đó là anh đương ở trong đài bắn của xe tăng, bên cạnh đồng chí pháo binh đã tử trận và anh đã thay thế ngay khi chiến đấu.

Hơn một tháng rồi, chiến sĩ xe tăng đang ở trong tình trạng nửa sống, nửa chết, không có chút hy vọng nào cứu anh được. Anh chẳng buồn lo tính gì cả và suốt ngày chẳng nói nửa lời.

Đối với những người bị thương nặng, thế giới thường đóng khung lại trong bốn bức tường nhà thương, ở ngoài kia là những biến cố lớn lao, là những dự vọng của loài người sôi nổi lên mỗi ngày đã để lại một dấu vết trong tâm hồn người ta. Nhưng trong gian phòng của những thương binh nặng này, đời sống bên ngoài không lọt vô và giọng tố ạt ào ở bên ngoài bốn bức tường chỉ dội tới đây một dư âm vắng vắng, xa xôi.

Dù muốn dù không, phòng này cũng có một cuộc sống riêng biệt bé nhỏ của nó. Chỉ một con ruồi rét mướt và bướng bình từ đâu bay tới, đậu trên kính cửa để sưởi nắng, cũng thành một sự việc lớn. Bữa nay, chị y tá Cōlaodia Mikhailōna mang đôi giày cao gót mới để đi coi hát sau khi ở nhà thương ra, cũng là một tin mới mẻ cho những người trong phòng. Mạn lược thay cho mứt mơ, ăn đã chán, cũng trở thành câu chuyện để thảo luận.

Và điều mà những người thương binh nặng này không ngớt bàn tới, không lúc nào ngừng nghĩ tới suốt những ngày dài dằng dặc ở nhà thương chính là những vết thương đã buộc họ phải xa chiến hữu của mình, xa đời sống gian khổ ở mặt trận, buộc họ phải gấn mình trên giường bệnh, nệm êm, mền ấm ngay từ buổi đầu đã khiến cho họ không chịu được. Họ ngủ nhưng luôn luôn nghĩ tới vết thương, chỗ sưng, nơi gãy. Họ thấy những cái đó trong mộng và mỗi khi thức dậy, họ hồi hộp muốn biết chỗ sưng đã dẹt chưa, vết thương còn đỏ chẳng, cơn nóng tăng lên hay giảm sút. Cũng như lúc trời tối tĩnh mịch, tai có thể lắng nghe từng tiếng động nhỏ mà tưởng chừng như quá mạnh ở đây cứ chú ý luôn luôn đến những vết thương như thể đã làm cho họ đau đớn thêm. Và ngay với cả những người có một ý chí sắt thép, đã không run sợ nhìn thẳng vào mặt tử thần ở trận tuyến, cũng lo âu, lắng nghe từng giọng nhỏ trong tiếng nói của giáo sư; tim họ đập rộn ràng, mắt họ nhìn đăm đăm, đoán xét từng nét mặt của Vaxiliêvít mỗi khi ông phát biểu về sự diễn biến bệnh trạng của họ.

Cưcúckin không ngớt kêu ca cầu nhàu. Luôn luôn anh thấy dây cột không đúng chỗ, hoặc cột chặt quá, hoặc xương anh nổi không trùng khớp phải phá ra bó bột lại. Gơrigôri Gơvôđép thì im lặng, anh chìm đắm trong một thứ giấc ngủ bàng hoàng mê mết. Nhưng cũng không khó nhận ra nỗi lo lắng, nôn nóng của anh, khi chị y tá Cơlaodĩa Mikhailôna thay băng, bôi từng nạm vadolín trên những vết thương cho anh, anh thấy toàn thân đỏ tía, da đứt ra từng mảng một. Và cũng không khó nhận thấy anh đã cố lắng nghe lời các thầy thuốc trao đổi với nhau bên giường về bệnh tình của anh. Chỉ có một mình Stêpan Ivanôvít là có thể đi lại trong phòng, nhưng cũng đi lại rất khó khăn, mình gập đôi lại, tay bám chấn song giường mà lần bước. Anh có đủ loại những lời nguyên rủa buồn cười, chửi bới “quả bom ngu si” nọ đã khiến cho anh bị đau một trận nên thân và do đó bị cái bệnh “đau cuống thận đều giả” này.

Mêrétxép cố không để lộ tình cảm mình: anh làm bộ không quan tâm khi các y sĩ bàn về bệnh anh. Nhưng mỗi khi thay băng ở chân để chiếu điện, anh thấy cái màu đỏ sẫm cứ ngày càng loang lớn dần lên phía đùi anh, chậm chậm, nhưng không sao hoãn lại được, thì anh mở to đôi mắt kinh hoàng. Anh trở nên buồn bực. Một câu nói đùa vô ý một chút, một mảnh dờra xếp không đúng chỗ, một cái bàn chải bị người hộ lý già làm rơi cũng làm cho anh nổi giận, một cơn giận khó dẫn xuống được. Khẩu phần thực ngon và bổ mà bệnh viện tăng lần lên cho anh đã làm cho anh lấy lại sức mau chóng. Đến giờ thay băng hay chiếu điện, đám tập sự trẻ tuổi đã bớt lo sợ vì thân hình gầy yếu của anh rồi. Nhưng cơ thể anh càng phục hồi, thì vết thương ở chân anh càng nặng hơn. Sắc đỏ ở bàn chân đã lần lên tới bắp chuối. Ngón chân đã hoàn toàn tê liệt; châm kim vào thịt anh ở chỗ đó, anh không hay biết gì cả. Đã ngăn được chỗ sưng của anh, không cho lan ra bằng cách chữa gọi một cách kỳ quặc là “chặn đứng” nhưng anh càng thấy đau hơn trước, không chịu được. Ban ngày Alếchxây nằm im không cựa, áp mặt vào gối chịu trận. Ban đêm chị Mikhailôna phải chích thuốc moócphin cho anh.

Trong câu chuyện giữa các bác sĩ đã nghe thấy nhiều lần tiếng ghê gớm: cửa. Vaxiliêvít đã có lần ngừng lại ở đầu giường Mêrétxép và hỏi anh:

- Thế là anh chàng chuyên môn bò, có đau không? Không chừng cứ cắt phăng đi là hơn, nhỉ? Cứ đánh cắc một cái, khỏi phải nói chuyện lồi thoi gì nữa.

Alếchxây thấy người lạnh đi và co quắp lại. Anh nghiến chặt răng để không la lên, đầu lắc lư. Giáo sư cầu nhàu:

- Thế thì thôi vậy! Cứ mà chịu đau vậy, cứ chịu đi. Việc của anh chứ của ai! Chúng tôi thì cũng cứ thử tìm các cách khác xem sao.

Và giáo sư lại cho toa mới.

Cửa đóng lại, bước đi xa dần ở ngoài hành lang, và Mêrétxép, mắt nhắm nghiền, nằm trên giường suy nghĩ: “Chân ơi chân! Có thể sống không chân được không? Lại què quặt giống như ông già Akasa, ông già coi đồ ở quê hương Kamisin! Mỗi lần muốn tắm lội, ông phải tháo cẳng gỗ để trên bờ sông, rồi bò bằng hai tay đi tới sát nước giống như con khi”.

Và nỗi buồn của anh càng tăng lên vì một lẽ khác nữa. Từ khi vô bệnh viện, anh đã đọc những bức thư từ Kamisin gửi tới. Những bức nhỏ bé gấp ba góc của mẹ anh cũng vẫn ngắn gọn như trước, vẫn đầy những lời chào của bạn bè thân thích, vẫn nhắc đi nhắc lại nghìn lần câu “nhà của bình yên, nhờ Trời chẳng có gì xảy ra cả”, dặn dò “chú Alếchxây ta” đừng mất công lo nghĩ gia đình. Và tiếp đó thì là những lời khuyên anh nên thận trọng, nên giữ chừng để lạnh mình, đừng để ướt chân, đừng mạo hiểm, phải đề phòng bọn giặc Đức rất quỷ quái mà má nghe các bà lối xóm đã kể lại bao nhiêu là chuyện. Tất cả những bức thư đó giống nhau, chỉ có một bức hơi khác là bà nói có nhờ bà con lối xóm cầu kinh cho chiến sĩ Alếchxây yên lành. (Bà không tin đạo, nhưng biết đâu đấy, ngộ nhớ như trên kia quả thực có gì đó thì sao...). Thư sau bà nói lo cho mấy người anh của anh, chiến đấu ở mặt trận phía Nam lâu quá không viết thư về. Trong thư sau cùng, bà nói năm chiêm bao thấy nước sông Vônga dâng lên; và tất cả con cái đều về nhà rồi. Tất cả cùng cha đã mất rồi đi câu được kha khá cá trở về và bà đã làm một món ăn ngon cho cả gia đình: món chả cá chiêm mà ai nấy đều thích. Bà

con lối xóm đã cho đó là điềm tốt, có lẽ một trong những con trai của bà sắp từ mặt trận trở về. Và bà già, tội nghiệp quá, bảo Alếchxây thử dạm hỏi cấp chỉ huy xem có thể về phép được không, một ngày cũng là tốt.

Những chiếc bao thư xanh với những nét chữ lớn, tròn trĩnh, nắn nót chứa đựng trong những lá thư của một cô gái mà trước kia Alếchxây đã cùng học ở trường chuyên môn. Tên cô là Onga. Cô đang làm việc ở nhà máy cửa Kamisin, nơi đây, anh cũng đã từng làm thợ tiện kim khí. Cô gái này không chỉ là người bạn cũ hồi thơ ấu và những bức thư thường. Không phải là không có gì đâu, khi anh đã đọc đi đọc lại những bức thư. Đó và đôi khi anh vừa đọc vừa cố tìm trong những lời bình thường nhất một ý tứ gì thầm kín của người viết, ý tứ ấy như thế nào, anh không hiểu rõ lắm, nhưng cũng cứ làm anh sung sướng. Cô cho biết cô rất nhiều công việc, đến nỗi không về nhà ngủ được, phải ngủ ngay tại sở. Xưởng đã thay đổi nhiều, thay đổi khác hẳn xưa, làm cho Alếchxây chắc giờ chẳng nhận ra được nữa đâu, và anh sẽ thấy rất lạ và sung sướng đến điên người lên được nếu anh đoán được bây giờ xưởng cửa của anh đang sản xuất cái gì. Trong các câu chuyện, cô có nói đã có lần nhân lúc rảnh - tuy rảnh là rất hiếm, không quá được một lần mỗi tháng, cô đi thăm má anh và má già không mạnh lắm. Thương quá, má không nhận được thư của các con lớn và đời sống khó khăn hơn trước, dạo vừa qua, sức khỏe má kém lắm. Cô nhắc anh thường viết thư cho má, viết dài, và đừng báo tin gì buồn cho má lo, nhất là hiện nay mà không chừng chỉ còn có anh thôi.

Càng đọc đi đọc lại thư của Onga, Alếchxây càng hiểu rõ cái mưu má anh đã khéo léo kể lại câu chuyện năm chiêm bao. Anh đoán chừng được nỗi lo âu của mẹ đang đợi anh và anh sẽ làm cho hai người đàn bà bàng hoàng nhường nào nếu anh kể rõ tai nạn anh vừa gặp phải. Anh suy nghĩ rất lâu nên làm thế nào, và anh không có can đảm viết rõ sự thực. Anh quyết định hãy đợi và viết cho cả hai người nói rằng anh mạnh giỏi, cấp trên đã đổi anh về một nơi yên ổn. Và để giải thích làm sao anh đổi địa chỉ thư từ, anh nói ra cho có vẻ thật rằng anh được chuyển về hậu phương để làm một công việc đặc biệt và như thế, anh sẽ còn ở nơi đây khá lâu.

Bây giờ mỗi khi anh nghe thầy thuốc bàn nhau nói tới tiếng “cửa” là anh thấy gớm ghê quá. Anh sẽ trở về Kamisin với hai chân què sao? Lẽ nào dám đưa hai cẳng cụt cho Onga coi? Mẹ anh sẽ đau khổ chừng nào khi mẹ đã mất hết cả những con trai khác trên mặt trận rồi, và chỉ còn chờ đợi ngày anh trở về.

Tất cả những ý nghĩ đó vò xé anh trong khi cả phòng yên tĩnh, anh nghe thấy tiếng lò xo giường chuyển động khi Cúcúckin trở mình hay tiếng thở dài của người cầm lái xe tăng ít nói. Còn Stêpan Ivanôvít thì, người gập lại làm ba, cả ngày ngồi gần cửa sổ lấy ngón tay gõ trên kính.

Anh nghĩ: “Cửa chân ư? Không, nhất định không cửa! Dù chết còn hơn”. Đó là một tiếng nói lạnh người, một tiếng đáng ghê sợ: “Cửa chân! Không, nhất định không thể cửa được”.

“Cửa à? Không. Gì thì gì, không chịu cái đó, chết còn hơn. Tiếng gì nghe lạnh buốt cả người, tiếng gì gớm ghê quá: cửa! Không. Không thể nào được”. Alếchxây nghĩ vậy. Và cái tiếng khủng khiếp đó hiện ra cả trong lúc chiêm bao, anh nằm mơ thấy một con nhện khổng lồ bằng thép đang dùng những cái cẳng cong lớn của nó mà cấu xé anh tan nát.

3

Trong một tuần lễ, số khách trong phòng số 42 đang là bốn người, cứ thế mà ăn ở với nhau. Nhưng một hôm Cōlaodīa Mikhailōna cùng hai nữ y tá nữa vô cho biết bệnh nhân phải chịu thiệt thêm một chút nữa. Stêpan Ivanôvít khoái lắm, giường anh được kê sát cửa sổ; giường Cựcúckin thì đẩy vô sâu trong một góc, cạnh Stêpan Ivanôvít, và ở chỗ trống mới này đặt một cái giường tốt, rất thấp với cái nệm có lò xo êm.

Thế là đủ cho Cựcúckin phát khùng lên. Anh tái mặt lên vì giận, tay đập xuống bàn đầu giường và la rầy nữ y tá, bệnh viện, và cả giáo sư Vaxiliêvít. Anh hăm sẽ kiện lên cấp trên, anh nổi giận đến nỗi còn một chút nữa là anh liệng cái chén vô mặt chị Cōlaodīa Mikhailōna. Anh đã liệng cái chén rồi nếu lúc đó Alếchxây không ngăn anh lại, bằng cách kêu lên một tiếng đe dọa, và trợn đôi con mắt đen nháy, như mắt người Digan^[2], nhìn tròn trọc vào anh.

Ngay lúc đó, một thương binh thứ năm được khiêng vô. Có lẽ người này nặng lắm, cái “băng ca” kiu kịt và trĩu xuống mỗi khi những người y tá bước. Một cái đầu tròn, cạo trụi lông, dựa trên gối, lắc lư như không còn hơi sức. Mắt to rộng, nước da vàng và nhợt phếch, như không còn chút thần sắc. Cặp môi dày và xanh tím như ghi rõ cả sự đau đớn. Bệnh nhân mới tưởng như bất tỉnh nhân sự.

Nhưng khi “băng ca” vừa để xuống sàn, thì thương binh mở ngay mắt, tì khuỷu tay nhóm dậy, tò mò nhìn quanh phòng. Và nhú mắt nhìn Stêpan Ivanôvít như muốn hỏi: “Sao, dễ chịu chứ?” rồi người đó ho sù sụ. Người anh nặng, có lẽ bị va chạm thế nào ghê gớm lắm và anh đau đớn vô cùng. Mêrétxép thoát nhìn người to béo ấy, không thích lắm, nhìn những người khiêng “băng ca”, nhìn hai chị hộ lý và chị y tá một cách hăn học, khi họ đang ra sức thu xếp để đặt thương binh lên giường.

Anh thấy mặt người mới đến bỗng tái đi và toát mồ hôi, khi giò thẳng cứng của thương binh bị vấp một cái. Cặp môi xanh méo đi vì đau đớn, nhưng chỉ nghe thấy tiếng răng anh nghiến lại.

Khi đã nằm sang giường, người thương binh gấp cẩn thận mép đờra lên trên mền và xếp gọn gàng lên bàn đầu giường mấy cuốn sách và sổ tay mang theo, đặt thật kỹ càng thuốc chà răng, nước súc thơm, dao cạo, xà bông lên kệ dưới. Xong xuôi mọi việc, anh kiểm soát đồ đạc với con mắt chủ nhân ông, anh cảm như ở nhà mình, rồi giọng khàn khàn của anh vang lên:

- Nào chúng ta hãy làm quen nhau nào! Xin tự giới thiệu: tôi là Xêmiôn Vôrôbiốp, chính ủy trung đoàn, một anh chàng yên tĩnh và không nghiện thuốc lá, xin được cùng sống chung với, nghe.

Nói rồi, anh vừa trầm tĩnh vừa săn sóc nhìn từng đồng chí trong phòng. Và Mêrétxép cảm thấy dừng lại trên người anh cái nhìn đắm chiêu, sâu sắc của đôi mắt xếch, con người ánh vàng, tinh sắc.

- Chắc tôi không ở đây lâu với các đồng chí đâu. Không biết các đồng chí nghĩ sao chứ tôi chắc không thể ở hoài trong nhà thương này được. Bộ đội kỵ binh của tôi đang chờ tôi, băng sắp tan rồi, đường sẽ khô, và lên đường thôi! Nói xong anh khe khẽ ca: “Đây đoàn kỵ sĩ của Hồng quân”, khiến đầy phòng ngân lên giọng ồ ồ, vui vẻ của anh.

Cưcúckin đáp lại, vừa nói vừa bồng lật úp mặt vô tường:

- Chẳng ai ở đây hoài. Băng sắp tan rồi, và lên đường thôi! Khi chân bước đi, bước sang... phòng 50. Thực ra, đâu có phòng 50 ở bệnh viện, nhưng bệnh nhân nói chuyện với nhau kêu nhà xác là phòng 50. Chính ủy mới vô không hiểu chuyện, nhưng anh cũng hiểu ngay câu nói đùa bi đát này. Anh không tỏ vẻ giận nhưng nhìn Cưcúckin như ngạc nhiên anh hỏi:

- Cậu đã bao nhiêu tuổi rồi bạn thân ơi? Này, ông cụ râu ơi! Thế là cụ đã già trước tuổi rồi đó.

Từ khi thương binh mới mà ai nấy cứ gọi là “chính ủy” đến căn phòng 42, căn phòng thay đổi hẳn. Trong một ngày, người thương binh to béo bị tê liệt này đã làm quen với mọi người. Như Stêpan Ivanôvít thường nói, về anh, anh biết tìm “chìa khóa mở mỗi người”. Với Stêpan Ivanôvít, đôi bạn thân không biết chán chuyện cười ngửa và đi săn. Về mặt này, cả hai đều là tay lão luyện và ham thích. Với Mêrétxép người ưa những chuyện quân sự, đôi bạn đem ra bàn một cách say sưa tình hình sử dụng hiện nay của máy bay, xe tăng và kỵ binh. Anh nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng xe tăng và máy bay là những vũ khí siêu việt, nhưng chẳng làm mất tác dụng của kỵ binh. Cứ chỉ cần cung cấp ngựa tốt cho những đơn vị kỵ binh, cải thiện những chiến cụ cần thiết cho kỵ binh, đào tạo thêm bên những lão chiến sĩ những cán bộ kỵ binh trẻ tuổi dũng cảm và có nhãn quan rộng rãi, thì kỵ binh ta sẽ làm cho thế giới kinh ngạc.

Anh lại biết cả cách đẩy đưa câu chuyện với người lái xe tăng lắm lì ít nói. Sư đoàn của “chính ủy” có tham gia chiến đấu gần Yéchxêvô và ở vùng Đukhốchina, sư đoàn được sử dụng trong cuộc phản công của tướng Kônép, nhờ đó anh lái xe tăng và đồng đội đã xông pha thoát khỏi vòng vây. Anh nòng nân kể lại tên các làng xóm mà cả hai đều biết, nhắc lại những nơi đã giã cho bọn phát xít những trận đòn nên thân. Anh “lái xe tăng” vẫn không nói chuyện, nhưng anh không còn ngoảnh mặt đi như trước nữa. Băng còn phủ kín đầu anh, không thấy mặt anh, nhưng thấy được đầu anh gật gù tán thưởng. Còn đối với Cúcúckin, tính tình cáu kỉnh đã dịu hiền khi chính ủy đề nghị đánh chơi ván cờ. Bàn cờ để ở giường Cúcúckin, còn chính ủy thì “chơi mò” nằm dài, mắt nhắm khỏi nhìn bàn cờ. Anh đánh cho viên trung úy khó tính thua liểng xiểng nhiều bàn và từ đó hai bên thân thiết với nhau vô cùng.

Có chính ủy vào trong phòng làm cho mọi người vui, cũng như mỗi buổi sáng chị hộ lý mở cửa sổ phụ phía trên cửa phòng; để những tiếng ồn ào vui vẻ của đường phố đột ngột ào vô cảnh tĩnh mịch nặng nề của bệnh viện

cùng một lúc với không khí của thủ đô Mátxcova những ngày đầu xuân sớm, ướt át và tươi tắn. Chính ủy không hề phải ráng sức để gây ra cái đó. Anh chỉ việc cứ sống bình thường, sống nhiệt tình, sống toàn thân toàn ý, quên đi hay gặng quên mọi đau đớn đương giầy vò anh.

Sáng sớm, thức giấc, anh ngồi dậy giơ tay trên đầu rồi, giang tay hình chữ thập, cúi xuống, ngửa lên, quay cổ lại, rồi lại cúi đầu xuống, động tác tập đều: đó là anh làm thể dục.

Khi đưa đồ rửa mặt đến, anh đòi nước thực lạnh. Anh vực mình mãi trong thau, dùng khăn lông chà người thực mạnh đến lúc da đỏ ửng lên mới thôi, mọi người thấy anh làm thế ai cũng muốn làm như anh. Khi đưa báo tới, anh giật vội lấy trên tay chị y tá và lập tức lớn tiếng đọc các thông báo của Cục thông tin Liên Xô rồi lần lượt đi vào chi tiết, đọc những bài phóng sự ở tiền tuyến. Anh có lỗi đọc báo riêng của mình, có thể nói là một cách chủ động. Đoạn nào anh ưa, anh lăm nhăm thêm vô hai tiếng: “Đúng đấy”. Chỗ khác, anh nổi nóng: “Bậy bạ! Đem đầu tôi ra mà cá, chỉ lấy một chai bia nhỏ thôi, thằng cha viết bài này chưa ra mặt trận hồi nào! Bụ đầu bạ ọc như thế này mà cũng đòi viết!”.

Một hôm, bức quá với một phóng viên chiến sự tếu, anh liền viết cho tòa soạn một tấm thiệp đầu ra đây, chứng minh rằng khi đánh nhau, không bao giờ có chuyện lỗi ấy, và đề nghị bịt mõm anh chàng khoác lác đó lại. Đôi khi anh trầm ngâm trên tờ báo giải trên gối. Anh duỗi thẳng chân, mở mắt lớn, hay đem ra kể những chuyện về kỵ binh của anh mà, theo anh, thì ai nấy đều là những anh hùng, những người dũng cảm vô song cả. Rồi anh lại tiếp tục đọc nữa, và điều lạ lùng là những lời tán rộng thêm, những đoạn văn vẽ ra ngoài đề của anh không làm anh em rối loạn, trái lại nghe anh nói thêm càng hiểu rõ câu chuyện.

Mỗi ngày hai tiếng, giữa giờ ăn và giờ chữa bệnh, anh học tiếng Đức. Anh đọc đi đọc lại từng tiếng, tập ghép câu, và bỗng nhiên đôi lúc anh suy luận về tinh thần tiếng ngoại quốc. Anh nói:

- Các cậu, này! Có biết tiếng Đức kêu gà con là gì không? Họ kêu là “quisensen”. Tài tình chưa, khi nghe tiếng “quisensen” là nghĩ ngay tới cái

gì be bé, mềm mềm, êm êm. Thế còn cái chuông con gọi là gì, biết không? Là “Gơlôccơlinh”. Cứ nghe là cảm thấy như nghe tiếng rung lên, phồng?

Một hôm Stêpan Ivanôvít không giữ được nữa, nói:

- Này chớ, đồng chí chính ủy, anh học tiếng Đức để làm gì hả? Tốn công vô ích, anh phải gìn giữ sức khỏe là hơn...

Chính ủy hóm hỉnh nhìn người lính già:

- Thế lão râu ta cho rằng người Nga cứ thế mà chịu được à? Không học tiếng Đức, thì khi chúng ta tiến tới Beclin, lão bảo tớ dùng tiếng gì đây để nói chuyện với các cô gái Đức? Hay là dùng tiếng cực nam châu Mỹ hả?

Stêpan Ivanôvít, ngồi trên giường chính ủy, cự lại một cách có lý rằng lúc này chiến tuyến đang gần sát Mátxcơva và còn phải đi một quãng đường kha khá đấy mới đến gần được các cô gái Đức, nhưng giọng chính ủy rung động một niềm tin vui sướng khiến cho anh chiến sĩ phải dang hăng một tiếng rồi nói tiếp một cách nghiêm trang như thực:

- Ủ phải rồi! Anh lại nói bằng tiếng cực nam châu Mỹ. Nhưng đồng chí chính ủy ạ! Anh vẫn cứ nên gìn giữ sức khỏe, nhất là sau khi đã bị trận giập cả mình mấy như anh.

- Ngựa cương lắm thường là chống bốn vó trước tiên! Chắc anh không biết câu phương ngôn đó, hả lão râu? Không biết là không tốt.

Thực ra trong số mấy người thương binh, chẳng ai có râu cả, nhưng chính ủy ưa kêu mọi người là “lão râu”; tuy anh kêu thế, chẳng ai buồn cả. Trái lại ai cũng thấy như vậy là buồn cười, vừa vui vẻ. Alếchxây nhìn chính ủy cả buổi để thử tìm xem tại sao anh vui vẻ hồn nhiên như vậy. Chắc là chính ủy đau dữ dội. Mỗi khi anh mệt thiếp đi và không tự chủ được nữa, thì nghe thấy anh rên rỉ, vật vã, nghiến răng; mặt anh lúc đó nhăn nhó hẳn lại vì đau đớn. Chắc anh cũng biết rõ điều đó, nên cố tránh không ngủ ngày, lúc nào cũng kiếm công chuyện mà làm.

Thức dậy là anh luôn luôn bình tĩnh, điềm nhiên hình như không phải là bị một sự đau đớn ghê gớm giày vò. Anh thảo luận từ tốn với các thầy thuốc, cười đùa với họ khi họ tới thăm bệnh và khám phá những chỗ đau của anh. Chỉ đoán được anh phải cố gắng thế nào mới nén được đau, khi

thấy tay anh quơ quơ trên tấm đờn hay thấy mồ hôi lấm tấm nhỏ giọt trên cuống mũi anh. Phi công không hiểu được vì sao người bạn này có thể trấn áp được những đau đớn ghê gớm và tìm được ở đâu bấy nhiêu nghị lực, bấy nhiêu niềm vui, bấy nhiêu sức sống.

Alếchxây muốn biết bí quyết đó vì bản thân anh lúc này đây, đang dùng thuốc ngủ, liều thuốc ngày một mạnh hơn, mà cũng không ngủ được. Đã nhiều đêm trường, có khi suốt tới sáng, anh không nhắm mắt, răng cắn chặt mền để không la lên thành tiếng.

Tiếng “cửa” khủng khiếp cứ ám ảnh anh hoài, và càng ám ảnh hơn sau mỗi lần thầy thuốc thăm bệnh.

Gần tới ngày ác hại đó, thì Alếchxây nghĩ rằng nếu tàn tật như thế thì cuộc sống chẳng còn đáng sống nữa.

Ngày đó tới, Vaxiliêvít rờ khám rất lâu hai chân đen sì và tê liệt, rồi bỗng thẳng người dậy, giáo sư nhìn Mêrétxép thẳng vào đôi mắt anh và nói:

- Phải thưa!

Mặt phi công tái đi và trước khi anh ú ớ được câu trả lời, thì giáo sư đã dẫn mạnh từng tiếng nói thêm

- Phải thưa. Không ầm ở gì nữa, nghe chưa? Nếu không thì toi mạng. Hiếu không?

Nói xong giáo sư ra khỏi phòng. Cả phòng im phăng phắc thật là nặng nề. Mêrétxép nằm yên, mặt ngẩn ra như hóa đá, hai mắt mở thao láo. Như qua bóng sương mờ, anh lại thấy đầu hai khúc chân cụt của người đưa đồ què, tím ngắt và chẳng ra hình thù gì nữa, anh thấy ông đang bò bốn cẳng như một con khỉ ra tận sông, trên cát ướt.

Chính ủy nhỏ nhẹ kêu:

- Cậu Alếchxây này!

Alếchxây trả lời bằng một giọng nói xa xôi, hiu quạnh:

- Hở?

- Phải thế thôi, cậu Alếchxây ạ!

Lúc này Mêrétxép thấy không phải là ông già đưa đồ nữa mà chính là anh đang bò bằng hai cẳng què và Onga thân yêu của anh, đứng trên bãi cát, lộng lẫy và tươi đẹp trong bộ áo bông màu phơ phất, nhẹ nhàng, đang cắn môi và nhìn anh không chớp mắt.

Sẽ như vậy đó! Và anh gục mặt vào gối, nước nở khóc lặng lẽ, toàn thân anh run lấy bầy. Nỗi đau buồn ấy tràn ngập cả gian phòng, Stêpan Ivanôvít, vốn hay cầu nhàu, đứng dậy. Khoác áo choàng vô và lê dép, bám giường, tiến lại gần Mêrétxép. Nhưng chính ủy cản anh ta lại bằng một cử chỉ cố ý nghĩa:

- Để cho đồng chí ấy khóc!

Và quả nhiên Alếchxây dịu lại, không khóc nữa. Anh cảm thấy nhẹ nhõm như một người đã được giải quyết xong một việc mà trước kia đã làm cho mình đau khổ lắm. Anh yên lặng mãi như thế cho tới chiều, lúc những người khiêng “băng ca” đến đón anh đưa tới phòng mổ. Trong gian phòng trắng sáng, anh chẳng nói câu nào, ngay cả lúc anh được cho biết vì tim anh yếu quá nên không chụp thuốc mê được mà chỉ chích thuốc tê nơi chân thôi. Anh chỉ gật gù gật gù cái đầu. Trong lúc chờ, anh không rên cũng không kêu nửa tiếng. Giáo sư Vaxiliêvít đã tự tay đưa chân cho anh mặc dù không có khó khăn gì cả, và như thường lệ, gặt gồng với những người phụ tá và khán hộ, ông nhắc họ nhiều lần phải coi chừng xem bệnh nhân có chết trong khi ông mổ không.

Khi cửa xương ống chân, Alếchxây thấy đau dữ dội, nhưng anh đã quen chịu đựng đau rồi và anh không biết đám người mặc bờlu trắng này, mặt trùм vài thưa, đang làm gì quanh chân anh. Khi anh tỉnh lại thì anh đã trở về phòng, và cái mà anh nhìn thấy trước tiên là nét mặt lo âu của chị Cơlaodia Mikhailôna. Lạ lùng chưa: Anh không nhớ gì cả và anh ngạc nhiên thấy người đàn bà nọ, trông thật là dịu hiền, dễ thương dưới bộ tóc óng vàng, sao lại đang nhìn anh xúc động và lo sợ đến thế. Thấy anh mở mắt, nét mặt chị vui hẳn lên chị luồn tay dưới mền nắm nhẹ tay anh.

Vừa nghe mạch cho anh, chị vừa nói:

- Anh thực là dũng cảm!
- Tại sao chị ấy nói thế nhỉ?

Anh tự hỏi xong thì cảm thấy hai chân anh đau nhức vô cùng, đau cao hơn trước kia và đây không phải là cái đau nhói nhức, day dứt như trước, mà là một cái đau âm ỉ, như bị trói chặt cứng phía trên cổ chân. Và đột nhiên nhìn xuống dưới, qua những nếp của lớp mền, anh chợt thấy người anh ngắn hơn trước. Tất cả sự việc, anh cùng nhớ lại cả một lúc: gian phòng trắng chói, tiếng gặt gồng của Vaxiliêvít và tiếng cái gì đánh thịch một cái vào thùng tráng men. Thế là xong à? Anh ngạc nhiên và trơ trơ không phản ứng gì cả. Anh gượng mỉm cười và nói với chị y tá:

- Cắt ngắn bớt tôi lại rồi thì phải?

Nụ cười bất đắc dĩ của anh giống như người mếu. Colaudia Mikhailôna dịu dàng vuốt tóc anh:

- Thôi, không sao đâu anh ạ! Bây giờ anh nhẹ nhõm hơn trước nhỉ.

- Nhẹ nhõm, đúng rồi, nhưng chưa biết nhẹ bao nhiêu ký?

- Anh đừng nói thế, anh! Anh đã can đảm đến thế. Có người thì kêu la, có người thì phải lấy dây ra trói lại, và phải giữ lấy mình; còn anh, anh chẳng chuyển chút nào... Chiến tranh! Ôi là chiến tranh!

Ngay lúc đó, giọng nói giận dữ của chính ủy vang lên trong bóng râm đang tràn vào phòng:

- Than vãn gì đấy hả? Cô bé y tá kia ơi! Cô hãy đưa gói thư cho cậu ấy đọc có hơn không? Sao mà thằng cha nó may thế?

Ai mà không thêm. Mỗi lần mà được đọc cả gói thư.

Chính ủy giao cho Mêrétxép cả một xấp thư. Đó là thư từ Trung đoàn anh gửi tới. Mỗi cái ghi ngày khác nhau nhưng đã đến tay anh cùng một lúc. Và thế là Alếchxây với hai chân vừa bị cưa, đọc hết bức này sang bức khác, những bức thư thân yêu đem đến cho anh những tin tức về đời sống cực khổ, xa xôi, đầy thử thách và nguy hiểm mà anh thích, nhưng nay anh đã mất không sao có được nữa. Những tin tức trọng yếu hay những chi tiết nhỏ nhặt, anh đều sung sướng thường thức ngang nhau. Tất cả mọi tin, anh đặt ngang hàng nhau và đọc thích thú như nhau: Tin anh sĩ quan phụ trách ban chính trị của quân đoàn tiết lộ cho biết rằng trung đoàn của anh được đề nghị tặng thưởng huân chương Cờ Đỏ; anh Ivansúc được nhận hai cái huân chương một lúc, anh Alếchchin đi săn giết được một con cáo không có đuôi, câu chuyện tình duyên giữa Stêpan Rôstốp và chị y tá Lônốtca chấm dứt vì bỗng dưng Stêpan bị sưng vú một bên má. Anh nghĩ miên man tới cảnh máy bay giữa đám rừng và hồ mà các phi công thường hết lời nguyên rủa, vì đất có lắm chỗ nguy, nhưng giờ đây dưới mắt anh, anh coi như toàn thế giới không có đâu là kỳ diệu thích thú bằng. Anh mãi miết đọc thư, chẳng kể gì đến ngày tháng trong thư khác nhau, Cũng chẳng để ý thấy chính ủy liếc mắt và mỉm cười làm hiệu với cô y tá và thì thào nói:

- Thuốc của tôi còn công hiệu hơn tất cả các viên luminan và verônan của cô!

Alécxây đâu có biết rằng chính ủy chờ sẵn ngày thử thách lớn, đã gom góp tất cả những thư gửi tới cho anh Mêrétxép, để khi cái ngày ghê gớm ấy đến, tất cả những lời chào mừng âu yếm và những tin tức từ phi trường tới sẽ làm bớt được phần đau khổ cho anh phi công. Chính ủy thực là một người lính già dặn. Anh biết rõ hiệu lực của những mẫu giấy chữ nguệch ngoạc ấy, ở mặt trận, có khi còn hiệu nghiệm hơn cả thuốc men và bánh ngọt.

Thư tín của Andơrây Đếchcharencô giản đơn và thô cứng cũng giống như tính của người viết, có mang theo một tấm thiệp đầy những chữ có tô đậm và đặt những tấm than.

“Đồng chí trung úy ơi! Thế là không tốt. Anh không giữ lời hứa! Trung đoàn nhớ tới anh luôn. Tôi không nói dối đâu, nhắc tới anh luôn đấy. Hôm trước, Trung đoàn trưởng nói trong nhà ăn rằng Mêrétxép thật là một người đáng kể!!! Và anh biết đấy, ít khi đồng chí ấy nói ai như thế. Về sớm nhé, ở đây chờ anh đấy!!! Chị Lôla, cái chị người to, dọn cơm ở nhà ăn ấy, bảo tôi nói với anh rằng chị ấy sẵn sàng dọn khẩu phần gấp ba người thường để cho anh ăn, và nếu có vì thế mà bị đuổi chị cũng cứ dọn cho anh ăn. Nhưng đầu thế nào, không giữ lời hứa là xấu lắm!! Anh viết thư cho mọi người, trừ tôi. Tôi giận lắm, và vì thế tôi không viết thư riêng cho anh, nhưng, xin anh đấy, anh viết cho tôi một bức thư cá nhân nhé để cho tôi biết giờ đây anh ra sao và đã đến đâu rồi nào...”

Tấm thiệp nhỏ ngồ ngộ đó, có chữ ký: “Cô đội Thiên văn”.

Alécxây mỉm cười, nhưng anh bỗng chú ý đến câu “về sớm nhé, ở đây chờ anh đấy!” câu này có gạch ở dưới. Anh nhồm dậy trên giường; đáng anh như người lục túi bỗng thấy mình mất một tài liệu gì quan trọng lắm. Anh đưa tay sờ nơi trước kia có chân anh, nay tay anh không thấy gì cả.

Chỉ lúc đó, Alécxây mới thấy thực rõ tai hại lớn lao vừa qua. Không khi nào nữa, anh còn được trở lại trung đoàn, làm phi công, ra mặt trận. Không khi nào nữa, anh còn lái máy bay, còn chiến đấu. Không khi nào nữa! Từ

nay, anh chỉ còn là một kẻ thương tật, không thể còn hoạt động, cái hoạt động ưa thích của mình; ngồi cắm vào một chỗ, ăn hại. Sống cũng bằng thừa và điều đó không có cách gì cứu chữa nổi. Và cứ như thế đến ngày anh là bỏ cõi đời.

Sau khi cựa chân, Mêrétxép thu mình lại, và như thế là không gì bất lợi cho anh bằng. Anh không than van, không khóc lóc, không hờn giận. Anh chỉ im lặng. Cả ngày, anh nằm ngửa, dán mắt nhìn lên một vết nứt trên trần nhà. Bạn bè hỏi chuyện, anh chỉ ừ hử cho qua, rồi anh lại nằm im, nhìn lên trần, ngắm không biết chán vết rạn nẻ nhỏ xíu, hằn thành một vạch đen, như tìm đọc một thứ chữ gì bí mật có thể giúp anh cứu lại cuộc đời. Anh theo sát các lời ghi trong toa của thầy thuốc, uống hết các thứ thuốc, nuốt cho rồi bữa cơm và rồi lại nằm ngửa xuống.

Chính ủy kêu anh:

- Này chớ lão râu! Nghĩ gì vậy?

Alếchxây quay đầu lại, nhưng mặt mày chẳng thay đổi mảy may như không nhìn thấy ai cả.

- Tớ hỏi cậu nghĩ gì đó?

- Chẳng nghĩ gì cả!

Một hôm Vaxiliêvít vào:

- Thế nào nhà chiến sĩ chuyên môn bò, còn sống à? Khá không? Anh hùng, thực là anh hùng mà: tôi nói vậy đó. Khi mỗ anh không hề nhúc nhích. Chú mình này, bây giờ thì tôi mới thực tin rằng anh đã bò mười tám ngày trời để vượt phòng tuyến giặc Đức. Trong đời tôi, các anh đã ăn bao nhiêu củ khoai, thì tay tôi đã sờ vào bấy nhiêu anh chàng; nhưng đừng cảm cỡ anh, thực tôi chưa từng mỗ xẻ một người nào như thế!

Giáo sư xoa hai bàn tay đỏ ửng, móng bị chất thẳng hoa ăn.

- Tại sao mà mặt mũi cau có thế kia hả? Người ta khen mà lại mím môi lại. Tôi là tướng quân y. Mím cười đi nào! Tôi hạ lệnh cho anh đó!

Hé cặp môi mềm nhũn như cao su, Mêrétxép cười và tự nghĩ: “Nếu biết như vậy thì bò bằng tay mà làm gì? Bấy giờ mình còn những ba viên đạn trong súng cơ mà!”

Chính ủy bèn đem ra đọc một bài phóng sự rất hào hứng trong báo về một trận chiến đấu trên không. Sáu máy bay săn giặc của ta chiến đấu với hai mươi hai máy bay của giặc, ta đã hạ được tám cái mà chỉ mất có một. Chính ủy đọc phóng sự hăng say làm như các phi công là kỵ binh dưới quyền chỉ huy của các anh chứ không phải là những phi công anh chưa từng quen biết. Ngay cả Cúcúckin cùng khoái chí, tham gia thảo luận tìm hiểu xem sự việc đã diễn ra cụ thể thế nào. Alếchxây thì nghe và nghĩ: “Họ thực là may mắn. Được lái phi cơ, được chiến đấu còn mình thì chẳng bao giờ được cất cánh bay lên nữa”.

Thông báo của Cục Thông tin Liên Xô ngày một thêm ngắn cụt. Mỗi người đều có thể do đó dự đoán quân đội Xô viết đang tập trung ở hậu phương để chuẩn bị một cuộc phản công mới. Chính ủy thảo luận sôi nổi với Stêpan Ivanôvít về hướng quân ta sẽ phản công.

Còn mới đây thôi, Alếchxây là người hạng nhất ưa thảo luận loại vấn đề này; bây giờ anh làm thính giống như không nghe thấy gì. Riêng anh, anh cũng đoán rằng sắp có những biến cố lớn đến nơi. Anh đánh hơi ngửi thấy sắp nổ ra những trận chiến đấu khổng lồ, không chừng có tính cách quyết định. Các đồng chí đều sẽ được ra trận. Cả Cúcúckin đương rất mau lành bệnh cũng sẽ được ra trận. Chỉ có anh là suốt đời bó gối nằm ở hậu phương. Ý nghĩ ấy thật là chua xót đến nỗi khi thấy chính ủy đọc báo hay bàn tới chiến trận thì anh lấy mền trùm kín đầu và áp má lên gối để không thấy và không nghe gì cả. Và một câu của Goócki cứ lảng vảng trong đầu anh: “Kẻ nào sanh ra để bò thì không tài nào bay được”.

Cơlaodĩa Mikhailôna đem về ít cành liễu, không biết bẻ ở chỗ nào trong thành phố Mátxcova đang chiến đấu gian khổ, lờm chờm chiến lũy. Chị cắm một nhánh vào ly nước đặt trên mỗi bàn nhỏ của từng bệnh nhận. Cành cây đỏ hồng êm êm những nụ trắng, gây ra một không khí tươi mát, thực như mùa xuân đã ào vô gian phòng 42. Ai cũng vui mừng, ngay cả anh lái xe tăng ít nói cũng thốt ra mấy câu qua lẩn vài băng bó.

Alếchxây nằm im nghĩ ngợi. Ở Kamisin, có những rãnh nước sinh chảy dọc theo những lề đường bùn lội, trên đá lát đường sáng loáng; mùi đất

nồng và ướt cùng mùi phân ngựa bốc lên. Một ngày như ngày đó, Onga cùng anh ra đứng bên bờ sông Volga cheo leo. Trước mặt hai người là sông nước mênh mông. Cảnh im lìm thực là trang nghiêm. Con chim sơn ca réo rất hót, tiếng hót ngân lạnh lạnh; từng tảng băng lều bều trên mặt nước trôi theo dòng. Nhưng anh thấy hình như không phải những cục băng trôi xuôi, mà chính là Onga và anh đang đi ngược dòng sông bông bột, cả hai im lặng. Nhưng trước mắt hai người, viễn cảnh của hạnh phúc đẹp đến nỗi, đối diện sông Vônga bát ngát và trong hơi thở của mùa xuân ấm áp, cả hai cùng phập phồng lồng ngực. Tất cả những cái đó từ nay đã mất rồi. Nàng sẽ từ nay không ngó ngang anh nữa, và nếu nàng không làm thế, thì anh có quyền được nhận sự hy sinh ấy không? Lẽ nào anh để cho thiếu nữ lộng lẫy ấy, tươi đẹp ấy, đầy tương lai ấy, gắn bó với một kẻ thương tật lết đi bằng hai chân què...?

Anh yêu cầu chị y tá đem cất ngay khỏi bàn vật đã gây thương làm cho anh nhớ tới mùa xuân.

Cảnh liều đã cất rồi, nhưng anh vẫn không xua đuổi nổi những ý nghĩ nặng nề đang xông tràn vô tư tưởng anh. Onga sẽ nói gì khi biết anh què? Nàng sẽ thôi anh? Nàng sẽ quên anh? Nàng sẽ gạt anh ra khỏi đời nàng? Nghĩ đến đây, với tất cả tâm hồn anh, Alếchxây bùng bùng nổi giận: Không Onga không phải là hạng người như thế! Onga đâu có bỏ anh? Đâu có xoay lưng lại anh? Nhưng còn đáng bức hơn thế nữa cơ: anh đã tưởng tượng thấy Onga sẽ lấy anh vì thương hại, lấy một người tàn phế và vì thế Onga sẽ phải nghỉ học, bỏ giấc mộng học kỹ thuật cao cấp và sẽ phải lo còng lưng làm việc nuôi chồng, nghĩa là anh, một người chồng tàn tật và biết đâu, lại phải nuôi cả con nữa.

Anh có quyền nhận sự hy sinh đó không? Chưa có gì gắn bó hai người. Onga chỉ hứa hôn chứ chưa phải vợ anh. Anh thương chị bằng một mối tình chân thật và vì vậy anh quyết định không muốn dùng quyền đó của mình, cho rằng bốn phận của anh là phải tự mình cắt đứt hẳn mọi liên lạc với Onga, và ngay từ bây giờ để tránh những tương lai đau đớn sau này, mà cả những đau khổ trong lúc ngập ngừng hiện tại. Nhưng. nhiều bức thư, với

con dấu mà bưu điện Kamisin, lại tới tay anh, những bức thư đã quét sạch một lần hết những quyết định của anh. Có một bức thư của anh. Có một bức thư của Onga chan chứa một nỗi băn khoăn thâm kín. Hình như linh tính báo trước cho chị một tai nạn đau thương xảy ra, chị viết cho anh tỏ rằng chị sẽ ở suốt đời với anh, và chính nhờ thế, nên chị đã có đủ nghị lực chịu đựng cuộc đời nặng nề của thời buổi chiến tranh này, những đêm không ngủ trong xưởng, những ngày đêm rong rã đào hầm trú ẩn và hầm chống xe tăng và cả - giấu mà làm gì - cái bụng đói vò xé chị không dứt.

“Tấm hình mới nhất của anh, có hình anh ngồi trên một thân cây, với con chó, và anh đang mỉm cười, lúc nào cũng giữ trên mình em. Em đã lồng nó vào khuôn hình nhỏ của mẹ và đeo trên ngực: khi buồn, em lấy ra nhìn... và, anh biết không, em tin chắc rằng chúng ta cứ yêu nhau, chẳng phải sợ cái gì cả”.

Thư chị còn cho biết má Aléchxây hồi này rất lo lắng về anh vì lâu quá không được thư anh. Chị nhắc anh năng viết thư hơn cho mẹ già, để bà khỏi khổ và nhớ đừng báo tin gì không hay làm cho mẹ buồn.

Lần đầu tiên những bức thư từ quê hương gửi tới, những bức thư trước kia sưởi ấm lòng anh cả một thời gian dài giữa những nỗi khổ sở trên mặt trận, ngày nay chẳng làm cho Aléchxây vui chút nào. Thư chỉ làm cho anh thêm bối rối và anh đã mắc một khuyết điểm rất có hại cho anh quyết định sẽ không viết thư gì về Kamisin nói về việc cư dân. Người duy nhất mà anh cho biết rõ những nỗi buồn khổ của mình là “cô đội Thiên văn”. Anh không biết cô này nhiều, nên anh nói hết sự thực với cô. Anh chẳng biết đến cả tên cô, và đề địa chỉ, thì anh chỉ viết: “Cô đội Thiên văn. Hòm thư số mấy đó, trạm thiên văn...”. Anh biết rõ, ở mặt trận, thư được chuyển rất thận trọng ngần nào và anh hy vọng sớm muộn thư sẽ đến tay cô dấu cho địa chỉ ghi kỳ quặc như vậy. Nói cho cùng, việc này cũng chẳng có gì quan trọng đối với anh. Anh chỉ cần nói hết được những cảm nghĩ của mình với ai đó.

Những ngày ở nhà thương trôi đi một cách tẻ nhạt với Aléchxây Mérétxép, đương quanh quẩn với những ý nghĩ miên man buồn chán của

mình. Cơ thể sắt thép của anh đã giúp anh chịu đựng một cách dễ dàng việc cưa chân, được thực hiện giỏi vô cùng; những vết thương mau lành, nhưng anh vẫn cứ yếu dần. Mặc dù được săn sóc chu đáo, anh vẫn gầy ốm và mất sức thêm mãi.

Mùa xuân tới, hết sức huy hoàng, rực rỡ.

Mùa xuân đã vô tận phòng 42, cánh cửa sổ mở, gió mát ẩm thấp do hơi tuyết tan lọt vô phòng, đem theo tiếng chim se sẻ ríu ra ríu rít, tiếng bánh xe điện rít vui vẻ trên những khúc quanh, tiếng chân khách bộ hành nện trên đường nhựa không còn vương tuyết nữa và buổi chiều lại còn có cả tiếng ăccoóđêông cò kè êm dịu. Mùa xuân đã lọt vô phòng bằng cửa sổ góc nhà, nơi đó nhìn ra thấy cành cây bạch dương rọi nắng đã đâm mầm non dài ngoẵng có lớp nhựa vàng che phủ. Mùa xuân cũng đã vô phòng này với những ánh vàng lấm chấm trên màu da trắng của chị Cōlaodia Mikhailōna, những chấm tàn hương qua lượt phấn thoa vẫn nổi rõ và khiến cho chị y tá bức mình lắm. Mùa xuân hiển hiện trong những giọt nước nặng lộp độp vui vẻ trên rìa bằng tôn của những cửa kính. Cũng như từ bao lâu rồi, mùa xuân làm cho tâm hồn mỗi người thêm tươi trẻ và làm cho những giấc mộng đẹp nảy sinh.

- Nè! Giờ này mà được ghim một khẩu súng săn thực tốt đứng nấp trong rừng thưa nhỉ? Cậu thấy thế nào, Stêpan Ivanôvít? Hoặc sớm tinh sương, ấy thế mới khoái, cậu nhỉ? Sáng sớm ửng hồng, trời lành lạnh mà ta đứng rình thú vật, tai lắng nghe rồi thấy tiếng uống nước: Cục - cục - cục... rồi lại tiếng cánh chim đập vu - vu - vu... rồi một chú hạ cánh, cái đuôi xòa ra như cái quạt, rồi đến một chú nữa, chính ngay trên đầu mình...

Trong lúc Stêpan Ivanôvít hít hít như thèm nhỏ nước miếng, thì chính ủy nói tiếp:

- Rồi cắm trại bên đồng lửa ấm, uống chơi một tách trà nóng hồi thơm ngát mùi khói hay một chén rượu nhỏ cho giãn từng thớ gân cốt! Nghĩ sao nào! Cực nhọc xong...

- Nè, đồng chí chính ủy! Khỏi phải nói... ở xứ tôi, mùa này, anh biết người ta săn chi không? Này nhé, tin hay không, mặc anh, dân làng tôi săn cá măng đấy! Tôi thề với anh đấy! Vui đáo để: để chơi thôi, nhưng cũng khá lợi. Khi băng tan vỡ trên mặt hồ và nước sông tràn trề thì cá măng lợi

vô bờ để đẻ. Nó lội vô gần đến nỗi chỉ còn suýt cái thì nó leo lên; mình trốn trong cỏ, trong rêu ngập nước, nó đẻ ở đó. Ta cứ việc đi theo bờ thôi! Nếu thấy những cái gì như những khúc củi nhỏ tròn tròn, thì chính là nó đấy. Tha hồ mà ngắm sủng. Có khi cứ thế lượm đầy bao. Có khi không kịp lượm nữa. Tôi nói thực đấy, thế mà...! Còn chuyện này nữa..

Thế là cùng nhau kể lại những chuyện kỷ niệm săn bắn. Rồi lại trở tại bàn chuyện ở tiền tuyến. Mọi người dự đoán ở sư đoàn, ở đại đội giờ đây có chuyện gì lạ.

Ăn cơm xong, mọi người lấy đồ ăn dư nuôi chim se sẻ. Stêpan Ivanôvít là người chẳng chịu ngồi không, tay lúc nào cũng phải ngó ngoáy làm cái này cái nọ; anh có sáng kiến thu thập những thứ đồ ăn vụn thừa và liệng cho chim qua cửa thông hơi. Việc đó đã thành thói quen rồi. Về sau liệng không phải đồ ăn vụn thừa nữa, mà liệng từng miếng lớn, nhưng đem nghiền nhỏ sẵn ra cho chim. Do đó, nói theo như anh Stêpan Ivanôvít thì cả một bộ lạc chim được “đảm nhiệm cấp dưỡng”. Tất cả phòng ai cũng thích đàn chim nhỏ ào xuống kiếm ăn, riu rít quanh mẩu bánh lớn, kêu chiếp chiếp, đánh nhau và sau khi đã dọn sạch bờ cửa sổ, thì nghỉ ngơi và rửa lông trên cành dương, rồi bỗng vùng bay đi cả đám như đã đồng tình cả với nhau là chim phải đi lo công chuyện hàng ngày của chim. Nuôi chim đã thành một trò giải trí được mọi người ưa thích. Anh em thương binh đã nhận rõ được một số con chim quen thuộc và đặt tên cho nó. Một con chim dạn lắm và không có đuôi, được cả phòng chú ý mến đặc biệt. Hẳn là vì ưa đá nhau nên nó bị cụt đuôi. Stêpan Ivanôvít kêu nó là con “Tiểu liên”. Một điều lạ là, chính nhờ chơi với đàn chim bẻm mép như thế đã làm cho anh lái xe tăng ra khỏi hẳn được tình trạng chẳng nói chẳng rằng từ trước của anh. Lúc đầu, anh còn thản nhiên nhìn Stêpan Ivanôvít gập đôi người lại trên nạng để leo lên bộ ống sưởi, tiến đến bờ cửa sổ, rồi đẩy cửa thông hơi ở trên. Nhưng sáng hôm sau, khi đàn chim ào ào bay tới, thì anh lái xe tăng, mặt mày nhăn nhó vì đau đớn, cũng nhóm dậy nhìn ra coi chúng đua nhau ăn. Ngày thứ ba khi ăn cơm, anh lấy một miếng bánh bông lan lớn đút vào

dưới gối vì anh cho rằng cái món ăn ngon đó của bệnh viện được đàn chim riu rít và tham ăn này đặc biệt thích.

Một bữa kia “Tiểu liên” không lại ăn. Cúcúckin phát biểu ý kiến cho rằng chắc nó bị mèo vồ và như thế là đáng đời. Anh lái xe tăng ít nói bỗng nổi giận và cho Cúcúckin là “đùa vô duyên”, và hôm sau khi con chim cụt đuôi trở lại kiếm ăn nheo nhéo trên mép cửa sổ, và quay đi ngoảnh lại khắp phía cái đầu bé nhỏ có cặp mắt dạn và sáng thì anh lái xe tăng cười lên. Đó là lần thứ nhất anh cười sau bao nhiêu tháng ở bệnh viện.

Sau đó ít lâu, Govôđép thực sự sống vui vẻ trở lại. Ai cũng ngạc nhiên thấy anh tỏ ra vui đùa, ưa chuyện trò thân mật với anh em. Đó tất nhiên chính là thành công của chính ủy và, như Stêpan Ivanôvít thường nói, chính ủy rất tài tình trong nghệ thuật “tìm ra chìa khóa” dùng cho mỗi người. Và anh đã làm thế nào mà được kết quả đó? Thì ra thế này:

Cái lúc mà ở phòng số 42 vui hơn cả, là lúc cửa mở ra, Còlaodĩa Mikhailôna bước vô, vẻ mặt bí mật, hai tay giấu sau lưng, chị nhìn mọi người và hỏi:

- Thế nào? Bữa nay đến lượt ai khiêu vũ?

Thế nghĩa là có thư tới và ai nhận được một bức thư, thì phải nhóm dậy một tí trên giường như người khiêu vũ. Người được khiêu vũ nhiều nhất là chính ủy, có bữa anh nhận được tới mười thư một lúc. Anh nhận được thư của sư đoàn, của hậu phương. Có những thư của đồng chí, của sĩ quan, của những người công tác chính trị. Có những thư của binh sĩ và của cả vợ các sĩ quan yêu cầu anh lên lớp cho chồng mình vì ít lâu nay chồng các chị hay tự do bừa bãi. Có những bức thư của các chị góa chồng, vợ của các đồng chí liệt sĩ đề nghị anh giúp ý kiến và giúp đỡ. Anh còn nhận được thư của một em nữ thiếu niên tiền phong miền Kadăctan, cha em là đại tá chỉ huy đơn vị của anh, nay đã tử trận, tên riêng em là gì anh nghĩ mãi chẳng nhớ ra. Anh lưu ý đến mỗi bức thư và trả lời từng thư một; anh yêu cầu lập tức cơ quan đương sự cố giúp đỡ cho vợ một viên sĩ quan, cự kịch liệt một anh chồng hay ong bướm, hăm một anh quản lý nhà cửa rằng sẽ tự đến vặn cổ hẳn đặng trước ra đặng sau nếu không chịu đặt một cái lò sưởi trong nhà

một anh chiến sĩ, mắng em bé ở Kadăctan mà tên riêng sao khó quá khiến anh quên luôn mãi vì em bị một điểm kém về tiếng Nga trong học kỳ hai.

Stêpan Ivanôvít cũng nhận được nhiều thư từ tiền tuyến và cả hậu phương nữa gửi về. Anh nhận được thư của các con trai, đều là thiện xạ như anh, cả thư của con gái anh hiện là đội trưởng sản xuất trong nông trường tập thể, con gái anh gửi không biết bao nhiêu lời bà con và bạn bè chào hỏi anh và kể chuyện nông trường cho anh nghe rằng mặc dù rất nhiều người của nông trường được cử đi làm ở những công trường mới, nhưng nông trường vẫn vượt kế hoạch bao nhiêu phần trăm. Stêpan Ivanôvít phấn khởi và lớn tiếng kể ngay những chuyện này với mọi người, và tất cả phòng, từ hộ lý, y tá, đến viên y sĩ nội trú thường trực là một người khó khăn và cẩu kình nữa cũng đều luôn biết rõ tin nhà của anh.

Ngay Cưcúckin, tính tình lạnh nhạt đến giận hờn với tất cả mọi người, cũng nhận được thư mẹ ở vùng Bársun gửi tới. Anh cướp lá thư trên tay chị y tá và chờ khi mọi người ngủ rồi mới đọc, đọc khe khẽ và đánh vần từng chữ một. Trong những lúc đó, khuôn mặt khắc khổ và khó ưa của anh hiện ra vẻ xúc động và êm dịu lạ lùng, khác hẳn ngày thường. Mẹ anh là một bà y tá già, anh kính yêu vô cùng, nhưng cũng như chẳng hiểu tại sao anh lại ngượng ngùng vì kính yêu mẹ và giấu giếm không muốn biểu lộ lòng kính yêu đó trước mặt mọi người. Riêng chỉ có anh lái xe tăng, trong những lúc vui vẻ trao đổi tin tức nhận được như vậy, thì lại buồn thêm; anh quay mặt vào tường, kéo mền cho kín đầu, anh chẳng còn có ai viết thư cho mình nữa. Cho nên phòng càng nhận được nhiều thư thì anh càng buồn tủi, càng cảm thấy sâu sắc, sự cô độc của mình. Ấy thế nhưng một ngày kia, chị Mikhailôna bước vô phòng với vẻ mặt khác thường. Chị cố ý không nói chính ủy và hỏi vợ:

- Thế nào! Bữa nay ai khiêu vũ?

Mặt chị quay về phía giường anh lái xe tăng, và cả bộ mặt chị nở một nụ cười tươi. Mọi người đều hiểu rằng hôm nay có chuyện kỳ lạ, và ai nấy đều hồi hộp.

- Trung úy Gơvôđép! Đến lượt đồng chí khiêu vũ!

Mêréxép thấy Govôđép rùng mình, vùng quay lại và mắt sáng lên trong đám vải băng bó. Anh cố tự chủ, nói bằng một giọng run run cảm động mà anh cố gắng làm cho đều đều, anh nói:

- Lầm đấy. Chắc có ai tên là Govôđép khác nữa bị thương ở trong bệnh viện.

Tuy nói vậy, nhưng anh vẫn nhìn chăm chú và đầy hy vọng nơi tay chị y tá đang giơ rất cao ba bao thư như giơ một lá cờ.

- Không đâu mà, đúng là của đồng chí rồi! Đây nè: Trung úy G. M. Govôđép, và còn ghi rõ phòng 42. Đồng chí thấy chưa?

Anh liền rút mau tay quần băng ra khỏi mền. Bàn tay ấy run run khi đưa bao thư lên miệng, trung úy dùng hàm răng xé thư từng chút một, vội vàng. Mắt anh sáng như tóe lửa dưới những băng quần.

Thực là một chuyện kỳ lạ. Ba cô gái, ba nữ sinh viên, cùng từng học ở một trường đại học, mỗi người có một lối viết riêng, đều một lượt viết thư thăm anh, đại khái như nhau. Biết trung úy xe tăng Govôđép nằm ở nhà thương Mátxcơva, các cô quyết định trao đổi thư từ với người anh hùng bị thương. Các cô yêu cầu anh, nếu không phiền gì cho anh, thì trả lời cho các cô, cho biết tình hình sức khỏe. Một cô ký tên “Anhuta” hỏi anh xem cô có làm gì giúp được anh không. Anh có cần sách vở gì không, hay cần gì khác, anh đừng ngại cho biết.

Cả ngày, trung úy lật đi lật lại mấy lá thư, đọc lại địa chỉ và tìm hiểu từng nét chữ của từng người. Anh vẫn biết lối trao đổi thư từ này rất thông thường. Trước anh cũng có trao đổi mấy bức thư với một cô bạn không quen, mà anh đã nhận được mấy lời thân ái nhét trong chiếc “găng” tay lép trong gói đồ quà anh nhận được nhân một dịp lễ. Việc trao đổi thư từ chấm dứt khi anh được cô bạn gửi cho anh tấm ảnh với mấy lời tặng giỡn đùa: đó là một phụ nữ đã rộng tuổi, xung quanh có bốn con.

Nhưng lần này, câu chuyện khác hẳn. Điều làm Govôđép ngạc nhiên và không sao hiểu được, là tại sao một lần nhận được tới ba lá thư. Và anh cũng không hiểu tại sao ba cô sinh viên y khoa này lại biết đến những thành

tích quân sự của anh. Thật tình ra thì tất cả phòng đều ngạc nhiên, nhất là chính ủy.

Nhưng Mêrétxép đã bắt gặp chính ủy liếc nhìn rõ là đồng tình với Stêpan Ivanôvít và chị y tá. Anh hiểu ngay đó là câu chuyện vui chính ủy bày ra.

Nhưng dù thế nào, hôm sau, Gơvôđép ngay từ sớm, cũng xin chính ủy một ít giấy, rồi anh tháo băng tay mắt và bắt đầu viết. Viết đến tận chiều, viết rồi lại xóa, vò nát giấy, rồi lại viết, để trả lời thư ba người bạn gái không quen biết.

Hai cô tự rút lui, nhưng cô Anhuta thân ái thay mặt cả ba người hỏi thăm anh. Gơvôđép giờ là một người cởi mở. Vì thế từ đó, cả phòng ai cũng biết năm thứ ba khoa Y có những chuyện gì: sinh vật học thích thú chừng nào thì hóa học hữu cơ lại phiền toái chừng nấy; giáo sư này giảng hay, giọng nói dễ thương, bài học hấp dẫn, trái lại bài thuyết trình giáo sư nọ buồn chán làm sao: Sinh viên đi làm lao động tự nguyện ngày chúa nhật chất được mấy thước khối củi lên xe cam nhông; và những khó khăn của sinh viên y khoa vừa phải học, vừa phải làm trong một bệnh viện triệt hồi, như thế nào; và cô sinh viên nọ, học đã kém lại chẳng được ai ưa, lại cứ tưởng mình là thánh chúa như thế nào.

Gơvôđép không những chỉ nói bệnh trạng của anh ngày càng khá lần trông thấy. Người ta bỏ cây bó căng của Stêpan Ivanôvít, anh tập đi không chống nạng và đi khá thẳng người được rồi. Suốt ngày anh ngồi trên bệ cửa sổ để nhìn ra “ngoài đời lớn rộng”. Chỉ có chính ủy và Mêrétxép thì bệnh tình ngày một kém đi.

Nhất là chính ủy thì yếu hẳn đi. Bây giờ anh đến không còn tập thể thao buổi sáng được nữa. Người anh sưng lên và da vàng ửng. Tay anh bị tê liệt, không cầm nổi bút chì hay muỗng ăn nữa. Mỗi buổi sáng chị hộ lý phải giúp lau mặt cho anh, cho anh ăn. Thấy rõ được là anh khổ sở và bức tức, không phải vì anh đau đớn về thể xác, mà là vì anh thấy mình bất lực. Nhưng dù sao, anh không để ai trông thấy gì cả. Anh vẫn say mê đọc tin tức trong báo như cũ, và cũng vẫn học tiếng Đức. Nhưng phải để cuốn sách lên một cái giá bằng dây sắt do Stêpan Ivanôvít đã làm cho anh. Và lão

chiến sĩ ngồi bên anh giúp anh lật từng trang sách. Buổi sáng, khi chưa có báo, anh ham mê hỏi nữ y tá, bản thông tin thế nào, thời tiết hôm nay ra sao, có những tin đồn ở Mátxcơva. Và anh yêu cầu với Vaxiliêvít gần máy truyền thanh suốt cho đến giường anh.

Sức anh càng kém, tinh thần anh lại càng có vẻ cương quyết và mạnh mẽ. Anh vẫn ham mê đọc hàng sấp thư gửi tới và đọc cho Cúcúckin hay Govôđép viết trả lời giùm. Có một lần, sau khi thay băng, Mêrétxép một ngủ thiếp đi, bỗng nghe tiếng la khàn khàn của anh và thức dậy.

- Cả một lũ quan liêu! - Chính ủy tức giận càu nhàu.

Trên giàn đọc sách làm bằng dây sắt, có đặt tờ báo của sư đoàn mà một người bạn của anh gửi đến cho anh, mặc dù báo không được phép lưu hành ra ngoài đơn vị.

- Cứ phòng ngự hoài, đâm ra ngu xuẩn cả đám. Khátsốp mà lại là quan liêu à? Nhà thú y sĩ giỏi nhất quân đội mà lại cho là quan liêu à! Chú Gorisa^[8] nè! Viết, viết ngay giùm tôi nè!

Anh đọc liền cho Govôđép một bản báo cáo giận dữ gửi cho Ủy ban quân sự của quân đoàn để yêu cầu có ý kiến với bọn “viết lách ẩu” dám sỉ vả bậy bạ một người lương tâm gương mẫu. Anh đưa thư cho chị y tá và tiếp tục riết móc mãi bọn cạo giấy, dùng đủ mọi danh từ mà họ gọi họ. Thực là kỳ lạ, một người đã không còn chút sức lực để quay cái đầu trên gối mà vẫn lo lắng những công việc của người khác đến mức ấy.

Buổi chiều hôm đó lại xảy ra một chuyện đặc biệt hơn nữa. Trong lúc trời chiều, bóng tối đã tràn ngập góc phòng bệnh, nhưng chưa vặn đèn, Stêpan Ivanôvít ngồi trên bệ cửa sổ, nhìn xuống bờ sông suy nghĩ. Trên sông, người ta đang đập lớp băng còn phủ mặt sông. Mấy chị nông dân trên áo quần có phủ vải không thấm nước, đang loay hoay quanh một cái lỗ vuông thành một vết sâu trên băng. Một ông già hiền hậu đầu đội cái mũ có bịt tai, mặc quần bó và áo nhồi bông, lưng đeo rìu, dẫn ngựa đến nơi đập băng, và các chị phụ nữ lấy móc chất những tảng băng lên xe trượt tuyết. Anh Stêpan Ivanôvít vốn có óc thực tế nhận ra đó là một nhóm người trong nông trường ra làm việc, nhưng họ làm việc thiếu kế hoạch quá đỗi. Anh

đang bận tâm trí vào những vấn đề tổ chức đó, không chú ý thấy có một con ngựa đến gần chỗ phá băng quá, trượt chân và chìm xuống nước. Xe trượt tuyết giữ ngựa trên mặt nước, nhưng dưới lớp băng, thì dòng nước đang cuốn nó đi. Ông già đeo rìu, hoảng lên, nên cuống cuống, khi thì nắm lấy càng xe mà kéo, khi thì cầm lấy hàm thiếc ngựa mà giữ ngựa.

Stêpan Ivanôvít kêu lên:

- Có con ngựa chết đuối.

Chính ủy cố gắng quá sức chống khuỷu tay choài lên, áp ngực vào bệ cửa sổ, đưa đến gần cửa kính bộ mặt bơ phờ đi vì đau đớn. Anh lẩm nhẩm:

- Đồ ngu quá! Đầu óc để đâu? Sao không cắt dây cương; cắt thì tự con ngựa nó vùng lên. Chà! Thế là nó giết chết mất con ngựa rồi.

Stêpan Ivanôvít ra sức cố gắng leo lên cửa sổ. Con ngựa đang chìm. Từng hồi, nước bùn đã tràn qua phủ kín nó, nhưng nó vùng vẫy một cách tuyệt vọng, lại nhô lên trên mặt nước và lấy móng hai chân trước của nó cố đập lên băng.

Chính ủy ráng hết sức mình la lớn, làm như ông già ở tận phía dưới sông có thể nghe được:

- Cắt dây cương đi nào!

Stêpan Ivanôvít hai tay làm thành loa cũng hô lớn theo:

- Ồi ông già, lấy rìu ở lưng ra mà cắt dây cương đi! Cắt dây cương đi, mau lên!

Ông già nghe được lời khuyên đó từ trên trời rơi xuống. Ông nắm lấy dao và phát hai nhát, chặt đứt dây cương và con ngựa thoát khỏi mọi ràng buộc, vùng mạnh lên băng được. Nó thoát chết đứng giữ toàn bộ lông ở trên băng ngay cạnh hố nước sâu, như con chó bị ướt.

Một tiếng nói vang lên trong phòng:

- Thế này là cái gì thế này, hử?

Vaxiliêvít áo bờlu không cài nút và không đội cái mũ thường đội, đã đứng sẵn ở cửa phòng.

Giáo sư rất tức giận, rửa rằm lên, ông giậm chân xuống sàn và không thèm nghe ai giải thích gì cả. Ông hăm đuổi cho thương binh phòng này cút đi đâu thì cút đi, và ông bỏ ra đi hớn hển quắc mắt, chẳng cần hiểu chuyện gì vừa xảy ra lúc nãy ở trong phòng này.

Mấy phút sau Cōlaodĩa Mikhailōna tất tả chạy vô, hốt hơi hốt hải, và mắt còn đỏ, lệ lưng tròng. Vaxiliêvít vừa quở trách chị ta một trận ra trò. Nhưng ngay lúc đó, chị thấy chính ủy mặt tái xanh và không còn hồn sắc gì nữa, đang gục xuống gối, không đặng dậy, mắt nhắm nghiền. Chị chạy vội tới chỗ anh.

Tối đến, bệnh tình anh càng trầm trọng. Phải chích thuốc hồi sinh và bơm dưỡng khí cho anh. Anh cứ mê sảng hoài. Khi anh vừa tỉnh dậy thì gắng mím cười ngay với Cōlaodĩa Mikhailōna đang nghiêng mình trên anh, hai tay ôm bình dưỡng khí, và anh nói đùa:

- Đừng có sợ, cô em! Tôi ấy à, tôi rất có thể đến âm ty rồi, còn trở về đem theo thuốc chữa cho da mặt khỏi những vết tàn hương đấy!

Thực là đau xót, thấy con người to lớn đó vẫn chiến đấu với bệnh tật, tuy mỗi ngày anh càng thêm cạn sức.

Giống như chính ủy, Alếchxây Mêrétxép cũng mất sức dần dần. Trong một lá thư gửi cho cô “Đội thiên văn”, người duy nhất trên đời mà hiện nay anh có thể nói hết được những băn khoăn của mình, anh cho rằng mất sức thế này, chắc anh khó sống lắm, nhưng nghĩ cho cùng thà vậy còn hơn một phi công không có chân, giống như chim không cánh, chỉ còn sống và mổ ăn chứ không bay được nữa. Không khi nào anh chịu kiếp sống của chim không cánh. Anh sẵn sàng chịu đựng số phận rủi ro nhất, và anh chỉ mong nó tới sớm hơn thôi. Một lá thư viết như thế đã làm cho người nhận thư phải khổ lây, vì trong khi trao đổi thư từ giữa hai người, cô gái đã từ thú thật rằng đối với “đồng chí trung úy” lòng cô không phải là lạnh nhạt. Hẳn là cô không bao giờ lại dám nói rõ thế, nếu anh không trải qua một tai nạn bi thảm đến thế.

Cưúckin vẫn chứng nào tật ấy, có lúc nói đùa:

- Cô ta chắc muộn chồng rồi. Lúc này, đàn ông quý như vàng. Chắc cô ta không cần đôi cẳng anh đâu, cô chỉ cần số tiền phụ cấp thương binh thôi!

Nhưng Alếchxây nhớ tới bộ mặt xanh mét áp gần mặt anh giữa lúc cái chết vi vu trên đầu hai người.

Anh biết rằng sự việc không phải như thế. Anh cũng biết là kể chuyện tâm tình buồn chán như vậy sẽ làm cho cô ta khổ. Nhưng chẳng cần tìm biết tên cô “đội Thiên văn là gì” là gì, anh vẫn cứ gửi gắm cho cô những dòng tâm sự bi đát ấy.

Chính ủy đã có “chìa khóa” cho mỗi người nhưng vẫn chưa tìm được cái gì hợp với Alếchxây. Ngay sau khi cửa chân Mêrétxép, một cuốn sách bắt đầu được lưu hành trong phòng: cuốn “Thép đã tôi thế đấy”. Sách được đem đọc thiết lớn. Mêrétxép hiểu nội dung cuốn sách dành cho ai rồi, nhưng thật ra nó cũng không an ủi nổi anh được mấy. Từ hồi nhỏ, anh đã kính phục Paven Coócsaghin. Đó là một trong những anh hùng mà anh thích nhất. Nhưng bây giờ anh nghĩ: “Nhưng Coócsaghin đâu có phải là phi công! Anh ta có thể biết được một khi đã “cẩn bả” hàng không rồi, thì thế

nào chẳng? Ngoài ra Ớtrópski nằm dính trên giường, không viết cuốn sách vào một lúc như bây giờ mà tất cả đàn ông và rất nhiều đàn bà đang ra trận và ngay con nít cũng còn phải chất hòm gỗ lên cho vừa cao để có thể điều khiển được máy móc, sản xuất đạn đại bác”. Tóm lại, cuốn sách không thành công theo ý muốn.

Bấy giờ chính ủy liền phác một kế hoạch bao vây. Rồi làm như không chú ý gì cả, anh kể chuyện một người bị tê liệt cả hai chân mà vẫn có thể làm được những công tác có ích lợi cho xã hội. Stêpan Ivanôvít là anh chàng ưa xáp vô mọi chuyện, bật lên những tiếng kêu khen ngợi. Và anh thêm vô một kỷ niệm riêng: Anh nói trong xứ anh có một y sĩ cụt tay, mổ xẻ rất tài, cưỡi ngựa xuất chúng và đi săn có hạng, có thể dùng một tay mà bắn trúng tròng con mắt của một con sóc. Chính ủy lại nhắc chuyện về nhà hàn lâm đã quá cố Uyliêm, mà anh quen biết riêng trước đây khi anh làm việc ở các trạm máy móc và máy kéo. Nhà bác học này bị tê liệt nửa người, chỉ sử dụng được một tay mà vẫn điều khiển được viện nghiên cứu của ông và làm được một khối công việc khổng lồ.

Mêréxép nghe và mỉm cười. Nghĩ, nói, viết, ra lệnh, chữa bệnh, săn bắn nữa, tất cả những cái đó, thì cụt cả hai chân vẫn dư sức làm. Nhưng anh, anh là một phi công, một phi công có khiếu từ thuở nhỏ, một phi công có thể nói là đã ra đời từ ngày còn thơ ấu, anh coi một cánh đồng dưa, nghe thấy rồi trông thấy trên đời một con chuồn chuồn nhỏ xíu bay, phơì đôi cánh bạc lóng lánh. Từ đó, anh không ngừng mơ tưởng đến ngày anh sẽ thành phi hành gia. Anh nghĩ tới nghề từ trên ghế nhà trường, và anh nghĩ tới nghề sau này khi anh làm thợ tiện. Đêm đến, lúc cả nhà ngủ, anh sống lại những chiến công của Liapidépki tìm thấy và cứu được những người trên tàu Sêlưkin. Cùng Vôđôpianốp, anh cưỡi máy bay nặng đậu trên những mảng băng nổi vùng Bắc cực; cùng Cưcálop, anh xuyên qua Bắc cực mở những con đường chưa ai qua, đi về phía nước Mỹ. Rồi Đoàn thanh niên Cộng sản đã phái anh đi miền Viễn Đông công tác. Anh đã làm việc ở trong rừng, đó là một trong những người xây dựng nên thành phố của tuổi trẻ: thành phố “Thanh niên”, trên sông Tình ái^[9]. Nhưng chính ở đó nữa,

trong rừng sâu, anh vẫn nhớ tới ý nguyện của anh. Và anh đã gặp trong đám người xây dựng, những bạn trai, bạn gái trẻ tuổi, có mộng tưởng như anh, muốn trở nên phi công, và, chuyện kỳ lạ, họ đã tự tay mình xây dựng trong rừng, nơi chỉ có bản đồ của thành phố, một câu lạc bộ hàng không riêng của mình.

Đến giờ mọi người xây dựng thành phố nghỉ ngơi sau ngày lao động, các hội viên câu lạc bộ hàng không, đứng đầu là Alếchxây, lấy dầu hỏa bôi vào mình để xua muỗi và đi vào rừng, mang theo nào rìu, nào cuốc, nào cưa, nào thuốc nổ.

Và họ đã cưa gỗ, đốn cây, bẫy tróc gốc, san bằng đất xâm lấn vào rừng mà chinh phục được một khoảng trống đủ để xây dựng một sân bay. Họ đã thành công, đã giành được của rừng mấy cây số đủ chỗ cho máy bay thẳng đường cất cánh.

Chính trên sân bay này. Mêrétxép đã xòe cánh lần đầu, trên một chiếc máy bay tập luyện, cuối cùng thực hiện được mộng tưởng nồng nhiệt nhất của anh hồi tuổi trẻ. Rồi anh theo học trường quân sự hàng không và trở thành một huấn luyện viên cho thanh niên. Rồi chiến tranh xảy ra, và tuy ban giám đốc nhà trường hăm này hăm khác, nhưng sau cùng để anh bỏ nghề dạy dỗ đi chiến đấu ở tiền tuyến. Tất cả sở thích, tất cả cảm nghĩ, tất cả vui sướng, tất cả dự định cho tương lai và tất cả những thành tích của anh đều gắn liền với nghề hàng không. Thế mà, anh em đưa thí dụ của Uyliêm ra kể!

Anh buông một câu:

- Uyliêm không phải là phi công. - Rồi anh quay mặt vô tường.

Nhưng chính ủy không nản chí, nhất quyết tìm cách “mở khóa” cho bằng được anh chàng ngang bướng này. Một hôm, đang lúc lằm lè như mọi khi thì Alếchxây nghe tiếng khàn khàn của chính ủy kêu.

- Coi nè. Alếchxây! Có câu chuyện của cậu này!

Stêpan Ivanôvít truyền cho Mêrétxép coi một tập san, trong đó có một bài báo ngắn có đánh dấu. Đó là một bài báo nói về các phi công Nga trong đại chiến thế giới lần thứ nhất. Từ những trang báo có một bộ mặt lạ trần

trên nhìn Alếchxây. Đó là một sĩ quan trẻ tuổi, có râu mép nhọn, đầu đội mũ thường, gấn huy hiệu trắng, chụp lệch xuống một bên tai.

Chính ủy nhấn mạnh:

- Đọc đi, đọc đi mà! Thực chẳng khác họ viết cho cậu đấy!

Mêréxép đọc. Đó là chuyện một phi công Nga Valiriên Cácpôvít. Khi thiếu úy Cácpôvít bay trên trận tuyến giặc thì anh bị một viên đạn “đum đum” của Đức bắn trúng chân. Mặc dù chân anh bị tan nát, nhưng anh có thể cười máy “Phácman” vượt trận tuyến giặc và đậu được ở phía mình. Anh phải cưa một chân nhưng anh không chịu giải ngũ. Anh tự chế ra được chân giả và tự rèn luyện lâu lắm và rất kiên trì khiến cho khoảng cuối chiến tranh, anh lại tham chiến được. Anh trở thành huấn luyện viên trong một trường hàng không quân sự, và hơn nữa, theo lời nói thêm, “anh có dịp lên không” trên chiếc phi cơ của anh. Anh được thưởng huân chương thánh Giêoócghi và phục vụ cho thành tích rạng rỡ trong ngành hàng không quân sự cho tới ngày anh bị tử nạn.

Mêréxép đọc đi đọc lại bài báo. Người thiếu úy trẻ tuổi, mặt gầy còm và bướng bỉnh, từ trong tấm hình chụp, cười với anh một nụ cười như hơi sốt ruột và mệt nhọc. Cả phòng im phăng phắc, mọi người chăm chú nhìn về phía Alếchxây. Anh vò bù tóc, và mắt không rời bài báo, tay với lấy cây bút chì trên bàn nhỏ đầu giường, ghi một nét thật cẩn thận quanh bài báo.

Chính ủy dí dỏm hỏi:

- Cậu đọc chưa?

Alếchxây không nói, mắt vẫn đọc từng dòng của bài báo.

- Cậu nghĩ thế nào về chuyện này?

- Anh ta chỉ cụt có một giò!

- Ừ, nhưng cậu là một người Xô viết.

- Anh ta lại lái chiếc Phácman. Thế mà gọi là máy bay được à? Gọi là chuồng gà thì hơn! Ai chẳng điều khiển được! Lái nó cần gì phải khéo léo, và cần gì phải phản ứng lạnh lẽ!

Chính ủy nhấn mạnh lần nữa.

- Ủ, nhưng cậu là một người Xô viết.

Alếchxây mắt không rời bài báo, miệng nhắc như cái máy: “Một người Xô viết”. Rồi gương mặt xanh mét của anh sáng lên như có một vùng ánh sáng từ trong chiếu ra, và anh nhìn hết anh em với vẻ vui thích và ngạc nhiên. Đêm đó, anh lột tờ báo dưới gối, và anh nhớ lại hồi nhỏ, ngủ với các anh trên lò sưởi, anh nhét dưới gối con gấu cũ không có tai, mà mẹ anh lấy giẻ cũ làm cho anh. Điều đó đã làm cho anh cười và cười rất lớn. Cả đêm, anh cũng không nhắm mắt. Mọi người trong phòng đều ngủ ngon, Gơvôđép cựa mình làm cho lò xo giường kêu kẻo kệt. Stêpan Ivanôvít ngáy rít âm lên, như gan ruột bị xé ra. Từng chập một, chính ủy trở mình rên, nhưng tiếng rên khẽ như chỉ đến răng là ngừng lại. Như Mêrétxép có nghe thấy gì đâu. Anh kéo tờ báo ra, nhìn lại trong ánh sáng ngọn đèn nhỏ, nét mặt tươi cười của viên sĩ quan phi công. Anh nghĩ:

“Thực là gian khổ, nhưng cậu mình cũng đã làm được. Đối với mình, gian khổ sẽ gấp mười, nhưng để cậu mình coi, mình không chịu lùi đâu!”.

Nửa đêm, bỗng không nghe thấy tiếng chính ủy thở nữa. Alếchxây nhòm dậy và thấy chính ủy lịm đi, mặt không còn giọt máu, mình không cựa quậy. Trông như anh đã tắt thở. Phi công với tay lấy cái chuông nhỏ và lấy hết sức rung kêu.

Cơlaodĩa Mikhailôna chạy tới, tóc rối tung, mặt còn ngái ngủ. Vài phút sau y sĩ nội trú gác tới. Coi mạch, chích thuốc long não và đặt ống dưỡng khí vào miệng cho anh thở. Sau cả giờ đồng hồ mà vô hiệu quả. Đang lúc như không còn hy vọng gì nữa thì chính ủy nhè nhẹ mở mắt. Anh cười mỉm chút chút với Cơlaodĩa Mikhailôna và nói nho nhỏ với chị:

- Xin lỗi đã làm phiền cô vô ích. Tôi chưa tới được tận âm ty thành ra chưa lấy được kem chữa tàn hương cho cô. Thôi phải chịu vậy nghen! Giữ lấy vậy nghen!

Câu khôi hài đó làm mọi người yên tâm. Cây sến còn vững, có lẽ còn chống đỡ nổi với giông tố. Y sĩ nội trú ra về. Nghe thấy tiếng giày anh cọt kệt đến tận cuối hành lang. Những người hộ lý cũng đi ra. Chỉ còn chị Cơlaodĩa Mikhailôna là còn ngồi bên mép giường chính ủy. Bệnh nhân lại

ngủ lại. Trên giường mình, Mêrétxép nhắm mắt, tưởng tới những chân tay giả nối bằng dây curoa với những bộ phận điều khiển máy bay. Anh nhớ hồi còn ở Câu lạc bộ hàng không, có một huấn luyện viên kể cho nghe: trong hồi nội chiến, có một phi công phải nối thêm một khúc cây ở chỗ bàn đạp điều khiển máy bay, vì chân anh ngắn quá.

Anh hứa với Cácpôvít: - “Tớ ấy à? Cậu ạ, tớ sẽ làm không kém cậu đâu. Tớ sẽ bay và còn bay nữa”. Lời kêu đó cứ vang lên trong đầu Alếchxây. Anh nằm im, mắt nhắm nghiền. Có thể tưởng như anh ngủ ngon và mỉm cười với mộng đẹp. Chính lúc đó thì anh nghe được một câu chuyện hai người nói với nhau mà trong những giờ phút gian nguy đau đớn trong đời anh, anh đã nhiều lần nhớ lại:

- Tại sao, mà tại sao anh làm như thế mới được chứ? Đau như thế mà anh vẫn cứ cười cứ đùa, thực là một điều gớm ghiếc quá. Tim tôi ngừng đập mỗi khi tôi nghĩ tới anh, tưởng tượng anh đau đớn đến thế nào. Tại sao anh không chịu ở một phòng riêng?

Hình như đó không phải là tiếng nói của chị y tá coi phòng bệnh Cờlaodia Mikhailôna nữa, chị y tá dịu hiền, dễ thương, hầu như không phải người trần xác thịt, mà là tiếng nói của một người đàn bà tràn ngập tình cảm và căm hờn. Trong tiếng nói ấy cảm thấy nổi lo lắng và có thể còn có cái gì khác nữa.

Mêrétxép mở mắt ra. Dưới ánh đèn mờ, anh thấy trên gối khuôn mặt xám ngắt và sưng phồng của chính ủy có đôi mắt trong sáng vì chan hòa điềm tĩnh và yêu thương, và anh còn thấy nét mặt trông nghiêng của cô y tá, thanh tú và rất thùy mị. Ánh đèn chiếu nhìn sắp bóng, như có một vòng ánh sáng quanh tóc cô vàng chói và thả tung. Mêrétxép nhìn cô, cảm thấy nhìn như thế là như phạm phải lỗi gì xấu, nhưng anh vẫn không thể không nhìn cô được.

Chính ủy làm như nói với một cô gái nhỏ:

- Đây, đây, em bé! Nước mắt, nước mũi thế kia, là thế nào? Cho uống một chút thuốc an thần coi, nên chứ!

- Anh vẫn còn cứ khôi hài được! Anh thực là một người kỳ lạ. Chuyện không thể tưởng tượng được, không thể tưởng tượng được anh nghe chưa? Đáng lẽ khóc, anh lại cười, mình đang đau đớn ê chề mà lại đi an ủi người ta. Anh, này! Anh! Anh có nghe không? Anh không thể cứ tiếp tục hy sinh như thế mãi.

Cô ôm mặt khóc thầm, khóc rất lâu. Chính ủy âu yếm nhìn đôi vai của cô nhô lên hạ xuống thực là buồn bã dưới áo bờ lu trắng.

- Trẻ quá mất rồi, em ạ! Tội nghiệp em, nhưng trẻ quá mất rồi! Trong những công việc tư của tôi, tôi luôn luôn cứ bị lỡ dịp một cách thảm hại. Tôi không bao giờ có thì giờ lo cho tôi và lần này thì mới là thực sự không có thì giờ nữa!

Chính ủy thở dài. Chị y tá ngừng lên, mắt lệ lưng tròn. Cô nhìn chính ủy với cặp mắt năn nỉ. Anh mỉm cười, thở dài một lần nữa rồi với giọng nói bình thường của anh, đầy bình thường và lẫn vào với đôi chút hóm hỉnh, anh lại nói:

- Cô là một cô gái thông minh. Vậy cô hãy nghe câu chuyện này nhen! Chẳng hiểu sao lúc này tôi lại chợt nhớ ra nó nữa. Chuyện đã lâu lắm rồi, trong thời nội chiến, ở vùng Tuakénan, đoàn kỵ binh của tôi đang mài miết đuổi theo bọn phong kiến phản động thì bị lọt vô một vùng sa mạc. Ngựa Nga của chúng tôi không quen đi trên cát, nên đều té quỵ. Chúng tôi từ kỵ binh, trở thành bộ binh. Chỉ huy trưởng ra lệnh bỏ hết các đồ vật khác, chỉ giữ súng đạn và lợi bộ trở về thành phố. Thành phố này ở cách đó 160 cây số, vậy mà phải lội qua bãi cát. Cô thử tưởng tượng xem thế nào? Chúng tôi lên đường: một ngày, hai ngày, ba ngày. Trời nắng gắt. Không có một miếng nước uống. Miệng chúng tôi đã khô và nứt nẻ. Đâu đâu cũng chỉ có cát cháy bỏng: cát bay trong không khí, cát rào rào dưới chân, cát sột soạt đầy răng miệng, cát đốt phỏng mắt, cát cào xói cổ họng. Không ai chịu nổi nữa. Người này tiếp theo người khác, trai tráng trong đoàn đều gục xuống cát, không cử động nổi nữa. Chúng tôi có đồng chí chính ủy tên là Páplovít. Thoạt nhìn, thì anh ra dáng một anh trí thức, trông chẳng ra cái vẻ gì cả. Anh là một nhà sử học, nhưng anh thực là một người Bôn-sê-vích. Có thể

tưởng rằng anh té trước tiên. Nhưng không, anh tiến bước hoài và chính anh khuyến khích mọi người. Nếu nghe theo lời anh thì hình như sắp tới chỗ rồi, hay chẳng bao lâu thì tới đích thôi. Và hễ có người nào gục xuống thì anh lấy súng lục ra hăm: “Đứng lên, kéo tôi bắn chết bây giờ”. Ngày thứ tư, chúng tôi chỉ còn cách thành phố có mười lăm cây số, chúng tôi đã kiệt sức rồi. Chúng tôi đi ngã xiêu ngã té, như lũ người say rượu, và cả bọn kéo bước lê thê như bước của những con vật bị thương. Bỗng nhiên, chính ủy cất tiếng ca. Anh ca giọng tồ lăm, và bài hát tuy chẳng có ý nghĩa gì lăm, - một bài hành khúc cổ lỗ sĩ thôi, - mà tất cả chúng tôi đồng thanh nhắc lại. Tôi ra lệnh tập hợp hàng ngũ và đi theo kiểu bước đều. Có tin thì tin, không tin thì thôi, nhưng chúng tôi tiến lên dễ dàng hơn. Sau đó, chúng tôi lại réo lên bài thứ hai, rồi bài thứ ba. Cô có biết với cái miệng khô ran và nứt tung vì nắng hun như lò lửa, hát như thế thì là thế nào không? Chúng tôi vừa đi vừa hát tất cả những bài mà chúng tôi biết. Đây cô coi đời có lăm chuyện lạ không?

Cơlaodia Mikhailôna hỏi:

- Thế còn đồng chí chính ủy?

- Chính ủy ra sao à? Ông ta trở về yên lành chứ còn sao nữa? Bây giờ ông là giáo sư khoa cổ học. Ông đang đi bới đất tìm những di tích nhà cửa tiền sử. Nhưng phải nói rằng sau chuyện đó, ông bị mất giọng: khan tiếng, suốt đời. Mất giọng, nhưng như thế thì có sao? Giọng giữ lấy, thì làm gì với giọng? Tiếng nói của ông sẽ ra sao? À thôi! Nói chuyện lãng nhăng thế đủ rồi. Cô em về ngủ đi thôi! Lấy danh dự của một kỵ binh, tôi hứa thôi không chết đêm nay nữa đâu mà sợ!

Sau đó, Mêrétxép ngủ một giấc thực ngon, thực say. Anh mơ thấy một bãi sa mạc, mặc dù trong đời anh chưa hề thấy sa mạc bao giờ. Và mơ thấy những miệng đầm đìa máu, nứt nẻ, từ đó bay ra những lời ca. Anh mơ thấy chính ủy Vôlôdia trong giấc mơ của anh sao mà giống chính ủy Vôbôlốp vậy! Sáng, anh dậy trễ. Mặt trời đã đỏ những vũng nắng lớn giữa phòng, tức nghĩa là lúc đó đã gần trưa rồi. Anh thức dậy với một cảm giác rất vui. Anh đã nằm chiêm bao ư? Chiêm bao chi vậy? Mắt anh thấy tờ tạp chí mà

anh còn nắm chặt trong tay tờ hồi khuya khi ngủ. Thiếu úy Cácpôvít vẫn cười với anh, một nụ cười phấn khích và mệt mỏi, trên tờ giấy bị nắm nhàu, Mêrétxép lấy mu bàn tay vuốt thẳng ra cẩn thận và liếc nhìn Cácpôvít. Chính ủy đã rửa mặt, chải đầu, đang nhìn anh làm như vậy mà mỉm cười.

Chính ủy vui vẻ hỏi:

- Thế nào, cậu liếc tình với với nó đấy à?

Mêrétxép nói:

- Sẽ còn bay.

- Nhưng bay thì cậu tính sao cho bay được? Người mất có một đôi chân thôi, còn cậu thì mất cả hai!

Mêrétxép trả lời:

- Nhưng tôi là một người Xô viết, một người Nga.

Anh nói những tiếng đó, làm như do đó mà anh tin tưởng rằng anh sẽ vượt thiếu úy Cácpôvít và sẽ bay được. Cơm trưa, anh ngẫu nhiên ăn hết đồ ăn, ngạc nhiên nhìn chén đĩa sạch trơn, và đòi ăn thêm. Anh đang được kích thích mạnh. Anh hát, huýt gió, nói một mình, mà nói thực lớn tiếng. Khi giáo sư đi thăm bệnh nhân, Còlaodĩa Mikhailôna, Vaxiliêvít săn sóc đến anh nhiều, anh hỏi giáo sư đủ thứ câu hỏi để làm sao cho mau lành bệnh. Khi nghe nói phải ăn ngủ nhiều, anh đòi tăng gấp đôi khẩu phần, và suýt tí thì nghẹn lại khi ráng sức để cố ăn hết miếng thịt băm thứ tư trong bữa. Anh không ngủ được suốt ngày, tuy tự đặt thành kỷ luật là phải cố nhắm mắt một giờ rưỡi đồng hồ.

Đôi lúc hạnh phúc làm cho người ta ích kỷ. Hỏi giáo sư lu bù đủ mọi chuyện, Alếchxây không để ý tới một điều mà cả phòng ai cũng chú ý tới. Vaxiliêvít xem bệnh theo lệ thường, đúng tám giờ hàng ngày, tức là vừa lúc ánh mặt trời chiếu trên sàn phòng lướt dần vừa tới một tấm phản bị mục. Giáo sư tỏ ra vẫn chăm chú như mọi ngày, nhưng cả phòng ai cũng thấy ông như có vẻ xao xuyến bên trong, khác hẳn với thói quen thường ngày. Ông không cúi kính và không la rầy, không hăm dọa ai như mọi khi. Ở một góc mắt ông đỏ và sưng lên, một mạch máu nhỏ run run không ngừng; buổi chiều, khi ông trở lại, lưng ông khòm thêm hơn trước, và

người ông trông già hẳn đi. Giọng trầm trầm, ông phê bình một chị hộ lý bỏ quên giẻ lau trên quả đấm cửa, coi bảng ghi nhiệt độ của chính ủy, cho toa mới rồi ra đi không nói một lời, theo sau cả đám tùy tùng im lặng và hoang mang. Khi ra đi, ông vấp phải ngưỡng cửa, và nếu không có người giữ thì ông bị ngã. Cái con người to lớn, giọng nói gắt gỏng đó, không thể tưởng tượng được rằng ông ta có thể bình tĩnh và lễ phép. Thương binh phòng 42 nhìn thấy ông như thế, rất bàng hoàng. Cái ông to béo, thương người ấy, ai cũng thương, và thấy ông thay đổi đến như thế, ai cũng khắc khoải xót xa.

Sáng hôm sau, mọi chuyện đều sáng rõ. Ở mặt trận miền Đông, người con trai duy nhất của Vaxiliêvít đã tử trận. Anh cũng là một y sĩ, một nhà bác học trẻ tuổi có tài, có nhiều triển vọng và đã làm cho cha của anh tự hào và sung sướng vì anh. Đến giờ khám bệnh thường, cả nhà thương ai cũng lo lắng, đợi chờ: giáo sư có đi khám bệnh như mọi khi hay không? Phòng 42, tất cả mọi con mắt đều chăm chú theo dõi ánh sáng mặt trời tiến dần, hầu như không thẳng tiến, trên sàn gác. Khi nắng tiến đến tấm thảm phản mục, mọi người nhìn nhau: thôi, ông không đến rồi. Nhưng ngay lúc đó, vang lên ngoài hành lang tiếng giày nặng nề mà ai cũng biết là tiếng chân lao xao của đoàn người đi theo. Giáo sư có vẻ tươi hơn hôm qua. Nhưng mắt ông vẫn đỏ, mi mắt với mũi ông sưng như người vừa bị cảm nặng. Tay ông béo tốt, run run không thấy rõ, khi cầm xem bảng nhiệt độ ở bàn của chính ủy. Nhưng ông vẫn cương quyết và chính xác như mọi ngày. Chỉ có khác là ông không rầy rà và la hét.

Thương binh và bệnh nhân như đã hẹn trước với nhau, nên mọi người đều cố gắng cho giáo sư biết toàn những tin mừng. Ai nấy đều khỏe hơn mọi ngày. Ngay những người đau nặng nhất cũng không phàn nàn gì cả và nói là mình bớt nhiều, có lẽ là gần khỏi. Và tất cả, có lẽ là quá lỗ, đã ca tụng bệnh viện tổ chức quá hay và cách trong lòng sông, con sông giờ tắm lưng mạnh mẽ, cho tàu máy hơi, cho canô, chuyên chở thay xe hơi thủ đô trong giờ phút khó khăn này. Trái hẳn với dự đoán gở dại của Cúcúckin, chẳng có một thương binh nào trong phòng 42 phải bỏ mạng trong những ngày tuyết tan này. Trừ chính ủy, còn tất cả đều bớt nhiều và ai nấy nói chuyện về giấy cho ra khỏi bệnh viện.

Người ra trước tiên là Stêpan Ivanôvít.

Hồi hôm, anh mừng rỡ quá sức, phần phật đi dạo khắp nhà thương. Anh không ở yên một chỗ nữa. Sau khi đi dạo ở hàng ba, anh trở về phòng, đến sân cửa sổ ngồi nặn ruột bánh mì, rồi bỗng nhiên anh lại đứng lên và chạy tuốt ra ngoài. Chỉ tới chiều, chiều tối, anh mới chịu yên tĩnh trở lại, đến

ngồi bờ cửa sổ và suy nghĩ lung lăm, lâu lâu lại thở dài. Đến giờ coi sóc thuốc men rồi, chỉ còn có ba người ở trong phòng: chính ủy lặng yên nhìn trân trân Stêpan Ivanôvít, và Mêrétxép thì đang ra sức bình sinh cố ngủ. Phòng lặng im khi chính ủy cất tiếng nói, một giọng nói lắng nghe mới thấy, đầu quay về phía Stêpan Ivanôvít mà hình bóng nổi đen trên khung cửa sổ ánh nắng chiếu tà soi vàng ánh.

- Ở thôn quê, giờ này là trời tối rồi và cảnh vật thấy đều yên tĩnh. Mùi đất màu, mùi phân, mùi khói xông lên thoang thoảng. Trong chuồng, có con bò lục đục trở mình trên ổ; nó giờ dạ sắp đẻ. Bây giờ đã là mùa xuân... chẳng biết phụ nữ trong làng họ đã xoay sở ra sao để bón phân cho ruộng rẫy? Họ đã có hạt giống chưa? Cường yên đã sẵn sàng chưa?

Mêrétxép có cảm tưởng rằng Stêpan Ivanôvít nhìn chính ủy với con mắt không phải là ngạc nhiên mà là sợ hãi, kinh hoàng:

- Đồng chí thật là có phép thánh, đồng chí chính ủy! Đồng chí đoán được cả ý nghĩ của người khác... Phải rồi đấy! Phụ nữ họ biết xoay sở, việc gì cũng làm được hết, nhưng thế nào thì thế, không biết họ loay hoay làm ăn ra sao khi không có chúng ta?

Nói xong cả hai lặng yên. Tiếng còi hú vang lên từ trên mặt sông, lướt trên nước, và đập vô bến lát đá.

Stêpan Ivanôvít hỏi khẽ:

- Đồng chí nghĩ thế nào? Chiến tranh sắp chấm dứt chưa? Liệu có xong trước mùa gặt cỏ này không nhỉ?

- Mà chiến tranh chấm dứt ngay hay không thì có sao đến cậu? Tuổi cậu đâu còn phải nhập ngũ nữa đâu? Cậu là binh sĩ tình nguyện mà. Cậu cứ xin giải ngũ là được giải ngũ và được về nhà chỉ huy một đội nữ binh. Ở hậu phương, một đứa nhanh nhẩu như cậu đâu phải là đứa dư? Cậu nghĩ sao? Lão râu?

Chính ủy vừa nói vừa nhìn người lính già với một nụ cười âu yếm. Anh chàng nhảy từ bệ cửa xuống xúc động đến run lên:

- Cho tôi giải ngũ à? Đồng chí cho rằng có thể vậy sao? Tôi đang lo đúng lúc này đây không biết làm gì, không biết nói gì với ủy ban đây. Nói cho

cùng, thì đúng đấy, tôi đã tham dự ba cuộc chiến tranh: chiến tranh đế quốc, cả cuộc nội chiến và cả một mẫu của cuộc chiến tranh này nữa. Có lẽ như thế cũng đã là tạm đủ đây chứ, hả? Đồng chí khuyên tôi nên làm gì nào, đồng chí chính ủy?

Từ giường mình, Mêrétxép cúi tiết nói vọng qua:

- Cậu làm đơn đi, và bảo ủy ban: xin cho tôi quay về hậu phương với phụ nữ và nhờ người khác đánh Đức, che chở giùm cho tôi.

Stêpan Ivanôvít với vẻ hồi hận liếc nhìn Mêrétxép, và chính ủy thì nhăn mặt lại một cái.

- Cậu định hỏi tôi khuyên cậu cái gì ấy à, Stêpan Ivanôvít? Cậu cứ hỏi trái tim Nga của cậu, nó sẽ trả lời ngay.

Hôm sau, Stêpan Ivanôvít nhận được giấy ra nhà thương. Anh đã mặc quân phục khi anh trở vào phòng chào anh em ra đi. Người anh bé nhỏ, áo varơ phai màu bó sát người, dây lưng choàng áo khéo quá, không có một vết nhăn. Anh như trẻ lại 15 tuổi. Trên ngực anh lóng lánh ánh sáng chói rực của những tấm huân chương đã được lau chùi thật kỹ: ngôi sao anh hùng Liên Xô, Cấp hiệu Lênin và huân chương “vì anh dũng” anh đã khoác ngoài một tấm áo bờlu trắng, nhưng áo không che lấp những bằng chứng của vinh quang quân sự của anh. Từ đầu đến chân, từ đôi ủng cũ tới đôi ria mép, mà anh đã uốn vênh nhọn lên, anh giống như một “nhà binh dễ thương” in trên bưu thiếp trong dịp Nôen thời đại chiến thứ nhất 1914.

Anh tới trước mặt từng người một trong những người bạn cùng phòng và từ biệt mọi người, gọi mỗi người theo cấp vị, rạp để giầy thật cẩn thận, chỉ cứ trông anh làm là đã thấy vui.

Anh đặc biệt chăm chú khi nói:

- Thưa đồng chí chính ủy trung đoàn, cho tôi xin phép từ biệt đồng chí!

- Chào anh, Stêpan Ivanôvít, và chúc anh may mắn.

Chính ủy nén đau làm hiệu kéo Stêpan Ivanôvít lại. Người lính quỳ xuống, ôm lấy cái đầu to lớn của chính ủy và hai người ôm nhau hôn ba lần theo phong tục Nga. Người lính bồi hồi xúc động, lẩm bẩm nói:

- Phải mau lành bệnh, Xêmiôn Vaxiliêvít! Cầu trời cho đồng chí mạnh và sống lâu. Đồng chí thực là một người quý giá như vàng. Ba tôi xưa cũng không lo chăm sóc giúp đỡ tôi như anh. Suốt đời tôi sẽ nhớ mãi.

Côlaodĩa Mikhailôna kéo tay anh ra:

- Thôi đủ rồi, Stêpan Ivanôvít, đủ rồi. Xúc động lắm không được lợi cho anh ấy đâu.

Ivanôvít quay lại phía chị một cách long trọng và cúi mình xuống sát đất nói:

- À còn chị, chị Côlaodĩa Mikhailôna, cảm ơn chị đã tốt, đã thương yêu chúng tôi như vậy. Chị quả là cô tiên Xô viết của chúng tôi. Đó là ý tôi...

Rồi cảm động bước đi, không biết nói chi nữa, anh đi thụt lùi ra phía cửa.

Chính ủy mỉm cười hỏi:

- Vậy thế thư cậu gửi về đâu nào? Về nhà cậu ở Sibêri nhé!

Stêpan Ivanôvít luýnh quýnh trả lời:

- Đồng chí chính ủy sao nói thế? Thời chiến tranh, thì thư gửi cho một người lính, gửi đâu thì đồng chí biết rõ rồi chứ!

Nói xong anh cúi mình sát đất chào mọi người một lần nữa và ra đi, khuất mặt sau cửa.

Cả phòng lập tức trở lại yên tĩnh và trống rỗng. Thương binh lại tiếp tục kể cho nhau chuyện trung đoàn mình, chuyện chiến hữu mình, chuyện những cuộc chiến đấu lớn đang đợi chờ mình. Bệnh bớt đau, đây không phải là chuyện mơ mộng mới, mà là những sự thực: Cừcúckin đã lần bước ở hàng ba, anh đã bắt đầu kiểm chuyện cãi cọ với mấy chị y tá và chọc tức các bạn thương binh. Anh đã gây bất hòa với số lớn những thương binh lành bệnh đã đi lại được. Anh lái xe tăng cũng đã đứng dậy được. Anh dừng lại soi gương ở ngoài hàng ba, ngắm nghía rất lâu, đầu, cổ, vai, những nơi đã tháo băng đang lành sẹo. Thư từ với “Anhuta” càng thân mật anh càng hiểu rõ đời sống trong trường đại học thì anh càng lo lắng khi thấy mặt mình bị bóng làm xấu hẳn đi. Tối đến, lúc trời tranh tối tranh sáng, mặt anh không phải là đẹp trai, anh có những nét thanh tú với vầng trán cao, với

cái mũi nhỏ nhô lên, với râu mép đen mà anh đã để từ lúc vô bệnh viện, với một vẻ bướng bỉnh trên cặp môi tươi tắn đầy trẻ trung. Nhưng có ánh sáng, thì thấy rõ mặt anh vẫn đầy sẹo, làm sần sùi cả da, mỗi khi anh cảm động hay đổ mồ hôi sau khi đi chữa bệnh bằng nước nóng xong, những vết sẹo ấy co lại làm cho khuôn mặt anh khác hẳn, và những lúc đó soi gương thì nơi khóe mắt anh rưng rưng lệ.

Mêrétxép thường khuyên anh, ra lối dễ dàng.

- Làm gì phải lo nghĩ dữ vậy. Cậu có làm kép hát bóng đâu mà sợ? Nếu cô nhỏ đó yêu cậu thực tình thì đâu phải mấy cái sẹo này làm bớt yêu? Mà nếu bớt yêu chỉ vì thế thì cô nhỏ đó là đồ tồi, đồ bỏ đi rồi! Thế thì đi mà kiếm một cô khác thương cậu thực tình là hơn!

Cưcúckin bảo nhỏ:

- Phụ nữ nào cũng cỡ vậy thôi.

Chính ủy hỏi:

- Còn má anh thì sao?

Trong cả phòng này, chính ủy chỉ kêu Cưcúckin là anh thôi, nên nghe câu đó viên trung úy có một cảm tưởng khác thường. Cưcúckin giật mình đánh thót một cái, mắt sáng lên như tóe lửa, mặt anh mét đi trắng hơn cả tấm khăn trải nệm nằm.

Chính ủy dịu giọng:

- Anh thấy chưa? Có những người đàn bà rất tốt chứ? Vậy thế sao Gorigôri không thể gặp may? Trong đời, các cậu ạ, nó như thế đấy, kiếm gì thì được nấy.

Tóm lại, cả phòng vui trở lại, khỏe mạnh hơn. Chỉ riêng có chính ủy ngày càng yếu đi. Anh chỉ dễ chịu khi nào được tiêm moócphin hay hồi, nên suốt ngày anh cứ vùng vẫy, nửa ngậy nửa ngất với các thứ độc được đó. Từ khi Stêpan Ivanôvít đi rồi, sức anh càng kém hơn. Mêrétxép yêu cầu cho anh nằm sát giường của chính ủy để anh có thể giúp đỡ cho bạn được nếu cần. Anh cảm thấy ngày càng thân thiết với chính ủy.

Alếchxây, với hai chân cụt, cảm thấy đời mình sẽ vô cùng buồn chán và khó khăn so với mọi người, và anh cũng thấy mình muốn gần gũi chính ủy, người, tuy thế nào thì thế, vẫn sống một cuộc đời vui vẻ đầy đủ. Sống hết mình, và mặc dù bệnh ngày càng trầm trọng, vẫn cứ có sức hấp dẫn bạn bè như một viên đá nam châm. Chính ủy ngày càng ít khi tỉnh táo, nhưng mỗi khi anh tỉnh thì anh lại vui như khi mạnh khỏe.

Một hôm, trời tối lâu rồi, bệnh viện im phăng phắc, trừ những tiếng rên của người đau, tiếng ngáy, và tiếng mê sảng, khi có tiếng chân nặng nề quen thuộc ở ngoài hàng ba. Qua cửa kính, Mêrétxép thấy chị y tá gác ngồi trước một cái bàn nhỏ và đan len mãi không dứt. Ngay lúc đó, bóng cao lớn của Vaxiliêvít hiện ra ở đầu hàng ba. Ông bước chậm rãi, hai tay chắp sau lưng. Chị y tá thấy ông đến, đứng phắt lên, nhưng giáo sư vùng vằng gạt chị sang bên. Áo bờlu của ông không gài nút, ông không đội mũ y sĩ, tóc hoa râm của ông xõa bù xù xuống trán. Mêrétxép đang bàn với chính ủy về một cách làm hai chân giả mà anh vừa nghĩ ra, thấy giáo sư, anh ngừng lại và nói nhỏ:

- Vaxili vô kia!

Vaxiliêvít sẩy bước đứng lại, vịn tay vào tường và lăm bắm cái gì chẳng ai nghe được. Rồi ông tách ra khỏi vách bước vô phòng số 42. Ông ngừng bước giữa phòng và lau mồ hôi trán như để tìm lại một câu chuyện gì. Miệng ông có hơi rượu. Chính ủy đề nghị:

- Mời Vaxili Vaxiliêvít ngồi xuống đây nào! Chúng ta nói lên một chút chuyện.

Bước đi không vững, kéo lê chân, giáo sư đến giường chính ủy ghé ngồi xuống, tay xoa trán. Lò xo giường kêu “kèn kẹt” như rên lên. Đã nhiều lần, ngay giờ khám bệnh, giáo sư thường đã có lúc đứng lại nói chuyện với chính ủy về sự biến diễn của chiến tranh. Giáo sư có những cử chỉ tôn trọng chính ủy một cách đặc biệt từ trước rồi, cho nên trong đêm nay giáo sư tới thăm, bản thân cuộc thăm viếng đó không lạ lùng chi hết. Nhưng Mêrétxép cũng cảm thấy hai người sẽ nói chuyện khác thường, và e rằng câu chuyện giữa hai người không cần có mình, nên nhắm mắt lại, làm bộ ngủ.

Giáo sư nói nhỏ:

- Bữa nay là 29 tháng 4, ngày sinh nhật của nó. Giờ thì phải nói, lẽ ra nó đã 36 tuổi rồi.

Chính ủy ráng hết sức rút bàn tay sưng mọng của mình ra, đặt lên tay Vaxili Vaxiliêvít. Lúc ấy bỗng xảy ra một cái gì không thể tưởng tượng được. Là giáo sư òa lên khóc. Thực là khác thường khi thấy con người to lớn, đầy sức mạnh và đầy nghị lực ấy khóc. Alếchxây, như không định ý, cũng co rút đầu lại và giấu kín mặt dưới mền.

- Trước khi đi nó đến thăm tôi, nó cho biết nó xin nhập ngũ khi có chủ trương động viên đông người nhập ngũ và hỏi tôi nó phải giao lại công việc của nhà thương cho ai. Nó cùng công tác với tôi ở đây. Tôi ngạc nhiên quá nên như là gắt lên với nó. Tôi không hiểu tại sao một y sĩ, một nhà bác học có tài lại cầm súng ra đi. Nhưng nó nói, tôi nhớ hết câu nói của nó: “Thưa ba, có lúc một giáo sư đại học y khoa cũng phải ra cầm súng ạ”. Rồi nó lại hỏi tôi:

“Con giao việc cho ai?” Tôi định gọi chuông điện thoại và chỉ gọi chuông điện thoại, là không chuyện gì, không một mảy may chuyện gì xảy ra cả. Anh nghe chưa. Không một chuyện gì! Nó điều khiển cả một ngành ở đây, mà đây lại là một nhà thương quân sự. Anh có nghe tôi nói chưa?

Vaxili Vaxiliêvít im một lát. Có thể nghe tiếng ông thở khó khăn, hỗn hển:

- Đừng có cựa, anh bạn, anh kéo tay về đi, tôi biết rằng chỉ một cử động nhỏ thôi cũng đủ làm anh đau đớn vô cùng. Tôi đã suy nghĩ suốt đêm coi phải làm như thế nào. Anh hiểu chứ: Tôi biết có một người khác - anh biết tôi muốn nói ai chứ”, có con đóng sĩ quan và tử trận ngay trong những ngày đầu của cuộc chiến tranh này. Anh có biết người cha đó đã làm gì không? Ông ta cho đứa con thứ hai ra mặt trận làm phi công khu trục tức là công tác nguy hiểm nhất. Tôi nghĩ tới người đó, tôi thấy hổ thẹn với những ý nghĩ do dự của mình và tôi không quay điện thoại.

- Và bây giờ giáo sư tiếc phởng?

- Không!... Có thể nói đó là tiếc được sao... Nhiều lúc tôi tự hỏi tôi có phải là kẻ đã giết hại đứa con một của tôi không? Ấy thế đấy: nếu nó còn sống, thì giờ đây nó có thể ở đây, bên tôi, cùng tôi, bổ con phục vụ đặc lực cho Tổ quốc. Nó có tài, tài năng vững chắc; nó lanh lẹ, dũng cảm và thông minh nó đang tiến đến làm rạng rỡ nền y khoa Xô viết được. Vậy mà tôi đã không gọi điện thoại...

- Giáo sư đã tiếc vì không gọi điện thoại?

- Chính ủy nói sao? À thế hả? Tôi không biết..

- Nếu phải làm lại giáo sư có thể làm khác thế không?

Hai người im lặng. Nghe thấy tiếng bệnh nhân ngáy. Giường của chính ủy có tiếng kẹt đều đều. Có lẽ là giáo sư trong lúc suy nghĩ đau khổ lắc lư mình trên giường. Nước nóng tiến vào ống sưởi khiến ống kêu lách tách.

Chính ủy với giọng nói đượm muôn nghìn êm nhẹ, hỏi:

- Thế nào?

- Tôi không biết. Tôi không thể ứng khẩu trả lời câu hỏi của đồng chí được. Tôi không biết. Nhưng hình như nếu phải làm lại, thì tôi chắc cũng không thể làm khác trước được. Không hơn không kém. Tôi chỉ là một người cha như những người cha khác... Thực là tàn khốc... chiến tranh tàn khốc quá...

- Giáo sư nên tin chắc rằng người cha nào cũng thế, khi nhận được tin ghê gớm ấy, nhất định cũng đau xót như giáo sư. Vâng, cũng đau xót như thế...

Vaxili Vaxiliêvít ngồi im một lúc lâu như mê mẩn đi. Ông nghĩ gì? Dưới vầng trán rộng và răn reo của ông, những tư tưởng gì đã diễn trong những phút dài dằng dặc ấy?

- Vâng, bạn nói có lý, người cha nọ cũng đau xót nhưng ông ta đã lại cử đứa con thứ hai đi... Cám ơn bạn, cám ơn. Nhưng nói lại chuyện đó làm chi nữa?

Ông đứng lên, và vẫn chưa ra đi, còn đứng giây lâu bên giường. Ông thận trọng đặt bàn tay chính ủy trở về chỗ cũ dưới mền, và đắp mền cho

chính ủy rồi bước khỏi phòng, không nói thêm một lời.

Đêm đó bệnh của chính ủy nặng thêm. Anh chết giấc. Anh uốn mình trên giường, nghiêng răng và lớn tiếng la, rồi bỗng nhiên anh xỉu đi, người cứng đờ và coi tưởng như đây là lúc tận số của anh rồi. Valixi, từ lúc hay tin con chết đã không ở phòng lớn rộng và trống trải của mình nữa mà vô ngủ ngay trong nhà thương, trên cái đi văng da trong căn phòng làm việc nhỏ của ông. Bệnh của chính ủy nặng đến nỗi ông đã phải ra lệnh ngăn chỗ nằm của chính ủy bằng một cái bình phong. Ai cũng biết thường hễ làm theo cách đó thì thường là bệnh nhân sắp sửa sang “phòng số 50”.

Sau khi tiêm mũi thuốc hồi và bơm mãi cho thở dưỡng khí, mạch anh đập trở lại, thầy thuốc gác Vaxili Vaxiliêvít trở về ngủ mấy giờ đồng hồ còn lại trong đêm. Chỉ còn có Cơlaodĩa Mikhailôna sau bình phong, tâm tư bàng hoàng và nước mắt ràn rụa. Mêrétxép cũng không ngủ được, anh tự hỏi: “Lẽ nào thế là hết sao?”

Cuộc đau khổ của chính ủy kéo dài. Anh rên la và nói mê sảng. Qua tiếng anh rên rỉ, có một tiếng gì anh một mực nhắc lại mãi với một giọng nói khàn khàn. Mêrétxép tưởng anh đòi uống.

Cơlaodĩa Mikhailôna từ phía sau bình phong chạy ra tay run rẩy rót một ly nước bưng ra. Bệnh nhân không chịu uống. Cái ly đựng vô rằng anh vô ích, nước chảy xuống gối, nhưng chính ủy vẫn không ngừng tiếng. Lúc nãy. Mêrétxép chợt hiểu ra lời chính ủy nói: “Sống, sống”... Ngay trong cơn bất tỉnh, con người đó, bằng tất cả sức mình, phản kháng lại với cái chết.

Chính ủy cuối cùng nằm im trở lại được và mở mắt ra. Cơlaodĩa Mikhailôna lăm bắm:

- Thật là nhờ trời!

Rồi chị thở dài dễ chịu, định xếp tấm bình phong trở lại.

Chính ủy ngăn lại:

- Để nguyên đó tôi xin mà! Để nguyên đó, bé em ạ! Như thế dễ chịu hơn. Và nhất là đừng có khóc! Đất đã ẩm ướt nhiều rồi, đâu cần thêm nước. Vậy thế nào, thế nào hả? Bình thường đấy chứ, “cô tiên Xô viết”? Cô điều thực

là tai hại, là thần tiên dần giống như mình chẳng nữa, chỉ gặp được lúc mà ta sắp sang bờ... bên kia thôi.

Tình hình của Mêrétxép kỳ quặc làm sao: Từ khi anh biết chắc rằng với lòng quyết tâm rèn luyện, anh có thể lái phi cơ trở lại được và trở thành được phi công toàn diện thì anh cảm thấy ham sống và ham hoạt động vô cùng.

Đời anh lại có một mục đích: lại trở thành một phi công khu trục. Anh mê say theo đuổi mục đích đó cũng như trước kia anh đã mê say, với chân đã bị nát, bò bao nhiêu ngày đêm trở về hàng ngũ của mình. Từ nhỏ, anh đã có tập quán bố trí đời sống của mình và luôn đưa ra một mục đích, để rồi định biện pháp đạt tới mục đích đó, không bỏ phí thì giờ quý báu. Anh đã đi tới những kết luận thực tế sau đây: Trước hết, khỏi bệnh và lấy lại sức khỏe vì bị thiếu ăn một thời gian khá lâu. Muốn thế thì phải ăn và phải ngủ nhiều hơn.

Thứ hai, khôi phục cho mình những đức tính của một phi công chiến đấu và muốn thế thì phải tập các môn thể dục và phải rèn luyện tất cả những gì vừa với sức mình. Thứ ba, là một việc vừa quan trọng nhất vừa khó khăn nhất, đó là làm sao cho hai chân bị cắt nơi bắp chuối, mạnh lên, giữ sao cho nó vừa cứng khỏe vừa dẻo dai, để khi có chân giả thì có thể tập những động tác của người phi công được.

Đối với một người cụt cả hai chân chỉ bước đi được cũng chưa phải là chuyện dễ thế mà Mêrétxép đã lái máy bay và hơn nữa lái máy bay săn giặc. Trong chiến đấu hàng không việc phối hợp các động tác phải thực chặt chẽ và đòi hỏi mức mau lẹ trong mấy phần trăm của một giây đồng hồ, cho nên hai chân phải điều khiển chính xác, khéo léo và nhất là phải mau lẹ cũng như hai bàn tay. Phải tập luyện sao cho cẳng cụt, có chân giả bằng gỗ và da, có thể cử động hoàn toàn y như chân thật.

Bất cứ ai đã hiểu biết về kỹ thuật hàng không đều thấy rằng dự định của Mêrétxép là cực kỳ vô lý. Nhưng bây giờ thì Alếchxây tin tưởng rằng khả năng của con người có thể thực hiện được điều ấy và đã như vậy thì Mêrétxép, anh, phải thực hiện được mục đích đề ra. Vì vậy anh quyết định

thi hành kế hoạch. Anh theo đúng việc điều trị của bác sĩ và sẵn sàng tới việc dùng thuốc một cách tỉ mỉ đến nỗi nhiều lúc anh cũng tự lấy làm lạ. Anh ăn đến nỗi chướng bụng, và đã được thêm khẩu phần, dầu có lúc không ngon miệng lắm cũng cứ đòi. Anh ráng ngủ đủ số giờ đã định dầu thế nào thì thế, và tập ngủ trưa đã quen, mặc dù phải ra sức khắc phục cái khó chịu phải ngủ trưa, vì anh vốn ưa hoạt động, chạy nhảy. Anh thấy ép mình ngủ, ăn hay uống thuốc là những việc không khó quá. Nhưng tập thể dục là một chuyện khác. Phương pháp mà anh thường tập không thích hợp với một người què cả hai cẳng và suốt ngày đóng chặt trên giường. Anh sáng chế ra một phương pháp riêng cho anh: hàng giờ anh cứ cúi xuống, vươn lên, hai tay đỡ chống bên hông, vặn mình và quay cổ đến kêu răng rắc. Các bạn trong phòng thường hay chọc anh một cách thân mật. Cúcúckin ưa chế nhạo, thường kêu anh là “Lađumách” hay anh em nhà “Giamenski”, hay những tên của tất cả các nhà vô địch chạy đua khác. Thấy anh tập thể thao như thế, Cúcúckin không chịu được cho rằng đó là một thứ bệnh khùng trong nhà thương. Nên thường có lúc Alếchxây bắt đầu tập là anh xông ra ngoài hành lang vừa ra vừa lăm bả lăm bầm.

Khi đã tháo băng ở hai cẳng anh rồi và anh đã có thể cử động trên giường dễ dàng hơn, Alếchxây nghĩ ra những cử động phức tạp hơn. Anh nhét hai đầu chân cột dưới thành giường sắt và hai tay chống hông, anh tập cúi xuống, vươn lên càng cứ tăng thêm mãi số cử động lần lần và tập làm thật chậm.

Rồi anh sáng chế cả một loại cử động cho cả hai chân. Anh nằm ngửa, gập hai cẳng và co lên duỗi dài ra. Lần đầu khi anh tập cử động này, anh hiểu rằng tập như thế khó khăn vô cùng có khi không tập nổi cũng nên. Cử động duỗi chân làm cho cặp giò mới bị cắt đau nhức vô cùng. Cử động của anh thật là vụng về và không vững chắc. Anh thấy không thể điều khiển được chân anh, chẳng khác như phi công không điều khiển được máy bay của mình khi một bên cánh hay đuôi máy bay đã tổn hại. Muốn hay không, anh bất giác tự so sánh với chiếc máy bay, và cảm thấy thăng bằng của cơ

thể mình đã bị mất; anh vẫn mạnh, nhưng đã mất đi không bao giờ khôi phục lại được nữa những khả năng và cử động quân bình có từ hồi nhỏ.

Tập thể dục, cặp giò làm cho anh đau đớn ghê gớm. Nhưng mỗi ngày Mêrétxép vẫn cứ để thêm mấy phút tập căng. Đó là những phút cực khổ nhất: nước mắt anh ràn rụa, anh cắn môi muốn chảy máu để không bật ra những tiếng rên đau. Nhưng anh vẫn giữ kỷ luật thật nghiêm mỗi ngày mỗi tập đầy đủ những cử động, trước tiên một hay hai bận mỗi ngày, và mỗi ngày mỗi lâu thêm. Khi tập xong, anh kiệt sức nằm ngửa trên gối có lúc tự nhủ: chắc không còn sức tập lần sau nữa. Nhưng hôm sau đúng giờ, anh vẫn tập như trước. Đêm đến anh lấy tay sờ đùi, háng, anh sung sướng vì thấy dưới tay những bắp thịt rắn chắc càng ngày càng có sức mạnh như xưa chứ không phải một thứ thịt nhão và mềm.

Tất cả tư tưởng của anh đều dồn vào hai chân. Nhiều lúc vì không để ý, anh tưởng chừng như đau ở bàn chân, anh vội trở mình và lúc đó anh mới nhớ ra là anh chẳng còn chân nào cả. Đó là vì một thứ ảo tưởng do cơ cấu của gân cốt gây ra; cái phần căng đã bị cắt đi còn cứ tiếp tục sống mãi với thân mình: anh vẫn thấy như buồn buồn hay đau đớn, nhất là khi trời ẩm cái ý kiến đó ám ảnh anh đến nỗi có nhiều lúc anh thường nằm mơ thấy mình còn lành lặn và nhanh nhẹn. Có lúc anh nghe như thấy lại kèn báo động và anh ba chân bốn cẳng chạy tuốt ra máy bay, vọt lên một chiếc cánh, chui vào lòng phi cơ và bằng chính cặp chân đó thử các bộ phận máy trong khi Iura lật cánh vài bạt che động cơ. Có lúc anh cầm tay Onga chạy chân không thở không ra hơi băng qua thảo nguyên trở bông và anh thấy như được vượt ve khi hai chân đạp trên đất ẩm thấp và ẩm áp. Đó là những cảm giác khoái trá nhất, và anh khổ sở biết bao khi tỉnh giấc, thấy mình tàn tật.

Sau những giấc chiêm bao như thế, Alếchxây thường bồn thần nản chí. Những lúc đó, anh có cảm giác như tự mình hành hạ mình vô ích. Anh không thể bao giờ nữa lái máy bay, cũng không thể bao giờ nữa chạy chân không trên thảo nguyên với cô thiếu nữ thân yêu của miền Kamisin mà càng xa nhau lâu ngày anh càng thấy yêu tha thiết.

Thư từ với Onga không làm cho anh vui chút nào, cả lúc bây giờ. Gần như mỗi tuần, Colaodĩa Mikhailôna đều cho anh “khiêu vũ” nghĩa là cho anh nhảy nhót trên giường và vỗ tay, để nhận bao thư có tuồng chữ tròn trặn và nắn nót như của một nữ sinh. Thư càng tới càng dài thêm, càng thiết tha hơn, hình như mối tình giữa hai người hồi nhỏ bị chiến tranh cắt đứt đi, thì bây giờ đã già dặn lên trong tim Onga. Được thư của cô, anh càng buồn chán, anh cho rằng không có quyền hưởng ứng những tình cảm tươi đẹp như thế. Hai người đã là bạn đồng học, ở trường kỹ thuật của nhà máy cửa Kamisin, đã mến thương nhau một cách thơ mộng từ hồi nhỏ, và đã gọi thế là ái tình theo kiểu người lớn. Rồi hai người xa nhau sáu, bảy năm, cô thiếu nữ đi học ở một trường cơ khí. Khi trở về cô làm công nhân cơ khí ở xưởng máy, nhưng Alếchxây không còn ở thành phố nữa. Anh đã vô học ở trường hàng không. Hai người chỉ gặp lại nhau ít ngày trước khi chiến tranh bùng nổ, một thời gian ngắn ngủi thôi. Lần gặp đó, không ai nghĩ tới trước; không chừng không ai còn nghĩ đến ai nữa, vì từ trước bao nhiêu nước đã chảy dưới cầu. Nhưng một chiều xuân, Alếchxây cùng mẹ đi ra ngoài phố, bất chợt gặp một thiếu nữ mà anh cũng không chú ý gì cả, trừ một ý thoáng qua là cô gái này có cặp giò đẹp.

- Tại sao con không hỏi nó. Con quên nó rồi sao? Onga đó mà. - Và mẹ anh còn nhắc cả họ của thiếu nữ nữa.

Alếchxây quay lại. Thiếu nữ cũng quay lại, ngó theo hai người. Hai cặp mắt gặp nhau, tim anh bừng nóng lên. Để mẹ đứng đó, anh chạy vội lại với thiếu nữ đứng trên lề đường, dưới một cây dương trụi lá.

- Em đấy à? - Anh ngạc nhiên hỏi nàng, vừa hỏi vừa nhìn chằm chằm giống như nàng là một nàng tiên kỳ diệu hiện xuống trần gian giữa một chiều xuân, trong ngõ hẻm bùn lầy này.

Thiếu nữ cũng không ngờ là gặp được anh, trả lời:

- Alếchxây sao?

Sau sáu, bảy năm xa cách, lần đầu tiên, họ mới gặp lại nhau. Trước mặt Alếchxây, đây là một thiếu nữ, yêu kiều, nhẹ nhõm, thanh tú, nét mặt tươi trẻ tròn trĩnh và hiền hậu, điểm mấy chấm tàn hương nơi cuối sống mũi.

Nàng nhìn anh bằng cặp mắt xám, lớn và nhẹ nhẹ nâng cao cặp lông mày uốn nét dịu dàng về phía cuối thanh thanh như ngọn bút lông. Thiếu nữ nhỏ nhắn, và lịch sự hôm nay khác hẳn cô bé mấy năm trước kia, da đỏ thắm, tròn như cây nấm, hồi anh còn học chung năm thứ nhất trường chuyên nghiệp lúc đó cô ta còn mặc chiếc áo cũ của cha, tay xắn cao lên. Quên cả mẹ ở đó, Alếchxây nhìn trân người thiếu nữ, nhìn say sưa làm như trong sáu, bảy năm nay anh vẫn mơ tưởng ngày gặp gỡ này.

Cuối cùng anh nói:

- Em thay đổi nhiều quá đi thôi!

Nàng hỏi lại, giọng sang sảng khác hẳn hồi học trò:

- Thay đổi, nhưng thay đổi ra sao chứ?

Một luồng gió thổi mạnh trùm vô phố, và reo lên trong những cảnh dương liễu trụi trơ. Nó làm tung bay chiếc duýp của thiếu nữ, để lộ ra cặp giò xinh xắn vô cùng. Bằng một cử chỉ rất hồn nhiên và kiêu diễm, chị mỉm cười kéo duýp lại.

Không che giấu mình ngợi khen sắc đẹp của chị, anh nói:

- Thực em đã thay đổi nhiều quá!

Nàng cười hỏi:

- Thay đổi, phải rồi, nhưng thay đổi khá hơn hay thế nào? Hơn hay không nào?

Bà mẹ nhìn hai trẻ, mỉm cười băng khuâng rồi bỏ đi. Hai người, mặt nhìn mặt, ngắt lời nhau hoài: “Em còn nhớ không?”.. “Anh biết đấy?”... “Thế còn bạn nọ...?” “Bạn này bây giờ đi đâu?...”.

Họ đứng lâu lắm như thế cho tới lúc Onga chỉ cho Alếchxây thấy ở mấy căn nhà nhỏ gần đó, sau cửa kính qua những cây tùng mã vĩ nhỏ và những lùm hoa phong lữ, đã có những chấm trắng tức là mặt những người bắt đầu đang nhìn họ bằng cặp mắt tò mò.

Onga nói:

- Anh có thời gian không? Chúng ta đi ra bờ sông Vônga nhé!

Và hai người cầm tay nhau, một cử chỉ mà xưa kia không bao giờ dám làm - cả hai, quên hết chuyện đời, cùng dẫn nhau đi về phía bờ sông cao, một ngọn đồi chót vót từ trên đó nhìn xuống sông ngấm được cả một vùng phong cảnh rộng lớn trên sông Vônga đang tràn ngập nước, hùng vĩ xoáy những tảng băng kéo đi.

Từ lúc đó, mẹ anh ít thấy đứa con thân yêu nhất ở nhà. Và khác hẳn hồi xưa, độ này anh ăn mặc chải chuốt, hàng ngày là quần cho có nếp, và đánh bóng nút áo đồng; cái cát két trắng, có gắn một cái huy hiệu đẹp, tối đó cất kỹ trong vali, anh lấy ra dùng, anh cạo râu hàng ngày và mỗi chiều, anh soi gương phía trước, soi gương phía sau mãi rồi mới ra đường đi đón Onga từ xưởng máy về.

Ngày ban ngày, cũng có khi anh biến đâu mất; anh đăng trí, nhiều khi trả lời người trong nhà chẳng trúng vào đâu cả! Tất cả những chuyện ấy không lọt qua con mắt đầy kinh nghiệm và linh tính của mẹ anh. Bà hiểu rõ cả và không giận: bà hiểu rằng người già thì già đi và bọn trẻ thì tiến lên với cuộc đời.

Chưa lần nào đôi trẻ nói với nhau về tình yêu cả. Mỗi ngày, cùng đi với Onga về trên con đường cao ngất dọc sông Vônga nước óng ánh lúc trời chiều xuống lần, hay theo những vườn dưa quanh thành phố, nơi nó vẫn vèo, trên đất đen sì và béo mỡ như hắc ín, những dây leo lớn có lá chĩa ra và màu xanh sẫm của những cây dưa. Alếch xây tính từng ngày nghỉ phép còn lại và thề sẽ tỏ rõ nỗi lòng mình với Onga. Nhưng ấy thế là một buổi chiều ngày nữa lại qua. Anh lại đến đón nàng ở cổng xưởng nhà máy cửa, đi theo nàng về đến tận cái nhà nhỏ một tầng mà ở đấy nàng trọ trong một căn phòng xinh xắn gọn gàng sáng sủa như cabin máy bay. Anh kiên nhẫn đợi nàng trong lúc nàng đang thay quần áo sau cái cửa kính của phòng nàng, anh chủ tâm không nhìn cái chân, cái vai, hay khuỷu tay để hở của nàng thỉnh thoảng hiện ra sau khung cửa. Nàng trang điểm xong rồi trở ra, hai má đỏ hây tươi mát, mái tóc êm dịu, nàng mặc cái áo bờ lu bằng lụa trắng vẫn thường mặc trong tuần.

Hai người đi coi hát bóng, xem xiếc, dạo chơi vườn, nhưng Alếchxây chẳng cần gì cả, anh chẳng nhìn màn ảnh hay sân khấu, cũng chẳng thèm nhìn đám người qua lại, mắt anh chỉ nhìn một người, ngắm nàng không chán mắt, và anh tự nhủ: “Lần này nhất định là nhất định, khi về thế nào cũng phải nói”. Nhưng đi chơi về rồi mà anh vẫn thiếu can đảm không nói nổi đến cùng được.

Một sáng chủ nhật, hai người định đi chơi trên đồng cỏ bên kia sông Vonga. Lúc ra đi đón nàng anh mặc chiếc quần trắng đẹp nhất của anh, với chiếc áo sơ mi cổ bẻ mà mẹ anh khen là xứng với nét mặt cứng cỏi và sạm nắng của anh. Onga cũng sẵn sửa rồi. Nàng đưa anh cầm một gói nhỏ, thắt trong cái khăn, và cả hai lên đường. Ông già chở đòn đã bị cắt cụt cả hai càng từ chiến tranh thế giới lần thứ nhất được trẻ nhỏ yêu lắm, trước đây đã dạy Alếchxây bắt cá trên những làn cát. Ông đẩy cái thuyền nặng nề ra xa bờ, rồi chèo qua sông, tay chèo từng nhát nhỏ và mạnh, đôi chân gỗ đập thành thành. Đòn rẽ ngang dòng nước tiến lên từng đoạn nhỏ, sát dần bờ sông xanh tươi. Nàng ngồi phía sau thọc tay xuống để lướt mơ màng trên mặt nước. Alếchxây hỏi:

- Bác Acasa nè! Bác có nhớ chúng cháu không hả?

Ông già đưa đòn nhìn mặt đôi thanh niên với cặp mắt, trả lời:

- Nói thực ra là không.

- Không là thế nào? Cháu bà Mêrétxép đây mà! Bác đã dạy cháu cách lấy xiên bắt cá lòng tong trên cát ấy mà!

- Có thể là thế, nhưng bao nhiêu là trẻ đến nghịch ở đây, làm sao nhớ nổi tất cả!

Đòn vượt qua cái cầu nhỏ, nơi đậu một chiếc canô phình bụng, sơn đã róc nhưng hãnh diện kêu vang lên cái nhãn hiệu “Rạng đông”. Rồi đòn đâm sâu vào cát rít kẹt bên bờ.

Ông già nhảy xuống nước, đẩy đòn vô bờ, giải thích:

- Chỗ này là bến của tôi! Tôi không làm việc cho thành phố, tự mình làm việc cho mình thôi.

Chân gỗ của ông già cắm xuống cát, và dò chẳng tiến thêm chi mấy nữa. Ông lái dò thản nhiên nói:

- Cô cậu phải nhảy vô bờ thôi!

Alếchxây hỏi:

- Chúng cháu phải trả bác bao nhiêu?

- Bao nhiêu cũng được. Vui như hai cô cậu thì đáng lẽ phải trả giá cao mới phải. Còn nhớ ra hai cô cậu ấy à, thì thôi, chịu!

Nhảy khỏi đó, hai người bị ướt chân. Onga đề nghị cởi giày. Chân bước xuống cát ướt và ẩm, êm dịu vô cùng. Hai người thấy tự do, vui vẻ như muốn chạy, muốn nhảy cẫng, muốn lăn trên cỏ, như hươu nai.

Onga kêu:

- Đuổi bắt em!

Nói rồi nàng chạy, với tất cả sức khỏe của cặp giò nhanh nhẹn của nàng; nàng chạy qua những bãi cát bên bờ sông thấp này, cứ mỗi lần nước dâng là bị ngập, tiến vô những cánh đồng cỏ xanh như ngọc, lấm chấm có điểm hoa. Alếchxây hết sức rượt theo. Anh chỉ thấy trước mắt màu nét sặc sỡ của tà áo hoa lung linh như mây khói. Chạy chân không, anh cảm thấy như hoa đang mơn trớn đôi chân anh, cùng những thân rau chua dại đập chân anh, cùng đất xốp mềm nóng hổi dưới ánh mặt trời.

Lúc đó anh coi như tối cần thiết phải đuổi kịp Onga, như tương lai của hai người sẽ do đó mà định đoạt, như chắc chắn rằng là, ở đây, trên cánh đồng cỏ thơm tho và đầy hoa này, anh nói ra dễ dàng hơn cái mà tới nay anh không có can đảm nói rõ. Nhưng mỗi lần anh đuổi kịp nàng, đã giơ tay để với lấy nàng, thì nàng lại vung ra mà chạy lẹ như một con mèo, miệng cười khúc khích tươi giòn.

Nàng chạy hoài và anh bắt không nổi. Rồi nàng chạy lộn trở lại bờ sông, phục xuống cát và nóng, cặp má đỏ hồng, miệng mở như thèm khát, ngực thở hổn hển, hít khí trời và cười vang rộn. Chính trên bãi cỏ đầy hoa đó, giữa những bông cúc trắng nhỏ lấm chấm như những ngôi sao trắng, anh đã chụp hình nàng. Rồi hai người đi tắm sông với nhau! Anh ngoan ngoãn đi ngoặt vào bụi rậm và ngoảnh mặt đi khi nàng thay quần áo và vắt bộ đồ

tắm ướn. Khi nàng gọi, thì anh đã thấy nàng ngồi trên cát, đôi chân ửng nắng gập lại dưới mình, chỉ còn bận chiếc áo như mây khói, và đầu quấn chiếc khăn bông. Nàng đã trải trên cỏ chiếc khăn thiết là sạch, bốn góc có đá biển tròn chặn lại và đã bày ra những gì trong gói đồ ăn ra. Hai người cùng ăn ít rau xà lách và bích quy do chính tay nàng làm. Onga không quên đem theo muối và tương cải, nàng đã đựng những gia vị này trong những cái ve nhỏ trước đựng kem thoa mặt. Thật là vừa yêu kiều vừa cảm động biết chừng nào, khi thấy người thiếu nữ huy hoàng và tao nhã đó lo toan cả những việc của một người nội trợ. Alếchxây quyết định thầm: kéo dài khá lâu rồi. Phải chấm dứt. Ngay chiều nay sẽ nói chuyện đó. Anh sẽ thuyết phục được nàng, chứng minh cho nàng thấy rằng nàng thế nào cũng phải là vợ anh mới được.

Sau khi phơi nắng cho đến cháy da thịt trên bãi cát, rồi tắm thêm một lần nữa, hai người định với nhau tối nay sẽ về nhà Onga - mệt mỏi và sung sướng, hai người chậm rãi trở ra bến đò. Chẳng thấy canô, cũng chẳng thấy đò. Anh chị gọi hết hơi mà không thấy bác trả lời. Mặt trời đã lặn trên thảo nguyên rồi. Từng bó tia nắng hồng tươi lướt trên đỉnh bờ cao phía bên kia sông, phủ vàng mái nhà của thành phố nhỏ bé và cây đầy bụi đứng im trong cảnh chiều tà, ánh sáng phản chiếu vào những cửa sổ lấp lánh đỏ rực như máu. Đây là một chiều hè nóng và yên tĩnh. Ở thành phố có cái gì đây. Thường ra, thì giờ này ở phố nhộn nhịp những người. Hai chiếc cam-nhông đầy người đi qua, rồi một đội quân nhỏ điểu qua.

Alếchxây gợi ý:

- Chắc bác Acasa đã nhậu rượu say mất rồi. Có lẽ chúng ta phải ngủ đêm ở bên này thôi!

Nàng nhìn anh, với cặp mắt sáng và lớn:

- Bên anh, ở đâu em cũng chả sợ.

Anh ôm lấy nàng và hôn. Đó là cái hôn đầu tiên và duy nhất của lứa đôi ấy. Trên sông, tiếng chèo đã khua nước thành thành. Đò từ bên kia chở sang rất nhiều khách qua sông. Hai người nhìn thấy đò mà lòng như giận dỗi, coi con đò như mang lại cái gì không may cho mình.

Mọi người lặng lẽ nhảy từ đồ lên bờ. Ai nấy mặc quần áo ngày hội, nhưng nét mặt lại đều lo lắng và sa sầm. Vẫn lặng lẽ mọi người bước qua cồn trước mặt hai người. Đàn ông lầm lì, đàn bà cảm động khóc suốt suốt. Đôi thanh niên chẳng hiểu gì cả, nhảy xuống đồ và bác Acasa tránh nét mặt rạng rỡ hạnh phúc của hai người, nói:

- Chiến tranh rồi đấy! Hôm nay đồng chí Mólótốp đã lên tiếng ở đài phát thanh rồi.

Alécxây đang ngồi nhảy nhóm lên hỏi:

- Chiến tranh...! Với ai thế?

Bác Acasa tức giận nhấn vào cặp chèo và kéo mạnh lại, càu nhàu:

- Vẫn với những thằng ấy chứ ai! Đồ khốn kiếp! Bọn Đức ấy! Bây giờ động viên, ở các phòng mộ quân đã đông người rồi đấy.

Không về qua nhà nữa, Alécxây đi thẳng đến Ủy ban quân sự. Rồi anh đáp chuyến tàu đêm 12 giờ 40 phút trở về đơn vị, chỉ vừa kịp ghé qua nhà lấy vali, không kịp chào Onga.

Hai người gửi thư cho nhau không nhiều, nhưng không phải thế có nghĩa là cảm tình với nhau phai nhạt và đôi bên quên nhau dần. Không! Anh vẫn nóng lòng chờ thư của Onga, những lá thư mà Onga viết nắn nót với dòng chữ tròn trặn của cô nữ sinh. Anh vẫn mang luôn trong mình thư đó và thường đem ra đọc mỗi khi chỉ có một mình. Đó là những bức thư mà anh đã ôm trên ngực, đã ngắm nghía trong những ngày kinh khủng nhất trên đời khi anh phải bò ngang rừng. Nhưng hai người quen nhau, tình thân bị đột ngột cắt ngay vào một lúc, chưa cái gì rõ ràng cả, nên hai người viết thư cho nhau như hai người bạn cũ mà thôi, không hề dám tỏ rõ điều còn thầm kín giữa hai bên.

Cho đến ngày nay, tại bệnh viện, Alécxây mới ngạc nhiên mà nhận thấy rằng, qua mỗi bức thư, Onga tha thiết tiến tới hơn trước, chẳng ngại ngần gì bày tỏ nỗi lo âu thăm thiết của mình. Nàng viết rằng nàng rất tiếc chiều đó bác Acasa chèo đồ qua không đúng lúc, và nàng khẩn khoản xin anh nhớ cho rằng, dầu có chuyện gì xảy ra đi nữa, trên đời như thế là từ nay anh có một người anh có thể tuyệt đối tin cậy, và một nơi anh có thể trở về khi

chiến tranh chấm dứt, như trở về với những người trong gia đình vậy. Anh có cảm tưởng rằng người viết thư cho anh là một cô Onga đã hoàn toàn biến đổi. Khi anh nhìn ảnh nàng, anh tưởng đâu như chỉ một luồng gió là đủ để tung nàng lên trời với tà áo hoa nàng bận, như những bó hoa nhẹ như không khí mà chỉ một hơi thở khẽ sẽ phân tán ra bốn phương. Viết thư cho anh quả thực là một người phụ nữ đang yêu anh tha thiết và đau khổ vì chẳng được gần gũi người yêu. Anh thấy thế vừa sung sướng vừa lo lắng. Sung sướng ngoài ý muốn của anh, còn lo lắng vì anh thấy mình không có quyền hưởng một mối tình như thế, không xứng với một tấm lòng chân thành như thế. Anh, thì anh không dám thú thật để nàng biết trong bức thư đầu tiên rằng anh không còn là trang thanh niên tráng kiện, mặt mày giống như người Bôhêm thời trước, mà nay chỉ còn là một người què quặt như ông già Acasa mà thôi. Anh không dám viết sự thực làm cho mẹ anh đang ốm, đau buồn có thể chết vì tin dữ dội đó, vì vậy ngày nay anh phải nói dối Onga trong một bức thư và càng ngày càng phải đi sâu nhiều hơn nữa trong màn lưới những câu nói dối của mình.

Cho nên những thư từ Kamisin gửi tới cho anh, gọi trong lòng anh những tình cảm mâu thuẫn: vui có, buồn có vừa lo lắng vừa hy vọng. Thư vừa khiến anh hân hoan vừa khiến anh khổ cực. Anh đành cứ bắt buộc phải sáng tạo ra mãi những câu chuyện dối trá mới. Nhưng anh không thể làm như thế, nên thư anh gửi Onga thành ra cứ ngày càng ngắn và khô khan.

Viết cho cô “Đội thiên văn” dễ hơn. Tâm hồn cô đơn giản, nhưng thẳng thắn và tha thiết. Trong một lúc tuyệt vọng, vừa sau khi anh bị cửa chân, thấy cần ngó với một ai nỗi lòng buồn khổ của mình, anh đã viết cho cô một bức thư dài trong đó anh toàn tả những nỗi niềm đau đớn. Không lâu, anh nhận được thư trả lời, thư viết trên một tờ vở, chen kín bằng một lối chữ uốn éo, với đầy những chấm than và những giọt nước mắt làm lem nhiều dòng chữ trong thư. Cô viết rằng nếu không vì kỷ luật quân sự thì cô đã bỏ tất cả ra đi để săn sóc anh và chia sẻ những nỗi đau buồn với anh. Cô yêu cầu anh viết thư nhiều hơn nữa cho cô. Thư đó của cô chứa chan tình cảm ngây thơ, son trẻ, khiến anh hối hận vì đã nói dối cô khi cô đưa

cho anh thư của Onga, hỏi thư của ai, anh lại nói là thư của em gái. Không có quyền lừa dối một người chân thực như thế được. Anh liền viết thư nói thẳng thẳng với cô rằng anh đã có một vị hôn thê ở Kamisin và anh không dám cho mẹ anh và Onga biết tai họa đã xảy ra cho anh.

Trong một thời gian ngắn lạ thường. Thư trả lời của cô “Đội thiên văn” đến. Cô cho biết cô đã đưa thư của cô gửi anh qua tay một viên thiếu tá phóng viên mặt trận đưa hộ, người này mới chuyển sang đơn vị và tỏ ý yêu cô. Nhưng cô không thềm để ý tới mặc dù anh là một thanh niên vui vẻ và dễ thương. Thấy rõ, qua lá thư lần này của cô là cô buồn và tủi. Cô cố giấu, nhưng người đọc nhận ra ngay. Cô trách tại sao anh không nói thực và xin anh từ nay cứ coi cô như một người bạn gái. Cuối thư, mấy dòng viết thêm bằng chì, cô thêm rằng đồng chí “trung úy” đừng quên cô, “trung úy” có thể tin tưởng ở tình bạn vững chắc của cô và nếu cô thiếu nữ ở Kamisin có thay đổi tình cảm (biết đâu chừng các cô gái ở hậu phương ấy) hay nếu cô ấy thôi yêu hoặc sợ không dám lấy anh. Thì anh đừng quên “Đội thiên văn” nhé. Cô dặn dù sao, anh cũng phải luôn luôn nói hết sự thực. Kèm theo thư này, cô gửi cho anh gói nhỏ đựng mấy tấm khăn tay bằng lụa dù, có thêu chữ đầu tên anh, một hộp đựng thuốc hút trên vẽ hình một phi cơ đang vút bay, một cái lược, một chai dầu thơm Cô-lôn hiệu “Mộc lan” và một miếng xà phòng thơm. Alếchxây hiểu biết tất cả giá trị của những thứ ấy đối với các cô thiếu nữ phục vụ trong quân đội lúc khó khăn này. Anh biết rằng một miếng xà phòng thơm, một ve dầu thơm Cô-lôn nhận được trong những ngày lễ đó là những đồ thường các cô giữ làm vật kỷ niệm để tưởng nhớ những lúc thanh bình. Càng hiểu giá trị của đồ tặng anh càng quý nó đặt trên bàn đầu giường, trong lòng tưởng chừng vui nhưng không khỏi hơi bối rối.

Tuy nhiên khi anh đem nghị lực bình sinh ra tiến hành cuộc luyện tập với đôi cẳng đã bị cắt cụt, lòng hy vọng một ngày kia lại bay được, chiến đấu được, anh thấy mình đứng trong một cảnh nước đôi khó chịu. Điều mà anh bối rối nhất là phải nói dối trong thư với Onga mà anh ngày càng thấy tha

thiết yêu và lại đi nói chuyện tâm tình với một thiếu nữ mà anh chưa quen biết chi mấy.

Nhưng anh tự hứa với mình sẽ chỉ tỏ lộ tình yêu của mình với Onga khi nào đã thực hiện được điều anh mơ ước: có thể phục vụ trong quân đội, sau khi đã khắc phục được tàn tật của mình. Và viễn cảnh đó đã khuyến khích anh tiếp tục cố gắng, cố gắng một cách mê đắm nhất định đạt tới đích.

Chính ủy mất ngày một tháng năm. Cái chết thực bất ngờ. Ngay sáng hôm đó, sau khi mặt đã rửa và đã chải đầu, anh cứ hỏi đi hỏi lại mãi chị hớt tóc: “Bữa nay trời tốt không? Mátxcơva ngày lễ năm nay coi ra sao?”

Anh vui mừng vì được biết rằng đã phá những ụ vất ngang các đường phố, nhưng anh lại tiếc vì trong ngày xuân kỳ diệu này, chan hòa ánh sáng, mà lại không có biểu tình tuần hành. Anh trêu ghẹo Cōlaodĩa Mikhailōna vì nhân ngày lễ, cô ra sức anh dũng đánh phấn che cho được những chấm tàn hương trên mặt. Anh có vẻ khỏe và mọi người hy vọng anh sẽ thoát khỏi chẳng.

Từ khi anh không còn đọc được báo nữa, đã có đặt một bộ máy nghe riêng cho anh nghe tin tức. Gơvôđép biết sửa radiô, anh đã thay đổi vài bộ phận làm cho bộ máy nghe vang lên nói và hát cho cả phòng cùng nghe được. Hồi 9 giờ, tiếng người phát thanh bấy giờ cả thế giới đều nghe và biết, bắt đầu đọc bản nhật lệnh của Ủy viên nhân dân Bộ quốc phòng. Mọi người lặng im nghe, sợ sót mất từng tiếng, tai đều vểnh lên phía hai cái đĩa tròn đen treo trên tường. Mới vừa nghe câu: “Dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng của Lênin vĩ đại, chúng ta hãy tiến tới thắng lợi”. Nhưng ngay sau câu kết luận đó, cả phòng còn im phăng phắc trong một bầu không khí căng thẳng.

- Tôi muốn đồng chí chính ủy giải thích giùm cho một điều...

Cưcúckin vừa bắt đầu lên tiếng hỏi, chợt bỗng rú lên một tiếng khủng khiếp:

- Đồng chí chính ủy...

Mọi người đổ dồn về phía chính ủy. Anh nằm duỗi trên giường, rất thẳng, người cứng đờ, mặt nghiêm nghị, hai mắt trợn trừng ngó trần lên trần nhà. Trên khuôn mặt mệt mỏi và xám ngắt, vừa bình tĩnh trang trọng vừa uy nghiêm.

Cưcúckin quỳ gục xuống bên giường la lên:

- Anh đã chết rồi! Anh đã chết rồi!...

Cả phòng trở lên nhộn nhịp, những người hộ lý chạy tới tấp, chị y tá vừa tắt tưới chạy tới, vừa cài nút áo bờlu, y sĩ gác cũng chạy vụt tới. Chẳng cần chú ý tới ai, giấu mặt dưới chăn như một đứa con nít và nức nở âm ỉ khiến cả vai cả mình rung chuyển, anh Cúcúckin chẳng ư ai và lúc nào cũng gây lộn, giờ đây đang gục trên ngực chính ủy đã mất mà khóc than...

Ngay chiều hôm đó, một người khác vô nằm nơi giường bỏ trống ở phòng 42. Đó là một phi công chiến đấu: thiếu tá Stơrúccốp, trong sư đoàn phi cơ có nhiệm vụ bảo vệ thủ đô. Trong ngày lễ, bọn phát xít quyết định tấn công một trận lớn vào Mátxcơva bằng phi đội. Những đợt oanh tạc cơ của chúng hợp thành từng bậc, bị chặn đánh, và sau một cuộc chiến đấu dữ dội, đã phải bỏ chạy ở trận tuyến Pốtxenémôiê. Chỉ có một chiếc máy bay Giuncơ đã vượt được hàng rào phi đội và vụt lên tầng cao tiếp tục tiến tới phía thủ đô. Chắc hẳn là đoàn phi công đó đã quyết tâm, ra sao thì ra, nhất định hoàn thành nhiệm vụ để gây tang tóc thảm sầu trong ngày hội lớn đó. Stơrúccốp đã thấy chiếc máy bay này ngay đang khi hăng say chiến đấu, lập tức rượt theo. Anh cầm lái một trong số những máy bay chiến đấu Liên Xô tối tân mà không quân bắt đầu được cấp cho. Anh đã đuổi kịp phi cơ Đức ở trên cao khoảng 6.000 thước tại tận vùng ngoại ô. Anh bay rất khéo để tiến tới sát phía sau nó và kịp khi anh bắt được nó trong kính ngắm của anh, anh nổ cò. Anh ngạc nhiên hết sức không nghe thấy tiếng lạch tạch thường nghe thấy. Cò hư máy, không nổ.

Chiếc máy bay Đức bay ngay trước mặt anh. Stơrúccốp bay theo đúng trong khoảng máy bay địch không làm gì anh được. Máy bay anh nấp phía sau bộ phận đuôi của chiếc oanh tạc cơ, tránh được luồng lửa của hai khẩu súng liên thanh của nó chĩa về sau.

Bây giờ, trong ánh sáng buổi sáng tươi tắn tháng năm, Mátxcơva là cả một vùng những cửa nhà xám chông chất, bao phủ sương mù, đã lờ mờ hiện ra phía chân trời. Stơrúccốp không do dự: anh tháo dây curoa cột anh với thân ghế, nâng nắp cửa máy bay lên và như để nhảy chồm tới máy bay Đức. Vừa bay cho sát kẻ thù, anh vừa tính cách chiến đấu. Trong một lúc, cả hai phi cơ bay sát nhau, cái trước sau như nối liền bằng một sợi dây vô

hình. Stơrúccốp nhìn thấy rõ ràng, qua cái pháo đài lồng kính của chiếc máy bay Giuncơ cặp mắt của người sử dụng súng liên thanh Đức đang rình mò từng hành động của anh sẵn sàng chờ lúc chỉ một mẩu nhỏ của cánh máy bay anh lọt ra khỏi khoảng tử giác. Anh thấy được tên phát xít cúi tiết, giật bỏ mũ ra; rõ ràng anh thấy cả màu của tóc vàng ánh xòa từng đám dài trên trán y. Hai họng súng liên thanh nặng, đen ngòm, gắn liền, đợi chĩa vào anh và anh thấy nó chẳng khác những con thú rừng mình vì sốt ruột đang lúc rình mồi. Một lúc, Stơrúccốp có cảm giác như một người không khí giới đứng trước họng súng của quân cướp. Anh phải làm như những người dững cảm, nhưng không khí giới trong tay, trong trường hợp đó phải làm. Anh chồm tới kẻ thù, không phải bằng hai quả đấm, mà bằng cả một chiếc phi cơ; anh lấy chong chóng của máy bay đương xoay tròn loang loáng mà đâm bổ vào đuôi cánh máy bay Đức.

Anh chẳng nghe thấy tiếng hai máy bay đụng vào nhau nữa. Lập tức, người anh bị hất tung ra ngoài trời bởi một sức mạnh khổng lồ và quay tít trên không. Đất lộn qua đầu anh, rồi lại trở về chỗ bình thường phía dưới anh và phóng tới phía anh, xanh và óng ánh vàng. Anh liền bám nút dù, nhưng trước khi anh bất tỉnh, anh giật trên dây dù, anh cũng đã nhìn thấy chiếc Giuncơ, đuôi bị gãy, đảo như chiếc lá khô, quay cuồng trong trận gió thu, rơi xuống thiệt lẹ và vượt qua anh, không cục cựa lơ lửng trên không. Anh chạm mạnh xuống mái một căn nhà và rơi xuống một đường phố ở vùng ngoại ô, mà ở đó nhân dân đang làm lễ, đang từ dưới đất mọc kích cuộc xung kích oai hùng của anh. Anh được nâng lên, bỗng vô một nhà gần đấy. Người bu lại đen nghịt đến nỗi thầy thuốc lách mình hồi lâu mới vô tới chỗ. Anh bị giập gãy xương đầu gối khi anh rơi đụng mái nhà.

Tin thắng trận huy hoàng của thiếu tá Stơrúccốp đã được lập tức phát thanh ngay trong một bản thông tin đặc biệt. Chủ tịch Xô viết Mátxcơva đã đích thân đưa phi công vô bệnh viện tốt nhất thủ đô. Và khi Stơrúccốp vô tới phòng thì mấy chị y tá đem theo bông cùng những giỏ trái cây và những hộp kẹo bánh, những món quà của nhân dân muốn tỏ lòng biết ơn của mình.

Anh là một người vui tính, dễ thông cảm. Mới vô bệnh viện, Anh đã hỏi các bạn cùng phòng xem tình hình “nhét mồm” trong đó ra sao? Kỷ luật nhà thương có nghiêm không và các cô y tá có đẹp không? Khi thay băng cho anh, anh đã tìm cách kể được một câu chuyện vui cho Colaođia Mikhailôna nghe, về đề tài nói mãi cũng không bao giờ hết, về quản trị trong quân đội X. Anh lại còn kiếm được một câu bay bướm khá bạo để khen ngợi thân hình cô y tá. Khi cô y tá đi ra, anh nhú mắt nhìn theo và nói:

- Kháu đấy! Không biết cô có nghiêm không? Tớ đoán rằng tất cả các cậu đều hoảng với cô. Nhưng đừng có sợ, có lúc nào các cậu được học những bài học về chiến thuật không hả? Đàn bà lạnh như tiền ấy à? Chả có đâu. Y như những đồn lũy mà nói là không thể nào chiếm nổi ấy mà!

Nói xong, anh cười hể hả. Chẳng bao lâu điệu bộ anh đã là điệu bộ của người quen thuộc từ lâu, làm như anh đã ở trong bệnh viện cả năm rồi. Anh kêu mày tao với cả mọi người trong phòng, và khi phải xì mũi, anh chẳng ngần ngại gì, cứ đưa tay quơ đại cái mù xoa ở trên bàn đầu giường Mêrétxép, cái mù xoa may bằng lụa dù, do cô “đội thiên văn” mất bao công phu thêm tặng.

Anh nháy mắt, nhét khăn mùi xoa xuống dưới gối và hỏi Mêrétxép:

- Phải con bạn xinh xinh gởi cho mày không? Thế là đủ rồi chú nó ạ! Và nếu mày cho là chưa đủ, thì bảo nó thêm cho chiếc khác, và được thế là nó thích.

Tuy đoán được rằng, dưới làn da rám nắng, má Stơrúccốp đỏ hồng hào, nhưng anh không phải là người còn trẻ lắm. Những vết nhăn như da chân ngỗng đã hiện sâu nơi thái dương, từ hai bên đuôi mắt. Ở anh, cái gì cũng nổi rõ lên rằng anh là một nhà binh lâu lắm rồi, quen ở đâu cũng như ở nhà, cứ đến là tự nhiên xếp được gói đồ, miếng xà phòng rửa mặt và cái bàn chải đánh răng.

Anh đã đem vô phòng một không khí cười đùa vui nhộn. Anh làm chẳng ai phiền về những cử chỉ của anh, trái lại tiếp xúc với anh, ai nấy có cảm tưởng như gặp lại một người bạn quen đã lâu rồi. Duy chỉ có một điều mà

Mêrétxép không thích ở anh là ở chỗ anh quá ưa phụ nữ, mà anh cũng không hề giấu giếm điều đó, cứ bô lô ba la nói về chuyện đó suốt ngày.

Hôm sau, đưa đám chính ủy, Mêrétxép, Cúcúckin và Gôvôđép đều leo lên thành cửa sổ phía sân. Mấy con ngựa pháo binh nặng nề kéo một cỗ xe thường dùng để chở đại bác, tiến sâu vào sân. Một đội quân nhạc, với những nhạc cụ bằng đồng sáng loáng trong ánh nắng đã sẵn sàng và một đội danh dự đã bước nhịp đều tiến tới. Côlaodĩa Mikhailôna vô phòng và không cho ai được ngồi trên thành cửa sổ. Cũng như mọi lần, chị bình tĩnh và cương quyết. Nhưng Mêrétxép cảm thấy có cái gì thay đổi trong giọng nói của chị, run run và tan gãy. Cô đến lấy nhiệt độ cho người bệnh mới. Vừa lúc đó, đội nhạc cử một bài tử sĩ ca. Cô y tá tái xanh mặt, tay cô buông rơi ống thủy và những giọt thủy ngân tung tóe trên mặt sàn gác. Hai tay ôm mặt, Côlaodĩa Mikhailôna chạy ra khỏi phòng.

Quay mặt ra cửa sổ, nơi kèn của đội âm nhạc từng tiếng một chậm rãi vọng vô, Stơrúccốp hỏi:

- Con bé nó sao vậy? Đang đem nhân tình nó đi...

Chẳng ai trả lời. Nghiêng mình trên cửa sổ, mọi người đều nhìn ra đường phố, nơi cỗ quan tài phủ cờ đỏ đặt trên cỗ xe vừa chậm chậm tiến ra. Thi hài của chính ủy được phủ đầy hoa lá. Sau linh cữu, các huy chương của anh gài trên cái gối được mang theo. Nhiều viên tướng bước theo quan tài, đầu cúi thấp. Trong số đó có Vátxili Vaxiliêvít, cũng bận phục tướng, nhưng đầu trần. Sau các viên tướng, hơi tách riêng ra, đi trước bộ đội danh dự rập đều chân, là Côlaodĩa Mikhailôna tóc xỏa, mặc áo bờlu trắng, mỗi bước đi chân vấp, như mắt không muốn thấy gì.

Khi chị vừa bước khỏi thì có người liệng cái áo choàng trên vai chị, nhưng chị vẫn cứ tiếp tục đi. Áo choàng tụt dần, rồi rơi xuống đất. Bộ đội đi sau tránh ra hai bên để khỏi đạp lên chiếc áo.

Thiếu tá hỏi:

- Này anh em! Chôn ai đó?

Anh vươn mình lên định nhìn qua cửa sổ, nhưng chân anh đang bị bó trong ống và trong bột không thể nhấc lên nổi. Đám tang đi đã xa, chỉ còn

nghe tiếng nhạc bi ai từ xa thùng thình trang trọng lẫn trên mặt sông và dội vào nhà cửa dọc bến tàu. Người gác cổng lò cò đi ra khép cánh cửa sắt lại. Nhưng các thương binh phòng 42 vẫn ở lại gần cửa sổ, tiễn đưa chính ủy trong cuộc du hành cuối cùng.

Thiếu tá vẫn nhướng mình lên gần cửa sổ, nóng ruột hỏi.

- Chôn ai đó mới được chứ? Tụi bay là khúc cây cả sao mà chẳng trả lời thế này?

Với một giọng nói ồ ồ, khàn khàn và như từ đáy hang hốc gì đưa tới. Cuối cùng, Cừcúckin lên tiếng trả lời:

- Chôn ai ấy à? Một người chân chính... một người bôn sêvích...

Mêrétxép nhớ mãi mấy tiếng: “Một người chân chính”. Không thể kiếm được lời nào hơn để chỉ chính ủy. Và Alếchxây từ nay có một điều ham muốn ám ảnh, là muốn trở thành một người chân chính y như người bữa nay vừa được đưa tới nơi ngàn thu an nghỉ.

Sau khi chính ủy mất, cách sống trong phòng có thay đổi.

Không còn ai có thể, bằng tiếng nói đến tận đáy lòng, phá tan sự yên lặng có khi đè nặng các phòng bệnh viện khi mọi người bỗng nhiên tự dìm mình vào nỗi lo buồn riêng, mặc cho sâu não lôi cuốn. Không còn ai giúp, Gôvơđép vui lên bằng một câu đùa những khi anh ngao ngán, hướng dẫn Mêrétxép và nhắc chừng anh Cựcúckin khó tính đủ khéo léo mềm dẻo để cho anh đừng phật ý. Không còn ai làm trung tâm đoàn kết để hợp thành một khối thống nhất bấy nhiêu người rất khác biệt về tâm tính.

Nói cho đúng, lúc này anh em cũng ít cần những chuyện đó; Sự săn sóc của nhà thương và thời gian đã làm được nhiệm vụ của mình. Ai cũng mạnh khỏe ra rõ rệt và thấy trước lúc mình ra khỏi bệnh viện thì ai nấy cũng bớt nghĩ về tật bệnh của mình. Ai nấy mơ tưởng tới những cái gì chờ họ ở phía ngoài những bức vách bệnh viện, tới sự đón tiếp ở đơn vị cũ, tới những nhiệm vụ sẽ được giao cho. Mọi người đều nhớ tới cuộc đời lính tráng của mình, mọi người đều muốn tham dự cuộc tấn công mới mà các báo chưa nói đã động gì tới nữa như nó đã lơ lửng trong không khí, ai nấy đều đoán trước được như một cơn giông mà ta thấy được trong cái bình tĩnh trên báo đương thấy ở trên khắp các mặt trận. Trở lại chiến đấu sau một thời gian chữa chạy ở bệnh viện là một việc thông thường đối với một chiến sĩ. Việc thông thường đó không đặt thành vấn đề gì hết đối với ai, trừ đối với Mêrétxép. Anh có thể nhờ sự khéo léo và sự rèn luyện của mình thay thế cho cặp giò đã cụt không?

Anh theo đuổi mục đích mà anh tự đặt ra cho mình với một lòng say mê ngày càng sôi nổi. Cứ mỗi ngày thêm một số phút mãi, những cuộc tập chân, và tập toàn diện của anh đã cuối cùng kéo dài tới hai giờ mỗi buổi sáng và mỗi buổi chiều. Theo anh nghĩ, như vậy còn là ít. Anh lại thêm một buổi tập nữa sau bữa ăn. Thiếu tá Stơrúccốp đưa cặp mắt chế giễu nhìn theo anh, không quên làm như báo trò vui:

- Bây giờ mời đồng bào coi một nhân vật kỳ lạ: thầy đại phù thủy Alếchxây Mêrétxép, của quý duy nhất của rừng rú Sibêri, biểu diễn nghề riêng.

Thực tế, trong những động tác mà Alếchxây tự bắt mình phải làm, có cái gì giống với cái mê say của bọn thầy phù thủy. Thấy anh thực tập là nao lòng: nào đưa đưa đẩy đẩy mãi không thôi, nào xoay tròn mình một cách đều đặn, nào quay cổ và quay tay, mọi động tác anh đều ra sức làm đều đều như chiếc đồng hồ đo âm thanh. Trong những lúc anh tập, những đồng chí của anh đã đi lại được đều bỏ đi ra ngoài hàng ba đi vơ vẩn. Chỉ có Stơrúccốp bị đóng đinh vào giường, thì anh trằm mền kín đầu và ráng ngủ êm. Tất nhiên, cả phòng ai cũng tin rằng không tài nào lái phi cơ được với cặp giò đã cụt, nhưng trước quyết tâm của người đồng chí, mọi người đều phải kính trọng và muôn nghìn lời đùa giỡn thực ra chỉ che giấu sự cảm phục đối với anh.

Lúc đầu, xương đầu gối của thiếu tá Stơrúccốp bị gãy tưởng nhẹ thôi, nhưng hiện nay thấy thực ra nghiêm trọng hơn là mọi người tưởng. Phải bó bột cho chân anh, và khỏi thì chắc hẳn là khỏi rồi, nhưng không phải là việc mau lẹ được. Anh thiếu tá, cần nhẫn đủ giọng chửi bới chân anh. Bất cứ chi một chuyện chẳng ra gì anh cũng cáu tiết và la rầy khắp mọi người được. Trong những lúc đó, anh muốn đánh lộn với bất cứ ai định cãi lý với anh. Anh em thấy thế đều như đã thăm dặn nhau là đừng làm chi phiền anh, mặc kệ anh, để cho anh “bắn cho hết đạn”, như chính anh thường nói, rồi tính vui vẻ tự nhiên của anh nó sẽ trở lại.

Stơrúccốp cắt nghĩa rằng có hai điều làm cho anh bức nhất là không được hút thuốc dù chỉ là một điếu thôi ở trong buồng xí và không được ra ngoài hàng ba nói chuyện tí chút với cô bé y tá tóc hung mà anh đã liếc mắt đưa tình khi đưa anh sang bên phòng mổ thay băng. Có lẽ điều đó có phần nào đúng, nhưng Mêrétxép thì chú ý thấy thiếu tá nổi sung lên mỗi lần, qua kính cửa sổ, anh thấy máy bay liệng trên không phận Mátxcơva hay nghe đài hoặc đọc báo, anh thấy tin một cuộc chiến đấu với máy bay giặc hoặc thành tích của một phi công mà anh quen thuộc. Chính Mêrétxép cũng phát

bắn vào những lúc đó. Nhưng anh không biểu lộ gì hết, và so sánh mình với Stơrúccốp, thì anh thấy tự hào trong lòng. Anh cảm thấy như anh đã tiến lại được gần hơn con “người chân chính” mà anh cố học theo.

Thiếu tá Stơrúccốp thì vẫn cứ giữ nguyên bản chất của mình. Anh ăn nhiều, cứ suốt ngày hể hả vì bất cứ chuyện gì và ưa kể những chuyện phụ nữ, vừa kể vừa chứng ra là anh thích gái đẹp đồng thời lại khinh ghét đàn bà. Anh đặc biệt khinh khi những phụ nữ không ở tiền tuyến.

Mêrétxép thấy khó chịu đối với những câu chuyện này của Stơrúccốp. Khi nghe kể chuyện, anh thường nghĩ tới Onga hay là chuyện cô gái ở đài thiên văn mà mọi người ở trong đoàn thể đều kể chuyện lại là đã dùng súng tổng cổ một viên thượng sĩ ra khỏi căn nhà cô ở mặt trận, vì anh này đã nói chuyện trây ỳ với cô và hơn nữa, chỉ suýt nữa là tặng cho thượng sĩ này một phát súng. Alếchxây có cảm tưởng là thiếu tá Stơrúccốp phỉ báng những phụ nữ hạng ấy. Một hôm anh này lại cũng kể một câu chuyện loại đó và kết luận giống hệt như thường lệ bằng câu: “con nào cũng thế cả thôi” và bất cứ là con nào cũng có thể chinh phục được trong khoảnh khắc, Mêrétxép, không chịu nổi nữa, anh nghiêng răng lại, mạnh đến nỗi mặt tái mét đi và hỏi:

- Bất cứ là một cô gái nào ư?

Stơrúccốp bình tĩnh trả lời:

- Bất cứ con nào!

Cơlaodĩa Mikhailôna bước vô phòng, và chị rất ngạc nhiên thấy không khí căng trong phòng, biểu lộ trên nét mặt thương binh. Chị vừa theo thói quen thường vén mớ tóc lò xo dưới mũ vừa hỏi:

- Có việc gì thế các đồng chí?

Thiếu tá tươi cười rạng rỡ trả lời:

- Nói chuyện đời đó thôi. Bọn già chúng tôi thế đó: nói chuyện tếu chứ có biết làm gì nữa đâu!

Khi cô y tá ra rồi, Mêrétxép lấy thế tấn công hỏi lại:

- Cô này cũng như bất cứ cô nào hả?

- Mà y tưởng nó khác người lắm sao?

Gôvơđép nghiêm nghị nói:

- Để cho Còlaodĩa Mikhailôna được yên ổn. Có người cũ trong bọn chúng ta thường gọi cô ấy là “cô tiên Xô viết” hiền hậu của chúng ta đấy!

- Đứa nào dám cá nào?

Mêrétxép mắt đen lóng lánh lên vì tức giận, la lớn:

- Đánh cá à? Mà y định cá cái gì?

- Một viên đạn súng lục, nếu mà y cũng muốn, y như bọn sĩ quan thời trước: nếu mà y thắng, tao để cho mà y hạ tao và nếu tao thắng, mà y phải để tao bắn.

Storúccốp vừa cười vừa nói, cố để chuyện trở thành giỡn cợt.

Mêrétxép bực tức quát lên:

- Đánh cá? Chuyện thế mà cũng cá được! Mà y quên mà y là sĩ quan Xô viết rồi sao? Thôi, bây giờ nếu mà y có lý tao cho mà y nhổ nước miếng vào mặt tao, nhưng cẩn thận, cuối cùng tao sẽ nhổ vào mặt mà y cho coi!

- Nếu mà y không dám cá, thì thôi cũng được. Chả cần phải nổi nóng vô ích! Riêng tao, các bạn ơi! Tao chẳng cần thế cũng sẽ làm cho tụi mà y thấy chả cần phải âm ỉ lên thế vì một mụ đàn bà!

Từ hôm đó, Storúccốp tỏ vẻ sẵn đón vô cùng đối với chị Còlaodĩa Mikhailôna. Anh kể những chuyện vui, và về những chuyện này thì anh rất thạo. Bất chấp tập quán của phi công là không ca tụng những chiến công của mình trước kẻ khác, anh kể hết những câu chuyện đã xảy ra trong đời anh cho cô nghe, và quả thực đời anh đầy rẫy những chuyện lý thú. Hơn nữa, anh lại còn cố bịa ra những chuyện gia đình anh nói là bị xấu số, và tự than thấy cô độc một mình, nghe ai oán lắm, tuy rằng cả phòng ai cũng biết rằng thiếu tá chưa có vợ và anh chẳng có gì đáng tội nghiệp cả.

Còlaodĩa Mikhailôna, tuy đối xử với anh cũng như với mọi người, cũng đôi lúc đến ngồi mép giường anh để nghe kể chuyện chiến đấu của anh, khi đó anh giả bộ như vô tình nắm tay cô, mà cô thì không chú ý cũng không rút tay ra. Mêrétxép thấy vậy bưng bưng tức giận và cả phòng ai cũng khó

chịu về thái độ của Stơrúccốp vì anh làm y như anh ra sức thắng trong một cuộc đánh cá thiệt vậy. Các đồng chí đều dứt khoát buộc anh phải chấm dứt trò chơi đề tiện đó ngay và đang định can thiệp một cách cương quyết thì bỗng nhiên sự việc đã thay đổi bất ngờ.

Một buổi chiều, đến phiên gác của mình Còlaodĩa Mikhailôna vô phòng số 42, không phải vì công tác, mà chỉ để chuyện trò đôi chút theo một thói quen của chị đã khiến cho chị được cảm tình của tất cả các thương binh. Thiếu tá bèn kể một câu chuyện và chị lại ngồi cạnh giường anh. Sau đó thế nào, không ai thấy hết, nhưng mọi người đều quay cổ lại vừa vùng đứng lên. Cô tức giận: đôi lông mày dựng ngược phía trán, hai má đỏ bừng, cô nhìn thẳng vô mặt Stơrúccốp trong lúc anh này bối rối và gần như lo sợ.

- Đồng chí thiếu tá! Nếu anh không phải là thương binh và nếu tôi không phải là y tá, thì tôi đã bạt tai anh rồi.

- Không, không! Có gì đâu... Chị Còlaodĩa Mikhailôna. Tôi cam đoan, tôi đâu có định... Chỉ giỡn thôi mà...

- À đó là giỡn ư? - Cô nhìn anh với cặp mắt không phải là tức giận như hồi nãy nữa mà là khinh bỉ. Rồi cô tiếp:

- Được, như vậy thì tôi không cần nói gì với anh nữa. Này nghe nhá! Các đồng chí của anh làm chứng đấy nhé: tôi xin từ nay anh chỉ nói gì với tôi về công tác, mỗi khi anh cần tôi săn sóc bệnh cho anh thôi đấy! Thôi chào tất cả các đồng chí ngủ ngon!

Và cô bước ra, bước đi nặng nề khác hẳn ngày thường. Chắc là cô đã ráng lắm mới giữ nổi bình tĩnh.

Cả phòng im lặng hồi lâu. Rồi Alếchxây phá lên cười đắc thắng và chế giễu. Và mọi người quay lại mắng thiếu tá:

- Cậu đã được thưởng với cấp bậc nhé!

Mêrétxép mất long lên như lửa, tỏ vẻ lễ phép hỏi.

- Đồng chí thiếu tá, xin phép đồng chí cho tôi nhổ nước miếng ngay bây giờ hay chờ lát nữa ạ?

Storúccốp bền lên. Nhưng anh không muốn nhận sự thất bại, và công bố thực ra không tin tưởng chi lắm:

- Ô chào! Tấn công thất bại, nhưng không hề gì, ta bày lại cuộc khác!

Từ đó tới tối, Storúccốp không nói một câu nào, chỉ thối sáo miệng thầm, đôi lúc lẩm bẩm “úi chào, úi chào” để chấm quãng những ý nghĩ miên man trong đầu anh.

Ít ngày sau câu chuyện đó, Constantin Cựcúckin được giấy ra bệnh viện. Anh ra đi bình thản, thay vì từ giã mọi người thì chỉ bô ba công bố, tổng khứ tở, cút đâu thì cút. Anh ra đi thật là vô tình, nhưng anh cũng dặn dò Mêrétxép và chị y tá chú ý gửi giùm thư của má anh về đơn vị cho anh, đừng để lạc mất.

Mêrétxép dặn lại anh:

- Còn cậu viết thư cho biết cậu nhé! Cho biết được đón tiếp ra sao nhé!

- Viết cho cậu ấy à? Để làm gì vậy? Cậu ăn thua gì với mình hả? Uống giấy thôi. Với lại có viết, thì đợi mà được cậu trả lời đấy!

- Thì tùy cậu đó!

Cựcúckin bước ra chắc cũng chẳng nghe thấy câu trả lời ấy nữa. Anh đã ra khỏi phòng bệnh, không ngoái cổ lại. Rồi anh qua khỏi cửa bệnh viện, và cũng chẳng ngoái lại hơn, anh bước theo bờ sông, biển sau góc phố, dù anh biết hẳn hoi rằng, theo lệ thường, mọi người trong phòng lúc đó đều ra cửa sổ nhìn theo anh ra đi.

Tuy nói vậy anh cũng đã viết và viết khá sớm cho Alếchxây. Thư anh khô khan như một thư nhà buôn. Anh chỉ kể lại chuyện trung đoàn đón anh rất ân cần và nói thêm rằng trung đoàn bị thiệt hại nhiều trong những cuộc chiến đấu gần đây và rất vui khi thấy có những phi công có ít nhiều kinh nghiệm đến. Anh kể tên những đồng chí bị thương và tử trận. Anh nói bạn bè không quên Mêrétxép; đồng chí chỉ huy trung đoàn mới được thăng chức thượng tá và khi nghe nói Alếchxây tập thể thao để trở về với nghề máy bay thì đồng chí ấy nói:

- “Mêrétxép sẽ trở về nghề được. Nó đã quyết định thì nó sẽ thành công!”. Tham mưu trưởng cho rằng không làm được những chuyện không

thể làm được, nhưng Thượng tá công bố trở lại với những người như Mêrétxép thì không có gì là không làm nổi. Alếchxây lại ngạc nhiên hơn nữa là thấy Cúcúckin viết mấy dòng nói về cô “đội thiên văn”. Cúcúckin cho biết là cô đội ta hỏi thăm Mêrétxép dồn dập quá đến nỗi anh phải ra lệnh cho cô phải “Ng nghiêm, đừng sau quay”.

Cuối thư, Cúcúckin cho biết rằng ngay hôm tới đơn vị anh đã bay hai lần, chân vẫn mạnh và trung đoàn sắp nhận thêm nhiều phi cơ kiểu LA5. Đếchcharencô là người tiếp nhận các máy bay mới này, cho rằng so với máy bay này, tất cả các máy bay của Đức chỉ còn là những cái “thùng” hay những cái “xoong”.

Mùa hè đã đến sớm hơn thường khi. Những người ở trong phòng số 42 nhìn ra rặng cây bạch dương lá cành dày đặc và tươi sáng. Tiếng lá nghe xào xạc và như thì thầm từng hồi. Buổi chiều, bụi của đường phố phủ một lớp trên lá làm mất vẻ tươi sáng lúc ban mai.

Một buổi sáng mùa hè mát mẻ, trong sáng và vàng tươi, Colaudia Mikhailôna long trọng dẫn vô phòng một người đã trọng tuổi, mắt mang gọng kính sắt đã hư cột lại bằng ít dây. Mặc dù ông ta mặc một áo “bờ lu” trắng toát và ủi kỹ lưỡng, nhưng nhìn dáng điệu vẫn thấy được ông là một người thợ thủ công già. Ông đem tới một cái gói, bên ngoài bọc giẻ trắng, đặt ngay trước giường Mêrétxép. Thận trọng từng chút, và bằng những cử chỉ rất trang trọng như người làm ảo thuật, ông bắt đầu mở gói đó ra. Tiếng da mới thuộc rin rít kêu dưới tay ông và một mùi thơm dễ chịu tỏa ra khắp phòng. Đó là một cặp chân giả mới nguyên màu vàng, còn kéo kẹt, đặt làm riêng cho Mêrétxép. Hai chân giả này có mang giày mới thật đẹp, do quân nhu cấp phát - điều đó đã làm cho người thợ tự hào không phải ít. Đôi giày đi vừa chân đến nỗi có thể có cảm giác như hai chân thiệt xỏ vô giày.

Người thợ ngắm nghía tác phẩm của mình qua phía trên cặp mực kính, nói:

- Với đôi giày này, anh có thể đi dự tiệc cưới được đấy! Ấy chính Vátxili Vaxiliêvít đã dặn tôi khi đặt làm cặp chân này: “Duiép, bác gắng làm cho cặp chân thật tốt, tốt hơn là chân thực đấy nhé!”. Đó! Duiép đã làm xong đó! Nhưng chân giả thứ này là chỉ để cho Nga hoàng xài.

Lòng Mêrétxép se lại khi thấy cặp chân giả. Máu trong người anh như muốn lạnh buốt đi, nhưng anh nóng lòng thử cặp chân giả và tập đi, đi một mình, nên đã nén được tất cả các tình cảm khác. Anh rút hai chân què của anh ra khỏi mền và giục ông thợ lắp thử giùm. Nhưng ông thợ, một người đã có dịp trong “thời kỳ hòa bình” làm một bộ chân giả cho một ông “hoàng” bị cụt chân lúc đua ngựa, ông thợ không thích nôn nóng kiểu đó. Ông tự mãn với tác phẩm của mình, nên muốn kéo dài thời giờ vui thích.

Ông lấy tay áo chùi cặp chân giả, dùng móng tay cạy một vết dơ, miệng thổi bụi trên da và kéo mép áo bờlu đánh bóng thêm một lần nữa. Rồi ông đặt nó xuống đất, chậm rãi xếp nùi giẻ lại bỏ túi.

Alếchxây ngồi trên giường nóng ruột:

- Lè lẹ một chút, bác ơi! Bác còn chờ chi thế?

Giờ đây anh nhìn chân cụt của anh với một cặp mắt mới. Anh thấy như đôi chút vừa lòng: bắp chân anh cứng rắn, và dưới làn da nâu có những bắp thịt mạnh mẽ, chứ không phải là mỡ như những cặp giò không cử động từ lâu. Đây chẳng khác như không phải là cặp giò cụt, mà là hai chân còn nguyên của một người đi bộ lão luyện. Đi nhiều và đi nhanh.

Ông già càu nhàu:

- Còn chờ chi? Còn chờ chi à? Chạy gấp quá có ích gì đâu. Vaxili Vaxiliêvít đã nói với tôi: “Duiép, phải làm trội hẳn hơn trước kia nhé! Vì trung úy, ông ta nói thế đấy, muốn bay với hai chân mà Duiép sẽ chế tạo cho anh ta chứ không phải với chân nào khác”. Bây giờ thì đã xong rồi đấy. Bây giờ thì dùng đi. Có chân giả như thế này, thì không phải chỉ đi được mà thôi, mà còn đạp xe máy được, và khiêu vũ Penca được với các cô bé nhỏ nhỏ nữa đấy nhé!

Ông đặt căng cụt phía mặt của Alếchxây vào ổ đầu chân giả có chèn nỉ dày và cột chặt dây curoa lên căng anh. Ông lùi lại để ngắm nghía tác phẩm của mình và chặc lưỡi:

- Đây mới là thứ giày đẹp nhất! Nó không bận vướng anh chút nào cả phông. Nói thiệt, chứ anh tìm cả Mátxcơva cũng không tìm được một người thợ nào như Duiép đâu! Duiép, bác ta có những ngón tay tiên.

Ông khéo léo lắp thêm một chân thứ hai. Và khi ông cột dây vừa xong thì Mêrétxép đã lanh lẹ và mạnh mẽ nhảy ra khỏi giường. Đánh rầm một cái, Mêrétxép kêu gào lên đau đớn và ngã vật xuống, toàn thân như một khối thịt nằm dưới chân giường.

Ngạc nhiên, ông thợ già tuột mất cả cặp kính. Ông không ngờ khách hàng của ông lại vùng lên như vậy. Mêrétxép nằm sóng soài trên sàn, ngao

ngán, thất vọng, hai chân giả xoạc hẳn ra hai bên. Mắt anh trông chờ đẫn, ngưỡng ngùng và lo sợ. Anh đã vỡ mộng rồi ư?

Colaodia Mikhailôna giơ hai tay lên trời và chạy vùng tới đỡ anh. Với ông thợ già, cô dìu Alếchxây lên giường. Anh tuyệt vọng, và nét buồn lo hiện rõ trên mặt anh.

Người thợ rầy rà:

- Nè! Chú bạn, đâu có làm như thế được! Đâu thế! Anh nhảy y như là đã lắp chân thiệt cho anh ấy! Chú bạn thân đừng thối chí, chớ tiu nghỉu mặt mà y như thế! Có điều là bây giờ phải bắt đầu lại từ đầu, có thể thôi! Từ nay, chú mình phải quên đi, đừng nghĩ mình là một nhà binh nữa, mà chỉ là đứa con nít, rồi tập đi, lúc đầu phải có nạng, sau vịn vô tường, và sau nữa chống cái gậy. Không nên một lúc đã muốn làm được ngay tất cả mà phải lần lần từng chút, anh có cặp chân tốt thiệt, nhưng không phải là chân của anh. Có ai làm nổi cặp chân mà ba má anh đã làm cho anh hồi trước!

Nhảy một cái vô lối như thế đã làm cho hai chân đau nhói và nặng trĩu lại, nhưng anh vẫn muốn thử ngay lần nữa. Anh xin một cặp nạng bằng nhôm rất nhẹ. Anh chống đôi nạng xuống sàn, cặp chặt nệm ở đầu nạng dưới nách, và lần này thì chậm chậm, cẩn thận, anh dần lướt ra khỏi giường và đứng thẳng người. Đúng rồi: anh giống như đứa con nít không biết đi, nó tự đoán được rằng có thể đi được, nhưng rất sợ bước xa bức tường mà nó vịn. Cũng như đứa con nít lúc tập đi, cha mẹ nó phải cột khăn dưới nách để dìu đi, anh cũng được cô y tá và ông thợ dìu đi từng bước. Lúc đầu anh còn đứng một chỗ, khúc chân cụt đau nhói ở chỗ đè lên chân giả. Rồi còn chập chững anh kéo đưa một cái nạng lên trước, cái kia sau, tì toàn thân lên nạng rồi kéo theo một cái căng trước, cái kia sau. Tiếng da thuộc kêu rín rít và hai tiếng nặng nề lộp cộp trên đất.

Ông thợ già lẩm bẩm:

- Được đó, được đó...

Anh bước thêm vài bước nữa, thận trọng từng chút. Nhưng anh phải cố gắng vô cùng, khiến từ giường ra cửa và trở vô giường chỉ có thể mà sao anh thấy mỗi một như một người vác một bao bột lên lầu. Khi anh trở về tới

giường thì anh chỉ còn kịp vật mình xuống nằm sấp trên giường, mồ hôi nhễ nhại, không trở mình lại được nữa.

- Thế nào? Anh thấy cặp chân giả của tôi làm như thế nào? Nhờ Chúa, mới có một nhà nghệ sĩ như Duiép trên trái đất.

Ông thợ làm chân giả vừa nói một hơi dài, nói một cách lẩn thẩn, vừa tháo dây chính curoa để giải phóng cặp chân cụt của Alếchxây đã sưng lên. Ông nói nữa: Với cặp chân giả như thế này, anh có thể bay, có thể lên tới tận ông Trời. Thực là một công việc đáng là một công việc...

Mêrétxép lẩm nhẩm:

- Cám ơn, cám ơn bác lắm. Thực là một công trình xuất sắc.

Ông thợ im lặng ngập ngừng như muốn hỏi thêm một câu nữa nhưng ngập ngừng không hỏi lại, hay như chờ người ta hỏi lại mình. Đoạn, ông thở dài thất vọng, bước lần ra cửa rồi chào mọi người:

- Vậy thì thôi, xin chào ạ! Cầu chúc các anh đều may mắn.

Storúccốp lớn tiếng gọi:

- Nè, nghệ sĩ, lấy cái này mà nhậu mừng cái chân giả của bác mà “chỉ có Nga hoàng mới được xài” chớ?

Nói rồi, anh nhét vào tay ông già một sấp tấm giấy bạc lớn.

Ông già vui vẻ hẳn lên trả lời:

- A! Cám ơn, cám ơn! Anh nói đúng đấy, phải đánh chén chứ!

Nói xong, ông cẩn thận cất tiền vô túi và kéo áo bờlu lại, Đúng điệu bộ của người thợ thủ công khi xếp lại khăn tạp-dề mặc khi làm việc:

- Cám ơn các anh, rồi đánh chén chứ! Nè, về cặp chân thì, lạy Chúa! Cứ tin cậy ở nó! Vaxili Vaxiliêvít thì nói riêng với tôi rằng: “Duiép, đây là một chuyện quan trọng, tôi tin ở bác đấy”. Đã vậy thì anh có thể tin lời Duiép: là Duiép, thì có thể tin cậy được. Và có dịp gặp Vaxili Vaxiliêvít, đừng quên nói giùm là rất vừa ý cặp chân này nhé!

Ông lui ra, chào mãi không thôi, và miệng vẫn nói lải nhải. Mêrétxép lại nằm xuống. Anh nhìn cặp chân mới, đặt ở đó, cạnh giường anh. Anh càng nhìn, càng thấy cặp chân làm khéo vừa chu đáo vừa nhẹ nhõm: có thể đi xe

máy, khiêu vũ Penca, leo lên tận Chúa Trời. Anh nghĩ: “Mấy việc đó mình đều có thể làm được. Chắc chắn là có thể làm được”.

Hôm đó, anh gửi cho Onga một lá thư dài, thiệt là vui, trong đó anh báo cho nàng biết công việc tiếp nhận máy bay gần xong rồi và nhờ sự giúp đỡ của cấp chỉ huy, có lẽ mùa xuân hay chậm nhất là mùa đông, anh sẽ được thôi cái công việc chán ngắt này ở hậu phương, lại trở ra mặt trận, về trung đoàn của anh, nơi đây các đồng chí đang chờ anh và rất nhớ anh.

Đây là bức thư đầu tiên lời lẽ vui vẻ anh gửi cho nàng kể từ ngày anh gặp nạn lớn. Cũng là thư đầu tiên mà anh viết cho vị hôn thê trong đó anh nói luôn luôn nhớ tới nàng và rất mong ngày tái ngộ. Hơn nữa, anh còn tiến từ cái mức nói hờ ra một cách kín đáo rằng sau chiến tranh, hai người có lẽ sẽ gặp được nhau, và nếu nàng không thay đổi ý kiến, thì hai người sẽ có thể chung sống với nhau. Anh đọc lại bức thư đó nhiều lần rồi anh thở dài, lấy bút gạch bỏ kỹ lưỡng những dòng sau chót.

Anh cũng lại còn viết một lá thư giọng vui đùa cho cô “đội thiên văn” trong đó anh kể sự việc ngày đó của anh với thực nhiều chi tiết thú vị: anh tả những cái chân giả mà “Nga hoàng cũng chẳng có được như thế”, tả lần tập đi thứ nhất của anh, cùng lời lẽ ba hoa của ông thợ già, và lại kể cả những dự kiến của anh đi xe máy, khiêu vũ, và bay lên bảy tầng trời. “Mọi người hãy chờ tôi nhé, và đừng quên nói với chỉ huy trưởng là nếu dọn cơ quan thì sắp cho tôi một chỗ ở đấy nhé”. Vừa viết, anh vừa liếc xuống sàn. Cặp chân giả để thế nào mà thoát nhìn, tưởng có một người nằm trốn dưới giường, thò ra hai chân có mang đôi ủng cực đẹp, vàng, mới. Alếchxây lén nhìn quanh mình thấy quả không có ai ngó anh, anh âu yếm vuốt ve cặp chân giả da lạnh ngắt và rin rít.

Có một nơi khác nữa mà chân giả “chỉ có Nga hoàng mới được xài” đã được thảo luận sôi nổi: đó là lớp đệ tam trường Đại học Y khoa. Các cô thiếu nữ bấy giờ chiếm đại đa số tuyệt đối trong lớp được Anhuta cho biết mọi tin tức sự việc của phòng 42. Cô rất hãnh diện vì người viết thư cho mình là thư của trung úy Gơvôđép gửi tới, không phải để cả cử tọa nghe, thì than ôi! Đều được lớn tiếng đọc chung cho mọi người cùng nghe. Có khi trích đọc, có khi đọc cả thư, chỉ riêng trừ ít đoạn quá thân mật. Phần này phải nói rằng ngày càng tăng thêm trong thư từ ấy giữa hai người.

Các nữ sinh viên đệ tam Y khoa, và trước hết là Anhuta rất có cảm tình với anh Gơrigôri Gơvôđép anh hùng, không thích anh chàng Cựcúckin hay cái kính, khâm phục quyết tâm không gì thắng nổi của Mêrétxép và đau buồn như có sự đau buồn riêng khi biết tin chính ủy mất, vì Gơvôđép đã mô tả một cách mê say, khiến các cô đều kính yêu. Nhiều cô đã không ngăn được nước mắt khi nghe đọc bức thư kể rõ cái chết của con người hết sức kiên cường và yêu đời ấy.

Thư từ qua lại giữa bệnh viện và trường Đại học ngày càng nhiều. Những thanh niên này không bằng lòng với nhà bưu điện vì khi ấy không mau lắm. Trong một lá thư, Gơvôđép đã từng nhắc lại câu nói của chính ủy, vì những bức thư bấy giờ tới tay người nhận thư như những tia sáng của các ngôi sao xa xôi. Có khi người viết đã chết rồi mà lá thư vẫn còn chậm chạp đi mãi trên đường bưu điện để đem tới cho người nhận thư những lời về đời sống của một người đã chết từ lâu. Anhuta lúc nào cũng đầy sáng kiến, tìm cách gửi thư tiện hơn nhà bưu điện. Cô nhờ được một chị y tá già vừa làm việc ở y xá Đại học vừa làm việc ở bệnh viện của Vaxili Vaxiliêvít. Nhờ thế từ đó trường Đại học được biết tin của phòng 42 chỉ chậm một hay hai ngày. Những bộ chân giả mà “chính Nga hoàng cũng chưa bao giờ được xài” đã làm cho nhà ăn của trường Đại học tranh luận sôi nổi về vấn đề Mêrétxép có bay được không. Các cô thảo luận hăng lắm. Dù mỗi người một ý, nhưng ai cũng có cảm tình đối với phi công. Các chị bi quan thì nêu

lên hết những khó khăn, phức tạp của cuộc điều khiển máy bay săn giặc và cho rằng không thể nào được; các chị lạc quan thì cãi lại rằng với một con người đã vượt được phòng tuyến giặc bằng cách bò lê hai tuần lễ, bò qua biết bao đường dài, qua rừng, qua rậm, có trời biết dài bao nhiêu cây số, thì việc gì cũng có thể làm được. Để dẫn chứng cho lập luận của mình, các chị nêu lên nhiều thí dụ rút ra từ lịch sử hay từ những cuốn sách các chị đã đọc.

Anhuta không nhảy vô những cuộc tranh luận như thế. Cô không chú ý nhiều đến cặp giò giả của anh phi công mà cô quen biết này. Mỗi khi rảnh rỗi, cô nghĩ ngay đến quan hệ giữa chính cô và Gorigôri Govôđép, mà cô thấy ngày càng phức tạp. Lúc đầu, khi nghe câu chuyện bi đát của người sĩ quan anh hùng ấy, cô viết thư chỉ có ý để an ủi anh trong cơn tai biến mà thôi. Nhưng rồi lần lần đôi bên quen nhau, tuy chẳng thấy nhau, thì hình ảnh trù tượng của người anh hùng chinh chiến lần lần nhường chỗ cho hình ảnh của một trang thanh niên cụ thể, mà cô ngày càng nghĩ tới. Cô nhận thấy mình đã lo lắng và buồn rầu khi không nhận được thư của anh. Tình cảm mới đó làm cho cô vừa sung sướng lại vừa kinh hoàng. Phải chăng đó là tình yêu? Nhưng lẽ nào có thể yêu được một anh chàng chỉ mới biết bằng thư từ, chưa hề thấy mặt và nghe tiếng một lần? Còn thư của anh lái xe tăng thì lại cũng ngày càng chứa đựng nhiều đoạn mà cô không tiện đọc cho bạn bè nghe. Khi chính anh Govôđép, một ngày nọ thú thật rằng “tình cảm yêu đương bằng thư”, như anh nói, đã xâm chiếm cõi lòng anh thì Anhuta cũng không còn hoài nghi gì được nữa rằng nàng đã yêu, không phải tình yêu trẻ con, thứ tình yêu của nữ sinh, nhưng đó là một mối tình thật sự. Cô có cảm giác rằng đời cô sẽ vô nghĩa, nếu những thư từ mà giờ đây cô đang nóng lòng chờ mong như thế sẽ không gửi tới nữa. Như thế là, không gặp nhau lần nào, mà cả hai đều để bộc lộ mối tình của mình. Sau khi có sự tỏ tình đó rồi, Govôđép thay đổi hẳn. Lời thư của anh ngày càng bồi hồi, lo lắng và băn khoăn ngại ngùng. Rồi anh thu hết can đảm, viết cho nàng rằng anh đang làm vậy, rằng hai người ngỏ lòng thương nhau mà không gặp nhau, nhưng chắc nàng sẽ không thể tưởng tượng được rằng những vết bỏng đã phá hoại mặt mũi anh đến thế nào, khiến anh không còn

giống chút nào tấm hình chụp trước đây mà anh đã gửi cho nàng. Anh không muốn lừa gạt sự tin cẩn của nàng và anh yêu cầu nàng đừng nói chi đến tình, đến cảm nữa, trước khi chính mắt nàng thấy anh, để biết rõ đối tượng của mình như thế nào.

Thiếu nữ bắt đầu buồn giận, rồi cô lo sợ. Cô giờ tấm hình ra coi: Một thanh niên lịch sự, đẹp trai đang nhìn cô. Anh có cái cằm bướng bỉnh, cái mũi thẳng vạch thực đẹp, râu mép xinh xinh trên đôi môi thanh tú. Vừa trân trân nhìn hình, cô vừa lẩm bẩm hỏi: “Thế bây giờ, anh ra sao, anh yêu của em?”. Là thầy thuốc, cô hiểu rằng cháy bỏng khó lành, sẽ để lại những vết sẹo sâu và không tài nào xóa nổi. Cô nhìn lại giây phút trong tư tưởng pho tượng đắp mặt người bị bệnh lột da mặt cô thấy bày ở Viện bảo tàng cơ-thể-học. Mặt sần sùi những vạch dài và những bong sưng xanh ngắt, môi nứt nẻ và bị rách, lông mày bị đục khoét và mi mắt đỏ lòm vì không còn mi nữa.

Nếu anh của mình cũng như thế? Nghĩ tới đó, cô kinh khủng, mặt tái xanh. Nhưng cô lại tự trấn tĩnh và nổi giận với chính mình... Vì nếu thật đã như thế thì đã sao nào? Anh đã tiếp tục chiến đấu trong một cái xe tăng bùng bùng bốc cháy. Anh đã bảo vệ tự do cho nàng, có thể học tập, bảo vệ danh dự và tính mạng cho nàng. Anh là một vị anh hùng dám hy sinh đời mình trong chiến đấu và đang sốt ruột muốn sớm trở về để lại hy sinh nữa.

Còn nàng, nàng đã làm gì cho cuộc chiến tranh? Nàng đã đào hầm, đã leo mái nhà để canh gác và hiện nay đang làm việc trong một bệnh viện tản cư. Công việc này có thể so sánh với thành tích của anh không? “Ta do dự như thế mà thôi cũng là không xứng đáng với anh ấy rồi!”. Nàng tự nói với mình như thế để xua đuổi một cách chặt vật hình ảnh của người bị bệnh lột da, mặt mày tan nát, trông không còn ra mặt.

Hôm đó, nàng viết một thư dài và âu yếm nhất từ trước đến nay, Govôđép nhận thư đâu có hiểu gì về những do dự của nàng. Anh đọc đi đọc lại mãi những hàng chữ trong bức thư dịu dàng nhường ấy trả lời cho những lo âu của anh; anh lại còn cởi mở cả nỗi lòng với Storúccốp. Anh này nghe chuyện tỏ vẻ thông cảm vô cùng và trả lời:

- Đừng có lo gì nữa, chú lái xe tăng! Tục ngữ có câu: “Sắc đẹp không ăn được” và lúc này, mày biết không, đàn ông ấy à? Không cái gì thiếu bằng đâu nhé!

Câu nói đó thực chẳng làm cho Gôvôđép yên lòng chút nào. Gần đến ngày anh lấy giấy ra khỏi bệnh viện, anh càng thường soi gương, lúc đứng xa, mắt liếc nhìn mau vội, lướt qua, mặt mình trong gương, lúc đứng gần, gần vào gương bộ mặt dị hình của mình, và ngắm nghía hàng giờ những vết cào xé mặt.

Anh nhờ Côlaodĩa Mikhailôna mua kem và phấn cho anh. Chẳng bao lâu, anh biết rõ rằng không có một thứ đồ trang sức nào có thể che lấp những vết sẹo của anh. Nhưng đến đêm, khi mọi người đã ngủ, anh cũng vẫn dậy, rón rén vào phòng tiêu xoa bóp mãi không thôi những vết sẹo đỏ rực của anh, đánh phấn, rồi lại xoa bóp nữa, rồi soi gương với hy vọng đổi khác. Nhìn xa, anh có dáng người lăm: anh vạm vỡ to khỏe, đùi mông thanh tú trên đôi cẳng thẳng và thon. Nhưng lại gần, thì sẹo đỏ lôm trên má và lên cằm làm vằn vùi và nhăn nheo cả da, khiến anh trông mà tuyệt vọng. Anh kinh hoàng tự hỏi: nàng thấy thế, thì nàng sẽ có cảm giác như thế nào? Nàng có thốt nhiên kinh ngạc vừa ngay khi thấy anh không? Nàng sẽ quay mặt, bước đi nhún vai khinh khi. Hay còn đau đớn hơn nữa, là nàng sẽ ở lại nói chuyện vài giờ chỉ vì lễ phép, nhưng toàn là những chuyện nhạt nhẽo, lạnh lùng, rồi nàng từ giã ra đi. Gôvôđép bàng hoàng, tái mặt đi vì bị sỉ nhục như vậy, y như vừa sống cảnh ấy rồi.

Anh lấy tấm hình của nàng ra coi, ngắm vầng trán cao, mái tóc quăn và bông chải lật ra sau gáy, mũi nhỏ, rộng và ngẩng lên, đặc điểm của người Nga, cùng cặp môi tươi tắn của nàng, giống như môi trẻ thơ. Cặp môi trên của nàng, có một chấm nốt ruồi đen. Cặp mắt hơi nhô ra có lẽ là màu xám hay màu xanh. Cặp mắt đó nhìn thẳng mặt anh trông thật thà và thẳng thắn, trong bộ mặt nàng chan hòa một vẻ đẹp trong sáng và dịu hiền.

“Thực ý anh như thế nào, nói cho anh biết đi em! Anh có làm cho em sợ không nào? Có chắc em sẽ không chạy trốn khi thấy anh chẳng? Em có can

đảm không chú ý nhìn gương mặt dị hình của anh chẳng?”. Anh vừa nhìn hình vừa dò hỏi người trong hình.

Trong lúc đó thì ngoài hàng ba, lớp cộp tiếng nạng chống xuống sàn và ken két tiếng bộ chân giả đang bước đi; trung úy Mêrétxép đang đi đi lại lại không biết mệt mỏi. Một lần, hai lần, mười lần, hai mươi lần. Anh tập đi sáng và chiều theo đúng chương trình các động tác mà anh đã tự qui định, mỗi ngày lại đi nhiều hơn, nhiều hơn. Gôvôđép nhìn anh nghĩ: “Thực là dũng cảm! Cậu ấy quyết tâm đi tới đích với một ý chí bền bỉ và mạnh mẽ vô song. Chỉ trong một tuần, anh đã đi được khá quen bằng nạng. Người khác thì phải tập đến hàng tháng. Hôm qua anh không chịu nằm băng ca nữa. Anh đã tự tới phòng thay băng. Anh đã tự mình đi tới thay băng, do con đường có thang, khi đi cũng như khi về. Đau chảy nước mắt, nhưng anh vẫn rán chịu. Anh lại đã cự nự chỉ y tá định đỡ anh và anh đã vui sướng nở mày nở mặt khi anh đã lên bậc thang được một mình, thực chẳng khác như anh đã trèo lên tới đỉnh núi Enbờru vậy”.

Gôvôđép quay từ phía gương ra dõi theo Mêrétxép đang lanh lẹ đưa chân đi, đưa nạng đi. Bước nhanh lên nào! Mặt anh đẹp và dễ thương làm sao! Chiếc sẹo nhỏ cắt ngang một chân mày của Mêrétxép không làm cho anh xấu chút nào, trái lại tăng thêm phần nào vẻ đẹp của anh. Ôi chao, nếu mình, Gôvôđép, mình có bộ mặt như Mêrétxép nhỉ! Còn đôi chân thì có sao. Vì có ai thấy chân đâu; còn thì cứ tập thôi, là cuối cùng đi được, bay nữa cũng được. Nhưng bộ mặt thì khác! Bộ mặt giống như nửa cái củ cải bị nhấm nửa chừng, có thể nói ban đêm ma đã ra từng đàn nhảy múa làm dấu trên đó rồi chắc...

Alếchxây Mêrétxép sắp hoàn thành chặng thứ 23 buổi tập tối nay, từ đầu này tới đầu kia ngoài hàng ba, anh mệt mỏi vô cùng: mình anh khòm đi, đùi anh sưng lên đang nóng chấy, vai anh tỳ xuống nạng đã cứng hằn ra. Khi đi qua chỗ Gôvôđép, anh liếc nhìn người lái xe tăng đang đứng trước gương: thực là kỳ cục! Tại sao anh cứ mân mê hoài bộ mặt anh như vậy? Tất nhiên, anh có định làm một ngôi sao hát bóng thì khó đấy, nhưng còn lái xe tăng thì lúc nào anh muốn là được thôi mà! Khổ cái quái gì. Mặt ấy ư? Miễn là

đầu còn nguyên, và còn đủ cả tay cùng chân thì được rồi. Cần là cần cặp giò, cặp giò thiệt to, chứ không phải cặp giò cụt ngắn đau nhức và nóng hổi giống như đặt không phải trên da thuộc, mà là trên sắt nung đỏ vậy.

Tốc tốc, kết kết, tốc tốc, kết kết...

Trung úy Mêrétxép cần môi và cổ dẫn không để nước mắt trào ra khi anh đau quá, ráng đi chặng thứ 29 dọc theo hàng ba để hoàn thành đến cùng chương trình rèn luyện hàng ngày.

Giữa tháng sáu, Gorigôri Gôvơđép rời bệnh viện về đơn vị. Một hai ngày trước, anh thảo luận rất lâu với Alếchxây. Hai chiến hữu gặp nạn sung sướng vô cùng vì thấy đời tư của mình cùng đều rắc rối. Hai anh, chẳng giấu giếm gì hết, kể cho nhau nghe tất cả những lo lắng băn khoăn của mình, kể hết những gì hai anh càng thấy khó giữ cho một mình mình biết, vì hai anh đều coi như danh dự của mình không cho phép được cởi mở với ai. Hai anh đưa cho nhau coi hình nhỏ chụp riêng đã nhàu nát và ngả màu vàng. Đó là bức ảnh mà anh đã tự chụp cho nàng trong ngày tháng sáu tươi đẹp nọ. Trời trong sáng, khi hai người cùng chạy chân không trên cỏ ẩm áp của thảo nguyên nở hoa bên sông Vônga. Mình thon thon như một cô gái nhỏ trong chiếc áo màu sắc sỡ, nàng ngồi trên bãi cỏ: chân nàng xếp lại, một bó hoa đặt tản mát trong lòng. Giữa những bông cúc nhỏ đang nở, chính nàng cũng có vẻ là một bông cúc nhỏ trắng toát, tươi sáng và trong trẻo vô cùng trong sương sớm. Nàng vuốt ve hoa, đầu mơ màng nghiêng về một bên, mắt lớn ra vì một niềm vui tràn ngập, y như nàng mới tìm ra được vẻ đẹp của đời.

Chiến sĩ xe tăng nhìn tấm hình, và công bố rằng một cô gái như nàng không bao giờ bỏ. Và nếu nàng hắt hủi anh, thì đó là một kẻ vứt đi! Và như thế có nghĩa là chúng ta đoán sai khi nhìn bên ngoài, và như thế thì thà rằng biết ngay là thực ra đó chỉ là một đứa gái hư đời... để chẳng gán bó cuộc đời với họ...

Anhuta cũng làm cho Alếchxây vừa ý. Tuy không có dụng tâm, nhưng cũng nhắc lại với Gôvơđép bằng một cách nói khác, đúng những câu mà Gôvơđép đã vừa nói với anh. Tất nhiên câu chuyện ngây thơ kiểu đó không

giải quyết gì được tình cảm của hai người, nhưng mỗi người cũng đều thấy khỏe hơn một chút, hình như mụn nhọt trong người vừa đã vỡ mủ rồi.

Anhuta đã kêu điện thoại hứa sẽ đi đón Gôvơđép ở cửa nhà thương và hai bạn đều đồng ý với kế hoạch sau đây: Gôvơđép sẽ đi cùng Anhuta qua trước cửa sổ phòng, và Alếchxây sẽ viết thư cho anh lái xe tăng, để anh biết ngay nhận xét của mình đối với nàng.

Còn Gôvơđép thì hứa về phần mình sẽ kể lại cho anh biết thái độ Anhuta đón tiếp anh thế nào, phản ứng của nàng thế nào trước bộ mặt bị phá hoại của anh, tóm lại, nói tình hình sự việc diễn biến thế nào. Mêrétxép nguyện: nếu việc của Gorigôri êm đẹp thì anh sẽ viết thư nói thực mọi chuyện cho Onga, và chỉ dặn nàng đừng cho mẹ biết mẹ buồn, nhất là mẹ ốm, còn rất yếu và chỉ mới dậy thôi.

Vì thế, không hẹn mà cả hai đều mong mỗi chờ ngày anh lái xe tăng được ra khỏi bệnh viện. Hai anh thức suốt đêm vì thế, và cả hai đều lén ra ngoài hàng ba: Gôvơđép thoa sẹo trước gương một lần nữa, còn Mêrétxép thì lấy nùi giẻ cột vào đầu nạng để không có tiếng động trong đêm tối, tiếp tục tập đi.

Mười giờ sáng, Cơlaodia Mikhailôna, mỉm cười ranh mãnh, đến cho Gôvơđép biết có người chờ anh. Gôvơđép nhảy từ trên xuống như một trận gió. Mặt anh đỏ lên, đỏ bừng đến nỗi càng làm cho các vết sẹo nổi rõ hơn. Anh thu xếp đồ đạc xong rất mau.

Cô y tá vừa nhìn anh thu xếp quần áo, vừa mỉm cười nói:

- Khách là một cô đẹp lắm, rất đoan trang!

Gôvơđép tươi hân lên.

- Thực hả chị? Chị cùng vừa bụng với cô ta hả? Đẹp thực à? - Trong lúc bối rối, anh quên chào anh em, bước vội ra cửa.

Thiếu tá Stơrúccốp căn nhắc:

- Thằng bé con nít quá. Nói làm sao, bào hao làm vậy!

Mấy lúc gần đây, anh chàng hết sức vô tư này đã thay đổi hẳn tính tình. Anh nằm im, hay gặt gồng vô lý; bây giờ anh đã bắt đầu ngồi dậy được,

anh nhìn suốt ngày qua cửa sổ, hai má tì trên hai tay, chẳng thèm trò chuyện với ai cả.

Cả phòng: anh trung úy Mêrétxép và hai bệnh nhân mới đều ra cửa sổ để coi người đồng chí của mình đi ngoài phố. Thời tiết dịu mát. Trên trời, những cuộn mây bông viền chói lói màu vàng ối, cuồn cuộn bay, hình thù thay đổi mỗi lúc một khác. Lúc đó, trên con sông, một đám mây xám nhỏ tắt tả bay qua, nhều tả tơi trên con đường đi của nó những giọt nước mưa lớn long lanh ánh nắng. Trận mưa rào ấy làm cho đá lát bên sông lóng lánh và làm cho đường phố trắng nhựa lốm đốm những vệt lớn như đá hoa đêm. Trời dày đặc hơi nước ẩm áp, làm cho ai cũng muốn thò đầu ra cửa sổ để cho nước mưa ve vuốt mặt.

Mêrétxép nói thầm:

- Anh chàng đã tới kia!

Cánh cửa gỗ sến nặng nề mở từ từ. Một cặp trai gái bước ra: một thiếu nữ mình tròn trặn, không đội mũ, tóc chải đơn giản, mặc một áo ngắn trắng tay ngắn, một duýp màu sẫm, và một thanh niên bộ đội mà lúc đầu chính Alếchxây không nhận ra đó là chiến sĩ xe tăng. Một tay xách vali và trên cánh tay kia thì gác áo khoác ngoài, anh bước đi nhẹ nhàng uyển chuyển, rần rỏi, khiến cứ trông anh đi là đủ thấy vui: Muốn thử sức mình, cái mừng rờ khôn xiết được lại tự do cử động, anh nhảy qua mấy bậc thềm, nắm tay người yêu và cả hai đi tuốt dọc bờ sông dưới trận mưa lớn. Hai người tiến gần cửa sổ phòng và trông thấy hai người, trái tim Alếchxây nẩy lên vì sung sướng. Công việc tiến hành tốt: vẻ mặt thẳng thắn, giản dị và hiền từ của thiếu nữ như nàng quyết không thể thay lòng, đổi dạ vì người yêu gặp nạn.

Khi đi trước cửa sổ đôi trai gái dừng lại, ngẩng đầu nhìn lên. Hai anh chị đứng gần bức lũy thấp bằng đá cát bóng láng dưới mưa. Hình ảnh hai người nổi bật trước những giọt mưa đang nhều xuống từ từ, và trên không những vạch sáng loáng.

Alếchxây bấy giờ nhận thấy vẻ băn khoăn, lo lắng trên mặt anh bạn lái xe tăng, và có Anhuta thì tuy cô vẫn dễ thương như trong hình, nhưng cũng

ra dáng bối rối hoang mang: tay nàng chỉ chạm vào cánh tay người chiến sĩ xe tăng và cử chỉ của nàng không vững chãi, do dự tưởng như nàng muốn sắp rút tay ra và bỏ chạy.

Cả giờ tay chào, miệng cười miễn cưỡng, rồi đi ra bến sông, và khuất dạng ở góc phố. Mọi người trở về giường mình, im lặng.

Trung úy nhận xét:

- Công việc của Gôvơđép không êm đẹp lắm đâu!

Nhưng anh nghe thấy tiếng gót giày của Colaodía Mikhailôna, giật mình, và vội quay về phía cửa sổ.

Thời giờ còn lại cả ngày hôm đó, Alếchxây lo âu hết sức. Buổi chiều, anh buồn đến nỗi bỏ cả việc tập đi. Anh đi ngủ sớm hơn mọi người, nhưng khi các đồng chí trong phòng đã ngủ êm từ lâu thì lò xo giường anh vẫn kêu kéo kẹt như bức dọc, khó chịu.

Sáng hôm sau khi y tá vừa tới cửa phòng, thì anh đã hỏi xem có thư cho anh không. Không có thư. Anh rửa mặt lấy lệ, ăn không ngon miệng, nhưng anh tập đi hằng hơn mọi ngày, và để trừng phạt tội lười biếng hôm qua, anh đi thêm 15 chặng nữa để gỡ lại thời gian bỏ phí mất hồi hôm. Kỷ lục bất ngờ này làm cho anh bớt sợ. Chứng cứ đã rõ là anh có thể dùng nặng đi phải chăng mà không đến nỗi quá mệt. Hàng ba dài 15 thước, mà anh đã đi hết 45 lần. Như thế là anh đã đi được 2.250 thước nghĩa là hai cây số, thêm một phần tư nữa. Quảng đường đó dài đại khái bằng từ nhà ăn của sĩ quan tới phi trường. Anh ôn lại quãng đường mà anh đã thuộc lòng rồi: đi một dọc theo nhà thờ nông thôn cũ đã hư nát, rồi dọc theo một trường học đã bị cháy chỉ còn trơ lại sườn, trường cháy buồn rầu nhìn ra đường đi bằng những cửa sổ đen ngòm chẳng khác những con mắt hằn sâu, vượt qua một lùm cây nhỏ, nơi giấu những thùng xăng, cơ quan chỉ huy bằng gỗ, nơi cô “đội thiên văn” làm phận sự của cô giữa đồng bản đồ và giảng đồ của cô. Ấy là một mẫu đường khá là bộn đầy chứ, đất trời ơi!

Mêréxép định nâng số chặng tập lên 46 lần, sáng 23 lần, chiều 23 lần, và ngay từ ngày hôm sau, thử tập đi không nặng xem sức mới của mình ra sao. Ý định đó phá tan cái buồn xịu của anh, làm cho anh lên tinh thần bằng

cách khiến anh chăm chú đến những nhiệm vụ thực tế. Buổi chiều, anh lên đường tập, tập hăng lắm, hăng đến nỗi anh đi 30 lần lúc nào mà gần như không hay. Vừa lúc đó, người gác phòng giữ quần áo đến cản anh lại, đưa một lá thư. Anh cầm lấy bao thư nhỏ đề: “Gửi Trung úy Mê-rét-xép, đưa tận tay”. Mấy chữ sau có gạch dưới 2 gạch, khiến anh không thích. Phía trên địa chỉ lại có ghi, cũng gạch dưới: “Thư riêng”.

Alếchxây tựa vào bờ cửa sổ và xé bao thư: anh càng đọc thư, một lá thư dài mà Gôvơđép viết cho anh ở nhà ga trong ban đêm, thì mặt anh càng sầm tối lại. Gôvơđép cho biết rằng Anhuta quả như hai người đã tưởng tượng, có thể là khắp Mátxcơva không có một cô gái nào đẹp hơn nàng, nàng tiếp đón anh như tiếp đón người thân thiết và anh càng thấy rằng là một cô gái rất đáng yêu.

“... Nhưng sự việc đã xảy ra đúng như chúng ta đã dự đoán. Cô ta rất dễ thương. Cô không nói gì với tôi và cũng không tỏ cho tôi thấy gì khác. Cô thiệt là hoàn toàn. Nhưng tôi đâu có mù mà không thấy rằng cái mồm ghê tởm của tôi đã làm cho cô sợ hãi. Tất cả mọi công chuyện đều có vẻ như êm đẹp, nhưng chỉ nhìn cô là tôi thấy rõ: cô nhìn tôi với cặp mắt trong đó tôi thấy có cả xấu hổ, sợ hãi và thương hại. Tôi không biết có cái gì đó... Cô có dẫn tôi vô trường Đại học. Đáng lẽ tôi không đi thì hơn. Các nữ sinh viên bao quanh tôi, nhìn tôi... Anh hãy nghĩ coi: họ đã biết rõ tất cả chúng mình, Anhuta đã kể không biết bao nhiêu chuyện về chúng mình... Và tôi thấy rõ là cô ta nhìn bạn với dáng điệu của một người phạm lỗi, như tỏ vẻ đã dẫn một người rất đáng kính sợ như tôi vô trường. Nhưng một điều đặc biệt nhất, cậu Alếchxây thân ái ạ! Là nàng không để lộ ra ngoài cho thấy gì hết. Đối với tôi, cô âu yếm, thân mật, và nói chuyện luôn miệng làm như sợ phải im lặng. Rồi cô dẫn tôi về nhà. Cô ở một mình, vì cha mẹ đều đã tản cư; thấy rõ đó là một gia đình danh giá. Cô pha trà tôi uống, nhìn hình tôi trong bình trà mà thở dài. Cuối cùng tôi không thể nào chịu nổi nữa. Mặc thôi! Tôi đã nói thẳng với cô: “Tôi thấy rõ là mặt mũi tôi không hợp mắt cô. Như thế là cô rất có lý, tôi hiểu cô và không giận chút nào cả đâu!”. Cô ta òa ra khóc. Tôi bảo cô: “Đừng khóc nữa. Cô rất đẹp. Ai mà không yêu

cô. Tại sao lại làm lỡ cả cuộc đời mình?” và tôi tiếp luôn: “Bây giờ cô đã thấy tôi rồi. Cô đã thấy rõ đấy, tôi đẹp trai kiểu thế nào. Cô suy nghĩ kỹ đi. Còn tôi, thì trở về đơn vị, sẽ cho địa chỉ sau. Và nếu cô chưa thay đổi ý, thì cô cứ việc biên thư cho tôi”. Rồi tôi lại còn nói thêm nữa: “Đừng lo buồn gì về tôi. Trước kia tôi thế nào ấy mà, thì bây giờ thôi rồi, cô à! Vì bây giờ là chiến tranh mà”.

Tất nhiên, cô đã cãi lại: “Không mà, không mà! Anh nói cái gì thế?”. Rồi lại khóc. Lúc đó, có kèn báo động, cô chạy ra. Trong lúc ồn ào, tôi lẫn trốn và đi thẳng đến trụ sở sĩ quan. Tôi xin giấy đi đường được ngay, mọi việc đều yên ổn, tôi có giấy tờ trong túi rồi và tôi ra đi đây. Nhưng có điều là chắc anh đã rõ, anh Alếchxây ạ, tôi lại càng yêu thương cô thêm hơn nữa, và bây giờ tôi không biết sẽ sống ra sao nếu không có cô!”

Khi đọc thư bạn, Alếchxây có cảm giác như là thấy tương lai của chính anh. Đúng là những việc như thế cũng sẽ xảy ra đối với anh. Onga không bỏ mặc anh, không xây dựng lại, nàng sẽ cố gắng nhịn sự hy sinh với một tâm hồn cao thượng cũng như thế, nàng cũng sẽ cười qua bao nhiêu giọt lệ, cũng sẽ thuận âu yếm vuốt ve anh bằng cách đẹp cái ghê tởm của nàng.

Alếchxây, nghĩ đến thế, lớn tiếng nói:

- Thế nào thì thế cũng được, nhưng không thế, không thế!

Rồi anh vội vã khắp khênh bước vội về phòng, ngồi vào trước bàn, viết một mạch xong bức thư gửi cho Onga, một bức thư ngắn ngủn, lạnh nhạt, một bức thư giải quyết công việc. Anh không đành lòng cho nàng biết sự thực: Mẹ anh đã đang đau, bắt mẹ phải gánh thêm một nỗi buồn mới nữa, thì có ích gì đâu! Anh viết thư cho Onga nói rằng anh đã suy nghĩ về tình cảm giữa hai người và anh thấy nàng không nên chờ anh, vì đó là đòi hỏi nàng quá nhiều. Chiến tranh kéo dài bao lâu nữa? Năm tháng trôi qua và tuổi thanh xuân cũng trôi theo. Chiến tranh tạo ra nhiều chuyện bất ngờ, có thể đau đớn thất vọng. Nếu anh bị chết thì sao? Nàng sẽ ở không mà chưa phải là vợ anh bao giờ. Tàn nhẫn hơn nữa: Nếu anh bị thương tật, và nàng cho rằng cứ phải cưới một người tàn phế, thì đâu có hay gì? Vậy nàng đừng làm phí tuổi xuân của mình, và nàng hãy quên anh ngay đi. Nàng có thể

không trả lời anh, anh cũng sẽ chẳng giận gì. Anh sẽ thông cảm với nàng, dầu điều đó sẽ khiến anh đau xót vô cùng. Nhưng như thế là hơn.

Tay anh cầm lá thư, như bị bỏng cháy. Không đọc lại, anh dán bao thư và khập khiễng chạy ra bỏ vô hộp thư xanh biếc, treo ở hàng ba bên cạnh ấm nước bằng kim khí sáng loáng hiệu “Khổng lồ”.

Anh trở về phòng và lại ngồi trước bàn. Bây giờ biết nói với ai nỗi buồn xịu của mình. Nói với mẹ ư? Không được. Với Gôvơđép ư? Tất nhiên hẳn hiểu mình, nhưng bây giờ Gôvơđép ở đâu? Làm sao tìm kiếm ra được hẳn trên những nẻo đường vô cùng quanh co phức tạp đưa hẳn tới mặt trận? Với các chiến hữu trong trung đoàn ư? Nhưng họ có các may mắn về phần họ, là tâm trí bận về chiến đấu. Với cô “đội thiên văn” ư? Chứ sao! Rồi anh viết trang này qua trang khác, nhờ đó mà thấy lòng được an ủi như đã được khóc thốn thức trên vai bạn thân. Nhưng bỗng nhiên, anh ngừng lại ở nửa chừng một câu đang viết, anh do dự một lúc rồi giận dữ và vò nát cả xếp giấy, xé nhỏ ra tất cả. Stơrúccốp ngấm lên, mĩa mai:

- Không đau khổ nào gớm ghê hơn đau khổ do lời nói gây ra..

Anh đang ngồi trên giường anh, tay cầm lá thư Gôvơđép. Anh chẳng ngại ngần gì đã cứ lấy đại thư để trên bàn đầu giường của Alếchxây đọc đã xong.

- Nhưng mà bữa nay sao bọn nó cả lũ lạ lòng thế này? Cái thằng Gôvơđép ngu si này cũng thế. Một đứa con gái nhăn mặt lại tí mà cũng đau với khổ! Bây giờ thì cậu đã lẫn mình vào tình trạng tâm lý phức tạp... Mà không giận tao vì tao đọc thư nó đấy chứ? Giữa bạn bè với nhau ở mặt trận mà, đâu có gì bí mật phải không?

Alếchxây không giận, anh suy nghĩ. Có lẽ ngày mai anh chờ người lấy thư mở thùng thư để xin lại lá thư thì hơn.

Đêm đó, anh ngủ phập phồng. Anh mơ thấy sân bay phủ tuyết và chiếc phi cơ “LA-5” mà anh chưa hề biết, có chân chim thế cho bộ bánh xe. Iura, người thợ máy, leo lên máy bay, nói rằng Alếchxây “đã bay đủ rồi”, nay đến lượt để cho anh bay. Rồi anh thấy bác Mikhailô, sơ mi trắng, quần trong ướt cả, đang tắm hơi nước cho anh; bác cầm thứ cành cây bulô kỳ lia

lạ trên mình anh và vừa không ngớt cười nói rằng trước khi cưới vợ thì phải tắm một lần cho thật kỹ. Rồi gần sáng anh mơ thấy Onga. Ngồi trên chiếc đồ lật ngược, nàng thông xuống nước, cặp chân lạnh lẽ, ngâm đen anh thấy hình dáng nàng yêu kiều, nhẹ nhàng và tươi sáng. Nàng giơ tay che mặt trời, nàng cười, nàng gọi anh. Anh thì lội tới, nhưng nước chảy mạnh gạt anh vô bờ ngày càng xa nàng. Anh ra sức vận dụng gân cốt cả chân lẫn tay. Anh lội tới được gần nàng và anh đã thấy mớ tóc của nàng gió đùa tung bay, những giọt nước nhỏ lấp lánh trên cặp đùi rám nắng...

Anh thức dậy vui vẻ, bình tĩnh trở lại. Nhưng anh vẫn nằm nhắm mắt hồi lâu, cố ngủ trở lại để tiếp tục giấc mơ vui thích đó. Chỉ có con nít mới nằm mơ tiếp như thế được. Hình ảnh của thiếu nữ, nước da ngăm ngăm vì nắng như đã đột nhiên soi sáng tất cả. Bây giờ, không phải là lúc bỏ phí ngày giờ nhai đi nhai lại chuyện tầm tấc, bỏ lời cho sự việc trôi qua, mà phải ra sức lội thẳng, phía Onga, lội ngược dòng, tiến lên phía trước dù khó khăn đến mấy, tận sức mà hướng tới, mà đạt được. Còn bức thư? Anh muốn tới chỗ hộp thư rình người lấy thư, nhưng anh lại thôi: mặc kệ, để cho nó đi đi! Một mối tình chân thực đâu có vì một lá thư như thế mà tan vỡ. Bây giờ, anh tin vững chắc: đó là mối tình chân thực và nàng sẽ đợi anh, dù anh vui hay buồn, mạnh hay yếu, dù anh ở trong tình trạng nào đi nữa, và nghĩ như thế anh thấy trong người khỏe hẳn lên.

Buổi sáng, anh tập đi không chống nạng. Anh bước xuống giường, cử động rất thận trọng, đứng dậy và đứng yên đó, hai chân dẹt ra, hai cánh tay giơ ngang để giữ thăng bằng, rồi chống tay vào tường, anh bước một bước. Da bọc chân giả rịn rít, mình anh nghiêng qua một phía, nhưng anh dùng tay để lấy lại quân bình. Anh bước thêm bước thứ hai, vẫn chưa rời khỏi tường. Anh chưa hề bao giờ nghĩ rằng, tập đi khó như thế. Khi còn nhỏ anh đã tập đi cà kheo. Anh leo lên những cái gác dựa vào tường, rồi ưỡn mình rời ra xa, đi một, hai, ba bước, rồi hình như có một sức mạnh gì không sao cưỡng nổi đẩy nghiêng người anh, anh phải nhảy xuống đất: cặp cà kheo rơi xuống bãi cỏ đầy bụi ở phố nhỏ đó vùng ngoại ô. Trên cà kheo thì dễ thôi: lúc nào cũng có thể nhảy xuống được; với chân giả thì không

được. Đến bước thứ ba, anh thấy người nghiêng thẳng đi, một chân lao đao dưới anh, và anh té nhào xuống ván một cách nặng nề.

Anh đã lựa để luyện tập, lúc giờ coi sóc bệnh nhân, anh em đều đi tới phòng thuốc để điều trị. Anh không gọi ai giúp anh. Anh bò lên gần vách, tỳ tay vô tường và đứng lên, anh sờ nắn lại nơi đau, nhìn tại nơi khuỷu tay anh những chỗ bị tím bầm lại, và anh nghiêng rằng cứ bước thêm bước nữa không tỳ tay vô tường. Anh cho rằng đã tìm ra bí quyết. Chân giả của anh khác chân thật là ở chỗ nó không co giãn được. Trước anh không biết đặc tính của nó, anh cũng chưa luyện quen được những thói quen, những phản ứng cần thiết để sửa đổi vị trí của cẳng anh trong khi anh bước, khiến cho một bàn chân trước từ gót chân sau cho tới ngón chân, chịu sức nặng của toàn thân khi anh bước đi một bước, rồi sau đó lại đưa sức nặng của toàn thân lên gót chân thứ hai. Không nên để hai chân song hàng với nhau, mà phải đứng chéo góc mới giữ người được vững chãi.

Tất cả những cái đó, con người ta đã học được từ thuở nhỏ tí ti, ngay từ khi người mẹ còn phải coi chừng, đứa bé bước những bước đầu tiên bằng những cặp giò nhỏ bé, chập chững. Những thói quen đó, ta giữ nó suốt đời, nó lần lần đã trở thành những phản ứng tự nhiên. Nhưng đến khi người ta phải dùng bộ chân giả, sự bình quân tự nhiên của thân thể có thể thay đổi, thì những phản ứng truyền được từ thời thơ ấu, đã không giúp gì trái lại còn làm cho bước đi thêm khó khăn. Muốn có thói quen mới; phải luôn luôn chống lại thói quen cũ. Vì thế rất nhiều người bị cưa chân đã không có đủ quyết tâm cần thiết để tập đi, và không học được nghệ thuật sử dụng chân mới, nghệ thuật mà hồi nhỏ họ học được dễ dàng biết mấy.

Mêréxép có quyết tâm. Anh phân tách những sai lầm, rồi lại tập tiến lên, và chú ý bước xa bức tường, bước choạng thân cho nghiêng ra, làm cho sức nặng của người anh đè lên gót chân, rồi lên đầu ngón chân anh. Chân giả của anh kêu lên như hục hặc. Khi mình anh đã chuyển sang phía ngón chân rồi, anh rút lẹ chân kia rời khỏi mặt đất tung lên phía trước. Gót chân anh đập mạnh xuống sàn. Alécxây giữ quân bình bằng cánh tay, đứng vững như vậy giữa phòng mà không dám bước thêm nữa. Đứng trên đó không

vững chút nào, lúc nào cũng như muốn té xuống, anh thấy mồ hôi lạnh nhỏ giọt trên trán.

Chính trong lúc anh đang đứng điệu bộ như thế thì Vaxili Vaxiliêvít bước vô bắt gặp. Bác sĩ đứng ở trước cửa, nhận xét Mêrétxép, bước lại gần, đỡ tay anh:

- Hoan hô, chiến sĩ bò! Nhưng tại sao lại một mình thế, không có y tá hay ai cả? Tự ái hả?... Nhưng thôi việc gì cũng thế, chỉ vạ sự khởi đầu nan. Bây giờ cái khó nhất đã vượt qua rồi.

Vaxili Vaxiliêvít vừa được cử làm giám đốc một cơ quan y tế rất trọng yếu. Đó là một nhiệm vụ lớn cần rất nhiều thì giờ của ông. Ông đã phải bớt nhiều thì giờ của ông nhưng ông vẫn đứng đầu. Và tuy có những người khác thay ông chỉ huy thực sự ở đây, khi nào có thì giờ rảnh ông vẫn lâu lâu ghé qua, thăm các phòng và khám bệnh. Nhưng từ ngày con ông hy sinh, ông đã bỏ tất bản gắt gồng ăm lên; vui bệnh viện, ông không quát mắng, cũng không rầy rà ai cả nữa. Những người quen biết ông nhiều đều cho đó rõ ràng là triệu chứng của tuổi già rồi.

- Thế thì, Mêrétxép, bây giờ chúng ta cùng tập với nhau nhé. Còn các anh kia thì các anh cứ tiếp tục đi khám cho bệnh nhân các phòng khác, chẳng cần tôi đi nữa. Đi đi, đây không phải thứ làm trò xiếc, không cần có khán giả. - ông nói với tùy tùng như vậy, rồi nói tiếp:

- Bây giờ, thì, nào, chú, tập nào! Một... Hãy bám, bám vào tôi, chớ có e dè gì cả. Bám vào mà; tôi là tướng, phải nghe lệnh tôi. Một, hai... được rồi đó, bây giờ bước chân mặt. Được rồi, lại bước đến chân trái. Hoan hô!

Ông bác sĩ nổi tiếng này vui vẻ xoa hai tay, làm như ông tập đi cho anh chàng này là ông hoàn thành được một nhiệm vụ có tính chất quyết định gì có trời mà biết được về y học. Nhưng ông làm tròn bất cứ việc gì ông làm, dồn tất cả thích thú nghị lực vào mà làm. Ông buộc Mêrétxép phải đi hết căn phòng từ đầu này tới đầu kia, và khi anh này mệt nhoài ngồi thụp xuống ghế thì ông cũng đến ngồi xuống bên anh.

- Thế nào? Chú thấy chưa, rồi bay được mà! Nhất là trong cuộc chiến tranh như bây giờ, ta thấy có người bị bắn rơi cả cánh tay mà vẫn dẫn đại

đội của mình tiến lên, có người khác bị tử thương rồi vẫn khư khư ôm lấy khẩu liên thanh, hay lấy ngực lấp lỗ châu mai của quân thù... Chỉ có những kẻ đã chết rồi là không chiến đấu nữa, - Vừa nói ông già vừa thở dài. Mắt ông mờ đi. Ông tiếp:

- Nói thế chứ, phải rồi, họ vẫn chiến đấu chứ, bằng tấm gương mà họ đã lưu lại. Đúng là thế đấy!... Thế nào? Chúng ta tiếp tục đi chứ, chú mình!

Khi Mêrétxép ngừng lại một lát để thở, giáo sư chỉ giường của Gơvôđép nói:

- Còn anh này, anh chiến sĩ xe tăng, anh đã khỏi rồi hả? Đã đi rồi hả?

Mêrétxép báo cho giáo sư biết rằng Gơvôđép đã trở ra mặt trận, và anh đau khổ một điều, là mặt anh đã bị những vết phỏng hủy hoại một cách không sao chữa chạy chi được, nhất là ở phần dưới bộ mặt.

- Đã viết thư về rồi ư? Đã lại lo buồn về tình ái rồi hử? Anh hãy khuyên anh ta để râu mép và râu cằm. Tôi nói thiệt đó. Như vậy người ta có thể báo anh là thích khác đời, nhưng có những cô gái tại ưa cái đó đấy.

Một chị y tá hồn hển thò đầu vô cửa hé mở, báo cho giáo sư biết Hội đồng Bộ trưởng đang kêu điện thoại muốn nói chuyện với giáo sư. Vaxili Vaxiliêvít nặng nề đứng dậy; cứ trông ông phải chống hai bàn tay to lớn thâm tím và xù xì của ông lên đầu gối, cứ trông phải ra sức thế nào mới đứng dậy được, là đủ thấy rõ ông đã già hủ đi trong mấy tuần. Đến cửa, ông quay lại vui vẻ kêu to:

- Đừng nên viết trong thư dặn bạn anh, rằng chính tôi khuyên anh ta nên để râu đó. Đó là một biện pháp tuyệt đối công hiệu. Rồi là được các bà các cô mê tít cho mà xem.

Ngay chiều hôm đó, một nhân viên già của bệnh viện đem tới cho Mêrétxép một cây gậy kiểu xưa, đẹp lộng lẫy bằng mun đen, đầu gậy có tay cầm bằng ngà, có chữ khắc tên.

- Của giáo sư gửi lại đó. Vaxili Vaxiliêvít biếu anh chiếc gậy của ông và ông dặn anh dùng nó chống mà đi.

Buổi chiều hè đó, ở nhà thương buồn ra trò. Phòng 42 trở thành một mục đích du ngoạn của mọi người. Thương binh ở phòng bên trái, bên mặt và cả

lầu trên đều đến đây để ngắm nghía món quà của giáo sư thực là một cây gậy tuyệt đẹp.

Ở mặt trận, thời gian yên tĩnh báo hiệu giông tố, vẫn kéo dài. Thông cáo cho biết những trận đánh địa phương, những cuộc do thám trận địa va chạm nhau. Vì vậy không có mấy thương binh, nên ban giám đốc ra lệnh nói bớt chỗ cho phòng 42, chỉ còn chứa lại hai giường: một ở bên mặt của Mêrétxép, một ở bên trái, gần cửa sổ nhìn ra bến sông, của thiếu tá Stơrúccốp.

Có những đoạn do thám đánh bất ngờ: Mêrétxép và Stơrúccốp là những chiến sĩ có kinh nghiệm, đều hiểu điều đó có ý nghĩa gì. Nghỉ ngơi càng lâu bao nhiêu, thì giông tố sắp tới càng mạnh khủng khiếp bấy nhiêu. Một hôm, thông cáo cho biết rằng ở đâu đó trên mặt trận phía nam, xạ thủ ưu tú là Stêpan Ivanôvít, anh hùng Liên Xô, đã hạ thêm hai mươi lăm giặc Đức, tức là riêng anh đã bắn được hai trăm tên phát xít. Cũng có nhận được thư của Govôđép. Tất nhiên anh không cho biết anh ở đâu, anh làm gì, nhưng anh nói rằng anh đã trở về với cấp chỉ huy cũ của anh là Paven Rômistơrốp, rằng anh rất thích, rằng ở đây có hăng hà sa số trái anh đào và mọi người ăn thứ trái cây đó no nê phê phỡn. Anh nhờ Alếchxây nhận được thư thì báo tin cho Anhuta biết với. Anh có gửi cho nàng một thư nữa, nhưng biết đâu chừng thư đó có thể lạc, vì anh, anh vẫn trên đường đi luôn, địa chỉ thay đổi không ngừng.

Hai tin tức vẫn đó đủ cho một quân nhân nhận xét rằng cơn giông tố sắp nổi lên ở đâu đó mặt trận phía Nam. Tất nhiên Alếchxây viết thư cho Anhuta và truyền đạt cho Govôđép lời giáo sư khuyên anh để râu. Nhưng biết rõ lúc này đây say sưa với cuộc chiến đấu sắp tới, quyết liệt là chừng nào và thiết tha là chừng nào trong lòng chiến sĩ, Govôđép không thể có đầu óc nào nghĩ tới chuyện râu ria và có lẽ cũng không nghĩ đến cả Anhuta nữa. Phòng 42 lại có một tin mừng khác nữa. Một sắc lệnh đã quyết định tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô cho thiếu tá Stơrúccốp. Tin mừng lớn lao không làm cho thiếu tá vui lâu. Anh vẫn cứ buồn xịu. Cái khiến cho anh cáu tiết lên là hai đầu gối “khốn kiếp” của anh vẫn đóng đanh anh trên

giường bệnh trong lúc này. Cái cấu kính của anh lại còn một lý do nữa, mà anh giấu giếm thực kỹ, nhưng Alếchxây đã hoàn toàn nhờ tình cờ mà khám phá ra được.

Bây giờ Mêrétxép tập trung tất cả ý chí để thực hiện một mục đích duy nhất: tập đi. Vì vậy anh ít để ý những việc xảy ra quanh anh. Anh đã bố trí chặt chẽ thời gian biểu. Ba tiếng đồng hồ mỗi ngày: một tiếng buổi sáng, một tiếng buổi trưa và một tiếng buổi tối, anh đi lại ở hàng ba với bộ chân giả của anh. Lúc đầu các thương binh cũng thấy phiền vì cái bóng hình mặc áo ngủ dài màu xanh biếc cứ đi đi lại lại hoài trước cửa phòng họ, đều như cái máy đo âm thanh, với đôi chân giả của anh vẫn cứ kêu rin rít một cách đều đều. Nhưng mãi riết rồi họ cũng quen đi đến nỗi không tưởng tượng được nữa rằng có thể vắng bóng anh ở hàng ba vào những giờ phút nhất định. Hôm Mêrétxép bị cảm không đi được, thì các phòng bên phải người tới phòng 42 coi xem trung úy què giờ có chuyện chi vậy.

Sáng nào cũng vậy, Alếchxây tập thể dục, xong rồi, anh ngồi xuống ghế, tập cho chân anh quen với các động tác phi cơ. Có khi vì tập quá lâu, đầu anh choáng váng. Tai anh ù đi, mắt anh hoa lên thấy phôi phới những vòng tròn xanh xanh, và mặt đất lảo đảo dưới chân anh. Lúc đó thì anh tới lavabô, cúi đầu xuống máy nước, rồi ngả lưng duỗi chân nằm nghỉ cho mau lại sức khỏi trễ chương trình đi và tập thể dục.

Một hôm, anh tập đi tới lúc đầu đã choáng váng, anh chẳng nhìn thấy gì nữa trước mắt anh, anh liền sờ soạng trở về phòng, nằm im. Lúc đó, anh thấy có tiếng nói: giọng bình tĩnh pha chế giễu, của Cớlaodĩa Mikhailôna và giọng run run vì tức giận của thiếu tá Stơrúccốp. Hai người mãi nói chuyện đến nỗi không chú ý có Mêrétxép vô nữa.

- Cô hiểu tôi đi, cho nào! Tôi nói chuyện rất là nghiêm chỉnh đấy. Nói thế mà không ăn thua gì với cô à? Vậy thế cô có phải là người đàn bà hay không đấy hả?

- Tôi là một người đàn bà, nhưng tất cả những điều gì anh nói đều không ăn thua gì với tôi cả! Vả lại, về vấn đề đó, anh không thể nói chuyện nghiêm chỉnh được, mà tôi cũng chẳng cần gì đến nghiêm chỉnh của anh.

Storúccốp bưng bưng nổi giận. Khùng lên làm như muốn chửi ai, anh la lớn suốt phòng:

- Nhưng tôi yêu cô mà! Trời ơi là trời! Tôi xin thề như thế. Và cô có là bằng gỗ, thì mới không thấy. Vậy thế, thế nào? Ăn thua chưa nào?

Anh quay lại, tay gõ gõ nhẹ vô cửa kính.

Cơlaodĩa Mikhailôna nhẹ nhàng bước ra phía cửa phòng, với cách đi yên lặng của các cô y tá.

- Nè cô chờ chút đã nào, đi đâu thế? Tại sao cô không trả lời tôi?

- Đây không phải là lúc, cũng không phải chỗ để chuyện trò loại ấy. Giờ này là giờ công tác của tôi.

- Tạo sao cô tránh tôi? Tại sao cô hành hạ tôi? Trả lời đi nào!

Có niềm tuyệt vọng trong giọng nói của thiếu tá. Cơlaodĩa Mikhailôna dừng lại ở cửa phòng. Bóng dáng thanh tú của chị nổi lên trên nền tối của hàng ba. Mêrétxép không ngờ rằng chị y tá nghiêm trang nọ, đâu còn phải là một cô gái lớn lên, mà lại có sức quyến rũ nhường ấy của người phụ nữ. Cô đang đứng đó, đầu ngẩng cao nghiêng về phía sau, khiến cô nhìn thiếu tá như từ một bệ cao nhìn xuống vậy.

- Được. Tôi thuận trả lời. Tôi không yêu anh, và xem chừng ra thì tôi sẽ không bao giờ có thể yêu anh được!

Nói rồi, nàng bỏ đi. Thiếu tá nằm phục xuống giường, giấu đầu xuống gối. Mêrétxép bắt đầu hiểu vì sao ít lâu nay Storúccốp có biết bao chuyện kỳ quặc, như luống cuống khi chị y tá vô phòng, như những trận thay đổi tính tình mau lẹ khiến anh đang vui bỗng dưng dưng nổi giận dữ dội. Hẳn là anh đang thực tình đau khổ, Alếchxây thương hại anh, nhưng anh lại cũng đồng thời thấy như thỏa mãn. Khi thiếu tá nhòm dậy,

- Vậy thì xin phép thiếu tá cho tôi nhõ nước miếng chứ ạ, thưa đồng chí thiếu tá?

Thực ra, nếu anh biết trước được nói thế thì xảy ra như thế nào, chắc anh không nói, dù là đùa. Thiếu tá vùng chạy lại giường anh, và với một giọng nói đượm tuyệt vọng, anh gào lên:

- Ừ thì nhớ đi, hãy cứ nhớ đi nào! Vì mày nói thế mà đúng đấy. Còn tao thì đáng đời tao. Mày không nhớ hả?... Vậy tao phải làm gì đây? Mày khuyên tao một câu đi nào, nói đi, mày nghe chuyện đã biết cả rồi mà...

Anh lão đảo ngồi xuống giường, hai tay ôm đầu.

- Chừng mày tưởng chuyện chơi hăn? Đâu phải chuyện chơi! Chuyện đứng đắn hết sức, tao đã đề nghị với nó cưới nó, mà sao nó ngu thế chứ.

Chiều hôm đó, Cờlaodĩa Mikhailôna vô phòng săn sóc cho bệnh nhân. Cô vẫn hiền hậu như thường, thân ái, nhẫn nại, và mặt mày tươi sáng và điềm tĩnh. Cô mỉm cười với thiếu tá như mọi người, nhưng nhìn anh với một thứ ngạc nhiên và lo sợ. Stơrúccốp ngồi gần cửa sổ, gặm gặm móng tay một cách điên cuồng. Cờlaodĩa Mikhailôna đã bước đi ra hàng ba rồi, chỉ còn nghe tiếng giày cô vang động ở xa, mà Stơrúccốp vẫn còn nhìn theo, mắt nhìn vừa hờn giận vừa mê đắm:

- “Cô tiên Xô viết”! Thằng chó chết nào đặt tên nó như thế? Một con quỉ mặc áo bờlu trắng thì có.

Một nữ y tá làm việc ở văn phòng, lớn tuổi và xương xẩu, bước vô.

- Alếchxây Mêrétxép có đi được không?

Stơrúccốp càu nhàu:

- Nó chạy cũng còn được...

Chị y tá ra về kẻ cả, trả lời:

- Tôi đến đây không phải để đùa giỡn.

- Có người gọi điện thoại trung úy Mêrétxép.

Thiếu tá nháy mắt với chị y tá khó tính, hỏi:

- Một thiếu nữ phải không?...

Chị y tá vừa trang trọng rút lui vừa trả lời với một giọng nói sắc như dao cắt:

- Tôi không có hỏi giấy người ta!

Mêrétxép chống gậy nhảy thoát ra khỏi giường. Anh đi vượt lên trước chị y tá và đứng là chạy chỗ hàng ba. Anh chờ gần tháng nay thư trả lời của Onga và bữa nay anh có một ý kiến kỳ khôi. Nếu là nàng thì sao? Đó là một

điều rõ là không thể có được. Lúc này, không ai có thể từ Stalingrát đi Mátxcơva được. Với lại tại sao nàng lại biết anh ở nhà thương được, trong khi trong thư anh viết rằng anh làm việc ở hậu phương, ở ngoại ô chứ đâu có nói ở ngay Mátxcơva. Nhưng lúc đó, Mêrétxép tin ở phép lạ. Và không chú ý thấy, anh đã chạy, chạy thực sự và lần đầu tiên bằng chân giả của anh, chỉ thỉnh thoảng mới chống gậy thôi, ngả nghiêng nghiêng ngả trong tiếng kêu kệt của bộ chân.

Trong điện thoại, vang lên một tiếng nói trầm trầm, anh hoàn toàn chưa nghe thấy. Người ta hỏi đấy có phải là trung úy Alếchxây Pêtrôvít Mêrétxép ở phòng 42 không?

Anh trả lời cụt ngủn, y như câu hỏi ấy là một câu thóa mạ:

- Phải!

Bên kia đầu dây, tiếng nói như nghẹt lại. Rồi lạnh lùng cảm rõ thấy là cố ý lạnh lùng, tiếng nói xin lỗi vì đã làm phiền anh.

- Tôi là Anna Gơribôva, bạn gái của anh trung úy Gôvơđép, bạn anh, đấy ạ. Anh không biết tôi đâu.

Thiếu nữ hình như phật lòng vì câu trả lời xẵng, trả lời như vậy.

Nhưng Mêrétxép hai tay bám lấy ống nghe, vận hết sức ra kêu lên:

- Phải Anhuta không? Phải cô rồi! Tôi biết cô nhiều mà. Gơrigôri đã nói...

- Anh ấy ở đâu... và làm gì! Anh ấy bỏ đi đột ngột quá. Có báo động, tôi ra khỏi phòng, vì tôi làm y tá ở trạm trực nhật. Đến khi trở lại, anh ấy đã đi đâu rồi. Chẳng có một chữ để lại, cũng chẳng cho địa chỉ. Tôi chẳng hiểu làm sao cả. Anh ấy ở đâu? Tại sao anh ấy ra đi như thế? Có chuyện gì vậy? Anh Alếchxây thân mến ơi! Xin lỗi anh vì đã kêu anh như thế! Tôi cũng biết rõ anh mà, và tôi rất cảm động. Anh ấy ở đâu? Tại sao anh ấy lại đột ngột thế?

Mêrétxép thấy ấm trong lòng. Anh sung sướng thay cho bạn. Thực ra, người bạn kỳ khôi của anh đã lầm vì quá nghi ngờ tự ái. Vậy ra các vết thương chiến tranh không làm cho các cô thiếu nữ chân thành sợ hãi. Và chính anh, phải rồi, chính anh anh cũng có thể tin rằng anh cũng sẽ được

kiếm với tấm lòng tha thiết như thế. Tất cả ý nghĩ đó thoáng ra trong đầu anh như một tia chớp. Anh phồng phổi gào lên trong ống nói:

- Anhuta này, mọi việc đều êm thấm cả đấy, chị Anhuta ạ! Đó chỉ là một chuyện hiểu lầm thôi đó. Anh ấy vẫn sống vẫn mạnh, anh ấy đã ra mặt trận, phải rồi, thùng thư số 42531- B. Anh ấy đã để râu rồi, Anhuta à! Ôi trời ơi là trời! Một bộ râu thật là ghê gớm, râu mà, râu ấy, râu như râu của chiến sĩ du kích, anh ấy để râu coi ngộ lắm.

Anhuta không tán thành câu chuyện râu và nàng cho bộ râu là thừa. Thấy thế lại càng phấn khởi hơn nữa, Mêrétxép cắt nghĩa thêm rằng như thế thì Gorigôri ta chỉ việc với hai nhát dao cạo là cạo tuột lượt hết, rồi tổng râu đi đâu thì tổng, tuy mọi người ai nấy đều thấy anh để râu là rất đẹp.

Cuối cùng, lúc hai bên buồng ống nghe xuống thì đã là đôi bạn thân thiết rồi và hai bên đã định rằng khi nào ra nhà thương, Mêrétxép báo cho cô biết bằng điện thoại. Khi trở về phòng, Alếchxây mới nhớ ra là khi tới máy nói, anh đã chạy. Anh cố lại chạy nữa, nhưng không chạy được. Chân giả đập trên sàn như có một luồng đau nhói xuyên qua toàn thân anh. Nhưng kệ! Anh nghĩ bữa nay không được thì ngày mai, ngày mốt, rồi anh nhất định sẽ chạy được, chứ có quái gì! Mọi việc rồi sẽ xong xuôi. Anh không cần nghi ngờ gì nữa rằng anh có thể lại chạy, lại bay, lại chiến đấu. Và vì anh có thói quen hay nguyện, anh thề rằng, ngay khi nào lên máy bay chiến đấu trận đầu và hạ được một máy bay Đức đầu tiên, anh sẽ viết thư cho Onga nói rõ tất cả. Rồi thì ra sao thì ra!

PHẦN THỨ BA

1

Cánh cửa làm bằng cây sến nặng nề của bệnh viện mở ra, vào một ngày hè nắng gay gắt năm 1942, một viên sĩ quan trẻ tuổi, mặc bộ đồ không quân với quân hiệu xanh dương và quân hàm trung úy, bước ra. Chàng trai khỏe mạnh ấy chống một cây gậy mun đen. Một phụ nữ mặc bờ-lu trắng đi theo anh. Cô đội khăn có hình chữ thập như các chị y tá đã thường dùng trong cuộc chiến tranh trước, và cái khăn đó làm cho bộ mặt cô đã có vẻ dịu hiền lại thêm vẻ trang nghiêm. Hai người đứng lại ở ngưỡng cửa. Phi công lột cái mũ kiểu đội khi nghỉ ngơi, đã nhàu nát cả, vụng về đặt môi hôn tay cô y tá. Còn cô, hai tay ôm lấy đầu người thanh niên, hôn lên trán anh. Rồi, bước đi chập chững, anh xuống bậc thang và không quay đầu lại. Anh đi xuống đường tráng nhựa, chạy dọc theo bờ sông song song với tường bệnh viện.

Các thương binh mặc áo ngủ đủ màu xanh, vàng, nâu, từ trên cửa sổ đưa tay, đưa gậy, đưa nạng, vẫy chào anh, vừa dặn dò, vừa khuyến khích. Anh cũng giơ tay đáp lại, nhưng thấy rõ là anh đang muốn đi gấp, mau xa hẳn gian nhà to màu xám này; mặt anh ngó đi nơi khác, ngoảnh đi không nhìn những cửa sổ, để che giấu xúc động của anh. Anh đi lẹ, cách đi có phần cứng và như nhảy nhót, tay chỉ chống nhẹ trên gậy. Nếu không có tiếng kêu rín rít từng bước anh đi, thì ít ai biết rằng anh thanh niên đẹp đẽ, mạnh khỏe và nhanh nhẹn này là một người què cả hai chân.

Aléxây Mê-rét-xép được bệnh viện cho đi nghỉ dưỡng sức ở một nơi nghỉ của không quân ở ngoại ô Mátxcơva. Stơ-rúc-cốp cũng được đưa tới đó. Một chiếc xe hơi của trại nghỉ mát đã đến đón hai anh. Nhưng anh đã thuyết phục Ban giám đốc nhà thương cho phép anh, trước khi đi nghỉ, được đi thăm người bà con mà anh nhất định phải thăm. Anh giao túi đồ nhỏ cho Stơ-rúc-cốp đem trước đến đó giùm, và anh đi bộ ra khỏi nhà thương, hứa sẽ tới sau bằng chuyến xe lửa chiều hôm đó.

Anh không có gia đình ở Mátxcơva, nhưng anh tha thiết muốn đi chơi thành phố một lần, anh nóng lòng dượt lại sức mình bằng một cuộc đi bộ thực sự, xen lẫn trong quần chúng mà không ai quen biết anh. Anh đã gọi điện thoại cho Anhuta và hẹn cô cho gặp vào trưa nay, nếu tiện. Anh ở đâu? Có thể là ở trước đài kỷ niệm Púskin... Thành ra bây giờ, anh đang một mình đi dọc bờ sông đẹp đẽ vô cùng, bên lát đá hoa cương, nước óng ánh dưới ánh dương như tấm gương muôn nghìn khía cạnh; anh thở mạnh, hít đầy phổi không khí ấm áp của ngày hè, mà cảnh trời êm dịu và những mùi thơm đối với anh sao quen thuộc lạ lùng.

Trời thực là đẹp. Đối với anh, tất cả phụ nữ đều đẹp, tất cả cây cối đều xanh tươi một cách kỳ diệu. Không khí nồng say dồn lên đầu làm cho anh choáng váng như say rượu, và khí trời lại trong trẻo đến nỗi làm cho người ta không ước lượng nổi tầm xa của mọi vật: anh có cảm giác như giờ tay là có thể với tới đầu tường cũ kỹ, lờm chờm lỗ châu mai, của điện Cờremlanh mà trước đây, anh chỉ thấy trong hình vẽ, gác chuông Ivan vĩ đại và hình bán nguyệt lớn của cây cầu bắc trên mặt nước. Mùi thơm say đắm và dịu ngọt bao phủ thành phố đã nhắc anh những kỷ niệm hồi thơ ấu. Tại sao vậy? Tại sao tim anh đập mạnh, tại sao anh nhớ tới hình ảnh mẹ hiền: bà không phải là một người già nua gầy, yếu, mà là một phụ nữ trẻ, thon, tóc rũ xòa? Thực ra, đã có dịp nào anh cùng mẹ đến Mátxcơva đâu?

Cho đến bây giờ, Mê-rét-xép chỉ biết thủ đô qua hình ảnh, báo chí, sách vở, qua những câu chuyện do những người đã ghé thăm viết kể lại, qua tiếng chuông điện Cờremlanh đổ hồi mỗi nửa đêm chầm chậm trên thế giới đang say sưa ngủ, và cũng qua những cuộc diễu hành ào ạt và vui nhộn của nhân dân mà radiô đã truyền đi. Và bây giờ, Mátxcơva đang giải ra đó ở trước mắt anh, trong nóng bức, sáng sủa của mùa hè, menh mông và kỳ diệu.

Alếch-xây vẫn bước đi dọc bờ sông vắng vẻ, nơi chân thành Cờremlanh, rồi đứng lại nghỉ xả hơi, tay vịn vào đá hoa cương mát rượi của bao lơn trên bến, mắt nhìn nước màu xám có ánh cầu vồng đập vô chân tường bằng gạch. Và anh chậm rãi lần bước tới Hồng trường.

Cây ti-ơ-n đã trở bông. Trên mặt đường lát nhựa của các phố và các quảng trường, bầu ong chăm chỉ đang vo vo bay lượn trong đám cánh vàng chói những đóa hoa nhỏ, mùi thơm như mật, mặc tiếng ồn ào của xe điện, xe hơi, và mặc hơi nước nóng hổi nồng nặc mùi xăng hay rung rinh phía trên hắc ín nóng bỏng.

Mátxcơva thân yêu như thế này đây!

Sau bốn tháng nằm liệt trên giường bệnh, Alếchxây say mê trước vẻ đẹp của thủ đô đến nỗi anh quên không chú ý thấy Mátxcơva đang trang phục kiểu thời chiến và như các phi công thường nói, đang ở trong tình trạng báo động số một, mỗi lúc sẵn sàng đứng lên chiến đấu với quân thù.

Đại lộ lớn nối liền với cầu đã bị cắt quãng bằng một ụ lớn làm bằng cột cây và giữa những khoảng cách thì đệm bằng bao cát. Mỗi góc cầu đều có một lô cốt vuông bằng xi măng cốt sắt, có đục lỗ châu mai, đứng dựng lên, giống như những khối gỗ vuông của con nít chơi bỏ quên trên bàn. Khoảng xóm của Hồng trường đã được hóa trang lòe loẹt thành hình lối đi, bãi cỏ và nhà cửa. Cửa kính các tiệm, ô phố Goócki, được che chở bằng gỗ, bao bọc như những tấm khiên, và bằng những bao cát. Trong tất cả các phố, sắt đường ray cột chéo chữ thập thành những chướng ngại dùng để cản địch, được đặt khắp nơi, giống như đồ chơi của đứa con nít ồm ờ đã bỏ quên bừa bãi. Một chiến sĩ từ mặt trận về, mà chưa được biết Mátxcơva trước kia lần nào, không thấy ngay được sự khác lạ đó. Điều làm anh ta chú ý, đó chỉ là một số nhà cửa có nhiều màu sắc sỡ trông kỳ quặc, giống như những bức họa của trường phái “tương lai chủ nghĩa”^[10], và các “cửa sổ TASS”^[11] dán trên tường và cửa kính mỗi nhà.

Hai chân giả kêu rin rít, và cây gậy đã phải kéo nặng nề, Mê-rét-xép đã thấm mệt, anh đi dọc theo đường Goócki, mắt mở trừng cố tìm mà vẫn không thấy những hố bom, những bức tường, những đường đá sập đổ, những cửa kính vỡ nát. Hồi anh còn ở mặt trận miền Tây rất xa xôi, cả một thời gian khá lâu, tại một sân bay quân sự, hầu như mỗi đêm, anh đều nghe tiếng những đoàn phi cơ oanh tạc của giặc Đức bay phía trên hầm ản của anh, xông về phương Đông. Đoàn này vừa bay khỏi thôi, tiếng văng vẳng

chưa dứt, thì đoàn khác đã tới, suốt đêm trường ù ù như thế. Các phi công đều biết rằng bọn này bay tới phía Mátxcơva. Và ai cũng cho rằng nơi đó hẳn là một địa ngục.

Ấy thế mà giờ đây, dạo chơi trong thành phố Mátxcơva thời chiến, Mêrétxép tìm hoài không thể nào tìm ra nổi được dấu vết của những cuộc oanh tạc đó. Nhựa cầu không có một vết cào xát và những nhà cửa đều thẳng hàng, yên ổn. Ngay cả kính cửa, có dán giấy chéo bao bọc, cũng trừ số rất hiếm, không suy suyển chút nào cả. Tuy vậy, ranh giới trận tuyến không xa, và điều này hiện rõ trong nét mặt của những người dân trong thành phố, mà trên phân nửa là quân nhân, chân đi ủng bụi bám trắng, và áo khoác đầm ướt mồ hôi dính chặt trên vai dưới dây cột đồ. Trong đường phố ngập ánh nắng mặt trời, một đoàn dài xe cam nhông bụi bặm đang chuyển bánh tiến tới, vành che bùn hư nát, kính xe vỡ vì vết đạn. Những chiến sĩ, mình đầy đất, bụi, vai che bằng những tấm vải nhà chòi, đang đứng trong khuôn xe xộc xệch, nhìn quanh mình bằng cặp mắt tò mò. Đoàn xe cứ tiến, tiến nhanh vượt mọi thứ xe buýt, xe hơi, xe điện, làm cho ta thấy rõ rằng quân thù gần đây lắm, đang ở ngay cửa ngõ thủ đô. Mêrétxép nhìn theo đoàn xe hồi lâu. Chao ôi! Sao anh muốn nhảy lên một chiếc xe đầy bụi đất ấy đến thế! Nếu lên được thì, bạn thấy không? Ngay chiều hôm ấy là anh đã có thể đến mặt trận, trên sân bay cũ của anh rồi. Anh tưởng như đã gặp Đếchcharencô ở dưới hầm chung của hai người trước kia. Anh tưởng như đã thấy những thành giường kê mẽ bằng gỗ thông có mùi nhựa thấm thía, lẫn với mùi xăng của ngọn đèn chế bằng vỏ đạn đập bẹp phía trên; anh tưởng như đã nghe tiếng động cơ được cho chạy lên mỗi buổi sáng cho nóng máy cùng tiếng thông reo không ngừng suốt ngày đêm trên đầu anh. Thứ nhà đó, anh cho là rất thoải mái và yên tĩnh: đó chính là nhà anh. Anh ước mong sao mau mau được trở về nơi đồng lũy đó, mà trước kia bao lần anh vẫn chê vì ẩm ướt, vì bùn sinh căn chặt lấy chân và vì đàn muỗi ào ào suốt ngày đêm.

Alếchxây đi rất mệt nhọc mới tới chỗ chân tượng Pútskin. Nhiều lúc anh phải đứng lại thở lấy sức, hai tay tỳ trên gậy, làm giống như những kẻ phất

phơ đi dạo phố dán mũi vô cửa kính. Anh thấy khỏe khoắn biết bao khi được ngồi phịch xuống ghế dài sơn xanh được nắng sưởi ấm, gần bên chân tượng. Anh ngồi sòng soài xuống, duỗi thẳng hai chân vừa tê, vừa đau, vừa rát lên vì dây quai của chân giả. Nhưng mệt nhọc cũng không làm anh mất cảm giác khoan khoái. Ngày trong sáng này thực đẹp. Trời khoáng đang mênh mông trên đầu bức tượng đá trang trí tòa nhà góc phố. Một cơn gió nhẹ nhàng như vuốt ve, kéo lê qua đường phố mùi thơm say sưa êm dịu của những cây ti-ôn đang khai hoa. Xe điện chạy qua rít lên tiếng sắt, và những em nhỏ, xanh xao, ốm yếu, đang lấy cát đắp lâu đài ở chân tượng, cười rộ lên. Xa xa hơn chút, ở cuối đại lộ, hai thiếu nữ da đỏ bóng, mặc sát mình y phục quân nhân, đang đứng gác, sau sợi dây căng, chung quanh một quả “xúc xích”, trông như một miếng xì gà lớn màu trắng bạc. Hình ảnh đó nói lên rằng ở đây đang có chiến tranh, nhưng nó chẳng có vẻ gì ra dáng kẻ đêm khuya bảo vệ khoảng trời Mátxcơva, mà lại như một con vật to lớn nhưng hiền lành ở vườn Bách thú số ra, đang nghỉ ngơi trên đường cái dưới bóng mát cây cối đâm hoa.

Mêrétxép nhắm mắt, quay về phía mặt trời bộ mặt tươi cười của anh.

Lúc đầu, các em không để ý tới phi công. Các em cũng như đàn chim se sẻ trước cửa sổ phòng 42. Nghe tiếng các em líu lo tươi mát, Alếchxây cảm thấy như được thưởng thức tất cả nắng ấm của mặt trời và tiếng động của đường phố. Nhưng bỗng một em đi chân không, bị một em khác đuổi, vấp phải căng anh đuổi ra, và té sòng soài xuống cát.

Lập tức, gương mặt tròn như mặt trăng của em meo méo xẹo, rồi từ vẻ kinh ngạc em trở nên thật như là khủng khiếp. Em ràn rụa nước mắt, rồi nhìn anh sợ hãi và lùi bước. Tất cả các em quây quần xung quanh em; chúng thì thầm lo lắng và lăm lét nhìn phi công, rồi tất cả bước lại gần, từng bước đi chậm chạp và sợ hãi.

Đang mải mơ màng, Alếchxây không thấy gì cả. Chỉ tới lúc anh thấy các em ngó trân anh, tỏ vẻ kinh ngạc và lo sợ thì anh mới để ý nghe các em nói chuyện.

Một em bé chừng mười tuổi, mặt xanh và ốm, rất là đĩnh đạc nói:

- Sao mày cứ hay làm phiền người ta thế hả, Vitamin? Lần này thì là một phi công, một trung úy.

- Tôi có làm phiền ai đâu, tôi lỡ đụng phải, xin lấy danh dự của thiếu niên tiên phong mà nói, đụng phải đôi cẳng chân bằng cây đấy. Tôi thề đấy, không phải là chân thật, mà là chân bằng cây.

Vitamin có bộ mặt tròn, nhấn mạnh vào câu đó.

Mêréxép thấy thật như bị xói một cái vào lòng. Bỗng dưng, ngày trời tươi đẹp như mất hết ánh sáng, mất hết vui tươi. Anh ngược mắt nhìn, bọn trẻ lùi lại trước cặp mắt anh nhìn, nhưng vẫn ngó ngó cặp giò anh. Bị thúc đẩy, Vitamin lấy vẻ khiêu khích, thúc khuỷu tay một em nhỏ gày còm:

- Sao? Mày muốn tao hỏi ông ấy hả? Đừng tưởng tao sợ nhé. Đánh cá coi!

Nó tách bọn trẻ, và tiến lên thận trọng, luôn luôn sẵn sàng chạy trốn, y hệt như con chim sẻ “Tiểu liên”, và nó tới gần Mêréxép. Nó vừa nói, vừa chuẩn bị bỏ chạy, như một nhà cua-rơ chuyên chạy nước rút, lúc đang chuẩn bị chạy đua:

- Đồng chí trung úy... Đồng chí à! Cẳng của đồng chí là cẳng thật đấy ạ, hay cẳng bằng cây? Trung úy là phế binh ạ?

Và đứa nhỏ giống như con chim sẻ nhỏ này thấy hai mắt đen nháy của người phi công rừng rưng rưng nước mắt. Nếu Mêréxép nhảy tới, la mắng em kịch liệt, vung cây gậy có khắc chữ vàng lên mà đuổi theo em, thì hẳn là anh không khiến em xúc động đến thế. Em bé cảm thấy ngay, trong trái tim chim của em, rằng em đã làm người chiến sĩ đau khổ biết bao khi nói tiếng “phế binh”. Em lặng lẽ lùi lại, nhập vô bọn bạn nhỏ đang đứng im và lẫn trốn trong đám ấy, giống như em đã bay biến trong không gian nóng bức đượm mùi mật và mùi nhựa rải đường nóng bỏng.

Có người vừa gọi tên anh. Aléchxây đứng phắt dậy ngay. Anhuta đang đứng trước mặt anh. Anh nhận ra cô ngay, mặc dù cô không xinh như trong hình. Mặt cô xanh, mặt phờ; cô mặc bộ đồ nửa quân sự với ủng, áo ni quân nhân, và đội cái mũ ca lô cũ. Nhưng cặp mắt xanh xám của cô, hơi lồi, đang nhìn Mêréxép với thái độ giản đơn trong sáng vô cùng, đượm đà tình

thương mến, khiến chỉ mới vừa gặp cô thiếu nữ này anh chưa quen biết, anh đã thấy ngay như người thân thuộc từ lâu, chẳng khác gì hai người đã chung sống, đã cùng lớn lên dưới một mái nhà. Hai người nhìn nhau hồi lâu, im lặng.

- Tôi không muốn tưởng là thấy anh lại như thế này.

- Thế cô thấy tôi ra sao?...

Mêréxép thấy mình không thể dẫn được nụ cười, mà đã để lộ ra thật là không đúng lúc.

- Vâng, tôi muốn tưởng rằng anh, nói thế nào được đây, có một bộ điệu hùng hơn thế cơ, cao lớn hơn, mạnh mẽ hơn, với một quai hàm như thế này này, và với ống điều võ, nhất là với ống điều võ... Anh Gorigôri đã có nói nhiều lắm về anh trong các bức thư mà anh ấy viết cho tôi, anh ạ!

Mêréxép ngắt lời:

- Anh Gorigôri của cô, anh ấy cơ, mới thực là một người anh hùng.

Thấy mặt cô tươi lên, anh nói tiếp, nhấn mạnh vào tiếng “của cô”:

- Anh đó thực là một người chân chính. Gorigôri “của cô” đã kể hàng tràng chuyện về tôi, nhưng tôi cá với cô rằng anh chưa nói gì với cô về anh ấy cả...

- Nhưng này, Aléchxây... Anh cho phép tôi gọi anh là Aléchxây nhé? Tôi đã quen gọi như thế rồi đó, vì đã đọc nhiều thư của anh Gorigôri viết cho tôi! Anh có việc gì khác ở Mátxcova không? Đến nhà tôi đi. Tôi hết phiên gác rồi, và còn rảnh cả ngày nay. Thôi, đi! Tôi có rượu vốt-ca. Anh có ưa rượu vốt-ca không? Tôi thết anh đấy.

Trong khoảnh khắc, anh thoáng nghĩ tới, như từ xa xôi lắm, hiện lên, hình ảnh đùa nhạo của thiếu tá Stơrúccốp, như đang nhìn anh, nháy mắt: “Này, thấy không, cô ả sống một mình mà lại có rượu vốt-ca. A hà!” Nhưng Stơrúccốp giờ đây đã bị thất bại rồi thất bại một cách thảm hại, khiến bây giờ Aléchxây chẳng thèm đánh giá một đồng xu nhỏ những lời nói của anh ta nữa. Anh còn nhiều thì giờ đến tận chiều; cả hai bèn thả bộ lộn lại dọc theo đại lộ, vừa đi vừa chuyện trò vui vẻ như hai người bạn thân. Anh rất sung sướng thấy thiếu nữ căn môi để ngăn xúc động mà

không nổi, khi anh kể lại những tai nạn mà Govôđép đã phải gánh chịu hồi đầu chiến tranh. Cặp mắt màu xám xanh của cô sáng hẳn lên, khi nghe anh kể lại những thành tích chiến sự của Govôđép. Cô kiêu hãnh biết bao vì Govôđép! Cô mê say tìm cách vặn hỏi đủ điều, để biết thêm mãi những chi tiết mới! Cô rung động bao nhiêu vì tức tối, khi kể lại với anh rằng Govôđép bỗng nhiên đã gửi cho cô một lá ủy nhiệm lĩnh lương! Tại sao anh ta lại bỏ đi đột ngột thế, không nói một lời, cũng không cho địa chỉ nữa? Bí mật quân sự chẳng? Quả thật là một thứ bí mật kỳ khôi, cái thứ ra đi không từ biệt và cũng không viết thư nữa.

Anhuta nhìn Alếchxây với con mắt tọc mạch:

- À này, sao, khi gọi điện thoại, anh cứ nhắc lại hoài vụ anh ấy để râu hả?

Mêrétxép tìm cách nói lảng:

- Cứ thế thôi, có gì đâu!...

- Không, không, anh phải nói thật, tôi không chịu buông xuôi chuyện đó đâu, anh phải nói thật; hay đó cũng lại là một bí mật quân sự nhỉ?

- Bí mật gì đâu? Đó chỉ là vì giáo sư Vaxili Vaxiliêvít khuyên anh ấy để râu, để làm cho các cô thiếu nữ ưng ý thôi mà... Hay là để cho một cô nào đó ưng ý, thì đúng hơn.

- Vậy ra thế đấy. Bây giờ, tôi hiểu cả rồi. À ra thế đấy!

Có cái gì như vừa tan vỡ nơi Anhuta. Cô bỗng nhiên già hẳn đi, làm như anh vừa dập tắt ánh sáng trong cặp mắt xanh của cô. Thấy rõ là mặt cô xanh tái, và cả một mạng đường nhăn hiện ra, nét nhăn mịn nhỏ, giống như có người dùng cây kim vạch lên trán cô và quanh khóe mắt của cô. Cái áo nỉ đã sờn, cái mũ ca-lô cũ ở trên mớ tóc vàng của cô, hình như mọi thứ trên mình cô, cái gì cũng tỏ ra mệt mỏi, chán chường. Chỉ có cặp môi nhỏ bé, tươi tắn và đỏ hồng, với chút lông nhỏ, mịn màng, cùng nốt ruồi điểm ở phía môi trên, tỏ ra rằng cô còn trẻ lắm, có lẽ là tuổi chưa tới 20.

Ở Mátxcova, có khi đi mãi dọc một đường phố to rộng, qua nhiều ngôi nhà đồ sộ nguy nga, ta ngoặt vào một ngõ hẻm, đi thêm chừng chục bước nữa, thì là đến trước một căn nhà nhỏ, cũ kỹ, bụng phình ra, như cảm

xuống dưới đất, và giương những tấm kính đã cũ mờ trên những khung cửa sổ nhỏ bé.

Anhuta ở một căn nhà nhỏ cũ như thế. Hai người trèo lên một cầu thang nhỏ, thoang thoảng mùi dầu xăng và mùi nước đá mè. Đến tầng gác thứ nhất, cô rút chìa khóa ra mở cửa. Hai người bước qua một bao đồ ăn, mấy cái soong cùng những chai lọ mà cô để ngay giữa cửa, cho nó mát, rồi bước vào một gian bếp tối đen và vắng ngắt, rồi mới tới một hàng ba, bề bộn đồ đạc xong mới đến trước mặt cái cửa nhỏ. Một bà già ở cửa buồng đối diện ló cái đầu gầy còm ra nói:

- Anna Đanilốpna, này! Có thư cho em đó! - Bà vừa nói vừa tò mò nhìn hai người thanh niên, rồi biến mất.

Cha mẹ Anhuta đã tản cư về hậu phương cùng với Học viện nơi cha cô làm giáo sư. Cô ở lại coi giữ hai căn buồng nhỏ này, trong đó đồ đạc kiểu cũ của gia đình được bọc cẩn thận trong bao trắng và chõng chất trong nhà giống như một cái kho hàng đồ mộc. Bàn ghế, các dây thao bằng len đã cũ và những tấm màn ri-đô đã vàng úa, các bức tranh, các tấm in màu, các pho tượng nhỏ và các bình lọ sắp xếp trên đàn pianô, đều bốc lên một mùi ẩm ướt của gian nhà vắng chủ.

Anhuta mặt đỏ lên, tay rút vội và khăn trải bàn, đồng thời rũ những mẩu bánh nhỏ còn vương trên đó và nói:

- Xin anh bỏ qua cho nhé! Tôi đang sống theo lối bộ đội. Từ nhà thương, tôi về ngay đại học, gần như là không đặt chân đến đây.

Cô ra ngoài, rồi trở lại, lấy khăn trải lại lên bàn, cẩn thận vuốt mép khăn:

- Có khi về tới nhà, thì tôi mệt quá rồi. Thật chỉ còn đủ sức lê đến đi vắng mà ngủ thôi, chẳng thay quần áo nữa. Công chuyện trong nhà, ngày giờ nào mà làm!

Mấy phút sau, ấm nước điện đã reo. Trên bàn sáng choang những chiếc tách có vẽ cầu kỳ, sang trọng. Trên một chiếc đĩa lớn bằng sứ, được xếp đặt gọn ghẽ mấy miếng bánh mì đen, mỏng dính như giấy, và dưới đáy một cái lọ thủy tinh, còn lại ít mẩu đường vụn. Dưới cái ủ nước nhỏ có tết những bông hoa kiểu xưa hàng trăm năm rồi, nước trà đang pha bốc lên một mùi

thơm ngào ngạt làm nhớ đến những ngày trước chiến tranh; trên bàn, bóng loáng một chai rượu màu xanh xanh, vẫn chưa mở nút, bên cạnh là hai ly nhỏ.

Mêrétxép được mời ngồi trong chiếc ghế bành lớn, nệm nhung xanh lá, đã thủng nhiều lỗ, do đó chất nhồi bên trong phòi ra, lỗ nhiều đến nỗi những miếng nỉ thêu phủ mặt và lưng ghế vẫn không giấu nổi những lỗ thủng trên ghế. Tuy vậy, ghế đó vẫn làm cho người ngồi thoải mái, vì rất sát thân hình người ngồi.

Aléchxây ngả mình thụt vô ghế, khoan khoái duỗi thẳng hai chân đau ê ẩm và nóng hầm.

Anhuta ngồi bên anh trên chiếc ghế gỗ nhỏ, mắt ngược nhìn như một em gái bé, rồi dồn dập hỏi tin Gơvôđép. Rồi thì, bối rối, cô cố giữ trầm tĩnh trở lại, và mời Aléchxây xích lại gần bàn:

- Anh vui lòng uống một tí nhé? Gơrigôri có nói rằng những chiến sĩ xe tăng... nhưng mà chắc cả những phi công thì cũng vậy!...

Cô đưa một ly cho anh. Rượu vodka óng ánh màu xanh biếc dưới những tia sáng mặt trời từ ngoài rọi vô phòng. Hơi rượu làm cho anh nhớ tới phi trường của anh, xa lắm, ở trong rừng, nhớ tới nhà ăn của sĩ quan vui nhộn lên mỗi bữa ăn vì mọi người nhao nhao mỗi người chêm một câu lúc phát “khẩu phần chất đốt”. Thấy ly thứ hai vẫn không có rượu, anh hỏi:

- Thế còn cô?

Anhuta trả lời gọn lỏn:

- Tôi không uống.

- Để chúc sức khỏe Gơvôđép, cũng không uống sao?

Thiếu nữ mỉm cười, lặng lẽ rót rượu và cùng với Aléchxây, dáng điệu suy nghĩ.

- Nào! Uống vì hạnh phúc của Gơvôđép! - Cô răn rỏi nói vậy, rồi uống cạn một hơi ly rượu, nhưng cô nghẹn thở, bắt đầu ho, mặt đỏ bừng và như mất hơi.

Mêréxép đã lâu không uống rượu, cảm thấy men rượu vốt-ca bốc lên đầu, và khắp người thấy nóng ran và lâng lâng dễ chịu. Anh lại rót đầy hai ly một lần nữa. Anhuta ra hiệu kiên quyết chối từ:

- Không, không, tôi không biết uống mà; anh cũng đã thấy rồi đấy!

Aléchxây nài:

- Thế không vì hạnh phúc của tôi mà uống à? Anhuta có biết tôi mong ước điều đó thế nào không?

Cô ngó thẳng anh một cách nghiêm nghị, rồi nâng ly, thân mật nghiêng đầu, dịu dàng nắm cánh tay Aléchxây mà uống.

Lần này nữa, cô cũng ho và hơi thở nghẹn ngào.

- Tôi làm gì bậy quá thế! Sau 24 giờ gác đấy. Tôi uống như thế này là để chiều ý anh. Còn anh... Gơrigôri đã nói trong thư thật là nhiều về anh. Tôi chúc anh nhiều, thật nhiều hạnh phúc. Và tôi tin rằng anh sẽ có hạnh phúc, tôi tin chắc như thế, anh nghe không?

Nói xong, cô cười với một giọng cười ròn rã và sang sảng:

- Tại sao anh không ăn? Cứ ăn đi, đừng ngại, tôi còn bánh mà! Đây là khẩu phần của tôi ngày hôm qua, tôi chưa lĩnh phần hôm nay.

Cô tươi cười đưa cho anh chiếc đĩa sứ trong đựng tất cả những miếng bánh nho nhỏ.

- Ăn đi anh, ăn đi, đừng làm trò; nếu uống vốt-ca say, thì anh sẽ làm gì nào?

Aléchxây đẩy chiếc đĩa ra, ngó trân cặp mắt xám sáng của Anhuta và cái miệng nhỏ nhắn, mồm mĩm, với cặp môi bóng nhẫy của nàng. Với giọng khàn khàn, anh hỏi:

- Thế cô, cô sẽ làm gì, nếu bây giờ tôi hôn cô?

Cô nhìn anh, sợ hãi. Chỉ trong chớp mắt, cô tỉnh rượu liền; cô nhìn anh không cảm giận, nhưng với cặp mắt đầy thất vọng như người ta nhìn một miếng ve chai, tưởng lầm là một viên ngọc quý vì nhìn xa nó có vẻ long lanh.

- Chắc là tôi sẽ tổng cổ anh ra khỏi nhà này và viết thư cho anh Gơrigôri biết rằng anh ấy chọn bạn lắm.

Cô lạnh lùng trả lời như vậy và nài anh ăn bánh:

- Anh ăn đi, say quá rồi.

Mắt Mêrétxép sáng lên:

- Hoan hô và đa tạ! Thay mặt cho toàn thể quân đội Liên Xô, tôi cảm ơn cô. Tôi, thì tôi sẽ viết thư cho Gơrigôri biết rằng anh ấy đã chọn bạn hay vô cùng.

Hai người nói chuyện với nhau tới ba giờ chiều. Ánh nắng lợt vô căn phòng, có bụi bậm nhảy múa ở trong, chạy dài theo dọc bức tường. Giờ xe lửa đã tới rồi. Alếchxây đứng dậy, lưu luyến chiếc ghế bành màu lá cây, mà những sợi nhồi trong ghế vương vào áo anh. Anhuta dẫn anh đi ra, hai người khoác tay nhau cùng đi, và lần này, sau khi nghỉ ngơi thỏa thích, Alếchxây bước đi vững chãi đến nỗi Anhuta phải thầm nghĩ có lẽ Gơrigôri muốn chọc mình nên mới nói anh bạn cụt cả hai giò. Cô nói chuyện với Alếchxây về bệnh viện lọc thương binh, nơi cô làm việc với các bạn gái của cô. Cô nhắc tới những khó khăn đã gặp khi hàng ngày từng đoàn xe chở thương binh từ mặt trận miền Nam trở về; thật là những người đáng kính phục, gan dạ chịu đựng đau thương. Bỗng cô ngắt ngang câu chuyện. Và hỏi:

- Thế Gơrigôri đã để râu thật đấy à?

Rồi cô lặng im một lát, mơ màng, lại dịu dàng nói tiếp:

- Tôi hiểu rồi. Tôi xin sẽ nói hết lòng mình cho anh, như tôi nói với cha tôi. Đúng rồi, thật thế, lúc đầu, tôi rất khổ tâm; khổ tâm vì chưa đúng, có lẽ là phải nói tôi sợ hãi... và cũng chưa phải là sợ hãi, tôi không biết nói thế nào cho đúng. Anh chắc hiểu tôi chứ? Có lẽ như thế là không tốt lắm, nhưng chỉ vì thế mà anh ấy chạy trốn thì hơi quá, trời ơi! Hơi quá, thật đấy! Nếu anh có viết thư cho anh ấy, thì nói hộ rằng anh ấy đã làm tôi khổ lắm, khổ lắm đấy!

Phòng khách rộng lớn của nhà ga gần như vắng hoe. Hầu như chỉ thấy có bộ đội. Người thì bận rộn, người thì im lặng trên ghế dài dọc theo tường,

hay ngồi trên gối đồ của mình hay ngồi dưới đất, vể mặt đăm chiêu hay cúi gằm, ai nấy đều có chung một ý nghĩ đang ám ảnh. Trước đây, con đường xe lửa này là con đường chính nối liền với các nước Tây Âu. Bây giờ, giặc Đức đã cắt đứt con đường này ở khoảng cách Mátxcơva chừng 80 cây số, cho nên quãng đường này nay như đi vào con đường cụt, chỉ còn liên lạc với ngoại ô thành phố. Giờ chỉ còn các đoàn xe đi tới mặt trận, và chỉ trong hai tiếng đồng hồ là cùng, thì bộ đội sẽ đi thẳng được từ thủ đô đến chiến tuyến thứ hai của những sư đoàn được giao cho nhiệm vụ bảo vệ. Lại có một chuyến xe chạy điện cứ nửa giờ một đưa một đám đông công nhân từ ngoại ô thành phố đến, và cũng nhờ các chuyến xe này, các chị nông dân đem sữa, trái cây cùng nấm, rau, vào thành phố. Đám đông ồn ào này rào rào một lát trong nhà ga rồi tràn ra ngoài, chỉ còn để lại những quân nhân trong nhà ga.

Tại phòng chính, có treo một bản đồ chiến trận Đức-Xô thật to, treo cao lên tận trần nhà. Một thiếu nữ bận quân phục, người mập mạp, hồng hào, chót vót trên thang, một tay cầm tờ báo có thông cáo cuối cùng của Sở thông tin Liên Xô và một tay đang xê dịch những cây đánh ghim buộc chỉ đỏ để đánh dấu ranh giới trận tuyến. Phía dưới bản đồ, sợi chỉ vẽ một góc nhọn đi sâu về phía tay mặt. Quân Đức đã tiến vào khoảng miền Nam, chúng đã chọc thủng cái chốt Idum Bắcvencôvô. Quân đoàn thứ sáu của chúng đã thọc sâu vào nội địa Liên Xô và đã tiến sát đến gần nét xanh của sông Đông uốn tròn. Thiếu nữ cầm kim gài sợi chỉ gần ngay sông Đông. Bên cạnh đó là đường vòng to lớn của sông Vônga, có một vòng tròn quanh Stalingrát và phía trên đó, có một chấm nhỏ: Camisin. Rõ ràng là mũi dùi của quân giặc thọc vào hướng sông Đông đang đe dọa con đường thủy có tầm quan trọng quyết định này và đang tiến gần tới thành phố lịch sử. Quân chúng mà thiếu nữ thon lỏn đứng trên, đang im lặng và đau xót bởi bởi theo dõi đôi bàn tay tròn trĩnh đang cầm lại những cây kim trên bản đồ. Một quân nhân trẻ tuổi, mồ hôi nhễ nhại, áo choàng ngoài mới tinh và cứng nhắc chẳng sát thân hình, lớn tiếng nói:

- Nó đang tiến, bọn chó đẻ, coi nó tiến thế nào kìa!

Một nhân viên xe lửa, gày còm, ria đã hoa râu, mũ cát-két lem luốc dầu mỡ, nhìn anh lính từ đầu tới chân ra vẻ khinh khi:

- Nó tiến, mà mi mặc không ngăn nó à! Thật là rõ quá thôi: nếu ta không lùi thì nó tiến sao được chứ? Lính với tráng! Coi kìa, để nó tiến gần tới sông Vônga rồi đó!

Ông nói với một giọng đau thương thấm thía, như rầy chính con ông về một lỗi rất nặng, không sửa chữa gì được nữa. Người quân nhân nhìn chung quanh ra vẻ ngỡ ngàng, sửa lại áo choàng phía vai, và lẩn ra khỏi đám đông.

Một người lắc đầu thờ dài:

- Ối chao! Thật là ta đã làm ăn chả ra gì!

Một người đã trọng tuổi mặc cái áo mưa đầy bụi, ra vẻ một thầy giáo hay một thầy thuốc ở thôn quê, bênh vực người lính trẻ tuổi:

- Nhưng nói anh ta ích gì đâu, đâu phải lỗi của anh ta? Ta chưa cho là đồng bào ta đã ngã xuống quá nhiều rồi ư? Đây là cả châu Âu đang tấn công chúng ta bằng chiến xa. Đâu mà ngăn được cả dòng sông lũ ấy trong nháy mắt! Ấy chính có nhờ bọn trẻ tuổi này mà chúng ta còn sống tự do ở Mátxcơva đây. Bọn phát xít đã nghiền nát dưới xích xe tăng của chúng biết bao nhiêu nước rồi, chỉ trong có mấy tuần. Còn chúng ta, thì chúng ta đã giữ được hơn một năm rồi - Chúng ta đã chiến đấu và đã giết được bọn chúng cũng bọn rồi. Đồng chí thấy không, những anh lính thanh xuân như thế, người người đều nên ngả mũ kính phục, còn đồng chí, thì đồng chí lại chê trách người ta hoài...

Người nhân viên xe lửa già, râu rĩ, trả lời:

- Tôi biết rồi, biết rồi, khỏi cần tuyên truyền tôi, trời ạ! Nhưng hiểu thì cứ hiểu, lòng thì vẫn cứ như bị rút xé ra. Đây là đất nước chúng ta, bọn Đức đang giày xéo lên, chúng đang tàn phá nhà cửa của chúng ta...

Anhuta chỉ về phía miền Nam Liên Xô trên tấm bản đồ và nói:

- Anh ấy ở đó phải không?

Mêrétxép trả lời:

- Phải, và nàng ấy cũng ở đó.

Và ở gần ngay chỗ vòng ướt xanh của dòng sông Vônga, phía trên Stalingrát, anh nhìn vào cái vòng nhỏ có ghi hàng chữ “Camisin”. Đối với anh, đó không phải chỉ là một chấm trên bản đồ. Đó là một thành phố nhỏ xanh tươi có cỏ mọc trong đường phố ngoại ô, có những cây bạch dương cành lá sáng bóng rung động rì rào. Đó là hương thơm của rau thì là, rau mùi, một người chôn chính dưới hàng rào. Đó là những trái dưa tròn trĩnh, vẫn vẫn, nằm bừa bãi trên đất khô màu nâu, trong cái ổ lá lớn đã quăn lại. Đó lại còn là gió ác liệt từ thảo nguyên thổi tới, thơm tho mùi ngải, là dải nước menh mông của con sông chói chang, là một cô thiếu nữ tươi trẻ, yếu điệu, mắt đen, da màu mật ong, và ở đó còn mẹ anh, tóc đã bạc, cử chỉ yếu ớt.

Anh nhắc lại:

- Vâng, má và nàng ở đó!

Tàu điện nhanh nhẹn vượt qua ngoại ô Mátxcơva, bánh xe lăn rin rít, còi tàu kéo liên hồi. Mêrétxép ngồi gần cửa sổ, ép sát vào đó, bên anh có một ông già nhỏ bé, mặt không râu ria gì, đầu đội mũ nỉ vành to kiểu Goócki, mang kính gọng vàng có thắt sợi dây đen. Có một cái thuổng, một cái xẻng và một cái đinh ba bao bằng giấy báo, cột dây kỹ lưỡng, đặt ở giữa hai đầu gối ông.

Cũng như mọi người, trong giờ phút lo âu này, ông chỉ nghĩ tới chiến tranh. Bàn tay nhỏ bé và khô khốc của ông giơ lên giơ xuống trước mũi Mêrétxép, và ông thì thào với anh, ra vẻ đầy sự hiểu ngầm:

- Có lẽ anh không tin, tuy tôi, tôi không phải là bộ đội, nhưng tôi cũng hoàn toàn hiểu được kế hoạch của ta: Phải dụ địch vào sâu vùng thảo nguyên Vônga, buộc chúng phải kéo dài đường giao thông, như ta nói bây giờ ấy mà, khiến chúng phải đi xa hơn nữa, để chúng tách khỏi căn cứ; và khi đó, chúng ta đánh phăng! Cắt phăng đường giao thông của chúng và giết cho chết sạch... Đúng, đúng rồi! Đó là kế diệu nhất. Bởi vì đối địch với ta, không phải chỉ có Hítle. Chúng đã quét roi dồn cả châu Âu đánh chúng ta; một mình chúng ta phải chịu đựng quân đội sáu nước. Chúng ta chỉ có một mình để đối chọi. Chúng ta phải làm cho địch rải sức của chúng rộng ra, để cho mũi nhọn ghê gớm lụt bớt đi. Đúng rồi, chỉ có giải pháp ấy là đúng! Bởi vì cho đến nay, cuối cùng, đồng minh “thân mến” của chúng ta cũng chưa hề động tới ngón tay. Phải chưa? Anh nghĩ thế nào?

Mêrétxép bực lên:

- Tôi nghĩ rằng bác hoàn toàn nói bậy. Đất nước của tổ quốc chúng ta quý báu biết chừng nào, sao lại dùng để cho địch rải quân ra làm lụt cái gì?

Anh nói và nghĩ đến tàn tích của làng bị cháy phá mà anh đã bỏ qua mùa đông vừa rồi. Nhưng ông già cứ tiếp tục lải nhải, thở phì phèo vào mặt anh, hơi ông nặng mùi thuốc lá và cà phê giả làm bằng lúa mạch.

Aléchxây thò đầu ra cửa toa xe, lấy mặt hứng làn gió dịu ấm. Anh ham mê nhìn phong cảnh thay đổi liên liên: bến sông, với những tấm rào bằng

cây màu xanh đã phai màu; những căn chòi nhỏ xinh xắn, có những tấm ván đóng đinh lên; những biệt thự nhỏ nhìn thấy thấp thoáng qua những rặng cây; những bãi cỏ long lanh như ngọc thạch bên cạnh những dòng nước khô cạn; những ngọn thông đứng thẳng như những cây nến, mà ánh nắng chiều làm sáng vàng lên những nét lăm tăm; và xa xa, chân trời từng chỗ xanh xanh đằng kia, trong bóng chiều hôm, sau đám cây rừng.

- Này anh, anh là quân nhân, nói tôi nghe này, anh có cho rằng như thế là đúng không? Đã hơn một năm rồi, chúng ta đơn độc chống với phát xít, còn đồng minh của ta, họ làm gì? Mặt trận thứ hai của họ đâu nào? Anh thấy không: có bọn kẻ cướp nó nhảy xổ vào đánh một người lương thiện chỉ biết làm ăn cần cù tối ngày, chẳng nghi chẳng ngờ gì cả. Nhưng người ấy không chịu khuất phục, cầm cự và chống lại cả bọn. Người đó có một mình, mà bọn nó thì đông. Bọn nó đã võ trang và đã mưu mô tính toán từ lâu. Được rồi. Những nhà lảng giềng thấy anh can trường, thì khuyến khích, ừ, đánh đi! Hay! Thế là đáng đời chúng nó, đập dữ vào, đánh nữa đi nào! Nhưng đáng lẽ phải giúp đánh bọn ăn cướp, thì lại chỉ đưa cho anh ta vài cục sỏi, cục sắt. Ừ đánh đi, có cái này thì đánh khỏe hơn đó, nhưng họ thì tránh ra cho khỏi bị đau. Phải rồi đấy, đồng minh của ta làm thế đây; họ chỉ nhìn chúng ta đánh thôi.

Mêréxép nhìn ông già bé nhỏ, với cặp mắt tò mò. Nhiều hành khách nhìn hai người, và trong toa tàu chật cứng, tiếng nói của hành khách trao đổi ý kiến nhao nhao khắp:

- Ông cụ nói đúng đấy. Chúng ta đánh một mình, tự lo liệu lấy. Mặt trận thứ hai đâu nào?

- Ôi chao! Thì cứ đánh khỏe thêm chút nữa nào chứ sao, hờ trời! Xoay xổ một mình cùng được. Rồi thì mặt trận thứ hai sẽ mở khi nào cơm ăn xong, tới tráng miệng.

Xe lửa ngừng ở một nhà ga xép vùng ngoại ô. Một vài thương binh, mặc áo ngủ của nhà thương chống nạng hay gậy, bước lên toa xe, tay cầm những gói trái cây và hạt quý, chắc hẳn vừa ở chợ nơi nào đó trở về nơi dưỡng bệnh. Ông già nhòm vội dậy:

- Ngồi xuống, cái chú này, ngồi xuống.

Và ông ép một thương binh trẻ bé, tóc đỏ hung, chân quăn băng, mang nạng, phải ngồi xuống chỗ ông, như bị bắt buộc vậy.

- Đừng ngại, đừng ngại gì, tôi xuống ngay bây giờ mà.

Muốn để cho người ta tin, ông với tay lấy gói đồ dùng và tỏ vẻ lách mình ra phía cửa xe. Mấy cô hàng sữa nép lại để nhường chỗ cho anh thương binh.

Aléxây nghe sau lưng mình có tiếng phụ nữ đang nhận xét anh một cách nghiêm khắc:

- Cái chàng đó không biết mắc cỡ hay sao? Có một thương binh đang co ro đứng đó, mà chàng ta mạnh như vâm thế kia, mà vẫn ngồi điềm nhiên. Anh ấy cho mình như là không trúng đạn được ấy. Mà lại còn là sĩ quan, là phi công nữa cơ chứ!

Aléxây thấy nhói đau vì lời phê phán bất công ấy, lỗ mũi anh mấp máy, nhưng bỗng nhiên, mắt anh tươi sáng hẳn lên. Anh vùng dậy:

- Cậu ngồi đó, nè!

Thương binh bối rối, tỏ vẻ lùi lại:

- Không, thưa đồng chí trung úy. Đồng chí cứ ngồi, tôi đứng được mà, tôi xuống gần đây, chỉ cách hai ga thôi.

Mêréxép tràn ngập vui mừng nhắc lại:

- Đã nói mà, cứ ngồi xuống!

Anh len về phía hành lang toa, dựa mình vào vách xe, dùng hai tay chống lên gậy. Anh đứng đó, miệng cười hờn nhiên, và bà già bé nhỏ chắc bây giờ hiểu rằng bà đã nói tầm bậy:

- Này bà con! Không ai nhường chỗ cho ông sĩ quan chống gậy đó sao? Xấu hổ quá mất thôi! Kìa cái chị đội mũ đó, chị ngồi phủ phục như thế, xem như chiến tranh chẳng sao với mình cả à? Thôi, đồng chí sĩ quan, lại ngồi chỗ tôi này. Bà con giang ra nào. Chúa ơi! Để cho ông sĩ quan lại đây nào!

Alếchxây làm như không nghe thấy; cả cái vui của anh như lui đi. Ngay lúc đó, anh nghe tiếng nhắc tên ga mà anh phải xuống. Tàu chạy chậm lại. Anh lướt mình qua đám đông, thì lại gặp ông già mang kính hời hợt. Ông già nháy mắt với anh như với một người quen biết từ lâu.

Ông hạ giọng hỏi nữa:

- Thế nào? Chuyện ấy, anh nghĩ thế nào? Rồi họ có mở mặt trận thứ hai không?

Alếchxây vừa bước xuống sàn gỗ ở sân ga, vừa trả lời:

- Nếu họ không mở, thì ta xoay xở một mình.

Bánh xe rít lên, còi inh ỏi vang lên, con tàu đi mất hút nơi đường ray rẽ ngoặt, để lại một đám mây bụi nhỏ phía sau. Không khí buổi chiều êm dịu và thơm tho bao quanh mấy người hành khách còn đứng lại trên sân ga. Trước chiến tranh, nơi đây chắc êm ả lắm. Rừng thông bao quanh ga, gió thổi nghe ào ào thật là khoan khoái. Một hai năm trước đây, trong những buổi chiều trời đẹp như hôm nay, thì những con đường mòn, những con lộ lớn băng qua khu rừng, tiến về phía các biệt thự, hẳn đều nhộn nhịp những người, mỗi khi có tàu đến: những chị phụ nữ thanh lịch diện những bộ áo dài rực rỡ, những chú bé ồn ào, những đàn ông da bánh mật từ đô thị vui vẻ trở về tay ôm đầy những gói đồ ăn và những chai rượu để uống. Nhưng mấy người hành khách hôm nay chỉ mang cuốc thuổng hay vài dụng cụ làm vườn khác. Họ bước nhanh trên sân ga, chạy vội về phía rừng, người nào lo công việc của người nấy. Chỉ còn một mình Mê-rét-xép, tay chống gậy, là ra dáng như một người dạo chơi, thường thức vẻ đẹp của chiều hè, hít thở không khí đầy ngực, mắt lim dim dưới ánh mặt trời như ve vuốt, chiếu xuống qua những cành cây.

Ở Mátxcơva, anh đã được chỉ rành rẽ đường đi. Anh quả thật là một quân nhân, chỉ hướng theo một số mục tiêu là thấy ngay con đường tới nhà dưỡng bệnh, ở cách ga chừng 10 phút đi bộ, bên cạnh một khoảng hồ nhỏ tĩnh mịch. Ngày xưa, hồi trước cách mạng, một nhà triệu phú Nga đã xây dựng nhà riêng mùa hè của hẳn ở đây, nhà kể ra thật cũng kỳ lạ. Hẳn căn dặn kiến trúc sư đừng sợ tốn tiền, chỉ cốt làm sao cho biệt thự của hẳn khác

lạ nhất đời. Để vừa ý chủ, kiến trúc sư đã cho xây ở bên hồ một căn nhà đồ sộ bằng gạch có cửa sổ nhỏ xíu và che chàng mạng, có chòi canh, có bậc lên xuống, có cầu, bao trùm trên tất cả là những mái ngói nhọn hoắt. Căn nhà quái gở chẳng hòa hợp chút nào với khung cảnh tĩnh mịch. Cảnh nơi đây đẹp lạ lùng! Những ngày tốt trời, mặt hồ phẳng lặng như tấm kính soi có những cụm cây hoàn diệp liễu non xinh xắn lá cành rào rào, đổ xô xuống mặt nước. Đó đây, trong đám cành lá dày đặc, hiện ra một cây bulô thân trắng. Đỉnh biếc xanh của một khu rừng cũ kỹ bao vây toàn bộ phong cảnh một vòng lô nhô. Tất cả soi trong tấm kính nước, tan trong những tầng nước sâu xanh biếc.

Nhiều nhà danh họa đã tới thăm chủ nhà này, mà cả nước Nga ai cũng đều biết tiếng là trọng khách. Và nhiều bức tranh đã họa, dưới đủ mọi vẻ, cảnh đẹp nơi đây, tượng trưng cho cảnh đẹp hùng vĩ và kín đáo của thiên nhiên nước Nga.

Chính cung điện ấy, đã dùng làm nơi dưỡng sức cho không quân Liên Xô. Thời bình, các phi công đem theo vợ và đôi lúc tất cả gia đình đến nghỉ ngơi nơi đây. Thời chiến, thì dùng làm nơi dưỡng sức cho các thương binh vừa ra khỏi bệnh viện cần tĩnh dưỡng. Alếchxây đi vô nhà dưỡng sức bằng đường tắt, không đi qua con đường lớn tráng nhựa, có cây bulô hai bên, nhưng phải vòng hơi xa. Anh đi trên con đường mòn băng qua phía rừng, từ ga tới hồ nước. Có thể nói rằng anh đã vào nhà dưỡng sức bằng lối tập hậu, vì thế chẳng ai chú ý tới anh và anh đã trộn lẫn vào được với đám người đứng quanh hai chiếc xe ca đầy nhóc người đậu ngay trước những bậc lên xuống ở cửa chính.

Qua những lời nói chuyện, những câu ứng đáp, những lời dặn dò mà anh nghe được, anh hiểu đó là những phi công sắp rời dưỡng đường để ra mặt trận, được các bạn còn ở lại tiễn đưa lên đường.

Những người ra đi mừng vui như sắp tới những trại đóng yên ổn nhất, chớ không phải tới bầu trời mà cái chết chờ đợi sau mỗi đám mây. Những kẻ còn ở lại, thì nét mặt tỏ ra nôn nóng buồn rầu. Đó là những tình cảm mà Alếchxây thông cảm vô cùng. Từ đầu cuộc chiến tranh to lớn đang diễn

biển ở miền Nam, tình cảm đó lôi cuốn anh mạnh mẽ và ngày một lớn lên mỗi khi tin tức chiến trận càng rắc rối và càng lớn rộng.

Mỗi khi giữa quân nhân với nhau, có nói tới, mà nói với một cách dè dặt tới tên thành phố Stalingorát, thì sức hấp dẫn ấy biến thành lòng hoài niệm quê hương mãnh liệt, làm cho anh thấy như không sao chịu được, nếu như ở nhà thương phải bị bắt buộc không được hoạt động gì.

Từ các cửa sổ xe ca, nhô ra những gương mặt sạm nắng và đầy sức sống. Một anh người Ácmêni, người lùn và vai to, đầu sói, mặc áo ngủ có kẻ sọc, đang lính quỳnh chạy quanh xe ca. Anh có vẻ giống một anh hay pha trò đang muốn nói đùa câu gì vui; anh múa may cây gậy và nói với một người ra đi:

- Mày chào bọn phát xít giùm tao, khi nào mày bay trên kia nhá, Phêđia! Và mày nhớ thanh toán món nợ với chúng nhé: nhớ chính chúng nó không để cho mày được tắm trắng nốt đó nhé! Phêđia! Phêđia! Mày làm sao cho chúng nó biết rằng tụi nó thật đáng tội, dám quấy rối tụi phi hành gia Xô viết nổi tiếng này không được tắm trắng đấy nhé!

Phêđia, một gã thanh niên đẹp trai, đầu tròn, ngang trán có theo lớn, gào qua cửa sổ rằng anh sẽ không để phụ lòng tin tưởng của “Ban tắm trắng” của dưỡng đường. Kẻ ở, người đi, ai nấy đều cười vui vẻ nhộn lên. Xe đã chuyển bánh và từ từ đi ra phía cửa.

Đám người hô lớn:

- Bình an và may mắn nhé!

- Phêđia! Gửi ngay cho chúng tao sổ thùng thư của mày nhé! Đinốtca sẽ gửi trả lại trái tim cho mày bằng bưu kiện bảo đảm...

Xe hơi mất dạng ở khúc đường quanh. Bụi màu vàng chói vì ánh mặt trời tà, rơi lặn xuống đất. Thương binh dưỡng sức, mặc áo choàng dài hay quần áo ngủ sọc, tản dần vào trong vườn rộng. Mêrétxép bước vào gian phòng của dưỡng đường: trên mắc áo, anh thấy các mũ cát kết viền xanh dương, và trên mặt đất, ở các góc nhà, anh thấy đủ con ky, bóng chuyền, gậy chơi quần vợt.

Chính anh què hời nãy dẫn anh lên phòng giấy. Khi đứng gần, anh thấy đồng chí này có gương mặt thông minh, nghiêm chỉnh, với cặp mắt lớn, đẹp và buồn. Khi đi bên nhau, anh bạn tự giới thiệu mình là chủ tịch “Ban tằm trắng” của đường đường. Anh giải thích tằm trắng, theo như khoa học y khoa đã chứng minh, là phương thuốc hiệu quả nhất để chữa bất cứ vết thương nào cũng mau lành, và anh không dung tha những kẻ vô tổ chức, đã dám cấp giấy phép đi chơi dưới trăng cho hội viên mà không qua anh. Anh nói chuyện tầm xàm luôn luôn, nhưng đồng thời, mắt anh vẫn giữ vẻ nghiêm nghị và luôn luôn anh nhìn bạn đường với cặp mắt tò mò.

Tại văn phòng, Mêrétxép đứng trước một thiếu nữ mặc áo bờ lu trắng, tóc đỏ rực khiến đầu cô như có lửa cháy.

- Anh là Mêrétxép? - Cô hỏi anh bằng một giọng trang nghiêm và khép lại cuốn sổ cô đang đọc.

Cô nhìn thẳng vào mặt phi công, vẻ ngờ vực:

- Anh định giỡn với tôi ư? Có ghi rõ ràng: “Trung úy Mêrétxép từ bệnh viện gì đó lại, cụt cả hai giò”. Còn anh...

Đến lúc đó Alếchxây mới nhận thấy rằng cái cô tóc đỏ này, mặt mày hầu như hoàn toàn che lấp dưới bộ tóc đỏ hung như đồng, cô có nước da trắng muốt. Cô vui vẻ ngạc nhiên nhìn Alếchxây bằng cặp mắt nhỏ, sáng, ngạo mạn và tròn, giống như mắt cú mèo.

- Alếchxây Mêrétxép, chính là tôi mà. Đây là giấy đi đường của tôi. Còn cô, cô là Lôla à?

- Không! Ai nói tên ấy cho anh? Tôi là Đina. Anh dùng chân giả đấy à?

Cô vừa nói vừa nhìn chân Mêrétxép, trong lòng còn nghi ngờ.

- À à! Vậy cô là Đinốtca, cô được Phêđiá gửi trái tim lại phỏng?

- Cái này thì là trung tá Buốcnaxiê đã kể cho anh nghe phỏng? Mới thế mà đã kể. Sao mà tôi ghét cái anh chàng Buốcnaxiê này thậm tệ thế! Cái gì anh cũng cười được. Tôi dạy cho Phêđiá khiêu vũ, thì có gì là lạ! Chuyện với trò!

- Thế bây giờ đến lượt tôi được cô dạy nhé! Được không cô! Buốcnaxiê đã ký giấy phép cho tôi được tắm trắng rồi đấy!

Thiếu nữ càng kinh ngạc:

- Sao? Anh định khiêu vũ à? Không chân? Ồi a! Bây giờ lại thêm được một anh ưa đùa nữa!

Lúc đó, Stórúccốp vụt vô phòng và nhảy tới bá cổ Alếchxây:

- Đã đồng ý rồi đấy nhé, Đinốtca ạ! Để trung úy ở phòng tôi nghe!

Những kẻ đã sống chung với nhau lâu trong cùng một nhà thương gặp lại nhau thường coi nhau như anh em ruột. Alếchxây vui sướng gặp lại thiếu tá như người xa cách lâu năm lắm gặp lại. Đồ đạc của Stórúccốp cũng vừa được đưa tới, nên anh càng thấy đây đủ như ở nhà. Anh biết hết mọi người rồi và mọi người cũng đã biết anh. Chỉ trong một ngày, đủ cho anh gây đây bạn bè và địch thủ.

Gian phòng nhỏ của hai người nhìn ra vườn, và vườn như tung về phía nhà những cụm cây thông cao thon; một lùm việt quất lá xanh rì như trái tím đậm dưới chân một cây dâu đơn độc, lá có cạnh răng cưa rung động y như lá chà là, quanh một chùm to những quả màu cam.

Khi ăn cơm chiều rồi, Alếchxây đi nằm. Anh ngả mình trên nệm dưới khăn trải giường dịu mát sương đêm làm cho ươn ướt, và anh ngủ liền.

Đêm đó, anh nằm chiêm bao thấy lắm chuyện lạ. Trăng chiếu xanh trên băng tuyết. Rừng cây bao phủ anh bởi một chiếc lưới bằng rêu, anh muốn bứt mình ra khỏi lưới, nhưng băng tuyết giữ chân anh lại. Alếchxây đau đớn vì thấy như sắp xảy ra một chuyện bất hạnh nào đó không biết và ghê gớm, nhưng chân anh bị lún xuống dưới băng, giữ chặt lấy, lạnh lùng như giá, và anh không đủ sức rút lên nổi. Anh rên rỉ, quằn quại, nhưng này, thay vào khoảng rừng, anh lại thấy trước mắt anh là phi trường. Bạn cũ của anh, người thợ máy Iura, đang ở trong khung máy bay, một chiếc máy bay thực lạ, mềm nhũn và không có cánh. Anh ta vẫy tay, cười và bay thẳng lên trời. Bác Mikhailô bồng Alếchxây trên tay và nói với anh như nói với một đứa con nít: “Để mặc anh ta, mặc anh ta! Ta hãy cứ đi tắm hơi nước một cái; lửa đang nóng, tắm rồi con sẽ dễ chịu lắm mà”. Nhưng bác không đặt anh

xuống băng lạnh. Anh cố ngồi dậy, nhưng không ngồi nổi. Đất đang ghì anh xuống giống như nam châm hút sắt. Không, cũng không phải đất hút anh, mà là một con gấu, mình nó nặng nề, nóng hổi, nó đè lên người anh, làm anh nghẹt thở, nghiền nát người anh. Và trước mắt anh lại có những chiếc xe hơi lớn chở đầy những phi công, chẳng ai thèm chú ý tới anh, những người ấy, người nào người nấy đều nhô đầu ra cửa xe, mặt mày hớn hờ. Alécxây định kêu cứu, định nhảy tới chỗ họ, đưa tay về phía họ, nhưng toàn thân anh tê bại. Anh mở miệng mà không kêu nổi, chỉ thì thào. Anh nghẹn thở, và có cảm giác như tim anh đã ngừng đập. Anh đang cố trỗi dậy lần cuối, thì hình ảnh Đinốtca lại hiện lên, với vẻ mặt chế nhạo, với mái tóc ánh đỏ như lửa, với cặp mắt giễu cợt và tò mò.

Alécxây tỉnh dậy và nghẹt thở. Cả phòng im phăng phắc. Thiếu tá ngủ mê, ngáy khò khò. Một tia sáng trắng lọt vô phòng, như muốn ghìm xuống ván. Tại sao những hình ảnh rùng rợn của những ngày cũ ghê gớm ấy lại trở lại ám ảnh anh, những hình ảnh mà anh hầu như không hề nghĩ tới nữa, mà anh đã coi như những cảnh tượng chỉ thấy trong cơn mê sáng? Từ nơi cửa sổ mở toang có ánh trắng chiếu sáng, một âm điệu đều đều và dịu dàng, với tiếng thì thầm êm đềm và mùi thơm mát của trời đêm lọt vô phòng. Âm thanh ấy lúc vang rộn lên, nhưng cũng có lúc trầm đi, lúc xa đi, hoặc lại đứng lại trong một thứ tiếng cao bổng: đó là tiếng hát của cây rừng.

Ngồi trên giường, phi công lắng nghe thật lâu tiếng thông reo huyền bí, rồi anh lắc mạnh đầu anh như để xua đuổi một ám ảnh, và anh thấy một luồng nghị lực trào lên anh, làm anh tràn trề vui sướng. Anh còn phải nghỉ lại dưỡng đường này 28 ngày. Sau đó, số phận anh sẽ được định đoạt: hoặc là trở lại chiến đấu trong ngành không quân, hoặc là, suốt đời anh, mọi người sẽ nhường một chỗ ngồi cho anh trên xe điện, và sẽ cúi đầu nhìn theo anh. Vì vậy, mỗi ngày ở đây, thiệt là dài mà cũng thiệt là ngắn, thiệt là một ngày đấu tranh để trở thành một “người chân chính”.

Trên giường, dưới ánh trắng như vẽ mờ đi, trong lúc thiếu tá ngáy khò, Alécxây suy nghĩ tới kế hoạch tập luyện của anh. Anh định chương trình tập đi, tập chạy, tập những cử động đặc biệt của chân, mỗi sáng và mỗi

chiều. Và một ý nghĩ làm cho anh say mê, là ý nghĩ nảy ra lúc nói chuyện với Đinốtca, bởi vì nó có thể sẽ giúp anh hoàn toàn làm chủ được trong sự điều khiển cặp giò giả của mình: anh quyết định tập khiêu vũ.

3

Giữa trưa. Trời tháng tám yên tĩnh và trong sáng: tạo vật đều lấp lánh tràn ngập ánh sáng, nhưng trong bầu trời oi bức, có những dấu hiệu gì đó mà không ai biết được, báo hiệu cái băng khuâng của mùa hè đang tan.

Bên bờ một dòng suối rì rào chảy êm êm quanh những lùm cây, một nhóm phi công phơi nắng cho đỏ mình trên bãi cát nhỏ. Thêm thiếp vì nóng, họ ngủ gà, và ngay cả anh Buốcnaxiê cũng bao giờ biết mỗi là gì cũng không buồn nói chuyện, anh thọc xuống cát nóng cái chân gầy mới nổi lại, mà nổi không tốt lắm. Lùm cây hạt dẻ, lá màu xám che khuất đám người đó, nhưng trái lại họ lại có thể nhìn rất rõ con đường mòn trên bãi cỏ xanh, đi xuống suối. Chính trên đường mòn ấy, Buốcnaxiê đã thấy một cảnh lạ đời:

Bệnh nhân mới tới chiều qua từ trong rừng bước ra; mặc quần ngủ, chân mang giày nhưng mình trần. Anh nhìn quanh không thấy ai cả, liền co giò chạy, chạy bước thật dài, khuỷu tay co sát mình. Anh chạy được gần 200 thước, thì anh chạy chậm lại, thở hết cả hơi, mồ hôi nhễ nhại. Lấy lại được hơi, anh lại chạy. Mình anh bóng láng như hông con ngựa đã nhồi sức. Buốcnaxiê không nói năng gì, ra hiệu cho các bạn và chỉ về phía người chạy. Họ núp trong lùm cây và theo dõi những cử chỉ của anh ta. Những cử động của anh giản đơn thôi, nhưng khiến anh mệt đến không thở được, và nhần nhó vì đau đớn; đôi lúc anh rên đau, nhưng lại chạy mãi không thôi.

Buốcnaxiê cuối cùng không thể ngồi yên được nữa, kêu lên:

- Này anh bạn! Thành tích của các nhà vô địch chạy đua Đơnamenski đã làm cho anh mất ngủ rồi hả?

Người mới đến ngừng lại. Một mồi và đau đớn bỗng biến sạch trơn trên mặt của anh. Anh lặng lùng nhìn về phía lùm cây, và không nói năng gì cả, anh bước về phía rừng, chân nhảy nhảy đôi chút một cách là lạ.

Buốcnaxiê kinh ngạc hỏi:

- Hẳn là một tài tử hát xiếc hay là một thằng khùng thế?

Thiếu tá Stórúccốp đang mơ màng, thức giấc và giải thích:

- Hân bị cụt cả hai giò, đang tập dùng chân giả cho quen để trở lại chiến đấu trong hàng ngũ sẵn giặc.

Câu nói ấy có hiệu quả như một dòng nước lạnh xối lên đám người đang ngủ. Họ vươn mình vươn mấy ngời dậy và bàn tán xôn xao. Họ rất đổi lạ lùng, thấy người bạn tuy dáng đi đứng hơi khác thường, nhưng đâu biết được lại là người què cả hai cẳng. Ý muốn trở lại chiến đấu trong hàng ngũ sẵn giặc với hai cẳng cụt đã làm cho họ thấy là vô lý, ngạo đời, hay, hơn nữa, là xúc phạm đến cái gì. Họ nhắc lại những trường hợp bị loại ra ngoài không quân vì những lẽ rất nhỏ mọn: vì mất hai ngón, đầu óc không bình thường, hay là bàn chân phẳng. Bao giờ cũng đòi hỏi muôn nghìn lần khó khăn hơn ở cơ thể của phi công, ngay trong thời chiến tranh, so với quân nhân trong các binh chủng khác. Tóm lại, với hai chân giả thì không tài nào có thể điều khiển một động cơ tể nhị và chuẩn xác như động cơ máy bay sẵn giặc.

Tất cả đều kết luận rằng Mêrétxép sẽ thất bại. Nhưng ý muốn điên cuồng và bất khuất của đồng chí cụt giò đã làm cho họ phải tôn kính.

Buốcnaxiên nói như để kết luận:

- Bạn anh, nếu không phải là đứa khùng không thuốc nào cứu chữa, thì là một vĩ nhân. Ngoài hai hạng người đó, không có thứ trung gian nào.

Chỉ trong nháy mắt, chuyện trong nhà có người què cả hai giò mà mơ ước muốn trở lại làm phi công lái máy bay sẵn giặc đã lan truyền khắp đường đường. Đến bữa, ai nấy đều nhìn phía Alếchxây. Nhưng anh thì có vẻ như không chú ý gì đến điều đó. Và những người ngồi nhận xét anh, thấy anh ăn rất ngon miệng, lớn tiếng cười vui với các bạn cùng bàn và, như mọi người, cũng khen nịnh mấy cô bồi bàn xinh đẹp, rồi đi chơi ở vườn với bạn bè, tập chơi cơ-rô-kê, và cũng có lúc thấy bóng chuyền vài cái trên sân bóng. Họ thấy anh không khác gì anh em khác, trừ dáng đi hơi lê chân, hơi nhảy nhảy đôi chút. Thực, anh không có gì khác thường cả. Nên không bao lâu mọi người quen đi và không bàn tới anh nữa.

Buổi chiều hôm sau, Alếchxây đến kiểm Đinốtca ở văn phòng. Anh lịch sự tặng cô chiếc bánh ngọt trắng miệng của anh, mà anh lấy giấy gói kỹ để

dành sẵn, chẳng cần lễ nghi gì hơn, anh ngồi lại bàn của cô và hỏi chừng nào cô thi hành lời đã hứa.

Cô giương cao đôi lông mày có vạch thêm nét chì đen:

- Hứa gì cơ?

- Cô Đinốtca, cô hứa dạy tôi khiêu vũ...

Cô cố nói lảng:

- Nhưng mà...

- Người ta cho tôi biết cô là một giáo sư có kỳ tài. Với cô thì những kẻ không có giò cũng biết khiêu vũ, còn những người thường thì mất luôn giò và mất cả đầu cả óc nữa, như Phêđiã ấy. Bao giờ ta có thể bắt đầu? Đi! Đừng mất ngày giờ!

Thực ra thiếu nữ rất bằng lòng anh thương binh mới tới này. Không có giò, anh lại muốn tập khiêu vũ. Tại sao không? Anh là một người rất dễ thương, với da mặt màu đồng, gò má đỏ hồng hào, tóc quăn quăn. Anh đi chẳng khác gì người lành lặn cả, mắt anh hay hay, như có gì điên say, có thể làm đờm buồn. Đối với Đinốtca, khiêu vũ chiếm một địa vị lớn trong đời cô, là một sở thích của cô, và cô thật là có tài. Còn Mêrétxép cũng không phải là người không dễ thương... Tóm lại, cô nhận lời. Cô kể cho anh biết cô đã học khiêu vũ ở nhà Bốp Gôrôkhốp, nổi tiếng khắp khu Xôcôn-ni, và Gôrôkhốp là học trò và là kẻ kế tục Paven Sủđacôpski, nổi tiếng khắp Mátxcôva, và thường dạy khiêu vũ ở các trường quân sự cao cấp và cả ở câu lạc bộ Ngoại giao. Cô nói các giáo sư ấy đã dạy cho cô những truyền thống tốt đẹp nhất của giao tế vũ, và cô cũng sẽ cố gắng dạy anh cho bằng một người chân chính được, tuy không biết không có hai giò thật thì có khiêu vũ được chẳng? Cô đòi hỏi anh ngay một số điều kiện cực khó: trước hết phải vâng lời và siêng năng, không được mê cô và không được tỏ tình, vì như thế khó dạy lắm, và nhất là không được ghen xằng khi có người khác mời cô nhảy, vì khiêu vũ chỉ với một người thì dễ mất những nét độc đáo, và như thế thì phiền lắm.

Mêrétxép nhận hết các điều kiện, không cãi cọ gì cả. Đinốtca rũ mái tóc đỏ như lửa và đứng dậy lướt chân bé nhỏ và nhanh nhẹn trên sàn, bắt đầu

dạy anh ngay, ở chính văn phòng, một bước đầu tiên.

Ngày xưa, Mêrétxép nhảy giỏi những điệu Nga và anh còn nhảy được cả những điệu cổ mà dàn nhạc lính chữa lửa thường chơi ở công viên Camisin. Anh có khiếu nhịp điệu và do đó đã dễ học môn học vui vẻ đó. Điều khó bây giờ, là không phải tập cử chỉ nhẹ nhàng cho cặp giò lanh lẹ, mềm dẻo nữa, mà cho cặp chân giả bằng da cột vô đầu gối bằng dây curoa. Anh phải cố gắng phi thường, ngoài cả sức của con người, căng thẳng cả gân cốt và ý chí để làm cho những chân giả nặng nề và vụng về đó biết làm như những cái chân sống. Vậy mà anh đã thành công. Anh thấy sung sướng vô vàn mỗi khi anh học thêm được một bước mới: bước lết, bước ngắt, ngập ngừng và pon-ca, tất cả kỹ thuật tinh vi về giao tế vũ mà Paven Xudakốpski đã tổng kết, có những tên hết sức kêu. Mỗi bước mới đem lại cho anh niềm vui như một đứa con nít. Mỗi khi anh đã thuộc kỹ một điệu mới, anh nhấc bổng và xoay tròn cô giáo để mừng thành công đó của mình đối với chính mình. Không một ai kể cả cô giáo, có thể hiểu nổi những cái đau đớn của anh khi anh múa may quay cuồng như vậy, có thể đánh giá được anh đã phải trả đắt như thế nào những bài học anh học. Không ai có thể chú ý thấy được rằng đôi khi, tuy có vẻ như chẳng chú ý gì, miệng vẫn cười tươi, anh chùi một giọt lệ, đồng thời chùi mồ hôi nhễ nhại trên mặt.

Một hôm anh trở về phòng mỗi mệt, kiệt sức, nhưng rất vui. Anh phấn chấn báo cho thiếu tá Stơrúccốp, đang đứng trầm ngâm bên cửa sổ, lúc ánh cuối cùng của mặt trời lặn tung lửa vàng trên đỉnh cây:

- Mình đang tập khiêu vũ đó.

Thiếu tá không trả lời.

Mêrétxép vừa vui vẻ tháo chân giả ra, hai tay xoa mạnh cùi chân, nơi bị cắt cụt, đang tê đi vì curoa, vừa tiếp tục:

- Và sẽ thành công!

Stơrúccốp không quay lại. Anh đang xúc động nức lên, một tiếng nghe thật lạ, và hai vai anh nhấc lên hạ xuống như người bị động kinh vậy. Alếchxây lạng lẽ chui vào mền. Thái độ của Stơrúccốp khác lạ hết sức. Cái con người không còn là rất trẻ trung đó, mới đây làm cho bọn cùng phòng

vui, nhưng đôi khi đến quá ngưỡng nữa, vì cười đùa cợt nhả và vì khinh khi phụ nữ, giờ thì si tình như một cậu học sinh, say đắm đến hầu như không còn biết trời đất chi nữa, và hình như, than ôi! Lại không chút hy vọng nào. Anh cứ chạy hoải đến văn phòng quay chuông điện thoại gọi về Mátxcơva, nói chuyện với Cōlaodĩa Mikhailōna. Anh kiếm mọi cơ hội để gửi hoa, gửi trái cây, gửi kẹo sô-cô-la cho cô. Anh viết hết thư dài đến thiếp ngắn cho cô, và phát điên lên được vì vui mừng khi nhận được bao thư mà anh biết rõ của ai gửi. Mà nào cô có chịu muốn biết chuyện yêu đương đó đâu; cô không muốn để anh đặt chút hy vọng nào ở nơi cô, mà cũng chẳng hề phàn nàn gì anh cả. Cô nói cô đã thương một người khác, người này đã chết, và cô thân mật khuyên thiếu tá nên ngưng viết thư cho cô và nên quên cô đi, để khỏi mệt sức và mất thời giờ. Và chính vì cái giọng khô khan, lạnh nhạt đó, cái giọng thương hại bạn bè đó, thật ra khi yêu thì hóa ra tủi nhục vô cùng, cái giọng đó đã làm cho anh bức mình khôn xiết.

Alếchxây đã nằm im dưới lớp mền, anh lặng lẽ kín đáo hé nhìn ra, thì bỗng thấy thiếu tá vụt rời cửa sổ chạy lại lắc mạnh hai vai và gào vào tai anh:

- Trời ơi là trời! Con bé nó muốn gì, muốn gì đây! Hay tao đã là một trái cây khô héo mất rồi! Hay là một con quái vật! Hay là một thằng già lẩm cẩm rồi? Thật, chứ một cô khác, không phải là cô ta, thì...

Rồi anh trở về ngồi xụp xuống ghế bành, gục mặt vào tay, nặng nề đến nỗi ghế cọt két lên:

- Cô ả dù sao cũng là phụ nữ chứ! Thế nào cũng phải có một chút tình cảm gì đối với tao chứ, đầu đó chỉ tò mò đi nữa! Cô ả biết tao yêu chớ, hả trời! Mà yêu đến thế nào đi ấy! Ôi chao! Mà Alếchxây, Alếchxây khổn khổ của mình ơi! Cậu đã biết anh kia phỏng? Bảo tao biết lão hơn tao cái gì hả? Tại sao cô lại gần bó với anh ấy như thế hả? Vì anh ấy thông minh, anh ấy đẹp? Hay vì anh ấy là một vị anh hùng xuất chúng?

Alếchxây nhớ lại chính ủy Vôrôbiốp, thân hình to lớn đã sừng phù của anh, bộ mặt trắng như sáp của anh trên tấm đờn trắng, và hình ảnh nàng

cúi xuống anh với vẻ mặt muôn đời của người phụ nữ đau đớn, cùng câu chuyện Hồng quân đang đi trên sa mạc...

- Anh ấy là một người chân chính, một người bôn-sê-vích, đồng chí thiếu tá ạ! Cầu trời cho chúng ta theo kịp anh ấy.

Cái tin tức điên rồ đó lan truyền khắp đường đường: anh phi công què cả hai giò mê mệt vì khiêu vũ.

Khi Đinốtca vừa rời công việc văn phòng thì học trò cô đã đứng chờ ở hành lang. Anh đến gặp cô, tay cầm một chùm dâu nhỏ, hay những miếng kẹo sô-cô-la, hoặc một trái cam mà anh đã dành lại không ăn tráng miệng. Đinốtca long trọng khoác tay anh và hai người bước vào phòng. Nơi đây, mùa hè không có ai cả, và người học trò cần mẫn đã tới trước, dọn sát vách tất cả các bàn chơi cờ, chơi bài hay bóng bàn. Cô Đinốtca xinh xắn chỉ cho anh coi một bước đi mới: phi công ta nhú mày lại, theo dõi một cách nghiêm túc vô cùng những nét uốn éo mà đôi chân nhỏ nhắn đáng yêu vẽ ra trên sàn. Rồi thiếu nữ trang nghiêm gõ nhịp bằng tay và bắt đầu đếm:

- Một, hai, ba. Một hai ba, một lết phía mặt; một, hai ba. Một, hai, ba, một lết phía trái. Cùng quay. Khá lắm. Một, hai, ba. Giờ, một bước cắt. Làm cùng, nghe!

Có lẽ nàng đã thích chí với cái ý kiến dạy khiêu vũ cho một người què cả hai giò. Đó là một vấn đề mà cả Bốp Gôrôkhốp và cho đến cả Paven Xudacôpski cũng không thể nghĩ tới giải quyết. Và có lẽ điều làm cô ưng bụng đối với học trò của cô, cũng là anh có nước da bánh ít, tóc đen huyền và cặp mắt hăng say. Có lẽ ưng bụng cả về hai thứ. Dầu thế nào, cô cũng đã dồn tất cả thời giờ rảnh và tất cả tâm sức mình vào những buổi dạy khiêu vũ này.

Buổi chiều, khi không ai đi dạo bãi cát, không ai chơi bóng chuyền và gôrôtki nữa, thì các bệnh nhân dưỡng sức đều dồn ngày giờ để khiêu vũ, cho là thích thú nhất. Alếchxây dự hết các buổi khiêu vũ đó, khiêu vũ rất hay và không bao giờ bỏ một lượt nào. Và giáo sư của anh đến lúc bắt đầu tiếc vì đã đưa ra cho anh mấy điều kiện khắc nghiệt hôm trước. Từng cặp quay tròn theo tiếng ắc-coóc-đê-ông. Má đỏ hồng như bùng lửa, mắt sáng lên vì phấn khởi, Mêrétxép nhảy hết các điệu đã học, nào lết, nào cắt, anh nhảy rất nhanh nhẹn, và anh đã đưa bước cùng nhảy một cách dễ dàng với

cô gái xinh xắn và tóc đỏ như cháy ấy. Không ai nhìn người trai khiêu vũ say sưa ấy, lại có thể tưởng tượng đến những đau đớn đang hành xác anh như thế nào, mỗi khi, thỉnh thoảng anh ra khỏi phòng.

Miệng cười tươi, mặt bừng bừng, anh bước ra, tay quạt phe phẩy bằng khăn tay một cách lơ là. Nhưng vừa ra khỏi cửa, khi anh tiến vào bóng tối rừng đêm, thì nụ cười trên môi đã trở thành cái nhăn mặt ê chề, đau đớn. Anh bám lấy lan can, lảo đảo, vừa rên vừa từ trên bậc thang bước xuống đất, quăng mình trên cỏ ướt sương, rồi áp toàn thân xuống đất ướt ẩm, còn ẩm áp nắng ban ngày, anh khóc vì quá đau, vì chân anh nhức nhối đau, do curoa sát thấu thịt xương. Anh cởi dây da cho chân anh nghỉ một lát, rồi anh lại cột lại, đứng phắt dậy, bước lên nhà, tiến một cách lanh lẹ vào phòng khiêu vũ, nơi một anh phế binh không ngừng chơi ắc-coóc-đê-ông. Anh bước vào mà chẳng ai để ý. Anh tiến lại gần Đinốtca tóc đỏ đang nhón nhạc tìm anh. Anh nở rộng một nụ cười, để hở hàm răng trắng và đều như băng sứ, và cặp trai gái xinh tươi và lạ lùng đó lại tiến vào cuộc với các anh chị em.

Đinốtca trách anh sao để chị một mình. Anh cười đùa vui vẻ và tiếp tục nhảy với cô, không có gì khác với các cặp khác.

Những cuộc tập nhảy đáng ghê sợ này đã bắt đầu đem lại nhiều kết quả. Alếchxây thấy mình ngày càng thành thạo với giò giả. Anh thấy như cặp giò đang dần được tiếp vào thân thể anh.

Anh sung sướng vô cùng. Giờ chỉ còn một điều làm anh lo ngại là vắng thư của Onga. Từ hơn một tháng nay, từ hôm xảy ra câu chuyện buồn đau của Govôđép, anh gửi cho nàng một lá thư, mà bây giờ anh cho là tai hại và dẫu sao thì cũng là hoàn toàn vô lý. Không có thư trả lời. Mỗi sáng sau buổi tập thể dục và tập chạy, mà anh thêm vào trăm bước mỗi ngày, anh đi liền tới văn phòng coi ngăn thư. Trong ngăn ghi chữ M... bao giờ cũng nhiều thư hơn các ngăn khác, nhưng lọc hoài, vẫn không thấy thư của anh. Và có một ngày kia, trong buổi tập khiêu vũ, Buốcnaxiên thò cái đầu đen của anh vô cửa sổ. Anh cầm trong tay cây gậy của anh cùng một bao thư. Không chờ nói một lời, Alếchxây cướp lấy bao thư trên đó phô ra rành

mạch nét chữ tròn to kiểu học sinh, và anh chạy ra, bỏ mặc Buốcnaxiên ngây người trước cửa sổ, bỏ mặc luôn cả giáo sư ở giữa phòng.

Lấy giọng một con mụ dèm pha, Buốcnaxiên lầm bầm:

- Đinốtca ơi! Bọn trai khiêu vũ bây giờ đùa nào cũng như thế cả đó! Cô em đừng có tin tui đó nhé! Phải biết sợ tui nó như ma quỷ sợ bừa vật của các vị thánh đấy nhé! Thôi dạy tôi thay đi!

Rồi ném gậy vào phòng, Buốcnaxiên nặng nề leo lên cửa sổ, gần đó cô Đinốtca đang đứng, hoang mang và buồn tủi.

Còn Alếchxây thì cầm bao thư quý báu, anh chạy lẹ ra bờ hồ, giống như sợ người đuổi kịp và lấy lại kho vàng quý báu đó của anh. Anh chui qua đám lau rì rào, ngồi lên một tảng đá rêu đóng xanh, và được cây cỏ xanh um bọc kín chung quanh, anh ngắm nghía lá thư yêu quý run rẩy trên tay. Thư viết gì? Nàng quyết định ra sao? Bao thư có nhàu nát. Có lẽ nó đi nhiều nơi, khắp xứ, cùng chạy theo anh, rồi mới đến tay anh. Anh âu yếm xé bao thư và nhìn ngay dưới thư thấy câu: “Anh thân yêu, em âu yếm hôn anh, Onga”. Tim anh như nhẹ hẳn. Anh bình tĩnh trở lại, để mở ra trên đầu gối anh những trang giấy tập mà những giọt đèn cầy, những vết bùn, những vệt đen đã làm hoen ố.

Tính Onga thường cẩn thận lắm, tại sao lại có tình trạng này? Anh đọc và tìm thất lại, anh run rẩy vừa vì tự hào vừa vì lo lắng. Đã hơn một tháng nay rồi, Onga không còn ở tại xưởng nữa. Cô đã cùng các thiếu nữ và thiếu phụ Camisin vào một nơi nào đó trong vùng thảo nguyên, đào hầm chống chiến xa và dựng lên trận tuyến bảo vệ “quanh một thành phố lớn từ nay đối với tất cả chúng ta đã trở nên thiêng liêng”. Trong thư không ghi tên thành phố Stalingorát, nhưng xúc động tình cảm và ưu tư trong thư đủ nói lên đó chính là Stalingorát.

Onga viết rằng có hàng ngàn người tình nguyện, đem xuống cuộc, xe kéo đất vô thảo nguyên làm việc ngày đêm, đào và chở đất, đổ bê-tông và xây chiến lũy. Thư của nàng rất phấn khởi, và chỉ vài hàng chữ trong thư nói đến thoáng qua nỗi gian khổ trong thảo nguyên. Nàng kể cho anh tất cả chi tiết công việc của nàng đang chiếm hết thì giờ của nàng, và cuối cùng nàng

trả lời câu hỏi của anh. Nàng tức giận nói rằng nàng rất giận vì bức thư cuối mà nàng nhận được chính đang lúc nàng đang đào hầm, và nàng nói rằng nếu không phải anh đang chiến đấu ở trận tuyến, nơi tinh thần luôn luôn căng thẳng, thì nàng đã không tha thứ cho anh tội coi thường nàng như thế. Nàng viết:

“Anh thân yêu, một mối tình chịu lùi bước trước những hy sinh, thì còn là gì nữa? Thật không có thứ tình yêu đó. Và nếu có, thì theo em, đó không phải là tình yêu chân chính. Em, ở đây cả tuần không được tắm rửa, em đang phải mặc quần như đàn ông và đi một đôi giày mà ngón chân cứ muốn lòi ra khắp các phía. Nắng đang thiêu đốt da em, và da em đã phồng lên, tụt ra, trở nên sần sùi, tím sạm. Nếu như thế em đến gặp anh, với thân hình ốm yếu, dơ bẩn, gầy còm và xấu xí, thì liệu anh có đẩy em ra không? Liệu anh có trách em không? Anh thật đáng buồn cười. Dù anh rủi ro sẽ ra sao, anh cũng cứ về với em, và anh nên nhớ rằng em vẫn chờ anh từng giờ từng phút, chờ anh mặc dù anh rủi có như thế nào... Em nghĩ nhiều đến anh, và cho đến khi em đi đào hầm công sự, ở đó mệt quá lăn ra ngủ như chết ở trên các gác gỗ để ngủ, thì em thường nằm chiêm bao thấy anh luôn. Anh nên nhớ rằng hễ em còn sống ngày nào, thì ngày đó có một nơi trên đời luôn luôn chờ đợi anh, luôn luôn chờ đợi anh, dù anh có gặp những gì... Anh viết thư nói rằng lúc nào anh cũng có thể gặp một tai nạn nào đó ở trận tiền. Vậy nếu ở nơi hầm công sự này, em cùng sẽ gặp tai nạn thì sao? Nếu em bị thương tật trở về, thì anh có bỏ em không? Chắc anh còn nhớ hồi ở trường học nghề, chúng ta cùng giải quyết những bài toán về đại số bằng phương pháp thay số lượng. Vậy bây giờ anh hãy đặt anh vào vị trí của em mà nghĩ đi, và nghĩ rồi thì chắc anh sẽ mắc cỡ vì những chuyện anh đã dặn em...”.

Mêréxép ngồi cúi nhìn bức thư hồi lâu. Mặt trời nóng bức rơi xuống nước hồ màu đen, những luồng ánh sáng chói lòa: lau xào xạc vì mấy con chuồn chuồn bằng nhung biếc bay lướt êm đềm trên ngọn cỏ. Những con côn trùng nhanh nhẹn, căng dài và gầy, nhảy lảng tảng trên gương nước,

dưới chân những cây lau, để lại phía sau nó vết nó qua, như một tấm ren thanh thanh. Sóng nước nhỏ nhẩn lấp tấp vờn nhẹ bờ cát.

Alếchxây tự hỏi:

- Phải chăng linh tính báo cho nàng biết? Hay là nàng có tài biết đoán? Xưa kia má anh thường nói: “Tim biết đoán”. Hay là công tác lao động đào công sự cực nhọc đã tạo cho cô gái một hiểu biết sâu sắc đến thế về cuộc đời, để nàng đã do linh tính biết được cả điều mà anh không dám thú thật với nàng? Anh đọc lại bức thư lần nữa. Không đâu. Chẳng có chuyện linh tính báo trước gì cả. Tại sao anh lại bày đặt ra điều đó? Thực tế, nàng chỉ trả lời thư anh thôi. Nhưng, trả lời hay biết chừng nào!

Alếchxây thở dài, cởi lần quần áo, đặt lên mỏm đá. Anh vẫn tắm ở đây, trong hốc đá mà chỉ riêng mình anh biết thôi, gần một làn cát nổi, kín đáo nhờ lau xào xạc che phủ. Anh cởi dây cột hai chân giả, rồi từ mỏm đá, anh trườn dần xuống, và anh không chịu bò bốn cẳng mặc dù những hạt cát làm cho hai khúc chân cụt của anh đau đớn vô cùng. Nhăn nhó vì đau, anh tiến vào hồ và lăn mình xuống nước lạnh. Anh lội ra xa bờ và bơi ngửa. Anh nhìn lên trời, bầu trời xanh không đáy. Những áng mây nhỏ viền vàng đang cuồn cuộn trôi qua. Anh quay đầu lại, nhìn phong cảnh trên bờ phản chiếu trên gương hồ xanh biếc; những bông súng vàng và trắng bập bênh trên mặt hồ giữa những lá tròn phơi bày mặt nước. Và lúc này bỗng, trên mỏm đá đầy rêu hình ảnh Onga lại hiện lên, giống như trong mộng, cũng với chiếc áo dài hàng bông và đôi chân thông xuống nước. Nhưng hai chân nàng không xuống tới mặt nước: cặp giò cụt tung tăng, ngắn quá không chạm tới nước. Alếchxây vội lấy tay dấm xuống mặt nước để xua đuổi hình ảnh đó đi. Rõ thật là cái phương pháp thay thế mà Onga gợi ý với anh trong thư chẳng có hiệu quả gì ngay cả đối với anh.

Tình hình miền Nam ngày càng nghiêm trọng. Từ lâu rồi, báo chí không nói tới chiến trận trên sông Đông nữa. Chẳng bao lâu, trong các thông cáo của phòng thông tin lại nói nhiều tới những tên làng ở bên kia sông Đông, về phía sông Vônga và thành Stalingorát. Đối với những người không biết vùng ấy, những tên đó không có nghĩa gì, nhưng đối với Alếchxây, người đã lớn lên ở vùng đó, thì rõ ràng là trận tuyến phòng ngự đã bị chọc thủng trên sông Đông, và giờ đây, thì chiến tranh đã tràn tới cửa ngõ Stalingorát rồi.

Stalingorát! Tên thành phố đó chưa thấy được ghi trong các bản thông cáo, nhưng nó đã ở trên môi tất cả mọi người. Mùa thu năm 1942 đó, mọi người nhắc tới cái tên ấy không giống như khi nhắc tới tên một thành phố, mà nhắc tới Stalingorát như nhắc tới một người bạn rất thân đang bị cái chết đe dọa. Mêrétxép lại càng lo hơn trước nữa từ ngày anh biết Onga ở đó, tại thảo nguyên bao quanh thành phố, không biết nàng sẽ phải qua những cơn thử thách như thế nào. Anh viết thư cho nàng mỗi ngày, nhưng không biết khu bưu chính nào đó mà anh gửi thư tới nàng, sẽ trao thư cho nàng ở đâu: trong sự bối rối của một cuộc rút quân lui, hay trong lò lửa của cuộc chiến đấu không lồ sắp bùng ra giữa thảo nguyên bên bờ sông Vônga?

Dường đường của các phi công dao động giống như một ổ kiến bị đạp chân lên trên. Tất cả những trò chơi ngày thường đều bỏ: cờ “đam”, cờ tướng, bóng chuyền, cùng gôrôtki, và cả bài lá mà ngay ở mặt trận còn có người quen chơi và ở đây thì thường người thích chơi mang vào đám lau nơi ven hồ mà chơi. Mọi người chỉ nghĩ tới một chuyện. Sáng, một giờ trước giờ thức dậy, mọi người, kể cả những anh làm biếng nhất, cũng mò đi nghe bản thông cáo thứ nhất, bản 7 giờ.

Khi tin tức cho biết những thành tích không quân, thì tất cả đều sa sầm, trở nên cáu kỉnh, kiếm chuyện giận dữ với mấy chị y tá, cầu nhàu về nội quy hay về ăn uống, làm như ban quản trị phải chịu trách nhiệm về việc bắt buộc mình, trong những ngày chiến đấu ác liệt này, phải nằm lì đó, phơi

năng, trong cánh rừng cây yên lặng, bên hồ lồng gương, không được chiến đấu trên thảo nguyên quanh Stalingorát. Cuối cùng những người dưỡng sức đều yêu cầu được chuyển ngay tới những đơn vị chiến đấu.

Ngay chiều hôm đó, một ủy ban y tế của không quân được cử tới. Nhiều sĩ quan y tế từ một chiếc xe trắng cát bụi bám đầy, bước xuống. Trên ghế trước, có đại tá quân y Mitrôvônski, phải tì cả hai tay vào lưng ghế mới nặng nề đứng dậy được. Cái ông to béo này được phi công thích lắm, vì ông coi sóc họ ân cần như một người cha vậy. Trong bữa ăn chiều, có báo tin rằng, ngay sáng hôm sau, ủy ban sẽ bắt đầu lọc những thương binh nào muốn thu ngắn thời gian dưỡng sức để về ngay những đơn vị hoạt động. Hôm đó, Mêrétxép dậy từ sớm tinh sương, không tập như mọi bữa, mà lại đi thơ thẩn trong rừng, cho đến tận bữa sáng. Bữa tối anh không ăn gì, mà lại còn rầy rà chị hầu bàn vì chị trách anh tại sao không đựng chút nào tới đĩa đồ ăn. Và khi Stơrúccốp trách anh tại sao cự nự một cô gái không có ý gì khác là đang lo cho mình, thì anh đứng phắt dậy, bỏ phòng ăn ra đi. Ở hàng ba, gần nơi niêm yết thông cáo, anh gặp Đinốtca. Khi đến trước mặt cô, anh làm bộ như không thấy cô, chỉ nhún vai với một vẻ tức giận. Nhưng khi anh đi qua bên cô mà làm như không ngó thấy cô, thì thiếu nữ mắt đầy lệ, với một vẻ tức giận, kêu anh lại. Alếchxây bực tức, ngoái cổ lại nhìn cô:

- Muốn gì tôi vậy?

- Đồng chí trung úy, tôi đã làm gì anh vậy? - Cô vừa nói khẽ được mấy tiếng thì mặt cô đỏ lên, đỏ chảng khác mớ tóc của cô.

Alếchxây định thần lại, và cúi đầu xuống, anh nói với một giọng khàn khàn:

- Vận mệnh của tôi quyết định hôm nay, cô hãy siết chặt tay tôi cho, và như thế thì tôi sẽ được may mắn.

Và bước khập khễnh hơn ngày thường, anh trở về phòng, khép cửa lại.

Ủy ban làm việc ở phòng lớn giữa nhà. Ở đó, đã chuẩn bị đủ các thứ máy móc: máy đo hơi thở, máy đo sức, bảng thử mắt v.v... Cả đám thương binh chen chúc nhau ở các phòng bên, vì hầu hết ai cũng muốn trở về đơn vị trước thời hạn nghỉ dưỡng sức và mọi người chờ đợi, phải xếp hàng nối

đuôi nhau. Nhưng Đinốtca đã phát cho mỗi người những phiếu ghi đúng ngày giờ mỗi người phải đến khám sức khỏe. Cô yêu cầu mọi người giải tán đi. Mấy anh khám xong đầu tiên ra rồi, thì có tin kháo rằng thầy thuốc dễ lắm, chứ không làm rầy rà chi lắm đâu. Lúc này đâu phải là lúc đòi hỏi tỉ mỉ lắm: một chiến trận lớn lao đang diễn ra ác liệt ở trên sông Vônga và rất cần gửi quân tiếp viện mới đến đó thật nhiều.

Ngồi trên bao lơn gạch trước thềm cửa ra vào, Alếchxây buông thông giò, hất hàm hỏi thăm tin tức mọi người ra, làm bộ vô tư:

- Thế nào?

Những bạn vừa khám ra, tay xốc quần y phục hay sửa dây lưng vui vẻ trả lời:

- Đi đây!

Buốcnaxiên vô ngay trước Mêrétxép. Anh để gậy ở cửa và bước vào ra vẻ tự nhiên, cố gắng không khập khiễng, mặc dù một cẳng anh đã cụt hơn cẳng kia. Trong giở anh lại khám rất lâu. Sau đó qua cửa hé mở, Alếchxây nghe thấy những giọng nói bức tức, rồi Buốcnaxiên bước ra mặt đỏ như gấc vì giận dữ. Anh nhìn Alếchxây một cách khó chịu và chẳng thèm quay đầu lại, anh bước ra sân cỏ:

- Đồ quan liêu cả lũ! Bọn trốn chiến trận! Biết cái quái gì về không quân! Làm như là tuyển lựa tài tử vũ ba-lê ấy không bằng! Một giò hơi ngắn một chút thì có sao nữa cơ chứ...? Đồ chỉ biết sờ ống ngoáy...!

Alếchxây thấy lạnh tới gáy, nhưng anh vẫn bước vào phòng, bước đi vững chãi, miệng mỉm cười. Các ủy viên ủy ban ngồi sau một cái bàn lớn. Ngồi giữa là cái vóc to lớn của đại tá quân y Mitrôvônki. Bên ông, sau chiếc bàn nhỏ trên đó chồng chất hồ sơ cá nhân là Đinốtca, đẹp như búp bê trong áo bờ lu trắng, là cứng, với những vòng tóc đỏ ánh ánh màu đồng nhô ra ngoài mũ vải hồng thập tự một cách duyên dáng. Cô chìa cho Alếchxây hồ sơ của anh và dịu dàng xiết tay anh.

Thầy thuốc nhướn mày:

- Thế nào? Chú bạn thanh niên! Cởi áo ngoài ra coi nào!

Thực không uống công Mêréxép đã chơi thể thao và tắm nắng mãi. Thầy thuốc ngắm nghía thân thể xây dựng vững chắc và nước da ngăm đen của anh dưới đó hằn lên từng bắp thịt nổi cuộn.

Một ủy viên ủy ban, ra bộ thành thạo, nói:

- Anh có thể làm kiểu mẫu Đa-vít^[12] được đấy.

Mêréxép qua dễ dàng đủ mọi thử thách: khi đo sức, anh mạnh gấp rưỡi tiêu chuẩn trung bình; khi đo thở, kim đồng hồ do hơi anh thở ra, chạy tuốt đến phía kia đồng hồ đo. Máu anh đập đều và gân cốt anh hoàn toàn lành mạnh. Cuối cùng anh kéo cái nắm của máy do sức bắp tay, mạnh đến nỗi hư cả máy.

Đại tá tỏ vẻ hài lòng, ngửa người vào ghế bành, tay lăm le ghi quyết định vào hồ sơ của trung úy Mêréxép, hỏi anh:

- Phi công à?

- Phi công.

- Máy bay sẵn giặc à?

- Vâng, máy bay sẵn giặc.

- Vậy thì anh có thể trở lại chiến đấu được thôi. Đang rất là cần những người như anh lúc này đây. Thế nhưng tại sao anh lại đến dưỡng bệnh ở đây hả?

Aléxây xanh mặt, anh thấy sắp sụp đổ cả mất rồi. Ông thầy thuốc đã bắt đầu lật lật hồ sơ của anh, và bộ mặt phúc hậu và to béo của ông bỗng lớn thêm lên vì ngạc nhiên:

- Què cả hai chân à? Thế là nghĩa lý gì? Lầm phỏng? Trả lời coi nào!...
Trả lời!

Aléxây lăm bầm từng tiếng, giọng nói khàn khàn như một người đang bị dẫn đi chịu tử hình:

- Không lầm đâu ạ!

Đại tá và các ủy viên ủy ban đều nghi ngờ nhìn chàng trai lạnh lẽo và trắng kiện ấy.

Đại tá quân y ra lệnh:

- Kéo ống quần lên coi!

Mặt Alếchxây xám ngắt. Anh lo lắng vô cùng nhìn về phía Đinốtca, từ từ kéo ống quần lên và đứng ngay đơ trước bàn, trên hai chân giả lộ rõ, đầu cúi xuống, tay đưa thông.

Đại tá cuối cùng nói:

- Chú định giỡn với tui tôi ư, chú? Chú làm mất hết ngày giờ của chúng tôi. Chả lẽ anh muốn trở lại không quân với cặp chân cụt sao?

Hai mắt anh đen như mắt người bôhêmiêng, nhìn sáng lên như muốn thách thức, Alếchxây từ tốn nói:

- Tôi không những muốn thế, mà còn sẽ làm thế ạ!

- Anh điên rồi? Què cả hai chân còn gì!

Mêrétxép đã trở lại bình tĩnh trả lời:

- Dạ, què cả hai chân cũng vẫn được. Và tôi sẽ nhất định bay được ạ!

Anh rút trong túi quần phục của anh ra mảnh báo để xếp lại rất cẩn thận.

- Bác sĩ coi: anh ta cụt hẳn cả một chân. Còn tôi thì cụt hai bàn chân thôi, mà lẽ nào tôi không làm như anh ta được?

Sau khi đọc đoạn chú thích, đại tá nhìn phi công, vừa kinh ngạc, vừa khâm phục.

- Nhưng muốn vậy phải tập luyện ghê người đi được. Anh thấy không, người ta phải tập trong cả mười năm mới thành công. Phải đi đến chỗ có thể sử dụng chân giả như chân thật mới được - Bác sĩ đã dịu giọng và nói thế.

Khi đó, có người ra tiếp viện cho anh một cách bất ngờ. Đinốtca từ sau bàn nhỏ của cô bước ra. Hai bàn tay chấp lại trước ngực như cầu xin, mặt đỏ bừng, mồ hôi nhỏ giọt thái dương, cô tuyên bố:

- Đồng chí đại tá quân y, tôi muốn đồng chí coi anh ấy khiêu vũ, anh ấy khiêu vũ hay hơn nhiều người đấy ạ. Tôi xin lấy danh dự...

Bác sĩ nhún vai và liếc nhìn các ủy viên khác trong ủy ban một cách chất phác:

- Khiêu vũ à! Cô kể tôi nghe cái câu chuyện kỳ quái gì thế?

Aléchxây rất thích thú chụp lấy cái ý kiến hay của Đinốtca đề ra:

- Bác sĩ khoan hãy ghi ý kiến được hay không. Để chiều nay, mời bác sĩ đến coi chúng tôi khiêu vũ thì sẽ thấy tôi bay được mà.

Khi ra đi, Mêrétxép nhìn vào gương còn thấy các ủy viên ủy ban bàn luận sôi nổi.

Trước bữa cơm tối, Đinốtca tìm gặp Aléchxây tận mãi cuối vườn vắng người. Cô cho biết: khi anh ra rồi, ủy ban đã thảo luận rất lâu về trường hợp của anh.

Trường ban có nói rằng Mêrétxép là một thanh niên khác thường và dù sao, có lẽ rồi ra anh cũng bay được. Với một người Nga, thì có gì mà không làm nổi? Một ủy viên cãi lại rằng sự đó chưa từng thấy trong lịch sử hàng không. Đại tá đã trả lời rằng còn có rất nhiều chuyện lạ khác ta chưa từng thấy trong lịch sử hàng không và, trong cuộc chiến tranh này, người Liên Xô ta đã tạo nên vô số những việc chưa từng thấy.

Tối cuối cùng trước khi những người tình nguyện lên đường đi những đơn vị chiến đấu (có chừng 200 người trong dưỡng đường), buổi dạ hội khiêu vũ nhộn nhịp khác thường. Một dàn quân nhạc được điều động từ Mátxcova đến bằng xe cam nhông. Kèn loa đồng của dàn nhạc làm cả tòa lâu đài rung lên: chấn song cửa sổ, thềm nhà cũng như các hàng ba. Các phi công đắm mồ hôi khiêu vũ không biết mệt. Vui vẻ và lanh lẹ, Mêrétxép dìu cô bạn gái tóc đỏ vàng, khiêu vũ rất khá giữa các bạn khác. Cặp này nhảy thật là ngoạn mục.

Ngồi gần một cửa sổ mở, trước mặt có ly lớn rượu bia mát rượi, đại tá quân y Mirôvônki mắt trừng trừng theo dõi Mêrétxép và người bạn gái khiêu vũ tóe lửa của anh. Ông là thầy thuốc mà lại là thầy thuốc quân y, nên với kinh nghiệm lâu dài của ông, chỉ thoáng nhìn ông cùng thường nhận ngay ra được những cặp chân giả. Ấy thế mà lần này, trong khi nhận xét anh phi công vạm vỡ nọ đang dẫn cô thiếu nữ xinh xắn bé nhỏ kia, ông có cảm giác như thật sự đang bị lừa nhạo gì đó. Cuối cùng, sau khi coi Mêrétxép nhảy giữa một đám người vỗ tay đánh nhịp, lại thấy anh nhảy điệu múa “gi-gơ”, hai tay đối nhau đập xuống đùi và lên má, và khi

Mêrétxép, mồ hôi nhễ nhại, nhưng nét mặt vui tươi, bước tới chỗ ông, thì ông kính phục siết tay anh thực chặt. Mêrétxép không nói gì cả, nhưng mắt anh nhìn bác sĩ như cầu xin khẩn khoản, hối thúc ông phải trả lời.

Bác sĩ tuyên bố:

- Anh hiểu cho rằng tôi không thể cho phép anh trở về ngay một đơn vị, nhưng tôi sẽ chuyển tới ban nhân sự một bản chứng nhận rằng, theo nhận xét của tôi, thì với một sự luyện tập thích đáng, anh có thể bay được. Tóm lại, dù sao, anh có thể tin rằng tôi bỏ phiếu “thuận” cho anh.

Mitrôvônski bước ra khỏi phòng cùng với giám đốc đường đường, ông này cũng lại là một bác sĩ quân y có nhiều kinh nghiệm. Cả hai người đều rất ngạc nhiên và đầy cảm phục. Trước khi đi ngủ, hai ông còn trao đổi ý kiến với nhau mãi, vừa trò chuyện vừa hút thuốc lá, về thành tích mà người Liên Xô đã đạt được, khi đeo đuổi mục đích cao cả của mình.

Trong lúc đó, nhạc vẫn trỗi lên và bóng những người khiêu vũ vẫn còn nhấp nhô qua khung chữ nhật đầy ánh sáng của các cửa sổ, thì Alếchxây lên lầu cao, vào một căn buồng tắm khóa chặt cửa lại: ngâm hai cẳng trong nước lạnh, anh cảm thấy muốn tóe máu. Lúc khiêu vũ thật ra anh đau gần muốn xỉu đi: chân giả cọ sát mạnh vào da thịt, như xé nát hai đầu chân muốn tím bầm lại, dướm máu, và da bị trầy ở nhiều nơi.

Một giờ sau, khi thiếu tá Stôruccốp trở về phòng, thì Mêrétxép nhờ tắm đã khỏe khoắn, tươi tỉnh lại, đang đứng trước gương, chải tóc quăn quăn, còn có nước.

- Đinốtca đang kiểm cậu ở dưới đó. Ít nhất cậu cũng phải đi dạo một vòng với cô ta để từ biệt, trông tội quá!

Mêrétxép trả lời:

- Vậy Paven thân ái chúng ta cùng đi nhé? Chịu không?

Anh thấy mình e ngại không dám một mình gặp cô thiếu nữ xinh đẹp như thế và vui vẻ như thế, lại đã tốn công như thế dạy anh học nhảy.

Sau khi nhận được thư Onga, anh thấy không thoải mái lắm mỗi khi gần Đinốtca. Vì vậy anh năn nỉ Stôruccốp để anh ta đi với anh, cho tới khi Stôruccốp chịu vừa càu nhàu vừa cầm lấy mũ cát két đi với anh.

Đinốtca chờ anh ở bao lơn. Cô nắm trong tay một bó hoa, đã bị vật trở trọi. Trước mặt cô, ở dưới đất đầy hoa và cánh hoa bị bứt và xé nát. Khi nghe tiếng chân Alếchxây, cô như toàn thân muốn nhảy xổ lại anh, nhưng thấy anh đi với bạn, cô cúi đầu xuống tự tìm mình lại.

Alếchxây ra vẻ bình thường đề nghị:

- Vào rừng từ biệt rừng đi!

Ba người khoác tay nhau, bước êm theo con đường cũ trồng ti-ơn. Trăng chiếu xuống những vệt ánh sáng trắng, trong đó rung động những bóng tối đen như than. Đó đây những chiếc lá khô mùa thu đầu tiên sáng loáng như những đồng tiền vàng.

Đi hết con đường, mấy người ra khỏi vườn, và qua bãi cỏ xám và ướt, đi ra bờ hồ. Đáy thung lũng có những đám sương mù dày đặc che phủ, khác đâu như có tấm da cừu trùm lấy. Sương mù bao trùm sát mặt đất, mấy người bước trong sương mù mà đi, ngập đến thắt lưng: sương tỏa ra một thứ ánh sáng bí mật dưới ánh trăng lạnh buốt. Không khí ẩm ướt, trĩu những mùi hương nặng nề của mùa thu, có khi lạnh đến khiến rùng mình, lại cũng có khi lại ấm áp và thơm tho, chẳng khác như hồ sương này dọc ngang có những luồng ấm, những luồng lạnh.

Alếchxây cảm thấy bàn tay nhỏ bé và run run của thiếu nữ đang tha thiết ghì chặt lấy khuỷu tay anh, mơ màng nói:

- Chúng ta giống như thần tiên đi trên mây, phải không nhỉ?

Stơrúcốp dăm chiêu trong những ý nghĩ băng khuâng, lẩm bẩm:

- Nói cho đúng hơn thì phải nói rằng chúng ta giống như một bọn ngu, đang đi ướt chân và sắp trúng cảm nên thân.

Alếchxây mĩa mai nói đùa:

- Tôi hơn hai người được cái là không sợ ướt chân, nên không sợ trúng cảm.

Đinốtca kéo hai người tới ven hồ sương mù che phủ:

- Các anh lại đây. Chỗ này chắc đẹp lắm.

Mấy người suýt nữa thì đi xuống nước, và ngạc nhiên đứng lại thấy nước đã ở ngay dưới chân mình, đen sì qua những ánh sương. Gần đó, mấy người thấy một cây cọc ló lên mặt nước, bên cọc nổi lên bóng dáng tối đen của một chiếc thuyền. Đinốtca tiến vào đám sương rồi lại từ đám sương bước ra, đem theo đầm chèo. Mọi người cầm cọc chèo, và Alếchxây nắm lấy tay chèo; Đinốtca và thiếu tá thì ngồi cạnh nhau ở phía sau. Thuyền từ từ lướt trên mặt nước, êm lặng, khi thì tiến trong sương mù, khi thì trườn ra ngoài mặt hồ loang loáng như một mảnh gương mờ đặc, trên đó trắng thêu chỉ bạc. Mỗi người khung mình trong chuyện riêng của mình. Trong đêm yên tĩnh, chèo khua nước tung lên những bọt nước sáng bóng và nặng nề, y như những hạt thủy ngân. Cọc chèo rên rỉ êm êm. Lâu lâu, nghe thấy tiếng kéo kẹt của một con gà nước, và thỉnh thoảng, xa tí tắp, tiếng kêu rên như tuyệt vọng của một con cú mèo.

Đinốtca nhỏ nhẹ:

- Ai có thể tưởng tượng được rằng chiến tranh đang ở gần đây, gần ngay đây nhỉ. Các đồng chí rồi sẽ có biên thư cho tôi không? Này, như anh ấy, anh Alếchxây, anh có viết thư cho tôi không, dầu chỉ là một vài dòng? Các anh có muốn tôi tặng các anh những tấm bưu ảnh có sẵn địa chỉ của tôi không? Các anh chỉ cần nguệch ngoạc vài chữ “Tôi mạnh”. “Chào”, rồi cứ thế đem vứt vào thùng thư là xong. Nhận không?

Stơrúccốp tru tréo lên:

- Ở này các bạn ơi! Ra đi thú biết mấy hả! Vào việc thôi! Mặc thầy cho ma lôì quý kéo, ta vào việc thôi.

Rồi cả ba lại ngồi im. Chỉ còn nghe thấy tiếng chèo khua sóng êm như ve vuốt và tiếng nước đập nhẹ nhẹ như ru bên mạn thuyền. Thuyền rẽ nước, nước cuộn thành những cuộn chỉ sáng trắng như bạc cuộn ra hai bên. Sương tan đi, và từ con thuyền cho đến tận bờ, lẫn tăn run rẩy những ánh sáng biếc mà bông súng làm cho lấm chấm trắng, lấm chấm vàng.

Đinốtca đề nghị:

- Hay chúng ta hát ít câu nhé!

Nói xong, không đợi trả lời, cô lãnh lót bài ca “Cây dâu”.

Giọng buồn buồn, cô ca đoạn đầu, rồi thì thiếu tá Sturúccốp ca hòa nhịp với cô bằng giọng anh là giọng baritông mạnh và trầm. Từ trước tới nay, Alếchxây chưa nghe thấy anh ta ca lần nào, và không ngờ anh ta có giọng hát hay, ấm áp và mơn trớn đến thế. Bài hát đượm buồn lê thê trên sương nước, mơ màng và say đắm. Hai âm thanh tươi tốt, một nam, một nữ chụm lại băng khuâng. Alếchxây chợt nhớ lại đám cây dâu mảnh khảnh, cây dâu cô quạnh trước cửa sổ phòng anh, hình ảnh chị Varia có cặp mắt lớn đẹp ở làng hầm bí mật trong rừng. Rồi tất cả lại biến mất: hồ, trăng với ánh sáng huyền ảo, thuyền với những lời ca, và anh chỉ còn nhìn thấy một cô gái Camisin trong bóng sương mờ bàng bạc. Nhưng lần này không phải là Onga mà anh vẫn quen thấy qua tấm hình trong cánh đồng bông cúc nhỏ, mà là một Onga khác lạ đối với anh, mệt mỏi, hai má sạm vết nắng, cặp môi nứt nẻ áo bờlu đầm mồ hôi, tay cầm xẻng đang làm việc đâu đó trong thảo nguyên trước thành phố Stalingrát. Anh buông tay không chèo nữa, và lần này cả ba cùng hát đoạn cuối của bài ca.

Sáng sớm, đoàn xe ca nhà binh ra khỏi sân đường đường. Vừa ra khỏi cửa, thiếu tá Sturúccốp ngồi ở bậc lên xuống, đã cất tiếng ca bài ca anh ưa thích: bài “Cây dâu”. Các xe khác cũng đồng thanh hát theo. Những lời từ biệt, lời chúc lên đường bình an, lời giỡn nghịch của Buốcnaxiê, lời dặn dò mà Đinốtca kêu với lên với Alếchxây qua cửa kính, tất cả những cái đó đều được bao trùm bởi những lời lẽ giản dị và đầy ý nghĩa của bài hát xưa kia, đã bao năm tháng bị quên đi rồi, để giờ đây lại sống lại trong lòng nhân dân, trong ngày Đại chiến của toàn dân.

Đoàn xe hơi lên đường, mang đi lời ca thân mến và dịu buồn ấy. Ca xong, là im lặng, và mọi người ngồi im luôn cho tới khi ngó thấy những công xưởng và nhà cửa đầu tiên vùng ngoại ô Mátxcơva hiện ra bên ngoài cửa sổ xe.

Thiếu tá Sturúccốp ngồi ở chỗ cửa lên xuống, cúc áo ngoài mở tung, mỉm cười hớn hở nhìn phong cảnh bên đường. Anh rất phấn khởi. Anh đang được lên đường: người quân nhân lúc nào cũng lên đường này thấy như thế là đúng với sở thích của anh. Anh được điều động về một đơn vị mà anh chưa biết ở đấy thế nào hết, nhưng anh vẫn thấy như mình được trở về nhà. Còn Mêrétxép thì anh không nói gì, anh hồi hộp lo lắng. Anh hình dung thấy trước việc khó nhất của anh sẽ đến và anh tự hỏi không biết mình có vượt nổi không trở ngại mới này hay không.

Xuống xe, chẳng lo gì tới chỗ ngủ đêm và ngay trước khi đi thăm ai khác, Mêrétxép tới nhà Mitrôvônki. Nhưng ở đây anh đã gặp phải thất vọng đầu tiên. Người đỡ đầu cho anh, người mà anh đã mất bao công tranh thủ để ủng hộ anh, lại đã phải đi công tác gấp và chưa thể về sớm được. Có người khuyên Alếchxây nên cứ làm đơn như thường lệ. Mêrétxép ngồi ở hàng ba, trên cửa sổ, viết đơn. Anh giao đơn này cho một sĩ quan quản trị gầy, lùn, mắt có vẻ mỗi mệ. Sĩ quan này hứa làm được gì sẽ cố gắng làm, và nói hai ngày nữa anh có thể trở lại đây. Mêrétxép năn nỉ, yêu cầu, nhưng cũng không đạt hơn gì được. Sĩ quan đôi bàn tay nho nhỏ, xương xương,

nắm lên ngực, nói rằng đó là quy định, và anh không thể làm sai quy định được. Và có lẽ thực ra thì sĩ quan cũng không thể làm khác hơn được, Mêrétxép đành chịu thua và bỏ đi.

Thế là anh bắt đầu chạy lăng xăng từ văn phòng này qua văn phòng khác của nhà bệnh. Trường hợp của anh càng kẹt ở chỗ khi gửi anh đi bệnh viện gấp quá, ban chỉ huy đã quên không gửi các hồ sơ về quần áo, khẩu phần lương bổng. Riêng anh cũng chẳng nghĩ tới việc làm mọi thứ ấy cho kịp thời hợp lệ. Giấy lộ trình anh cũng chẳng có. Nhưng sĩ quan quản trị đã hứa rất lịch sự sẽ gọi điện thoại hỏi tới trung đoàn của anh cho anh những giấy tờ cần thiết. Alếchxây cũng dư biết gửi như thế chậm như thế nào. Và như vậy thì anh phải sống một thời gian không tiền bạc, không nhà ở và không khẩu phần ăn giữa thành phố Mátxcơva và thời chiến tranh, phải tính toán cho tới từ ký bánh mì hay từ gam đường.

Anh kêu điện thoại tới bệnh viện mà Anhuta đang công tác. Nghe tiếng cô, rõ là cô ấy mệt mỏi vô cùng vì lo nhiều và bận việc, nhưng cô rất vui khi nghe thấy tiếng anh. Cô ra lệnh cho anh về ở gian phòng của cô, nhất là hiện cô đang phải luôn có mặt trong nhà thương chẳng khác như ở trại lính, và như thế, anh hoàn toàn được tự do.

Dường đường có cấp cho mỗi người ra đi năm ngày ăn đường, nhưng Alếchxây chẳng lo nghĩ gì đặc biệt cả, cứ vui vẻ đi thẳng về gian nhà nhỏ mà anh đã biết rồi, gian nhà ẩn cẩn thận tận cuối sân giữa những tòa nhà đồ sộ tối tân. Miễn nơi ăn nơi ngủ có đã, còn gì sẽ tính sau. Anh bước lên cái thang nhỏ tối om, lúc nào cùng nức mùi mè, mùi dầu lửa và mùi quần áo ẩm ướt, mò tới cửa buồng và gõ thực mạnh. Bà già bé nhỏ mặt nhọn hoắt hôm trước ló đầu ra chỗ cửa mở hé, nhưng vẫn có hai dây xích sắt lớn giữ lại. Bà nhìn Alếchxây hồi lâu với một vẻ nghi ngờ, và bà hỏi anh là ai, muốn hỏi ai, tên là gì. Chỉ sau khi anh đã trả lời trước đây đủ mấy câu hỏi, bà già mới chịu mở cửa.

- Anhuta không có nhà, nhưng cô ấy đã gọi điện thoại dặn tôi về anh rồi. Vào đi. Để tôi dẫn anh tới tận phòng của cô ấy.

Bà già giương cặp mắt không màu sắc ra nhìn anh chòng chọc và thẩm tra quân phục và túi đồ của anh.

- Anh muốn già nấu cho chút nước nóng không? Anhuta có đèn rê-sô, nấu lẹ thôi.

Alếchxây bước vô phòng rất tự nhiên. Có lẽ đó là do cái thói quen của quân nhân, thấy nơi nào cũng là nhà, thói quen mà Stơrúccốp thành thuộc từ lâu đang truyền vào người anh. Mùi quen thuộc của cây đã cũ, của bụi bặm, của thuốc trừ rận, của tất cả những đồ vật cũ kỹ trong nhà, dùng cả chục năm rồi, đã gây trong anh một cảm xúc: đó giống như anh trở về gia đình mình sau nhiều năm bôn ba đây đó.

Bà già thấp bé không rời anh. Bà không lúc nào chịu im: bà nói chuyện về việc sắp hàng mua bánh mì, với thẻ khẩu phần, đôi lúc có thể mua được cả bánh sữa thay vì bánh mì đen! Bà kể chuyện bà được gặp trên xe điện một quân nhân biết thật là nhiều chuyện, đã kể cho bà biết là quân Đức đã bị giã một trận nên thân trước Stalingorát, Hítle nghe tin suýt nữa thì đã bỏ xác vì tức uất lên, đến nỗi đã phải mang hăn nhốt vào nhà thương điên, và hiện nay, một tên nào đó mặt mũi giống nó đang làm Hítle giả hiệu ở Đức. Bà nói tới chuyện rằng bà láng giềng Aléptina đã lấy trái phép một tấm thẻ chứng nhận là người lao động, mượn của bà một bình đựng sữa tráng men rất là đẹp và giữ dùng không chịu trả lại nữa. Bà lại nói sang chuyện, Anhuta và gia đình cô là gia đình có danh vọng, hiện đang tản cư... Cô là một thiếu nữ đoan trang lắm, có giáo dục lắm, không giống như các cô thiếu nữ khác tiếp bạn trai tại nhà...

- Chắc anh là vị hôn phu của cô ấy phải không? Cái anh chiến sĩ xe tăng. Anh hùng Liên Xô ấy, hả?

- Không! Tôi chỉ là một phi công thôi ạ!

Mêrétxép trả lời xong, chỉ tí nữa bật cười, vì thấy vừa thất vọng, vừa giận dữ, vừa nghi ngờ biểu hiện cùng một lúc trước bộ mặt luôn thay đổi của bà già. Bà tỏ vẻ bức mình, ra khép mạnh cánh cửa lại, và từ tận cuối hàng ba, bà mới nói vọng trở lại, giọng nói khác hẳn hồi nãy, không còn gì là sẵn sốc nữa:

- Có cần nước nóng, thì cứ lấy đèn rê-sô xanh mà nấu.

Anhuta chắc là hết sức bận việc ở nhà thương. Hôm nay, giữa một ngày thu buồn tẻ, gian phòng của cô thật là ra vẻ phòng vô chủ. Một lớp bụi dày phủ khắp mọi nơi: cửa sổ, chậu hoa trong có mấy cành bông đã úa héo và rũ xuống vì lâu rồi không có người tưới nước. Trên bàn, còn có bình trà chung quanh có mấy mẫu bánh đã mốc meo. Bụi cũng phủ che lên đèn dương cầm một lớp xám mềm. Một con ruồi như bị nghẹt thở trong không khí nặng nề, vì bị đóng kín mít, đã bay đung hoai vào những kính cửa mờ vàng.

Mêréxép mở cửa sổ. Mấy cửa sổ này đều trông ra bãi cỏ có cắt ra từng hàng hẹp. Gió mát lùa vào phòng, thổi tung lớp bụi lên như đám mây xám bay. Một ý nghĩ vui vui đến với Aléchxây. Hay là anh làm công việc nội trợ trong căn phòng bỏ không này? Anhuta mà chiều nay ở nhà thương thoát về được thăm anh, sẽ ngạc nhiên rồi sẽ vui mừng biết mấy! Anh hỏi mượn bà già được chiếc thùng, nùi giẻ cùng cái chổi, và anh bắt tay vào làm cái công việc mà mấy người đàn ông vẫn coi thường. Trong một giờ rưỡi đồng hồ, anh chùi, quét, phủi bụi, rửa, làm những việc buồn chán đó mà lòng vui vui.

Chiều đến, anh đi ra tận cầu, nơi mà hôm trước đến, anh chú ý thấy mấy cô gái bán những bó bông thủy cúc lớn. Anh mua ít cọng bông đem về cắm vào lọ để ở bàn và ở trên dương cầm. Anh ngồi vào ghế bành xanh, thoải mái, thấy chân tay mỗi một cách dễ chịu, mũi khoan khoái đánh hơi mùi bữa ăn, do bà già đang nấu trong bếp với đồ anh mang đến. Nhưng khi Anhuta trở về, cô mệt mỏi quá, chỉ kịp chào anh qua, rồi ngồi bệt xuống ghế divăng, mắt cũng không thấy nhà cửa của cô được quét dọn sạch sẽ, bóng loáng. Chỉ đến khi cô đã lấy lại được hơi, uống một hớp nước, cô mới nhìn quanh nhà, bắt đầu ngạc nhiên. Với một nụ cười mệt mỏi, cô ghì khuỷu tay Mêréxép tỏ vẻ cảm ơn:

- Không phải không có cái gì, làm Gorigôri yêu anh, đến nỗi nhiều lúc làm em muốn ghen. Phải anh đã làm một mình tất cả việc này không, Aléchxây, anh? Dễ thương quá thôi! Anh có được tin gì về Gorigôri không?

Anh ở đằng ấy đấy. Em nhận được thư cách đây hai ngày, thư vẫn tắt lăm, có mấy câu thôi: Anh đang ở Stalingorát và cái anh khùng vô cùng khùng đó cho em biết anh đã đề râu cằm! Đâu phải là lúc nghĩ tới chuyện râu với ria! Mà hình như nguy hiểm lắm lắm ở đằng ấy thì phải. Alếchxây, anh này! Nghe nói ở Stalingorát có những chuyện long trời lở đất phải không, anh?

- Đó là chiến tranh mà!

Alếchxây thở dài và cau mặt lại. Anh thèm muốn sao được như những người đang ở đây, trên sông Vônga, nơi đang diễn ra cuộc chiến trận to lớn đang làm đầu câu chuyện của mọi người.

Đôi bạn nói chuyện với nhau suốt buổi tối, rồi cùng nhau ăn uống ngon miệng vô cùng một đĩa thịt hộp. Vì căn buồng bên khóa, nên cả hai ngủ chung một phòng như đôi anh em ruột. Anhuta ở giường, còn Alếchxây ở divăng. Cả hai thiếp ngủ đi ngay, giấc ngủ ngon lành của tuổi thanh niên.

Khi Alếchxây mở mắt, anh nhảy xuống. Mặt trời đã chiếu xiên vào phòng, rọi ánh xuống sàn. Anhuta đã đi rồi. Trên lưng ghế divăng có ghim một mẩu giấy: “Em đi gấp tới bệnh viện. Trà ở trên bàn, bánh ở trong tủ; đường thì hết rồi. Từ nay, đến tối thứ bảy, em không về được. A.”.

Alếchxây ở nhà, tới thứ bảy chẳng mấy khi ra ngoài. Không muốn ngồi không, anh đem đèn rê-sô và xoong ra chùi cho sáng, sửa lại mấy cái công-tắc điện và chốt cắm điện, và hơn nữa, theo lời bà già nhờ, anh đã sửa giùm cối xay cà-phê cho bà Aléptina không tốt nọ, mặc dù bà này vẫn không chịu trả cái bình sữa tráng men. Nhờ thế, anh được bà già và chồng bà rất thương; chồng bà làm việc ở sở xây dựng và là một nhân viên tích cực của ban phòng thủ, nên ông không về nhà mỗi ngày. Hai vợ chồng đi tới kết luận là những chiến sĩ xe tăng hẳn là những người dũng cảm đi rồi, nhưng các phi công cũng không thua, và tính cho đến cùng, thì những anh chàng này, tuy nghề nghiệp của họ là ở lưng trời thực đấy, nhưng họ cũng là những người đứng đắn, nghiêm chỉnh.

Hôm trước ngày anh phải đi tới ban giám đốc nhân sự để hỏi xem quyết định về anh như thế nào, suốt đêm anh ngủ không được. Mờ sáng, anh đã

dậy, cạo râu, rửa mặt, và khi công sở vừa mở cửa, thì anh là người đầu tiên vào, để gặp cấp chỉ huy định số phận của anh. Vừa tới nơi, anh đã thất vọng ngay về viên sĩ quan ở đó. Làm như không thấy Alếchxây, anh ấy cứ cúi đầu xuống loay hoay mãi trên bàn, cầm lên và xếp lại những tập công văn và hồ sơ, kêu điện thoại dây đó hồi lâu, cắt nghĩa mãi không xong cho một cô thư ký cách ghi số thứ tự các hồ sơ; rồi anh ta đứng dậy, đi ra ngoài, mãi không thấy trở lại bàn giấy.

Trong lúc đó, Alếchxây cảm thấy, càng dâng lên cao trong anh, sự thù ghét bộ mặt dài dài ấy, cái mũi lớn lớn ấy, hai má cạo nhẵn thín ấy, cặp môi đỏ hồng ấy, cùng cái trán nghiêng ấy tiếp theo bằng một cái đầu hói bóng. Cuối cùng, thiếu tá lật một cuốn lịch bàn và sau khi đó, anh mới ngược mắt lên nhìn khách. Anh nói với một giọng thấp, muốn làm ra vẻ quan trọng:

- Đồng chí trung úy muốn nói chuyện với tôi đấy ư?

Mêrétxép trình bày trường hợp của anh. Thiếu tá kêu cô thư ký lấy hồ sơ của anh, và trong khi chờ đợi, anh ngồi duỗi hai chân, cầm tăm xỉa răng dẫu trong bàn tay trái cho có vẻ kín đáo, quơ đi quơ lại cẩn thận lên hàm răng. Khi hồ sơ đưa vào, anh lấy khăn tay chùi tăm xỉa răng, cất vào một cái bao giấy, bỏ vào túi áo, rồi đọc hồ sơ. Có lẽ là đọc tới đoạn Alếchxây bị cụt cả hai chân, anh vội vã chỉ một cái ghế như nói: “Ngồi xuống đi chứ anh, sao đứng hoài vậy?...” Rồi anh lại cầm đầu vào chồng giấy tờ. Khi đã đọc hết rồi, anh hỏi:

- Được rồi. Vậy thì bây giờ đồng chí muốn cái gì nào?

- Tôi muốn được nhập một trung đoàn phi cơ săn giặc.

Thiếu tá ưỡn người ra, tựa mình vào thành ghế, hai mắt kinh ngạc ngó người phi công vẫn đang đứng trước mặt mình. Và anh tự mình kéo ghế mời anh. Cặp chân mày rậm của anh trợn lên càng cao hơn nữa nơi trán sỏi bóng láng của anh.

- Nhưng đồng chí bay sao nổi cơ chứ?

- Có chứ, tôi bay được và tôi sẽ bay mà! Xin cứ đưa tôi đến một trung tâm huấn luyện ạ!

Mêréxép nói hầu như gào lên, và giọng nói của anh đầy nhiệt tình làm cho những quân nhân ngồi ở các bàn bên đều phải ngẩng đầu coi chàng thanh niên nước da bánh ít nọ đang đòi hỏi cái gì mà nói mạnh mẽ thế.

- Nhưng thế nào nào! Phải có lý một chút chứ! Què hai căng thì làm sao mà bay được? Đó là một chuyện đùa chơi, chứ tôi chưa từng thấy chuyện như thế bao giờ. Ai mà dám cấp cho anh một thứ giấy phép như vậy được?

Thiếu tá đang tự giải thích cho mình là anh đang gặp một anh chàng có cuồng vọng hay có lẽ là điên không chừng. Anh liếc nhìn bộ mặt giận dữ và cặp mắt sồn sác của Alếchxây, và anh đã gắng tìm cách nói hết sức nhỏ nhẹ để nói với Alếchxây.

- Chưa từng thấy, thì rồi sẽ thấy!

Mêréxép trả lời chọi thẳng lại như thế. Và anh rút sổ tay lấy mảnh báo gói trong giấy bóng kính, đặt lên bàn, trước mặt thiếu tá.

Các quân nhân ngồi ở các bàn gần đây, đều đã ngừng việc để nghe hai người nói chuyện. Một trong số quân nhân đó làm như có công việc, lại gần thiếu tá, xin diêm và thừa dịp nhìn tận mặt Mêréxép.

Thiếu tá đọc qua bài báo. Anh nói:

- Nhưng đây không phải là văn bản chính thức! Chúng tôi có những chỉ thị quy định rất kỹ các điều kiện gia nhập không quân. Nếu anh chỉ thiếu hai ngón tay thôi, tôi cũng không thể cho phép anh lái máy bay được, chớ đừng nói chuyện anh mất cả cặp chân. Anh cất bài báo đi, nó chẳng ăn thua gì đâu! Tôi rất cảm phục nhiệt tình của anh, nhưng...

Alếchxây thấy tức giận sôi sục trong người và anh gần như muốn ném cả ve mực vào cái trán bóng và hói của sĩ quan kia. Nhưng anh bình tĩnh lại và nói với một giọng trầm trầm:

- Thế còn cái này nữa?

Anh đặt xuống bàn lý lẽ sau chót của anh, đó là bản chứng nhận có chữ ký của đại tá quân y. Thiếu tá cầm lấy mảnh giấy, không chút tin tưởng, mặc dù chứng nhận ấy hoàn toàn hợp lệ, có đủ con dấu và chữ ký của một viên đại tá quân y có danh tiếng trong không quân. Thiếu tá đọc xong, dịu lại. Rõ ràng là đây không phải là một người điên. Ra thật là anh thanh niên

kỳ lạ này nhất định muốn bay mặc dù đã cụt cả hai chân. Anh đã thuyết phục được cả một quân y sĩ có uy tín.

Song thiếu tá vẫn lấy tay gạt hồ sơ của Mêrétxép ra một bên, thở dài nói:

- Dù có chứng nhận này và dù tôi thật là muốn giúp anh, nhưng cũng không sao khác được. Một đại tá quân y có quyền tự do cấp giấy chứng nhận, nhưng chúng tôi, chúng tôi được chỉ thị rõ ràng, cụ thể, không có trường hợp ngoại lệ nào khác cả. Nếu tôi ký liệu cho anh, thì ai chịu trách nhiệm? Tất nhiên không phải là đồng chí y sĩ.

Mêrétxép nhìn bằng cặp mắt thù ghét con người đầy tự mãn, tự cao, rất bằng lòng mình ấy; con người sao trơ trơ và lịch sự với cái cổ cồng thẳng nếp dưới áo ngoài, với hai bàn tay lông lá có những móng tay to lớn thô kệch, nhưng cắt sửa kỹ lưỡng. Phải nói gì với con người đó? Con người đó có thể hiểu được mà thôi chẳng? Có biết được một cuộc chiến đấu bằng phi cơ ra sao không? Không chừng suốt đời anh ta chưa hề nghe một tiếng súng bắn bao giờ. Mêrétxép hết sức dần xuống và hỏi bằng một giọng nghiêm nghị:

- Vậy tính sao đây?

- Nếu đồng chí quả là muốn, thì tôi có thể gửi đồng chí tới ủy ban của bộ phận tuyển quân xét lại.

Rồi nhún vai, anh thêm:

- Tôi tưởng cần nói trước với đồng chí là đồng chí sẽ mất ngày giờ vô ích thôi.

Mêrétxép ngồi phịch xuống ghế, nói với một giọng rít lên:

- Ma lôi quỷ kéo cũng được, đồng chí cứ cho tôi được gặp ban!

Cuộc bôn ba của anh qua các văn phòng thế mới là khởi đầu mà thôi. Những người bận rộn công tác ngập đầu, mệt như người, đều chịu nghe anh nói, đều rất kinh ngạc, đều cảm phục và kính mến anh, nhưng cuối cùng đều giơ hai tay chịu, bất lực không làm gì được. Thực ra ai có thể làm gì được? Có những chỉ thị rất đúng, đã được bộ chỉ huy thông qua, và truyền thống lâu năm xác nhận rồi. Làm sao mà ai dám trái lại với chỉ thị, nhất là trong một trường hợp quá rõ ràng như thế?

Tất cả mọi người đều tỏ ra thành thật thương hại người thương binh bất khuất, luôn luôn mơ tưởng được trở lại chiến đấu, và không ai có can đảm từ chối hẳn anh. Nên người ta để anh đi từ phòng nhân sự qua phòng tuyển quân, cứ từ văn phòng này qua văn phòng khác. Ai cũng nói với anh những câu tốt đẹp, nhưng cuối cùng rồi cũng đẩy cho các ban khác.

Lúc này, Mêréxép đã phản ứng không dữ dội như trước nữa khi bị từ chối, khi bị khuyên nhủ một cách đạo mạo, khi bị thương hại, hay khi bị coi thường, mặc dù bản chất tự hào tự nhiên của anh khiến anh rất khó chịu. Anh tự rèn luyện tính trầm tĩnh, biết lấy giọng của người nài xin, và ngay trong một ngày gặp hai ba lần khước từ, anh vẫn không nản lòng. Hai tờ giấy, một là mẫu báo và một là giấy chứng nhận của đại tá quân y, bị từ túi áo lấy ra cất vào hoài, đã nhàu nát đến bắt đầu rách. Anh phải lấy giấy bóng kính dán lại. Tình hình sống của anh còn nguy ngập hơn nữa, trung đoàn của anh vẫn chưa trả lời gì cả, và anh phải kiếm cách sống mà chẳng có một mẫu giấy gì trong người.

Khẩu phần của dưỡng đường cấp cho khi anh rời ra đi, đã hết. Phải nói rằng hai người láng giềng già, nay đã cùng nhau thân với anh, thấy anh không nấu ăn nữa đã mời anh ăn chung. Nhưng anh thừa biết rằng hai ông bà già đã phải vất vả lắm mới trồng được vài củ hành, vài củ cà rốt ở dưới vườn nhỏ xíu, dòng dọc ngay dưới cửa sổ, mà hành và cà rất đó đã được tính trước trong những bữa ăn sau rồi. Anh biết rằng mỗi sáng hai cụ già chia nhau khẩu phần bánh mì một cách cẩn thận đến như trẻ con ấy. Vì vậy, anh đã từ chối không nhận, mà quả quyết một cách vui vẻ rằng, để khỏi mất thì giờ nấu nướng, hiện anh đến ăn ở một nhà ăn sĩ quan.

Đến thứ bảy, Anhuta về được. Ngày thường, anh vẫn mỗi chiều kêu điện thoại nói chuyện rất lâu với Anhuta kể cho cô biết tường tận về những cuộc chạy vạy chán ngán của anh. Anh vừa mới quyết định một chuyện mới. Trong túi đồ của anh, anh vẫn giữ một cái bao thuốc lá cũ trước là của cha anh. Bao bằng bạc chạm trổ, có hình xe tam mã và ghi chữ: “Kỷ niệm 25 năm lễ cưới của anh chị - Các bạn của anh chị”.

Alếchxây không hút thuốc, nhưng hôm anh ra trận, má anh đã luồn vào túi anh cái của gia bảo đó, tới nay trân trọng giữ gìn mãi. Anh vẫn luôn giữ trong người cái vật to lớn, cồng kềnh ấy, bỏ vào túi như bùa cầu may, mỗi khi anh bay ra trận. Anh đi lấy bao thuốc lá đó trong túi đồ, và đem đến nhà mua bán đồ cũ.

Một người đàn bà gầy còm, nồng nặc mùi thuốc trừ sâu, lấy tay lật qua lật lại cái bao của anh, lấy ngón tay xương xẩu chỉ vào những chữ ghi nói cho anh biết đồ có khắc tên, bán lại không được.

- Tôi có bán đất đâu... Bà muốn trả bao nhiêu cùng được.

- Không, không tôi không mua, quý công dân bộ đội ạ! Với lại, này! Hình như anh còn trẻ quá, làm gì có quà mừng cưới 25 năm như thế này.

Bà nói thêm mấy câu đó một cách hiểm độc và nhìn Alếchxây chẳng chút thân ái, bằng cặp mắt không màu sắc chi cả.

Mặt Alếchxây đỏ bừng lên, anh cầm lại bao thuốc lá và chạy vội ra. Có người nắm lấy tay áo anh, và một anh chàng sắc mùi rượu, nói nhỏ vào tai anh:

- Cái đồ quái đó, trông được đấy. Không bán đất hả?

Con người đó mũi tím bầm, mồm râu ria, chìa tay run run cầm lấy bao thuốc, hỏi thế, rồi thêm:

- Bằng bạc khối. Còn anh thì lại là một anh hùng chiến trận. Vậy trả năm tờ đấy.

Alếchxây không nói gì cả, cầm 500 rúp và chạy phóng ra ngoài đường, để lánh xa cái vương quốc thối tha của sự bán bán buôn buôn. Đến chợ gần đó nhất, anh mua một miếng thịt, mẩu mỡ, một cục bánh mì, khoai tây và hành. Anh cũng không quên mua rau mùi. Anh trở về “nhà mình” như anh thường nói, hai tay đầy đồ, vừa đi vừa nhấm nhót một miếng mỡ nhỏ.

Anh vừa dỡ gói tài sản của mình đặt trên bàn trong bếp, vừa nói với bà già:

- Tôi định lấy lại thẻ, để nấu ăn như trước: họ cứ nấu toàn hồ lốn mãi.

Chiều hôm đó, một bữa cơm thịnh soạn chờ Anhuta: Súp khoai với nước thịt, có điểm lênh bênh vài ngọn rau mùi, thịt nướng với hành và cả một món nham lê đông, mà bà già đã làm cho đặc được nhờ dùng vỏ khoai luộc nát ra để lấy bột. Cô gái về nhà, mệt mỏi cùng cực, mặt xanh ngắt; rõ là cô phải gắng hết sức để rửa ráy và thay đồ. Cô ăn ngốn ngấu súp và đĩa thịt, rồi cô ngả lưng nghỉ ngơi trên ghế bành, cái ghế thần tiên, có vẻ như đưa chân tay bọc êm, to lớn nhưng hiền lành của mình ra ôm ấp lấy người ngồi, để nhẹ nhẹ đưa vào cõi ngủ. Cô thiếp đi trên ghế trong lúc món ăn đông, bỏ trong cái lọ để dưới máy nước, sửa soạn dùng theo phép nấu bếp, chưa kịp đặc lại.

Khi cô mở mắt, sau giấc ngủ ngắn đó, thì gian phòng nhỏ, lại sạch sẽ trở lại, đã chìm đắm bóng tối xám xám đang bao trùm tất cả mọi đồ đạc quen thuộc. Trước bàn, trong ánh sáng loe tròn của ngọn đèn cũ kỹ có chụp, chiếu gọn xuống, cô thấy Alếchxây hai tay ôm đầu, như muốn bóp bẹp đầu mình lại.

Không nhìn rõ mặt anh, nhưng trước dáng điệu thất vọng đến thế. Anhuta cố hòng se lại, mũi lòng tội nghiệp vô cùng cho anh, tội nghiệp cho con người đầy quyết tâm và mãnh liệt ấy. Cô nhẹ nhàng đứng dậy, bước gần lại anh, ôm đầu anh trong đôi cánh tay cô rồi lấy ngón tay ve vuốt tóc anh. Anh nắm tay cô, hôn trong lòng bàn tay cô, rồi anh vội ngồi nhồm dậy, vui cười nói:

- Thế còn món đông của tôi? Thật là quá quá lắm. Mất bao nhiêu công hấp; hấp xong định ngâm dưới máy nước cho lạnh đặc lại để vừa ăn, thì Anhuta nhà ta đã ngủ rồi. Ôi chà! Sao cô làm khổ đầu bếp của cô vậy, hả?

Hai người ăn uống vui vẻ, mỗi người một đĩa món đông “hợp quy cách” ấy, hợp quy cách nhưng mà chua chua, và nói chuyện với nhau, thì hai người như đã thầm thỏa thuận là không dả động gì tới hai chuyện: chuyện Govôđép và chuyện những thất vọng của Mêrétxép. Rồi mỗi người sửa soạn giường của mình. Anhuta đi ra ngoài hàng ba, và chờ nghe tiếng chân giả của Alếchxây tháo bỏ dưới sàn, cô mới vào. Rồi cô tắt đèn, thay quần

áo, đi ngủ. Phòng hoàn toàn tối đen, và cả hai đều nằm im, nhưng nghe tiếng đờn, tiếng lò xo kêu, cô biết anh vẫn chưa ngủ.

Cuối cùng, cô không lặng im được nữa, lên tiếng nói:

- Anh chưa ngủ à, Alếchxây?
- Chưa.
- Anh nghĩ ngợi đấy à?
- Phải, đang nghĩ, còn Anhuta?
- Em cũng thế.

Hai người lại im. Chợt nghe tiếng xe điện rít khi rẽ phố. Ánh điện xanh của càn xe điện chiếu sáng căn phòng trong giây lát, và hai người đều thấy được mặt nhau. Cả hai nằm, mắt mở thao láo.

Alếchxây không nói cho Anhuta biết gì về kết quả việc vận động của mình. Cô cũng dư biết chắc công việc của anh không chạy và hy vọng đang lung lay trong trái tim bất khuất ấy. Cảm giác mau lẹ của phụ nữ cho cô thấy rõ nỗi đau khổ của anh, và cô biết rằng những cử chỉ tỏ cảm tình lúc này chỉ làm anh thêm khổ hơn và buồn tủi.

Nằm ngửa, hai tay chắp lại gối dưới đầu, Alếchxây nghĩ rằng: cách anh chỉ ba bước, trên cái giường bên, có một thiếu nữ dễ thương hết sức, vị hôn thê của bạn mình và là một người đồng chí đáng phục của mình. Muốn tới gần cô, chỉ cần bước hai ba bước thôi, trong căn phòng tối tăm đó, nhưng anh không bước ba bước đó, không bao giờ, làm như cô gái nọ, đang tiếp anh mà chẳng hề quen biết anh, là em gái của anh vậy. Anh cũng nghĩ chắc Stơrúccốp sẽ cười anh và có lẽ không thể tin được chuyện này. Nhưng biết đâu, lúc này không chứng minh Stơrúccốp lại là người hiểu anh hơn ai hết. Cô Anhuta này thực là một thiếu nữ kỳ diệu, và cô con gái ấy, tội nghiệp! Sao say sưa vậy với công tác của mình, làm việc đến kiệt sức trong bệnh viện tâm bệnh.

Anhuta dịu dàng kêu:

- Alếchxây!

Chỉ nghe thấy tiếng thở đều của Mêrétxép, trên divăng. Anh đã ngủ rồi. Thiếu nữ đứng dậy, nhón gót đi lại gần anh, sửa lại gối, đắp lại mền cho anh, như săn sóc một đứa bé vậy.

Mêrétxép được gọi vào ủy ban trước nhất. Đại tá quân y, cuối cùng đã đi công tác về, làm chủ tịch ban. Ông nhận ngay ra Alếchxây và rời cả chỗ ngồi ra đón anh.

- Sao, họ không chịu nhận ư? Ấy là vì trường hợp anh khó khăn lắm, anh bạn thân của tôi ạ! Phải vượt khỏi luật lệ mà. Vậy biết làm sao bây giờ?

Ông thực biết thông cảm và có độ lượng. Alếchxây khỏi cần khám bệnh gì. Trên phiếu của Mêrétxép, bác sĩ ghi bằng bút chì đỏ: “Gửi ban nhân sự: theo tôi, có thể cho sĩ quan này tới một trung đoàn huấn luyện, để tập thử”.

Với câu chứng nhận đó, Alếchxây đi gặp trưởng phòng nhân sự. Anh không được vào. Mêrétxép muốn nổi xung lên, nhưng sĩ quan hầu cận của tướng phụ trách, là một đại úy trẻ tuổi và lịch sự, râu mép đen và nhỏ, đã tỏ ra rất lịch thiệp và dễ thương. Nên mặc dù rất tức tối bị các “thần canh gác” chặn lại, Mêrétxép vẫn chịu khó ngồi lại bàn anh ta và cứ thế đột ngột kể tỉ mỉ trường hợp của anh cho anh ta nghe. Điện thoại cứ ngắt luôn câu chuyện của anh. Đại úy thường cứ phải vùng lên, chạy vô văn phòng của thủ trưởng có việc cần tới. Nhưng anh vẫn trở lại, lại đến chỗ trước Mêrétxép nghe kể chuyện, mắt nhìn anh bằng cặp mắt hiền lành, ngây thơ như con nít, vừa tò mò vừa kính phục; đôi lúc cũng lại có chút gì như hoài nghi. Đại úy hỏi dồn:

- À thế, à thế!... rồi sao nữa?

Có khi anh chấp hai tay lại và lấy làm thích thú:

- Thật đấy à? Ối trời ơi là trời ơi!... Thế cơ à?...

Khi Mêrétxép kể việc anh phải chạy lăng xăng hết bàn giấy này qua bàn giấy khác, thì đại úy mặc dù còn trẻ, nhưng tỏ ra rất thạo về hành chính, và nói:

- Ôi a! Cái bọn tồi thế! Chúng bắt anh mất công chạy vô ích à! Anh thực là một cậu kỳ lạ: tôi chưa gặp ai cỡ như anh cả. Nhưng phải nói là họ có lý đấy: không có cặp chân, bay gì nổi!

- Sao lại không? Bay được mà, hãy coi này...

Và Mêrétxép đưa cho đại úy mẫu báo, cùng giấy chứng nhận của thầy thuốc và lời ghi của ông vào hồ sơ.

- Nhưng cậu làm thế nào mà bay được với hai chân cụt hả, cậu kỳ khôi này? Cậu quên câu tục ngữ: không chân thì chẳng múa may gì được cả rồi sao?

Nếu do người khác nêu ra, thì câu nói chơi này làm Mêrétxép giận lắm. Có lẽ anh đã cự nự, đã làm ầm ĩ rồi. Nhưng bộ mặt của viên đại úy trẻ tuổi này dễ thương và thẳng thắn quá, khiến, trái lại, Alếchxây nhảy dậy liền và, như một đứa trẻ thách đố, anh lớn tiếng nói:

- Không múa may gì à? Cậu coi này.

Và anh nhảy luôn một khúc “gi-go” quay cuồng trời đất, ngay trong văn phòng.

Đại úy nhìn anh, lạ lùng, và, không nói gì cả, cầm lấy hồ sơ chạy tuốt vào phòng. Anh ở trong đó lâu lắm. Mêrétxép lắng nghe tiếng thảo luận rầm rĩ ở trong đó qua cửa mà tới anh. Người anh co lại, căng thẳng, tim anh đập mạnh và lạ như anh đang lái phi cơ bỗng nhào tới một chiếc phi cơ đang bay nhanh. Đại úy từ văn phòng bước ra mặt mày hớn hờ. Anh nói:

- Đây này, tất nhiên là thiếu tướng không muốn nói đến chuyện cho anh về một đơn vị không quân.

Nhưng đây này, lời ghi chính thiếu tướng tự viết: “Thuyên chuyển về một đơn vị hành chính và tổ chức, không giảm lương và khẩu phần”. Thấy không, không giảm!...

Đại úy kinh ngạc thấy nét mặt Alếchxây, lẽ ra phải vui sướng, trái lại trở nên giận dữ:

- Về đơn vị hành chính và tổ chức à? Không đời nào. Thế ra các anh chẳng hiểu gì cả à? Đâu phải vấn đề bút-tết hay tiền bạc mà tôi đòi. Tôi là phi công, nghe chưa? Mà phi công, thì tôi muốn bay, muốn chiến đấu. Thực ra có gì mà khó hiểu thế, hử?

Đại úy sững sốt. Với cái tin mà anh vừa báo cho biết thì bất kỳ ai cũng phải vui mừng đến múa may lên, nhưng trái lại anh này... thật là một chú kỳ khôi!

Nhưng cái chú kỳ khôi này cũng lại làm cho đại úy càng thích hơn nữa. Đại úy có cảm tình thật sự đối với anh. Và muốn giúp đỡ anh đến cùng để cho anh toại nguyện trong ý định không thể tưởng tượng được của anh. Chợt anh nảy ra một ý kiến. Anh nháy mắt nhìn Mêrétxép, ra hiệu cho anh lại gần vào chỉ vào cửa phòng của thủ trưởng anh, miệng nói nhỏ:

- Tướng đã làm tất cả những gì mà ông có thể làm được. Đi quá thế nữa, là ông ta không có quyền. Nghe tôi: nếu ông để cho một người què cả hai chân vào danh sách nhân sự lái máy bay, thì mọi người lại sẽ cho rằng chính ông khùng rồi. Anh cứ lên gặp ông chủ lớn mới được. Chỉ có ông mới quyết định tối hậu.

Nửa giờ sau, nhờ người bạn mới này, Mêrétxép, được Bộ Tổng chỉ huy không quân nhận tiếp, bắn khoăn lo lắng đi đi lại lại trên thảm trước cửa phòng. Tại sao anh không nghĩ tới việc này từ trước? Chính là nơi đây đáng lẽ anh cần phải trình bày trường hợp của mình ngay, khỏi phải vòng vèo tả hữu mất bao ngày giờ. Phải gặp chính Chúa hơn là gặp các vị thánh. Nghe đâu ông này trước đây là một phi công lỗi lạc. Ông thì hẳn phải hiểu được và không điều động một phi công sẵn giặc đi công tác ở một đơn vị quân nhu.

Trong phòng chờ đợi này, có nhiều tướng, tá chờ. Họ nói chuyện nhỏ nhỏ với nhau. Mấy người tỏ ra khá xúc động, châm thuốc hút luôn miệng. Riêng chỉ có mình trung úy là đi bách bộ mãi trên tấm thảm, chân bước giật giật coi hơi lạ. Khi mọi người đã được giải quyết hết rồi, đến lượt Mêrétxép, thì anh tiến vội tới trước bàn giấy, nơi có một thiếu tá còn trẻ ngồi, mặt vui vẻ và tròn trĩnh.

- Đồng chí trung úy, đồng chí muốn gặp thẳng Người sao?

- Dạ, gặp vì một câu chuyện riêng và quan trọng vô cùng.

- Nhưng có lẽ đồng chí cũng cho tôi biết đại khái câu chuyện được chứ?

Mời đồng chí ngồi, đồng chí ngồi cho, đồng chí hút thuốc chứ?

Và thiếu tá đưa hộp thuốc đã mở mời Mêrétxép.

Aléxây không hút, nhưng anh không nghĩ ngợi gì cứ cầm một điếu, mân mê nó, rồi đặt lên bàn. Rồi anh vào thẳng chuyện, kể lể mọi thứ chán

ngán của anh từ đầu đến cuối như anh đã kể cho đại úy nghe hồi nãy. Hôm đó, quan niệm của anh đối với các vị “thần canh gác”, nhất là các hung thần gác văn phòng các vị tướng, đã đổi hẳn. Thiếu tá không những chú ý nghe anh nói mà còn tỏ thái độ đồng tình, hữu ái đối với anh. Thiếu tá đọc mẫu báo và giấy chứng nhận. Phấn khởi vì được tiếp đón như thế, Mêrétxép quên cả tính cách trang nghiêm của nơi đó, định biểu diễn khiêu vũ. Chính lúc đó lại là lúc tất cả suýt lại bị tan vỡ. Cửa phòng bỗng mở ra, và một người bước ra, cao lớn, ốm, tóc nâu mà Mêrétxép nhớ ngay là có thấy trong ảnh nhiều lần. Ông vừa đi vừa gài cúc áo khoác ngoài, lại vừa nói chuyện với một viên tướng đang đi theo. Ông bận quá, đến nỗi chẳng trông thấy Mêrétxép nữa.

Ông vừa xem đồng hồ vừa bảo với thiếu tá:

- Tôi đi điện Coremlanh đây. Nói dành một phi cơ đi đêm, để sáu giờ tôi đi Stalingrát. Hạ cánh ở Vécniaia Pócromnaia.

Nói xong ông đi cũng mau như ông đến.

Thiếu tá truyền ngay lệnh dành phi cơ và, quay lại với Mêrétxép, anh tỏ vẻ tiếc:

- Anh thật là không may! Chúng tôi đi đây! Vậy phải chịu khó chờ nữa vậy! Anh có nơi ở không?

Trên nét mặt ngăm ngăm đen của người khách kỳ lạ mới hồi nãy rất kiên nghị, bây giờ thiếu tá thấy tràn ngập thất vọng và buồn chán nặng nề, đến nỗi thiếu tá đổi ý ngay:

- Thôi được! Tôi hiểu rõ Tổng chỉ huy nhiều. Tôi biết chắc ông giải quyết thế nào cho đồng chí trong trường hợp này.

Thiếu tá bèn viết mấy câu trên một tờ giấy có in sẵn tên cơ quan, cho vào bao thư đề địa chỉ: “Gửi Giám đốc phòng nhân sự”. Anh đưa cho Mêrétxép và siết chặt tay anh:

- Tôi hết lòng chúc đồng chí may mắn.

Trên tờ giấy có ghi thế này: “Trung úy Aléchxây Mêrétxép đã đến xin yết kiến Tướng Tổng chỉ huy. Phải xem xét trường hợp của đồng chí cực kỳ

kỹ lưỡng. Phải làm thế nào để có thể giúp đồng chí ấy trở về không quân chiến đấu”.

Một giờ sau, đại úy có cặp râu mép nho nhỏ đã dẫn Mêrétxép vào phòng giấy của thủ trưởng anh. Một vị tướng đã lớn tuổi, lông mày chổi xể, đọc công văn đó và ngẩng lên nhìn phi công bằng cặp mắt màu xanh hóm hỉnh, cười nói với anh:

- Đã trở lại đây rồi à? Thế này thì thực là hỏa tốc. Vậy thế chú giận tôi vì tôi cho về công tác ở một đơn vị quân nhu hả? Ha... ha...!

Ông phá ra cười ồm ồm:

- Hoan hô! Thế mới thực là một phi công thực thụ phi công. Chàng ta bực tức vì nghe nói điều động về đơn vị quân nhu à? Vậy thế bây giờ, này ông bạn vũ sư, ông muốn tôi làm gì đây? Hử ừ? Nếu cậu có vỡ đầu sút tai, thì tôi bị rầy rà đó, cậu ạ! Mọi người sẽ cho tôi là anh già lẩm cẩm nên mới bổ nhiệm anh như thế. Nhưng thôi, biết đâu đó! Thanh niên chúng ta đã làm cho thế giới kinh ngạc khá rồi trong cuộc chiến tranh này. Cho tôi giấy tờ của anh nào!

Bằng bút chì xanh, ông viết chéo ngang tờ giấy một hàng chữ rất khó đọc, đôi khi bỏ đến nửa chữ: “Thuyên chuyển tới một trường huấn luyện”. Mêrétxép, cầm tờ giấy, tay run run: Anh đọc ngay tại chỗ! Anh lại đọc ở cầu thang, rồi ở chân thang, đọc bên cạnh người gác cổng kiểm tra giấy ra vào. Anh lại đọc lại mẫu giấy lần nữa trên xe điện, rồi lại lần nữa ở bờ đường phố, dưới trời mưa. Trong đời, chỉ có mình anh là hiểu được ý nghĩa và giá trị của mấy chữ nguệch ngoạc viết vội trên giấy này thôi. Vì mừng quá, bữa đó, anh bán chiếc đồng hồ, món quà của vị chỉ huy sư đoàn anh tặng anh. Anh mua ở chợ đủ thứ đồ ăn và rượu chát. Bằng điện thoại, anh nài nỉ với Anhuta làm sao nhờ bạn gác thay ở nhà thương về chơi hai giờ thôi, anh mời ông bà già và tổ chức một bữa chén thật linh đình để mừng thắng lợi của anh.

Trong trường huấn luyện đặt ở một địa điểm không xa Mátxcơva bao nhiêu, bên cạnh một sân bay bình dân nhỏ, mọi người làm việc sôi nổi trong cái thời kỳ báo động này. Đang khi chiến đấu diễn ra ở Stalingorát, không quân không lúc nào nghỉ. Vòm trời trên sông Vônga lúc nào cũng dày đặc khói lửa cháy và bom nổ. Những cuộc chiến đấu không quân diễn ra ở đó, quy mô lớn như những chiến trận thực sự vậy. Hai bên đều bị thiệt hại nặng nề. Để tiếp tục chiến đấu, Stalingorát cần phi công, cần rất nhiều, cần mãi... Vì vậy tại trường huấn luyện, nơi các phi công ở nhà thương mới về hay các hoa tiêu ngành hàng không dân dụng ào ạt kéo đến tập cho quen với những máy bay quân sự kiểu mới, việc tập luyện thật là tích cực. Những phi cơ dùng vào việc tập luyện bay lên không trung từng đàn như những bầy bọ hung, lượn trên phi trường nhỏ xíu, giống như đàn ruồi lượn trên những mẫu bánh vụn trên bàn nhà bếp. Máy bay bay vu vu sáng, chiều, và trên sân bay vết bánh xe ngang ngang dọc dọc, luôn luôn là có phi cơ lên, có phi cơ xuống.

Tham mưu trưởng coi trường là một người lùn mập, mặt đỏ bóng, mắt cay vì thiếu ngủ, nhìn trân trân Mêrétxép, với một vẻ cáu kỉnh như muốn nói: “Lại một thằng cha nữa! Không biết nó từ chỗ quái gỡ nào mò đến? Làm như người ta còn ít chuyện lôi thôi lắm sao?”. Và ông giật giấy giới thiệu và hồ sơ của anh trên tay anh.

Anh lo âu nhìn cặp má của trung tá từ lâu chưa cạo râu, nên râu quăn queo, hung hung đỏ xoăn xuýt lờm chờm, và anh nghĩ thầm: “Khi ông biết mình què, thì ông đuổi”. Nhưng có điện thoại kêu hai lần, khiến ông phải ngừng đọc. Ông kẹp ống nghe đặt vào giữa vai và tai và vừa trả lời vừa cau nhàu cau nhàu, mắt vẫn đọc hồ sơ của Mêrétxép. Có lẽ ông chỉ đọc quyết định của vị tướng, nên ông vẫn nghe điện thoại tay ông viết:

“Gửi trung úy Naumốp. Trung đội huấn luyện số 3. Bổ sung vào đó”. Rồi đặt máy điện thoại xuống, ông mệt nhọc nói:

- Còn phiếu lĩnh quân nhu và khẩu phần của anh đâu? Lại chưa có phòng? Biết rồi, biết rồi... vẫn điệu hát cũ: nhà thương, rồi tản đi đường đường, rồi tất cả cái bà già...! Tôi lấy gì mà nuôi các anh chứ? Anh phải báo cáo rõ! Không có giấy tờ đầy đủ, tôi bỏ mặc thầy đó!

Mêrétxép sung sướng vì được trở lại với những thể lệ quy định quen biết, trả lời:

- Xin sẽ báo cáo rõ.

Anh nói tiếp:

- Tôi xin đi được chưa ạ?

Tay làm một cử chỉ mệt mỏi, trung tá đáp:

- Rõng!

Nhưng rồi, ông kêu giật anh lại, với một giọng gắt gỏng:

- Này, chờ chút, cái quái gì kia thế?

Và ông chỉ cây gậy đen chạm vàng của Vaxili Vaxiliêvít đã tặng cho Mêrétxép mà lúc ra đi, anh xúc động quá đã bỏ quên ở một góc.

- Diện nông cái lối gì vậy? Ném ngay cây gậy đó đi cho tôi. Anh có biết đây là đâu không? Trong một trung đoàn, hay trong một giàn nhạc bôhêmiêng, hay nơi đi tản bộ chơi? Gậy... roi... cây song... ba toong này... chẳng bao lâu rồi anh đeo bùa quanh cổ, rồi phóng đại cả mèo đen vào phòng máy bay đấy nhỉ? Tôi không muốn trông thấy những thứ rởm đó nữa nghe, bộ với tịch!

- Dạ, xin nghe theo đồng chí trung tá!

Còn nhiều khó khăn trở ngại khác phải vượt. Anh phải viết báo cáo cho viên trung tá chẳng dễ tính chút nào này biết trong trường hợp nào, anh đã bị mất giấy tờ. Quân số trong trường thay đổi hoài, cho nên thường có sự lộn xộn khiến nhà bếp lo đồ ăn không kịp và món ăn rất kém, đến nỗi nhiều học viên đến luyện, ăn xong một bữa là đã mơ tưởng đến bữa sau.

Trong trường trung học này, bố trí cho nhân viên bay tạm ở, những ống hơi sưởi đã bị vỡ, nên lạnh ghê lạnh gớm. Đêm mới tới, Alếchxây lạnh run lên dưới mền và áo da mặc ngoài, nhưng mặc dầu thế nào, nào là lộn xộn

nào là thiếu tiện nghi, anh vẫn thấy dễ chịu, chắc là giống như con cá bị ngột thở nơi bãi cát lâu rồi, vừa mới được sóng nước đánh tạt, lại được trôi xuống biển. Tất cả mọi thứ ở đây đều làm cho anh thích thú, cả những chuyện bực bội nhất của đời quân nhân trong trại cũng làm cho anh vui sướng, vì nó nhắc nhở rằng mộng tưởng của mình đã gần được thực hiện.

Mọi vật đối với anh đều quen thuộc: khung cảnh những người mặc áo ngoài bằng da đã cũ kỹ, bị chiến tranh làm sòn và sát bông, chân đi giày cao cổ lớn, bằng da chó, da dê thì sạm nắng mưa, với giọng nói ồ ồ vui nhộn cho đến cả không khí nữa anh thấy cũng quen thuộc, với mùi xăng nhớt hăng hăng mà lại dịu dịu, với tiếng máy rồ giật giật, khi làm chạy cho ấm máy, rồi tiếng vu vu đều đều của máy bay đang bay trên đầu; những người thợ máy mệt nhừ, quần áo đen dầu mỡ, những huấn luyện viên lúc nào cũng cúi kính, mặt sạm nắng như đồng cũ, những thiếu nữ thiên văn, má đỏ hồng; những cuộn khói xanh xanh từ căn nhà nhỏ của ban chỉ huy tỏa lên trời, những tiếng báo hiệu và những chuông điện thoại, những cái thìa bị thiếu vì người ra trận mang theo làm kỷ niệm; cùng báo tường với những tranh, hình vẽ bằng chì xanh đỏ, có những bức biếm họa không tránh được, tả những phi công trẻ tuổi vừa lái máy bay vừa nghĩ tới những cô gái; với lại bùn nhớt nháp; màu nâu, ở phi trường, hằn vết bánh xe và cọc chống máy bay; những câu nói chuyện vui vẻ với những tiếng nói nhảm và những danh từ kỹ thuật. Tất cả những cái đó đối với anh là quen thuộc.

Mêréxép tươi vui, anh hơn hở, anh tìm lại được cái sung sướng được sống, cái vui không chút gợn buồn lo, là đặc điểm của người phi công chiến đấu mà anh tưởng rằng đã mất không bao giờ trở lại nữa. Với một niềm vui tràn ngập, anh tập cách đáp bằng một cử chỉ thật là lịch sự khi cấp dưới chào, cách sửa lại bộ đi khi gặp cấp trên. Khi anh nhận được bộ quân phục mới anh giao ngay cho một người đội già, trong đời sống bình thường thì là thợ máy, hiện làm việc ở kho quân nhu. Đêm đến, người đội già thường sửa sang lại quần áo nhà binh cho những cậu thiếu úy hay diện để kiểm thêm chút đỉnh tiền.

Ngay hôm đầu, Mêrétxép đã đi kiểm ở sân bay, huấn luyện viên trung đội số ba, trung úy Naumốp, người chỉ huy mà cấp trên giới thiệu anh tới tham gia tập luyện. Naumốp là một anh chàng bé nhỏ rất nhanh nhẹn, đầu lớn tay to: anh đang vùng vằng ở khu T, trong khi theo dõi một máy bay nhỏ xíu đang lượn trên trời đồng thời hết lời nguyền rủa anh hoa tiêu:

- Đồ thùng cây! Đồ bao đựng... gì ấy! Chỉ có thể gọi thế... Ấy thế mà dám tự xưng là phi công sẵn giặc! Đòi đánh lừa ai vậy?

Khi Mêrétxép tới chào anh huấn luyện viên tương lai của mình, theo đúng thể thức quân nhân, thì anh chỉ giơ tay trả lời mơ hồ và chỉ lên trời:

- Coi kìa! “Phi công chiến đấu” đó, ông ngáo trên trời đó, nói thì ghê gớm lắm, còn bay thì đảo đi đảo lại như là... bông hoa trên mặt nước ấy.

Alếchxây thấy huấn luyện viên dễ thương. Anh thích những người như thế này, tác phong hơi lỗ cuồng một chút, nhưng thật là say sưa với nghề; với những người kiểu đó, dễ thông cảm nếu chính mình có năng lực và chịu khó. Anh đưa ra vài nhận xét rất đúng đối với phi công đang bay. Anh trung úy nhỏ bé bèn nhìn anh cẩn thận từ đầu tới chân, rồi hỏi:

- Anh ở trong trung đội của tôi hả? Anh tên chi? Đã bay trên phi cơ kiểu nào? Đã có chiến đấu rồi hả? Từ đó bao lâu chưa bay?

Alếchxây không chắc huấn luyện viên đã nghe thấy anh trả lời. Một tay che mặt trời, một tay nắm lại chỉ lên trời một cách bức tức, anh ta nói:

- Ăn hại chưa? Coi lượn tròn này! Thật chẳng khác gì con voi vào cửa hàng bán đồ sứ.

Anh dặn Alếchxây sáng mai tới thật sớm, và hứa sẽ “thử” anh liền.

- Bữa nay, cứ đi nghỉ cho khỏe đi đã. Phải thế sau khi đi tàu xe mệt. Ăn cơm chưa? Nói thế vì ở đây họ lộn xộn lắm cơ, dám quên cho coi. Đổ đốn bằng cả năm trăm thẳng quý sứ! Để mi hạ cánh xuống, tớ cho một trận nên hồn, phi công sẵn giặc lơ làng ời!

Mêrétxép không đi nghỉ, nhất là anh lại có cảm giác rằng, ngay ở trên phi trường gió thổi lộng cuốn theo bụi cát cuộn mù, vẫn còn không lạnh bằng lớp học 9A, nơi anh có cái giá dùng làm giường nằm. Anh đi tìm người thợ giày của quân nhu, đưa phần thuốc lá suốt tuần của anh tặng ông và nhờ

ông lấy một dây lưng sĩ quan cắt ra hộ cho hai dây cu-roa có mắc hai vòng sắt kiểu đặc biệt, dùng để cột chặt chân giả của anh vào những bàn đạp. Vì công việc gấp rút và khác thường, nên anh hứa tặng luôn ông nửa lít đồ uống chơi và ông thợ giày bảo đảm sẽ hết sức làm tốt cho anh. Rồi Mêrétxép trở lại trường bay. Ở đó cho tới chiều tối, cho tới khi chiếc máy bay cuối cùng trở về chỗ, lấy dây cột lại, suốt buổi anh theo dõi phi cơ bay lượn, coi như đó là những trò xiếc tài tình, chứ không phải chỉ là những bài luyện tập lái phi cơ. Thực ra, không phải anh chỉ coi người ta bay. Anh đang hòa mình trong không khí của phi trường. Anh thường thức những tiếng ồn ào, tiếng máy rồ không ngớt tiếng nổ ầm của súng bắn hỏa tiễn, mùi xăng và nhớt. Toàn thân anh khoái trá thưởng thức, và anh không hề lúc nào nghĩ rằng mai đây, máy bay có thể không theo sự chỉ huy của anh, máy móc ngừng theo ý muốn của anh, anh có thể mắc tai họa.

Sáng hôm sau, anh tới trường bay lúc còn vắng hoe. Nghe thấy tiếng máy rồ, chính nơi phi cơ đậu, những rê-sô “thái cực” tung tóe lửa, và thợ máy quay chong chóng, mỗi lần kéo cánh thì lại nhảy vọt lại đằng sau, y như giẫm phải con rắn vậy. Cũng nghe thấy những tiếng nói và trả lời quen thuộc cha thợ máy:

- Sửa soạn đi!
- Nhấn công tắc!
- Nhấn công tắc!

Mọi người chẳng ai tiếp Mêrétxép ân cần lắm, vì anh đến loay xoay quanh phi cơ sớm quá. Anh kiếm một câu nói chơi nào đó mà trả lời, đồng thời cứ tự mình nhắc cho mình mãi mấy tiếng nho nhỏ khiến anh thích thú lạ thường: “Nhấn công tắc, nhấn công tắc”. Rồi máy bay tiến ra sân bay như nhảy nhót lắc lư trên hai cánh, để chuẩn bị sắp bay lộn, còn thợ máy thì nắm tay đỡ nơi cánh, nơi đuôi máy bay. Naumốp đã có mặt. Anh hút một điếu thuốc cuộn ngắn, ngắn đến nỗi tưởng như anh thở ra khói bằng ngón tay vàng khè nhựa thuốc của anh. Chẳng trả lời Alếchxây khi Alếchxây chào theo quy định, anh hỏi:

- Tới rồi à? Được. Tới trước, thì được bay trước. Lên ngồi ở ghế sau của số 9 ấy. Tôi sẽ tới liền. Để coi xem cậu biết đến đâu nào?

Anh lập bập nốt mấy hơi trong mẩu thuốc để khỏi bỏ phí, còn Alếchxây thì chạy vội tới máy bay. Anh cố gắng muốn đặt hai chân như phải đặt, trước khi huấn luyện viên tới. Anh này có vẻ dễ chịu, nhưng biết đâu: lỡ ra anh bướng bỉnh, không chịu cho mình thử, hay làm ầm lên thì sao? Mêrétxép trèo lên cánh máy bay trơn láng một cách khó khăn bằng cách níu lấy mép phòng ngồi của phi cơ mà nhún lên để rồi vào ngồi trong phi cơ. Anh hồi hộp cảm động và chân giả chưa quen, nên cử động sai ngược cả, và không làm sao đặt chân vào trong chỗ ngồi được, làm cho anh thợ máy, một người mặt gầy, hơi lớn tuổi, nhìn anh ngạc nhiên và kết luận:

- Cái thằng lão này! Nó say rượu!

Cuối cùng thì Alếchxây cũng trèo vào trong máy bay được một cẳng chân cứng đờ của anh, rồi ráng sức phi thường, anh kéo được cả chân nữa vào. Với dây curoa da, anh cột ngay chân giả của anh vào bàn đạp điều khiển. Cái cách bố trí như vậy là hay lắm. Chân giả được gắn chặt với bàn đạp, và anh thấy chân mình điều khiển thật giống như khi hồi bé, dưới chân mình có buộc chặt giày trượt tuyết. Huấn luyện viên ghé đầu vào trong phòng phi cơ hỏi:

- Này Alếchxây, chú bạn! Chú có vừa uống đó không, hử? Thở ra cái, coi!

Alếchxây thở ra. Không thấy mùi anh chờ thấy, huấn luyện viên nắm tay thành quả đấm hăm anh thợ máy:

- Sửa soạn đi!

- Nhấn công tắc!

- Nhấn công tắc!

Máy giật giật vài lần, rồi sau đó nghe thấy rõ ràng tiếng pít-tông đập đều đều. Mêrétxép rú lên một tiếng thật là vui sướng, và chẳng nghĩ ngợi gì nữa, anh đưa tay kéo ga. Ngay lúc đó, anh nghe tiếng huấn luyện viên cau kinh la lên:

- Này, làm gì vội quá lỗ vậy!

Huấn luyện viên lấy tay tự mình kéo ga. Máy bắt đầu nổ, rồ lên, rồi thì máy bay chập chà chập chững, bắt đầu chạy. Naumốp như chẳng nghĩ, kéo cái “cán chổi”, và chiếc phi cơ, chẳng khác con chuồn chuồn, rướn lên cao. Thứ máy bay anh lái bữa nay được kêu bằng đủ thứ tên thân mật, tùy theo mặt trận xài nó.

Đó là cả một nguồn chuyện đùa vui, nói mãi chẳng bao giờ hết, nhưng tất cả các chiến đấu viên đều yêu thích cái máy bay nhỏ mà tất cả phi công đều dùng để tập bay; và coi trọng nó như một chiến hữu lâu năm, đã được rèn luyện thử thách, nhưng tính tình bất thường.

Bằng kính nhìn lại phía sau, huấn luyện viên nhìn khuôn mặt của học trò mới của mình. Anh đã từng quan sát nét mặt nhiều phi công sau một thời gian ngừng bay, trở lại điều khiển một phi cơ. Anh đã thấy cái bình tĩnh, điềm đạm của những phi công đại tài. Anh đã thấy cặp mắt tóe lửa của những phi công hăng say sau thời gian dài nằm bệnh viện, được trở lại với sở thích của mình. Anh cũng đã thấy vẻ mặt xám ngắt, hàm răng cắn đi cắn lại môi của những phi công trở lại bay sau khi bị những tai nạn máy bay nghiêm trọng. Anh cũng đã quan sát những phi công mới vào nghề biểu lộ sự hân hoan, nóng vội của mình khi rời mặt đất. Nhưng nét mặt kỳ lạ của anh chàng đẹp trai này, rõ là không phải lần đầu tiên, mới vào nghề, nhưng trong tấm kính nhìn lại phía sau, suốt cả quá trình huấn luyện viên của anh từ trước tới nay chưa bao giờ Naumốp thấy thế bao giờ.

Trên làn da ngăm ngăm của học viên, nét vui tươi bộc lộ với màu hồng dâng lên tưởng đâu như anh đang nóng lạnh. Cặp môi anh ngả trắng, không phải vì lo sợ, mà vì một sự xúc động kỳ diệu gì đó mà Naumốp không hiểu nổi. Anh chàng này là ai? Có gì trong anh vậy? Tại sao anh thợ máy lại có thể cho rằng anh say rượu? Khi máy bay đã cất cánh bay lơ lửng trên trời, huấn luyện viên thấy cặp mắt đen đẹp như mắt người bôhêmiêng của học trò mình, không hạ kính bảo vệ xuống, đắm lệ. Những giọt lệ ấy chảy từ từ trên gò má anh và khi máy bay lượn, một trận gió lùa rơi lá tả trên mặt anh.

Naumốp nghĩ: “Cậu này là cái quái gì đây? Phải coi chừng mới được”. Nhưng anh thấy bên nét mặt của phi công mà anh đang nhìn trong khung

chữ nhật của tấm kính một vẻ xúc động khác lạ, có cái gì đó làm cho chính anh cùng nao nao. Anh ngạc nhiên thấy mình cũng ghen ngào, và nước mắt rưng rưng, anh thấy trước mặt anh, bảng lái phi cơ mờ đi.

Anh nói:

- Tôi giao việc điều khiển cho anh đấy.

Nhưng anh không giao hết, chỉ nói tay và chân ra một chút, luôn luôn sẵn sàng lấy lại quyền điều khiển trong tay anh chàng lạ lùng này. Qua bộ phận điều khiển, truyền lại mỗi cử chỉ của học trò anh, Naumốp đều thấy bàn tay người trò mình là bàn tay thành thuộc và vững chắc của một “phi công có tài hoa được trời phú cho”, như lời thích dùng của tham mưu trưởng nhà trường, một con sói già của không trung, đã cầm lái từ thời nội chiến.

Ngay vòng đầu, Naumốp hết lo sợ chi cho học trò của anh rồi. Máy bay được điều khiển một cách hoàn toàn tài tình. Chỉ có một điều có lẽ hơi lạ là, lẽ ra để máy bay đi thẳng thì học trò anh lại lâu lâu làm máy bay khi tẹo qua trái khi tẹo qua mặt, và đôi lúc cho máy bay rướn nhẹ lên, rồi lại cho chúi xuống, như để tập lượng sức mình. Naumốp đã nghĩ trong thâm tâm anh rằng, ngày mai, đã có thể để cho phi công mới này lái một mình và sau hai, ba lần bay thử, có thể để cho anh lái máy bay luyện tập kiểu U.T.2 làm kiểu giống hần những phi cơ sẵn giặc.

Trời lạnh. Hàn thử biểu ở cánh chỉ 12 độ dưới số không. Gió lạnh buốt thổi vào trong buồng máy, xuyên qua làn da chó của cặp giày ống, làm cho chân của huấn luyện viên lạnh buốt. Đã tới lúc phải về thôi.

Nhưng mỗi khi Naumốp ra lệnh trong ống loa phải hạ cánh, thì anh trông thấy, trong kính hậu, sự cầu xin im lặng của cặp mắt hăng say; không phải là cầu xin, hơn thế, đó là đòi hỏi, làm cho anh không nỡ nhắc lại lệnh hạ cánh. Lẽ ra chỉ tập mười phút, hai người bay gần nửa giờ.

Khi nhảy ra khỏi buồng máy, Naumốp liền quơ chân, quơ tay cho nóng lên. Trời sớm mai lạnh buốt. Còn học trò anh thì ngồi lại hồi lâu trong buồng máy; anh chỉ từ từ đi ra như còn luyến tiếc. Khi anh đã xuống đất,

anh còn ngồi lên cánh, với một vẻ mặt triền miên, hầu như say đắm, trên bộ mặt anh đã hồng vì lạnh và vì xúc động.

- Không biết sao? Hơi lạnh thấm qua ủng của tôi; còn giày của cậu nhỏ xíu thế kia thì lạnh đến thế nào? Không biết chân à?

Học viên vừa tiếp tục mỉm cười với những ý nghĩ của mình, vừa trả lời:

- Tôi không có chân.

Mặt anh thường thay đổi nay như muốn dài ra. Naumốp hỏi:

- Cậu nói cái gì thế?

Mêrétxép nhắc lại, dẫn từng tiếng:

- Tôi không có chân.

- “Không có chân” nghĩa là sao? Chân đau à?

- Thực tình là không có chân chi cả... Đây là cặp chân giả mà thôi.

Tại trận, Naumốp chờ người ra, tựa như một người bị đánh một cây chùy trúng đầu. Điều mà chàng kỳ quặc này vừa cho anh biết thực hoàn toàn không thể tin được. Không có chân! Vậy mà anh vừa lái máy bay xong, mà lái giỏi đến chừng ấy cơ chứ!...

Huấn luyện viên như kinh hãi, nói:

- Cho coi...

Alếchxây không hề khó chịu vì sự tò mò này. Trái lại, anh muốn làm cho anh chàng hay hay này ngạc nhiên cả một thế, và như một người làm ảo thuật trong rạp xiếc, anh kéo tuột cả hai ống quần lên. Đứng thẳng người trên cặp chân bằng da bò thuộc và bìa nhôm, Mêrétxép hóm hỉnh nhìn huấn luyện viên, anh thợ máy và nhóm hoa tiêu đang chờ đến lượt mình bay tập.

Naumốp bỗng trong khoảnh khắc một cái chớp, chợt hiểu tại sao phi công đã xúc động đến thế, hiểu về lạ lùng của mặt anh, nước mắt của anh, cùng sự ham mê của anh muốn được bay thử thực lâu. Người học viên này đã làm cho anh ngây người. Naumốp chạy vội tới bên anh và nắm tay anh lắc dữ dội:

- Vậy, thế là thế nào?... Anh không thấy rõ sao hử? Anh thực là khác người!...

Bây giờ, khó khăn lớn nhất đã vượt qua rồi. Anh đã chiếm được trái tim của huấn luyện viên. Tối hôm đó, hai người gặp nhau, để cùng nhau bàn kế hoạch luyện tập. Cả hai đều thấy trường hợp của Alếchxây thực là khó khăn; chỉ cần anh phạm phải một lỗi nho nhỏ nào đó, anh có thể bị cấm, suốt kiếp không được lái phi cơ nữa. Và riêng anh thì tuy anh đang nóng lòng hơn bao giờ hết được lái một phi cơ săn giặc, để bay phía đằng kia, trên triền sông Vônga, tới thành phố mà các chiến đấu viên tài giỏi nhất của nước nhà đang đổ xô đến như sắt có nam châm hút, nhưng anh cũng thấy rằng cần thiết phải rèn luyện một cách nhẫn nại, có phương pháp và đầy đủ. Anh hiểu rằng trong trường hợp của anh, anh bắt buộc là đã bắn, thì phải bắn đúng hồng tâm.

Mêrétxép đã tập luyện được hơn năm tháng trong trường tập luyện rồi. Sân bay đã đầy tuyết; bộ phận bánh xe của phi cơ dùng để hạ xuống đất được thay thế bằng đồ trượt tuyết. Khi anh bay lên cao. Aléchxây giờ đây không còn thấy dưới anh cảnh trang trí bằng những màu sắc rực rỡ của mùa thu, anh chỉ còn thấy một bức tranh hai màu: đen và trắng. Mọi người biết từ lâu rằng quân Đức đã bị thua ở Stalingrát, rằng quân đoàn thứ sáu của chúng bị tiêu diệt, rằng Paoluyt^[13] đã bị bắt làm tù binh. Tại miền Nam, quân ta tấn công mạnh chưa từng thấy, khó lấy gì mà chống trả được. Đội chiến xa của tướng Rốtmitrốp đã chọc vỡ mặt tuyến và bằng một cuộc tấn công táo bạo, đang uy hiếp hậu phương địch. Ấy vậy mà cứ phải nhì nhằng mãi với những máy bay luyện tập tí hon này, đang khi có bao nhiêu việc trên mặt trận, đang khi chiến tranh đang diễn ra như vậy! Đối với Aléchxây, thì anh còn nôn nóng khó chịu gấp bội so với khi mỗi ngày đếm bước đi trong hàng ba bệnh viện, hay khiêu vũ maduócca hay maduócca với cặp chân cụt sưng phù và đau đớn.

Khi còn ở bệnh viện, Mêrétxép thề phải trở về không quân. Anh đã đặt mục đích phải tiến tới và đã ra sức chịu đựng biết bao buồn tủi, đau thương mệt mỏi, chán ngán. Một hôm anh nhận được một bó thư lớn đề theo địa chỉ mới. Đó là chị Cơlaodia Mikhailôna đã gửi lại cho anh, hỏi thăm sức khỏe của anh, và muốn biết anh có đạt tới mục đích chưa.

Aléchxây tự hỏi: “Ta có đạt tới mục đích không?”. Rồi không trả lời câu hỏi, anh lựa thư. Có thư của mẹ anh, của Onga, của Gơvôđép, và một bức thư làm anh ngạc nhiên lắm: thư do cô “Đội thiên văn” đề địa chỉ, nhưng lại có ghi: “Người gửi: Đại úy Cựcúckin”. Anh bóc bức thư này đọc trước tiên.

Cựcúckin kể lại rằng anh lại bị rơi lần nữa: máy bay anh bị cháy và anh đã nhảy dù xuống được trận tuyến của mình, nhưng anh bị treo một tay và hiện đang nằm ở bệnh xá của trung đoàn, buồn đến chết đi được giữa đám “các nhà lao động dùng cảm bằng ống bơm rửa ruột”. Nhưng đó chỉ là

những chuyện không đáng kể; anh sẽ trở lại chiến đấu. Anh cho biết thư này anh đọc cho cô Vêra Gavơrilôva viết hộ; cô chính là người rất quen với anh nhận thư, đã được anh thường kêu là cô “Đội thiên văn” bí danh mà cô vẫn giữ dùng tới ngày nay. Trong thư, anh còn cho biết Vêra thật là một đồng chí tốt và đã giúp đỡ anh nhiều lắm khi lâm nạn, bên cạnh đó Vêra viết ngoặc thêm rằng Constantin^[14] đã nói quá lời. Nhờ bức thư này, Alếchxây còn được biết anh chị em trong trung đoàn còn nhắc tới anh và ở buồng ăn, hình của anh được treo bên những hình các vị anh hùng của trung đoàn, và các chiến đấu viên Vệ quốc đều mong mỗi anh sẽ trở lại chiến đấu với mình. Những chiến đấu viên Vệ quốc! Mêrétxép mỉm cười và gật gù đắc chí. Thật là Cúcúckin và cô thư ký không công của anh đầu óc ở đâu ấy mới có thể quên không cho anh biết một tin mừng nhường ấy: vậy ra trung đoàn của anh đã được thưởng một lá cờ Vệ quốc!

Sau đó, Alếchxây bóc thư của mẹ. Cũng như mọi lần, vẫn nét chữ nguệch ngoạc của bà già, rất lộn xộn, nhưng đầy nỗi lo âu và ân cần săn sóc tới anh. Anh có sao không? Có lạnh không? Được ăn ngon không? Có quần áo ấm mặc mùa đông không? Anh có muốn bà đan cho anh đôi găng tay không ngón không? Bà đã đan được năm đôi và tặng cho các chiến sĩ Hồng quân. Trong chỗ ngón tay cái mỗi đôi, bà còn đan thêm vào mấy hàng chữ chúc mừng sống lâu. Nếu anh nhận được một trong năm đôi đó, thì hay biết chừng nào. Găng tay đó bằng len dài lông, chính bà đã lấy lông thỏ của bà nuôi. Ấy, bà suýt quên không cho biết rằng hiện bà có thỏ: một thỏ đực, một thỏ cái và bảy thỏ con. Và chỉ sau loạt câu chuyện lật vạt âu yếm đó, bà mới cho biết một điều chính: Quân Đức đã bị tổng cổ ra khỏi Stalingorát. Chúng thiệt hại lớn không sao tính được, và hình như chính tên cầm đầu chúng đã bị ta bắt!

Trong lúc quân ta thắng đuổi cổ chúng đi, thì Onga có về Camisin năm ngày, Onga đến ở luôn nhà bà, vì nhà Onga bị bom phá tan hoang. Onga đang công tác ở tiểu đoàn công binh và đóng chức thiếu úy. Onga bị thương ở vai, đã lành và vừa được thưởng huân chương. Huân chương gì? Cố nhiên là bà già quên không nói tới. Bà cho biết thêm rằng suốt thời gian

Onga ở nhà bà, Onga ngủ hoài, và khi nào không ngủ, thì Onga nói tới anh. Hai người có rút bài chơi với nhau, và mỗi lần là “Tây chuồn” cứ mắc trên tim “Đầm rô”. Và bà nói thêm rằng về phần bà, bà không ưng bụng cô con dâu nào bằng chị “Đầm rô” đó.

Alếchxây mỉm cười vì cách nói của mẹ, thật là gợi ý gần xa một cách cảm động, và anh thận trọng bóc bao thư nhỏ màu xám của “Đầm rô”. Thư ngắn gọn. Onga cho biết sau đợt đào công sự hầm, thì những chiến sĩ khá nhất của tiểu đoàn lao động ấy được bổ sung vào một đơn vị công binh chính quy. Nàng hiện nay là thiếu úy kỹ thuật. Chính đơn vị của nàng đã xây dựng dưới đạn lửa của địch công sự Đồi Ma-mai nổi tiếng từ đó, rồi sau đó tiểu đoàn lại xây dựng những đường phòng thủ bảo vệ xưởng máy kéo, nên đơn vị đã được thưởng Huân chương Cờ đỏ.

Onga cho biết nhiều lúc thật là gay go, như khi sông Vônga bị giật xả súng liên thanh suốt ngày, mà tiếp tế từ một cái xẻng, một hộp thịt cũng phải lấy từ bên kia sông đem về. Trong thành phố không có một cái nhà nào nguyên vẹn, và cả đường phố, mặt đất nữa, nay giống như phong cảnh trên cung trăng, cũng lồi lõm như thế.

Sau khi ở bệnh viện ra Onga đã đi xe hơi qua thành phố Stalingrát. Nàng đã thấy biết bao nhiêu xác phát xít chất đọng lại để đem chôn, thật chẳng khác những quả núi. Vậy mà vẫn còn nhiều xác nằm rải rác dọc đường. “Em muốn sao anh bạn của anh, người chiến sĩ xe tăng mà em đã quên tên (người mà toàn thể gia đình bị tàn sát) được ở đó, để được tận mắt thấy cảnh này! Đáng lẽ phải quay phim cánh tượng đó và có thể đưa ra chiếu để mọi người biết rằng địch đã phải đền tội sát nhân như thế nào”.

Nàng chấm dứt thư bằng một câu mà Alếchxây đọc nhiều lần, vẫn không hiểu được: “Bây giờ, sau khi đã tham gia chiến trận ở Stalingrát, em thấy em đã xứng đáng với anh, người anh hùng của các vị anh hùng”. Bức thư này Onga đã viết vội tại một nhà ga khi đoàn xe đậu lại. Nàng không biết nàng sẽ đi đâu và hộp thư mới số mấy. Như vậy trước khi nhận được thư sau của nàng, Alếchxây không thể trả lời cho nàng rằng người “anh hùng của các vị anh hùng” thật không phải là anh, mà chính là nàng, cô bé mảnh

khánh nhường kia, mà đang chiến đấu âm thầm trong hỏa ngục của chiến tranh. Anh lật đi lật lại trong tay lá thư và phong bì. Phía sau phong bì, anh đọc rành rành: “Thiếu úy kỹ thuật Vệ quốc Onga v.v...”.

Nhiều lần, khi đứng nghỉ ở sân bay, anh đã giở thư ra và đọc đi đọc lại. Bức thư làm cho anh ấm áp khi gió lạnh buốt và thấm thía thổi lùa trên sân bay, lọt vào lớp học 9A, nơi anh vẫn đóng, như được trang trí bằng những vòng sương giá.

Cuối cùng, huấn luyện viên Naumốp cho anh dự thi. Anh phải lái chiếc máy bay U.T.2, và người chấm thi không phải là huấn luyện viên của anh, mà lại là tham mưu trưởng, cái ông trung tá to béo, đỏ hồng và sung khí huyết, đã càu nhàu tiếp anh khi anh mới tới. Biết rằng mọi người đang nhận xét anh kỹ lưỡng và số phận anh sẽ định đoạt bữa nay. Alếchxây vượt cả khả năng thường ngày của anh. Anh bay lượn bằng cái máy bay nhỏ bé của anh nhiều vòng tảo bạo đến nỗi trung tá đã phải, khác với thói thường, vô tình buột ra những tiếng rú kêu khen ngợi. Khi Mêrétxép từ phòng máy bước xuống trình diện với thủ trưởng, anh thấy Naumốp nét mặt hớn hở phấn khởi và vui mừng, thì hiểu rằng thế là công việc trót lọt xong xuôi rồi.

Trung tá lẩm bẩm:

- Giỏi. Thật là giỏi. Một “phi công có tài hoa được trời phú cho”, như họ thường nói. Nào, tiên sinh, tiên sinh có muốn ở đây làm huấn luyện viên không? Bọn này đang cần có những kẻ như cậu đấy.

Mêrétxép cương quyết từ chối.

- Thế tỏ ra anh là đồ ngu. Chiến đấu, thì có gì là khôn ngoan? Đâu có bằng ở đây mà đào tạo chiến sĩ.

Bỗng nhiên trung tá trông thấy cây gậy mà Mêrétxép đang chống và đỏ mặt tía tai lên:

- Vẫn cứ thế! Đưa nó đây! Anh tưởng anh đang đi tản bộ chơi sao? Ở đây anh cho là đâu? Phải đại lộ không? Phải phạt anh vì tội bất tuân lệnh. Phạt hai bánh mì. Có thể mới chữa cái chuyện phù thủy quỷ quái... Các ông này còn tin phép thần thông đây. Rồi chẳng bao lâu phải có con bài “Xì rô” trên đuôi máy bay đấy nhỉ? Hai ngày phạt, nghe không?

Ông giật cây gậy ở tay Mêrétxép và đang kiểm quanh ông cái gì để bẻ cây gậy.

Naumốp can thiệp:

- Đồng chí trung tá! Cho tôi nói rõ: đồng chí này không có chân.

Mặt tham mưu trưởng đỏ gay hơn nữa. Ông như bị ngất thở và mắt ông như nhô ra ngoài đầu:

- Còn chú nữa! Chú cũng muốn giỡn tôi hả?

Mêrétxép cúi đầu và lo lắng theo dõi tình hình cây gậy của mình đang lâm nguy. Vì nay anh không lúc nào rời món quà mà Vaxili Vaxiliêvít đã cho anh nữa. Trung tá nhìn cả đôi bạn, ra vẻ nghi ngờ.

- Ủ, mà biết đâu đó nhỉ? Trời ơi!... Này, cho coi chân... Ấy a!.

Mêrétxép rời trường ra đi với những lời phê cực kỳ tốt. Trung tá khó tính nọ, chính là một con sói già của không trung, nên biết nhận xét hơn ai hết tài nghệ của Alếchxây. Cho nên ông không tiếc lời phần khởi khen anh, và trong giấy cho ra, ông đã ghi câu: “Phi công đầy tài năng, kinh nghiệm và nghị lực, có khả năng phục vụ trong bất cứ ngành nào trong không quân”.

Cuối mùa đông và đầu mùa xuân, Mêrétxép sống trong một trại chờ thuyền chuyển. Đó là một nhà trường cũ, thời bình dùng để huấn luyện phi công quân sự. Ở đó có sân bay rất tốt, có nhà ở không đâu bằng, có câu lạc bộ trang bị phong phú; trên sân khấu của câu lạc bộ, các đoàn ca kịch vẫn từ Mátxcova đến biểu diễn khi đi phục vụ xa. Trại này rất đông người. Nhưng rất nghiêm khắc giữ nguyên mọi tục lệ, truyền thống như hồi trước chiến tranh. Quần áo phải thực hàng hoàng từng ly từng tí, chỉ cần giày đánh bóng không cần thận, áo mất một cúc hay bao bản đồ đeo cao hơn lưng quần, cũng đủ để chỉ huy phạt hai giờ đi bách bộ trong sân.

Nhóm đông phi công, trong đó có Aléchxây, đang dượt trên một kiểu máy bay mới: chiếc LA-5. Học tập rất nghiêm chỉnh: nào nghiên cứu thiết bị, nào nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật. Khi nghe giảng, Aléchxây rất ngạc nhiên về những tiến bộ của không quân Liên Xô trong thời gian tương đối ngắn anh ở ngoài quân đội. Những máy bay hồi khởi đầu chiến tranh được coi như những kiệt tác của phi đội, nay đã trở thành xưa rồi. Những kiểu đó đã được thay bằng những máy bay mà các xưởng Xô viết đã bắt đầu cho ra ngay đang chiến trận, và đã thực hiện được trong một khoảng thời gian ngắn một cách kỳ lạ: những chiếc YAK hay biết bao, kiểu tối tân nhất, những chiếc LA-5 bây giờ đang được trọng vọng, và những chiếc IL hai chỗ ngồi, quả là những chiếc xe tăng bay, bay thấp là mặt đất và giội sắt ngay lên đầu quân thù, bom, đạn và trái phá. Hạng máy bay này đã gieo khủng khiếp cho quân đội Đức, mà chúng thường gọi là “Sovácơ Tốt” nghĩa là “cái Chết Đen”. Kỹ thuật tối tân này do thiên tài của nhân dân trong chiến đấu đã sáng tạo ra, đòi hỏi trong cuộc chiến đấu những cách điều khiển vô cùng phức tạp khó khăn, bắt phi công không những phải biết tường tận máy móc mới và phải can đảm hết bậc, mà lại còn phải biết tìm phương hướng rất mau trong chiến đấu, phải biết phân tích cuộc chiến trận trên lưng trời bằng cách tách ra từng bộ phận, và phải biết lắm lúc không chờ lệnh nào cả, cứ phải chịu mọi sự may rủi lúc lấy sáng kiến và thực hiện

sáng kiến của chính mình trong lúc chiến đấu. Tất cả những cái đó rất thích thú. Nhưng trong lúc ở ngoài trận tuyến, cuộc tấn công đang diễn ra dữ dội, thì ngồi trong phòng học lớn rộng, đèn sáng choang, trước cái bảng đen, để nghe diễn văn, Alếchxây rất khổ tâm, nhớ tới chiến trận, nhớ tới đời chiến đấu hàng ngày. Anh đã thắng những giày vò, đau đớn về thể xác. Anh đã đạt tới mục đích mà anh đã tự đặt ra cho mình, mục đích hầu như không thể đạt tới được. Nhưng anh không đủ nghị lực để thắng nổi cái nhớ nhung mơ hồ do bắt buộc phải nằm chờ mà nảy ra, và hàng mấy tuần nay, có khi anh đã thần thờ đi đi lại lại trong trường, không nói chuyện với ai, dăng trí và cúi kính.

May mắn cho Alếchxây là thiếu tá Stơrúccốp cùng về cùng trung tâm này để chờ ra trận. Họ gặp nhau như những bạn tri kỷ lâu năm. Stơrúccốp đến trường sau Alếchxây chừng hai tuần, và mặc dù kỷ luật ở đây khe khắt lạ đời trong thời chiến, anh cũng đã hòa hợp được với ngay được thói quen trong trường và đã làm quen với tất cả mọi người rồi. Anh hiểu ngay được tâm trạng của Mêrétxép lúc này và một buổi chiều, khi hai người tắm rửa xong về phòng, anh lấy cùi tay thích vào cạnh sườn bạn mà nói:

- Đừng nôn nóng, bố ời! Còn ngày giờ đánh giặc mà, vì từ đây đi Béc-lin cũng còn là đường đất mà! Còn ngày giờ đánh giặc, và vốn đã bỏ ra, lời sẽ tương xứng cho mà coi!

Đã hai, ba tháng nay, hai bạn không gặp nhau, bây giờ gặp thiếu tá, thấy rõ là anh đã “thoái vị” như thường nói trong quân đội. Anh ốm đi, già đi.

Giữa mùa đông, các phi công trong nhóm nghiên cứu, có Mêrétxép và Stơrúccốp tham dự, bắt đầu tập thực hành. Chiếc LA-5 nhỏ nhắn, đuôi cụt, thành ra trông giống như con cá bay, nay đã thành quen thuộc đối với Alếchxây. Đôi lúc giữa giờ rảnh của hai buổi học, anh ra sân bay để ngắm nhìn những chiếc máy bay đó cất cánh sau khi chỉ chạy một quãng tối thiểu trên đường bay. Máy bay bay thẳng lên trời, phới mình xanh biếc lóng lánh trước mặt trời. Anh bước lại gần một phi cơ, ngắm nghía nó, lấy tay xoa lên cánh, vỗ vào sườn nó, làm như nó không phải là một thứ máy móc, mà là một con ngựa giống tốt, đẹp, được chăm sóc chu đáo. Rồi tới lúc nhóm của

anh được phép tới con đường bay. Ai cũng nóng lòng thử sức và muốn được thử trước. Huấn luyện viên kêu Stórúccốp trước tiên. Cặp mắt thiếu tá sáng long lanh; anh mỉm cười và huýt sáo một cách đùa nghịch, vừa lấy tay buộc lại dây dù và khép mình trong buồng máy. Rồi động cơ rồ lên, máy bay nhảy lên, chạy trên đường bay, để lại phía sau một làn bụi tuyết lấp lánh ngũ sắc dưới ánh mặt trời, rồi đâm vút lên trời, tất cả cánh long lanh trong ánh nắng. Stórúccốp bay lượn trong không gian trên khoảng phi trường, bay với tất cả kiểu cách tất cả những hình mà nhà trường đòi anh phải làm; anh cho máy bay vọt lên rồi lượn rất kinh, nhào nghiêng một cái cực kỳ là vững chắc, rồi vọt bay mất, để sau lại bay trở lại trên nóc trường học, và cho máy ầm ầm như sấm ran, anh thả hết ga bay phía trên sân bay, thấp đến tưởng như sắp chạm mũi cát kết của các bạn đang đợi lượt mình. Rồi lại biến đi mất, lại hiện ra và hạ cánh một cách tài tình. Sung sướng đến điên lên, như một đứa con nít vừa nghịch được cái gì hay hay Stórúccốp nhảy ra ngoài buồng máy, và chẳng thêm chú ý chi tới huấn luyện viên đang mắng anh vì đã quá táo bạo làm xiếc trên không trung, anh cứ bô lô nói:

- Thừa không phải là phi cơ nữa! Vĩ cầm đấy! Tôi nói thực, vĩ cầm thật đấy! Với cái của ấy, thì chơi những bài của Chaikótski được đó! Ôi trời ơi là trời, trời đẹp quá lắm, chú Alétxây của mình ơi!

Nói xong anh ghì Mêrétxép vào ngực làm cho Mêrétxép muốn nghẹt thở.

Thực tế, đó là một loại máy bay cực kỳ tốt. Ai cũng ưa, cũng công nhận như thế. Nhưng đến lượt Alétxây, khi anh đã buộc dây curoa của chân giả vào bàn đạp và đã đưa máy bay vọt lên trời, thì anh có cảm giác rằng đối với một người què quặt như anh, đó là một thứ con thú cười quá cường cường, cho nên phải đặc biệt cảnh giác. Trên cao, anh không thấy cái cảm giác khoan khoái máy bay và anh ăn khớp với nhau. Thứ máy bay này được chế tạo tinh vi một cách kỳ lạ, đến mức chỉ một đụng đẩy rất nhẹ của bàn tay đặt trên máy điều khiển, cũng làm cho máy chuyển khác. Quả là máy bay rung động như một cây vĩ cầm. Nhưng Alétxây thật là thấy mình thất thế không phương cứu chữa. Chân ghép của anh dù sao cũng vụng về, anh

thấy rằng lái một phi cơ như thế này thì phải có rèn luyện lâu dài tỉ mỉ, và dù sao cũng không điều khiển như với cặp chân sống được, linh hoạt, mềm dẻo...

Máy bay phăng phăng bay lượn dễ dàng và nhẹ nhõm, và nó văng theo từng cử động nhỏ trên những bộ phận điều khiển. Nhưng Alếchxây lại sợ nó. Anh thấy rõ khi lượn mau, chân anh không còn cái lanh lẹ và cái hòa hợp thích đáng cần thiết. Đối với một phi công từng trải, thì cử chỉ đó phải trở nên thật y như là phản ứng tự nhiên của cơ thể vậy thôi; không thể thì chỉ chậm một tí ti thôi, cũng đủ làm cho máy bay xoay tròn và bổ nhào, và như thế thì là nguy. Alếchxây giống như một con ngựa bị trói căng. Rõ ràng là anh không nhất. Anh không phải vì sợ chết mà lo lắng; anh vừa bay, mà không kiểm soát lại dù nháy; nhưng anh sợ rằng lần này nếu sơ ý nhỏ thôi, cũng đủ làm cho anh phải xa nghề phi hành chiến đấu và chặn đường anh không có dịp nào trở lại nữa với cái nghề mà anh ưa thích. Nên anh càng cẩn thận hơn nữa, và anh cũng lại càng rất bức mình khi hạ cánh, thêm vào đấy chân nặng chình chịch, anh hạ cánh “trượt”: máy bay là xuống sân, nhảy chồm lên hai ba lần. Anh từ máy bay bước ra, cau có và im lặng. Các bạn anh và cả huấn luyện viên cố khen ngợi anh, khuyến khích anh. Sự khoan hồng của họ chỉ làm cho anh buồn tủi thêm. Anh khoát tay một cách mơ hồ, và chẳng nói năng chi, lê chân qua sân bay đầy tuyết về gian nhà trường màu xám, nơi anh ở. Không điều khiển được máy bay chiến đấu vừa ngay lúc được điều khiển, thật cũng tai hại ghê gớm cho anh chẳng khác như, một sáng tháng ba vừa qua, máy bay anh đâm bổ xuống đỉnh những cây thông. Alếchxây, không xuống ăn cơm sáng và cơm chiều. Mặc dù nội quy cấm không được nằm ở phòng ngủ lúc ban ngày, anh cứ để nguyên giày, tay gối đầu nằm im. Tất cả mọi người, kể cả học viên trực nhật và các sĩ quan qua lại, đi trước mặt anh, thấy thế cũng không ai nở nói anh gì cả, vì hiểu nỗi buồn của anh. Stơrúccốp đến gặp anh, cố chuyện trò chi đó cho khuây khỏa, nhưng anh chẳng buồn trả lời, nên Stơrúccốp cũng đành lắc đầu quay ra. Stơrúccốp hiểu anh lắm.

Ngay sau khi Stóruccốp vào phòng ngủ công cộng, trung tá Capúttin, phụ tá chỉ huy phụ trách công tác chính trị, một người lùn tịt và đáng xì xì, mang kính lớn, hết sức lụng thụng trong bộ quân phục. Học viên thích nghe ông nói chuyện về tình hình quốc tế, vì với bề ngoài chẳng ra cái mã gì cả của ông, ông biết làm cho học viên thấy phấn khởi và tự hào được tham gia sự nghiệp chiến đấu trong cuộc đại chiến này. Nhưng ít ai chú ý đến chức vị của ông, cho ông là một người thường dân tình cờ nhảy vào ngành không quân mà ông chẳng hiểu gì cả. Ông làm như không hay biết có Mêrétxép, cứ kiểm soát phòng ngủ, hít ra hít vào, rồi bỗng nhiên ông nổi giận lên:

- Ai mà lại hút thuốc ở đây thế này? Tại sao có phòng hút thuốc lại không ra đó hút? Đồng chí trung úy, thế là nghĩa gì?

- Tôi không hút. - Alếchxây cứ nằm im, trả lời buông thông như vậy.

- Tại sao lại nằm giờ này? Anh không biết nội quy, hả? Tại sao anh không dậy khi có cấp trên tới. Đứng dậy!

Câu nói trên, không nói bằng giọng chỉ huy, mà nói bằng lối nói chuyện, rất bình thản, tuy nhiên Mêrétxép phải nhóm dậy, đầu chẳng hài lòng chút nào, và đứng nghiêm chào ông.

- Được rồi, đồng chí trung úy! Bây giờ anh ngồi xuống, chúng ta nói chuyện chơi.

- Chuyện gì cơ ạ?

- Chuyện phải làm gì về anh. Hay chúng ta ra bên ngoài? Tôi muốn hút thuốc quá, mà giờ đây lại cấm hút.

Hai người bước ra hàng ba, ánh sáng xanh mờ của mấy ngọn đèn không làm cho lối đi sáng sủa. Rồi cùng nhau đứng ở lại chỗ một cửa sổ. Capúttin có một ống điếu cắm miệng. Khi ông hít một hơi thì ánh sáng chiếu lên gương mặt rộng và có vẻ suy nghĩ của ông, đưa mặt ông ra khỏi bóng tối.

- Tôi có ý định phạt huấn luyện viên của nhóm anh.

- Vì lý do gì vậy ạ?

- Vì đã để cho anh lái máy bay không có phép của chỉ huy trưởng... Tại sao anh lại nhìn tôi thế? Đúng ra, tôi phải phạt luôn tôi nữa, vì tôi chưa bàn

chuyện với anh. Tôi định nói chuyện với anh từ trước rồi cơ, mà chưa có ngày giờ nói. Nhưng thôi! Đó! Tôi biết rằng đối với anh, Mêrétxép ạ! Việc bay không phải là việc nhỏ, và vì thế tôi phải phạt huấn luyện viên của anh.

Alécxây không trả lời. Người ngậm ống điếu này gần anh là người như thế nào vậy? Một cán bộ quan liêu, trừng phạt người ta như đã phạm tội khi quân, chỉ vì người ta không báo cho ông biết một tin tức đặc biệt đã xảy ra giữa những sự việc thường thường trong trường ư? Một anh cạo giấy chuyên moi móc trong nội quy về nhân viên phi hành, xem có điều khoảng nào cấm vì điều kiện thể chất không đầy đủ, không được lái phi cơ? Hay một anh chàng làm tàng kiểm cơ hội để làm oai? Ông muốn gì? Ông đến đây lúc này để làm gì? Trong lúc không có ông, Alécxây cũng đã buồn muốn chết rồi cơ mà!

Mêrétxép đang như ở trong lò lửa hồng và anh cố nén bức tức một cách khó khăn. Nhưng đau khổ bao tháng nay đã rèn cho anh đức tính tránh vội kết luận. Với lại anh thấy ở Capúttin con người coi chẳng ra sao cả ấy, có cái gì khó nhận thấy nhưng giống với chính ủy Vôrôbiốp, người mà Alécxây coi như con “Người chân chính”. Lửa đỏ trong ống điếu sáng lên rồi tắt đi, lần lượt rút ra khỏi bóng tối biếc rồi lại chìm vào đó bột mặt co to, có cái mũi lớn và cặp mắt sâu sắc và thông minh của ông.

- Mêrétxép ơi! Anh thấy không! Tôi không muốn khen anh chi, nhưng dù muốn dù không anh vẫn là nhà phi công duy nhất trên đời này lái máy bay sẵn giặc mà không có chân! Người duy nhất.

Ông coi lại tàn lửa trong ống điếu dưới ánh đèn mờ mờ, và lắc lư đầu ra vẻ đắn đo:

- Bây giờ tôi không nói đến ý chí của anh muốn trở lại trong ngành không quân chiến đấu. Đó là điều rất tốt, nhưng bản thân việc đó cũng là một việc rất tự nhiên thôi. Vào giờ phút này, ai đóng góp được bao nhiêu cùng muốn đóng góp phần mình vào thắng lợi... Nhưng, trời ơi đất hỡi! Cái ống điếu khốn khổ này nó làm sao thế này?

Ông lại thông lại ống điếu, và hình như bao nhiêu tâm trí, ông lo về vụ này cả. Nhưng Alécxây thì đang nóng lòng chờ đợi coi ông muốn nói gì,

vì anh có cảm giác mơ hồ như có cái gì khác lạ sẽ tới. Vẫn cứ cảm cúi thông ống điều, Capúttin nói tiếp, hầu như chẳng chú ý mảy may đến ấn tượng mà lời nói của ông đã gây ra:

- Đây không phải chỉ là trường hợp riêng biệt của trung úy Mêrétxép: căn bản của vấn đề là ở chỗ, tuy cụt cả hai chân, anh vẫn đã có thể làm được đến một mức độ tài tình một công việc mà một người thực hoàn toàn lành mạnh mới làm nổi, mà làm được trong tỷ lệ một trăm người mới có một. Anh không phải chỉ là công dân Mêrétxép, anh là một nhà thực nghiệm vĩ đại... À! Thế chứ! Cái ống điều tôi nó thông rồi! Có cái gì nó nhét vào đấy không biết? Vậy, tôi đang nói gì nhỉ? À, tôi nói rằng chúng tôi không thể, không có quyền được coi anh, nghe chưa? Như những phi công khác. Anh đang tiến hành một cuộc thí nghiệm quan trọng bậc nhất, và chúng tôi có nhiệm vụ phải giúp anh tất cả cái gì giúp được. Làm sao giúp? Thế nào, nào! Anh phải nói, tự anh nói thử xem sao nào! Anh cần chúng tôi giúp gì cho anh được nào?

Capúttin lại nhồi thuốc vào ống điều, lại châm mỗi lửa và bộ mặt lớn và dẹt của ông bắt đầu lại ra vào bóng tối, mỗi lần ông hút một hơi. Capúttin hứa sẽ đi thảo luận với ông hiệu trưởng, để tăng số giờ bay của Mêrétxép, và ông đề nghị với Alếchxây tự mình đặt một chương trình luyện tập.

- Nhưng đồng chí có thấy như thế ta sẽ tốn xăng đến chừng nào không?

Mêrétxép trả lời như chống lại, kinh ngạc với cái cách ông lù khù này giải quyết vấn đề và phá tan bản khoản cho mình, thật là giản đơn và gọn gàng:

- Xăng rất quý, nhất là trong lúc này; phải tính từng giọt. Nhưng có những thứ quý hơn xăng nữa.

Và Capúttin, đập ống điều xuống gót ủng, để tàn thuốc từ trong ống điều rơi ra hết.

Từ ngày hôm sau, Mêrétxép bắt đầu sự luyện tập riêng của anh. Anh không phải chỉ luyện tập hăng say, như hồi anh tập đi, tập chạy, tập khiêu vũ. Thật tình là anh nôn nóng đến cuống cuồng lên. Anh gắng phân tách kỹ thuật bay, nắm vững tất cả các chi tiết, và phân tích mỗi cử động ra để

nghiên cứu riêng cho rành rẽ. Ngày nay anh nhờ nghiên cứu mà học lại những cái mà hồi thanh niên, anh biết được vì linh tính tự nhiên; trí khôn của anh ngày nay thay thế cho thói quen và tập luyện ngày xưa. Sau khi đã phân tích trong đầu óc anh ra từng cử động giản đơn tất cả các cử chỉ cần thiết cho việc điều khiển một chiếc máy bay, anh đã hoàn toàn xây dựng những phản ứng của anh, đến mức anh cảm thấy được bằng bắp chân tất cả những cảm giác thường ra chỉ nhận thấy được do nơi gan bàn chân. Đó là một công việc mệt nhọc và tỉ mỉ. Lúc đầu, những tiến bộ nhỏ hầu như không thấy, nhưng dù sao Alếchxây cũng cứ thấy rằng hình như máy bay ngày càng như gắn chặt hơn với thân anh, và vâng theo anh ngày một trung thành hơn.

Mỗi khi Capúttin gặp anh, ông thường nói:

- Thế nào, được chứ? Nhà tài tử!

Mêrétxép giơ ngón tay cái tỏ dấu hiệu thành công. Và như thế là anh không hề khuếch đại. Tiến bộ không mau lẹ, nhưng rõ rệt là có. Và nhất là mỗi khi ở trên máy bay, Alếchxây nhờ luyện tập như thế, không còn có cảm giác như một kỵ binh vụng về lại cưỡi phải con ngựa bất kham. Anh dần tự tin ở mình và tự tin ấy truyền đến toàn thân máy bay: giống như một sinh vật, một con ngựa cảm thấy được người cưỡi giỏi cầm cương, máy bay ngày càng vâng lời anh. Và dần dần Mêrétxép đã sử dụng được hết những chỗ hay của máy bay đó.

Trong thời thơ ấu, Alếchxây đã tập trượt tuyết trên những mảnh băng còn mong manh và trong vắt che một cái vịnh nhỏ trên sông Vônga. Thực ra anh không có giày trượt tuyết, vì mẹ anh không có tiền để mua thứ giày này cho anh. Nhưng người thợ rèn nơi bà đến giặt giũ thuê, đã theo lời bà cầu xin, làm cho anh một đôi guốc cây nhỏ có mép thép lấy một sợi dây thép lớn mà làm ra.

Với dây gai, và những mẫu gỗ, Alếchxây buộc giày trượt tuyết ấy vào đôi ủng phốt của anh đã vá víu mấy lần. Chuẩn bị như thế, một hôm anh đi chơi trên băng, lau băng mỏng đến nỗi lún vỡ và kêu kèn kẹt khi quá nặng. Tất cả con nít ở ngoại ô Camisin lướt chạy dọc ngang khắp nơi, vừa cười vừa la. Bọn trẻ như đàn quỳ xô đẩy nhau, nhảy chạy và múa may bằng đôi giày trượt tuyết. Cứ coi chúng chạy nhảy tưởng là dễ lắm. Nhưng khi Alếchxây chạy tới thì băng tuột dưới chân anh, và anh ngã ngửa. Anh đứng dậy liền không cho bọn bạn biết là mình bị ngã đau. Anh chú ý không để té ngửa và tiến chân ra, bước về phía trước, nhưng khi vừa bước tới thì lại bị ngã sấp xuống ngay. Anh lại chồm dậy, chân run run tự hỏi làm sao thế, và đứng coi tội nhỏ đi ra sao. Anh rút kinh nghiệm và hiểu rằng không nên nghiêng quá về sau và cả về trước. Anh gắng đứng thẳng, cử động ít cái, và cũng ngã sập xuống, nhưng lần này ngã sang một bên. Anh cứ đứng lên và ngã xuống suốt buổi chiều: khi anh về nhà thì đầu mình bầm tuyết, hai chân loè ngoè vì quá mệt, làm cho mẹ anh rất lo buồn.

Sáng tinh hôm sau, anh lại ra bãi trượt tuyết. Anh sử dụng bộ chân đã khá đúng kiểu, ít ngã hơn, lại đã có thể lấy đà trượt và trượt dài được mấy thước rồi, nhưng rồi đó tha hồ anh cố, một nhòai ra từ sáng tới chiều, anh không tiến bộ được nữa.

Rồi một hôm, Alếchxây còn nhớ rõ bữa đó, gió lạnh buốt, thổi bay những làn tuyết trắng nhỏ như bụi lả tả trên mặt sông đóng băng y như một tấm kính, anh đã thành công một lần, và từ đó, anh ngạc nhiên thấy có thể trượt tuyết mỗi lượt càng thêm vững chãi. Ngã rồi đứng lên, lại ngã, lại

đứng lên, thử đi thử lại mãi, cuối cùng anh không hề chú ý mà thu thập được cả một khối kinh nghiệm lớn. Tất cả những cử động quen nhỏ, cuối cùng, hợp lại thành cả một hệ thống; anh liền luyện tập cặp chân của anh, với một niềm tin tưởng và vui sướng thấm nhuần toàn thể tấm thân con nít kiên cường của anh.

Kinh nghiệm đó giống hệt như bây giờ. Anh bay nhiều, hăng say bay, cố làm sao cho người anh và máy bay hòa hợp hẳn với nhau, làm cho qua chân giả bằng nhôm và da thuộc, anh như sờ được thấy phi cơ. Đôi lúc, anh có cảm giác đã đạt tới mục đích. Vui mừng vô hạn, anh cho máy bay lượn một kiểu khó hơn, nhưng lập tức anh lại có ngay cảm tưởng rằng, với cử động mới, anh lại không vững vàng nữa, và máy bay rung lên và không muốn nghe theo sự chỉ huy của anh. Đó lại là một lo âu mới và thất vọng mới đối với anh, Aléxây lại phải bắt đầu lại sự luyện tập buồn chán của mình.

Một sáng tháng ba. Sân bay, trong khoảnh khắc một buổi sáng đã nhuộm nâu và có những đường rãnh sâu mà bánh xe máy bay lăn qua đã vạch ra trong tuyết xốp. Aléxây cũng đã lên trời trong phi cơ chiến đấu của anh. Gió cứ thổi bạt máy bay anh về một phía, và anh phải sửa chữa lại hướng bay của anh. Chính trong khi làm cho máy bay giữ thế quân bình được, Mêrétxép có cảm giác như máy bay hoàn toàn vâng theo anh, như anh hòa hợp với máy bay làm một. Cảm giác đó thoáng qua anh như một tia chớp; lúc đầu, anh chưa dám tin; anh đã gặp quá nhiều lần thất bại để tin ngay ở cái sung sướng ấy của mình. Anh liền thử lượn một vòng rất thẳng góc và máy bay đã ngoan ngoãn nghe theo sự chỉ huy của anh một cách chính xác. Anh thấy lòng vui sướng y như hồi nhỏ trên băng kin kít và xám xỉ sông Vônga. Ngày hôm buồn thiu đó lập tức trở nên tươi sáng đối với anh. Tim anh nẩy lên vì vui và anh thấy ở gáy cái luồng run nho nhỏ anh đã quen thuộc, thường là dấu hiệu nơi anh của sự xúc động. Anh tưởng chừng như, bằng một nét gạch vô hình nào đó, ai đã cộng lại tất cả những cố gắng kiên cường của anh trong quá trình luyện tập. Anh đã vượt qua nét gạch đó, và, giờ đây chẳng cần cố gắng chi hết, anh thu lượm kết quả của không biết bao nhiêu ngày lao động và đấu tranh của anh. Anh đã đạt tới cái mục đích

đã bấy lâu rồi cứ mãi không chịu tới với anh. Anh thấy mình với phi cơ là một; phi cơ là một bộ phận nối tiếp của chính con người anh và ngay cả cái khúc vô tri giác của bộ chân giả của anh cũng không còn là trở ngại xa cách giữa con người anh với máy móc. Anh tràn trề phấn khởi và sung sướng: anh lượn nhiều vòng thẳng góc, lộn nhào một vòng, rồi mới vừa xoay, tung máy bay cho nhào xuống kiểu trôn ốc. Mặt đất như quay cuồng và vừa rít lên, sân bay, nhà cửa của trường, đài thiên văn với vòm vải sòng sọc, tất cả đều hòa lẫn như trong một trận gió lốc. Anh vững tay lái ngừng bay nhào kiểu trôn ốc đó, và lại lộn nhào một vòng nữa; chỉ bây giờ anh mới nhận thấy hết những ưu điểm tiềm tàng của kiểu phi cơ LA-5. Với bàn tay đầy kinh nghiệm của anh, chiếc LA-5 thực là lạ kỳ! Nó đáp ứng với từng cử động nhỏ, nó nhào lộn được một cách dễ dàng những kiểu nhào lộn phức tạp nhất, nó vọt lên thẳng rất vững, rất khéo, rất lạ.

Bước từ máy bay xuống, Mê-rét-xép bước đi ngã xiêu ngã vẹo như người say rượu... Anh hớn hờ cười thích chí và chẳng nhìn thấy huấn luyện viên đang giận dữ rầy anh. Tha hồ cho huấn luyện viên la lên! Phạt giam à? Được. Đi mà giam có hệ trọng gì điều ấy? Điều căn bản, là hiện nay anh là một phi công, một phi công giỏi, và anh đã không dùng phí uổng chỗ xăng ngoại cách mà anh đã được cho dùng để tập luyện. Anh sẽ trả lại gấp trăm lần số xăng ấy, một khi anh được ra trận trở lại, được chiến đấu.

Trong phòng, một niềm vui khác đang chờ anh. Trên gối, có lá thư của Govô-đép. Không biết là bao ngày thư này mới chạy theo anh tới đây? Thư đã qua biết bao nhiêu túi mới tới tay người nhận? Khó nói bởi vì thư thật là lem luốc và nhớp nháp. Nhưng hôm nay nó đã được Anhuta cho vào một bao thư mới và gửi cho anh.

Chiến sĩ xe tăng cho Alếch-xây biết rằng anh vừa gặp một chuyện thật là đen. Anh bị thương ở đầu. Mà cậu có biết vì sao không? Vì cánh máy bay của Đức. Anh đang ở trong bệnh viện của phân quân đoàn, có lẽ vài ba ngày nữa anh sẽ ra được. Tai nạn này đến với anh trong một trường hợp không thể tưởng tượng được. Khi quân đoàn thứ sáu của Đức bị bao vây trước thành Stalingorát và bị cắt làm nhiều đoạn, thì phân quân đoàn của

anh đã thọc vào chiến tuyến của địch đang rút lui, và qua lỗ hổng của địch, chiến xa của ta đã tiến qua thảo nguyên tới hậu phương của chúng. Trong cuộc đánh tập kích ấy, Gơvôđép chỉ huy một tiểu đoàn chiến xa. Một cuộc tập kích kỳ diệu sao! Đội quân sắt của chúng tớ tập tới bọn Đức, tới hậu phương của chúng, tấn công hàng ngũ chúng, tấn công những làng mạc phòng thủ và những trục giao thông của chúng. Bọn tớ đã ào tới đánh quân Đức một cách bất ngờ. Xe tăng phóng vào đường phố, bắn phá tất cả những đồn gặp trên đường tiến, và khi gặp tàn dư của một đồn lũy nào của địch trốn chạy, thì những chiến sĩ xe tăng và bộ binh cơ khí hóa liền đốt cháy thiêu hủy hết những kho súng đạn của chúng còn để lại, phá nổ cầu, cùng những nơi bẻ ghi, những đài quay xe của các nhà ga, và có khi tóm được nguyên cả từng chuyến xe lửa của Đức đang bỏ chạy. Tiếp tế lương thực, xăng nhớt bằng quân nhu của địch, rồi cứ thế tiến, không cho lũ Đức còn có thời giờ định thần lại, hay tập hợp lực lượng để chống đỡ nữa, hay để cho chúng tiên định được hướng chiến xa ta tiến.

“Chúng tớ đã tràn trên thảo nguyên, cậu Alếchxây ạ! Thực y như các kỵ binh của Bưđiôn^[15]. Chúng tớ đã làm cho bọn phát xít kinh hoàng thật là kinh hoàng! Cậu tin không? Nhiều khi với ba chiếc xe tăng cùng với một chiếc ô tô thiết giáp lấy được của giặc, chúng tớ chiếm được từng làng nguyên vẹn và thu được đủ quân giới, quân nhu. Trong chiến tranh, cậu Alếchxây ơi, điều căn bản là đánh bất ngờ và gieo hoang mang. Một sự hoang mang gieo thật là đúng lúc trong nội bộ địch, cũng mạnh như hai sư đoàn tốt tấn công. Điều kiện chính là phải biết duy trì cái đó như ta giữ lửa trong đó. Rồi lại đánh bất ngờ thêm nữa làm cho chọc thủng trận tuyến giặc, là chúng ta đã chọc qua được áo giáp sắt của địch, và phía sau thì chẳng còn gì cả, vào như vào bơ vậy thôi...

... Và cậu có biết vì sao tớ bị cái tai nạn không?

Cấp trên gọi tớ. Một phi cơ thám thính của ta báo cho cấp trên biết bằng thư lấy dẫn mà liệng xuống: chỗ nọ, có một sân bay quan trọng chứa chừng 300 máy bay, có xăng nhớt và dụng cụ. Tướng, tay vừa ép cặp râu mép, vừa ra lệnh cho tớ: “Gơvôđép, tiến quân đêm nay, không náo động, không bắn

súng, êm như một đạo quân Đức ấy, đến thật gần phi trường, rồi tiến vào trong sân bay, xả mọi thứ súng mà bắn, không cho chúng có thời giờ kịp trở tay, làm cho chúng nó lộn nhào thượng hạ, không cho một thằng khốn kiếp nào cất cánh được”. Tiểu đoàn của tớ được một tiểu đoàn khác tăng cường, tiến quân theo lệnh đó, còn toàn thể lực lượng của ta thì tiến về phía Rônốp.

Chúng tớ ủa vào sân bay đó như đàn sói vào chuồng cừu. Alếchxây ơi! Có tin tớ thì tin, nhưng sự thật là tụi tớ đã vào bằng đại lộ hăn hoi, sát tận sân bay ngay trước mặt bọn lính gác Đức. Bọn Đức không chú ý tới chúng tớ. Chúng tưởng là bọn của chúng. Lúc đó vào buổi sớm, trong sương mù, chẳng ai thấy gì cả, chỉ có tiếng máy và tiếng dây xích xe thiết giáp. Rồi khi tụi tớ vừa xả súng bắn, thì, cười hi hi đi! Máy bay là cứ sắp hàng rất ngoan ngoãn ở đó, để chúng tớ, từ xe thiết giáp, cứ choảng vào hông từng năm, sáu chiếc một lần, bằng đạn trái phá xuyên thủng. Nhưng rồi chúng tớ thấy rằng không làm xuể được; có một số đoàn hoa tiêu gan dạ nhất đã cho rồ máy chạy. Lập tức chúng tớ đẩy nắp xe tăng lại và cứ thế lấy sức nặng nề của xe mà đâm vào đuôi máy bay. Đó là những máy bay vận tải thứ lớn. Chúng tớ không kịp đến tận máy thì chúng tớ nhúi vào đuôi. Mặc kệ, cũng thế thôi, không đuôi thì cũng như không máy, máy bay chẳng bay nổi. Chính lúc đó tớ gặp rủi. Tớ định ló đầu ra ngoài xe tăng để coi công việc mình đến đâu rồi. Lúc đó lại vừa đúng lúc xe tăng của tớ húc vào một máy bay. Cánh máy bay đập luôn trúng vào đầu tớ. May mà chiếc mũ sắt đỡ giùm, nếu không thì toi mạng rồi còn gì. Nhưng, không sao! Và tớ đang có thể sắp ra bệnh viện và gặp lại các chiến sĩ xe tăng của tớ. Điều tai hại là tại bệnh viện, họ đã cạo mất bộ râu của tớ. Tớ để mọc râu và bộ râu dài đã tua tủa ra như cái quạt ấy, thì bị họ cạo mất rồi, chẳng thương tiếc chi cả. Nhưng thôi, không cần! Chúng tớ đang tiến quân mạnh thực đấy, nhưng từ nay đến hết chiến tranh, tớ vẫn còn đủ ngày giờ cho bộ râu khác mọc ra để che đi cái tàn tật của tớ. Với lại, này! Alếchxây, cậu biết không Anhuta không chịu cái chuyện râu của tớ đâu, và cô cứ phản đối chuyện râu mỗi khi biên thư cho tớ”.

Thư dài lắm, rõ là Govôđép đã viết tại bệnh viện nơi mà anh buồn đến chết đi được. Anh kể lại ở cuối thư, ngoài chuyện khác, rằng, ở Stalingorát lúc các chiến sĩ xe tăng của anh đã bị hỏng hết xe tăng và trong khi chờ đợi có xe mới, thì các chiến sĩ xe tăng đã chiến đấu như bộ binh, ở khu công sự nổi tiếng Đồi Mamai; ở đó, anh đã gặp Stêpan Ivanôvít. Ông già này đã qua một lớp huấn luyện và đã được thăng chức. Hiện nay ông là thượng sĩ và chỉ huy một trung đội chống chiến xa. Ông không vì thế mà bỏ công tác xạ thủ ưu việt, nhưng ông nói rằng bây giờ ông sẵn những vật lớn hơn trước mà thôi. Ông không nhắm bắn nữa từng tên phát xít lơ ngơ ra khỏi hầm để phơi nắng, mà là nhắm bắn từng chiếc chiến xa Đức, thứ xe đẹp, hùng mạnh và gian xảo; để sẵn thứ thú mới này, ông đem ra dùng cái tài đánh hơi của người thợ săn già vùng Sibêri, cái chí nhẫn nại như đá, cái bình tĩnh và tài bắn chính xác của ông. Khi hai người gặp nhau, Govôđép cùng ông đã nốc cạn hết bầu “xoáy ruột”^[16], mà ông già Stêpan tần tiện đã để dành; trong cái bình đeo trước ngực của giặc; hai người nhắc tới tất cả các bạn; ông già gửi tới Mêrétxép tình thương nhớ tha thiết, và mời cả hai người, nếu còn sống, thì sau chiến trận về chơi nhà ông ở nông trang tập thể để cùng nhau đi săn bắn sóc rừng và chim le le.

Bức thư đó làm cho Mêrétxép buồn nhớ man mác. Tất cả các bạn của anh trong phòng 42 đều đã ra trận từ lâu. Bây giờ Gorigôri Govôđép và ông già Stêpan Ivanôvích ở đâu? Họ bây giờ ra sao? Và ngọn gió chiến tranh đã đưa họ tới những chốn nào rồi? Họ còn sống không? Còn Onga bây giờ ở nơi nào?

Alếchxây nhớ một lần nữa tới lời của chính ủy so sánh những bức thư của chiến sĩ với những tia sáng của những ngôi sao đã tắt; các tia sáng đó du hành lâu dài, và có khi ngôi sao đã bị hủy diệt rồi, mà những tia sáng của nó, trong sáng và vui tươi, còn xuyên qua không gian, đem lại cho những con người ánh sáng êm dịu của một vì tinh tú đã khuất.

PHẦN THỨ TƯ

1

Một ngày hè oi bức năm 1943. Trên một con đường mà các đoàn xe quân sự của quân đội Liên Xô đã mở trong cuộc tổng phản công vừa qua, xuyên qua đồng ruộng, giữa những đám cỏ dại, lấm chấm những bông hoa đỏ rực, một chiếc xe cam nhông cũ kỹ đang tiến ra mặt trận; xe chồm lên, chúc xuống, lao đảo, làm rung động những tấm ván thành xe đã hở kẽ, bám đầy bụi. Bên hông xe, không dễ dàng gì đọc được trên những hàng sơn trắng mấy chữ “Quân bưu”. Một luồng bụi xám xám cuộn dài sau xe, rồi chậm chậm tỏa ra trong không khí ngọt ngào và đứng im.

Trong thùng xe, nơi chôn cất những bao bố đựng thư, hai quân nhân, mặc quần áo nhà binh mùa hè, đầu đội mũ phi công có vành màu xanh dương, ngồi trên những gói báo chí, cũng đang bị xe nhồi lên, nhồi xuống. Người trẻ hơn mang quân hàm mới tính trung sĩ hạng nhất; đó là một chàng trai tóc đỏ, mình thon thon, thanh tú. Da anh trắng như da một thiếu nữ, trắng đến nỗi trông tưởng như trong. Anh chừng mười chín tuổi. Anh muốn làm ra vẻ một nhà binh lão luyện, nhổ nước miếng qua kẽ răng, ồ ồ giọng để chửi rủa, tay cuốn diều thuốc, làm bộ sành sỏi, nhưng vô ích, vì ai cũng thấy rõ đây là lần đầu anh ra trận và anh đang xúc động lắm. Cảnh vật quanh anh: một khẩu đại bác vỡ nòng cắm hòng xuống bờ đường, một chiếc xe tăng Xô viết nằm trong cỏ cao bị che lấp đến tận đài, những mảnh vụn của một chiếc xe tăng Đức bị một trái bom từ máy bay ném trúng, những hố đạn trái phá cỏ đã lấp gần kín, những trái mìn mà công binh đã dò tìm được, chất đồng bên đường như những chồng đĩa, những chiếc thánh giá bằng cành cây bulô trông thấy được trong cỏ, nơi xa, cắm trong một nghĩa địa giặc Đức. Tất cả những vết tích của những chiến trận cũ, hai người chiến sĩ quen nhìn không còn chú ý đến nữa, tất cả những cái đó lại khiến anh chàng thanh niên này rất ngạc nhiên và anh hết sức chú ý.

Bạn đồng hành của anh, một trung úy, thì trái lại, rõ ràng là một quân nhân già dặn. Mới thoát nhìn đoán tuổi anh chỉ chừng 23, 24 tuổi thôi.

Nhưng, nếu nhìn kỹ gương mặt rám nắng gió, với những vết nhăn nhè nhẹ quanh mắt, trên trán và trên miệng, với cặp mắt đen, mệt mỏi và trầm lặng, thì ta lại dễ dàng thêm mười tuổi nữa cho anh. Anh nhìn cảnh vật chung quanh bằng cặp mắt lạnh lùng; không có gì làm cho anh xúc động: dù là những mảnh sắt vụn, sét gỏi vỡ tan tành vì bom đạn nổ dù là những đường phố vắng vẻ hoang vu của làng mạc bị thiêu cháy mà xe cam nhông rồ máy mạnh vượt qua, hay dù là những miếng tan vụn của chiếc máy bay Xô viết chỉ còn là một đồng những mẫu nhôm quần quèo, với máy phi cơ vỡ hỏng nằm một góc, với một khúc đuôi có ghi số phi cơ kèm bên ngôi sao năm cánh. Cảnh vật đó đã làm cho quân nhân trẻ tuổi xúc động và rùng mình.

Viên sĩ quan ngồi giữa đồng báo như trong một chiếc ghế bành và anh ngủ gà ngủ gật, tỳ cằm lên chiếc gậy mun nặng nề có chạm chữ đầu tên bằng vàng. Đôi lúc tỉnh dậy, anh nhìn quanh với vẻ mặt hân hoan, và hít thở đầy ngực không khí nóng nóng và thơm thơm. Nhưng khi nhìn ở trên trời, qua biển cỏ có ánh hung hung đỏ, anh thấy hai cái vạch đen nhỏ xíu đến nhìn không thấy nữa, nhưng nhìn kỹ ra thì là hai chiếc máy bay, thì lập tức anh nhóm dậy; mắt anh sáng lên, mũi anh nhỏ xinh và cong cong bỗng mấp máy, và, mắt không rời hai chấm đen nhỏ ấy, nhìn còn chưa rõ chi lắm, anh lấy tay dấm vào thành xe buông lái và la:

- Báo động! Máy bay! Lái xe rời đường cái!

Anh đứng dậy, ngắm địa thế với cặp mắt lão luyện và chỉ cho tài xế một hốc đất sét, bờ có những nham tử uyển xám xám che kín và lấm chấm những nụ vàng ối.

Anh thanh niên mỉm cười khinh khi: hai chiếc máy bay đó bay còn xa, chẳng có vẻ gì là nguy hiểm; nó có vẻ quan tâm gì đâu đến chiếc cam nhông nhỏ cô lập này đang tung đám bụi đường đi qua đồng không mông quạnh buồn thiu. Nhưng trước khi anh kịp phản đối, thì tài xế đã lái xe rời đường cái, và chiếc xe, thân hình ngả nghiêng, nghiêng ngả, hấp tấp chạy vội vào con đường hẻm.

Trung úy lập tức xuống xe và ngồi trên cỏ, mắt không ngớt nhìn con đường xe vừa đi qua.

Anh quân nhân trẻ tuổi mỉm cười, mĩa mai nói:

- Có đáng tổn công thế không nào?

Ngay lúc đó, viên sĩ quan nằm phục xuống cỏ và la lớn:

- Nằm xuống!

Lập tức, trong tiếng máy bay nổ rầm rầm, hai cái bóng đen to lớn, làm rung chuyển trời với tiếng gầm kỳ quặc của chúng, đã bay ngay trên đầu hai người. Anh thanh niên nghĩ: có gì đáng sợ đâu: đây chỉ là hai máy bay như các máy bay khác thôi, và có lẽ lại là hai máy bay của mình không chừng. Nhưng anh nhìn chung quanh và thấy một chiếc xe cam nhông hư nát bỏ từ lâu nằm bên đường đang bốc cháy, khói lửa bao quanh.

Người tài xế mỉm cười, nhìn vào nơi cầm lái chiếc xe hư, bị đạn xuyên qua và đang cháy, nói:

- Tụi nó tổng đến mình bom phóng hỏa! Tụi nó sẵn xe hơi!

Trung úy, nằm duỗi thẳng thoải mái trên cỏ, bình tĩnh góp ý kiến:

- Đó là phi cơ săn địch. Phải chờ, vì thế nào chúng nó cũng trở lại ngay. Chúng nó thăm dò các đường đá đỏ. Này, chú bạn! Chú cho xe xa hơn một chút nữa đi, có thể đậu dưới gốc cây bulô kia chẳng hạn.

Anh dạo dò một cách vững chắc và bình tĩnh, làm như bọn phi công Đức đã báo cáo kế hoạch cuộc tấn công cho anh rồi vậy. Trong xe còn có một thiếu nữ có nhiệm vụ tải thư. Mặt xanh nhợt, miệng môi khô vì đầy bụi, cô gượng cười, và cô lo lắng dò bầu trời yên tĩnh có những đám mây hè đang bay, thành từng dải cong, dài và sáng trắng. Khiến cho, mặc dầu tự mình cũng khá xúc động, trung sĩ nhất ta làm như chẳng chú ý chi, nói lửng lơ:

- Tốt nhất là cứ xông ngay bây giờ. Đâu lại mất ngày giờ làm gì! Sắp phải treo cổ mà còn sợ nước lạnh à?

Trung úy, miệng nhấm cọng cỏ, nhìn người thanh niên với một mỉm cười chế nhạo trong đôi mắt đen láy:

- Đó là một câu tục ngữ ngu xuẩn, gắng quên nó đi kéo trễ đó! Với lại, này! Đồng chí trung sĩ nhất, đồng chí hãy nhớ rằng tại mặt trận, phải tuân lệnh trên. Nếu trên hạ lệnh cho anh nằm, thì anh phải nằm, nghe chưa?

Anh thấy trong cỏ một cọng chua me có nhiều nước, lấy ngón tay tước những sợi, rồi cắn khau kháu có vẻ ngon lành lắm. Lại nghe tiếng máy rầm rầm và hai máy bay trở lại sát cánh nhau, bay là là trên mặt đường.

Phi cơ bay thấp đến nỗi có thể thấy màu sơn vàng sạm trên cánh, thấy những chữ thập màu đen và trắng và cả con “xì chuồn” sơn trên thân máy bay. Trung úy uể oải bứt vài cọng cỏ nữa, nhìn đồng hồ và ra lệnh cho tài xế:

- Bây giờ, thì có thể đi được! Và lẹ lên đấy nhé! Ông bạn! Mau mà đi khỏi chốn này đi!

Tài xế bấm còi, thiếu nữ tài thư từ khe hẻm trở lại. Cô đem theo mấy trái dâu rừng lủng lẳng ở đầu cuống, tặng trung úy. Anh bứt dâu rồi cắm vào khuyết cúc áo như cắm một bó hoa, nói:

- Đã chín rồi... Tôi quên cả rằng bây giờ trời đã vào hè!

Cậu thanh niên, lại im lìm như cũ, vừa bị xe cam nhông chạy lắc lư, vừa hỏi trung úy:

- Sao biết được tại nó không trở lại?

- Đâu phải tinh ma gì mới biết được. Đây là phi cơ Mét-se-mít 109. Chúng chỉ đủ xăng nhốt bay 45 phút. Bây giờ chúng phải cút đi lấy xăng.

Anh giải thích một cách lơ là, như không thể tưởng tượng được rằng có người lại không biết cả những điều rất giản đơn ấy. Thanh niên chú mục nhìn về phía chân trời. Anh muốn là người đầu tiên báo cho mọi người thấy máy bay Mét-se-mít trở lại. Nhưng không khí vô cùng trong lành và đượm tất cả mùi thơm của cỏ dại, của cát bụi và của đất nóng xông lên; trong đồng cỏ, dế kêu vô cùng vui tai; một con chim sơn ca tuốt tận trên cao, phía trên trông tràn đầy cỏ hoa hót vang trời với một giọng vô cùng lạnh lạnh, khiến anh quên cả những máy bay Đức cùng những nỗi hiểm nghèo của mình và đồng bọn. Anh bắt đầu hát. Bằng một giọng rất trong trẻo, anh ca một bài ca đang thịnh hành ở mặt trận, bài ca kể chuyện một chiến binh đang ở trong lều nơi mặt trận mà tưởng nhớ đến người yêu ở nơi xa xôi.

Bạn đồng hành của anh đột ngột hỏi:

- Thế bài “Cây dâu” có biết không?

Thanh niên gật đầu và ngoan ngoãn bắt đầu ca bài ca cũ. Gương mặt nhám bụi và mệt nhọc của trung úy đượm vẻ buồn thương.

- Hát như thế là không phải, cu cậu ạ! Bài ấy không phải là một bài ca đầu môi, mà thật là một bài hát. Hát, thì phải hát với tất cả tấm lòng.

Nói xong, anh ca lại bài ca, êm êm, rất êm êm; anh hát, giọng không hay, nhưng rất đúng điệu.

Xe ngừng lại một lát; cô thiếu nữ tải thư vọt ra khỏi phòng cầm lái xe, bám lấy thành xe phía sau, nhón mình một cái vượt qua cái lá chắn, rồi mấy bàn tay lực lưỡng kéo cô lên trên.

- Tôi đến với các anh, vì nghe thấy các anh hát.

Giữa tiếng xe cam nhông chạy ầm ầm và tiếng dế vẫn cứ kêu ra rả, ba người cùng hát.

Thanh niên ta, cao hứng lên, rút trong bao đựng quần áo lấy ra chiếc ác-mô-ni-ca, rồi khi thì thổi kèn, khi thì gõ nhịp, anh hòa theo điệu hát. Trên con đường quá buồn tẻ này, đã hầu như không dùng nữa, tưởng đâu như sở dĩ đã có là vì do ai quất roi qua cánh truông lấm bụi cát này, tiếng hát đượm buồn vang lên mạnh mẽ, vừa cổ xưa và cũng lại vừa mới mẻ, như những cánh đồng này chói chang hè, như tiếng kêu rền rĩ của bầy dế dưới cỏ nóng, và ngất ngây như tiếng hát của chim sơn ca trên nền trời quang đãng và cũng như chính bầu trời ấy, xa xôi, vô tận.

Họ say mê ca hát đến nỗi suýt thì ngã khỏi ghế ngồi, lúc xe ngừng lại bất ngờ. Chiếc xe đậu ngay giữa đường. Nơi đây, một chiếc xe cam nhông ba tấn bị lật xuống hồ, bốn bánh chống lên trời. Thanh niên xanh mặt; còn bạn anh thì nhảy ra khỏi xe, chạy vội tới chỗ xe lật. Anh bước có khác thường, đi như cò rò chân mà múa. Lát sau, tài xế kéo ra, từ trong lòng xe bị bẹp nát, một đại úy quân nhu, toàn thân máu me. Mặt người bị nạn nát rách, có lẽ vì kính cửa xe bị vỡ đập vào, chẳng khác màu cát bụi trên đường. Trung úy dùng ngón tay cái lật thử một mí mắt người đó lên. Anh lột mũ ra, nói:

- Anh này thì thôi rồi! Coi xem còn ai không?

Anh tài xế trả lời:

- Có, còn người lái xe.

Trung úy nghiêm khắc la rầy người thanh niên đang luống cuống:

- Thế nào? Anh làm gì đó! Giúp người ta một chút chứ! Cậu chưa thấy máu bao giờ sao? Thế thì tốt hơn là phải tập cho quen đi, vì rồi là còn thấy nữa mà. Đó là công việc của hai chiếc máy bay săn hời nãy đó! Người tài xế có vẻ còn sống. Anh ta rất yếu ớt và không mở mắt. Không thấy rõ có vết thương; có lẽ lúc xe đang chạy nhanh, đạn đại bác bắn tung xe xuống hố, thì ngực anh đập vào tay lái xe và anh bị kẹt giữa những bức vách của phòng lái xe. Trung úy cho đưa anh lên xe. Anh đặt nạn nhân lên trên chiếc áo khoác mới chưa mặc lần nào mà anh mang theo, bọc kỹ lưỡng trong một cái bao vải. Anh ngồi ở cuối xe, để đầu nạn nhân vào lòng anh, ra lệnh cho tài xế:

- Chạy nhanh được bao nhiêu thì chạy, nghe!

Anh đỡ đầu nạn nhân rất cẩn thận, và mắt mờ màng, anh mỉm cười với một giấc mộng xa xôi.

Mãi đến gần tối, cam nhông mới tới một làng nhỏ mà con mắt chuyên môn đoán được dễ dàng là nơi đóng cơ quan của Bộ chỉ huy một đơn vị không quân. Dây điện giăng qua những cây anh đào và cây bôm lá cành bám bụi. Dây điện còn giăng lên hàng rào, lên cần trục nước ở mấy cái giếng, trên khắp những cây cột. Trước các nhà, dưới mái hiên rơm thường thấy những chiếc xe du lịch, những xe díp bẹp nhúm. Thỉnh thoảng, qua kính của những cửa sổ nhỏ, trông thấy những quân nhân đội mũ cát kết xanh dương, nghe thấy tiếng máy đánh chữ lách tách và, trong gian nhà nhỏ, nơi mà các đường dây đều tập trung về, cũng nghe thấy rào rào tiếng kỳ diệu điện tín Moóc đập nhịp đều. Làng nhỏ này cách xa tất cả đường lớn, nhỏ, nằm giữa thảo nguyên hoang vu như để chứng tỏ đời sống ở đây êm đềm và tốt đẹp biết bao trước khi quân phát xít xâm lăng. Ngay cả cái ao nhỏ đầy bèo vàng cũng còn đầy nước. Đó là một khoảng tươi mát long lanh dưới bóng những cây dương liễu già, và rẽ đường đi qua cỏ rậm, hai con ngỗng mỏ đỏ, lông trắng như tuyết, rũ lông và lướt trên mặt nước.

Mấy người để thương binh lại gian nhà cây, nơi cờ hồng thập tự đang bay phấp phới. Rồi chiếc xe cam nhông nhỏ từ từ vào làng, đậu trước một

căn nhà sạch sẽ của trường học. Chỉ cần nhìn sổ sợi dây chuyền vào nhà qua một lỗ cửa sổ kính đã vỡ và nhìn anh binh sĩ đứng gác ở bậc lên cửa, lăm lăm cầm khẩu tiểu liên trước ngực, cũng đã biết đó là cơ quan tham mưu.

- Tôi muốn gặp đồng chí chỉ huy trung đoàn.

Trung úy hỏi sĩ quan thường trực đang điền chữ vào ô chữ đỏ trong tuần báo Hồng binh.

Thanh niên chú ý thấy trung úy trước khi bước vào cơ quan tham mưu đã, với một động tác hầu như tự nhiên, không cần suy nghĩ gì hết, kéo lại áo ngoài, vừa kéo vừa lấy ngón tay xiết lại nếp chỗ dưới dây lưng, và cái nút áo cổ. Anh cùng bắt chước làm theo. Anh bắt đầu ráng học tập từng li từng tí người bạn đồng hành của anh mà anh ưa lắm rồi, mặc dầu tính của bạn anh lắm lì.

Sĩ quan gác trả lời:

- Đại tá đang bận.

- Đồng chí nói giùm chúng tôi có công văn gấp của Phòng nhân sự Bộ tư lệnh.

- Đồng chí chờ cho một chút, đại tá đang nghe đoàn phi công thám thính vừa kể báo cáo. Đại tá đã dặn đừng quấy rầy. Vậy đồng chí ngồi chờ trong vườn.

Sĩ quan gác lại cúi đầu vào ô chữ. Còn các quân nhân vừa tới thì ngồi lên chiếc ghế dài nhỏ cũ ở sân, nay gai cỏ dại mọc đầy, nơi đây chắc là hồi trước chiến tranh bà giáo già dùng cơm mỗi buổi chiều hè. Qua cửa sổ mở, nghe rõ ràng hai giọng nói. Một giọng người ồ ồ, vui vẻ, đang báo cáo:

- Trên con đường này và trên con đường này nữa, có sự đi lại dồn dập, có những đoàn cam nhông lớn có lẽ tất cả đang đi về phía trận tuyến. Chỗ này đây, gần ngay nghĩa địa, trong một thung lũng, có xe cam nhông, xe tăng, tôi đoán phỏng có lẽ chúng đang thực hiện một cuộc tập trung lực lượng quan trọng.

Một giọng lạnh lạnh ngắt lời, hỏi:

- Tại sao anh lại đoán phỏng?

- Vì súng chống đỡ ủng hộ rất mạnh: đi qua được đã là khá lắm. Hôm qua đây thôi, nơi đây, không có gì cả, trừ khói mầy căn nhà bếp lưu động. Tôi đã bay là là, có xả súng bắn ít loạt tạm cho nếm mùi chút ít trước chơi thôi. Nhưng hôm nay, bay tới mà coi! Hỏa lực chúng đã mạnh thật là y như ở hỏa ngục vậy!... Chúng muốn bồi đắp bổ sung cho mặt trận. Chắc hẳn là thế.

- Còn trong khung vuông Z?

- Đây cũng nhộn nhịp, nhưng kém hơn. Chỗ này đây, gần một khu rừng nhỏ, có một đoàn chiến xa lớn đang tiến lên. Chừng trăm chiếc. Đoàn xe nối đuôi nhau dài chừng năm cây số, đi giữa ban ngày mà không nghi trang gì cả. Có thể là chúng định đánh lạc hướng chúng ta.... Chỗ này, và cả chỗ này nữa, cũng có pháo của chúng sắp xếp để bắn nơi hàng đầu trận tuyến. Có cả những kho đạn được giấu dưới củi đốt. Hôm qua không có gì cả, nay toàn là mầy kho lớn.

- Còn gì nữa không?

- Báo cáo hết! Thừa đại tá, có cần viết báo cáo không ạ?

- Báo cáo viết để làm gì cơ chứ? Anh đi ngay tới Bộ tham mưu của quân đội cho tôi. Còn báo cáo viết ấy à? Anh cho nó là cái gì đây cơ chứ? Ấy này! Đồng chí sĩ quan thường trực! Hãy lấy cái xe của tôi đưa đại úy tới Bộ tham mưu.

Phòng giấy của đại tá đóng ở một lớp học rộng. Trong phòng mà tường không có gì trang trí, chỉ thấy một cái bàn với những vali da, những máy điện thoại lưu động, một cặp lớn đựng bản đồ, với một tấm biển đỏ cùng bút viết chì đỏ. Đại tá, một người thấp vóc, nhưng to ngang và lạnh lẽ, tay chấp sau đít, đi lại trong phòng. Vì mắc suy nghĩ, ông đi qua lại hai lần trước mặt hai phi công đang đứng nghiêm chờ lệnh, rồi ông đột nhiên ngừng lại trước mặt hai người, nghinh bộ mặt răn rỏi và khô khan với dáng điệu như hỏi muốn gì.

Trung úy nước da bánh mật, sửa lại bộ đứng, đập gót giày vào nhau trả lời:

- Trung úy Alếchxây Mêrétxép. Tôi được bổ nhiệm đến trung đoàn này.

Đến lượt thanh niên, anh cố đứng nghiêm cho thật đúng kiểu hơn nữa, đập gót thật mạnh hơn nữa trên sàn phòng, nói:

- Trung sĩ nhất Alếchxăng Pêtrốp.

Thủ trưởng cơ quan, giọng như cẩu gât, tự giới thiệu:

- Đại tá Ivanốp. Các anh có công văn không?

Bằng một cử chỉ rất chuẩn xác, Mêrétxép rút công văn ở cặp đựng bản đồ trao cho đại tá. Đại tá đọc nhanh và đưa mắt nhìn qua hai người mới tới.

- Tốt. Các đồng chí tới thật đúng lúc. Chỉ tiếc là tới ít thế này thôi!

Rồi đột nhiên, đại tá nhớ tới chuyện gì, nét mặt thoáng tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Xin lỗi. Đồng chí Mêrétxép hả? Đồng chí tổng tham mưu không quân có kêu điện thoại nói chuyện với tôi về trường hợp đồng chí. Ông cho biết đồng chí...

Alếchxây chẳng chú ý chi tới lễ độ quân nhân, ngắt ngang:

- Dạ. Không hề gì đâu, thưa đồng chí đại tá! Đồng chí có cho chúng tôi được nhận công tác ngay không?

Đại tá nhìn tận mặt trung úy một cách tò mò và gật gù, mỉm cười ra vẻ bằng lòng:

- Được rồi, được rồi! Sĩ quan thường trực đâu! Dẫn các đồng chí ra gặp tham mưu trưởng. Nói là tôi dặn cho họ ăn cơm và xếp chỗ cho họ ngủ. Cũng nói luôn tôi đã xuống lệnh cho họ gia nhập phi đội của đại úy Vệ quốc Sétlốp. Thi hành ngay!

Pêtrốp thấy đại tá hơi loảng quảng. Còn Mêrétxép thì thấy ông dễ thương lắm. Anh thích những người quyết định mau, hiểu biết mau, nghĩ đúng và giải quyết lẹ. Anh không quên cuộc báo cáo thám thính mà lúc chờ ở vườn, anh đã tình cờ nghe được. Có những bằng cứ rất rõ rệt khiến một quân nhân không thể nghi ngờ gì cả. Những con đường nghẹt đầy xe cộ mà các anh vừa đáp nhờ xe đi từ Bộ tham mưu của quân đội tới đây, điều lệnh nghiêm mật của bộ đội gác đường ban đêm trên các nẻo đường, buộc các xe phải nghi trang và hãm cả bắn súng vào những xe trái kỷ luật, số đông

xe tăng, xe cam nhông và súng đạn đại bác nghi trang nằm trong rừng bulô cách xa những ngã đường lớn ra mặt trận, việc chính mình bị máy bay săn địch của Đức tấn công trên một con đường mặc dầu là hoang vắng, xuyên qua đồng ruộng, tất cả những cái đó chỉ cho Mêrétxép thấy rằng tình hình yên ổn trên chiến tuyến sắp không còn nữa, và không bao lâu nữa, quân Đức chuẩn bị sẽ làm bậy cái gì đó ở khu vực này, nhưng Bộ Tổng tư lệnh quân đội Liên Xô đã biết trước rồi, đang sửa soạn đập lại.

2

Trung úy nôn nóng như ngồi trên đồng than hồng. Anh không chờ cho Pêtrốp kịp ăn tráng miệng. Hai người nhảy lên chiếc xe cam nhông chở nước, chở xăng đi ngang qua, để ra phi trường, mở trên một đồng cỏ gần làng. Ở đây, hai người đã gặp đại úy Vệ quốc Sétlốp, chỉ huy phi đội của mình. Đại úy Sétlốp có vẻ cau có, lầm lì, nhưng chắc là một người cực kỳ là tốt. Không nói nhiều, đại úy dẫn hai người đến những lổm đất có cỏ xanh che, dùng làm nơi chứa đựng máy bay LA-5. Phi cơ nằm đó, mới tinh, sáng nhoáng dưới lớp sơn bóng xanh. Hai phi cơ giao cho hai người mới có ghi số 11 và 12. Hai người ở cả buổi chiều ở trong rừng bulô thơm phức, nơi đây cả tiếng gầm vang của phi cơ cũng không thể át nổi tiếng ca đồng thanh lãnh lót của chim. Hai người bàn tán gần bên phi cơ, với thợ máy mới của mình; những người này cho các anh biết về sinh hoạt trong trung đoàn. Câu chuyện vui đến nỗi hai người phải đáp chuyển cam nhông cuối cùng mà về làng. Trời tối rồi, và anh em đã ăn xong cơm chiều. Nhưng hai người không lo gì cả về điều ấy. Vẫn còn lương khô đi đường trong bị. Nhưng bây giờ ngủ ở đâu, lại là chuyện khác. Lùm cây nhỏ đó trong cả một vùng cỏ hoang này đã phải chứa rất nhiều khách là các đoàn phi công và các nhân viên thuộc hai trung đoàn không quân đang đóng ở đây. Sau khi đã đi sục sạo khắp mấy căn nhà cây, đều đã đông nghẹt, và phải cãi lộn hàng loạt lần với những người đang ở, vì không muốn nhận những người mới đến nằm thêm, và sau bao nhiêu loạt ý kiến có vẻ triết học lắm về lợi ích của những nhà cây co giãn được như cao su, thì viên chỉ huy ở đây, cuối cùng, đẩy các anh vào một căn nhà đầu tiên mà ông thấy, và nói:

- Thôi, các đồng chí ở tạm đây một đêm, mai sẽ hay.

Trong gian nhà nhỏ, đã có tới chín người. Các phi công đã ngủ từ sớm rồi. Một ngọn đèn dầu leo lét làm bằng vỏ đạn đại bác phía trên đập dẹt lại, mà người ta thường kêu thời đầu chiến tranh là “Bé con Lacátrin”, rồi sau kêu là “Stalingorát”, đang tỏa ánh sáng lờ mờ, soi không rõ bóng những

người ngủ. Có người nằm trên giường, người trên ghế dài, người dưới đất, trên những bó rơm cỏ phủ một lớp vải bạt.

Ngoài chín quân nhân, lại còn có trong gian nhà một bà lão và cô con gái nằm trên cái lò lớn kiểu Nga, cho rộng chỗ chút ít.

Hai người mới tới phải đứng lại ở ngưỡng cửa một lát, vì không biết làm sao len chân bước qua mình những người đang ngủ. Từ phía trên, là tiếng bà lão gắt gỏng:

- Không được đâu! Không được đâu! Các anh không thấy chen chặt cứng rồi à? Chỉ có cách treo các anh lên trần nhà thôi.

Pêtrốp đã lui lại định bước trở ra, nhưng Mê-rét-xép rón rén tiến tới gần cái bàn, ráng không cho đụng các người đang ngủ.

- Cụ ơi! Tội tôi chỉ muốn kiếm chỗ nhỏ ngồi chén cái thôi. Từ sáng tội tôi chưa có gì trong bụng cả. Cụ bà cho mượn cái đĩa và hai cái tách được không? Còn ngủ, đừng lo cho tội tôi; ra sân ngủ cũng được, độ này trời hè mà.

Gần chỗ bà nằm, phía sau lò, hai bàn chân trần lộ ra. Một bóng người nhẹ nhõm, thon thon, lướt nhẹ ra và nhón gót bước qua mình mấy anh đang ngủ, rồi biến mất, để một lát sau trở lại, mang theo đĩa, tách, không cùng kiểu, tòn ten trên đầu mấy ngón tay.

Lúc đầu, Pêtrốp tưởng là một em gái bé. Nhưng khi cô đến gần bàn và ánh đèn vàng lọt chiếu rõ bộ mặt cô, anh thấy đó là một thiếu nữ, lại rất ngộ nữa, và lại đang tuổi dậy thì. Nhưng cô mặc đồ không tôn cô lên chút nào, chỉ có chiếc bờ-lu nâu, chiếc duýp bằng vải sô, chiếc khăn quăn trước ngực rồi buộc ra sau lưng, giống như cách ăn mặc của một bà lão.

Bà lão vẫn ở phía trên lò, đay nghiến:

- Marina, Marina, có về ngay đây không, con kia!

Không nhú mào, thiếu nữ đặt một tờ báo sạch lên bàn thay khăn bàn và đặt đĩa, tách, thìa, đĩa lên, mắt liếc nhìn Pêtrốp:

- Chúc các anh ăn ngon miệng! Có cần cắt nhỏ hay hâm đồ ăn gì không? Tôi làm nhanh giùm cho. Nhưng ông chỉ huy lại cấm đặt lò ngoài sân.

Bà lão lại la:

- Marina, lại đây nào!

- Các anh đừng chú ý tới bà nhà tôi. Bà quen tính vậy rồi đấy. Bà không sáng suốt đâu óc nữa đâu. Bọn giặc Đức làm bà nhát sợ đi đấy. Khi thấy lính, ban đêm, là bà muốn giấu tôi đi ngay. Các anh đừng giận bà nhé. Tính bà chỉ khó ban đêm thôi, còn ban ngày bà là một người đàn bà chẳng ai dễ thương bằng.

Trong balô của Mêrétxép còn dồi thịt, đồ hộp và cả hai con khô muối ướp sáng bóng và một miếng bánh mì của quân nhân. Pêtrốp không tiết kiệm bằng, nên chỉ còn chút thịt và bánh bítquy. Với hai bàn tay nhỏ bé, Marina xếp đặt tất cả đồ ăn trên đĩa. Cặp mắt cô có đôi hàng mi dài che phủ, càng năng liếc nhìn Pêtrốp, còn Pêtrốp thì cũng nhìn trộm cô hoài. Khi hai cặp mắt gặp nhau, cả hai mắc cỡ, ngượng ngùng quay đi. Hai người không dám nói thẳng với nhau, nói gì với nhau đều qua Mêrétxép cả. Alếchxây thấy đôi thanh niên đưa tình, cũng vui vui, và anh cũng thấy đôi chút băng khuâng. Cả hai đều còn trẻ sao! Bên họ, anh tự thấy mình già và cần cỗi rồi.

Anh hỏi:

- Này bé con Marina, xem có may ra còn miếng dưa leo muối không?

Thiếu nữ mỉm cười trả lời:

- May ra còn chứ!

- Mà em cũng có vài ba củ khoai luộc chín sẵn chứ?

- Nếu muốn thì kiếm cũng sẽ ra.

Cô lại trở ra, nhón gót chân bước qua mình anh em đang ngủ, đi im lặng, nhẹ nhàng giống như con bướm bướm.

- Đồng chí trung úy! Sao anh lại ăn nói với cô ấy như vậy? Cô thiếu nữ ấy, anh chẳng quen, vậy mà dám gọi cô bằng em và dám xin dưa leo...

Alếchxây phá lên cười:

- Đây là đâu đấy, anh bạn? Đây là mặt trận. Này, cụ! Cẩu nhàu, cẩu nhàu thế đủ rồi, thôi xuống chén với chúng tôi!

Bà lão, vừa lẩm bẩm, vừa rầy rà, đã từ phía trên lò xuống và đến ngồi gần mấy miếng dồi thịt mà, theo bà nói, thời bình bà rất ưa thích.

Cả bốn người ngồi quanh bàn, ăn uống ngon lành, trong lúc mấy anh kia vẫn ngủ, ngáy khò khò. Alếchxây rất vui chuyện, anh trêu bà lão và chọc cười Marina. Thế là cuối cùng anh đã sống trở lại cuộc đời quân nhân nơi trú quân, cuộc đời mà anh đã quen thuộc, và anh thưởng thức đầy đủ hương vị của cuộc đời này giống như một người đã lặn lội lâu nơi xa, nay trở về quê hương của mình.

Sau bữa ăn tối, thì hai anh bạn đã biết được nhiều chuyện. Làng này sở dĩ còn nguyên vẹn vì có một bộ tham mưu Đức chiếm đóng trước đây. Khi quân đội Liên Xô tiến tới, bộ tham mưu này rút lui gấp, không kịp phá hủy. Bà lão đã mất trí từ khi quân Hítler hiếp cô gái lớn của bà trước mặt bà, rồi ném cô xuống ao. Còn Marina thì, trong tám tháng giặc Đức chiếm đóng, cô ở lại làng, nhưng đã không được thấy ánh mặt trời, vì phải sống trong một căn nhà, trước cửa thóc, sau không dùng nữa, lấy rơm rạ cùng gạch ngói đổ nát che kín lối ra vào. Cứ đêm đêm, bà già đem cơm nước cho con ăn uống, qua một cái lỗ thông hơi. Alếchxây càng nói chuyện với cô gái thì cô càng nhìn Pêtrốp hoài, và qua cái nhìn vừa khêu gợi lại vừa e dè của cô, thấy rõ là cô không giấu nổi lòng thán phục đối với anh ta.

Ăn xong, Marina, bằng đôi tay nội trợ rất khéo, thu dọn đồ ăn còn lại và nhét vào bị của Mêrétxép. Biết đâu đấy! Số đồ ăn ấy bao giờ cũng có thể có ích cho một quân nhân. Rồi cô nói nhỏ với bà lão và công bố một cách cương quyết:

- Đó! Đồng chí phụ trách đã xếp cho các anh ở đây ngủ, thì các anh cứ việc ngủ trong này. Các anh lên trên cái lò này mà ngủ, để tôi với má tôi ra nhà chứa lúa nghỉ được rồi. Đi mệt, các anh hãy nghỉ ngơi đã. Ngày mai, sẽ sắp đặt chỗ cho các anh.

Cô lại nhón gót bước qua mấy người đang ngủ, nhẹ nhàng như trước, để chạy ra sân quơ một đồng rơm rải trên mặt lò, và thu dọn mấy nùi dẻ xếp làm gối cho khách. Cử chỉ của cô nhanh nhẹn, dịu dàng và đẹp mắt, giống như cử chỉ một con mèo.

Mêrétxép khoan khoái duỗi mình trên rơm, duỗi mạnh đến nỗi khớp xương kêu răng rắc, và nói:

- Cô ả xinh ghê, hả?

Pêtrốp làm ra bộ lạnh lùng, trả lời:

- Nói thật ra thì cũng không xấu.

- Cô ả nhìn cậu như muốn nhai ngấu nhai nghiền đi được...

- Cô ả nhìn tôi nhiều, nhưng lại cứ nói chuyện với anh hoài...

Một phút sau, đã nghe tiếng anh thở vừa đều hơi lại vừa đều đặn, tiếng thở của một người ngủ ngon. Còn Mêrétxép thì vẫn thức. Nằm ngửa trên rơm thơm mát, anh thấy Marina bước vào bước ra, vẻ như muốn tìm kiếm vật gì. Đôi lúc cô nhìn trộm phía trên lò. Cô sửa lại ngọn đèn trên bàn, nhìn lên lò lần cuối nữa và êm nhẹ bước qua mình mấy người đang ngủ. Nhìn thấy cô gái xinh đẹp và thanh tú đó mặc quần áo rách rưới lam lũ, Alếchxây buồn nhớ băng khuâng. Hai anh thế là đã có công tác. Ngày mai là hai người được cử đi chiến đấu trận đầu. Anh đi đồng đội cùng với Pêtrốp: Mêrétxép điều khiển cuộc tuần tiễu và Pêtrốp phụ anh trong phi đội. Rồi kết quả là ra sao? Dù sao, anh này là một thanh niên tốt! Mà ấy thế là cô bé Marina ngay phút gặp đầu tiên đã mê tít. Nhưng bây giờ, thì phải ngủ đi đã.

Mêrétxép nghiêng mình, xoay xoay một lát trên rơm, nhắm mắt lại, rồi thiếp đi, ngủ mê mết.

Anh giật mình, kinh hoàng, tỉnh dậy. Anh không hiểu ngay chuyện gì mới xảy ra, nhưng với thói quen của một quân nhân, anh nhóm dậy, quơ súng lục. Anh không nhớ chút gì về chỗ mình ngủ, cũng không nhớ chi cả mình đến đây làm gì. Mùi khói cay sè như có mùi tỏi bốc lên quanh anh. Nhưng khi có luồng gió đánh bật lớp khói đen đặc ấy, Alếchxây thấy trên đầu anh những ngôi sao lớn vô cùng đang lấp lánh với một ánh sáng dị kỳ. Trời sáng như ban ngày, và thấy rõ những khúc cây trên của gian nhà cây rải rác tứ tung, như những que diêm quệt, thấy rõ đòn tay nhà bị bứt tung và lộn ngược, trông lờm chờm như răng vậy. Xa xa, một đám, trông không ra hình thù gì, đang cháy đỏ rực. Anh nghe tiếng rên rĩ, tiếng máy gầm của

máy bay trên trời, cùng cái tiếng gào kinh tởm làm rợn đến tận xương, tiếng gào của bom dội xuống mà anh nghe quen thuộc.

Anh thấy Pêtrốp cũng đã nhòe dậy, quỳ gối trên cái lò còn đứng lại giữa đám vật liệu xây nhà đổ nát và bàng hoàng nhìn bốn phía quanh mình; anh la lên:

- Nằm xuống!

Cả hai nằm ép xuống gạch, dẫn mình xuống gạch, và ngay lúc đó một mảng bom lớn làm tung ống khói lò bếp, làm cho một thứ bụi đỏ, ngửi như mùi đất sét khô, rơi lả tả xuống, phủ hai người từ đầu đến chân.

- Đừng nhúc nhích, cứ nằm ẹp đấy! - Mêrétxép vừa ra lệnh vừa dẫn mình không cho nhòe lên, chống lại cái muốn điên cuồng là đứng lên chạy, chạy đâu thì chạy, cái ý muốn mà ai nấy đều cảm thấy khi gặp trận oanh tạc đêm.

Không thấy oanh tạc cơ đâu. Chúng bay trên cao tối đen, phía trên hỏa châu sáng rực đất. Nhưng nhờ ánh sáng mập mờ của hỏa châu, thấy rõ những trái bom rơi xuống, khi nó tiến vào vùng có ánh sáng, thấy rõ nó ngày càng lớn dần, mau chóng, giống như những giọt nước đen khổng lồ, trong lúc đó, ở dưới, lửa đỏ của bom nổ uốn quăn quèo, phun lên trong bóng tối đêm hè. Tưởng đâu như đất đang vỡ tung và kêu la đau đớn.

Hai phi công cứ nằm ép mình trên cái lò, nó rung rinh và cứ mỗi khi bom nổ lại giật bắn lên. Cả hai, nghe theo linh tính, nằm ép toàn thân xuống gạch. Hai anh áp mình, áp mặt, áp tay chân xuống, như muốn chôn mình, hòa mình vào gạch. Rồi tiếng động cơ xa dần, và bấy giờ thì nghe thấy tiếng trái châu xẹt lửa có cột dù, rít lên khi xuống đến nơi, cùng tiếng lửa cháy đốt nốt vật liệu đổ nát, nổ lẹt đẹt ở bên kia phố. Mêrétxép giữ áo quần cho hết rơm rạ vôi bụi, làm ra bộ bình tĩnh nói:

- Chúng mình được tiếp rước thật ra trò!

- Thế còn các anh ngủ ngoài kia?

Pêtrốp lo lắng vừa cố dẫn không cho bất giác nấc lên, không cho răng run lập cập, vừa nhắc thêm:

- Còn Marina?

Hai người từ trên lò bước xuống. Mêrétxép có đèn bỏ túi. Hai người chiếu xuống đất, kiểm khắp căn nhà cây đổ nát, rải rác ván và đòn tay. Nhưng chẳng có ai. Về sau hai người mới biết rằng các anh phi công kia nghe báo động đã đủ thời giờ ra và xuống hầm rồi, Pêtrốp và Mêrétxép kiểm kỹ trong đồng gạch vụn. Không thấy Marina và bà mẹ đâu. Không ai trả lời khi các anh gọi. Hai mẹ con đi đâu? Có kịp chạy đi, trốn khỏi không?

Những đoàn bộ đội tuần tra đã đi các phố lập lại trật tự. Đội công binh cứu hỏa đã dập tắt ngọn lửa, dọn dẹp gỗ vôi đổ nát, lôi ra những xác chết và những người bị thương. Trong đêm tối, gọi tên các phi công ra mà kiểm điểm lại. Trung đoàn được lệnh dời cơ quan đi ngay. Các nhân viên phi hành được lệnh tập trung tại sân bay để sáng mai cất cánh thật sớm. Theo tin tức đầu tiên, thiệt hại về người không nhiều lắm. Một phi công bị thương, hai thợ máy tử nạn, cùng mấy quân nhân gác đêm không bỏ vị trí đang khi oanh tạc. Có thể là thường dân bị thiệt hại nhiều. Nhưng trong đêm tối và trong lúc ồn ào, khó mà biết rõ được.

Sáng hôm sau, khi ra phi trường, bất ngờ Mêrétxép và Pêtrốp phải đứng lại hồi lâu trước đồng gỗ vôi vụn của gian nhà nhỏ mà các anh đã ghé ngủ hồi hôm. Từ trong đám rui kèo và mảng cây, thấy khiêng ra một băng ca phủ tấm khăn đờn nhuộm máu đỏ lôm...

Pêtrốp mặt tái xanh như linh tính báo gì, hỏi:

- Ai đó?

Một quân nhân công binh lớn tuổi, có râu mép, trông giống như Stêpan, khiêng băng ca phía trước, trả lời:

- Một bà lão với một cô gái còn trẻ măng, bị vùi trong nhà hầm. Hầm sụp, cả hai bị đè bẹp. Chết liền. Cô gái đã lớn hay còn là một em bé, không rõ lắm; nhưng chắc hẳn là còn sống, thì kháu lắm. Bị một tảng đá trúng giữa ngực. Nhỏ bé như đứa con nít, mà xinh đẹp thì như trái tim vậy thôi...

... Đêm đó, quân đội Đức đã tấn công kịch liệt lần cuối cùng, tiến vào xung kích phòng tuyến Liên Xô. Đó là màn đầu của trận đánh trên trận tuyến Cuốcscơ, một trận đánh đưa chúng tới bước đường cùng.

3

Mặt trời chưa lên. Trời mùa hè, đêm ngắn, và lúc đó là lúc tối tăm nhất đêm, vậy mà tiếng máy nổ ran đã rộn ràng trên phi trường tiến quân, để động cơ ấm sẵn. Đại úy Sétlốp đã trải bản đồ trên cỏ ướt sương và chỉ cho các phi công trong phi đội con đường phải bay và nơi phải hạ cánh tập hợp nhau.

- Phải nhìn cho kỹ, đừng để mất liên lạc bằng mắt. Sân bay ở gần ngay trận tuyến hàng đầu.

Đúng vậy, cơ quan mới đóng ngay ở trên trận tuyến, có ghi bút chì xanh trên bản đồ, ở ngay trong một miếng đất nhỏ, sâu vào trận địa của bọn Đức. Ta đổi chỗ, là tiến lên phía trước trận tuyến, chứ không phải lui về phía sau. Các phi công đều mãn nguyện: dù quân Đức đã đánh trước, nhưng quân đội Xô viết đã không chuẩn bị lùi, mà chuẩn bị tiến lên. Ánh mặt trời vừa ló rạng, phi trường còn đương ấp ủ trong những cuộn sương mù hồng hồng, thì phi đội thứ hai đã cất cánh bay theo chỉ huy, và các máy bay trông theo nhau mà bay thẳng về phía nam. Mêréxép và Pêtrốp cùng bay với nhau lần đầu tiên, nên hai anh có thể nói là gắn chặt với nhau. Trong mấy phút bay đó, Pêtrốp đã đủ để đánh giá tài điều khiển vững chắc, không ai phủ nhận được, của người chỉ huy mình. Về phần mình, Mêréxép cố ý thử lượn vài lần ngắt ngang và đột ngột trong khi bay, và anh đã có dịp thấy được người trợ thủ của mình có cặp mắt rất tinh, gân cốt vững chắc, và cái điều mà anh thích hơn cả, là thấy rằng, mặc dù anh còn lúng túng nhưng tác phong điều khiển phi cơ của anh rất hay.

Trường bay mới, ở ngay trong khu vực của một trung đoàn bộ binh pháo thủ. Nếu giặc Đức dò biết được, thì chúng nã pháo cỡ nhỏ vào, hay dùng máy bắn mìn cỡ lớn mà bắn cũng được. Nhưng chúng còn phải bù đầu về những cái gì khác là cái phi trường này, ở đâu đến nằm ngay trước mũi chúng. Nửa đêm chúng đã bắn vào tuyến phòng thủ của Hồng quân và đã xả hết mọi cỡ súng chúng đã tập trung được ở đây từ mùa xuân qua, mà bắn. Cả một vùng ánh sáng lớn đỏ rực, cứ từng lúc, phun tóe, bắn lên trời

rất cao phía trên vùng căn cứ này. Đạn nổ che lấp tất cả mọi thứ tiếng và khung cảnh nơi đây như biến thành một khu rừng dày đặc có cây cối đen sì từ dưới đất trong nháy mắt mọc lên. Khi mặt trời mọc lên, ánh sáng không chiếu xuống đất nổi; trong bóng âm u, ào ạt tiếng rít, tiếng nổ, tiếng gầm vang, chẳng ai thấy gì cả, và mặt trời treo lơ lửng trên trời như một chiếc bánh tráng bệt màu đỏ bần.

Các phi cơ Liên Xô không mất công vô ích trong hơn một tháng bay thám thính trên những căn cứ Đức. Mọi kế hoạch của Bộ tư lệnh Đức đã được thấy rõ từ lâu: những vị trí và căn cứ tập trung lực lượng của chúng đã được ghi trên bản đồ, trong từng ô vuông. Bọn Hítle định theo thói quen ra sức cầm ngấp mũi dao của chúng giữa đôi vai của địch thủ đang ngủ. Nhưng địch thủ chỉ nhắm một mắt. Địch thủ nắm lấy bàn tay đang cầm dao và bàn tay đó đã bị tê liệt vì bị bóp gãy trong nắm tay khổng lồ, mạnh như sắt thép, của một người khổng lồ. Tiếng âm ì của chúng bắn đại pháo mở đường tấn công, bao trùm lên hàng chục cây số trận tuyến, chưa kịp dịu đi, khi bọn Đức hãy còn oanh tạc với những loạt súng vang lừng chúng bắn, còn mờ mắt vì khói thuốc súng bao bọc vị trí của chúng, thì, ngay lúc đó, những cục lửa tròn đã xả vào hầm trú ẩn của chúng mà nổ. Đại bác của Liên Xô bắn rất trúng đích. Đạn Liên Xô không bắn từng làn xối xả như Đức, mà nhắm mục tiêu nhất định, những nơi tập trung đại pháo, xe tăng hay lực lượng đã sẵn sàng bố trí thành hàng để tiến đánh, những cầu, những kho đạn, hầm, những nơi trú ẩn có bọc sắt, cùng những cơ quan chỉ huy.

Bọn Đức bắn đại pháo đã mở đường tấn công, thì nay hóa ra một cuộc chơi đại pháo, mỗi lần sử dụng hàng chục ngàn khẩu đại bác đủ các cỡ. Khi máy bay của phi đội Sétlốp hạ cánh, đất rung lên dưới chân các phi công, và tiếng đạn nổ liên tiếp rất gần đến nỗi nó hòa thành một tiếng âm âm không lúc nào dứt, tưởng chừng như tiếng một đoàn xe lửa khổng lồ đang chạy trên một chiếc cầu sắt vừa rú, vừa gầm, không lúc nào ngừng. Khói tập hợp thành những đám mây ghê gớm bao bọc chân trời. Trên phi trường nhỏ này của trung đoàn, từng đợt phi cơ oanh tạc bay qua liên tiếp, lúc bay thành hàng dọc, lúc bay thành hình chữ Y như đàn sếu bay qua, lúc lại bay

tỏa ra, và tiếng bom chúng thả, nổ ra gầm vang như sấm, lẫn lộn với tiếng súng đại bác nổ rền, đều đặn.

Các phi đội được lệnh báo động số 2, nghĩa là các phi công không được ra khỏi phòng máy bay, phải luôn luôn sẵn sàng cất cánh, một khi thấy hỏa châu bắn lên làm hiệu. Máy bay đậu thành hàng ở bìa rừng cây bulô được nghi trang bằng lá cây. Từ trong rừng, một luồng gió rừng, và một đàn muỗi, mà tiếng vo ve bị tiếng súng đại bác át đi, ào tới, hăng say tấn công nơi mặt, tay và cổ các phi công.

Mêrétxép đã bỏ mũ xuống, và, một tay quơ nhẹ đuổi muỗi, anh đắm chìm trong một cuộc mơ màng, suy nghĩ, có hương rừng buổi sáng bao phủ chung quanh. Bên cạnh anh, máy bay của đồng đội cũng được nghi trang kỹ. Đôi lúc, Pêtrốp nhảy lên khỏi ghế, leo lên máy bay theo dõi các cuộc chiến đấu, hay nhìn theo những oanh tạc cơ. Anh nôn nóng muốn bay lên thử sức lần đầu tiên trong đời mình với kẻ thù thực và xả các luồng súng dọc ngang nguy hại của mình, không phải tới một trái ba lông nhỏ bằng vải gió thổi phồng ra, buộc dây cho một chiếc R-5 kéo theo, mà là tới một phi cơ địch, đã sinh động lại lạnh lẽo. Biết đâu, trong máy bay địch, lại chẳng có co mình như con ốc trong vỏ, chính tên giặc đã thả bom giết chết cô gái thanh thanh và xinh đẹp nhường ấy đã hiện ra trước mắt anh như một giấc mộng đẹp.

Mêrétxép chú ý quan sát chiến hữu của mình, nhìn anh ta loảng quảng, xúc động, và anh nghĩ bụng rằng hai người cũng sắp xỉ nhau: anh kia 19, mình 23, chớ có chênh nhau chi lắm cho cam. Khác nhau ba, bốn tuổi đâu có ăn thua gì? Nhưng bên người chiến hữu đó, anh thấy anh thực là già dặn, cứng rắn và khôn ngoan, quen những cơn thử thách. Trong lúc Pêtrốp xoay trở hoài trong buồng cầm máy, xoa tay, cười vầy chào những chiếc Iliusin của mình bay qua, thì Mêrétxép ngồi kể êm mình trong ghế bành da của mình. Anh bình tĩnh. Không có chân, anh bay khó hơn mọi phi công nào khác, không sao so sánh được, nhưng điều đó không làm cho anh lo ngại mảy may. Anh tự tin ở mình và tin ở cặp chân mới của mình.

Trung đoàn cứ giữ lệnh báo động số 2 như thế tới chiều tối. Đơn vị được giữ làm dự trữ như thế vì một lý do gì đó. Chắc vì chưa muốn phô lộ sớm quá.

Muốn ngủ đêm, thì ở đây có những căn nhà nhỏ do bọn Đức, có ở ít lâu trước, đã dựng lên, đã sửa sang nơi đóng quân này bằng cách, lấy bìa cứng và giấy bọc hàng để lợp tạm. Trên tường còn có những bưu ảnh, với những hình đào hát bóng có những cặp môi dày khêu gợi và những hình tô màu của các tỉnh thành Đức. Cuộc chiến đấu bằng đại pháo vẫn cứ tiếp tục. Đất run lên. Cát khô rơi lả tả trên giấy, làm cho cả căn nhà rung động, y như bị một ăn lạo xạo.

Mêrétxép và Pêtrốp quyết định ngủ ngoài trời, giải vải tăng ra mà nằm. Lệnh là phải để nguyên quần áo mà ngủ. Mêrétxép chỉ nới dây da buộc chân giả của anh ra thôi, và nằm ngửa, anh nhìn trời đang rung mình vì những luồng ánh sáng đỏ ối của bom đạn nổ tung. Pêtrốp ngủ ngay. Khi ngủ, anh ngáy khò, càu nhàu gì đó và mấp máy môi, mình để cuộn lại như một đứa bé. Mêrétxép ném chiếc áo khoác của mình lên người anh ta. Anh cảm thấy mình không ngủ được, liền đứng dậy; hơi ẩm ướt làm cho anh rung mình, anh cử động mấy cái cho nóng người và ngồi xuống trên một gốc cây.

Tiếng đại bác ran như sấm, nay im dần. Đôi lúc, đó đây còn một khẩu bắn ra một đợt lộn xộn. Vài trái đại bác bay lạc qua, rít phía trên đầu anh và rơi ra phía bên kia sân bay. Thường gọi đó là bắn quấy rối, nhưng, nói chung thì trong lúc chiến tranh, nó chẳng quấy rối ai cả. Alếchxây chẳng buồn quay lại nhìn đạn nổ sau lưng anh nữa. Anh nhìn về phía mặt trận. Trong đêm tối, nhận thấy rõ chiến tuyến, và ngay giờ đây, trong đêm tối mịt, chiến tuyến sống mãnh liệt, và cuộc chiến đấu thực ra không hề có một chút nào dịu đi. Trên mặt đất đang yên ngủ, trận địa vạch ra một thứ bình minh đỏ rực như đốt cháy cả chân trời. Lửa hỏa châu đỏ lên, rồi tắt đi lần lượt giống như những ngọn đèn pha, đèn ấy tỏa ánh sáng biếc phía Đức và ánh sáng vàng phía Liên Xô.

Từng chập, một ngọn lửa chói lòa lại bùng lên, như nhấc lên trong giây phút màn bóng tối, và ngay sau là nghe thấy tiếng thối nặng nề của một trận nổ vang.

Bỗng nhiên, tiếng phi cơ oanh tạc đêm gầm lên. Dọc theo toàn bộ giới tuyến, những lần đạn dọc ngang bắt đầu bắn xả ra như dẹt cửi muôn màu. Những đợt súng phòng không tóe lên trời, giống như những giọt máu. Đất lại run lên, lại rít vang, lại rền rĩ. Những con bọ hung vo ve trong rừng cây bulô chẳng hề sợ hãi; trong rừng sâu, một con vọ bỗng hú như tiếng người, tiếng kêu điềm dữ. Trong thung lũng, dưới kia, giữa bụi cây, bớt những nỗi lo sợ ban ngày, một con họa mi lên tiếng hót, lúc đầu còn dè dặt, như để ướm tiếng nhạc cụ, sau nó ra sức lãnh lót từng hồi, say sưa bởi chính tiếng ca hót của mình. Những con họa mi khác họa lại, rồi chẳng bao lâu cả khu rừng này, chạm nơi tiền tuyến, vang lừng tiếng hót và rộn ràng tiếng líu lo thanh tú của đàn chim họa mi. Họa mi miền Cuốcsơ quả thực xứng đáng với danh tiếng của chúng đã được toàn thế giới ngợi khen từ trước!

Cả khu rừng thật như mê cuồng. Mai đây, Alếchxây được xét nghiệm trong chiến đấu, không phải bởi một ban kiểm tra nào nữa, mà là đứng trước chính tử thần. Anh không ngủ được, anh thức lắng nghe chim họa mi hót. Anh không nghĩ tới việc ngày mai, không nghĩ tới chiến trận, cũng không nghĩ tới cái chết không chừng đang chờ đợi anh, mà anh đang nghĩ tới một con chim họa mi xa xôi, con họa mi của anh và của nàng, đã vì anh và nàng nó hót ở một ngoại ô Camisin: anh đang nghĩ tới Onga và thành phố quê hương của mình.

Phương đông, trời trắng dần; tiếng súng đại bác át lần tiếng họa mi. Mặt trời lên cao dần phía trên bãi chiến trường - một vùng mặt trời lớn mênh mông, y như máu, và tia sáng thì vất vả lắm mới chiếu xuyên qua nỗi khói đen đặc của bom đạn nổ.

4

Chiến trận đang diễn ra khốc liệt tại tuyến nổi của Cuốcscơ. Theo kế hoạch ban đầu, Đức định dùng chiến xa đánh mạnh hai đòn, ở phía nam và phía bắc Cuốcscơ, bẻ gãy sức phòng thủ của quân đội Liên Xô, rồi khép gọng kìm lại, bao vây toàn bộ các quân đoàn Liên Xô miền Cuốcscơ, và như thế là làm được một “Stalingorát Đức”; nhưng kế hoạch đó đã gặp sức kháng cự mãnh liệt của phía Xô viết. Ngay những ngày đầu, bộ chỉ huy Đức đã thấy rõ là không tài nào tấn công thọc vỡ được phòng tuyến, và nếu thọc vào được thì cũng sẽ bị tổn thất nặng nề, đến nỗi không còn đủ lực lượng để đóng gọng kìm lại được nữa. Nhưng, ngừng lại không được nữa rồi; đã là quá trễ. Hítle đã đặt quá nhiều hy vọng về chiến lược, chiến thuật và về chính trị, trong cuộc hành quân này. Làn nước lũ đã ào chảy, nó đang cuộn cuộn xuống dốc rồi, khối lượng ngày càng lớn và cuốn theo cùng tất cả những gì gặp ở dọc đường, và chính những kẻ đã tung nó đi! Không thể ngừng nó lại nữa chừng được nữa. Bước tiến của Đức tính từng cây số, mà tổn thất thì lại phải tính từng sư đoàn, từng quân đoàn, tính từng trăm chiến xa và đại bác, tính từng ngàn xe cộ. Quân đội càng tiến lên, càng yếu dần, và máu đổ như xối nước trên đường tiến quân. Bộ tham mưu Đức đã thấy rõ nguy nan đó, nhưng chúng không còn có thể làm chủ được bước đi của thời cuộc nữa, và chúng bị bó buộc cứ phải ném thêm mãi trong lò lửa dự trữ mới của chúng.

Bộ chỉ huy Liên Xô đã đỡ được mũi nhọn của đòn địch, mà chỉ dùng đến những đơn vị có sẵn tại chỗ trên mặt trận thôi. Trước sự bức tức ngày càng mãnh liệt của bọn phát xít, bộ chỉ huy Liên Xô đã chồng chất lực lượng dự trữ về bề sâu, chờ lúc mũi nhọn của địch đi đến chỗ kiệt lực. Đến sau, Mêrétxép mới biết rõ trung đoàn của anh được nhiệm vụ bảo vệ một quân đoàn, đương tập trung lại không phải để phòng ngự, mà là để phản công. Vì vậy, trong giai đoạn đầu, các chiến sĩ chiến xa và phi cơ, mà hoạt động phải được phối hợp với nhau, thì chỉ đứng nhìn cuộc chiến đấu lớn. Khi quân giặc đã dốc toàn lực vào chiến trận, thì lệnh báo động được thu hồi. Quân

nhân phi cơ được về ngủ, lại có thể được thay quần áo để ngủ đêm nữa. Mêrétxép và Pêtrốp sửa soạn đồn trú của mình. Hai người xé bỏ hình đào chiếu bóng cùng những phong cảnh ngoại quốc, và cả những mảnh bìa và giấy mà bọn Đức đã dán, lấy cảnh thông và bulô trang trí tường, và không còn nghe tiếng cát rít lên trong chỗ các anh nằm nữa.

Một buổi sáng kia, lúc những tia nắng sáng sủa đã chiếu xuống những cành lá rải rác trên mặt đất nơi trú ẩn, đôi bạn đang duỗi mình trên một bộ giá kê dọc chân tường trong những chỗ hõm vào, thì nghe thấy bên ngoài tiếng bước chân đi vội vã. Một tiếng nói có sức nhiệm màu tại mặt trận, vang lên: Thư tới!

Cả hai cùng tung mền một lúc, và trong khi Mêrétxép còn buộc giày da nơi chân giả, thì Pêtrốp đã chạy theo kịp người phát thư của quân đội và hớn hở trở về, đem theo hai bức thư cho Mêrétxép: một của mẹ và một của Onga. Alếchxây giật thư trên tay bạn, nhưng trong lúc đó, tiếng keng đập trên một khúc đường ray vang lên, ra lệnh cho các đoàn phi công đến ngay máy bay ở phi trường.

Mêrétxép nhét thư ngay vào túi và, không nghĩ tới thư gì nữa, anh gắng chạy theo Pêtrốp trên con đường mòn nhỏ trong rừng, đi tới chỗ phi cơ được che giấu. Anh chạy khá mau lẹ, tay chống gậy, chân hầu như không tập tễnh. Khi anh đi tới trước máy bay của anh, thì người thợ máy, một cậu mặt rỗ, ưa vui nhộn, đã lột miếng vải che máy, và đang sốt ruột loay hoay bên cạnh phi cơ. Máy rồ, Mêrétxép nhìn chiếc máy bay số 6 do phi đội trưởng cầm lái. Đại úy Sétlốp đã đưa máy bay của mình tới đường bay. Anh ngồi trong buồng cầm lái giơ tay lên, đó là hiệu dận đồng đội: Phải chú ý! Tiếng máy gào vang, chong chóng quay tít lên làm cỏ giạt xuống và nhột đi, và cành lá xanh rườm rà của những cây bulô, bị hơi gió của cánh quạt lay động, rung lên như gốc cây sắp bật lên khỏi cỏ.

Trên đường tiến lên, có phi công khác vượt lên trước Alếchxây, và anh nghe thấy anh này la lên cho anh biết rằng xe tăng đang khởi sự tấn công. Vậy là đoàn phi cơ bây giờ có nhiệm vụ bảo vệ cho đoàn chiến xa tiến qua trận địa quân giặc, sau khi chúng đã bị đại pháo của ta cày bừa và đập nát

ngang, nát dọc. Nhiệm vụ là phải bảo vệ không phận trong khi chiến xa tiến. Nhiệm vụ bảo vệ giản đơn thôi, đúng thế, nhưng trong một cuộc chiến tranh tàn khốc như vậy, thì đó không phải là chuyện dạo chơi. Không sớm thì muộn cũng sẽ đụng với kẻ thù trên không trung. Đã đến lúc thử sức, để cho Mêrétxép chứng minh rằng anh cũng có khả năng như bất cứ phi công nào và anh đã đạt tới đích của anh.

Tim Alếchxây đập mạnh, không phải vì anh sợ chết, không phải vì anh cảm thấy cái bản khoản trước nguy hiểm mà những người dũng cảm nhất và tự chủ nhất cũng phải cảm thấy. Anh lo chuyện khác cơ: lo không biết các súng đại bác và súng liên thanh của anh đã được coi kỹ lại chưa? Không biết ống phóng tiếng nghe, lắp trong mũ mới của anh, chưa được thử trước thì nó có bỏ rơi anh trong giữa lúc đang chiến đấu không? Không biết Pêtrốp có kéo lê ở đằng sau không? Hay đang khi hoạt động, anh ta có dễ hăng say lời kéo quá đà không? Cây gậy của anh đâu nữa, mất quà kỷ niệm của Vaxili Vaxiliêvít rồi sao? Với lại, không biết có ai chớp mắt cuốn sách anh đang đọc hôm qua không, một cuốn truyện anh đang đọc dở, phải ngắt đúng ở chỗ mê say nhất, để trên bàn trong nhà trú ẩn... Anh nhớ ra rằng chưa chào Pêtrốp, mà Pêtrốp thì đã chui vào buồng lái máy mất rồi. Anh giơ tay làm hiệu, nhưng anh kia không thấy. Dưới mũ, da mặt anh hồng hào những vết đỏ. Anh nóng lòng nhìn bàn tay của đội trưởng đã giơ lên. Bàn tay hạ xuống. Nấp các máy bay đóng xuống.

Ba phi cơ lạch tạch trên hàng đi, rung chuyển, lăn trên đường bay, theo sau là ba chiếc khác, rồi một đoàn thứ ba cũng tiến ra. Đoàn đầu đã cất cánh lên trên không, đoàn của Mêrétxép bay lên theo. Đất bằng ở dưới bập bênh bên này rồi đến bên kia. Mắt không rời máy bay trước, Alếchxây bay theo sát, và đoàn thứ ba lại nối theo gắn liền vào đoàn anh.

Đã tới hỏa tuyến. Đất bị đạn đại bác bắn nứt vỡ rách toang, giống như một con đường bụi lác đác những hạt nước lớn lúc vừa mới mưa. Các khúc đường hầm chật hẹp các nơi trú ẩn bé nhỏ bọc sắt cùng các lô cốt, đều lờm chờm những kèo rui gạch ngói. Ánh lửa vàng sáng rực lên rồi lại tắt, dọc theo suốt thung lũng đảo lộn tơi bời. Đó là hỏa lực của một cuộc chiến đấu

lớn. Tất cả những cái đó, từ trên cao nhìn xuống thấy nhỏ lạ lùng, thật giống như đồ chơi con nít vậy. Không thể nghĩ được rằng ở dưới đó, đất đang bốc lửa, đang rung lên, đang vỡ tan tành, và tử thần xông pha qua vùng đất tươi bởi ở nơi đó trong tiếng gầm vang và trong khói lửa, đang giờ lưỡi hái thu một mùa gặt dồi dào.

Đoàn phi công đã bay khỏi trận tuyến, lại bay lại, lượn trên hậu phương của địch, rồi lại vượt qua chiến tuyến, mà vẫn không bị một phát đạn nào bắn lên. Dưới đất, họ còn đang lo chuyện đối phó với việc đủ ghê gớm ở dưới đất, để chẳng để ý tới chín chiếc máy bay nhỏ bé đang lượn trên cao. Nhưng chiến xa đâu?

A kia kìa... Mêrétxép thấy từng chiếc xe tăng từ trong rừng cành lá bóng loáng tiến ra và đang tỏa ra đồng ruộng. Từ trên cao, thấy xe tăng giống như những con bò cạp nhỏ bé và vụng về. Một lát sau, rất nhiều chiến xa đã ra thêm, và những xe khác vẫn cứ tiếp tục lộ dạng ra từ phía dưới đám cây. Xe kéo dài ra dọc những con đường và những khe hẻm. Máy chiếc đầu đã vượt lên một quả đồi và tiến vào một nơi mà đất bị đạn đại bác lật tung lên nhiều chỗ. Những tia lửa nhỏ xú bắt đầu từ những cái vòi nho nhỏ của xe tăng phụt ra. Bay ở trên trời cao nhìn xuống như Mêrétxép đang nhìn, thì ngay một trẻ em hay một người đàn bà nhát tính cũng không sợ gì cuộc tấn công khổng lồ ấy của xe tăng, cuộc xông pha dữ dội ấy của hàng trăm chiếc máy ào vào chỗ chiến tuyến Đức còn tại. Lúc đó chính là lúc, qua tiếng xạo xạo nó rì rào trong ống nghe, Mêrétxép nghe tiếng đại úy Sétlốp ra lệnh, giọng anh ồ ồ và uể oải, ngay trong một lúc như lúc đó:

- Chú ý, đây là con Beo 3, đây là con Beo 3. Bên mặt, bọn “đi giày vải”.

Alếchxây thấy máy bay của chỉ huy đảo nhẹ trước mặt anh; thế nghĩa là: “Các anh làm theo tôi!”.

Mêrétxép chuyển lệnh đó cho đồng đội của mình. Anh nhìn quanh anh, thấy người phụ tá của anh theo rất sát anh, như gắn liền với anh vậy. Hoan hô!

Mêrétxép kêu:

- Giữ vững nhé, cậu!

Trong ống nghe ào ào và lạch tạch hoài, có tiếng trả lời:

- Giữ chứ!

Tiếng máy nói lại vọng tới:

- Đây là con Beo 3, đây là con Beo 3. Theo tôi!

Quân thù đã gần. Ngay phía dưới họ, trong lối hành quân hai hàng dọc mà bọn Đức ưa dùng nhất, những máy bay oanh tạc chiến đấu kiểu đâm chúi xuống, máy một động cơ kiểu J-87, đang bay qua. Những máy này, bánh xe để đáp xuống không rứt vào được. Lúc bay, những bánh xe này vẫn cứ lửng lơ treo dưới đuôi. Bánh xe có những vỏ bọc kiểu khí thể động lực, thành ra trông giống như những cái chân đi giày vải, cho nên ở các mặt trận đều gọi loại phi cơ này là bọn “đi giày vải”. Với chiến thuật oanh tạc kiểu đâm chúi xuống, loại phi cơ này đã nổi tiếng tưng cướp ở Ba lan, Pháp, Hòa lan, Đan mạch, Bỉ và Nam tư. Đó là một cái mới mà lúc chiến tranh mới bùng nổ, báo chí khắp thế giới đã nói tới, kể lễ những câu chuyện kinh khủng. Nhưng cái mới này đã trở nên cũ một cách thật mau lẹ trên những khoảng không rộng lớn của Liên Xô. Trong nhiều cuộc chiến đấu, các phi công Liên Xô đã thấy được nhược điểm của bọn “đi giày vải”, và các phi công lỗi lạc của Liên Xô đã bắt đầu coi bọn “đi giày vải” như một loại thú săn tồi, hạng gà lôi hay thỏ rừng chi đó thôi, không cần đến những thợ săn có biệt tài.

Đại úy Sétlốp không đem phi đội của mình trực chỉ tấn công địch, mà lại bắt lượn một vòng lớn. Mêrétxép hiểu ngay ý của đại úy, muốn lựa thế của ánh mặt trời làm cho đối phương bị chói nắng lòa không nhìn thấy mình, tiếp tục ẩn, tiến đến sát gần, rồi khi đó mới tấn công bất ngờ. Alếchxây mỉm cười. Phải bay lượn rắc rối như thế, thật là đề cao bọn “đi giày vải” quá thôi. Nhưng thôi, cẩn thận quá thì cũng chả hại gì. Anh ngoái cổ trông lại lần nữa: Pêtơrốp vẫn theo, máy bay anh ta hiện rõ trên nền một đám mây trắng.

Bây giờ oanh tạc cơ của địch đang bay bên mặt. Bọn Đức tiến thẳng tắp và bay đều nhau như có những sợi dây vô hình nối liền chúng với nhau. Cánh máy bay của chúng sáng loáng trong ánh mặt trời chói lại.

- Con Beo 3! Tấn công!

Giống như thả dốc núi khi trượt băng, Sétlốp và anh phụ tá của anh đâm vào ngang hông máy bay địch. Làn đạn tỏa ngang của hai người tóe vào tên “đi giày vải” gần nhất, và chiếc này chúi luôn xuống, còn Sétlốp với hai máy bay khác bay theo thì ủa vào lỗ hổng đó, rồi biến mất dưới đoàn phi cơ Đức, mà đội ngũ lại gắn liền nhau lại ngay sau khi phi cơ ta xuyên qua. Bọn “đi giày vải” tiếp tục bay theo hàng đều, không xuy xuyên.

Alếchxây đưa ra số hiệu mình và anh định kêu: “Tấn công” Nhưng anh xúc động quá chỉ kịp kêu: “Tấn... ần... ần...”. Anh đã đâm bổ xuống, chẳng kịp chú ý tới gì hết nữa là đoàn phi cơ địch bay hàng đều, thẳng tắp. Anh đã nhắm làm bia cho mình chiếc phi cơ địch vừa bay lên thay vào vị trí của chiếc bị Sétlốp bắn rơi. Tai Alếchxây ù lên, tim anh đập mạnh như muốn vỡ trong ngực. Anh nắm lấy phi cơ đối phương trong vạch chéo của ống ngắm, ngắm và nhào tới, hai ngón tay cái đặt sẵn trên cò súng. Hình như có những sợi dây xam xám và lông lông căng thẳng giây lát ở bên mặt anh. Thì ra đối phương đã bắn. Bắn trượt. Anh lại tiến tới nữa. Anh vẫn bình yên. Thế còn Pêtrốp? Cũng thế. Anh ta đang ở phía trái anh. Anh ta lượn. Hoan hô cậu nhỏ! Bóng xám tên “đi giày vải” lớn lên trong cái lưới ngắm; Alếchxây thấy cò súng bằng nhôm mát lạnh dưới ngón tay cái. Còn chút nữa...

Và lúc đó, chính là lúc Alếchxây cảm thấy cái cảm giác kỳ diệu là anh hòa hợp hoàn toàn với máy bay. Anh nghe thấy máy, như nó đang đập trong ngực anh vậy. Toàn thân anh cảm thấy nào là cánh, nào là đuôi máy bay, và hình như cả cặp chân giả của anh cũng đã trở nên sinh động, như không còn ngăn cách giữa anh và phi cơ anh trong cuộc bay điên cuồng này nữa. Khối bóng loáng của thân phi cơ oanh tạc phát xít có lúc ra khỏi kính ngắm của anh, nhưng anh lại nắm lại ngay. Mêrétxép đâm thẳng vào nó và bấm cò. Anh không nghe tiếng đạn bay ra, cũng không thấy vết đạn, nhưng anh tin chắc rằng anh đã bắn trúng, và không hăm bót máy, anh cứ đâm bổ tới, biết chắc rằng không đụng, vì khi anh nhào tới thì máy bay kia đã rơi rồi... Mắt anh vừa rời khỏi kính nhắm bắn, Alếchxây ngạc nhiên thấy một phi cơ khác của địch đang rơi bên máy anh. Thế nào đây? Anh đã bắn vào nó đó

ư? Nhưng không! Đó là thành tích của Pêtrốp. Pêtrốp vẫn ở bên mặt anh. Hoan hô lính mới! Thành công của người bạn trẻ còn làm cho Alếchxây khoái hơn cả thắng lợi của mình.

Các anh đâm ừa vào chỗ trống của đội ngũ địch. Sự hoảng hốt bắt đầu. Đợt máy bay oanh tạc thứ hai của Đức, chắc là những tay không thiện chiến bằng, đã luống cuống và bay mất hàng. Phi cơ của phi đội Sétlốp nhào đi nhào lại giữa bọn “đi giày vải” rối loạn này. Họ quét dọn không trung và buộc địch phải nhả vội hết số bom trên phi cơ xuống trận địa của chính mình. Bắt quân địch giội bom xuống trận doanh của chính chúng, đã chính là ý định của đại úy Sétlốp. Và cuộc bay vòng để lấy ưu thế nhờ ánh sáng mặt trời chỉ là trợ giúp cho mục đích đó.

Nhưng đoàn phi cơ địch bay trước đã lại tập hợp trở lại được và bọn “đi giày vải” đang tiếp tục bay về phía trận tuyến các chiến xa đã chọc thủng được. Đoàn phi cơ sẵn giặc sau của ta tấn công không có kết quả bằng. Phi cơ Đức không bị thiệt hại, trái lại một phi cơ sẵn giặc của Liên Xô bị rơi, vì bị địch bắn trúng. Đã tới gần địa điểm chiến đấu của chiến xa. Không còn thì giờ bay lên cao nữa, Sétlốp quyết định phải tấn công từ dưới lên, bất chấp nguy hiểm. Alếchxây tán thành thâm ý định đó. Anh thì cũng muốn “ngoạm” quân thù nơi bụng chúng, vận dụng chiến đấu cơ LA-5 có khả năng kỳ diệu vọt lên mạnh. Ba chiếc phi cơ đầu, tức đoàn của Sétlốp, đã bắt đầu leo lên, và đạn tủa ngang bắn ngược lên trời phun vọt lên giống như những tia nước giết người. Một chiếc chắc bị bắn trúng giữa, như bị cắt làm đôi, gãy tan trên không, đuôi nó rơi bay là là gần máy của phi cơ Mêrétxép.

Mêrétxép liếc nhìn máy bay của trợ thủ, thét lên:

- Theo tôi!

Và anh kéo “cán chổi” về phía mình. Mặt đất nghiêng lệch. Anh có cảm giác như một nắm tay phủ phàng ấn anh xuống ghế ngồi. Miệng và môi anh như có vị máu, mắt anh mờ đi như có một tấm màn chằng qua. Máy bay bay vọt lên, gần thẳng, như cây đèn cầy vẫy. Ngả trên ghế dựa, Alếchxây nhìn qua lưới kính ngắm bắn, thấy giây lát cái bụng nham nhở của một phi

cơ “đi giày vải”, với những chiếc vỏ bọc những bánh xe lớn, và cả những mảng bùn còn dính vào đó nữa.

Anh bóp cò. Anh không đủ thì giờ để coi bắn trúng cái gì, bình xăng, động cơ hay chỗ chở bom. Anh chỉ biết rằng máy bay Đức biến mất trong đám khói nâu của trận nổ.

Phi cơ của Mêrétxép bị bật đi và anh bay qua cạnh một đốm lửa đỏ. Mêrétxép bay ngang bằng bình thường lại và nhìn trời. Pêtrốp vẫn ở bên tay mặt anh, lơ lửng trên trời xanh không tận, giữa ngay trên một vùng mây giống như bọt xà phòng. Trời quang đãng hẳn. Chỉ còn thấy ở chân trời, trên một nền mây chạy dài như những vạch kẻ sọc nhỏ tắp, bọn “đi giày vải” bay tán loạn khắp phía. Alếchxây coi đồng hồ và kinh ngạc: anh tưởng như cuộc chiến đấu đã kéo dài ít nhất nửa giờ, và bình xăng của anh cũng vì thế đã gần hết rồi. Nhưng đồng hồ anh chỉ rõ cuộc chiến đấu chỉ trong ba phút rưỡi. Anh quay lại nhìn phi cơ của người trợ thủ tiến đến bay bên tay mặt anh, hỏi:

- Còn sống hả?

Trong tiếng rì rào của ống nghe, có tiếng nói xa xôi và phấn khởi:

- Còn sống... Dưới đất, coi dưới đất kìa!

Dưới kia, giữa những quả đồi bị súng đại bác đập xé nát như, đó đây những đám xăng bốc cháy, và những luồng khói đen nặng nề bay lên trong không khí yên lặng. Nhưng, Alếchxây không nhìn mấy chiếc xác máy bay đang bốc cháy nốt. Anh nhìn những con bọ cạp xanh đã tỏa ra rộng rãi. Sau khi vượt hai vùng đất thấp, đoàn xe tăng đã tiến tới vị trí của quân thù và những xe tăng đầu tiên đã vượt các công sự của giặc. Đoàn chiến xa nhỏ bé khắc lửa đỏ ối phía sau trận tuyến giặc và cứ tiến, mặc dù ở sau lưng, vẫn còn thấy lửa cùng khói của những đoàn đại bác Đức. Mêrétxép hiểu được rằng hàng trăm con bọ cạp nhào vào trận địa quân thù bị phá vỡ, nghĩa là thế nào.

Ấy là anh được chứng kiến một sự kiện mà, ngày hôm sau, nhân dân Liên Xô và toàn thế giới tự do được các báo vui mừng loan tin. Trong một khu vực của tuyến đầu Cuốcsơ, sau khi đại pháo bắn chuẩn bị mạnh mẽ

trong hai tiếng đồng hồ, một quân đoàn chiến xa đã phá vỡ phòng tuyến giặc Đức và ra sức ulla vào lỗ hổng, mở đường cho quân đội Liên Xô phản công.

Trong số chín phi cơ trong phi đội của đại úy Sétlốp, bữa nay có hai chiếc không trở về sân bay. Chín máy bay “đi giày vải” đã bị hạ. Chín đôi hai, đó là một con số rõ là lợi, nếu tính số phi cơ, nhưng mất hai đồng chí đã làm cho cuộc chiến thắng kém vui. Khi bước ra khỏi máy bay, các phi công không lớn tiếng, không vung chân múa tay bàn tán về mọi giai đoạn của chiến thắng, như lệ thường sau một cuộc chiến đấu thắng lợi. Mọi người im lặng, đến tham mưu trưởng, báo cáo vắn tắt và gọn ghẽ về kết quả cuộc xuất trận về phần mình, rồi chia tay nhau, chẳng ai nhìn ai.

Alếchxây là người mới trong trung đoàn. Anh chưa từng thấy mặt những đồng chí vừa tử trận, nhưng anh cũng đau buồn như các anh em khác. Vừa đây mới xảy ra sự việc quan trọng nhất, có tính chất quyết định nhất trong đời anh: sự việc mà anh đã dồn tất cả nghị lực, tất cả sức mạnh để làm cho được và làm được, ấy là quyết định cả tương lai của anh, cho phép anh trở về thế giới những người lành mạnh và hữu ích. Bao nhiêu lần ở nhà thương và sau đó, khi anh tập đi, tập khiêu vũ, tập thu hồi những phản ứng tự nhiên của một người phi công mà anh có trước kia, bằng cách luyện tập có hệ thống, bao nhiêu lần anh đã mơ ước tới ngày hôm nay!

Và ngày lớn lao đó ấy thế là đã tới rồi. Anh đã hạ được hai phi cơ Đức và anh có đủ tư cách trở lại vị trí cũ trong gia đình các phi công lái máy bay săn giặc. Anh cũng tới gần tham mưu trưởng như các anh em khác, báo cáo số phi cơ anh đã hạ được, kể rõ chi tiết, khen ngợi bạn trợ thủ, rồi trở về dưới bóng cây bulô, lòng nghĩ tới các bạn không trở về.

Có một mình Pêtrốp là đi lại trên sân bay, đầu trần tóc đỏ hung bay trước gió. Anh gặp ai cũng vúi lấy kể lại lần nữa chuyện chiến đấu vừa qua của mình.

- Tôi thấy chúng, chúng nó đó, gần sát ngay, vừa tầm tay. Này, nghe không, tôi thấy chúng; trung úy bắn chiếc đầu, tôi chiếc sau... păng!

Anh chạy lại với Mêrétxép, nằm dài bên anh trên cỏ và rêu, nhưng anh nằm lâu yên không nổi, lại vùng đứng lên:

- Ôi chao, những lúc anh lượn bữa nay! Thấy anh lượn, là như có cái màn đen trước mắt vậy thôi... Anh có thấy tôi óánh được nó như thế này không? Nhưng, nghe này, tôi bay theo anh và bỗng một cái tôi thấy nó, nó ở đó, gần sát, vừa tầm tay, như tôi thấy anh vậy, đó...

- Chờ tí ti, cậu! - Mêrétxép vừa ngắt lời, vừa thọc tay trong túi: thư của tôi đâu, thư của tôi đâu, không biết thư tôi nhét đâu rồi?

Anh chợt vừa nhớ lại thư anh vừa nhận được, chưa kịp đọc. Khi không thấy thư trong túi, anh đổ mồ hôi lạnh toát. Nắm dưới sơ mi, anh nghe tiếng bao thư sột soạt, mới thở dài khoan khoái. Anh cầm thư của Onga, ngồi xuống dưới gốc một cây bulô, rồi, chẳng buồn nghe bạn đang mừng rỡ tíu tít hoài, anh cẩn thận mở bì thư.

Tiếng súng tung hỏa châu nổ. Một con rắn bằng lửa đỏ rực bay ngang trên trời phía trên phi trường, rồi tắt, để lại phía sau một vệt xám xám tan dần trên không.

Các phi công đều nhảy chồm lên. Vừa chạy, Alếchxây vừa nhét bì thư vào túi. Anh chưa có thì giờ đọc một hàng chữ nào. Khi lột bì thư, anh chỉ mới thấy có gì cứng cứng trong tờ giấy viết thư. Vừa chạy phóng dẫn đầu anh em đồng đội trên con đường đã quen thuộc, anh vừa lần lần nắn bì thư. Có cái gì trong này vậy?

Đối với trung đoàn chiến đấu cơ Vệ quốc mà Alếchxây vừa được bổ nhậm tới công tác, thì cuộc chiến đấu của chiến xa chọc thủng phòng tuyến địch là bước đầu của cả một loạt chiến trận. Các phi đội lần lượt nối tiếp nhau hoài. Phi đội này vừa chiến đấu về, hạ cánh vừa xong thì phi đội khác đã bay lên thay thế, và những xe cam nhông chở xăng ủa chạy tới bên những máy bay vừa hạ cánh. Xăng chảy như suối vào bình xăng của các phi cơ. Phía trên mấy chiếc động cơ chạy lâu nóng quá, hơi bốc ran ran phơ phất, giống như hơi bốc phía trên ruộng đồng sau cơn mưa hè.

Các phi công không rời khỏi phòng lái máy bay nữa. Được mang cơm lại cho, đồ ăn đựng trong những chiếc gà mèn nhôm. Nhưng chẳng ai ăn gì.

Hôm đó, đầu óc mọi người để cả ở nơi khác, các miếng ăn cứ mắc nghẹn nơi cổ họng.

Khi phi đội của đại úy Sétlốp lại vừa hạ cánh và máy bay đang lăn bánh về rừng cây để lấy xăng, thì Mêrétxép vẫn ngồi trên ghế, miệng mỉm cười; anh thấy khoan khoái vì toàn thân mệt mỏi. Anh nôn nóng nhìn lên trời đăm đăm không chớp mắt và trêu chọc mấy người bơm xăng. Anh nóng lòng lạ lùng, muốn bay trở lại chiến đấu nữa, rồi lại chiến đấu nữa, để thử sức trong chiến đấu. Anh nắn luôn bì thư sột soạt dưới ngón tay, nhưng anh chưa muốn đọc thư vào lúc như thế này.

Chỉ tới chiều, lúc hoàng hôn xuống, các phi công mới được trở về trại. Mêrétxép không đi về trên con đường mòn trong rừng như mọi lần, mà đi vòng lối ruộng đồng mọc đầy cỏ dại. Anh thấy cần tập trung tư tưởng, cần nghỉ ngơi vì những tiếng động dồn dập trong cái ngày dài dằng dặc này, vì muôn nghìn ấn tượng va chạm nơi anh.

Đêm sáng, thơm, tĩnh mịch đến nỗi tiếng đại bác gầm nơi xa xa vọng lại giống như tiếng gầm gừ của một cơn giông qua, chứ không phải là tiếng bom đạn của chiến trận. Con đường anh đi, băng qua một cánh đồng hồi trước trồng lúa mạch. Lẽ ra trong những chỗ có người ở, cỏ dại buồn tẻ chỉ le te mọc trong góc sân hay quanh đồng đá vút bên bờ ruộng, ở những nơi mà mắt chủ nhà không để ý tới, nhưng ở đây cỏ dại đã mọc cao thật chẳng khác như bức tường thành, mạnh, dày, và cứng, che kín mảnh đất đã trải qua bao nhiêu đời cày cuốc mới trở nên màu mỡ. Loáng thoáng đây đó, chẳng khác một cọng cỏ yếu ớt bị những cọng khác đè bẹp, mới thấy một cọng lúa mạch đơn độc mọc lên và cũng đã lại trở thành lúa dại, cỏ xấu hút hết màu mỡ của đất ruộng làm cho đất ruộng khô cằn; nó tranh hưởng tất cả những tia nắng mặt trời, cho nên những bông lúa mạch, thiếu chất bổ dưỡng và thiếu ánh sáng, đã héo trước khi đâm bông trở hạt.

Mêrétxép nghĩ bụng rằng bọn phát xít cũng thế. Cũng giống như cỏ dại, chúng muốn cắm rễ trên đất nước này, hút hết màu mỡ, cướp giật trắng trợn tất cả của cải, lấy cắp cả ánh mặt trời, xua đuổi nhân dân lao động vĩ đại này ra khỏi đồng ruộng và vườn tược, cướp sạch, bắt đói và bóp nghẹt

giống như cỏ dại đã bóp nghẹt ở đây những bông lúa, làm cho cái gì còn sót không còn đến hình dáng ngũ cốc tốt đẹp và lành mạnh nữa. Alếchxây thấy dâng lên trong lòng một niềm vui, niềm vui của một đứa bé, khi anh lấy gậy quơ bẹp những bông hoa dại, đầu hung đỏ nặng trĩu, và anh thấy lòng thật là khoái trá khi thấy rạp xuống đất những bông cỏ ăn cướp này, bị anh quất ngã.

Mồ hôi đã chảy nhễ nhại trên mặt anh, nhưng anh vẫn tiếp tục đập nát những cỏ dại, thứ cỏ đã giết chết những cây lúa mạch. Anh quên cả mệt và thấy bừng bừng vui sướng, nỗi vui của một kẻ đang đấu tranh và hoạt động.

Bỗng có tiếng xe hơi thảng ở sau anh, bánh xe rít lên và xe ngừng lại. Chưa quay lại, anh đã đoán đó là đại tá chỉ huy đến, bắt gặp anh đang chơi thứ trò chơi con nít này. Alếchxây đỏ bừng mặt đến tận hai tai, và, làm như không thấy xe hơi, anh tiếp tục múa may cây gậy trên đất.

- Múa kiếm hay gặt lúa đấy? Hoan hô! Tôi chạy khắp sân bay để kiếm vị anh hùng, té ra anh hùng ta lại đang chiến đấu với đêm và tối.

Đại tá nhảy từ trên xe xuống. Đại tá vốn lái xe giỏi và thích có thời giờ thì tự lái lấy. Suốt ngày chỉ huy trung đoàn xong, chiều tối ông cũng ưa cùng với thợ máy kiểm tra các động cơ. Đại tá ưa bận quần áo thợ máy dạo chơi, và nếu không có những nét nhăn nghiêm nghị trên gương mặt gầy và cái mũi phi công đẹp của đại tá, thì không ai có thể nhận ra đại tá trong bộ đồ dính đầy dầu mỡ của người thợ máy.

Đại tá nắm vai Mê-rét-xép, khi anh vẫn còn bẽn lèn, đang quay tít cây gậy dưới đất.

- Anh tới cho tôi coi một chút nào. Thế này thì tôi làm thế quỉ nào mà hiểu được! Anh chẳng có gì khác người ta cả. Bây giờ tôi có thể nói: khi anh được phái tới đây, tôi không tin, mặc dù ở Bộ tham mưu quân đội nói gì thì nói về anh, rằng anh có thể đương một cuộc chiến đấu được. Vậy mà anh đã chiến đấu thế nào thế cơ chứ?... Thế mới biết nước chúng ta, nước Nga của chúng ta, thế đấy. Hoan hô! Hoan hô! Tôi khen ngợi anh và cảm phục anh. Anh đi về ổ chuột của anh đấy hả? Lên với tôi, lên xe ta cùng về.

Xe hơi rồ máy và bon bon phóng trên đường mòn, lượn góc mấy đường cú phóng tít như thế, thực là điên cuồng. Đại tá bảo anh:

- Anh không chừng có cần gì đấy không? Không gặp khó khăn gì à? Có không? Cứ đề nghị, đừng ngại. Anh rất có quyền đòi hỏi đấy!

Đại tá lái xe rất lẹ qua khu rừng, chẳng chú ý đến đường đi chi cả, giữa những gian nhà hầm khoét ngay dưới đất, mà các phi công kêu là ổ chuột của mình.

- Thưa đồng chí đại tá, tôi không cần gì cả. Tôi cũng như mọi người thôi. Điều muốn nhất là mọi người quên rằng tôi bị cụt chân thôi.

- Được! thế nhà bò của anh đâu? Chỗ kia à?

Đại tá thẳng mạnh ngay ở cửa vào nơi trú ẩn, và Mêrétxép vừa bước xuống, là máy đã lạch tách và, bánh xe nghiêng càn cây răng rắc, xe đã biến giữa rừng bulô và sến.

Alếchxây không về nơi trú ẩn. Anh ra nằm dài dưới cây bulô, trên rêu êm, có mùi như mùi nấm, cẩn thận giở thư của Onga ra. Một tấm ảnh trơn tuột dưới ngón tay anh, rơi xuống cỏ, Alếchxây vội nhặt, tim anh đập mạnh. Onga nhìn anh, với bộ mặt quen thuộc như xưa, nhưng cũng lại đã thay đổi hoàn toàn. Hình chụp nàng mặc quân phục, với áo nhà binh, dây lưng da, dây đeo súng, cùng huân chương Sao đỏ, và quân hiệu Vệ quốc. Tất cả những cái đó, nàng bận ăn lăm.

Nàng giống như một cậu bé xinh đẹp gầy còm cải trang làm sĩ quan. Nhưng cậu bé có vẻ mỗi một, và cặp mắt lớn tròn của cậu sáng một ánh sáng sâu trầm không phải mắt của một cậu bé. Alếchxây nhìn mắt nàng rất lâu và tim anh hồi hộp buồn nhớ mệnh mông và ấm áp, như những khi nghe điệu hát ưa thích, chiều nào đó, từ một chốn xa xôi vọng lại. Anh tìm lại tấm ảnh cũ của Onga ra, hình Onga mặc áo dài có in hoa, ngồi trên đồng đầy hoa cúc nhỏ. Thực là kỳ lạ, thiếu nữ mặc áo nhà binh, với cặp mắt mỗi một kia, mà anh chưa thấy bao giờ, lại thân thiết với lòng anh hơn cả thiếu nữ mà anh đã biết trước kia. Đằng sau tấm hình, nàng viết: “Đừng quên nhau”.

Thư ngắn nhưng thật là vui. Cô đã được chỉ huy một đội công binh. Đội này không ở mặt trận nữa. Nàng đang ở hậu phương tham gia xây dựng lại Stalingorát. Onga ít nói về nàng, nhưng nàng say sưa nói tới thành phố vĩ đại, những tàn phá đang được phục hồi, nói tới phụ nữ, thanh nữ và thiếu niên ở khắp nơi trong nước về đây đang sống trong những nhà hầm, những nơi trú ẩn, những pháo đài nhỏ mà chiến tranh còn để lại, những toa xe lửa, những gian nhà gỗ, những lỗ hẻm nào đó, để xây dựng và làm lại thành phố. Nghe nói rằng mỗi người xây dựng có thành tích sẽ được thưởng một gian nhà để ở trong thành phố Stalingorát được tái tạo này. Nếu đúng thế, thì Alếchxây có thể biết chắc rằng, sau chiến tranh, đầu anh sẽ gối ở nơi nào rồi.

Mùa hè, trời tối sớm, Alếchxây đọc những dòng cuối cùng dưới ngọn đèn pin của anh. Khi đọc xong, anh còn chiếu đèn một lần nữa lên tấm ảnh. Mắt của quân nhân thiếu nhi đang nhìn anh thật là thẳng và nghiêm. Em yêu ơi, em sống vất vả quá; chiến tranh không chừa em ra, nhưng cũng không bóp bẹp được em. Em đợi anh, hãy cứ đợi anh. Em yêu anh, hãy cứ yêu anh, em nhé!... Và bỗng nhiên Alếchxây mắc cỡ vì, mười tám tháng rồi, anh đã giấu không cho Onga, người nữ chiến sĩ của thành Stalingorát, biết tai nạn của mình. Anh định xuống ngay lập tức chỗ ở, thẳng thắn cho nàng biết sự thật, biết tất cả sự thật để tùy nàng quyết định sớm chừng nào hay chừng ấy! Tốt nhất cho cả hai, là tất cả mọi việc đều sáng sủa giữa hai người.

Sau ngày đó, anh có thể nói chuyện với nàng một cách bình đẳng. Không phải anh chỉ đã bay thôi, mà anh còn đã chiến đấu. Anh đã thề sẽ cho nàng biết hết sự thật, khi anh đã hết mọi hy vọng, hay khi anh đã trở lại chiến đấu giống y như các đồng chí khác. Bây giờ anh đã đạt tới đích: hai chiếc máy bay do anh hạ được đã bốc cháy khi rơi, ai cũng thấy, cũng biết.

Sĩ quan thường trực đã ghi trong sổ báo cáo hôm nay để gửi cho bộ tham mưu sư đoàn, Bộ tham mưu quân đội ở Mátxcova. Vậy là anh đã giữ lời thề, anh có thể viết thư. Nhưng nếu nhìn thật kỹ vấn đề, thì máy bay “đi giày vải” thật đã xứng là địch thủ của một phi công săn giặc sao? Có khác

gì lắm một người săn bắn, để trở tài, lại đi kể chuyện đã bắn được một con thỏ không?

Bóng đêm ẩm ướt và ẩm áp ập ủ làn rừng cây. Bây giờ, tiếng gầm vang của chiến trận đã chuyển về phía nam và, qua những cành cây, những đám cháy xa xôi đã khó nhìn thấy, cho nên đã bắt đầu nghe thấy được mọi tiếng động đêm trong rừng đầy hoa và thơm phức: tiếng dế nỉ non ri rí không một mồi ở bìa rừng, tiếng ếch ương kêu oàng oạc hàng trăm con dưới ao, tiếng chim cuốc kêu khan, và bao trùm lên tất cả, là tiếng họa mi trời giọng trong bóng tối. Mặt trăng trải trong cỏ đen sì, bên Alếchxây, những chấm sáng lơ mờ, anh vẫn ngồi trên rêu ướt và êm, dưới gốc cây bulô. Anh móc túi lấy ảnh ra lần nữa và dưới ánh trăng, anh đặt ảnh trên đầu gối, nhìn nàng mà suy nghĩ. Trên đầu anh, trên nền trời xanh biếc tối và trong, những bóng đen nhỏ bé của máy bay oanh tạc đêm đang bay về phương nam, chiếc nọ kế tiếp chiếc kia. Mặc dù tiếng động cơ gầm lên, bằng một giọng trầm trầm, nhưng giờ phút này, trong rừng tràn ngập bóng trăng sáng và tiếng hót của họa mi, thì chính tiếng máy phi cơ đó bài hát của chiến tranh đó có vẻ cũng êm dịu chẳng khác gì tiếng vo vo của bầu bọt hung mà thôi. Alếchxây thở dài, bỏ ảnh vào túi quân phục đứng phắt dậy như chiếc lò xo, rũ toàn thân như muốn rũ sạch sức quyến rũ của đêm trường và giậm gậy mấy cành khô dưới chân, anh trở về hầm ẩn, nơi người bạn chiến đấu của anh đã đang nằm dài trên giá cây như kiểu lực sĩ chiến thắng mà ngáy một cách khoái trá.

Các đoàn phi công được đánh thức dậy trước lúc rạng đông. Theo tin của Bộ tổng tham mưu, thì quân Đức đã tập trung lực lượng không quân quan trọng tại khu vực mà chiến xa Liên Xô đã chọc thủng được. Theo những điều quan sát từ mặt đất, đã được tình báo xác nhận, có thể kết luận rằng bộ chỉ huy Đức đã thấy nguy cơ vì chiến xa Liên Xô chọc thủng được trận địa ở ngay chỗ trọng yếu của tuyến đầu Cuốcscơ, nên đã phái chính sư đoàn không quân Ríchhôphen gồm những phi công Đức tài giỏi nhất đến tiếp viện. Sư đoàn này đã bị thiệt hại lớn ở Stalingorát, nhưng đã được khôi phục lại, đầu đó ở hậu phương. Trung đoàn đã được báo cho biết rằng quân địch đến đông, mà lại có những phi cơ kiểu Phốc Vun 190 mới nhất, do các phi công đã được thử thách điều khiển. Lệnh xuống dặn dò phải cảnh giác và phải bảo vệ cho những đơn vị lưu động thứ hai, đã thừa cơ đêm tối tiến vào lỗ hổng mà chiến xa đã chọc thủng.

Ríchhôphen! Các phi công lão luyện đều nghe tiếng sư đoàn này, được đặt dưới quyền bảo trợ trực tiếp của Hécman Gơrinh. Đức phái chúng đến những nơi nào đang lâm nguy nhất. Một số đoàn phi công trong sư đoàn đã từng tham gia cuộc chiến tranh kẻ cướp trên không phận nước Tây-ban-nha cộng hòa. Đó là những kẻ chiến đấu liều lĩnh, hết sức giàu kinh nghiệm, và họ được coi là những đối thủ nguy hiểm nhất.

Pêtrốp vừa ăn vội bữa điểm tâm sáng vừa nói liến thoắng ở căng-tin:

- Đây, nghe đâu nó gửi đến ta bọn Ríchhôphen. Để cho tụi nó đến! Rồi ta cho cái tụi gọi là Ríchhôphen này những trận đòn ra trò!

Qua cửa sổ mở anh nhìn lên trời tìm kiếm có gì không, trong lúc cô Rai-a, người bồi bàn đang đặt những bó hoa hái ở ngoài đồng vào những vỏ đạn đại bác đánh bóng kỹ.

Những lời khiêu khích bọn Ríchhôphen đó cố nhiên không phải cố ý nói với Alếchxây, trong khi anh này đang uống cạn ly cà phê, mà là nói với cô thiếu nữ đang vừa sửa sang lại mấy đóa hoa vừa liếc trộm chàng Pêtrốp đẹp trai. Mêrétxép nhìn hai người, miệng mỉm một nụ cười rộng lượng.

Nhưng khi đã nói tới nghiệp vụ, anh không thích những câu nói chơi, cũng không thích những câu nói tếu:

- Đây không phải là cái tụi “gọi là Ríchhôphen” đâu nhé! Ríchhôphen, thì nghĩa là: phải mở mắt cho lớn và cho kỹ, nếu không muốn, tối nay, bị cháy thui trên đồng cỏ hoang, nghe chưa? Banh cho lớn hai lỗ tai ra và đừng để đứt liên lạc. Ríchhôphen, chú em ạ! Là những con thú mà cậu chưa kịp há miệng thì nó đã ngoạm cậu trong nanh nó rồi đó...

Trời vừa tảng sáng, phi đội thứ nhất, dưới quyền chỉ huy của chính đại tá, đã cất cánh. Trong lúc phi đội đó hoạt động, thì phi đội thứ hai gồm mười hai máy săn giặc chuẩn bị. Đội này người chỉ huy là thiếu tá Vệ quốc Phêđốtốp, Anh hùng Liên Xô, phi công lỗi lạc nhất trung đoàn, sau đại tá. Phi cơ đều đã sẵn sàng. Phi công đã ngồi trong buồng máy. Động cơ chạy chậm chậm, hơi gió nơi cánh quạt thổi nơi bìa rừng, và trận gió giống như những cơn gió nhẹ quét mặt đất, rung động cành lá trước cơn giông, khi những giọt nước mưa nặng hạt đầu tiên đã bắt đầu rơi xuống đất đang thêm khát nước. Từ phòng máy, Alếchxây trông những máy bay của phi đội thứ nhất đang trở về, hạ cánh rất mau. Dù không định ý, anh cứ đếm từng chiếc một, và tim anh đập rộn ràng mỗi khi thời gian giữa hai chiếc hạ cánh kéo dài. Nhưng phi cơ cuối cùng đậu xuống. Họ về đầy đủ. Alếchxây thấy tim nhẹ bỗng.

Khi chiếc máy bay cuối cùng vừa rời khỏi đường lên xuống của máy bay, thì phi cơ mang số 1 của thiếu tá Phêđốtốp đã tiến lên. Những phi cơ chiến đấu, từng cặp, phóng lên trời. Đoàn lập hàng ngũ phía trên khu rừng. Ngả nghiêng hai cánh, Phêđốtốp đâm bổ tới. Bay thấp, chỉ lượn quanh khu vực mà chiến xa đã chọc thủng hôm trước. Hôm nay, Alếchxây không bay cao đến nỗi, khi nhìn xuống đất, anh thấy sự vật không còn hình thù thực sự của nó nữa, mà chỉ giống như đồ chơi con nít: bây giờ, trái lại, anh thấy mặt đất gần anh lắm, ngay dưới phi cơ. Những cái mà hôm trước anh coi như trò chơi, thì bữa nay rõ ràng đó là một chiến trường rộng lớn. Dưới cánh máy bay, anh thấy lướt qua mau chóng phi thường những đồng ruộng, những bãi cỏ, những rừng cây bị đại bác và bom đào lên, bị hầm hố băm vằm dọc dọc

ngang ngang. Thoáng qua còn thấy cả những xác chết, những khẩu súng đại bác mà người sử dụng nó đã bỏ lại, có khi lẻ tẻ từng khẩu, có khi cả một đoàn nguyên vẹn, những xe tăng bị hư, những đồng sắt bị cong tợn và đồng cây bị hun ra than mà ở nơi ấy đại bác đã phát hiện ra quân địch đi từng hang, phi cơ bay qua một khu rừng hoàn toàn bị đại bác bắn tan tành. Từ trên cao, tưởng đâu như đó là một cánh đồng bị một bầy ngựa đông vô cùng đạp nát bầy. Tất cả những cái đó lướt qua như một cuốn phim và hình như vô tận.

Tất cả tỏ ra chiến trận tàn khốc vô cùng, máu phải đổ ra rất nhiều, nhưng thắng lợi giành được cũng rất trọng yếu. Vết song song của dây xích xe tăng hằn dọc ngang trên mặt đất. Những vết đó nhiều lắm, và nó tiến cứ ngày càng sâu vào trận địa Đức. Dõi theo những vết hằn đó tới tận chân trời được; nó tiến thẳng về phía nam, chẳng cần đi theo đường cái, giống như một bầy quái vật lạ lùng. Theo sau đoàn chiến xa đã thọc vào sâu hơn nữa, từ trên cao nhìn xuống thấy lẫn trên đường những dây dài vô tận nào đại bác, nào cam nhông chở xăng, nào xe sửa chữa do xe thiết giáp và cam nhông có vải bạt che kéo đi, tất cả tiến lên trông có vẻ chậm lắm, kéo theo sau là một dải bụi biêng biếc từ xa nhìn đã thấy. Khi các chiến đấu cơ bay lên cao, những đoàn xe đó lại giống như những hàng kiến lê thê kéo nhau kiếm mồi trên những con đường mùa xuân. Phi cơ xông tuốt vào những cát bụi đó đang bốc lên rất cao trong không khí im lìm, tựa như bay vào mây mù. Họ bay tới trước đuổi kịp những xe đi đầu, ở đó có những chiếc xe kiểu đi chỗ nào cũng được, có lẽ chở các bộ tham mưu chiến xa. Phía trên các đoàn binh, thì trời quang đãng, và ở đằng xa, xa lắm, phía trên làn mức mơ hồ của chân trời đã thấy ngay những đám khói của chiến trận. Phi đội lượn quanh, rồi tỏa ra trên trời giống như một con rắn. Ngay lúc đó, Alếchxây thấy trên đường chân trời một chấm đen nhỏ tí xú, rồi cả một bầy những chấm đó đang như treo trên trời. Bọn Đức! Chúng cũng đang bay gần mặt đất, cũng đang xông tới những cột cát bụi cuồn cuộn nổi rõ trên đồng cỏ hung hung, nhờ đó nên trông thấy rất dễ. Alếchxây bất giác

ngoái cổ lại; đồng đội của anh vẫn theo anh, bám sát anh. Anh lắng tai và nghe thấy tiếng vọng từ xa lại:

- Đây chim Âu 2, Phêđốtốt. Đây chim Âu 2, Phêđốtốt. Cần thận. Theo tôi!

Kỷ luật và thần kinh căng thẳng của các phi công trong một cuộc bay khiến các phi công tuân lệnh cấp chỉ huy một cách mau lẹ đến nỗi nhiều khi lệnh chưa truyền xong thì đã được thi hành. Trong lúc, qua ống nghe rin rít và xạo xạo còn đang vọng lại tiếng nói xa xôi của người chỉ huy, thì tất cả các phi cơ, từng cặp hai chiếc khít nhau, đã quặt ngang bay tới chặn đường quân Đức. Toàn thân anh, nhãn quan, thính giác, tâm trí, đều căng thẳng tập trung đến cùng tận, Alếchxây không trông thấy gì hết ngoài những phi cơ địch mỗi lúc càng hiện lớn dần, không nghe thấy gì hết ngoài tiếng ri ri vào tai anh của cặp ống nghe trong mũ anh, phải truyền tới anh lệnh của cấp trên. Đáng lẽ là lệnh đó, anh lại bỗng nghe rất rõ một giọng nước ngoài hấp tấp nói:

- Áctung, Áctung... Laphun, Áctung!”^[17]

Chắc hẳn đây là một quan sát viên Đức, từ dưới đất đã báo động cho máy bay của chúng. Sư đoàn không quân nổi tiếng của Đức thường có thói quen đặt quan sát viên dưới đất, trên khắp chiến trường, cả một mạng lưới mà chúng đã thả dù ban đêm cùng với máy phát thanh vô tuyến điện, tại khu vực trận địa mà chúng định tấn công hôm sau. Anh lại nghe thấy một tiếng nói khác không rõ bằng, giọng ồ ồ vì giận dữ, la lên bằng tiếng Đức:

- Đônơvớtơ! Lingơ Laphun! Lingơ Laphun...”^[18]

Qua giọng nói ấy có thể thấy là có phần lo lắng.

- Thế nào thế, Ríchhôphen ời, mà cũng biết sợ phi cơ Lavốtkin của tụi tao hả?

Mêréxép nói kháy như thế, mắt vẫn không rời đoàn máy bay địch đang tiến lại gần; toàn thân giữ căng thẳng như một cây cung, anh thấy toàn thân lâng lâng khoái trá, hăng mê đến khiến anh rờn tận chân tóc. Anh quan sát quân thù. Đó là những phi cơ kiểu Phốc Vun 190, những máy bay chiến

đầu và xung phong rất mạnh, lại rất dễ điều khiển, vừa chế tạo xong, mà các phi công Liên Xô đã quen gọi là “chó biển”.

Đức đông gấp đôi. Chúng bay tới theo đội ngũ hành quân ưa thích của sư đoàn Ríchhốpphen, đặc biệt cho sư đoàn này, là bay từng cặp. Phêđốtốp tung toàn đội tấn công. Alếchxây đã lựa địch thủ và vẫn coi chừng các chiếc khác, anh đâm bổ vào nó và cố giữ lấy nó trong ống kính. Nhưng có người đã tấn công chúng sớm hơn Phêđốtốp. Từ trên cao, một đoàn phi cơ “Yắc” ở một khía khác nhô ra, tấn công quân Đức, làm cho đội ngũ của chúng bị tán loạn. Đây thật là một cuộc bay loạn trên trời. Hai đoàn thể là chia vụn ra thành những nhóm cứ từng hai hay bốn. Phi cơ chiến đấu gắng xả súng bắn địch, trong đường ngắm của đạn tỏa ngang, từ sau đuôi, từ bên hông. Từng cặp phi cơ quay cuồng quần nhau cuống quýt không ngừng.

Chỉ có cặp mắt thực thạo mới nhận thấy ra thế nào, và cũng chỉ có lỗ tai thực thạo mới có thể phân biệt được cái gì trong tiếng ồn ào của ống nghe. Trong không gian, tiếng động xen lẫn tiếng ồn: tiếng chửi rủa ồ ồ của một phi công xung phong đâm bổ vào địch, tiếng la kinh hoàng của một phi công bị hạ, tiếng gầm mừng rỡ của kẻ đã bắn trúng anh chàng kia, tiếng kêu rên của kẻ bị thương, tiếng răng nghiến ken két và hơi thở hỗn hển của một phi công đang lái phi cơ quay thẳng góc... Có một giọng chồm hát một bài hát nước ngoài, có giọng khác kêu như đứa bé kêu: “Má”!. Lại một giọng khác của một phi công, chắc đang ghìm cò súng, điên cuồng quát lên: “Chộp lấy này! Chộp lấy!”.

Nạn nhân mà Mêrétxép đã chọn lướt xa tầm ống kính của anh. Thế vào đấy thì anh thấy xuất hiện, phía trên anh, một phi cơ Yak đang bị một phi cơ “chó biển”, với đuôi nhọn như điều thuốc xì gà, với cặp cánh thẳng, đang kèm theo chiếc Yak. Từ đôi cánh của con “chó biển”, những làn đạn tỏa ngang đã song song chĩa bắn. Đạn trúng đuôi máy bay chiếc phi cơ Yak. Chỉ trong khoảnh khắc một tích tắc đồng hồ, anh thấy một cái bóng đen trên đầu, và anh đã khắc một lượt tất cả súng của anh vào nó. Anh không biết số phận con “chó biển” ra sao, chỉ thấy chiếc Yak đuôi bị hư vẫn

tiếp tục bay được. Mêréxép quay lại. Anh có bị lạc mất đồng đội của anh trong cuộc chiến đấu không? Không. Anh này vẫn sát phi cơ anh.

Mêréxép nghiêng răng nói với bạn:

- Đừng rời tớ ra cậu nhé!

Tai anh ù lên vì những tiếng vút vút, tiếng két két, tiếng ca, tiếng hét chiến thắng hay tiếng kêu thất thanh bằng cả hai thứ tiếng. Nghe thấy cả tiếng chửi, tiếng nghiêng răng, tiếng hơi thở. Tất cả cái đó khiến ta nghĩ, không phải tới một cuộc chiến đấu của phi cơ săn địch giữa trời, mà tới một cuộc vật lộn sát kề nhau, giữa hai người hơi thở hỗn hển, răng nghiêng kèn kẹt, đang căng tận lực ra và đang cùng lăn trên mặt đất.

Mêréxép nhìn trời để kiểm một địch thủ, và bỗng nhiên, anh cảm thấy lưng anh lạnh ngắt, tóc anh dựng đứng lên trên đầu. Ở dưới phi cơ anh, một phi cơ LA-5 đang bị một phi cơ “chó biển” từ trên cao đâm xuống tấn công. Anh không đọc được số hiệu phi cơ Liên Xô, nhưng anh hiểu, anh đoán đó là Pêtrốp. Chiếc Phốc Vun nhắm thẳng Pêtrốp xả toàn bộ súng mà bắn tới. Thôi thế là Pêtrốp chỉ còn sống được vài mẩu của giây nữa thôi. Máy máy bay gần nhau hết sức; với quy tắc chiến đấu trên không, thì Alếchxây không tài nào cứu nổi bạn mình nữa. Anh không còn thời giờ, mà cũng không có chỗ để lượn quanh. Cuộc đời của bạn đang bị lâm nguy, Mêréxép phải biết liều. Anh cho máy bay chúi thẳng xuống và mở hết sức máy đâm bổ xuống quân thù. Tất cả sức nặng của máy bay, kèm theo sức rơi của máy, cùng sức mạnh tận cùng của động cơ run lên vì bị căng thẳng một cách kỳ lạ, đẩy phi cơ anh rơi xuống như một cục đá, hay đúng hơn như một hỏa tiễn, đâm thẳng vào con “chó biển” có cặp cánh ngắn, bao bọc nó trong một màng lưới đạn tỏa ngang bắn xối xả. Tốc độ khác thường và sức chúi xuống quá lẹ làm cho đầu óc anh rối loạn. Anh đang rơi xuống vực sâu và mắt anh bắt đầu mờ đi. Nhưng anh cũng vẫn thấy, ở trước anh, nơi cánh quạt anh, chiếc phi cơ “chó biển” bị lớp khói mù mịt bao quanh: nó bị nổ. Còn Pêtrốp? Anh ta bay đâu rồi? Có bị hạ không? Có đủ thì giờ nhảy dù không? Có thoát chết không?

Bầu trời quanh anh trống không. Chỉ còn nghe thấy từ rất xa, từ một chiếc máy bay không nhìn thấy được nữa, một tiếng vang trong không khí dịu yên:

- Đây chim Âu 2, Phêđốtốp. Đây chim Âu 2, Phêđốtốp. Tập hợp quanh tôi. Tập hợp. Về. Đây chim Âu 2...

Phêđốtốp dẫn đội ngũ trở về.

Sau khi đã kết liễu đời cho chiếc Phốc Vun và rồ máy cho vọt lên chiếc phi cơ anh đang chúi thẳng xuống một cách điên cuồng, Mêrétxép thở khoan khoái đầy hai buồng phổi, như khát khao thưởng thức cái yên tĩnh đã trở lại. Anh nhìn vội một cái, vào kim nam châm để tìm đường về, nhưng mặt anh xám đi vì anh thấy xăng chỉ còn đủ sát sàn sạt cho anh về sân bay. Vậy mà chỉ một chút sau, anh lại thấy cái gì ghê rợn hơn cả cái kim đồng hồ đo xăng đang hạ xuống gần con số không. Từ một đám mây lớn xum xòa như bông, không biết từ đâu lại, một phi cơ Phốc Vun 190 đâm thẳng tới anh. Mêrétxép chẳng còn đủ thời giờ suy nghĩ hay tránh chiến đấu nữa. Hai địch thủ chồm vào nhau với tất cả sức mạnh của mình.

6

Tiếng rộn ràng của cuộc chiến đấu không quân trên những quãng đường trên đó các đoàn xe của bộ binh tấn công đang kéo dài ra, không phải chỉ có những người ngồi trên máy bay tham dự cuộc chiến đấu, là nghe rõ mà thôi.

Đại tá Vệ quốc Ivanốp, người chỉ huy trung đoàn chiến đấu cơ, cũng nghe đầy đủ tất cả, bằng một máy thu thanh mạnh mẽ, ở phi trường. Đại tá, bản thân cũng là một phi công lỗi lạc, nên theo những tiếng thu được trên làn sóng, cũng đã hiểu được chiến trận rất khốc liệt, và kẻ thù đang sung sức, nhất định không chịu lùi bước.

Tin Phêđốtốp đang giao chiến ác liệt với quân thù trên đường tiến quân, đã truyền nhanh chóng khắp phi trường. Tất cả những người rảnh việc đều ra khỏi rừng, tới nơi cây cối thưa thớt, lo lắng dõi nhìn lên trời về phía nam, nơi mà các máy bay trở về sẽ lộ dạng. Các bác sĩ mặc blouse trắng chưa ăn xong bữa cơm, cũng chạy ra khỏi nhà ăn. Những chiếc xe tải thương, có vạch những Hồng thập tự lớn phía mũi, cũng vừa ra khỏi rừng, giống như những con voi, và luôn luôn sẵn sàng đáp ứng mọi trường hợp, để máy chạy không nghỉ.

Từ sau ngọn cây, hai phi cơ đầu tiên bay về; không lượn vòng, cả hai hạ cánh, và lăn bánh trên con đường lên xuống của phi trường. Đó là phi cơ số 1 của thiếu tá Phêđốtốp và phi cơ số 2 của người đồng đội. Ngay sau đó, hai chiếc khác cũng đậu xuống. Không khí phía trên rừng tiếp tục ồn ào vì tiếng máy bay trở về.

Tất cả những người đứng trên sân, đều lớn tiếng đếm:

- Bảy, tám, chín, mười...

Rồi họ dõi nhìn trời, lo lắng mỗi lúc một tăng.

Những phi cơ đã hạ cánh rời ngay sân bay, vào nơi trú ẩn, và đã trở nên yên tĩnh. Thế là thiếu mất hai chiếc.

Giữa những người chờ đợi, có lúc lâu yên lặng. Một phút trôi qua, dằng dặc. Rồi có tiếng ai nói nho nhỏ:

- Mêrétxép và Pêtróp đấy.

Chợt có tiếng một chị phụ nữ, vui vẻ, vang lên trên khắp sân bay:

- Kia, một chiếc...

Tiếng một chiếc máy ù ù. Bay với đôi bánh là gần sát ngọn cây bulô, số 12 hạ cánh. Máy bay bị bắn vết đạn chằng chịt. Một mảnh đuôi đã bị văng đi. Đầu cánh trái bị gãy nát, chỉ còn một chút ở đầu tồn ten đầu sợi dây. Phi cơ đụng đất một cách kỳ khôi, nhảy lên, rồi chúi xuống, sau đó còn chồm lên. Nó cứ chồm thế tới cuối sân và ngưng lại đó, mũi chúi xuống. Xe tải thương với các bác sĩ đã đứng sẵn trên bậc lên xuống, vài chiếc díp, cùng tất cả mọi người đều đổ xô tới chỗ phi cơ. Không có ai từ trong phi cơ bước ra.

Phải mở nắp phi cơ ra. Xiêu trên ghế, thân mình Pêtróp đang tắm trong vũng máu; đầu anh ngã xuống ngực, như vô tri vô giác. Trên mặt anh, những chòm tóc đượm mồ hôi ngã xuống, rồi bời, từ bộ tóc vàng óng của anh. Các bác sĩ và nữ y tá coi các dây curoa, tháo chiếc dù dẫm máu và rách tươm vì một mảnh đạn trái phá, và kéo nhẹ xuống đất một thân người không động. Cặp chân phi công cũng bị trúng đạn, tay bị xước một chỗ. Những vết đen sậm lớn dần một cách mau chóng trên bộ áo xanh may liền trên dưới của anh.

Tạm băng bó gấp cho Pêtróp. Rồi đặt anh nằm dài trên băng ca, và chuẩn bị đưa lên xe tải thương. Lúc đó, anh mở mắt, lăm nhăm được vài tiếng, giọng nói yếu ớt quá, không ai nghe nổi. Đại tá cúi xuống anh.

Thương binh hỏi:

- Mêrétxép đâu?

- Chưa về!

Những người tải thương nâng băng ca lên, nhưng thương binh lắc mạnh đầu không chịu, mà lại còn vùng đòi bước xuống là khác nữa.

- Đợi một lát. Đừng mang tôi đi. Tôi không chịu đâu. Tôi muốn chờ Mêrétxép. Anh đã cứu sống tôi.

Anh kháng cự dữ dội, hăm giật băng ra, làm cho đại tá cũng phải lắc đầu chịu theo, và vừa quay đi miệng vừa lẩm bẩm.

- Thế thôi! Để cậu ta ở đó. Ăn thua gì đâu! Mêrétxép chỉ còn một phút xăng nữa là cùng mà thôi. Vậy Pêtrốp không vì thế mà chết được!

Đại tá mắt nhìn trân trân vào chỗ chỉ giây trên đồng hồ chính xác của mình, cái kim đã giật giật mà chạy. Mọi người chú mục lên đỉnh cây, với hy vọng thấy phi cơ cuối cùng xuất hiện phía trên nét răng cửa đó. Mọi người lắng tai. Nhưng ngoài tiếng súng đại bác từ xa ì ầm vọng lại và tiếng chim gõ kiến trên một thân cây gần đó, không nghe thấy tiếng gì khác.

Có những phút trôi qua bất tận...

Hai địch thủ chồm vào nhau với tất cả sức mạnh của mình.

Chiếc Lavốtkin 5 và chiếc Phốc Vun 190 đều là những phi cơ bay lẹ. Hai địch thủ tiến tới nhau với tốc độ nhanh hơn cả âm thanh. Alếchxây Mêrétxép và một phi công cừ khôi trong sư đoàn nổi tiếng Ríchhôphen đang mặt thẳng mặt sẵn tới nhau.

Đánh nhau mặt thẳng mặt trên không, chỉ trong một tích tắc, mau đến nỗi không kịp cho một người lẹ tay nhất đủ thì giờ châm mồi điều thuốc. Để đối phó trong tích tắc đó, người phi công phải đem tất cả nghị lực, tinh thần và gân cốt của mình ra, nhiều hơn trong cả một ngày chiến đấu ở dưới đất.

Thử tưởng tượng hai chiến đấu cơ bay lẹ xô vào nhau với tốc lực cao nhất của mỗi bên. Máy bay địch mỗi lúc một lớn rất lẹ. Tất cả những bộ phận của nó đều bỗng lộ rõ: cánh nó, chong chóng nó xoay bóng nhoáng, những chấm đen của súng nó. Chỉ trong chớp nhoáng, hai máy bay sẽ đập vào nhau, sẽ đều tan tành, và sẽ không thể biết đâu là người, đâu là máy chi cả nữa. Trong giây phút này, không phải chỉ nghị lực mà là tất cả sức lực tinh thần con người của phi công được thử thách. Kẻ nào chỉ yếu đi một chút thôi, không chịu đựng được sự căng thẳng thần kinh đặc biệt này, không đủ can đảm dám chết để thắng, kẻ đó sẽ bất giác kéo cán chổi về phía mình, để cho phi cơ bay vọt lên, tránh cơn bão táp đang ào tới, và thế thì, chỉ trong giây lát, máy bay đó sẽ bị tan tành dưới đất, thân phi cơ bị đạn trở nát và cánh phi cơ tan gãy. Thế là chết toi. Một phi công giỏi biết rõ điều đó, nên chỉ có những kẻ dũng cảm nhất mới dám chiến đấu trực diện như vậy.

Hai địch thủ đâm xố tới nhau dữ dội vô cùng.

Alếchxây hiểu ngay rằng mình đang chạm trán với không phải một cậu trẻ nào của khóa học Gơrin^[19] đã học cầm lái cấp tốc với chương trình luyện tập rút ngắn và được tung ra trường chiến đấu để lấp những lỗ trống đào trong không quân Đức sau những tổn thất lớn ở mặt trận miền Đông. Anh đang đối đầu với một phi công có tài của sư đoàn Ríchhôphen, mà trên

thân phi cơ hẳn chắc còn ghi rất nhiều dấu vết, những hình thù của những phi cơ đã bị hấn hạ trước đây. Đó là một kẻ không chịu lùi, không tránh né chiến đấu.

Alécxây lẩm bẩm:

- Ríchhôphen, sẽ biết nhau!

Anh cắn chặt môi, muốn dướm máu: bấp thịch anh chắc lại, co lại, mắt anh gắn vào ống kính, và với tất cả nghị lực, anh tự bắt mình phải mở mắt thật lớn, chĩa thẳng vào kẻ thù đang nhào tới anh.

Trong lúc căng thẳng như thế, anh tưởng chừng như, qua cánh chong chóng bóng nhoáng của anh, anh đã nhìn thấy nắp trong suốt của buồng máy kẻ thù. Anh lại tưởng đến như thấy được cả cặp mắt người nhìn anh không chớp, với ngọn lửa thù ghét bùng bùng không sao dập tắt được trong cái nhìn đó. Đó là một giả tưởng, do thần kinh căng thẳng, nhưng Alécxây thấy rõ mồn một là như thế. Anh nghĩ: “Thế là hết”. Anh nghĩ vậy, và tất cả các bấp thịch anh càng căng thẳng hơn nữa. Hết! Nhìn thẳng trước mặt, anh bay sấn tới phi cơ vun vút kia, mà hình ảnh càng lớn lên mau lẹ. Không! Tên giặc Đức cũng không chịu bỏ cuộc. Thế là hết!

Anh chuẩn bị chết trong giây lát, nhưng, bỗng nhiên, khi thấy bên kia đã tới vừa tầm tay mình, thì tên Đức đuổi đi. Máy bay của y bay vọt lên. Chỉ trong khoảnh khắc một chớp mắt, Mêrétxép thấy cái bụng xanh biếc của phi cơ Đức lấp lánh trong ánh mặt trời. Anh bấm tất cả cò, nhả luôn một lúc ba băng đạn. Rồi anh cho máy bay mình lộn nhào một cái; khi mặt đất lộn qua đầu anh, anh thấy máy bay kia đang rơi về phía đất như một chiếc lá khô rụng.

Một tình cảm chiến thắng không sao tả được xâm chiếm tâm hồn anh:

- Onga! - Anh la lên như vậy.

Không nghĩ gì khác, anh nhào thêm vài vòng nữa theo chiếc máy bay Đức trong cuộc du hành cuối cùng của nó xuống tận đất, nơi đây bụi cỏ bao bọc như một bộ lông lá màu nâu, cho tới tận lúc phi cơ Đức đụng đất tung một đồng khối đen bay lên.

Đến lúc đó, gân cốt của Mêrétxép mới giãn ra, bắp thịt anh mới mềm đi; anh thấy mệt mỏi vô cùng và mắt anh chột nhìn đồng hồ ghi xăng: kim lắc lư quanh số không. Chỉ còn đủ xăng cho ba hay tốt lắm là bốn phút. Mà muốn về sân bay phải mất đi ít nhất mười phút. Anh lại còn phải mất thì giờ bay vọt lên nữa, thì không biết sao đây. Anh tự nhủ: “Thực là ngu đại như một đứa trẻ thơ; ai lại tiễn con “chó biển” bị hạ tới tận đất bao giờ!”.

Óc anh làm việc lẹ và nghĩ sáng như mọi người biết bình tĩnh khi gặp nguy hiểm. Trước hết, phải bay vọt lên, không lên vòng mà lên thẳng về phía phi trường để đồng thời gần lại. Xong một điểm rồi. Anh đã bay theo đường bay và thấy đất bắt đầu xa, thấy chân trời bao bọc khói; thế là anh có thể yên tĩnh mà tiếp tục làm bài toán. Nói về xăng, thì không có hy vọng gì. Ngay nếu đồng hồ không hẳn chính xác, anh cũng không về tới nơi được. Hạ cánh dọc đường ư? Nhưng ở đâu? Anh ra sức nhớ lại quãng đường bay hồi này, khi đi. Chỉ toàn là rừng rậm, bãi lầy, đồng sâu dưới thung lũng, với những hầm hố cũ, một khoảng đất bị đào sụp tung suốt, rồi lại bị bom xối tung suốt, cùng những mạng dây thép gai ở khắp nơi.

- Hạ cánh xuống, là chết.

Nhảy dù? Có thể được. Chỉ cần mở nắp, bắt đầu lượn tròn, đẩy cái cán chốt, dướn mình một cái, và thế là xong. Nhưng còn phi cơ? Con chim nhanh nhẹn kỳ diệu biết bao! Nhờ đặc tính quý báu của nó, trong ngày nay nó đã cứu sống anh ba lần. Bỏ nó? Phá nó? Biến nó thành đồng nhôm cháy? Đó là một trách nhiệm, nhưng anh không sợ lấy trách nhiệm. Và trong trường hợp như anh bây giờ, quy tắc bảo rằng phải nhảy dù. Nhưng máy bay đối với anh giờ lại giống như một vật sống, đầy vẻ đẹp và sức mạnh, cao quý lại tận tình. Vì vậy, bỏ nó, anh thấy như anh phạm một tội phản bội đê tiện vậy. Với lại, trở về không máy bay sau vài trận đấu đầu tiên, để rồi nằm trong đám quân nhân dự trữ chờ một phi cơ khác, trở về nằm không trong những giờ thăm thiết này, khi một cuộc chiến thắng huy hoàng đã hiện ra trên mặt trận, ngồi đó, chẳng làm gì trong những ngày giờ như thế này...

Aléxây nói lớn như đang cơn tức giận phản kháng bác một đề nghị nào đó:

- Không đời nào!

Cứ bay, máy không ngừng thì hãy cứ bay đã nào. Sau đó? Ra sao sẽ hay. Vì vậy, anh bay lên tới 3.000 rồi 4.000 thước cao, nhìn dò xuống đất cố tìm ít ra một khu rừng thưa nhỏ nào. Nơi chân trời, anh đã thấy lẫn xanh mờ mờ của khu rừng mà sau đó là phi trường. Vậy là còn chừng 15 cây số nữa. Kim đồng hồ xăng không động dậy nữa. Nó hoàn toàn đứng im rồi. Động cơ thì vẫn quay. Nhưng quay bằng gì thế? Trèo, trèo nữa! Hoan hô!

Tiếng máy đều đều, mà tai người phi công không chú ý hơn là một người mạnh khỏe chú ý chỉ đến tim mình đập, bỗng nhiên nó kêu khác. Aléxây thấy ngay. Bây giờ thấy rõ khu rừng; chỉ còn cách bấy cây số thôi, và từ đó đến phi trường thì còn phải chừng ba hay bốn cây số. Như thế cũng chẳng bao nhiêu, nhưng nhịp máy đã đổi một cách bi thảm. Phi công cảm thấy điều đó suốt toàn thân mình, làm như không phải là phi cơ mà là chính bản thân anh đang nghẹn thở. Rồi bỗng nhiên anh nghe tắc một cái, tiếng động cơ ngừng lại. Anh thấy toàn thân như đau nhói...

Nhưng không. Đó là báo động giả. Máy lại quay, quay đều. Nó chạy rồi. Hoan hô! Nó chạy rồi, và đây là khu rừng: đã thấy ngọn cây bulô, với cành lá xanh tươi như bộ tóc uốn éo trong ánh nắng. Khu rừng... giờ đây tuyệt đối không còn có thể có vấn đề hạ cánh được, trừ khi là hạ cánh trên phi trường. Tất cả cầu đã bị rút đằng sau. Chỉ có thể tiến lên mà thôi. Lại có tiếng kẹt kẹt!

Anh lại rồ máy khởi hành lại. Máy còn chạy được bao lâu nữa đây? Dưới là rừng, một con đường cái cắt ngang, thẳng tắp như đường tóc chẻ trên đầu đại tá. Chỉ còn ba cây số nữa là đến phi trường; phi trường kia kìa. Qua những ngọn cây lồm nhồm, Aléxây tưởng như đã thấy nó rồi.

Máy lại lạch cà lạch cạch! Và bỗng nhiên máy im, im thít đến nỗi nghe rõ cả tiếng gió thổi trên thân phi cơ. Thế là xong rồi ư? Mêréxép thấy máu anh như đông lại. Nhảy dù ư? Không! Vẫn còn có thể chờ được một chút nữa. Anh cho máy bay bắt đầu xuống, cho nó trườn lên trên không khí, cố

gắng khiến cho độ xuống càng dài, mà làm sao không cho máy xoay tròn ốc. Máy lặng im tuyệt đối như thế giữa không trung, thật là một điều rùng rợn. Nghe thấy được cả tiếng máy rì rì vì nguội đi. Cũng nghe thấy máu dồn lên thái dương và tai, vì máy bay chúi vội xuống. Đắt đến sao mà mau thế, thật chẳng khác như nó đang hút máy bay như nam châm hút sắt, không sao cưỡng được.

Tới bìa rừng rồi. Xa, giải xanh như ngọc của phi trường hiện ra sáng loáng. Trễ rồi! Chong chóng đã ngừng quay, nằm vướng chéo rồi. Khi đang bay mà thấy cảnh tượng ấy thì thật là khủng khiếp. Rừng ở kia kìa, rất gần. Phải chăng thế là xong?... Vậy là... “Nàng” sẽ không bao giờ biết được cuộc đời này của anh, bước đường đời khổ ải và phi thường mà anh đã sống trong mười tám tháng nay, không bao giờ biết được chiến thắng mà anh đã đoạt được để trở thành trở lại một con người, một con “người chân chính” làm tất cả những cái đó để rơi bệt một cái một cách vô lý nhường này ngay vào lúc mà anh đạt tới đích.

Nhảy dù chẳng? Trễ quá rồi! Rừng lướt qua và ngọn cây lẫn theo nhau như một trận bão táp màu xanh cây cỏ. Anh đã thấy cái đó một lần rồi. Ở đâu? Ấy là vào lúc mùa xuân, khi xảy ra tai nạn ghê gớm của anh, lúc ấy thì những luồng sóng gió xanh ngần đã một lần lướt rồi dưới cánh phi cơ anh. Cố gắng một cách tuyệt vọng, anh quơ cán chổi kéo.

Pêtrốp mất nhiều máu quá, đến nỗi tai anh ù đi. Chung quanh anh, phi trường, những bộ mặt quen thuộc, mây hồng vì ánh chiều, tất cả bắt đầu quay cuồng, lộn xộn. Anh cố nghiêng mình quay cái chân bị thương, và chính vì đau nhói nên anh thức tỉnh lại.

- Anh vẫn chưa về à?...

Có người trả lời:

- Chưa? Đừng nói nữa!

Có thể thế được không? Alếchxây Mêrétxép, người hôm nay đã, như một vị thiên thần có cánh, đâm bổ được vào tên Đức bằng cách lái máy dừng cảm một cách kỳ lạ, giữa khi Pêtrốp tưởng mình đã mười mười bỏ mạng, lẽ nào bây giờ chỉ còn là một đồng thịt không ra hình thù chi cả, cháy đen thui trên mảnh đất thảm khốc này, bị đào xới lên và lồi lõm vì đạn đại bác? Như thế là không bao giờ nữa trung sĩ nhất Pêtrốp còn được thấy cặp mắt đen của người chỉ huy mình, cặp mắt hiền từ, vui vẻ nhường bao, lại đôi lúc như ít nhiều say đắm? Không bao giờ nữa...

Đại tá buông tay áo nhà binh xuống. Bây giờ nhìn đồng hồ không ích gì nữa. Đại tá đưa tay lên tóc làm đường chẻ, và giọng nói như cái máy, đại tá nói:

- Thôi. Thế là hết.

Một người hỏi:

- Không còn hy vọng gì nữa sao?

- Hết rồi. Anh ta đã hết xăng mất rồi. Chỉ mong là anh đã hạ cánh xuống được đâu đó, hay đã nhảy dù. Thôi! Mang băng ca đi thôi!

Đại tá quay đi và huýt sáo, điệu sai lạc một cách ghê gớm. Pêtrốp lại thấy có cục gì nóng bỏng bít cuống họng anh, Pêtrốp nghẹn thở. Anh nấc nấc một cái tiếng kỳ quặc như người lên cơn ho nặng. Tất cả những người đứng đó, im lặng, giữa phi trường, giạt mình và quay vội lại: phi công bị thương đang khóc nức nở trên băng ca.

Đại tá la lớn với một giọng không phải giọng mình:

- Đem anh ta đi. Trời ơi là trời!

Rồi ông bỏ đi, vội vã, lưng ngoảnh đi, không nhìn ai hết, nhăn nhó mặt như người đang đi trong trận giông tố.

Mọi người êm êm tản ra đi trong sân bay, trong khi, bỗng nhiên, êm như một chiếc bóng, sau khi lướt bánh xe trên ngọn cây bulô, một chiếc phi cơ chồm từ phía trên rặng cây chồm tới. Nó lướt như một bóng ma thiêng trên đầu mọi người và cùng một lúc ba bánh xe đều đụng đất. Rồi nghe thấy một tiếng két, tiếng sỏi lạo sạo, tiếng cò sột soạt, những thứ tiếng bất thường vì phi công thường không nghe thấy bao giờ trong tiếng động cơ nổ ran. Tất cả những cái đó kỳ quặc lạ thường quá, không ai có thể hiểu nổi đã có việc gì xảy ra, tuy thực ra việc về đó, bản thân nó, có gì là không bình thường đâu! Một chiếc máy bay vừa hạ cánh, lại đúng là chiếc số 11, chiếc mà mọi người đều trông đợi, chứ có gì đâu!

Một tiếng nói vang lên một cách khác thường đến nỗi như có phép nhiệm màu nào đó đang làm cả đám đông người sờ sững.

- Anh đấy!

Máy bay đã như chạy hết đà. Tiếng thắng kêu ken két và nó đậu ngay ở bìa sân bay, trước bức tường cây bulô, mà lá cành và thân cây trắng toát như bừng cháy ánh sáng mặt trời đang lặn.

Một lần nữa, không có người mở nắp cửa phi cơ đứng lên; mọi người hấp tấp chạy tới máy bay, lòng hồi hộp sợ có tai nạn đau thương. Đại tá đến trước tiên, nhảy lên cánh, mở nắp ra, nhìn vào buồng máy. Mêrétxép ngồi đó, đầu trần, mặt xám ngắt, nụ cười nở trên cặp môi không còn một giọt máu. Ở phía môi dưới bị rách nát, hai dòng máu nhỏ chảy xuống cằm.

- Còn sống chứ? Có bị thương không?

Anh nhìn đại tá, mỉm cười nhợt nhạt, cặp mắt mệt mỏi.

- Không! Nguyên vẹn. Nhưng tôi sợ hết hồn... Sáu cây số không còn một giọt xăng.

Các bạn phi công mừng rỡ, khen ngợi anh, siết chặt tay anh. Alếchxây mỉm cười:

- Thế nào thế, các ông bạn, các ông muốn bẻ gãy cánh tôi đấy à? Thế được sao? Tôi xuống ngay bây giờ mà!

Lúc đó anh nghe phía dưới anh, qua lớp đầu người nhấp nhô, một tiếng quen thuộc, nhưng rất yếu như rất xa vọng lại.

- Alếchxây! Alếchxây!

Mêrétxép lập tức thấy mình như vừa hồi sinh. Anh nhồm phắt dậy, dướn mình một cái, tung ra phía ngoài buồng lái máy cặp chân nặng nề của mình, suýt đẩy ngã một người, và xuống đất.

Mặt Pêtrốp trắng bạch như lẫn với màu vải gối. Trong cặp mắt quầng đen, rưng rưng hai giọt lệ lớn.

- Tội nghiệp cậu. Cậu còn sống... Thật là một câu chuyện phiêu lưu thần kỳ, quý quái...

Mêrétxép ngã quỵ gối trước băng ca tải thương, lấy hai tay ôm đầu người đồng chí của mình, cúi xuống cặp mắt xanh mà anh thấy in rõ nét đau đớn, nhưng chan hòa sung sướng.

- Cậu còn sống à?

- Cám ơn, Alếchxây. Anh đã cứu sống tôi. Alếchxây, anh là... anh thật thật là...

Đại tá la lớn như tiếng sấm:

- Đã bảo đưa anh thương binh đi mà... Chứ, trời ơi là trời, sao cứ đứng ngẩn ra thế?

Ông đứng đó, người thấp bé, cử chỉ lẹ làng, đôi ủng sáng bóng dưới mép bộ quần áo thợ máy xanh dương.

- Trung úy Mêrétxép, báo cáo. Đã hạ mấy phi cơ.

- Dạ, đồng chí đại tá: hai chiếc Phốc Vun.

- Trường hợp?

- Một chiếc do chúi xuống mà bắn. Nó bám sau đuôi Pêtrốp. Chiếc thứ hai, do tấn công trực diện, cách nơi chiến đấu chính ba cây số về phía bắc.

- Tôi biết rồi. Quan sát dưới đất cũng vừa đã cho biết... Cảm ơn...

- Tôi phục vụ...

Mêrétxép định nói hết câu chót theo thủ tục quân nhân, nhưng đại tá, tuy nghiêm khắc là thế đối với quy tắc, mà ngắt lời anh bằng một giọng nói rất thân mật:

- Được rồi. Ngày mai anh sẽ chỉ huy một phi đội thay cho... Đồng chí chỉ huy phi đội ba bữa nay không về.

Hai người đi bộ về cơ quan chỉ huy. Chiều nay không xuất trận nữa, và tất cả theo hai người về cơ quan.

Khi mọi người tới đã gần quả đồi xanh nho nhỏ của cơ quan chỉ huy, thì sĩ quan thường trực chạy vội ra. Đầu trần, anh đứng lại trước mặt cấp chỉ huy, mặt hớn hở vui sướng, nhưng khi anh định mở miệng nói thì đại tá ngắt lời một cách cứng cỏi:

- Thế mũ anh đâu? Anh tưởng đây là trường học vào lúc giờ chơi sao?

Viên trung úy, vừa đứng nghiêm vừa thở không ra hơi, nói:

- Đồng chí đại tá, xin cho phép tôi nói rõ...

- Sao?

- Bên lán giềng ta, đại tá chỉ huy trung đoàn phi cơ Yắc kêu điện thoại cho đồng chí ạ.

- Bên lán giềng à? Có chuyện gì vậy?

Đại tá chạy về nơi trú ẩn.

Sĩ quan thường trực bắt đầu cắt nghĩa cho Mêrétxép nghe:

- Đang nói chuyện về anh đó.

Nhưng mới nói được thế, từ trong nơi trú ẩn, tiếng nói của đại tá vọng ra:

- Mêrétxép, vào đây.

Khi Mêrétxép tới gần ông, đứng nghiêm, đại tá lấy tay che ống nói, quay lại nói với anh.

- Thế là thế nào? Anh định làm cho người ta coi tôi như một thằng ngu, phải không? Bên lán giềng điện thoại hỏi tôi: “Trong đám phi công của anh, người lái máy bay số 11 là ai vậy?”. Tôi trả lời: “Trung úy Mêrétxép”.

“Anh đã ghi công anh ấy hạ mấy phi cơ hôm nay?” “Hai”. “Vậy thì anh có thể ghi thêm cho anh ta một máy bay nữa. Anh ấy đã rút ra được một chiếc Phốc Vun nó bám lấy đuôi tôi. Chính mắt tôi thấy chiếc phi cơ này rơi xuống đất”. Đó, không biết nói năng gì khác nữa à?

Đại tá vừa nói, vừa nhìn Aléchxây, làm ra vé câu kính, trông không biết đại tá đùa hay giận thật.

- Sao? Chuyện như thế đấy à? Anh ra mà giải thích lấy với bên láng giềng. A lô. Anh nghe không? Tôi để cho anh nói chuyện với trung úy Mêrétxép.

Aléchxây nghe thấy một giọng nói trầm trầm và lớn tiếng, mà anh không quen:

- Đây, trung úy, cảm ơn đấy. Thật là một cú tuyệt diệu; anh đã cứu sống tôi. Tôi đã bay theo nó xuống tận đất để coi nó tan tành... Anh có uống một hơi rượu vốtca không? Sang chơi bên cơ quan chỉ huy của tôi đi. Tôi nợ anh một lít... Cảm ơn lần nữa nghe! Siết chặt cái cẳng anh và trông anh đấy.

Mêrétxép mắc lại ống nghe. Anh đã hết sức mệt mỏi vì những sự việc dồn dập trong ngày. Anh không đứng nổi nữa. Anh chỉ có một ý nghĩ là về gấp nơi ổ chuột, để cởi cặp chân giả ra và nằm dài nghỉ ngơi. Anh loạng choạng một lát bên điện thoại, rồi từ từ bước ra phía cửa.

- Anh đi đâu đấy?

Đại tá chặn cửa anh. Đại tá nắm tay Mêrétxép và siết chặt tay anh trong bàn tay nhỏ bé và khô cằn của đại tá, chặt đến nỗi làm cho tay anh đau nhói.

- Anh muốn tôi nói gì với anh được? Hoan hô! Tôi rất hãnh diện được chỉ huy những chú như anh. Cảm ơn. Và cả cái cậu bạn nhỏ Pêtrốp của anh nữa! Thật là một thanh niên rất hay! Và tất cả những anh khác nữa... Với một dân tộc như vậy, không thể thua trận được.

Đại tá lại siết chặt tay Mêrétxép, siết muốn gãy tay anh.

Trời tối đêm rồi lúc Mêrétxép về nơi trú ẩn. Anh trần trọc hoài không ngủ được. Anh xoay đi xoay lại gối đủ chiều, đếm từ một đến một ngàn và từ một ngàn tới một, kêu tên những bạn bắt đầu bằng chữ A rồi sang đến

người chữ B. Anh nhìn chòng chọc ánh lửa nhỏ của ngọn đèn chong ban đêm. Anh cố thử đủ mọi cách để ngủ, mà không ngủ được. Hôm nay, không có cách gì cả. Anh vừa chớp mắt thì những hình ảnh quen thuộc lại hiện ra múa may trước mắt: khi thì chỉ mờ mờ trong bóng tối, khi thì thật là rõ. Bác Mikhailô, dưới mớ tóc bạc, nhìn anh mà trầm ngâm suy nghĩ; Andơrây Đếchcharencô với cặp lông mi đuôi bò, nháy mắt nhìn anh thân thiết; Vaxili Vaxiliêvít vừa lắc lư mớ đầu tóc hoa râm vừa quở mắng ai đó một trận; ông già thiện xạ cười vui vẻ nhả ra toàn bộ những vết nhăn nếp trên bộ mặt oai hùng của ông; trên gối trắng, lộ gương mặt trắng bệch như sáp của chính ủy Vôrôbiốp hiện ra, nhìn Alếchxây bằng cặp mắt thông minh và cười vui, hiểu nổi được tất cả cái gì; bộ bờm như lửa cháy của Dinốtca vờn trước gió; gương mặt linh động nhỏ nhắn của huấn luyện viên Naumốp ra hiệu với anh bằng cái nháy mắt đồng tình: tất cả những gương mặt ấy, đối với anh, thật là thân thiết, mỉm cười với anh trong bóng tối, gọi lại cho anh biết bao nhiêu những kỷ niệm và làm cho anh ấm lòng, lòng anh đã sẵn sàng tràn trề từ trước. Và giữa những khuôn mặt thân yêu ấy, đây gương mặt của Onga lại hiện ra, gương mặt của một bé em ốm gầy, mặc quân phục sĩ quan, với cặp mắt lớn và mệt mỏi. Alếchxây nhìn rõ khuôn mặt đó và thấy khuôn mặt đó như chan hòa bao nhiêu ánh sáng chiếu vào, khiến anh có cảm tưởng như được thấy thực sự người thiếu nữ ấy đứng trước mặt anh, mặc dầu anh chưa từng thấy nàng như thế lần nào. Hình ảnh ấy xúc động đến nỗi làm anh ngồi nhồm dậy.

Thôi, mặc thây giấc ngủ! Alếchxây thấy mình tràn ngập một niềm nghị lực vui say. Anh nhảy ra khỏi giường, thắp cây đèn “Stalingorát” giật lấy một tờ giấy trong cuốn vở, mài nhọn bút chì và viết thư.

“Em thân yêu”... Tay anh ngoáy lia lịa trên giấy vẫn không kịp với tốc độ tư tưởng của anh trào ra. “Hôm nay anh đã hạ được ba phi cơ của giặc Đức, nhưng đó không phải là điều trọng yếu. Có những đồng chí vẫn làm như thế mỗi ngày, anh không có ý định khoe khoang với em... Em thân yêu xa xôi, em yêu quý của anh. Hôm nay anh muốn, vì bây giờ anh đã có quyền đó, kể cho em nghe tất cả những chuyện đã xảy ra cho anh trong mười tám

tháng nay, và anh xin em tha thứ, rộng lượng tha thứ cho anh, lỗi đã giấu em. Nhưng cuối cùng, bữa nay, anh muốn nói rõ với em...”

Alếchxây suy nghĩ. Sau những tấm ván che trại trú ẩn này, chuột chạy rúc rích làm cát khô rơi lả tả. Từ ngoài cửa không đóng, cùng hương thơm ẩm ướt và mát mẻ của những cây bulô và của những bãi cỏ đầy hoa, tiếng chim họa mi lãnh lót ca từng chập trào vào gian nhà, chỉ dịu nhẹ đi chút ít nào thôi, ở đâu đây, không xa lắm, sau lũng đất, có lẽ ở gần nơi nhà ăn của sĩ quan, một nam một nữ đang hòa tiếng ca đôi bài ca đầy tình thương nhớ, bài “Cây dâu”. Tiếng ca được không gian làm cho dịu bớt đi trong đêm trường có một âm hưởng thú vui đặc biệt, nó gọi trong lòng người một niềm băng khuâng man mác rất êm đềm, cái băng khuâng man mác của chờ mong, của hy vọng.

Tiếng đại bác nổ rền âm ỉ, bây giờ hầu như không còn vọng tới trường bay từ nay đã là ở hậu phương rồi. Đại bác chẳng làm át nổi tiếng ca của con người, chẳng làm át nổi giọng chim họa mi riu rít, và cũng chẳng làm át nổi tiếng xào xạc ban đêm của cây rừng yên tĩnh...

KẾT CỤC

Chiến trận miền Oren đang hoàn thành thắng lợi và những trung đoàn đầu tiên tiến tới ở mạn bắc đã báo cho biết rằng, từ đồi núi Cờátsnôgóc, đã thấy thành phố bùng bùng cháy. Bộ tham mưu mặt trận Bơriăngcơ nhận được báo cáo cho biết một trung đoàn phi cơ chiến đấu Vệ quốc tham chiến ở khu vực này, trong chín ngày gần đây, đã hạ bốn mươi bảy máy bay địch. Họ chỉ bị mất năm phi cơ và ba phi công, còn hai phi công kia thì đã kịp nhảy dù và đi bộ về với trung đoàn. Ngay trong lúc cuộc tổng phản công của quân đội Liên Xô bước vào giai đoạn quyết liệt, một thống kê chiến thắng như thế cũng không phải là chuyện phổ biến. Tôi liền đáp máy bay liên lạc để tới trung đoàn này, định viết một bài về những thành tích của các phi công này, đăng lên báo “Sự thật”.

Phi trường xây dựng trên một đồng cỏ đã được san phẳng bằng cách dẹp đi những ổ chuột. Phi cơ được nghỉ trong tại bìa một khu rừng bulô nhỏ, giống như một tổ chim nhỏ. Tóm lại, đó là một phi trường trên mặt trận, giống như nhiều phi trường khác được xây dựng giữa chiến tranh.

Chúng tôi hạ cánh vào buổi chiều; trung đoàn vừa hoàn thành một ngày công tác mệt nhọc. Phía trước vùng Oren, quân Đức đang ráo riết hoạt động không quân. Các chiến đấu cơ đã phải xuất trận bảy lần trong ngày. Tối rồi, khi phi đội cuối cùng trở về sau khi làm xong nhiệm vụ thứ tám. Đại tá, một người vóc nhỏ, dây lưng thắt ngang mình, nhanh nhẹn với nước da bánh mật, với bộ áo thợ máy xanh dương còn mới nguyên, mũ đội rất đẹp. Đại tá nói rất thẳng thắn với tôi rằng bữa nay không thể kể một câu chuyện gì nghe được cả. Đại tá đã ra sân bay từ sáu giờ sáng, bản thân đại tá đã ba lần trong ngày, và bây giờ thì mệt như người, không đứng vững nổi nữa. Các sĩ quan khác cũng rất mệt, và chả ai sẵn sàng trả lời những câu phỏng vấn cả. Rõ ràng là phải chờ tới hôm sau, nhất là, dù thế nào đi nữa, tôi cũng không trở về được vì muộn quá mất rồi. Mặt trời đã chiếu lên tới tận ngọn cây bulô, làm như bao phủ ngọn cây bằng vàng đang chảy ra.

Những máy bay sau cùng hạ cánh, nhưng để máy vẫn nổ, trở thẳng về nơi cất giấu ở cửa rừng. Thợ máy tiếp nhận phi cơ ngay và chỉ khi máy bay đã nằm im trong tổ xanh um làm bằng đất nện và phủ cỏ, thì lúc đó phi công, mặt xanh đi vì mệt nhọc, mới chậm chạp rời khỏi phòng lái máy bay mà về.

Người về sau cùng là viên chỉ huy phi đội thứ ba. Nấp máy bay trong suốt bật lên. Đầu tiên là thấy ngay một chiếc gậy lớn bằng mun chạm vàng ló lên và rơi xuống cỏ, rồi một người da bánh ít, tóc đen, dùng sức hai tay mạnh mẽ đánh đu lên, nhanh nhẹn vắt chân nhảy qua bờ, đặt chân lên cánh máy bay và nặng nề bước xuống đất. Có người cho tôi hay rằng đó là người cầm lái xuất sắc nhất trung đoàn. Để tranh thủ thời gian khỏi mất buổi chiều nay, tôi định nói chuyện chút ít với anh ngay. Tôi nhớ mãi rõ ràng cặp mắt vui vẻ anh nhìn tôi, cùng gương mặt tươi sáng với cặp mắt đen huyền của anh, trông như mắt người Bôhêmiêng. Trong người anh có cái nghịch ngợm của đứa trẻ, pha trộn một cách kỳ quặc với cái khôn ngoan của một người đã trải qua nhiều thử thách. Anh mỉm cười nói với tôi:

- Tôi nói thật! Anh không thương tôi chút nào! Chân tôi tê mỏi và tai tôi đang ù đi rồi đấy. Anh ăn cơm chưa? Chưa à! Vậy thì hay lắm, anh đến nhà ăn, chúng ta cùng ăn tối nay. Ở đây có quyền uống 200 gam Vốtca mỗi khi hạ được một máy bay địch, hôm nay thế là tôi được 600 gam, như thế hai chúng ta uống chắc cũng khá đầy đủ. Thôi, đi nhé! Chúng ta sẽ nói chuyện ở bàn ăn, nếu quả anh gấp lắm.

Tôi nhận lời. Con người thẳng thắn và vui vẻ ấy đã làm cho tôi quý mến. Chúng tôi bước theo con đường mòn do các phi công thường qua lại rừng, đã giẫm mãi trên đất, trên cỏ, mà vạch ra. Phi công mà tôi vừa làm quen, bước mau, vừa đi vừa lâu lâu cúi xuống hái ở dọc đường, những trái việt quất hay nham lê màu hồng, để rồi lập tức tung vào miệng. Anh phải mệt lắm mới đi có vẻ nặng nề như thế. Nhưng anh cũng không chống cây gậy đặc biệt của anh. Cây gậy mắc trên tay, và anh chỉ cầm nó lâu lâu, khi nào anh muốn đập bay đầu một cây nấm hay những cụm hồng của một thứ hoa dại. Khi chúng tôi đi qua cái hẻm và phải leo lên một đường dốc đất sét

trơn, phi công phải nắm bụi cây mà chậm chậm lên, song anh vẫn không chống gậy. Với lại, khi tới nhà ăn, thì cái mệt của anh bỗng biến đâu mất, như có quỷ thuật vậy. Anh đến ngồi bên cửa sổ, nơi hoàng hôn chiếu ánh nắng đỏ au xuống; theo các phi công, ánh nắng đó báo hiệu ngày mai gió lớn. Anh uống ngon lành và ông ọc một ly nước lớn, trên một cô bồi bàn xinh xắn tóc quăn tít, về vấn đề một anh bạn của cô còn nằm ở nhà thương: chính vì anh chàng đó mà cô đang trí khi nêm muối vào xúp! Anh ăn ngon miệng, răng khỏe nhai gặm xương sườn nghe rau rầu. Anh nô đùa với các đồng chí bên kia bàn và hỏi đi hỏi lại mãi tôi tin tức Mátxcơva: anh muốn biết có sách gì mới ra, các rạp hát đang diễn vở gì; các rạp hát nơi đó, anh nói là anh tiếc quá chưa hề đặt chân tới được lần nào. Sau khi ăn tráng miệng xong, - tráng miệng ở đây là mút việt quất, mà ở đây thường gọi là “mây giông”, - anh hỏi tôi:

- Anh ngủ ở đâu? Chưa biết à? Nếu vậy, được. Anh cứ về ngủ ở nơi trú của tôi nhé. - Mặt anh sa sầm xuống một lát, rồi anh lại cắt nghĩa cho tôi nghe, giọng khàn khàn: - Đồng chí của tôi không về. Vậy sẽ có một giường trống. Rồi sẽ kiểm cho anh bộ đồ ngủ sạch sẽ. Thôi, ta đi.

Anh là người hiếu khách, ưa nói chuyện với những người mới tới và thích tìm biết tất cả những gì người đó viết. Tôi nhận lời mời của anh. Chúng tôi lại đi trở lại cái hẻm, dọc theo những dốc lên xuống mà dưới đó, trong hương thơm của đất ẩm ướt, của nấm, giữa những đám cỏ hình phổi và những cây phúc bồn tử, đã đào những nhà hầm trú ẩn.

Khi ánh lửa nhỏ bé bốc khói của chiếc đèn chong ban đêm “Stalingorát” đã chiếu sáng căn hầm trú ẩn, thì nhìn thấy chỗ đó cũng khá rộng và tương đối thoải mái. Trong những lỗ đào hõm vào vách đất thó, thấy có những nệm nhồi rơm và thơm tho tươi mát bọc vải lều: đó là hai chiếc giường rất tốt. Ở mấy góc, đều có những cành cây bulô còn tươi, phi công giải thích: như thế thơm. Phía đầu giường, có đào trong đất những lỗ đều đặn thành những hốc có lót giấy nhật trình, dùng làm chỗ để sách và dẹp những đồ lật vạt để tắm rửa cùng những dao cạo râu. Trên đầu một trong những giường đó, thấy mờ mờ hai tấm hình lồng trong khung kính nhựa. Những khung

kính này được những anh tháo vát trong trung đoàn, lúc rảnh đã kiếm những mảnh vụn ở máy bay Đức làm ra hàng loạt. Trên bàn, một gà mèn của quân nhân đầy những trái phúc bồn tử rừng thơm phức. Trái phúc bồn tử đó, cây bulô tươi, rơm, cành thông, ngổn ngang dưới đất với mùi thơm của cuộc sống, tất cả tạo thành một bầu không khí tươi vui trong hầm ẩn. Ở đây, mát dịu, và những con dế dưới hẻm nỉ non thích thú làm cho ta thấy toàn thân thấm thía một thứ mệt nhọc sáng khoái. Nên chúng tôi quyết định với chủ nhà, thôi để đến ngày mai hãy nói chuyện và cũng để đến ngày mai mới dùng nốt gà mèn mà chúng tôi đã bắt đầu nếm.

Phi công đi ra phía ngoài; tiếng anh vừa chà ràng rửa ráy bằng nước lạnh vừa vung vẩy làm náo động cả khu rừng. Anh trở về với vẻ tươi tắn, dễ chịu, nước còn dính trên lông mày, trên tóc; anh vận mỗi đèn nhỏ đi và cởi bớt quần áo ngoài. Một vật nặng nề rơi xuống đất. Tôi quay lại và thấy một cảnh tượng khó tin: anh vừa tháo cặp chân giả, để nó xuống đất. Một phi công cụt cả hai cẳng, và lại là một phi công săn giặc nữa. Một phi công trong ngày hôm nay vừa đã xuất trận bảy lần và hạ ba máy bay địch. Tôi thấy hình như không thể có thực như thế.

Đôi chân anh, hay đúng hơn bộ chân giả đi giày cao cổ của quân nhân, trông sang lắm, lẩn trên đất. Đầu mồm đôi chân giả lộ ra dưới giường và tưởng đâu như đó là chân một người nấp dưới giường. Chắc tôi có vẻ vô cùng ngỡ ngàng, vì chủ nhà nhìn tôi mỉm cười như bằng lòng lắm, và hỏi đùa:

- Anh không thấy rõ từ trước sao?

- Tôi không thể nghĩ tới thế được?

- Vậy thì được lắm. Và cảm ơn anh. Điều làm tôi ngạc nhiên, là chưa ai kể cho anh nghe chuyện này. Ngồi lê mách lẻo, thì chưa thấy đâu bằng các phi công lỗi lạc của trung đoàn chúng tôi. Thế thì, anh thử nghĩ coi, khi có khách, nhất là khách lại là một người của báo “Sự thật” làm sao mà mọi người không vội vã đem cái “của lạ” ra cho coi!

- Đây thật là một việc chưa từng thấy. Một thành tích thần kỳ đấy chứ, trời ơi trời! Không có chân mà lái phi cơ săn giặc ra trận. Chuyện chưa từng thấy trong lịch sử phi hành.

Phi công vui vẻ huýt sáo.

- Lịch sử phi hành à... Có nhiều việc mà lịch sử phi hành không thể biết được trước khi các phi công Xô viết giảng dạy cho trong cuộc chiến tranh này. Với lại, này! Anh biết đấy, cũng có gì thật bảnh đầu. Anh có thể tin rằng tôi thì tôi thích bay bằng những chân thật hơn là những chân kiểu này. Nhưng biết làm sao giờ? Hoàn cảnh đưa đến bắt buộc phải như thế - Phi công thờ dài. Ngoài ra, muốn thật công bằng, lịch sử phi hành đã có biết tới những trường hợp tương tự như trường hợp này đấy chứ. Anh giở cặp đựng bản đồ và lấy ra một bài cắt trong báo đã nhàu nát và rách theo mỗi nếp gấp, mà anh đã dán cẩn thận trên một tờ giấy bóng kính. Đây có nói tới một phi công cụt một cẳng và vẫn lái được máy bay.

- Phải rồi, nhưng anh ta cũng còn lại một chân. Với lại, anh ấy không lái phi cơ sẵn giặc, mà chỉ lái một chiếc Phácmăng kiểu xưa.

- Nhưng tôi, tôi là một phi công Xô viết. Đừng cho là tôi tự ca tụng mình nhé, đó không phải là lời nói tự tôi đặt ra. Người nói câu ấy mới là một người kỳ diệu, một người chân chính (phi công nhấn mạnh tiếng “chân chính”). Bây giờ, anh đã chết.

Trên gương mặt cương nghị của phi công, thấy thoáng qua bóng một niềm băng khuâng âu yếm. Mắt anh sáng lên và gương mặt anh bỗng nhiên như trẻ lại mười tuổi. Anh có dáng của một thiếu niên, và tôi rất ngạc nhiên, vì cách đó mấy phút tôi tưởng chủ nhà là một người đứng tuổi; thực ra giờ tôi mới thấy anh chừng chưa tới 23 tuổi.

- Thường mỗi khi ai bắt đầu hỏi tôi về câu chuyện này, thì tôi bực mình, hết chỗ nói. Nhưng lạ là bây giờ đây thì tất cả lại đến với trí nhớ của tôi... Và lại, ngày mai thì anh không còn ở đây nữa, ngày mai thì chúng ta từ biệt nhau, và có lẽ sẽ không bao giờ còn gặp nhau nữa. Nếu anh muốn, thì tôi kể cho anh câu chuyện chân tôi.

Anh lên giường kéo mền đắp tới cằm và bắt đầu kể. Có thể nói anh đang nghĩ ngợi ra tiếng, chớ không kể gì đến người đối thoại với mình; nhưng câu chuyện của anh thật là nổi, nhiều màu nhiều sắc. Cứ nghe đã thấy anh thông minh sâu sắc, có một trí nhớ rất hay và một tấm lòng vĩ đại. Tôi biết

ngay rằng tôi sắp được nghe một câu chuyện kỳ lạ, đến cái mức là chưa ai từng được dịp nghe. Tôi bèn vớ lấy một cuốn vở học trò để trên bàn, có ghi tựa: “Nhật ký công tác của phi đội ba”, và tôi bắt đầu ghi chép câu chuyện anh kể.

Đêm tối dần dần tràn vào khu rừng. Ngọn đèn nhỏ chong ban đêm đặt trên bàn và nổ tí tách lên khói; không bao lâu, những con bướm đêm liêu lĩnh đến thiêu cặp cánh của chúng trên ngọn lửa và rơi lả tả quanh đèn. Đầu hôm, gió nhẹ lùa vào mang theo tiếng ăccoócdêông ề à; nhưng rồi tiếng ăccoócdêông bật đi, và giọng nói đều đều của anh, hơi ồ ồ, chỉ còn đi theo cùng tiếng rừng đêm, tiếng vạc kêu inh ỏi, tiếng cú mèo than xa xôi, tiếng ễnh ương dưới đầm, gần đó, cùng tiếng đế nỉ non.

Câu chuyện kỳ lạ của người này đã làm tôi say mê sâu sắc đến nỗi tôi đã cố gắng ghi thật đầy đủ chi tiết. Tôi chép đầy cả một cuốn tập. Tôi lại lấy một cuốn khác trên kệ và cũng chép đầy kín ngay, và tôi không ngờ trời đã bắt đầu chiếu ánh sáng trắng vào con đường hầm đưa tới nhà trú ẩn, khi Alếchxây nói đến đoạn sau khi đã hạ ba phi cơ Đức của sư đoàn Ríchhốpphen, anh cảm thấy anh đã trở lại thành một người, một phi công như mọi người.

Anh ngắt ngang câu chuyện giữa một câu đang nói dở:

- Thôi! Chúng ta đã nói chuyện ba hoa nhiều rồi, và ngày mai thì sáng tinh sương tôi còn phải xuất trận. Tôi không làm anh bức mình quá chớ? Bây giờ chúng ta phải đi ngủ thôi.

Tôi hỏi anh:

- Thế còn Onga, sau này cô ra sao? Cô đã trả lời anh ra sao? Tôi nói thêm ngay: Xin lỗi anh, nếu câu hỏi của tôi khiến anh không thích; không tiện trả lời, thì xin anh đừng trả lời.

Anh cười nói:

- Nhưng không, có sao đâu? Cô ấy và tôi, chúng tôi là hai đứa hết sức kỳ cục. Anh biết không? Đếchcharencô đã viết thư ngay cho cô kể hết chuyện: đầu tiên, là tôi gặp nạn, rồi hai chân tôi bị cưa. Còn cô, thì cô thấy tôi giầu, nên cô nghĩ rằng tôi đau khổ lắm khi nói sự thực, nên cô làm như không

biết gì cả. Ấy thế đó, thế là chúng tôi đã nói lếu với nhau một cách vô bổ. Anh muốn biết mặt nàng không?

Anh khêu ngọn đèn lớn hơn chút và soi đèn lại gần mấy tấm ảnh trong khung kính nhựa treo trên đầu giường anh. Trên một chiếc ảnh, tự chụp lấy chứ không phải thợ chụp, màu đã ngả vàng và nhàu nát cả, phải chú ý mới nhận thấy hình một thiếu nữ mỉm cười hồn nhiên ngồi trên đồng cỏ, lốm đốm hoa.

Trên ảnh kia cũng thiếu nữ đó mặc quân phục thiếu úy công tác kỹ thuật, mặt gầy ốm thông minh và tư lự. Nàng ốm lắm đến nỗi với bộ quân phục, nàng giống như một cậu bé ngộ nghĩnh, nhưng cậu bé đó lại có cặp mắt một mồi và có cái nhìn sâu sắc không phải là cặp mắt của một em bé.

- Anh thích không?

Tôi rất nghiêm chỉnh trả lời anh:

- Thích lắm!

Anh cười cứ trông mà đủ vui:

- Tôi cũng thế!

- Còn Sturúccốp, bây giờ ra sao?

- Tôi không được tin gì cả. Thư sau chót mà tôi nhận được là vào mùa đông này. Thư đó gửi từ Vêlnê Luky.

- Thế còn anh chiến sĩ xe tăng? Anh tên chi nhỉ?

- Gorigôri Gơvôđép. Bây giờ anh là thiếu tá. Anh đã tham gia cuộc chiến đấu nổi tiếng ở Pờrôkhôrốpka; rồi tham gia cuộc tấn công bằng chiến xa ở tuyến đầu miền Cuốcsơ. Chúng tôi chiến đấu gần sát bên nhau mà không biết. Anh chỉ huy một trung đoàn chiến xa. Đã lâu, anh không biên thư cho tôi. Nhưng thế nào rồi chúng tôi cũng sẽ gặp nhau. Rồi thì đâu ra đấy mà! Trong đời còn biết bao nhiêu việc phải làm. Nhưng thôi, bây giờ phải ngủ thôi. Trời sáng rồi đó.

Anh thổi tắt ngọn đèn. Gian nhà hầm trú ẩn chìm vào bóng tranh tối tranh sáng đã lẫn với ánh trắng sâu nảo của trời bình minh bên ngoài. Tiếng muỗi bay vo vo, đó là điều bất tiện duy nhất của trại trú ẩn này giữa rừng.

- Tôi thật muốn viết một bài nói về anh trên báo “Sự thật”

Anh lơ là trả lời:

- Viết gì thì tùy anh...

Và bằng một giọng buồn ngủ, anh nói thêm:

- Có lẽ chả đáng viết đâu! Nếu lọt vào tay bọn Gơben^[20], thì chúng lại xuyên tạc ầm lên là: Bọn Nga bắt cả những người què chiến đấu vân vân và vân vân. Bọn phát xít rất quen làm ăn kiểu đó.

Một lát sau, anh đã ngáy. Riêng tôi, tôi ngủ không được. Câu chuyện tâm tình kỳ diệu này đã làm tôi xúc động thật là sâu sắc, vì câu chuyện vừa giản đơn mà vừa vĩ đại. Tôi nghĩ có lẽ đây chỉ là một truyện tiểu thuyết rất hay, nếu chính người trong truyện lại không ở tại đây, đang nằm ngủ bên tôi và nếu cặp chân giả của anh không nằm sóng sượt dưới đất ẩm ướt vì hơi sương, bóng dáng nổi rõ trong ánh sáng mờ mờ của ban mai...

Từ đó, tôi không gặp Alếchxây Mêrétxép nữa, và ở khắp những nơi mà chiến tranh tình cờ đã đưa tôi tới, tôi luôn luôn mang theo hai tập vở học trò trong đó tôi đã ghi được, trước Oren, thiên trường thiên tiểu thuyết kỳ lạ của người phi công ấy. Bao lần ngay giữa lúc chiến tranh, trong những giờ rảnh, và sau này nữa, khi tôi băng qua những nước Âu châu giải phóng, tôi đã bắt đầu viết lại truyện, nhưng mỗi lần, tôi phải ngừng lại, không viết được nữa, vì tất cả những gì tôi có thể viết được đều thật là nhạt nhẽo so với thực tế.

Và lần này, tại Nuyếche^[21], tôi có dịp được dự những phiên xử của Tòa án quân sự quốc tế. Cuộc thẩm vấn Hécman Gơrinh gần dứt. Bị dồn tới cùng trước những bằng chứng hùng hậu và trước những lời thẩm vấn của công tố viên Liên Xô, tên quốc xã số 2 của Đức đã phải đành lòng mà nghiêng răng kể rõ, trước tòa án, vì sao trong những chiến trận kinh thiên động địa đã diễn ra trên đất đai rộng lớn của tổ quốc ta, quân đội khổng lồ của bọn phát xít, tới đó chưa hề thất bại lần nào, lại đã phải tan vỡ trước sức đánh của Hồng quân Xô viết. Để chứng minh cho mình, Gơrinh ngược lên trời đôi mắt sâu buồn:

- Đó là ý muốn của Chúa.

Công tố viên Liên Xô Rudengô hỏi Gơrinh:

- Anh có thừa nhận rằng hèn mạt đem quân xâm lược Liên Xô bằng một cuộc tấn công đã đưa nước Đức xuống vực thẳm, anh đã phạm tội ác vô cùng to lớn không?

Gơrinh hạ cặp mắt đầy thù hận xuống, trả lời với một giọng khàn khàn:

- Là một tội ác, thì không phải, nhưng đó là một sai lầm tai hại. Tất cả những gì mà tôi có thể thừa nhận, là chúng tôi đã hành động một cách nông nổi, bởi vì, qua cuộc chiến tranh, chúng tôi mới thấy là có nhiều chuyện mà chúng tôi không biết, mà chúng tôi không ngờ tới nữa. Và nhất là chúng tôi không biết, chúng tôi không hiểu người Nga Xô viết. Những người đó đã và vẫn là những chuyện khó hiểu. Ngay cả cơ quan tình báo giỏi nhất của chúng tôi cũng không phát hiện được lực lượng chiến tranh thiệt của Liên Xô. Tôi không nói tới số đại bác, máy bay và chiến xa. Con số đó, chúng tôi biết được không xa sự thật là bao. Tôi cũng không nói tới sức mạnh và tính chất linh động của kỹ nghệ. Tôi muốn nói đến người cơ! Và người Nga luôn luôn là một sự khó hiểu đối với người ngoại quốc, Napôlêông^[22] cũng đã không hiểu. Chúng tôi chỉ là những kẻ đã lặp lại cái lỗi lầm của Napôlêông.

Ta tự hào khi được nghe những lời bị bắt buộc phải thú nhận như vậy đối với “chuyện khó hiểu về người Nga” và đối với “bí mật lớn về lực lượng chiến tranh” của Tổ quốc ta. Quả là ta có thể nghĩ rằng với tất cả những đức tính, tài năng, lòng can đảm và tinh thần hy sinh của mình, người Xô viết đã làm cho thế giới kinh ngạc trong cuộc chiến tranh này, thì cũng đã và vẫn quả thật là một “sự khó hiểu” tai hại đối với tất cả những kẻ loại Gơrinh.

Thật ra, làm sao cho những kẻ đã tưởng tượng ra cái lý luận đáng ghê tởm về “chủng tộc các chúa tể” Đức-quốc, có thể hiểu nổi tâm hồn và tinh thần cao cả của con người lớn lên trong xã hội xã hội chủ nghĩa! Tôi nghĩ ngay bấy giờ tới Alếchxây Marétxép^[23]. - Hình ảnh này tôi đã gần như quên, nay lại hiện ra trước mắt tôi với một sức hấp dẫn mãnh liệt trong gian phòng trang nghiêm, trần nhà bằng gỗ sến. Và, ngay ở đây, tại Nuyếche,

trong thành phố này là quê hương của chủ nghĩa phát xít, tôi cảm thấy cần phải viết lịch sử của một trong số hàng triệu người Xô viết đã tiêu diệt lục quân của Câyten^[24] và không quân của Gơrinh^[25], đã đánh đắm hạm đội của Rêđơ^[26], và đã dùng sức mạnh của mình tiêu diệt luôn cả Nhà nước tội phạm của Hítle.

Tại Nuyếche, tôi vẫn mang theo những cuốn vở tập bìa màu vàng, trên đó Marétxép đã tự tay viết: “Nhật ký công tác của phi đội ba”. Sau phiên tòa ra về, tôi thu thập những ghi chú cũ và lại bắt đầu viết, cố gắng thuật lại thực trung thành những điều đã nghe chính miệng Marétxép kể cho nghe.

Có nhiều việc tôi không ghi kịp ngay khi nghe, nhiều việc tôi đã quên mất sau bốn năm, nhiều việc vì đức tính khiêm tốn Marétxép không nói tới. Vì vậy, phải bố trí lại câu chuyện và bổ sung cho đầy đủ. Những hình ảnh bạn bè của anh, mà anh đã nói tới với bao nhiệt tình nhân đạo, bao hăng say trong đêm đó, đã phai mờ mất trong trí nhớ của tôi: bây giờ, phải sáng tạo lại. Vì không nhớ thật sát từng sự việc, nên tôi phải sửa đổi tên anh một chút và đặt tên mượn cho một số nhân vật anh đã gặp gỡ trên đường đời, đã giúp anh trong thử thách. Tôi mong các bạn đó bỏ qua, nếu các bạn ấy không nhận ra được mình nữa trong truyện tôi viết.

Tôi dùng nhan đề: Một Người chân chính đặt cho cuốn sách, bởi vì, thực tế, Alếchxây Marétxép quả là con người Xô viết chân chính, con người mà Hécman Gơrinh không bao giờ hiểu được, đến lúc chết một cách tủ nhục cũng vẫn không hiểu được, con người mà ngày nay, những kẻ muốn quên những bài học lịch sử và đang thăm mơ ước đi theo con đường của Napôlêông và Hítle vẫn chưa hiểu.

Cuốn Một Người chân chính đã ra chào đời như thế đó.

Khi cuốn sách đã viết xong và sắp được in ra, tôi muốn đưa cuốn sách cho vai chính trong chuyện coi trước khi phát hành. Nhưng trong vụn vặt đường miên man của cuộc chiến tranh, anh như đã biến đi không để lại dấu vết gì để tôi có thể tìm kiếm, và ngay cả những người bạn chung của chúng tôi trong ngành không quân và những cơ quan chính phủ mà tôi nhờ kiếm

giùm, cũng không giúp được tôi kiểm xem Alếchxây Pếtơrôvít Marétxép ở đâu.

Tiểu thuyết được đăng trong một tạp chí, lại đã được đem sắp xếp lại để phát thanh, thì, một buổi sáng nọ có người kêu điện thoại hỏi tôi. Một tiếng nói ồ ồ, giọng nam nhi chí khí, mà tôi nhớ mang máng như đã từng nghe, nhưng tôi đã quên đi rồi, nói:

- Tôi muốn gặp anh.
- Ai nói đó?
- Thiếu tá Vệ quốc Alếchxây Marétxép!

Vài giờ sau, vẫn với cử chỉ nhanh nhẹn và vui vẻ, ứa hoạt động, với dáng đi như một con gấu chỉ đôi chút khập khểnh, anh đã đến gần tôi. Bốn năm chiến tranh hầu như không biến đổi anh.

- Hôm qua, tôi đang đọc sách ở nhà, máy truyền thanh mở nhưng tôi không chú ý nghe. Bỗng mẹ tôi chạy lại, cảm động quá đổi vừa chỉ máy truyền thanh vừa nói: “Nghe này, con, nói tới con đó!”. Tôi nghe. Đúng rồi, đang nói tới tôi: buổi phát thanh được dành riêng để tường thuật câu chuyện của tôi. Tôi tự hỏi ai đã có thể viết ra câu chuyện này. Tôi chưa kể cho ai nghe cả. Nhưng rồi tôi sực nhớ tới cuộc gặp gỡ giữa chúng ta ở Oren, khi đó, suốt đêm, trong gian hầm trú ẩn, tôi đã làm cho anh mất ngủ vì các thứ chuyện của tôi... Tôi tự nghĩ thật là buồn cười, đã gần năm năm rồi... Nhưng buổi phát thanh xong, đài có nhắc tới tên tác giả và tôi quyết định kiểm tìm anh...

Anh cắt nghĩa cho tôi chuyện đó, cứ thẳng tuột như vậy, miệng nở rộng một nụ cười trong đó có cái gì như đôi chút e dè, vẫn nụ cười của anh Mêrétxép ngày trước.

Giống như mỗi lần hai anh quân nhân lâu ngày mới gặp nhau, chúng tôi nói tới chiến tranh, nói tới những sĩ quan mà hai người cùng quen biết, chúng tôi xúc động nhắc tới những đồng chí đã không được sống đến ngày chiến thắng.

Alếchxây Pếtơrôvít^[27] giống như xưa, vẫn ít muốn nói tới mình, nhưng anh cũng đã cho tôi biết rằng anh đã chiến đấu trên nhiều mặt trận, và

không phải là không có kết quả. Cùng với trung đoàn Vệ quốc của anh, anh đã tham gia chiến dịch năm 1943-1945. Sau cuộc gặp gỡ hồi đó, anh đã hạ thêm được ba máy bay nữa trên chiến dịch Oren. Rồi trong những cuộc chiến đấu ở các nước miền Bantích, anh lại ghi lên bảng danh dự của mình hai phi cơ địch nữa bị hạ. Tóm lại, anh đã bắt quân Đức phải trả lại rất đắt giá, bù lại hai cẳng cụt của anh. Chính phủ đã tặng anh ngôi sao Anh hùng Liên Xô.

Alếchxây Pếtơrôvít cũng nói chuyện với tôi về gia đình anh. Và tôi rất sung sướng đã viết một cuốn tiểu thuyết có hậu. Sau chiến tranh, anh đã cưới người đàn bà mà anh thương yêu, và vợ chồng đã có một cậu con trai đặt tên là Víchto. Bà mẹ của Marétxép đã dời Camisin đến ở với con, sung sướng vì hạnh phúc của con cái, và chính bà đang săn sóc cậu Marétxép nhỏ.

Tên của vai chính trong tiểu thuyết này, ngày nay ta thường đọc thấy trên báo chí. Người sĩ quan Liên Xô ấy, sau khi đã nêu cao những ấy tấm gương dũng cảm và cương quyết trong cuộc chiến đấu chống quân thù dám xâm phạm lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc Xô viết, thì nay đã trở nên một Chiến sĩ Hòa bình hăng hái.

Nhân dân lao động của Budapét cũng như ở Pơraha, ở Pari cũng như ở Luân đôn, ở Béclin cũng như ở Vácxava, đã nhiều lần nghe tiếng nói của anh trong những cuộc hội họp lớn và trong những cuộc mít tinh. Cuộc đời kỳ lạ của người chiến sĩ Liên Xô này nay được biết đến rất nhiều, ngay cả ngoài ranh giới của Tổ quốc anh. Ý nguyện cao quý đòi hỏi hòa bình càng đóng sâu chặt trong người anh, vì anh đã vượt một cách can đảm tất cả những thử thách khủng khiếp nhất trong chiến tranh.

Là con em của một dân tộc vĩ đại yêu chuộng tự do, Alếchxây Marétxép đấu tranh cho hòa bình cũng với nhiệt tình, với nhẫn nại và với tin tưởng vào thắng lợi, như anh đã đánh giặc và thắng giặc.

Như thế đó, hiện nay đang được tiếp diễn trong đời sống thực sự, cuốn tiểu thuyết mà tôi viết, khi tôi ở nước ngoài, về câu chuyện kỳ diệu của Alếchxây Marétxép, một người chân chính, một Người Xô viết.

Mátxcơva, ngày 28 tháng 11 năm 1950

VĨNH BIỆT “MỘT NGƯỜI CHÂN CHÍNH” ALÉCHXÂY MARESÉP

Năm 1944, nhà văn Xô viết nổi tiếng viết một phóng sự về Aléchxây Maresép. Trước khi đăng trên tờ “Sao đỏ”. Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang Liên Xô I.Xtalin đã đọc và ghi bên cạnh:

“Đồng chí B. Pôlêvôi, bài Đồng chí viết rất hay, song chưa nên công bố. Phương Tây đang tuyên truyền rằng người Nga đã kiệt sức phải đưa cả thương binh ra trận. Sau này Đồng chí hãy viết chi tiết hơn!”.

Theo sự chỉ đạo của Xtalin, hai năm sau Pôlêvôi đã viết cuốn “Chuyện một người chân chính” kể về phi công huyền thoại Maresép. Cuốn sách mau chóng trở thành một hiện tượng văn học và trở thành cuốn sách được nhiều người đọc nhất trong lịch sử phát hành sách trên thế giới. Cả ở trong và ngoài nước. “Chuyện một người chân chính” đã được tái bản 169 lần với 9.183 triệu bản, trong đó có 43 lần ở nước ngoài, được dịch ra 39 thứ tiếng. Ở Việt Nam chúng ta cuốn sách cũng từng là hành trang của nhiều thế hệ thanh niên ra mặt trận...

Aléchxây Pêtrôvis Marsép sinh năm 1916 trong một gia đình công nhân ở ngoại ô thành phố Vôngagrát. Năm 14 tuổi anh gia nhập Đoàn Thanh niên cộng sản Liên Xô, năm 18 tuổi xung phong đi lao động trên công trường đường Amua. Năm 21 tuổi Mêrétxép được động viên vào Hồng viên được đào tạo lái máy bay chiến đấu và 4 năm sau tốt nghiệp được phong hàm thiếu úy.

Ngày 22-6-1941, khi phát xít Đức tấn công Liên Xô, Maresép được đưa đến mặt trận Tây Nam chiến đấu, sau đó chuyển sang mặt trận Tây Bắc. Đến tháng 4/1942, anh đã hạ được 3 máy bay tiêm kích Đức.

Ngày 4-2-1942, máy bay anh bị bắn trọng thương phải hạ cánh khẩn gấp xuống một khu rừng nằm trong vùng địch. Hai bàn chân bị dập nát hoàn toàn. Maresép chỉ giữ lại khẩu súng lục để tự vệ, và bò về phía mặt trận Hồng quân. Anh cứ bò như vậy suốt 18 ngày đêm trong tình trạng mất nhiều máu, đói khát cùng cái rét của mùa đông Nga. Khoảng cách anh bò

được trong những ngày ấy lên đến gần 100 km, sức chịu đựng và nghị lực của Maresép quả là chưa từng có! Để tránh nguy cơ hoại thư có thể dẫn đến cái chết, các bác sĩ đã cắt cả hai chân anh phía trên mắt cá 20 cm và lắp chân giả với khao khát trở lại đội ngũ chiến đấu, Maresép bắt tay vào tập luyện, khôi phục sức khỏe. Trong suốt một năm trời sau đó, không thể kể hết những đau đớn về thể xác mà anh phải trải qua trong khi tập luyện. Đầu tiên đi nặng, sau đó bỏ nặng, tiếp đó là chạy 10 km mỗi ngày, khiêu vũ và thi đấu thể thao... Trước quyết tâm của anh, Bộ tư lệnh không quân đồng ý nhận anh trở lại. Sau khi được huấn luyện lại kỹ thuật lái, anh tham gia chiến đấu tại mặt trận “vòng cung Cuốcxơ”. Từ đó đến khi kết thúc chiến tranh, Maresép bắn rơi thêm 8 máy bay nữa, đưa tổng số máy bay địch bị anh hạ lên đến 11 chiếc, trong 86 trận không chiến.

Sau chiến tranh, anh còn ở lại quân ngũ một thời gian nữa. Trung tá Maresép từng là hiệu trưởng Trường đào tạo phi công quân sự ở ngoại ô Matxcơva. Sau khi xuất ngũ anh đi học đại học, tốt nghiệp Trường Đảng cao cấp thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô. Sau đó anh còn làm nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm khoa học xã hội Liên Xô và bảo vệ thành công luận án Phó tiến sĩ sử học. Năm 1956, ở Liên Xô thành lập Hội cựu chiến binh. Maresép được bầu làm Tổng thư ký và sau đó là Phó chủ tịch thứ nhất Hội. Anh được phong danh hiệu Anh hùng Liên Xô và được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước Xô viết. Ngày 18 tháng 5 năm 2001 vừa rồi, Tổng thống Nga Y. Pútín đã gửi điện mừng đến người phi công huyền thoại A.P. Maresép nhân dịp sinh nhật lần thứ 85 của ông.

Hiện A. Maresép sống cùng vợ, 2 con trai và các cháu nội ở Matxcơva. Hàng ngày, đúng 7 giờ sáng ông dậy tập thể dục, đi bộ 5 km ăn sáng và đúng 8h30 sáng ông đi bộ đến trung ương Hội Cựu chiến binh Liên bang Nga. Đúng 9 giờ sáng ông có mặt ở văn phòng, nơi một núi công việc đang chờ ông.

Nhìn dáng đi chắc chắn, đường vệ của ông, ít ai có thể nghĩ rằng từ hơn nửa thế kỷ nay ông đã đi trên hai chân giả. Nhìn mái tóc dày lượn sóng,

mới điểm bạc càng ít ai có thể nghĩ ông đã ở vào tuổi 85. Thời gian trôi đi, thời thế dù có thể thay đổi, song người dân trên quê hương và bạn bè của nước Nga vẫn luôn yêu mến, kính trọng ông. Ở đây chỉ có thể nói một điều: Nước Nga thật hạnh phúc đã sinh ra được những người con như Maresép. Với những người con như thế nước Nga không bao giờ bị khuất phục!.

TRỊNH VĂN QUÝ.

Theo “Sự thật” tin chúng tôi mới nhận được: Vào lúc 18h ngày 18 tháng 5 năm 2001, trong lúc chuẩn bị đi dự tổ chức sinh nhật của mình Alếchxây Maresép đã từ trần sau một cơn đau tim đột ngột. Vĩnh biệt “Một con người chân chính”.

[1]

Tức từ 1920 đến 1930 (chú thích của người dịch).

[2]

Theo một bức tranh của họa sĩ Vanétsóp (1848-1926) lấy đề tài là chiến trận của Igo chống lại quân Pôlôpsi.

[3]

Khăn choàng làm bằng da thú

[4]

Véc: đơn vị đo chiều dài của Liên-xô bằng gần một cây số

[5]

Ý nói sắp chết.

[6]

Cặp lồng (hộp đựng thức ăn).

[7]

Di-gan: Tên một du mục châu Âu, xuất phát từ Bô-hêm (Tiệp).

[8]

Thân mật chỉ Govôđép, mà tên riêng là Gorigôri.

[9]

Tức Hắc long giang.

[10]

Trường phái “tương lai chủ nghĩa” xuất hiện năm 1910 ở Ý, chủ trương cùng một lúc vẽ cả về hiện tại và tương lai. (chú thích của người dịch)

[11]

“Cửa sổ TASS” là chỉ những bản áp phích có vẽ tranh, với lời chú châm biếm của hãng Thông Tấn Liên Xô TASS phát hành thời chiến tranh (chú thích của tác giả)

[12]

Ý nói một thân hình mạnh và đẹp, theo điển tích Thánh kinh Gia tô.

[13]

Pao-luyt: tên viên nguyên soái Đức chỉ huy quân đội phát xít đức đánh Stalingrát

[14]

Tức Cúcúckin

[15]

Tên một nguyên soái Liên-xô, có tiếng giỏi về chỉ huy kỵ binh.

[16]

Tiếng lòng chỉ rượu mạnh.

[17]

Tiếng Đức: “Cẩn thận! cẩn thận!... La-5! Cẩn thận!”

[18]

Tiếng Đức: “Cẩn thận! cẩn thận!... La-5! Cẩn thận!”

[19]

Tên tay chân của Hítle, chuyên công tác quân sự, đặc biệt là đã xây dựng không quân phát xít Đức (chú thích của người dịch).

[20]

Gơben: tên tay chân của Hítle, chuyên công tác tuyên truyền (chú thích của người dịch)

[21]

Tên thành phố Đức, nơi đã xử tội phạm chiến tranh sau chiến tranh thế giới lần II (chú thích của người dịch)

[22]

Napôlêông: hoàng đế Pháp đã xâm lược nước Nga và đã thất bại đầu thế kỷ 19 (chú thích của người dịch)

[23]

Marétxép: tên thật của người mà tác giả gọi trong truyện là Mêrétxép (chú thích của người dịch)

[24]

Câyten: tổng chỉ huy quân đội phát xít Đức (chú thích của người dịch)

[25]

Tên tay chân của Hítle, chuyên công tác quân sự, đặc biệt là đã xây dựng không quân phát xít Đức (chú thích của người dịch).

[26]

Rêđơ: tổng chỉ huy hải quân phát xít Đức (chú thích của người dịch).

[27]

Tức Marétxép, cách gọi thân mật theo lối Nga (chú thích của người dịch)

Table of Contents

LỜI DỊCH GIẢ

LỜI TÁC GIẢ

LỜI TỰ THUẬT CỦA TÁC GIẢ

PHẦN THỨ NHẤT

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

PHẦN THỨ TƯ

KẾT CỤC

VĨNH BIỆT “MỘT NGƯỜI CHÂN CHÍNH” ALÉCHXÂY MARESEP

[1]

- [2]
- [3]
- [4]
- [5]
- [6]
- [7]
- [8]
- [9]
- [10]
- [11]
- [12]
- [13]
- [14]
- [15]
- [16]
- [17]
- [18]
- [19]
- [20]
- [21]
- [22]